

ISUZU

Trucks for life

CÔNG TY TNHH Ô TÔ ISUZU VIỆT NAM



695 Quang Trung, P.8, Q.Gò Vấp, Tp. HCM



(84-28)3 895 9203



/IsuzuVietnamCompany



www.isuzu-vietnam.com

HDSDFSERIES - 06-22022

SỔ TAY HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO DƯỠNG

ISUZU

GREENPOWER



Tìm hiểu thêm xe tải F-series



Truy cập vào website Isuzu

FVZ
FVM
FVR
FRR

Ký hiệu dùng trong tài liệu hướng dẫn này



NGUY HIỂM

Việc không tuân thủ các hướng dẫn có ký hiệu này có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng cho bạn và/hoặc người khác.



CẢNH BÁO

Việc không tuân thủ các hướng dẫn có ký hiệu này có thể dẫn đến cháy nổ bên trong xe, ngoài nguy cơ gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng cho bạn và/hoặc người khác.



THẬN TRỌNG

Việc không tuân thủ các hướng dẫn có ký hiệu này có thể dẫn đến thương tích hoặc tai nạn.



KHUYẾN CÁO

Việc không tuân thủ các hướng dẫn có ký hiệu này có thể khiến xe bị trục trặc hoặc hư hỏng.



LƯU Ý

Ký hiệu này thể hiện thông tin mà bạn cần biết.

Ký hiệu này cũng thể hiện thông tin hữu ích cho quá trình vận hành xe.

Dưới đây là những ký hiệu cũng được dùng trong tài liệu hướng dẫn này.

-  : Thiết bị tùy theo từng thị trường/loại xe (Xe của bạn có thể không có thiết bị có ký hiệu này.)
-  : Xe số sàn
-  : Xe được trang bị hệ thống Smoother
-  : Xe được trang bị hệ thống phanh khí nén – thủy lực
-  : Xe được trang bị hệ thống phanh khí nén hoàn toàn

Từ viết tắt

Tài liệu hướng dẫn này sử dụng các từ viết tắt sau, như được diễn giải bên dưới.

Từ viết tắt	Mô tả
A/C	Điều hòa không khí
ABS	Hệ thống chống bó phanh
ACEA	Association des Constructeurs Europeens d'Automobiles (Hiệp hội các Nhà sản xuất Ô tô châu Âu)
API	Viện Dầu mỏ Hoa Kỳ
ASR	Hệ thống kiểm soát lực kéo
ASTM	Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ
BS	Tiêu chuẩn Anh
DIN	Tiêu chuẩn Sản phẩm Công nghiệp Đức (Deutsche Industrie Normen)
DPD	Bộ lọc khí thải động cơ diesel (Diesel Particulate Defuser)
EBS	Hệ thống phanh điện tử
ECE	Ủy ban Kinh tế châu Âu
ELR	Bộ cuốn đai có khóa khẩn cấp
ESC	Hệ thống cân bằng điện tử
ETRTO	Tổ chức Kỹ thuật Lốp và Vành xe châu Âu
FMVSS	Tiêu chuẩn An toàn Phương tiện Cơ giới Liên bang
GCW	Tổng trọng lượng tối đa
GVW	Tổng trọng lượng của xe
HSA	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc
JASO	Cơ quan Tiêu chuẩn Phương tiện Cơ giới Nhật Bản
JATMA	Hiệp hội các Nhà sản xuất Lốp xe Nhật Bản
JIS	Tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản
PM	Vật chất dạng hạt
PTO	Bộ trích công suất
vòng/phút	số vòng quay mỗi phút
SAE	Hiệp hội Kỹ sư ô tô
SVS	Hãy sửa chữa xe ngay
TRA	Hiệp hội Vành và Lốp xe
VIN	Số khung

CÁCH SỬ DỤNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NÀY VÀ CÁCH TÌM CHỦ ĐỀ CỤ THỂ

0

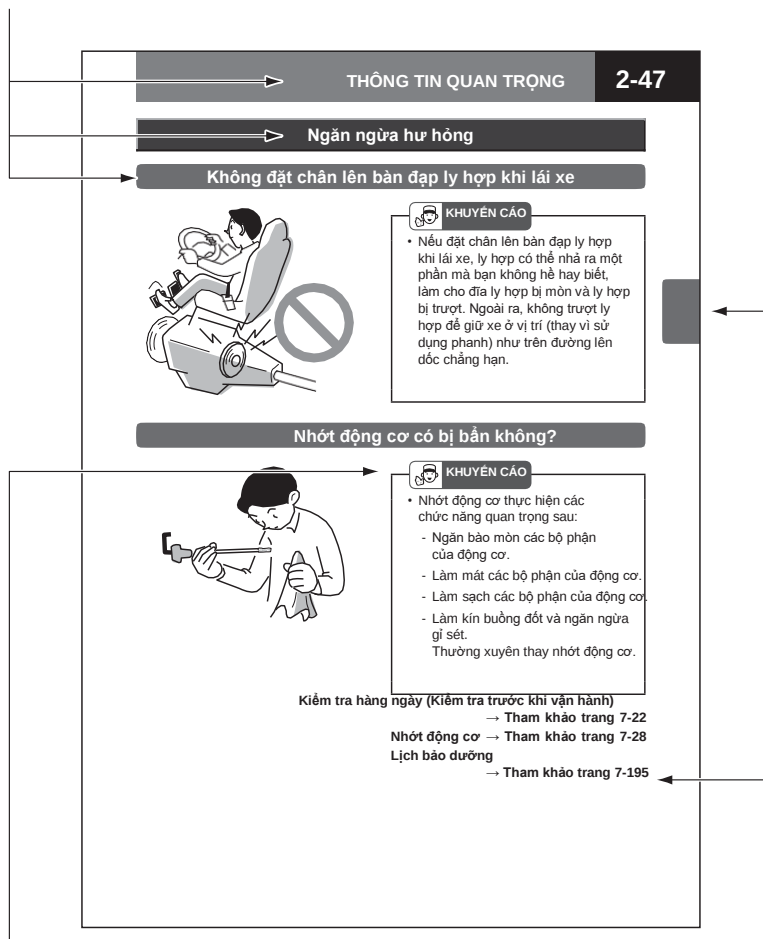
• CÁCH SỬ DỤNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NÀY	0-2
• CÁCH TÌM CHỦ ĐỀ CỤ THỂ	0-3
• CÁC CHƯƠNG TRONG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NÀY	0-5
• CHỈ MỤC THEO HÌNH	0-6
• CHỈ MỤC ĐÈN CẢNH BÁO/CHỈ BÁO	0-14
• NHÃN CẢNH BÁO/CHÚ Ý	0-17

Tiêu đề chương/mục

Những tiêu đề này giúp bạn nhanh chóng nắm bắt được ý chính của phần mô tả nội dung.

Tab số chương

Dùng công cụ này để di chuyển nhanh đến chương mà bạn muốn tìm.



NGUY HIỂM

CẢNH BÁO

KHUYẾN CÁO

THAM TRỌNG LƯU Ý

Ký hiệu

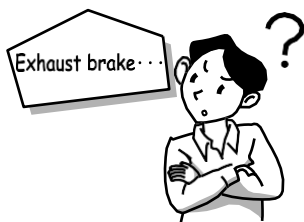
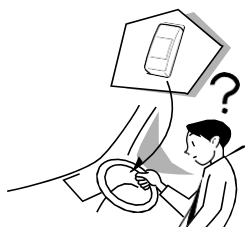
Xem trang trước để biết ý nghĩa của những ký hiệu này.

Trang tham khảo

Chuyển đến (các) trang liên quan đến chủ đề hiện tại trong tài liệu hướng dẫn này và các trang liên quan đến chủ đề bạn đang đọc mà bạn nên tham khảo.

Tất cả giá trị trong tài liệu hướng dẫn này chủ yếu được đưa ra theo Hệ thống đơn vị quốc tế (hoặc Hệ đo lường quốc tế) với giá trị hệ mét thông thường và giá trị theo hệ thống đơn vị Hoa Kỳ trong ngoặc đơn.

Lưu ý: Trang này chỉ là một ví dụ. Trang này không cung cấp thông tin cụ thể về xe của bạn.



Dùng tiêu đề chương/mục làm từ khóa

➔ Trang 0-5

Tìm trang mô tả chủ đề cụ thể bằng cách sử dụng mục lục chung trong phần CÁC CHƯƠNG TRONG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NÀY, SỐ CHƯƠNG và/hoặc MỤC LỤC ở trang đầu tiên của mỗi chương.

Dùng chỉ mục theo hình

➔ Trang 0-6 đến 0-13

CHỈ MỤC THEO HÌNH

Nếu không biết tên của công tắc hay thiết bị khác mà bạn cần thông tin, hãy xác định vị trí trang mô tả công tắc hoặc thiết bị đó bằng cách sử dụng chỉ mục theo hình.

Dùng tên thiết bị làm từ khóa

➔ Trang 10-1 đến 10-4

CHỈ MỤC

Nếu không biết tên của công tắc hay thiết bị khác mà bạn cần thông tin, hãy xác định vị trí trang mô tả công tắc hoặc thiết bị đó bằng cách sử dụng chỉ mục ở cuối tài liệu hướng dẫn này.

Dùng chỉ mục đèn cảnh báo/chỉ báo

➔ Trang 0-14 đến 0-16

CHỈ MỤC ĐÈN CẢNH BÁO/CHỈ BÁO

Nếu đèn cảnh báo hoặc đèn chỉ báo sáng, bạn có thể dùng CHỈ MỤC ĐÈN CẢNH BÁO/CHỈ BÁO để tìm trang cung cấp thông tin về đèn đó.

Nếu xe xảy ra sự cố

➔ Trang 8-2 đến 8-73

TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

0-4

CHỈ MỤC THEO HÌNH..... 0-6

THÔNG TIN XE 1

THÔNG TIN QUAN TRỌNG 2

Mô tả những thông tin bạn cần biết để có thể vận hành xe an toàn và êm ái.

CỬA, CỬA SỔ VÀ GHẾ 3

Hướng dẫn mở/đóng cửa, cửa sổ và nắp thùng nhiên liệu sao cho đúng cách.
Đồng thời hướng dẫn cách điều chỉnh gương và ghế, bao gồm cả cách thắt dây đai an toàn chính xác.

BỘ ĐIỀU KHIỂN VÀ ĐỒNG HỒ ĐO..... 4

Hướng dẫn cách khởi động và dừng động cơ; mô tả bộ điều khiển và các đồng hồ đo; mô tả thiết bị đặc biệt như Smoother và HSA.

HỆ THỐNG TIỆN NGHI 5

Cung cấp thông tin về hệ thống âm thanh, hệ thống điều hòa không khí và các tính năng tiện nghi khác.

MẸO VẬN HÀNH AN TOÀN VÀ ÊM ÁI ----- 6

Mô tả những điểm cần lưu ý để đảm bảo vận hành xe an toàn và êm ái trong điều kiện và mùa khác nhau.

BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG 7

Mô tả quy trình kiểm tra hàng ngày và định kỳ, cùng các thông tin thiết yếu khác về chăm sóc và bảo dưỡng xe để đảm bảo xe luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP 8

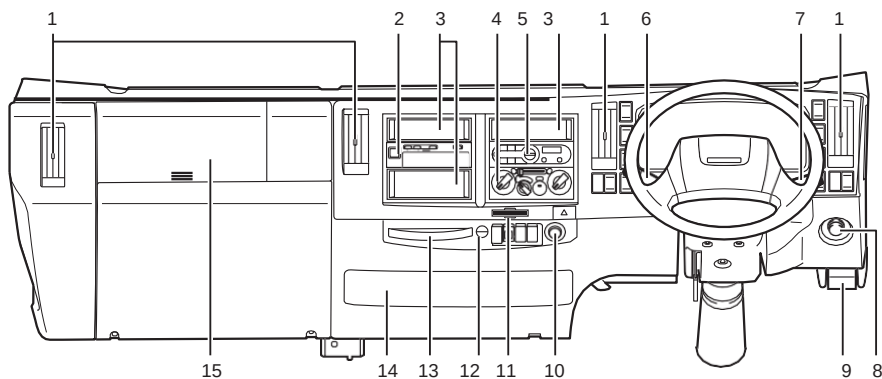
Liệt kê các tình huống khẩn cấp có thể xảy ra và mô tả những hành động cần thực hiện để đối phó với bất kỳ tình huống nào trong số đó.

DỮ LIỆU CHÍNH 9

CHỈ MỤC 10

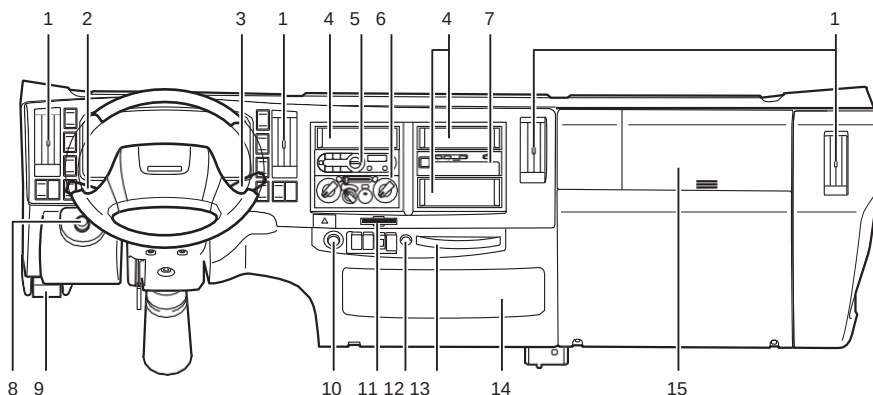
Nội thất

Tay lái bên phải



STT	Thiết bị	Trang	STT	Thiết bị	Trang
1	Cần điều chỉnh hướng gió	5-3	7	Công tắc điều khiển cụm đèn	4-50
2	☐ Đồng hồ tốc độ analog	4-13	8	Núm điều khiển nổ cảm chừng	4-48
	☐ Hộc đựng đồ cỡ nhỏ	5-22	9	Cần mở nắp capo	7-8
3	Hộc đựng đồ cỡ nhỏ	5-22	10	☐ Núm mỗi thuốc	5-17
4	☐ Quạt thông gió	5-4		☐ Ổ cắm phụ kiện	5-19
	☐ Hệ thống sưởi/điều hòa không khí thủ công/bộ làm mát	5-7	11	Khe giữ thẻ	5-22
5	☐ Radio AM/FM	5-32	12	Móc	5-27
	☐ Đầu đĩa CD (có radio AM/FM)	5-41	13	☒ Giá giữ ly	5-26
	Công tắc cần gạt mưa và rửa kính chắn gió	4-57	14	Hộp relay	8-46
6	Công tắc phanh khí xả	4-54	15	Ngăn đựng găng tay	5-23 5-24

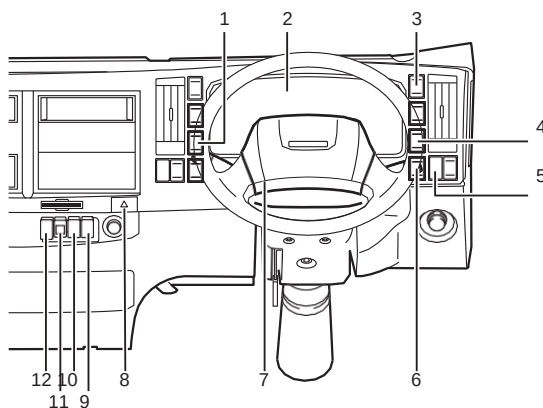
Tay lái bên trái



STT	Thiết bị	Trang
1	Cần điều chỉnh hướng gió	5-3
2	Công tắc điều khiển cụm đèn	4-50
3	Công tắc cần gạt mưa và rửa kính chắn gió	4-57
	Công tắc phanh khí xả	4-54
4	Hộc đựng đồ cỡ nhỏ	5-22
5	☐ Radio AM/FM	5-32
	☐ Đầu đĩa CD (có radio AM/FM)	5-41
6	☐ Quạt thông gió	5-4
	☐ Hệ thống sưởi/điều hòa không khí thủ	5-7

STT	Thiết bị	Trang
7	☐ Hộc đựng đồ cỡ nhỏ	5-22
	☐ Đồng hồ tốc độ analog	4-13
8	Núm điều khiển nổ cầm chừng	4-48
9	Cần mở nắp capo	7-8
10	☐ Núm mùi thuốc	5-17
	☐ Ổ cắm phụ kiện	5-19
11	Khe giữ thẻ	5-22
12	Móc	5-27
13	☐ Giá giữ ly	5-26
14	Hộp relay	8-46
15	Ngăn đựng găng tay	5-23 5-24

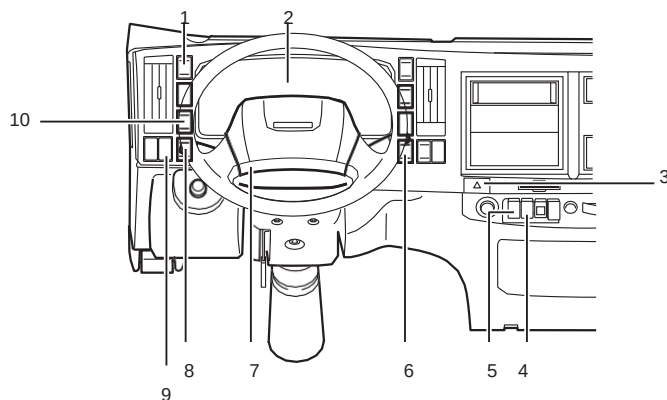
Tay lái bên phải



STT	Thiết bị	Trang
1	☐ Công tắt DPD	4-128
	☐ Công tắt TẮT HSA	4-92
2	Đồng hồ đo, đèn cảnh báo và đèn chỉ báo	4-10 4-18
3	☐ Công tắt TẮT ESC	4-109
4	☐ Công tắt đèn sương mù trước	4-53
5	☐ Công tắt khóa vi sai trung tâm	4-56
6	☐ Công tắt điều chỉnh góc chiếu đèn đầu	4-52

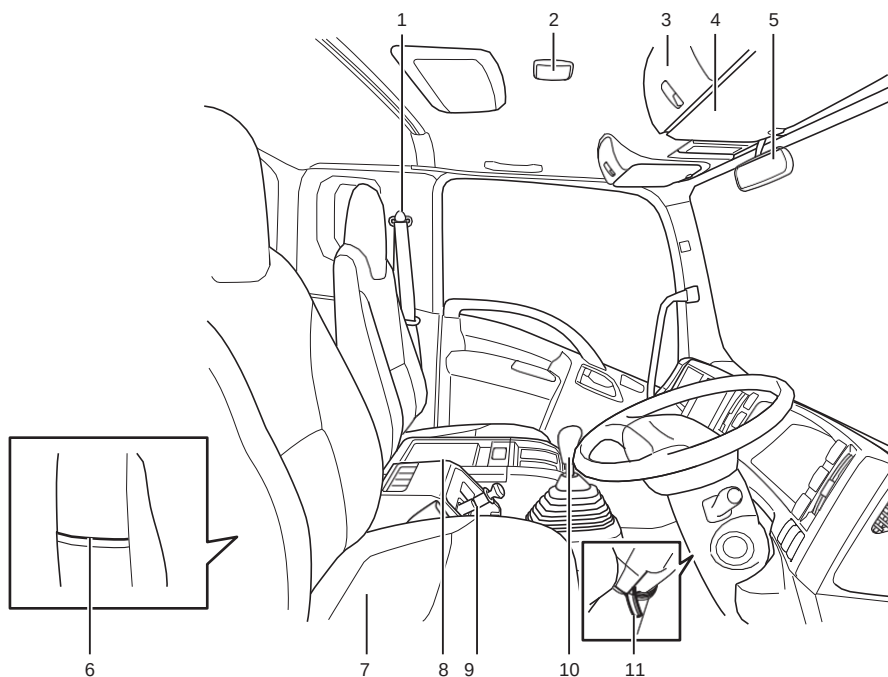
STT	Thiết bị	Trang
7	Nút nhấn còi	4-59
8	Công tắt báo nguy	4-54
9	☐ Công tắt PTO	4-122
10	Ổ cắm USB	5-20
11	☐ Công tắt điều chỉnh HSA	4-93
12	☐ Công tắt đặt lại HSA	4-98
	☐ Công tắt khăn cấp Smoother	4-87

Tay lái bên trái



STT	Thiết bị	Trang
1	☒ Công tắt TẮT ESC	4-109
2	Đồng hồ đo, đèn cảnh báo và đèn chỉ báo	4-10 4-18
3	Công tắt báo nguy	4-54
4	Ổ cắm USB	5-20
5	☒ Công tắt PTO	4-122

STT	Thiết bị	Trang
6	☒ Nút điều khiển độ sáng của bảng táp lô	4-59
7	Nút nhấn còi	4-59
8	☒ Công tắt điều chỉnh góc chiếu đèn đầu	4-52
9	☒ Công tắt khóa vi sai trung tâm	4-56
10	☒ Công tắt đèn sương mù trước	4-53

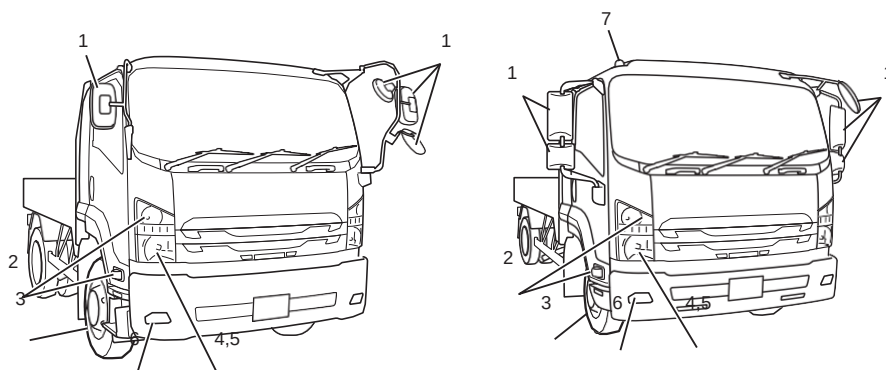


STT	Thiết bị	Trang
1	Dây đai an toàn	3-24
2	Đèn trần	5-16
3	Ngăn để đồ bên trên	5-25
4	Tấm che nắng	5-17
5	Gương chiếu hậu trong xe	3-21
6	Túi đựng đồ sau ghế (phía người lái)	5-21

STT	Thiết bị	Trang
7	Ghế	3-12
8	☐ V Hộp đựng đồ trung tâm	5-24
9	Cần phanh tay	4-63
10	Cần sang số	4-66
11	Vô lăng điều chỉnh được hoàn toàn	3-20

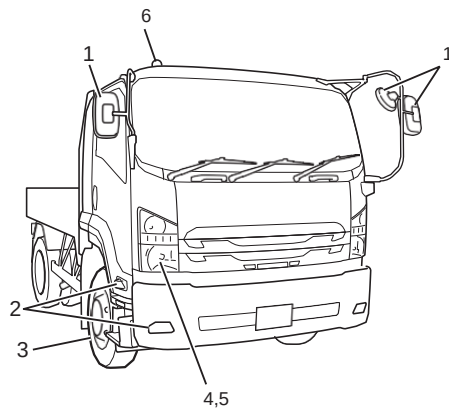
Ngoại thất

Model FVR/FVM/FVZ có đèn đầu gắn trong cabin, ngoại trừ model FRR/FTR dành cho Indonesia



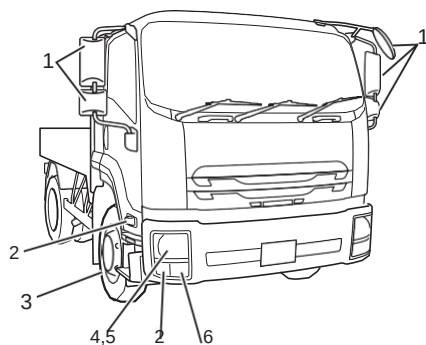
STT	Thiết bị	Trang	STT	Thiết bị	Trang
1	Gương chiếu hậu bên ngoài	3-22	5	Đèn kích thước	8-29
2	Đèn tín hiệu	8-29	6	☐ Đèn sương mù trước	8-29
3	Bánh xe và lốp xe	7-87	7	☐ Đèn hiệu chiều rộng xe phía trước	8-29
4	Đèn đầu	8-29			

Model FVR/FVM/FVZ/GVR/GVZ có đèn đầu gắn trên cabin dành cho Indonesia



STT	Thiết bị	Trang	STT	Thiết bị	Trang
1	Gương chiếu hậu bên ngoài	3-22	4	Đèn đầu	8-29
2	Đèn tín hiệu	8-29	5	Đèn kích thước	8-29
3	Bánh xe và lốp xe	7-87	6	Đèn hiệu chiều rộng xe phía trước	8-29

Model FVR/FVM/FVZ có đèn đầu gắn vào cản trước



STT	Thiết bị	Trang
1	Gương chiếu hậu bên ngoài	3-22
2	Đèn tín hiệu	8-29
3	Bánh xe và lốp xe	7-87

STT	Thiết bị	Trang
4	Đèn đầu	8-29
5	Đèn kích thước	8-29
6	Đèn sương mù trước	8-29

Chỉ mục đèn cảnh báo/chỉ báo

Bảng táp lô

Đèn cảnh báo

Tên	Biểu tượng	Màu sắc	Trang
Đèn cảnh báo kiểm tra động cơ		Hồ phách	4-30
Đèn cảnh báo áp suất nhớt động cơ		Đỏ	4-29
Đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ		Đỏ	4-28
☐ Đèn cảnh báo ABS		Hồ phách	4-22
Đèn cảnh báo máy phát điện		Đỏ	4-29
☐ SA Đèn cảnh báo Smoother		Hồ phách	4-39
Đèn cảnh báo áp suất khí nén (loại 1)		Đỏ	4-22
Đèn cảnh báo áp suất khí nén (loại 2)		Đỏ	4-22
Đèn cảnh báo bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu)		Đỏ	4-31
Đèn cảnh báo phanh tay		Đỏ	4-35
Đèn cảnh báo ABS rò-moóc		Hồ phách	4-23
☐ Đèn cảnh báo thắt dây đai an toàn		Đỏ	4-21

Tên	Biểu tượng	Màu sắc	Trang
☐ Đèn cảnh báo áp suất khí nén phụ trợ thấp		Hồ phách	4-37
Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp		Hồ phách	4-32
Đèn cảnh báo ESC		Hồ phách	4-26
☐ Đèn cảnh báo nâng cabin		Đỏ	4-32
☐ Đèn cảnh báo hệ thống phanh		Đỏ	4-21
☐ Đèn cảnh báo phanh		Hồ phách/ Đỏ	4-24
☐ Đèn cảnh báo phanh rơ-móc		Đỏ	4-36

Đèn chỉ báo

Tên	Biểu tượng	Màu sắc	Trang
☐ Đèn chỉ báo HSA		Xanh lá cây	4-36
☐ Đèn chỉ báo ABS rơ-móc		Hồ phách	4-23
Đèn chỉ báo đèn pha		Xanh dương	4-34
Đèn chỉ báo phanh khí xả		Xanh lá cây	4-35
☐ Đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm		Hồ phách	4-37
Đèn nhấp nháy chỉ báo xi nhan và cảnh báo nguy hiểm – trái		Xanh lá cây	4-34

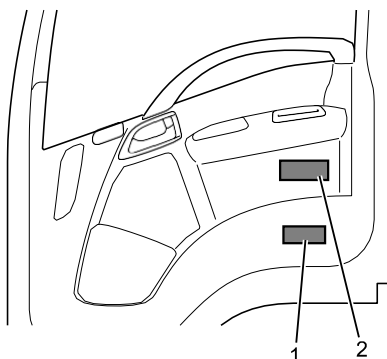
Tên	Biểu tượng	Màu sắc	Trang
Đèn nhấp nháy chỉ báo xi nhan và cảnh báo nguy hiểm – phải		Xanh lá cây	4-34
☐ Đèn chỉ báo bugi xông		Hồ phách	4-33
☐ Đèn chỉ báo SVS		Hồ phách	4-30
☐ Đèn chỉ báo PTO		Đỏ	4-37
☐ Đèn chỉ báo vị trí dây số thấp		Xanh lá cây	4-38
☐ Đèn chỉ báo TẮT ESC		Hồ phách	4-27
☐ SA Đèn chỉ báo chế độ ECONO	ECONO	Xanh lá cây	4-38
☐ SA Đèn chỉ báo chế độ khởi động lần thứ 1	1 ST START	Xanh lá cây	4-38
☐ V Đèn chỉ báo làm sạch tự động	 AUTO	Xanh lá cây	4-40
☐ SA Đèn chỉ báo làm sạch thủ công	 MANUAL	Hồ phách	4-40

Nhãn cảnh báo/chú ý trên xe

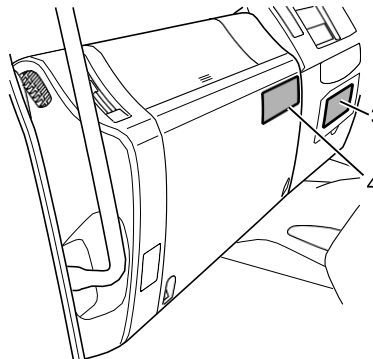
- Nhãn cảnh báo/chú ý trên xe cung cấp các hướng dẫn và thông tin đặc biệt quan trọng mà bạn cần tuân thủ để đảm bảo sử dụng xe an toàn và đúng cách. Đừng quên đọc nhãn trước khi sử dụng xe.
- Nếu nhãn nào bị bong tróc hoặc không đọc được do bị mòn hoặc trầy xước, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu của bạn để được thay thế.
- Các nhãn cảnh báo/chú ý này chỉ liên quan đến xe, không liên quan đến bất kỳ phần lắp đặt bổ sung nào. Nếu xe của bạn có thân xe đặc biệt, hãy xem hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất thân xe để biết các nhãn cảnh báo/chú ý nếu có.
- Một số ví dụ về nhãn cảnh báo/chú ý được trình bày tại các trang sau, nhưng nhiều ví dụ khác không được đưa ra. Ngoài ra, nội dung của các nhãn này có thể khác nhau tùy theo từng model.
- Nhãn cảnh báo/chú ý có thể được dán tại các vị trí khác nhau trên xe.

Nhãn cảnh báo/chú ý – Bên trong cabin

Cửa phía tài xế

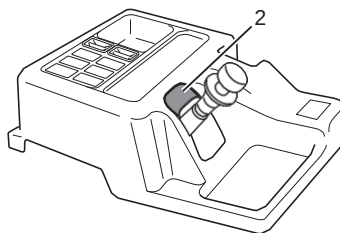
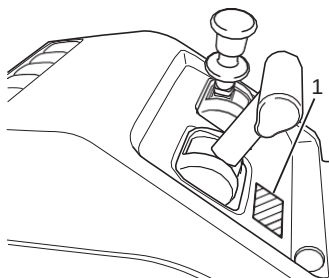


Bảng điều khiển



1	Hộc cửa xe
2	☒ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA)
3	Cầu chì và relay
4	☒ Ví sai không xoay

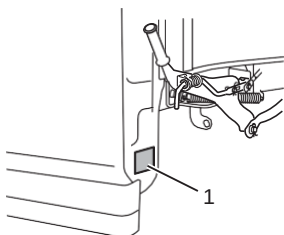
Bảng điều khiển trung tâm



1	☒ Phanh tay rơ-móc
2	☒ Phanh tay bánh xe

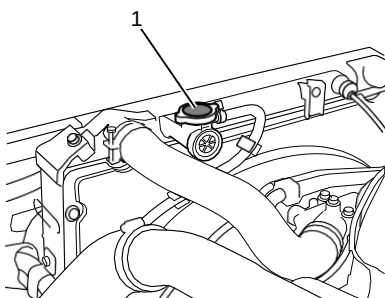
Nhãn cảnh báo/chú ý – Bên ngoài cabin

Bên trái phía sau cabin



- | | |
|---|---------------------|
| 1 | Hệ thống nâng cabin |
|---|---------------------|

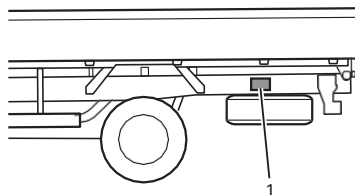
Nhãn cảnh báo/chú ý – Khoang động cơ



- | | |
|---|--------------|
| 1 | Nắp két nước |
|---|--------------|

Nhãn cảnh báo/chú ý – Khung xe

Đuôi xe



1



Bánh xe dự phòng



THÔNG TIN XE

1

- Số khung (VIN) và Số máy

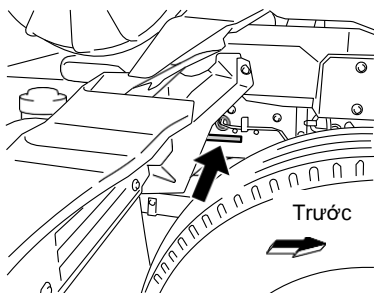
1-2

Số khung (VIN) và Số máy

Số VIN và số máy là những thông tin cần thiết để đăng ký xe. Đây cũng là thông tin cần thiết để xe của bạn được kiểm tra chính thức. Hãy cung cấp cho Đại lý Isuzu của bạn những thông tin này khi bạn sửa xe hoặc đặt mua phụ tùng thay thế. Đại lý sẽ có thể thực hiện các công việc được yêu cầu một cách hiệu quả và nhanh chóng hơn.

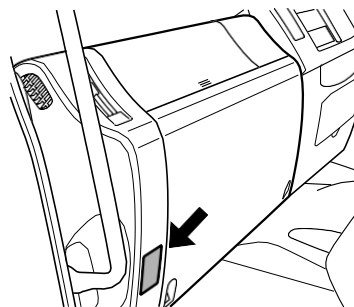
VIN

Vị trí số VIN trên khung xe



Số VIN được dập trên phần trước bên phải của khung xe.

Bảng ID



Bảng ID nằm ở phần dưới của bảng điều khiển để cung cấp số VIN cùng các thông tin khác như mã tùy chọn.



KHUYẾN CÁO

- Vị trí của bảng ID có thể khác nhau tùy thuộc vào thị trường. Để biết thêm chi tiết, hãy hỏi Đại lý Isuzu của bạn.

Bạn có thể xác định model xe, model động cơ và nhiều thông tin khác qua số VIN dập trên khung xe hoặc bảng ID.

J	A	L	F	V	R	3	4	L	M	7	0	0	0	0	1
1			2			3		4	5				6		

Phần	Mô tả
1	Mã nhận dạng nhà sản xuất ô tô toàn cầu (WMI)
2	Mã model xe FRR/FTR/FVR: Xe tải 4 × 2 FVZ: Xe tải 6 × 4 FVM: Xe tải 6 × 2 GVR: Xe đầu kéo 4 × 2 GVZ: Xe đầu kéo 6 × 4
3	Mã động cơ 34: Động cơ 6HK1 60: Động cơ 6NX1 90: Động cơ 4HK1
4	Mã chiều dài cơ sở
5	Mã năm ra mắt model M: Model 2021 N: Model 2022 P: Model 2023 R: Model 2024 S: Model 2025
6	Mã khung xe

**KHUYẾN CÁO**

- Cách diễn giải số VIN có thể khác nhau tùy thuộc vào thị trường. Để biết thêm chi tiết, vui lòng hỏi Đại lý Isuzu của bạn.

Mã tùy chọn

Bảng ID cũng cung cấp các mã tùy chọn. Đây là mã ba chữ số gồm cả chữ và số, mỗi mã được gán cho một bộ phận cụ thể của xe.

Bạn sẽ có thể sử dụng mã này để xác định model hoặc loại động cơ, hệ thống phanh hoặc các bộ phận khác khi xe của bạn cần kiểm tra và các dịch vụ bảo dưỡng khác.

Mã tùy chọn	Động cơ
RDV	4HK1-TCC
RJS	4HK1-TCS
80L	6HK1-TCS
82L	6HK1-TCN
1E7	6NX1-TCR

Mã tùy chọn	Hộp số
RSA	Model MZZ6W
RSV	Model MZZ6N
RSZ	Model MZW6P
Y5N	Model ES11109
Y6H	Model ES9306A

Mã tùy chọn	Hệ thống phanh
Z05	Hệ thống phanh khí nén – thủy lực
Z06	Hệ thống phanh khí nén hoàn toàn

Mã tùy chọn	Cầu sau và truyền động cuối
W1H	14,5 inch, tỷ số truyền: 5,571 (39/7)
W1Q	15,5 inch, tỷ số truyền: 6,833 (41/6)
W1T	15,5 inch, tỷ số truyền: 6,500 (39/6)
W1U	14,5 inch, tỷ số truyền: 4,875 (39/8)
W3B	16,5 inch, tỷ số truyền: 5,571 (39/7)

Mã tùy chọn	Cầu sau và truyền động cuối
W3D	18,5 inch, tỷ số truyền: 4,875 (39/8)
W3E	18,5 inch, tỷ số truyền: 5,429 (38/7)
W3F	18,5 inch, tỷ số truyền: 6,167 (37/6)
W3L	16,5 inch, tỷ số truyền: 6,143 (43/7)
W3M	18,5 inch, tỷ số truyền: 5,125 (41/8)
W3Q	18,5 inch, tỷ số truyền: 5,857 (41/7)
W3X	17,5 inch, tỷ số truyền: 6,429 (45/7)
W3Y	17,5 inch, tỷ số truyền: 6,143 (43/7)
W3Z	17,5 inch, tỷ số truyền: 5,571 (39/7)
W4A	17,5 inch, tỷ số truyền: 5,125 (41/8)
W4B	17,5 inch, tỷ số truyền: 4,875 (39/8)
W4C	17,5 inch, tỷ số truyền: 4,556 (41/9)
W4E	13,5 inch, tỷ số truyền: 5,125 (41/8)
W4F	14,5 inch, tỷ số truyền: 5,125 (41/8)
W4R	17,5 inch, tỷ số truyền: 4,333 (39/9)
W5L	17,5 inch, tỷ số truyền: 4,100 (41/10)

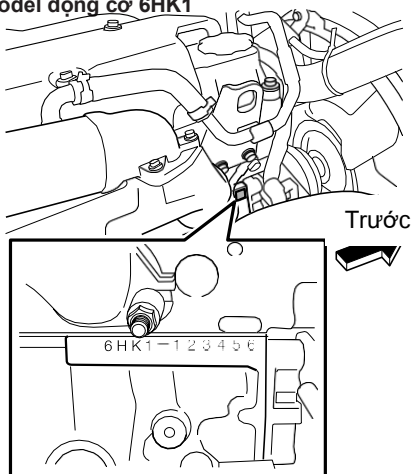
Mã tùy chọn	Bộ phận khác	Mã tùy chọn	Bộ phận khác
C5L	PTO – gắn vào phía hộp số (model tốc độ cao)	8GF	Có hệ thống Smoother
SH5	PTO – gắn vào phía hộp số	K44	Máy phát điện 24V-90A
6SZ	PTO – gắn vào bánh đà	K89	Máy phát điện 24V-50A
		KG2	Máy phát điện 24V-60A

**KHUYẾN CÁO**

- Có rất nhiều mã tùy chọn khác ngoài những mã nêu trên. Để biết thông số kỹ thuật chi tiết của xe, vui lòng hỏi Đại lý Isuzu của bạn.

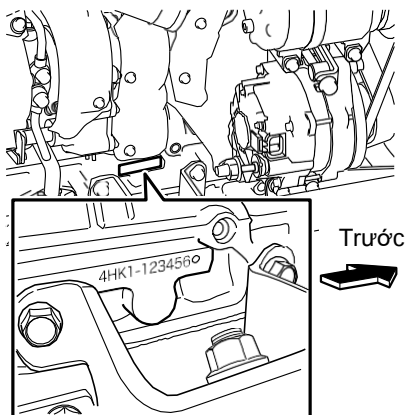
Số máy

Model động cơ 6HK1



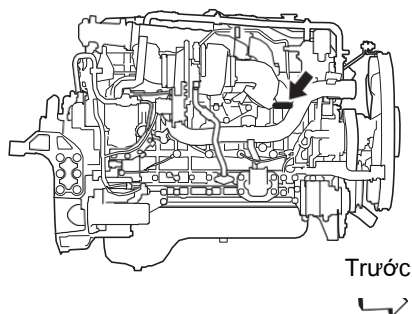
Số máy được dập ở vùng trên cùng bên phải của thân máy.

Model động cơ 4HK1



Số máy được dập ở bên phải thân máy.

Model động cơ 6NX1



Số máy được dập ở vùng trên cùng bên phải của thân máy.

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

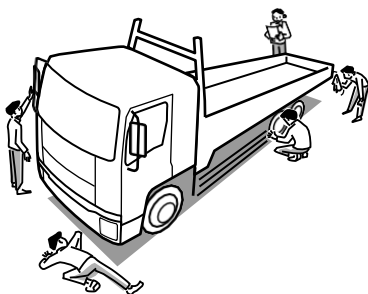
2

• Trước khi lái xe	2-2
• Chờ theo trẻ em	2-16
• Lái xe	2-18
• Model hộp số sàn ES11109 ☐ V	2-32
• Model có hệ thống Smoother ☐ SA	2-32
• Dừng xe và đỗ xe	2-36
• Giữ an toàn	2-42
• Ngăn ngừa hư hỏng	2-47
• Trường hợp cần mang xe đến Đại lý Isuzu	2-49
• Bộ xúc tác oxy hóa khí xả ☐ V	2-52
• Bộ lọc khí thải động cơ diesel (DPD) ☐ V	2-54
• Thu thập dữ liệu xe	2-57
• Turbo tăng áp	2-57
• Cam kết tuân thủ UN R13 (ECE R13)	2-57

Chương này cung cấp thông tin và cảnh báo mà bạn nên tuân thủ để đảm bảo vận hành xe an toàn và thoải mái. Đừng quên đọc chương này trước khi sử dụng xe.

Trước khi lái xe

Thực hiện kiểm tra (trước khi vận hành) hàng ngày



KHUYẾN CÁO

- Để đảm bảo lái xe an toàn và thoải mái, hãy ghi lại quãng đường đã đi và tình trạng của xe trong quá trình vận hành. Thực hiện kiểm tra theo tần suất phù hợp và bảo dưỡng xe theo kết quả kiểm tra. Nếu phát hiện điểm bất thường trong quá trình kiểm tra hoặc thấy dấu hiệu bất thường trong lần lái xe trước đó, hãy yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn sửa chữa trước khi tiếp tục lái.

[1. Kiểm tra bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần lái xe trước]

Hạng mục kiểm tra	Trang tham khảo
Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần vận hành trước	7-24

[2. Kiểm tra trong khi mở nắp capo hoặc nâng cabin]

Hạng mục kiểm tra	Trang tham khảo
Dây đai quạt bị lỏng hoặc hư hỏng	7-53
Mức nước rửa kính chắn gió	7-164
Mức nhớt động cơ	7-29
Mức dầu trợ lực lái	7-147
Mức dầu trợ lực ly hợp MT	7-118

[3. Kiểm tra ghế lái]

Hạng mục kiểm tra	Trang tham khảo
Hoạt động của đồng hồ, thước đo và đèn cảnh báo/chỉ báo	4-10, 4-18
Khả năng khởi động của động cơ, tiếng ồn bất thường và màu sắc của khí thải	7-26
Độ rơ tự do của bàn đạp phanh	7-78
Âm thanh xả từ van phanh	7-78
Mức tăng áp suất khí	7-76
Hành trình cần phanh tay	7-79
Tình trạng phun nước rửa kính chắn gió và hiệu quả của cần gạt mưa	7-164, 7-165
Vị trí lái và độ rơ tự do	3-20, 7-148
Hoạt động của còi và đèn tín hiệu	4-51, 4-59
Mức nhiên liệu	4-17
Hoạt động của khóa cửa	3-4, 3-6
Đèn cảnh báo bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu)	4-31

[4. Kiểm tra khi đi quanh xe]

Hạng mục kiểm tra	Trang tham khảo
Đèn chiếu sáng, đèn nhấp nháy, đèn bị bẩn hoặc đèn hư hỏng	7-168
Mức nước làm mát động cơ	7-42
Mức nhớt ắc quy	7-174
Mức dầu trợ lực phanh ABS	7-72
Nước tích tụ trong bình khí	7-117
Hư hỏng nhíp lá	—
Rò rỉ nhớt, nước làm mát động cơ, nhiên liệu, dầu trợ lực phanh hoặc dầu trợ lực lái	—

[5. Kiểm tra bánh xe và lốp xe]

Hạng mục kiểm tra	Trang tham khảo
Áp suất khí	7-87
Vết nứt và các hư hỏng khác	7-89
Mòn bất thường	7-89
Độ sâu gai lốp	7-89
Tình trạng lắp mâm bánh xe	7-90, 7-91

[6. Kiểm tra khi lái xe]

Hạng mục kiểm tra	Trang tham khảo
Hiệu quả của phanh	7-78
Kiểm tra động cơ ở tốc độ chậm và khi tăng tốc	7-27
Chức năng hệ thống ly hợp MT	7-121

Sử dụng nhiên liệu quy định



THẬN TRỌNG

- Chỉ được sử dụng nhiên liệu diesel. Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro IV, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (từ 50 ppm trở xuống) hoặc nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống).
Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro V, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống).
Nếu bạn sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cao, nhiên liệu kém chất lượng, phụ gia tách nước hoặc các chất phụ gia khác, xăng, dầu hỏa hoặc nhiên liệu gốc cồn, chúng có thể gây hại cho bộ lọc nhiên liệu, ngăn cản các bộ phận được bôi trơn trong kim phun hoạt động chính xác và ảnh hưởng xấu đến các bộ phận của động cơ, có thể dẫn đến hư hỏng. Nếu bạn vô tình đổ nhầm nhiên liệu vào bình, hãy xả hết nhiên liệu đó ra ngoài.
Khởi động động cơ bằng nhiên liệu đổ nhầm trong bình có thể gây cháy và làm hỏng động cơ.
- Việc sử dụng nhiên liệu diesel không phải loại có hàm lượng lưu huỳnh thấp hoặc cực thấp cho model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro IV hoặc Euro V có thể làm cho xe không đáp ứng các yêu cầu pháp lý của địa phương.
- Từ từ mở nắp bình nhiên liệu. Nếu mở nhanh, nhiên liệu có thể trào ra.



LƯU Ý

- Các thông số kỹ thuật của nhiên liệu diesel sẽ khác nhau tùy theo khí hậu và khu vực.

Bình nhiên liệu

→ Tham khảo trang 3-10

Nhiên liệu

→ Tham khảo trang 6-22

Sử dụng trạm nhiên liệu tự phục vụ**CẢNH BÁO**

[Tuyệt đối tuân thủ các hướng dẫn khi tiếp nhiên liệu cho xe]

- Dừng động cơ, đóng các cửa và cửa sổ.
- Để thuốc lá và các nguồn lửa khác cách xa xe.
- Trước khi mở nắp bình nhiên liệu, hãy chạm vào một vật bằng kim loại để giải phóng tĩnh điện khỏi cơ thể. Nếu bạn có tĩnh điện trên người khi đang tiếp nhiên liệu cho xe, tia lửa điện do giải phóng tĩnh điện có thể đốt cháy nhiên liệu, dẫn đến bỏng.
- Khi tiếp nhiên liệu, hãy đặt vòi phun sâu vào bình nhiên liệu. Nếu bạn cố gắng đổ thêm nhiên liệu bằng cách rút vòi phun ra khỏi bình nhiên liệu, nhiên liệu có thể tràn ra ngoài và gây nguy hiểm.
- Tất cả các bước trong quy trình tiếp nhiên liệu (từ khi mở nắp bình nhiên liệu đến khi tiếp nhiên liệu xong và đóng nắp bình nhiên liệu) phải do cùng một người thực hiện. Những người khác có thể đang mang tĩnh điện. Không cho phép họ đến gần người tiếp nhiên liệu.
Người thực hiện quy trình tiếp nhiên liệu không được quay lại ghế ngồi trong cabin trong suốt quá trình tiếp nhiên liệu. Làm như vậy có thể tích thêm tĩnh điện cho người đó.
- Không sử dụng bất kỳ nắp bình nhiên nào không phải phụ tùng chính hãng của Isuzu.
- Tuân thủ tất cả cảnh báo tại trạm xăng.

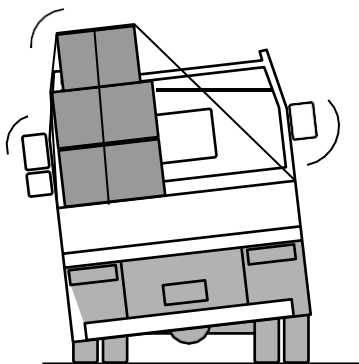
**THẬN TRỌNG**

[Lưu ý khi tiếp nhiên liệu cho xe]

- Chú ý không hít hơi nhiên liệu khi tiếp nhiên liệu cho xe.

Bình nhiên liệu → Tham khảo trang 3-10

Chất hàng hóa đúng cách

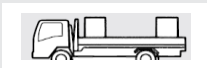
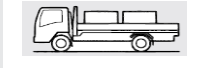
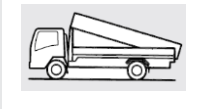
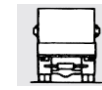
**CẢNH BÁO**

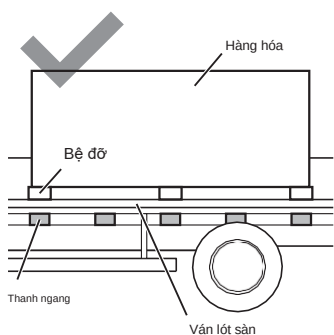
- Chất hàng quá tải có thể gây tai nạn vì tạo ra ứng suất quá lớn lên các bu lông bánh xe khiến chúng bị vỡ và bánh xe bung ra.

**THẬN TRỌNG**

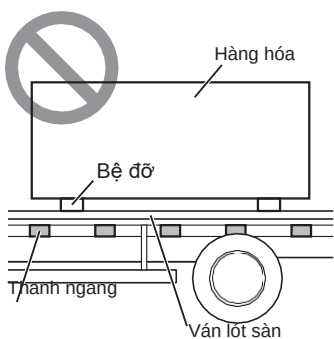
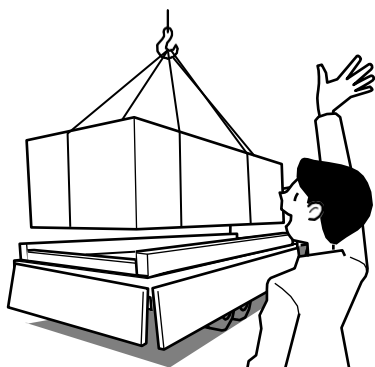
- Việc chất hàng quá tải lên xe hoặc chất hàng lệch về một bên là cực kỳ nguy hiểm. Chất hàng lên xe đúng cách, tuân thủ tải trọng tối đa.
- Chất hàng không đúng cách có thể khiến hàng hóa không chắc chắn. Điều này cũng có thể gây ra tình trạng quá tải tập trung tại một khu vực nhỏ, dẫn đến hư hỏng thùng xe và khung xe.
- Chất hàng quá tải sẽ tạo ra ứng suất quá lớn lên các bộ phận của xe. Điều này có thể làm giảm tuổi thọ của xe và gây tai nạn.

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Lưu ý khi chất hàng	Sai	Đúng
Không chất hàng hóa ở mỗi phía trước hoặc ở mỗi phía sau. Phân bổ hàng hóa sao cho đồng đều.		
Khi sử dụng bệ đỡ dưới hàng hóa, hãy đặt chúng đồng loạt dọc theo hàng hóa.		
Tuyệt đối không được để hàng hóa dài nhô ra ngoài mép sau của thùng xe. Thay vào đó, hãy sử dụng bệ đỡ để nâng hàng lên theo một góc. Tránh đỡ hàng bằng mỗi khung bảo vệ phía trước và mép sau của thùng xe.		
Sử dụng dây thừng và bạt cố định hàng hóa để hàng hóa không bị rơi ra khỏi thùng xe. Sử dụng dây cao su hoặc dây bungee để ngăn gió thổi bay bạt.		
Tránh xếp hàng hóa quá cao. Điều này có thể khiến xe bị lật ngang khi gió thổi vào hai bên xe và khi quay xe.		

**KHUYẾN CÁO**

- Khi sử dụng bệ đỡ dưới hàng hóa, hãy đặt bệ đỡ lên trên các thanh ngang. Nếu đặt bệ đỡ trên các khu vực không có thanh ngang, ván lót sàn có thể bị hỏng.

**Chất hàng hóa nặng****THẬN TRỌNG**

- Đối với hàng hóa nặng, hãy thực hiện các bước để ngăn hàng hóa không bị trượt và cố định hàng hóa bằng dây cáp.

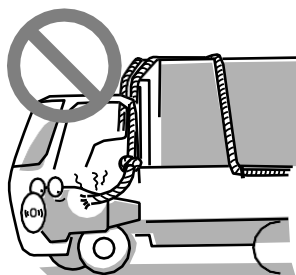
Không cố định hàng hóa quá chặt



KHUYẾN CÁO

- Để ngăn hàng hóa không bị rơi khỏi thùng xe, phải cố định hàng hóa bằng dây thừng và bạt. Tuy nhiên, cố định hàng quá chặt có thể làm hỏng cửa thùng xe và khung bảo vệ phía trước.

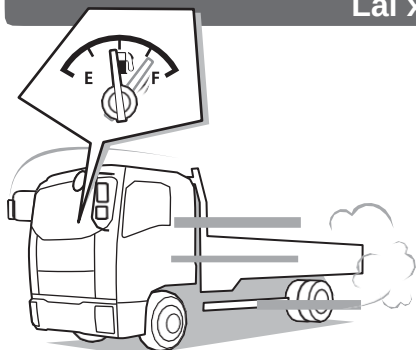
Đảm bảo không có vật liệu dễ cháy giữa cabin và thùng xe



CẢNH BÁO

- Chú ý không để các đầu dây thừng hoặc mép tấm bạt thấp hơn tấm bảo vệ nhiệt phía sau cabin. Trong quá trình vận hành xe, sức nóng của động cơ có thể khiến chúng bốc cháy. Hãy cố định các đầu dây thừng và mép tấm bạt thật cẩn thận.

Lái xe tiết kiệm



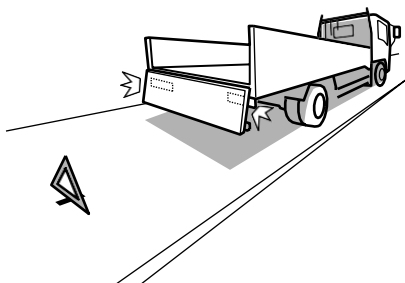
Lái xe quá nhanh, lái xe chậm đến mức kích nổ, lái xe trong khi bật phanh khí xả liên tục và thường xuyên sử dụng phanh khí xả để điều chỉnh tốc độ sẽ dẫn đến tiêu hao nhiều nhiên liệu. Luôn lái xe với tốc độ ổn định hết mức có thể.

Khi tăng tốc, hãy tăng tốc nhẹ nhàng và từ từ, lên số sớm.

Làm nóng động cơ lâu hơn thời gian cần thiết và quay động cơ sẽ tiêu hao nhiều nhiên liệu. Lái xe quá tải trọng cũng tiêu hao nhiều nhiên liệu.

Thường xuyên kiểm tra áp suất lốp và đảm bảo áp suất lốp luôn chính xác.

Bốc dỡ hàng hóa



THẬN TRỌNG

- Khi bạn xếp hoặc dỡ hàng hóa ở ven đường và cửa thùng xe hoặc các bộ phận thân xe khác che khuất đèn đuôi, đèn phanh, đèn nhấp nháy báo nguy hiểm, đèn tín hiệu và/hoặc chóa đèn, hãy cảnh báo những người lái xe và người đi đường khác bằng cách đặt biển báo hoặc biển cảnh báo khẩn cấp hình tam giác tại vị trí dễ thấy.
- Khi xếp hoặc dỡ hàng hóa ở ven đường, hãy chọn nơi được phép dừng và đỗ xe để những người lái xe và người đi đường khác không thấy bất tiện.

Không mang bình nhiên liệu và bình xịt vào cabin**CẢNH BÁO**

- Việc mang bình nhiên liệu và bình xịt vào trong cabin là cực kỳ nguy hiểm. Nếu bình nhiên liệu bắt lửa hoặc vỡ thì có thể gây cháy nổ.

Sử dụng rèm cửa**THẬN TRỌNG**

- Không để rèm cửa che khuất tầm nhìn và cản trở việc lái xe.

Giữ sàn xung quanh ghế lái luôn sạch sẽ và gọn gàng**CẢNH BÁO**

- Việc để bình rỗng, chai rỗng hoặc các vật dụng khác lẫn lộn trên sàn là cực kỳ nguy hiểm vì chúng có thể bị kẹt dưới bàn đạp phanh và cản trở việc cài phanh. Để bàn đạp hoạt động tốt, bạn cũng cần trải thảm trên sàn sao cho đúng cách. Nếu không, bạn không thể sử dụng bàn đạp an toàn.
- Không để các đồ vật có thể lăn trong hộc đựng của bảng điều khiển hoặc khu vực trên cùng của bảng điều khiển vì có thể cản trở việc lái xe.

Tư thế lái xe đúng

**CẢNH BÁO**

- Trước khi lái xe, hãy điều chỉnh ghế ngồi, vô lăng và gương chiếu hậu vào vị trí giúp bạn có tư thế lái xe đúng. Đảm bảo ghế chắc chắn bằng cách đẩy mạnh về phía trước và phía sau, đồng thời thắt dây đai an toàn. Tất cả hành khách khác phải thắt dây đai an toàn.

Ghế

→ Tham khảo trang 3-12

Dây đai an toàn

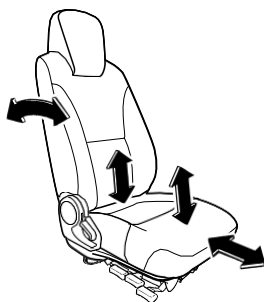
→ Tham khảo trang 3-24

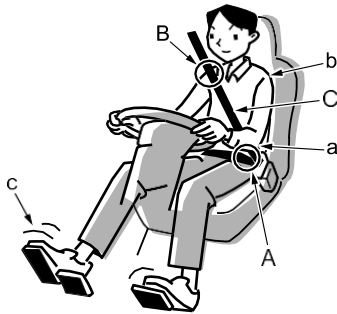
Gương

→ Tham khảo trang 3-21

Điều chỉnh ghế

Điều chỉnh ghế để có tư thế lái xe đúng là một bước cơ bản để đảm bảo lái xe an toàn.





Thắt dây đai an toàn

Đừng quên thắt dây đai an toàn. Ngồi thẳng, phần lưng phía dưới áp sát vào ghế và thắt phần đai ngang hông càng thấp càng tốt.

	Cách điều chỉnh ghế được khuyến
a	Điều chỉnh ghế sao cho bạn dễ dàng bẻ lái khi khuỷu tay hơi cong.
b	Cố định ghế sao cho lưng ghế luôn chạm vào vai của bạn.
c	Đảm bảo bạn có thể nhấn được tất cả bàn đạp.

	Lưu ý khi thắt dây đai an toàn	Tại sao?
A	Đặt đai ngang hông càng thấp càng tốt.	Áp lực của dây đai an toàn khi xảy ra va chạm sẽ rất nguy hiểm nếu đặt sai cách.
B	Đặt đai chéo sao cho nằm trên vai (không chạm vào cằm cổ hoặc mặt).	
C	Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn khi đeo.	Để đảm bảo dây đai an toàn phát huy hết tác dụng.

Hành khách và dây đai an toàn

Mỗi người chỉ nên sử dụng một dây đai an toàn.

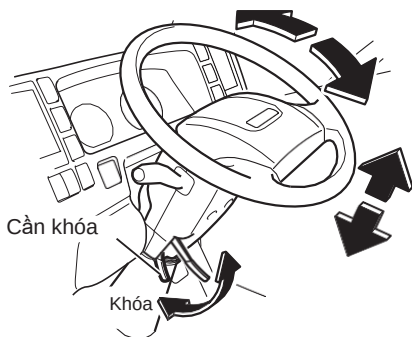
**CẢNH BÁO**

- Nhớ điều chỉnh ghế trước khi lái xe. Điều chỉnh vào tư thế lái xe đúng, lắc nhẹ ghế để đảm bảo ghế đã khóa vào đúng vị trí và thắt dây đai an toàn rồi mới bắt đầu lái xe. Ngoài tài xế, tất cả hành khách khác cũng phải thắt dây đai an toàn.
- Đối với trẻ em quá nhỏ khiến dây đai an toàn chạm vào mặt hoặc không nằm ngang hông, hãy sử dụng ghế dành cho trẻ em hoặc ghế tựa phù hợp khác, không thắt dây đai an toàn. Sử dụng dây đai an toàn có thể gây nguy hiểm.

Chờ theo trẻ em → Tham khảo trang 2-16

Điều chỉnh vị trí vô lăng

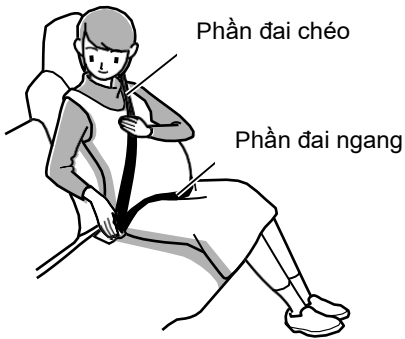
Bạn có thể điều chỉnh vị trí vô lăng theo hướng lên-xuống và tiến-lùi. Sau khi điều chỉnh, hãy khóa chặt vô lăng và cần khóa.

**CẢNH BÁO**

- Sau khi điều chỉnh vô lăng, hãy thử kéo vô lăng lên xuống để kiểm tra xem vô lăng đã khóa hoàn toàn vào vị trí chưa rồi mới lái xe.
- Điều chỉnh vị trí vô lăng trước khi bắt đầu lái xe. Việc điều chỉnh vị trí vô lăng khi đang lái xe là cực kỳ nguy hiểm vì vô lăng sẽ rung lắc lên xuống, cản trở việc lái chính xác.

Vô lăng điều chỉnh được hoàn toàn

→ Tham khảo trang 3-20

Chở theo phụ nữ mang thai hoặc người bệnh**CẢNH BÁO**

- Phụ nữ mang thai hoặc người bệnh trên xe cũng phải thắt dây đai an toàn. Tuy nhiên, do nguy cơ dây đai an toàn gây áp lực lên bụng, ngực và vai trong trường hợp va chạm, phụ nữ mang thai hoặc người bệnh nên hỏi ý kiến bác sĩ trước.
 - Phụ nữ mang thai nên sử dụng dây đai an toàn ba điểm.
 - Phụ nữ mang thai nên đặt đai ngang hông càng thấp càng tốt (không đặt ngang bụng). Ngoài ra, phụ nữ mang thai nên thắt đai chéo sao cho đai chéo nằm trên ngực chứ không nằm trên bụng.
 - Thắt dây an toàn không đúng cách có thể đâm vào bụng trong trường hợp phanh gấp hoặc va chạm, gây thương tích cho cả người mẹ và thai nhi, khiến cả hai có nguy cơ bị thương nặng hoặc tử vong.

Dây đai an toàn → Tham khảo trang 3-24

Chở theo trẻ em

Sử dụng dây đai an toàn cho trẻ em



CẢNH BÁO

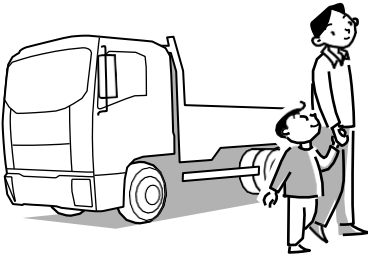
- Dây đai an toàn của xe được thiết kế dành cho người lớn. Nếu dây đai an toàn chạm vào cổ hoặc cằm của trẻ hoặc không nằm ngang hông trẻ, hãy sử dụng ghế dành cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ hoặc trẻ em. Nếu vẫn sử dụng dây đai an toàn, dây có thể gây áp lực mạnh lên bụng của trẻ nếu xảy ra va chạm. Trẻ nhỏ chưa tự ngồi dậy được phải được đặt vào ghế dành cho trẻ nhỏ.
- Không lắp ghế dành cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ hoặc trẻ em lên ghế trung tâm. Điều này có thể gây cản trở việc lái xe.



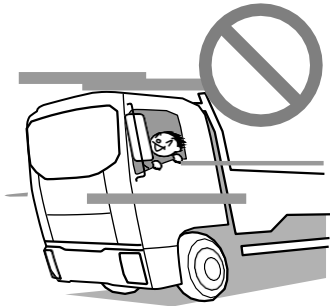
LƯU Ý

- Loại ghế thích hợp dành cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ hoặc trẻ em và cách lắp đặt ghế đúng sẽ phụ thuộc vào cân nặng và chiều cao của trẻ. Một số loại ghế dành cho trẻ em có thể không lắp được tùy thuộc vào hình dạng của chúng. Hãy sử dụng ghế dành cho trẻ em phù hợp với xe.
- * Để được hướng dẫn chi tiết, hãy xem hướng dẫn sử dụng kèm theo ghế dành cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ hoặc trẻ em.

Dây đai an toàn → Tham khảo trang 3-24

Không để trẻ em một mình trên xe**CẢNH BÁO**

- Khi bạn rời khỏi xe, hãy đưa trẻ đi cùng. Nếu để trẻ một mình trên xe, trẻ có thể động chạm vào đồ đạc, làm xe di chuyển, gây hỏa hoạn hoặc một số tai nạn khác. Ngoài ra, nhiệt độ trong cabin có thể gây nguy hiểm khi bị ánh nắng mặt trời chiếu vào.

Không để trẻ em thò đầu hoặc tay ra ngoài cửa sổ**CẢNH BÁO**

- Dù xe đang chuyển động hay đứng yên thì bạn cũng không được để trẻ thò đầu, tay hoặc các bộ phận cơ thể khác ra ngoài cửa sổ. Làm như vậy sẽ rất nguy hiểm vì trẻ có thể va phải chướng ngại vật.

Người lớn phải mở, đóng và khóa cửa cho trẻ em



CẢNH BÁO

- Để bảo vệ trẻ không bị kẹt tay và kẹt đầu, người lớn phải mở, đóng và khóa cửa cho trẻ.
Lưu ý không để trẻ động vào công tắc kính cửa sổ điện để tránh bị kẹt tay hoặc kẹt đầu vào cửa sổ. Khi trẻ ngồi trong cabin, hãy điều khiển kính cửa sổ điện bằng công tắc tắt kính cửa sổ điện bên cạnh ghế lái.

Mở và đóng cửa → Tham khảo trang 3-4

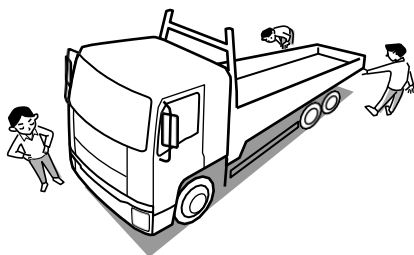
Kính cửa sổ điện ☐ V

→ Tham khảo trang 3-8

Lái xe

Kiểm tra xung quanh xe trước khi khởi động động cơ

Trước khi khởi hành, hãy kiểm tra an toàn thật kỹ lưỡng, đảm bảo không có trẻ em hoặc vật cản xung quanh xe.



CẢNH BÁO

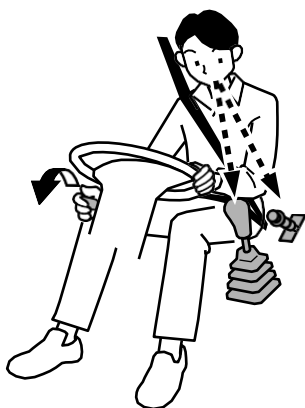
- Trước khi khởi động động cơ, hãy đảm bảo không có vật liệu dễ cháy nào bên dưới hoặc xung quanh xe. Nếu có bất kỳ vật liệu dễ cháy nào đều có thể dẫn đến hỏa hoạn. Nếu có gỗ cách nguồn nhiệt của xe trong phạm vi 50 cm (20 in), đây sẽ là mối nguy hiểm nghiêm trọng vì gỗ có thể biến dạng hoặc đổi màu do nhiệt và bắt lửa.

Khởi động động cơ → Tham khảo trang 4-4

Thận trọng đối với khí thải**CẢNH BÁO**

- Khí thải có chứa carbon monoxide không màu, không mùi và có tính độc. Nếu hít phải khí thải, bạn có thể bị ngộ độc carbon monoxide.
- Không để động cơ chạy liên tục trong thời gian dài ở nơi thông gió kém. Đặc biệt nguy hiểm khi để động cơ chạy trong gara hoặc những khu vực trong nhà khác vì có thể dễ dàng chứa đầy khí thải khiến bạn có thể bị ngộ độc carbon monoxide.
- Thỉnh thoảng kiểm tra ống xả. Nếu thấy dấu hiệu bất thường nào (ví dụ: khớp nối bị hư hỏng, lỗ hỏng hoặc vết nứt do ăn mòn), hãy mang xe đến Đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra và bảo dưỡng. Việc tiếp tục sử dụng xe mà không khắc phục sự cố sẽ rất nguy hiểm vì khí thải có thể lọt vào cabin và gây ngộ độc khí carbon monoxide.
- Nếu khí thải lọt vào cabin, hãy mở hết cỡ tất cả cửa sổ và đặt bộ chọn nguồn khí bên trong/bên ngoài của hệ thống sưởi hoặc điều hòa không khí ra bên ngoài. Hãy mang ngay xe đến Đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra và bảo dưỡng. Việc tiếp tục sử dụng xe mà không khắc phục sự cố sẽ rất nguy hiểm vì khí thải có thể lọt vào cabin và gây ngộ độc khí carbon monoxide.

Khởi động động cơ



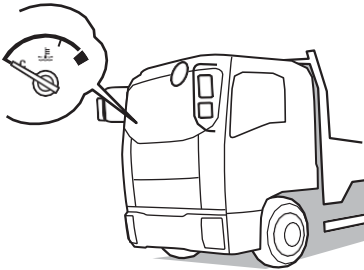
THẬN TRỌNG

- Trên model hộp số sàn, hãy kéo mạnh cần phanh tay, đảm bảo cần sang số ở số "N" và nhấn bàn đạp ly hợp hết cỡ trước khi khởi động động cơ. Trên model có hệ thống Smoother, hãy kéo mạnh cần phanh tay, nhấn mạnh bàn đạp phanh, gạt cần sang số sang số "N" và đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiển thị số "N" trước khi khởi động động cơ.
- Ngồi vào ghế lái rồi mới khởi động động cơ. Nếu không ngồi ở ghế lái (ví dụ: nếu bạn thò tay qua cửa sổ hoặc qua cửa xe đang mở), bạn sẽ không thể kiểm tra vị trí số "N" của cần sang số. Nếu bạn khởi động động cơ khi hộp số ở bất kỳ vị trí nào khác ngoài số "N", xe sẽ di chuyển.

Khởi động động cơ → Tham khảo trang 4-4

Nếu xe đã lâu không lái**KHUYẾN CÁO**

- Trước khi sử dụng xe đã lâu không lái, hãy kiểm tra động cơ và hộp số xem có rò rỉ nhớt không và đảm bảo lượng nhớt ở mức quy định. Nếu không đủ nhớt thì không thể tiếp cận và bôi trơn đầy đủ các bộ phận, do đó dẫn đến sự cố.
- Khởi động động cơ và để động cơ ở chế độ cầm chừng trong ít nhất 5 phút. Kiểm tra xem có tiếng ồn bất thường không.
- Để biết hướng dẫn cách làm nóng động cơ, vui lòng tham khảo phần "Khởi động động cơ" ở trang 4-4.

Khuyến nghị khi làm nóng động cơ

Động cơ đủ nóng khi kim đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ bắt đầu di chuyển.

**KHUYẾN CÁO**

- Không tăng tốc hoặc rò ga trước khi động cơ đủ nóng (tức là khi động cơ nguội). Nhớt sẽ không tiếp cận và bôi trơn đầy đủ cho các bộ phận, do đó sẽ dẫn đến sự cố.
- Ống xả sẽ trở nên rất nóng trong khi động cơ chạy ở chế độ cầm chừng. Trước khi làm nóng động cơ, hãy đảm bảo không có vật liệu dễ cháy nào (như cỏ, giấy vụn, nhớt hoặc lốp xe cũ) ở gần ống xả.

Không khởi động động cơ trong gara



CẢNH BÁO

- Khởi động động cơ ở nơi thông gió kém có thể gây ngộ độc khí carbon monoxide. Chỉ khởi động và làm nóng động cơ ở những nơi thông gió tốt. Ngoài ra, đối với mô hình được trang bị Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD), không nên thực hiện làm sạch DPD thủ công trong nhà. Việc đốt cháy vật chất dạng hạt (PM) trong quá trình làm sạch DPD sẽ tạo ra khói trắng.

Quy trình làm sạch thủ công

→ Tham khảo trang 4-130

Đừng quên nhả phanh tay



KHUYẾN CÁO

- Việc khởi hành khi vẫn kéo phanh tay có thể làm hỏng hệ thống phanh.
- Xe của bạn có một trong hai loại phanh tay sau:
 - Phanh tay trung tâm:
Khi kéo cần phanh tay, phanh tay trung tâm sẽ giữ trực các-đăng tại chỗ, do đó sẽ khóa bánh sau.
 - Phanh tay bánh xe:
Khi kéo cần phanh tay, phanh bánh sau sẽ được kích hoạt để khóa bánh sau. Lúc này, bạn sẽ nghe thấy âm thanh xả khí.

Đèn cảnh báo phanh tay

→ Tham khảo trang 4-35

Cần phanh tay

→ Tham khảo trang 4-63

Khởi hành trên model hộp số sàn



KHUYẾN CÁO

- Khởi hành từ từ theo số quy định bên dưới. Khởi hành bằng số cao, khởi hành quá nhanh hoặc trượt ly hợp lâu khi khởi hành sẽ làm hỏng ly hợp.

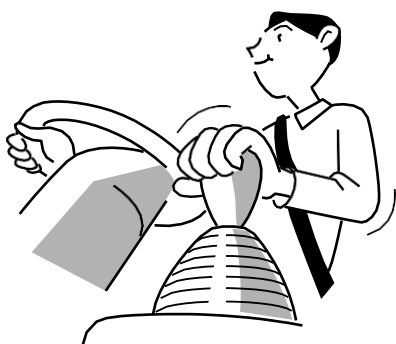
Model hộp số	Khởi hành trên đường bằng phẳng	Khởi hành trên đường dốc
Model chuyển số Double-H ES11109	Số 1	Cực thấp
MZZ/MZW/ES9306A	Số 2	Số 1

Model hộp số sàn 9 tốc độ

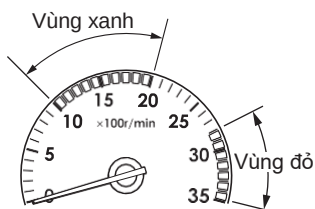
☐ V

→ Tham khảo trang 4-67

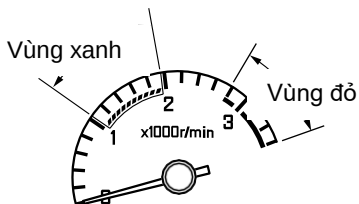
Sang số đúng cách



Loại 1



Loại 2



Model động cơ	Vùng xanh (vòng/phút)	Vùng đỏ (vòng/phút)
6HK1 (loại 1 /6NX1)	1.000 - 2.000	2.800 - 3.500
6HK1 (loại 2)	1.000 - 2.000	2.800 - 3.600
6HK1	1.000 - 2.000	3.300 - 4.000



KHUYẾN CÁO

- Thực hiện về số cho hai mục đích chính:
 - Để phanh động cơ trên dốc và/hoặc xuống dốc dài
 - Để đạt được mức độ phản ứng và đảm bảo tiết kiệm khi lên dốc

[Lưu ý khi về số]

- Để động cơ chạy vượt tốc có thể làm hỏng động cơ. Không để động cơ chạy vượt tốc khi về số.
- Mỗi lần chỉ về một số. Việc nhảy số khi về số có thể làm hỏng hộp số.
- Lái xe lên dốc
Về số sớm để tránh động cơ quá tải.
- Lái xe xuống dốc
Về nguyên tắc, bạn nên sử dụng chính (các) số đã dùng khi lái xe lên dốc. Lái xe ở tốc độ không làm cho động cơ chạy vượt tốc (vượt quá giới hạn vòng/phút) và kim đo của đồng hồ tốc độ động cơ nằm trong vùng màu đỏ.

Lái xe ở tốc độ không làm kim đo của đồng hồ tốc độ động cơ nằm trong vùng màu đỏ. Nên duy trì kim ở vùng xanh để đảm bảo lái xe tiết kiệm.

Vạch chia độ và vùng màu đỏ của đồng hồ tốc độ động cơ sẽ khác nhau tùy thuộc vào model được trang bị.

Đồng hồ tốc độ động cơ → Tham khảo trang 4-14
Cần sang số → Tham khảo trang 4-66

**LƯU Ý**

[Phanh động cơ là gì?]

- Phanh động cơ là hiệu ứng phanh xảy ra khi bạn nhả bàn đạp ga trong khi lái xe. Số càng thấp, phanh động cơ càng mạnh.

Tuyệt đối không dừng động cơ khi đang lái xe**CẢNH BÁO**

- Không để Công tắt khởi động ở bất kỳ vị trí nào khác ngoài vị trí "ON" khi đang lái xe. Nếu động cơ dừng khi xe đang di chuyển, hệ thống phanh sẽ hoạt động kém, vô lăng và bàn đạp ly hợp sẽ trở nên rất cứng và khó vận hành. Ngoài ra, động cơ có thể bị hư hỏng.
- Việc dừng động cơ khi đang lái xe sẽ cực kỳ nguy hiểm vì trợ lực lái sẽ ngừng hoạt động, làm cho vô lăng rất khó quay.
- Việc dừng động cơ khi đang lái xe sẽ cực kỳ nguy hiểm vì đèn cảnh báo, đèn chỉ báo và các mạch điện khác sẽ ngừng hoạt động hoàn toàn.
- Để Công tắt khởi động ở vị trí "LOCK" khi đang lái xe sẽ cực kỳ nguy hiểm vì chìa khóa có thể bị bung ra khiến vô lăng bị khóa, không thể quay được.

Công tắt khởi động → Tham khảo trang 4-46

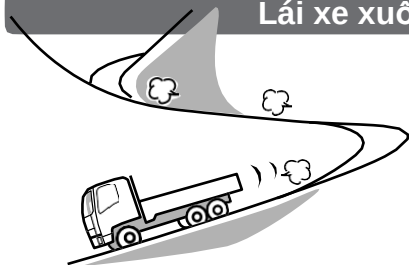
Không vào thùng xe khi xe đang di chuyển



THẬN TRỌNG

- Không thể giữ yên cơ thể của một người trên thùng xe. Việc sử dụng thùng xe khi xe đang di chuyển rất nguy hiểm vì người ngồi trên thùng xe có thể bị văng ra khỏi thùng xe trong trường hợp va chạm hoặc phanh gấp.

Lái xe xuống dốc dài



Khi lái xe xuống dốc dài, hãy sử dụng phanh động cơ và phanh phụ cùng với phanh chân. Sử dụng phanh phụ và phanh động cơ số thấp giúp giảm tải thao tác lên phanh chân và tạo ra lực phanh tay lớn hơn. Tuy nhiên, hãy sử dụng phanh chân đúng cách để ngăn động cơ chạy vượt tốc.

Công tắt phanh khí xả

→ Tham khảo trang 4-54



THẬN TRỌNG

- Việc sử dụng phanh chân thường xuyên có thể gây ra hiện tượng nút hơi nước và làm mòn phanh, dẫn đến giảm hiệu quả của phanh. Tuy nhiên, bạn cũng cần hết sức lưu ý khi dùng phanh động cơ ở số thấp vì động cơ có thể sẽ chạy vượt tốc.
- Không điều chỉnh van phanh khí xả.

**LƯU Ý**

[Phanh động cơ là gì?]

- Phanh động cơ là hiệu ứng phanh xảy ra khi bạn nhả bàn đạp ga trong khi lái xe. Số càng thấp, phanh động cơ càng mạnh.

[Phanh khí xả là gì?]

- Phanh khí xả là hệ thống đóng ống xả và sử dụng lực của khí thải để tăng hiệu quả của phanh động cơ.

[Trượt phanh là gì?]

- Việc sử dụng phanh thường xuyên có thể khiến phanh bị quá nhiệt, làm giảm lực ma sát của bề mặt ma sát và phanh hoạt động kém hiệu quả hơn bình thường. Hiện tượng này gọi là trượt phanh.

[Sôi dầu phanh là gì?]

- Nếu phanh bị quá nhiệt do sử dụng thường xuyên, nhiệt có thể làm sôi dầu trợ lực phanh, tạo bọt khí trong ống mềm phanh. Nhấn bàn đạp phanh chỉ đơn thuần là nén bọt khí; áp suất không được truyền đến xy-lanh bánh xe, do đó hiệu quả phanh giảm đáng kể. Hiện tượng này gọi là nút hơi nước.

[Động cơ chạy vượt tốc là gì?]

- Động cơ chạy vượt tốc là sự gia tốc động cơ làm cho kim đo của đồng hồ tốc độ động cơ nằm trong vùng màu đỏ.

Lái xe trong điều kiện thời tiết xấu (mưa, đường đóng băng, đường phủ tuyết, v.v.)**THẬN TRỌNG**

- Trong điều kiện thời tiết xấu, tầm nhìn bị giảm và mặt đường trơn trượt sẽ làm tăng khoảng cách dừng. Hãy lái xe chậm hơn so với tốc độ bạn lái xe trong điều kiện thời tiết tốt. Ngoài ra, tránh bẻ lái gấp và phanh gấp. Sử dụng phanh động cơ cùng với phanh chân để giảm tốc. Việc sử dụng phanh khí xả trên mặt đường trơn trượt có thể khiến lốp xe bị trượt.

**KHUYẾN CÁO**

- Nguy cơ trượt nước có thể xảy ra, nhất là khi nước có xu hướng đọng lại trên mặt đường. Hãy lái xe ở tốc độ mà bạn có thể kiểm soát hoàn toàn.
- Nếu không thể tránh được việc lái xe trên đường ngập nước, trước tiên hãy kiểm tra độ sâu của nước rồi lái xe qua ở tốc độ chậm và ổn định. Nước có thể sẽ lọt vào xy-lanh của động cơ và làm hỏng động cơ (hiện tượng búa nước). Duy trì tốc độ chậm và lái xe thật cẩn thận.

**LƯU Ý**

[Trượt nước là gì?]

- Nếu xe chạy ở tốc độ cao trên đường ngập nước, một lớp nước có thể hình thành giữa lốp và mặt đường, làm cho lốp mất độ bám và trượt trên mặt nước. Hiện tượng này gọi là trượt nước. Hiện tượng này rất nguy hiểm vì khiến hệ thống lái và phanh trở nên vô dụng.

Sau khi rửa xe hoặc lái xe trên đường ngập nước**THẬN TRỌNG**

- Nếu phải lái xe trên đường ngập nước, rửa xe hoặc đang đỗ xe trong khu vực ngập nước, nước có thể xâm nhập vào hệ thống phanh và làm giảm hiệu quả của phanh. Nếu sau đó phanh hoạt động không tốt, hãy lái xe từ từ và nhấn nhẹ bàn đạp phanh vài lần đến khi phanh khô và bắt đầu hoạt động bình thường.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu phải lái xe trên đường ngập nước hoặc đỗ xe trong khu vực bị ngập nước, hãy mang ngay xe đến Đại lý Isuzu để kiểm tra các điểm sau:
 - Hiệu quả của phanh
 - Tình trạng nước xâm nhập hoặc hư hỏng phanh tang trống, buồng phanh tay bánh xe, bộ servo hoặc các bộ phận khác của phanh
 - Tình trạng hư hỏng của động cơ do nước xâm nhập
 - Tình trạng ngắn mạch của các bộ phận điện
 - Mức nhớt và tình trạng xuống cấp (ẩm) của động cơ, hộp số và vi sai
 - Mỡ bôi trơn của từng bộ phận (bôi trơn)
 - Tình trạng nước xâm nhập vào bạc đạn tách ly hợp (Nếu nghi ngờ có nước xâm nhập, hãy thay bạc đạn tách ly hợp.)

Gió thổi từ hai bên



KHUYẾN CÁO

Nếu gió thổi từ hai bên khiến xe trượt ngang, hãy nắm chắc tay lái, giảm về tốc độ mà bạn có thể hoàn toàn kiểm soát và điều chỉnh hướng. Xe có thể bị gió từ hai bên thổi mạnh trong các trường hợp sau:

- đi lên từ đường hầm; đi qua cầu, đi trên bờ sông hoặc lái xe qua đường cắt
- có xe tải lớn hoặc xe buýt vượt lên
- vượt lên xe tải lớn hoặc xe buýt

Xử lý sự cố nổ lốp hoặc thủng lốp khi lái xe



CẢNH BÁO

- Nếu bạn cảm thấy có dấu hiệu bất thường nào ở lốp xe khi đang lái xe, hãy lập tức dừng lại ở nơi an toàn. Nếu bạn tiếp tục lái xe trong tình trạng lốp bị xẹp, một lực quá lớn sẽ tác động lên bu-lông bánh xe, có thể làm gãy bu-lông và bung bánh xe.



KHUYẾN CÁO

- Nếu xảy ra nổ lốp hoặc thủng lốp khi đang lái xe, hãy bình tĩnh nắm chặt vô lăng và từ từ nhấn phanh để giảm tốc. (Việc nhấn phanh mạnh rất nguy hiểm vì có thể khiến vô lăng bị kéo sang một bên.) Hãy dừng xe ở nơi an toàn và thay lốp xe.

Lốp dự phòng ☐

→ Tham khảo trang 7-110

Xử lý con đội

→ Tham khảo trang 7-160

Thay lốp xe (Bánh xe JIS 6 bu-lông hoặc 8 bu-lông)

☐

→ Tham khảo trang 7-95

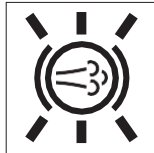
Thay lốp xe (Bánh xe 10 bu-lông theo chuẩn ISO)

☐

→ Tham khảo trang 7-104

Nếu gầm xe bị va chạm mạnh**KHUYẾN CÁO**

- Nếu gầm xe bị va chạm mạnh, hãy dừng xe ở nơi an toàn, không cản trở giao thông và kiểm tra xem có rò rỉ khí, rò rỉ nhớt trợ lực phanh, rò rỉ nhiên liệu và có bộ phận nào hư hỏng không. Nếu bất kỳ bộ phận nào của xe bị hư hỏng, hãy nhanh chóng mang xe đến Đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra và sửa chữa.

Nếu đèn cảnh báo hoặc đèn chỉ báo sáng hoặc nhấp nháy**KHUYẾN CÁO**

- Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc nhấp nháy, không được bỏ qua và tiếp tục lái xe. Hãy thực hiện hành động khắc phục, đồng thời tham khảo phần giải thích về đồng hồ đo, đèn cảnh báo và đèn chỉ báo.

Cách đọc đồng hồ đo (Bổ cục đồng hồ đo)

→ Tham khảo trang 4-10

Bổ cục đèn cảnh báo và đèn chỉ báo

→ Tham khảo trang 4-18

Model hộp số sàn ES11109



Hộp số sàn ES11109 khác với hộp số sàn 6 tốc độ ở chỗ yêu cầu lựa chọn cầu chậm hoặc cầu nhanh khi dùng cần sang số. Hãy tìm hiểu cách sử dụng cần sang số sao cho chính xác.

Model hộp số sàn ES11109

Tham khảo trang 4-70

Model có hệ thống Smoother

SA

Đối với model có hệ thống Smoother, tài xế không sử dụng bàn đạp ly hợp khi khởi hành, sang số hoặc dừng xe; mà chỉ sử dụng cần sang số, bàn đạp ga và bàn đạp phanh. Hãy tìm hiểu các đặc điểm của model có hệ thống Smoother và cách vận hành chính xác. Khi xe đứng yên, hãy nhớ nhấn chặt bàn đạp phanh liên tục rồi gạt cần sang số về số "N" và cài phanh tay nếu cần.

Ngay sau khi khởi động động cơ, trong khi điều hòa nhiệt độ đang chạy ở các model có hệ thống điều hòa nhiệt độ và trong quá trình làm sạch Bộ lọc khí thải động cơ diesel (DPD) ở các model có DPD, tốc độ động cơ sẽ tăng lên, làm xe trườn nhanh hơn bình thường. Khi di chuyển cần sang số ra khỏi số "N", hãy nhấn chặt bàn đạp phanh.

Model có hệ thống Smoother

SA

→ Tham khảo trang 4-73



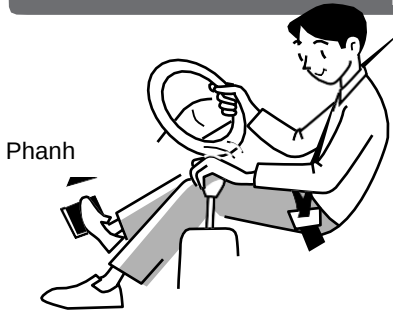
LƯU Ý

[Trườn]

- Khi động cơ đang chạy và số đang chọn không phải số "N", công suất sẽ truyền đến các bánh xe ngay cả khi không nhấn bàn đạp ga, khiến xe có xu hướng di chuyển. Hiện tượng này gọi là trườn. Tốc độ động cơ càng cao thì xe trườn càng mạnh và xu hướng di chuyển càng lớn.

Điều khiển phanh bằng chân phải**KHUYẾN CÁO**

- Ngồi ở đúng vị trí lái xe và dùng chân phải để điều khiển bàn đạp phanh và bàn đạp ga. Để tránh vô tình nhấn nhầm bàn đạp, hãy kiểm tra vị trí bàn đạp và tập đặt chân lên bàn đạp muốn điều khiển.
- Để đảm bảo cài đúng phanh, hãy dùng chân phải để nhấn bàn đạp phanh.

Khởi hành

1. Ngồi ở đúng vị trí lái xe, nhấn chặt và giữ bàn đạp phanh bằng chân phải rồi gạt cần sang số sang số "D", "R" hoặc "M".
2. Kiểm tra đảm bảo khu vực xung quanh xe thông thoáng, kiểm tra vị trí cần sang số và đèn chỉ báo sang số, sau đó nhả cần phanh tay.
3. Nhấc chân ra khỏi bàn đạp phanh, sau đó nhấn từ từ bàn đạp ga để khởi hành.

**CẢNH BÁO**

- Khi di chuyển cần sang số sang số khác ngoài số "N", hiện tượng trườn sẽ khiến xe di chuyển. Khi khởi hành, hãy nhấn giữ bàn đạp phanh khi điều khiển cần sang số.
- Không nhấn giữ bàn đạp ga khi điều khiển cần sang số. Nếu không, xe sẽ đột ngột di chuyển và có thể gây ra tai nạn.
- Ngay sau khi khởi động động cơ, trong khi điều hòa nhiệt độ đang chạy ở các model có hệ thống điều hòa nhiệt độ và trong quá trình làm sạch Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD) ở các model có DPD, tốc độ động cơ sẽ tăng lên, làm xe trườn nhanh hơn bình thường. Hãy nhấn chặt và giữ bàn đạp phanh.

**KHUYẾN CÁO**

[Những điểm cần lưu ý để đảm bảo an toàn]

- Ngay cả khi bạn chỉ định di chuyển một đoạn ngắn, hãy ngồi vào đúng vị trí lái xe và đảm bảo có thể nhấn chặt bàn đạp phanh và bàn đạp ga.
- Khi lùi xe, bạn phải quay người lại để nhìn về phía sau nên việc đạp phanh sẽ trở nên khó khăn. Hãy nhấn chặt bàn đạp phanh trong khi quay người. Đồng thời, hãy tập thói quen gạt ngay cần sang số về số "N" sau khi lùi xe. Khi khởi hành, hãy kiểm tra vị trí cần sang số và đèn chỉ báo sang số bằng mắt.
- Khi chuyển liên tục giữa số tiến và số lùi để rẽ qua nhiều điểm hoặc quay đầu chữ K, hãy nhấn chặt bàn đạp phanh và đảm bảo xe đã dừng hẳn trước khi sang số.
- Đối với model có hệ thống Smoother, bạn không thể di chuyển cần sang số ra khỏi số "N" trừ khi đang nhấn bàn đạp phanh. Nếu không thể di chuyển cần sang số, hãy nhả bàn đạp phanh, sau đó nhấn lại và thử di chuyển cần sang số.
- Đối với model có hệ thống Smoother, khởi động tại chỗ thường được thực hiện ở số thứ hai.
Nếu cần độ bám đường tốt hơn để khởi hành (ví dụ: khi xe chất đầy hàng), bạn có thể chọn khởi động tại chỗ ở số thứ nhất bằng cách nhấn giữ bàn đạp phanh rồi gạt công tắc khởi động đầu tiên sang vị trí "ON" hoặc gạt cần sang số sang số "M" và di chuyển sang vị trí "-" (về số). (Phương pháp sử dụng cần sang số cho phép sang số ở chế độ thủ công.)

Model có hệ thống Smoother

SA

→ Tham khảo trang 4-73

Hành động có thể gây hư hỏng cho xe có hệ thống Smoother

Hành động có thể gây hư hỏng	Dấu hiệu hư hỏng
• Dừng xe trên đường lên dốc khi cần sang số không ở số "N", nhấn bàn đạp ga và không cài phanh • Nhấn đồng thời bàn đạp ga và bàn đạp phanh • Liên tục lái xe ở số không phù hợp • Liên tục khởi động tại chỗ và dừng lại đột ngột	• Dầu ly hợp của hệ thống Smoother bị quá nhiệt.
• Điều khiển cần sang số khi đang nhấn bàn đạp ga và tốc độ động cơ đang cao	• Số hoặc ly hợp của hộp số bị quá tải.
• Để Công tắc khởi động ở vị trí "ACC" hoặc "LOCK" khi lái xe • Giữ cần sang số ở vị trí "N" trên đường xuống dốc dài (điều này rất nguy hiểm do thiếu phanh động cơ)	• Hộp số không được bôi trơn đúng cách.



Dừng xe và đỗ xe**Đỗ xe****KHUYẾN CÁO**

- Chọn nơi bằng phẳng cho phép dừng, đỗ và không cản trở giao thông. Cài chặt phanh tay và đảm bảo xe không di chuyển.
- Tránh đỗ xe lâu khi có hàng hóa ở trên xe.
- Lau sạch bụi bẩn trên thấu kính đèn và chóa đèn để đảm bảo các phương tiện khác nhìn thấy xe.

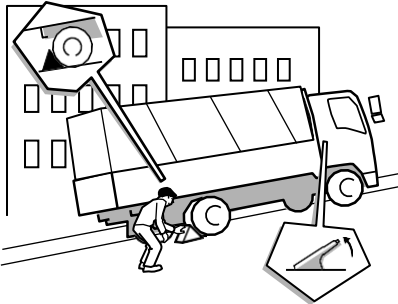
Cài phanh tay**THẬN TRỌNG**

- Trừ trường hợp khẩn cấp, không được cài phanh tay cho đến khi xe dừng hẳn. Cài phanh tay trước khi xe dừng có thể khiến lốp bị bó cứng hoặc xe quay vòng, có thể gây ra tai nạn.

Cần phanh tay

→ Tham khảo trang 4-63

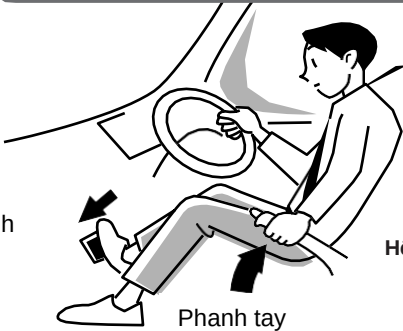
Đỗ xe an toàn trên dốc



THẬN TRỌNG

- Cố gắng chọn những nơi bằng phẳng để đỗ xe và tránh đỗ xe trên dốc. Nếu buộc phải đỗ xe trên dốc, hãy cài chặt phanh tay và đảm bảo xe không di chuyển. Dùng gỗ chêm chèn vào bánh xe để đảm bảo an toàn. Ngoài ra, hãy giữ nguyên số để đảm bảo xe sẽ không di chuyển.
- Xoay vô lăng để xe sẽ bị một chướng ngại vật chặn lại (ví dụ: lề đường) trong trường hợp xe di chuyển.

Không sử dụng hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA) để đỗ xe



Phanh

Phanh tay



THẬN TRỌNG

- HSA là cách dừng xe tạm thời và không thể thay thế phanh tay. Khi đỗ xe, hãy cài chặt phanh tay.

Hệ thống hỗ trợ khởi

hàng ngang dốc (HSA)



→ Tham khảo trang 4-90

Ngủ trên xe

**CẢNH BÁO**

- Trước khi ngủ trên xe, hãy đảm bảo dừng động cơ và gạt Công tắc khởi động sang vị trí "LOCK". Nếu không, mọi va chạm ngoài ý muốn vào cần sang số hoặc bàn đạp ga trong khi bạn đang ngủ có thể khiến xe di chuyển, dẫn đến tai nạn.
 - Nếu bạn để động cơ chạy và vô ý nhấn bàn đạp ga khi đang ngủ, động cơ và ống xả có thể bị nóng lên bất thường, dẫn đến hỏa hoạn.
 - Nếu bạn để động cơ chạy trong khi ngủ và để xe ở nơi mà khí thải có thể lọt vào trong cabin (ví dụ: nơi thông gió kém), bạn có thể bị ngộ độc carbon monoxide.
 - Trên xe có giường, hãy sử dụng giường khi bạn muốn ngủ.

Không để xe gần vật liệu dễ cháy**THẬN TRỌNG**

- Ống xả sẽ rất nóng ngay sau khi vận hành xe. Trước khi đỗ xe, hãy đảm bảo khu vực đỗ xe không có vật liệu dễ cháy (ví dụ: cỏ, giấy vụn, nhớt hoặc lốp xe cũ). Đặc biệt cẩn thận khi đỗ xe trong gara.
- Hãy thận trọng với khí thải nóng khi động cơ đang chạy cầm chừng. Đặc biệt cẩn trọng khi bộ trích công suất (PTO) đang hoạt động (nếu xe của bạn được trang bị PTO) hoặc Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD) đang làm sạch (nếu xe của bạn được trang bị DPD) trong khi động cơ đang chạy cầm chừng.

Quy trình làm sạch thủ công

→ Tham khảo trang 4-130

Dừng xe và đỗ xe khi động cơ đang chạy**CẢNH BÁO**

- Nếu muốn dừng xe và đỗ xe khi động cơ đang chạy: Nếu xe của bạn được trang bị hộp số sàn, hãy gạt cần sang số sang số "N" để chọn số trung gian. Đối với xe có hệ thống Smoother, hãy đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiển thị số "N". Sau đó, cài chặt phanh tay. Nếu không thực hiện các bước này, mọi áp lực vô tình tác động lên bàn đạp ga đều có thể gây tai nạn.

**THẬN TRỌNG**

- Đối với các model được trang bị Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD), DPD có thể tự động bắt đầu làm sạch khi dừng xe và đỗ xe mà động cơ vẫn đang chạy. Để đề phòng hỏa hoạn, hãy đảm bảo không có vật liệu dễ cháy nào gần ống giảm thanh, DPD và ống xả. Cẩn thận không để bị bỏng do khí thải nóng.

Không chạm vào cần sang số khi xe đang đứng yên



CẢNH BÁO

- Không chạm vào cần sang số khi xe đang đứng yên và động cơ đang chạy cầm chừng. Nếu chạm vào cần sang số lúc này, có thể bạn sẽ chọn một số và xe sẽ di chuyển ngay cả khi dùng phanh tay. Nguy cơ va đập vào cần sang số và gây ra tai nạn là đặc biệt lớn khi bạn di chuyển ra vào ghế lái.

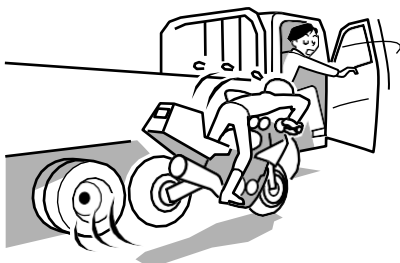
Đảm bảo động cơ chạy khi xe đang di chuyển



THẬN TRỌNG

- Khi động cơ không chạy, hệ thống trợ lực lái sẽ không hoạt động nên khó quay vô lăng. Đồng thời, hệ thống phanh không hoạt động nên lực phanh rất ít. Nếu xuống dốc khi động cơ không hoạt động, bạn hoàn toàn không thể điều khiển xe và có thể gây ra tai nạn.

Nhìn xung quanh trước khi mở cửa



THẬN TRỌNG

- Trước khi mở cửa, hãy kiểm tra khu vực xung quanh xe bằng cách nhìn về phía trước, phía sau và hai bên. Nếu bạn đột ngột mở cửa mà không kiểm tra khu vực xung quanh, cánh cửa có thể bị một phương tiện đang đi đằng sau hoặc người đi bộ đâm vào.

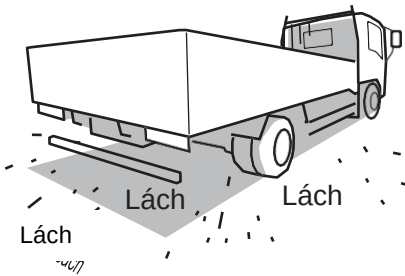
Rời khỏi xe



CẢNH BÁO

- Khi rời khỏi xe, hãy đảm bảo cài phanh tay, dừng động cơ và khóa cửa xe. Không để đồ có giá trị ở nơi có thể nhìn thấy từ bên ngoài xe.
- Nếu bạn đi cùng trẻ em, không để trẻ một mình trên xe. Nếu trẻ chạm vào bộ điều khiển hoặc thiết bị, tai nạn có thể xảy ra. (Ví dụ: xe có thể di chuyển hoặc xảy ra hỏa hoạn.) Ngoài ra, nhiệt độ trong cabin có thể gây nguy hiểm khi bị ánh nắng mặt trời chiếu vào.
- Không để kính mắt hoặc bật lửa trong xe. Nếu bên trong cabin nóng lên, bật lửa có thể phát nổ và tròng kính hoặc gọng kính bằng nhựa có thể bị biến dạng hoặc nứt.

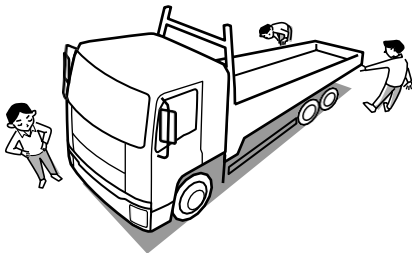
Tiếng kim loại kêu lách cách trong ống giảm thanh



LƯU Ý

- Ngay sau khi dừng động cơ, có thể bạn sẽ nghe thấy tiếng kim loại kêu lách cách trong ống giảm thanh. Âm thanh này xuất hiện khi ống giảm thanh nguội đi và co lại. Hiện tượng này là bình thường.

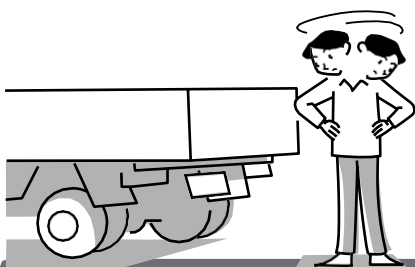
Khởi hành khi đang đỗ xe



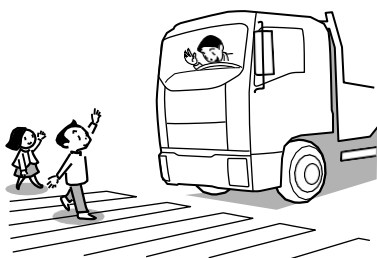
Trước khi khởi hành, hãy kiểm tra an toàn thật kỹ lưỡng, đảm bảo không có trẻ em hoặc vật cản xung quanh xe.

Lùi xe

Nếu bạn không thể nhìn thấy khu vực phía sau xe đủ rõ để đảm bảo có thể lùi xe an toàn, hãy ra khỏi xe và kiểm tra phía sau xe.



Khởi hành sau khi tạm dừng

**THẬN TRỌNG**

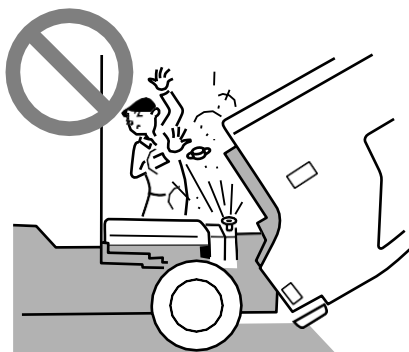
- Hãy tạo thói quen quan sát xung quanh và đảm bảo an toàn để lùi xe sau khi tạm dừng (ví dụ: dừng chờ đèn giao thông).

Giữ an toàn

Khi nước làm mát động cơ đang nóng

**CẢNH BÁO**

- Không sờ vào hoặc tháo nắp két nước hoặc nắp bình nước phụ khi nước làm mát động cơ đang nóng. Việc tháo nắp đột ngột rất nguy hiểm vì hơi nước hoặc khí nóng có thể phun ra ngoài.



Nước làm mát động cơ → Tham khảo trang 7-39

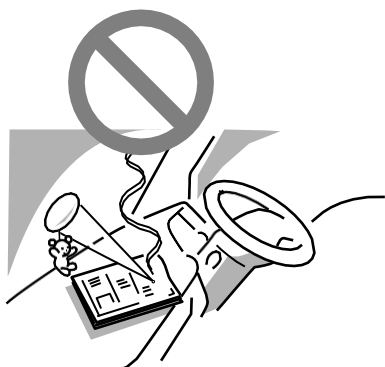
Khi ống giảm thanh và ống xả đang nóng**THẬN TRỌNG**

- Ống giảm thanh, ống xả và DPD (các model có DPD) sẽ rất nóng khi động cơ đang chạy và ngay sau khi lái xe. Hãy thận trọng để tránh vô tình chạm vào khi làm việc gần chúng (ví dụ: khi nâng cabin hoặc thao tác với phụ kiện).

Sau khi sử dụng gạt tàn**CẢNH BÁO**

- Đảm bảo đóng gạt tàn sau khi sử dụng. Nếu không, tàn thuốc chưa dập tắt có thể bén lửa vào tàn thuốc khác dẫn đến hỏa hoạn.
- Không để gạt tàn quá đầy tàn thuốc. Ngoài ra, không cho vật liệu dễ cháy vào gạt tàn.
- Tuyệt đối không ném tàn thuốc cháy ra ngoài cửa sổ. Hành động này không chỉ làm bẩn đường và khu vực xung quanh mà còn có thể gây ra hỏa hoạn.

Gạt tàn ☐ → Tham khảo trang 5-21

Không gắn phụ kiện vào kính chắn gió hoặc cửa sổ**CẢNH BÁO**

- Không gắn đồ trang trí, phim hoặc các phụ kiện khác lên kính chắn gió hoặc cửa sổ. Chúng sẽ làm giảm tầm nhìn. Ngoài ra, giác hút nhựa dùng để gắn phụ kiện có thể gây ra hỏa hoạn hoặc tai nạn khác do hoạt động như thấu kính.

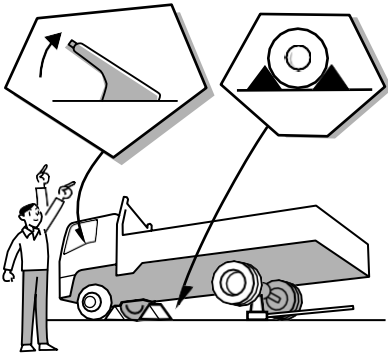
Không sử dụng điện thoại di động khi lái xe**THẬN TRỌNG**

- Tài xế tuyệt đối không được sử dụng điện thoại di động hoặc điện thoại trên ô tô ở bất kỳ chế độ nào khi lái xe. Hành động này rất nguy hiểm.
- Sử dụng điện thoại di động khi lái xe có thể dẫn đến tai nạn vì bạn không chú ý đến xung quanh.
- Nếu bạn đang lái xe và muốn sử dụng điện thoại di động, trước hết hãy dừng xe ở nơi an toàn.

Sử dụng con đội

**CẢNH BÁO**

- Kích xe lên trên dốc hoặc nền đất yếu là việc vô cùng nguy hiểm. Hãy kích xe lên trên bề mặt bằng phẳng, vững chắc.
- Đặt con đội vào đúng vị trí. Nhớ cài phanh tay trước và đặt gỗ chêm quanh bánh xe.
- Khi bánh sau bị kích lên, phanh tay sẽ không có tác dụng. Nếu không đặt gỗ chêm vào đúng vị trí từ trước sẽ rất nguy hiểm vì xe có thể di chuyển.
- Không được nhìn vào gầm xe hoặc chui vào gầm xe trong khi chỉ đỡ xe bằng con đội. Hành động này rất nguy hiểm. Luôn sử dụng chân kê gầm ô tô.



Dụng cụ
Xử lý con đội

→ Tham khảo trang 7-7

→ Tham khảo trang 7-160

Nếu bình ắc quy hết điện



THẬN TRỌNG

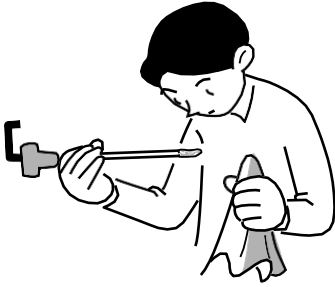
- Không cố khởi động động cơ bằng cách đẩy hoặc kéo xe. Bạn có thể làm hỏng động cơ.

Khi bình ắc quy hết điện

→ Tham khảo trang 8-11

Ngăn ngừa hư hỏng**Không đặt chân lên bàn đạp ly hợp khi lái xe****KHUYẾN CÁO**

- Nếu đặt chân lên bàn đạp ly hợp khi lái xe, ly hợp có thể nhả ra một phần mà bạn không hề hay biết, làm cho đĩa ly hợp bị mòn và ly hợp bị trượt. Ngoài ra, không trượt ly hợp để giữ xe ở vị trí (thay vì sử dụng phanh) như trên đường lên dốc chẳng hạn.

Nhớt động cơ có bị bẩn không?**KHUYẾN CÁO**

- Nhớt động cơ thực hiện các chức năng quan trọng sau:
 - Ngăn bảo mòn các bộ phận của động cơ.
 - Làm mát các bộ phận của động cơ.
 - Làm sạch các bộ phận của động cơ
 - Làm kín buồng đốt và ngăn ngừa gỉ sét.
- Thường xuyên thay nhớt động cơ.

Kiểm tra hàng ngày (Kiểm tra trước khi vận hành)

→ Tham khảo trang 7-22

Nhớt động cơ

→ Tham khảo trang 7-28

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

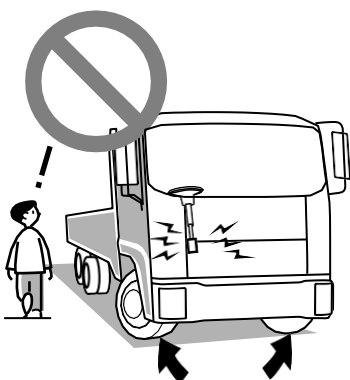
Không leo lên động cơ



KHUYẾN CÁO

- Không đứng lên hoặc trèo lên động cơ. Ví dụ, bạn có thể làm hỏng động cơ nếu làm hỏng chụp nắp quy lát hoặc các giắc nối khác.

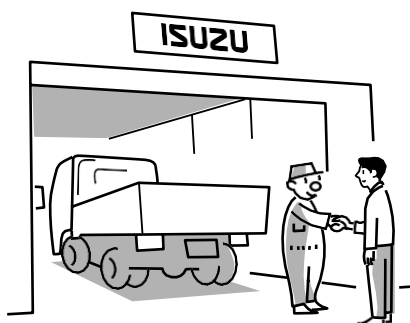
Không giữ vô lăng quay hết cỡ trong thời gian dài



CẢNH BÁO

- Nếu bạn giữ vô lăng quay hết cỡ một lúc lâu, nhớt trong bơm dầu trợ lực lái sẽ trở nên rất nóng. Điều này sẽ khiến nhớt bôi trơn kém hiệu quả, làm hỏng bình dầu và phớt, dẫn đến hỏng bơm dầu trợ lực lái, hỏng hộp lái và hỏng ống mềm trợ lực lái. Do đó, vô lăng có thể trở nên cực kỳ khó quay và có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc tai nạn khác.

Đảm bảo kiểm tra xe định kỳ



KHUYẾN CÁO

- Kiểm tra và bảo dưỡng giúp bạn yên tâm sử dụng xe. Việc này cũng giúp kéo dài tuổi thọ của xe.

Kiểm tra hàng ngày (Kiểm tra trước khi vận hành)

→ Tham khảo trang 7-22

Nhớt động cơ

→ Tham khảo trang 7-28

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Trường hợp cần mang xe đến Đại lý Isuzu**Không điều chỉnh xe****THẬN TRỌNG**

- Việc lắp các bộ phận không phù hợp với hoạt động và chức năng của xe có thể dẫn đến hư hỏng hoặc tai nạn. Để biết cách điều chỉnh (ví dụ: điều chỉnh động cơ) và lắp đặt thiết bị, hãy tham vấn Đại lý Isuzu của bạn.
- Nếu bạn muốn lắp phụ kiện vào xe, hãy tham vấn Đại lý Isuzu của bạn.

**Mang xe đến Đại lý Isuzu để điều chỉnh động cơ****THẬN TRỌNG**

- Không tự điều chỉnh động cơ.
- Hãy tham vấn Đại lý Isuzu của bạn.

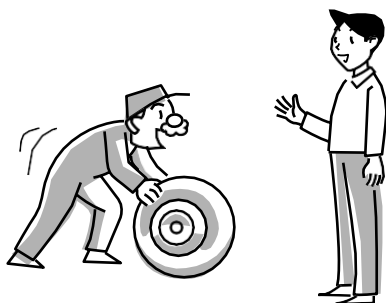
Hàn điện



KHUYẾN CÁO

- Hàn điện các bộ phận của xe không cẩn thận có thể khiến dòng điện hàn chạy ngược qua mạch nối đất của xe và làm hỏng các bộ phận điện và điện tử, khiến các bộ phận đó hoạt động không bình thường. Bất cứ khi nào cần hàn điện, hãy tham vấn Đại lý Isuzu của bạn.

Thay lốp xe và bánh xe



THẬN TRỌNG

- Hãy tham vấn Đại lý Isuzu của bạn trước khi thay lốp xe hoặc bánh xe. Tuyệt đối không sử dụng bánh xe có thiết kế không phù hợp với xe, nhiều loại lốp xe khác nhau hoặc lốp xe không đúng kích cỡ quy định. Việc này sẽ cản trở vận hành xe an toàn.

Bánh xe và lốp xe → Tham khảo trang 7-87

Thay lốp xe (Bánh xe JIS 6 bu-lông
hoặc 8 bu-lông)



→ Tham khảo trang 7-95

Thay lốp xe (Bánh xe 10 bu-lông theo chuẩn ISO)



→ Tham khảo trang 7-104

Lắp đặt thiết bị điện



THẬN TRỌNG

- Việc lắp đặt hoặc tháo thiết bị âm thanh, radio hoặc các thiết bị điện khác không đúng cách có thể ảnh hưởng xấu đến các thiết bị điện khác và gây ra hỏng hóc hoặc cháy nổ. Hãy yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn lắp đặt hoặc tháo các thiết bị điện.



KHUYẾN CÁO

[Lắp đặt thiết bị radio]

- Không lắp đặt bất kỳ bộ radio nào không phù hợp hay bất kỳ bộ radio hoặc ăng-ten nào không tuân thủ các tiêu chuẩn liên quan. Tiếng ồn từ bộ radio có thể gây nhiễu điện từ cho thiết bị điện tử và các hệ thống khác của xe, dẫn đến hỏng xe hoặc làm hỏng thiết bị điện tử. Hãy tham vấn Đại lý Isuzu của bạn nếu muốn lắp đặt thiết bị radio.

Bộ xúc tác khí thải vật chất dạng hạt (PM)

V

Bộ xúc tác khí thải sử dụng chất xúc tác oxy hóa để làm sạch vật liệu chưa cháy trong khí thải. Nhìn chung, nhiệt độ của khí thải từ động cơ diesel thấp khi động cơ chạy cầm chừng và do chất xúc tác oxy hóa không được kích hoạt trong điều kiện này nên nhiều loại khí thải khác nhau sẽ tích tụ trong chất xúc tác. Nếu sau đó tăng tốc động cơ hoặc tăng tốc xe từ trạng thái đứng yên, nhiệt độ khí thải sẽ tăng lên rất nhanh, khiến các chất tích tụ bị đẩy ra ngoài ngay lập tức dưới dạng khói trắng.

Lượng khói trắng thải ra theo cách này có xu hướng tỷ lệ thuận với thời gian chạy cầm chừng. Mặc dù khói trắng xả ra sẽ biến mất dần trong một hoặc hai phút, nhưng khói sẽ che khuất tầm nhìn của xe và gây cản trở các phương tiện giao thông khác. Điều này có thể dẫn đến tai nạn, do đó cần phải thực hiện các biện pháp khắc phục phù hợp.

**THẬN TRỌNG**

- Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro IV, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (từ 50 ppm trở xuống) hoặc nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống). Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro V, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống). Việc sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cao, nhiên liệu kém chất lượng, chất tách nước và các chất phụ gia khác có thể ảnh hưởng xấu đến bộ chuyển đổi xúc tác PM và các bộ phận động cơ khác, dẫn đến sự cố và làm hỏng động cơ.
- Ống giảm thanh và ống xả sẽ rất nóng khi động cơ đang hoạt động và ngay sau khi dừng. Tránh vô tình tiếp xúc với các bộ phận này khi làm việc gần chúng, ví dụ: nâng cabin và chất dỡ hàng hóa. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến bỏng.

**KHUYẾN CÁO**

- Hiệu quả của chất xúc tác sẽ tạm thời giảm xuống khi động cơ liên tục chạy cầm chừng trong thời gian dài.
- Để ngăn chặn thải khói trắng, đồng thời bảo vệ môi trường và ngăn chặn tình trạng nóng lên toàn cầu, hãy tránh chạy cầm chừng liên tục trong thời gian dài.

**LƯU Ý**

- Nếu tăng tốc động cơ hoặc tăng tốc xe sau một thời gian chạy cầm chừng liên tục, ống xả có thể thải ra lượng lớn khói trắng. Đây là hiện tượng bình thường và không phải dấu hiệu của sự cố hay trục trặc.
- Bộ xúc tác khí xả sử dụng chất xúc tác oxy hóa để làm sạch vật liệu chưa cháy trong khí xả; không phải để loại bỏ khói đen.
- Bộ xúc tác khí xả được tích hợp trong ống giảm thanh và không thể tháo rời.

Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD)

V

DPD giúp giảm thiểu vật chất dạng hạt (PM) trong khí thải. Bộ lọc DPD sẽ giữ lại PM. Khi một huếch lượng PM nhất định tích tụ trong kẹp DPD, bộ lọc sẽ tự động được làm sạch. (PM bị đốt cháy.) Để tránh làm hỏng DPD, hãy đảm bảo tuân thủ các điểm sau:

**CẢNH BÁO**

- DPD, ống giảm thanh và ống xả rất nóng trong khi động cơ đang chạy, trong quá trình làm sạch bộ lọc DPD (đốt cháy PM) và ngay sau khi vận hành xe. Hãy cẩn thận để không vô tình chạm vào các bộ phận đó. Nếu không, bạn có thể bị bỏng.
- Cỏ, giấy vụn hoặc bất kỳ vật liệu dễ cháy nào khác ở gần xe đều có thể bắt lửa.
- Trước khi tiến hành bảo dưỡng xe, hãy tắt động cơ và để động cơ nguội đi. Nếu không, bạn có thể bị bỏng.

**KHUYẾN CÁO**

- Hãy sử dụng nhớt động cơ chính hãng của Isuzu tương thích với DPD. Việc sử dụng nhớt không phải nhớt động cơ chính hãng của Isuzu tương thích với DPD sẽ làm tăng tần suất vệ sinh bộ lọc DPD và tiêu thụ nhiều nhiên liệu.
- Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro V, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống).
- Nếu bạn sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cao, nhiên liệu kém chất lượng, phụ gia tách nước hoặc các chất phụ gia khác, xăng, dầu hỏa hoặc nhiên liệu gốc cồn, chúng có thể gây hại cho bộ lọc nhiên liệu, ngăn cản các bộ phận được bôi trơn trong kim phun hoạt động chính xác và ảnh hưởng xấu đến các bộ phận của động cơ, có thể dẫn đến hư hỏng.
- Không điều chỉnh DPD, ống giảm thanh hoặc ống xả. Việc cân chỉnh, thay đổi chiều dài hoặc đường kính của ống xả sẽ ảnh hưởng xấu đến chức năng giảm phát thải khí thải của hệ thống xả. Nếu cần thực hiện điều chỉnh nào để lắp bộ phận vào phía sau xe, hãy tham vấn Đại lý Isuzu của bạn.
- Mặc dù bộ lọc DPD tự động tiến hành quá trình làm sạch (đốt cháy PM tích tụ) khi một lượng PM nhất định đã tích tụ, các điều kiện lái xe có thể ngăn cản hoàn thành quá trình làm sạch. Lúc này, đèn chỉ báo làm sạch thủ công sẽ nhấp nháy. Hãy thực hiện làm sạch thủ công theo đúng quy trình. Đây là điều bình thường và nhằm khôi phục chức năng của DPD.

**LƯU Ý**

- Nếu xe đứng yên khi động cơ chạy cầm chừng trong quá trình làm sạch, phanh xả hoặc bướm ga xả sẽ hoạt động. Âm thanh vận hành sẽ xuất hiện khi bật hoặc tắt phanh xả hoặc bướm ga xả. Âm thanh này không phải dấu hiệu cho thấy sự cố.
- Quá trình đốt cháy PM khi làm sạch có thể khiến ống xả thải ra khói trắng trong thời gian ngắn. Khói trắng không phải là dấu hiệu cho thấy sự cố. Không thực hiện làm sạch thủ công ở những nơi trong nhà thông gió kém.
- Khi xe mới đã đi được một quãng đường nhất định, xe có thể thải ra khói trắng trong quá trình làm sạch. Khói trắng không phải là dấu hiệu cho thấy sự cố. Xe có thể không thải ra khói trắng trong thời gian đầu vận hành khi còn mới.
- Mặc dù thân ống giảm thanh có thể thải ra khói trắng khi làm sạch lần đầu tiên, nhưng hiện tượng này cũng không phải sự cố.
- Đối với các model có ecostop, không thể dừng chạy cầm chừng khi quá trình làm sạch đang diễn ra, nhưng đây không phải là sự cố.
- Do có chức năng giảm phát thải khí thải, khí thải từ ống xả sẽ có mùi khác với khí thải từ ống xả của các xe động cơ diesel đời trước.
- Nếu để động cơ chạy cầm chừng liên tục trong thời gian dài, phanh xả có thể hoạt động sau một khoảng thời gian nhất định để ngăn thải ra khói trắng.

Bộ lọc khí thải động cơ diesel (DPD)

→ Tham khảo trang 7-128

Nhớt động cơ → Tham khảo trang 7-28

V

Kiểm tra và bảo dưỡng

Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên để tránh hư hỏng. Hãy thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ. Ngoài ra, hãy nhanh chóng khắc phục mọi sự cố trên xe (dù là sự cố nhỏ) để sự cố không trở nên nghiêm trọng hơn.

Nếu thấy triệu chứng nào trong bảng dưới đây, hãy kiểm tra và thực hiện hành động khắc phục theo bảng.

Nếu bạn không thể sửa chữa, hành động khắc phục trong bảng không làm hết triệu chứng hoặc bạn không thể xác định được sự cố, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

Triệu chứng	Nguyên nhân	Hành động khắc phục	Trang tham khảo
Khí thải màu trắng	Động cơ không đủ nóng	Làm động cơ nóng lên.	4-48
	Quá nhiều nhớt động cơ	Điều chỉnh mức nhớt.	7-29
	Hệ thống điều khiển động cơ bị lỗi	⊙	—
	Hệ thống nhiên liệu bị lỗi	⊙	—
	Liên tục chạy cầm chừng trong thời gian dài (hơn hai giờ)	Khi xe dừng ở nơi không gây cản trở giao thông, hãy nhấn giữ bàn đạp ga và kiểm tra xem có khói trắng không.	—
Khí thải màu đen	Hệ thống điều khiển động cơ bị lỗi	⊙	—
	Bộ lọc gió bị tắc	Làm sạch hoặc thay phần tử lọc.	7-58
	Hệ thống nhiên liệu bị lỗi	⊙	—
	Hệ thống xả bị tắc	⊙	—
	DPD bị lỗi	⊙	—



KHUYẾN CÁO

- Mọi mục có ⊙ trong cột "Hành động khắc phục" đều cần sửa chữa và điều chỉnh. Hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

Thu thập dữ liệu xe

Giống như các phương tiện cơ giới hiện đại khác, xe của bạn cũng có một số hệ thống máy tính tinh vi để theo dõi và kiểm soát một số khía cạnh hoạt động của xe. Xe của bạn sử dụng máy tính trên xe để giám sát các bộ phận kiểm soát khí thải nhằm tối ưu hóa khả năng tiết kiệm nhiên liệu và giúp tài xế điều khiển xe trong những tình huống lái xe khó khăn. Một số thông tin có thể được lưu trữ trong quá trình vận hành bình thường để phục vụ việc sửa chữa các sự cố đã phát hiện.

Isuzu có thể tải xuống và truy xuất thông tin được lưu trữ nhằm mục đích chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa xe của bạn hoặc cải tiến thêm các phương tiện cơ giới của Isuzu trong tương lai.

Turbo tăng áp

Khởi động động cơ nói chung

Bạn phải khởi động turbo tăng áp sao cho bôi trơn hết các bạc đạn đỡ bộ phận quay của turbo tăng áp. Không tăng tốc động cơ khi nguội.

Tắt động cơ nói chung



KHUYẾN CÁO

- Sau khi lái xe chở hàng hóa nặng hoặc sau khi lái xe trên đường cao tốc, hãy để động cơ chạy cầm chừng ít nhất 3 phút để làm mát động cơ. Như vậy, turbo tăng áp có thể quay trở lại tốc độ cầm chừng. Lúc này, áp suất nhớt động cơ sẽ sẵn sàng bôi trơn và kéo dài tuổi thọ của bạc đạn turbo tăng áp.

Cam kết tuân thủ UN R13 (ECE R13)

Thông tin theo yêu cầu của quy định về phanh châu Âu UN R13 (ECE R13) được công bố trên trang web sau.

URL: <http://www.isuzu.co.jp/world/index.html>

Để xem thông tin chi tiết trên trang web, hãy nhấp vào “Customer Information” (Thông tin khách hàng).

Nhấp vào “Isuzu Brake Wear Check Procedure (UN R13 (ECE R13) regulation)” (Quy trình kiểm tra độ mòn phanh của Isuzu (Quy định UN R13 (ECE R13))) rồi nhập số khung (VIN) của xe bạn.



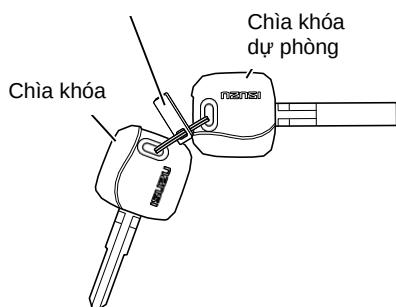
• Chìa khóa	3-2
• Chìa khóa có chip truyền tín hiệu mã hoá khóa động cơ ☐	3-3
• Mở và đóng cửa	3-4
• Lên và xuống xe	3-7
• Kính cửa sổ điện ☐	3-8
• Cửa sổ vận hành thủ công ☐	3-9
• Bình nhiên liệu	3-10
• Hộp dụng cụ ☐	3-12
• Ghế	3-12
• Vô lăng điều chỉnh được hoàn toàn	3-20
• Gương	3-21
• Dây đai an toàn	3-24

Chìa khóa

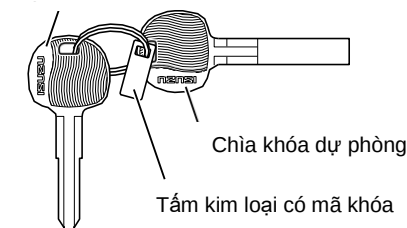
Chìa khóa có chip truyền tín hiệu mã hoá khóa động cơ

Chìa khóa không có chip truyền tín hiệu mã hoá khóa động cơ

Tấm kim loại có mã khóa



Chìa khóa



Hai mặt của chìa khóa giống hệt nhau nên bạn có thể cắm chìa khóa vào công tắc khởi động theo cách nào cũng được.

Mã khóa nằm trên một tấm kim loại riêng để ngăn người khác lấy được mã khóa.

Dùng chìa khóa ở đâu?

Ở đâu	Để làm gì
Công tắc khởi động	Khởi động và dừng động cơ
Cửa trước	Khóa và mở khóa cửa
Nắp bình nhiên liệu (nếu có)	Khóa và mở khóa nắp bình nhiên liệu



KHUYẾN CÁO

- Lau sạch bụi bẩn trên chìa khóa trước khi sử dụng.



LƯU Ý

- Để chống trộm, hãy để tấm kim loại có mã khóa ở nơi an toàn, không để trong xe.
- Nếu làm mất chìa khóa, hãy cung cấp mã khóa cho Đại lý Isuzu của bạn. Đại lý Isuzu sẽ có thể làm lại chìa khóa cho bạn.
- Nếu bạn bán lại xe, hãy giao lại tấm kim loại có mã khóa cho chủ mới cùng với xe.

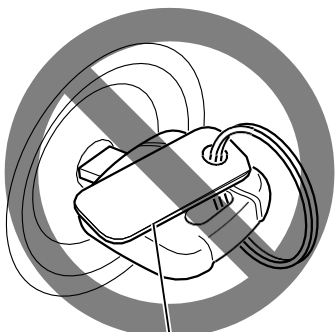
Chìa khóa có chip mã hoá khóa động cơ

V

Chìa khóa có một con chip truyền tín hiệu mã hoá khóa động cơ.

Hệ thống mã hoá khóa động cơ chống trộm chỉ cho phép khởi động động cơ khi nhận được tín hiệu từ bộ truyền tín hiệu của chìa khóa đã đăng ký từ trước.

Tuy nhiên, ngay cả khi sử dụng khóa đã đăng ký từ trước, có thể bạn vẫn không khởi động được động cơ trong các trường hợp sau đây. Nếu không khởi động được động cơ do móc treo chìa khóa kim loại, hãy tháo móc treo chìa khóa rồi thử lại; đầu tiên vận công tắt khởi động sang vị trí "ACC" hoặc "LOCK", sau đó chuyển sang vị trí "START" để khởi động động cơ.



Vòng khóa kim loại, v.v.



Chìa khóa truyền tín hiệu của xe khác

- Có vật nào ở gần đó đang phát ra sóng radio mạnh.
- Một vật bằng kim loại đang chạm vào hoặc che tay cầm của chìa khóa.



CẢNH BÁO

- Không giữ Công tắt khởi động ở vị trí "START" quá 10 giây. Vận hành máy khởi động quá lâu có thể làm hỏng bình ắc quy hoặc dẫn đến quá nhiệt, thậm chí hỏa hoạn.

- Chìa khóa truyền tín hiệu của xe khác ở gần chìa khóa của bạn.

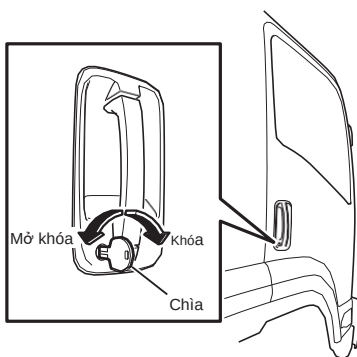


KHUYẾN CÁO

- Nếu bạn bị mất chìa khóa truyền tín hiệu, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.
- Không để chìa khóa truyền tín hiệu ở trên bảng điều khiển hoặc bất kỳ bề mặt nào khác mà chìa khóa có thể tiếp xúc với nhiệt độ cao (vượt quá 60°C/140°F).
- Không đặt vật có từ tính gần chìa khóa truyền tín hiệu.

Mở và đóng cửa**THẬN TRỌNG**

- Tuyệt đối tuân thủ hướng dẫn sau bất cứ khi nào bạn rời khỏi xe: 1) Cài hết phanh tay. 2) Dừng động cơ. 3) Khóa cửa.
- Khi bạn đóng cửa sau khi ngồi sau vô lăng, hãy kiểm tra xem cửa đã đóng hoàn toàn chưa. Lái xe khi cửa mở rất nguy hiểm.
- Trước khi mở cửa khi lên hoặc xuống cabin, hãy kiểm tra cẩn thận tất cả khu vực xung quanh xe để đảm bảo an toàn, đặc biệt là khu vực phía sau xe.
- Tuyệt đối không để lại chìa khóa trong xe.
- Chỉ nâng cabin sau khi đóng hết các cửa.

Khóa và mở khóa cửa trước**Khóa và mở khóa cửa từ bên ngoài bằng chìa khóa**

Cắm chìa khóa chắc chắn.

Xoay chìa khóa về phía sau xe để mở khóa cửa và xoay chìa khóa về phía trước xe để khóa cửa.



Khóa và mở khóa cửa từ bên trong

Đẩy nút khóa về phía trước để khóa cửa;
kéo nút khóa về phía sau để mở khóa cửa.

Khóa cửa từ bên ngoài mà không sử dụng chìa khóa

Đầu tiên, đẩy nút khóa trên tay nắm cửa bên trong về phía trước, sau đó đóng cửa trong khi vẫn nâng tay nắm cửa bên ngoài.



KHUYẾN CÁO

- Trước khi đóng cửa, hãy kiểm tra xem bạn đã cắm chìa khóa chưa.

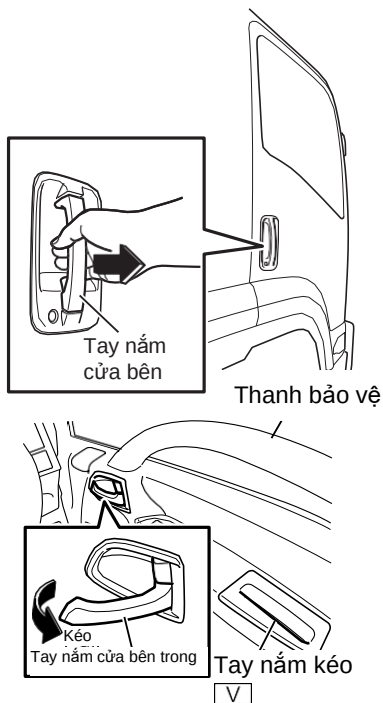
Khóa cửa điện (Khóa cửa trung tâm)

V

Cách hoạt động của hệ thống khóa cửa điện:

Khi bạn khóa hoặc mở khóa cửa tài xế bằng chìa khóa hoặc nút khóa, hệ thống khóa cửa điện sẽ tự động khóa hoặc mở khóa đồng thời tất cả các cửa.

Mở và đóng cửa trước

**Mở và đóng cửa từ bên ngoài**

Để mở cửa, hãy kéo tay nắm cửa bên ngoài.

Để đóng cửa, hãy đẩy tay nắm cửa bên ngoài.

Mở và đóng cửa từ bên trong

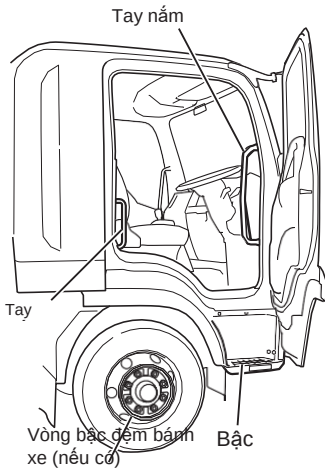
Để mở cửa, hãy kéo tay nắm cửa bên trong.

Để đóng cửa, hãy kéo tay nắm kéo. Đối với xe không có tay nắm kéo, hãy kéo thanh bảo vệ.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi rời khỏi xe, hãy đảm bảo dừng động cơ và khóa cửa. Tuyệt đối không để lại chìa khóa trong xe.

Lên và xuống xe



Kiểm tra kỹ xem khu vực xung quanh xe có an toàn không, nắm chặt tay nắm và đặt chân lên bậc cửa hoặc vòng bậc đệm bánh xe khi ra vào xe.

**THẬN TRỌNG**

- Khi lên hoặc xuống xe, hãy sử dụng tay nắm và bậc cửa hoặc vòng bậc đệm bánh xe để cơ thể luôn có ít nhất 3 điểm tựa trở lên. Đứng lên lốp hoặc bánh xe khi lên hoặc xuống xe là rất nguy hiểm. Hơn nữa, không được cố nhảy lên hoặc nhảy xuống xe vì có thể gây ra tai nạn hoặc thương tích không mong muốn.
- Lên hoặc xuống xe khi tay hoặc giày dính dầu, nhớt có thể khiến bạn bị trượt. Luôn lau sạch dầu mỡ, v.v. trên tay và giày trước khi lên hoặc xuống xe.
- Mưa và tuyết có thể làm bậc cửa hoặc vòng bậc đệm bánh xe trở nên rất trơn. Do đó, hãy loại bỏ tuyết và băng trên giày và bậc cửa hoặc vòng bậc đệm bánh xe, đồng thời cẩn thận để không bị trượt khi lên và xuống xe.
- Thận trọng khi mở hoặc đóng cửa vì gió mạnh hoặc độ dốc lớn có thể khiến cửa đóng hoặc mở đột ngột.

**KHUYẾN CÁO**

- Không cầm vào các bộ phận không phải tay nắm khi lên hoặc xuống xe. Hành động này có thể làm hỏng xe hoặc gây thương tích cho chính bạn hoặc người khác.

Kính cửa sổ điện

V

Kính cửa sổ điện chỉ hoạt động khi công tắc khởi động ở vị trí "ON". Mở từng cửa sổ bằng cách nhấn công tắc kính cửa sổ điện; đóng từng cửa sổ bằng cách nâng công tắc.



CẢNH BÁO

- Trước khi đóng cửa sổ, hãy đảm bảo tay, đầu hoặc bất cứ thứ gì khác không có nguy cơ bị kẹt vào kính cửa sổ đang di chuyển. Nếu không, có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng. Đặc biệt lưu ý điều này khi đi cùng trẻ em.

Công tắc kính cửa sổ trên cửa tài xế

Mở cửa sổ phía tài xế

Nhấn nhẹ công tắc kính cửa sổ phía tài xế sẽ hạ kính cửa sổ phía tài xế xuống cho đến khi nhà công tắt ra (vận hành ở chế độ thủ công). Khi ấn mạnh công tắc, kính cửa sổ sẽ hạ xuống hoàn toàn mà không cần nhấn giữ công tắc (vận hành ở chế độ tự động). Nếu bạn muốn kính cửa sổ dừng chuyển động tự động trước khi hạ xuống hoàn toàn, hãy nâng nhẹ công tắc lên.

Đóng cửa sổ phía tài xế

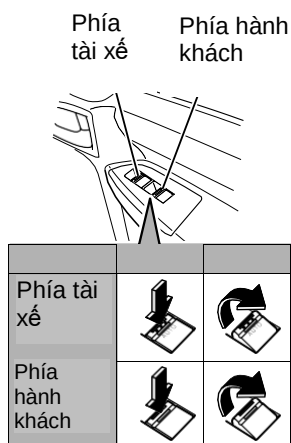
Nâng nhẹ công tắc kính cửa sổ phía tài xế sẽ nâng kính cửa sổ phía tài xế lên cho đến khi nhà công tắt ra.

Mở cửa sổ phía hành khách

Kính cửa sổ phía hành khách sẽ hạ xuống liên tục khi nhấn công tắc bên hành khách trên cửa phía tài xế.

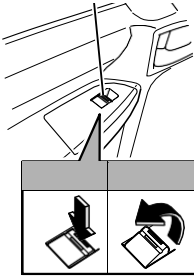
Đóng cửa sổ phía hành khách

Kính cửa sổ phía hành khách sẽ nâng lên liên tục khi nâng công tắc phía hành khách trên cửa phía tài xế lên.



Công tắt kính cửa sổ trên cửa phía hành khách

Phía hành khách



THẬN TRỌNG

- Luôn cảnh báo hành khách không để bất kỳ bộ phận nào của cơ thể bị kẹt hoặc mắc vào kính cửa sổ đang di chuyển, đặc biệt trong trường hợp có trẻ em.

Kính cửa sổ sẽ hạ xuống liên tục khi nhấn công tắt kính cửa sổ và sẽ nâng lên liên tục khi nâng công tắt lên. Kính cửa sổ sẽ ngừng di chuyển tại bất kỳ vị trí nào khi nhả công tắt.

Cửa sổ vận hành thủ công

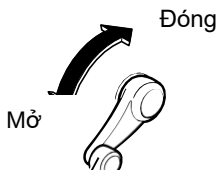
V



THẬN TRỌNG

- Đảm bảo bạn và hành khách không có nguy cơ bị kẹt bộ phận nào của cơ thể vào cửa sổ. Bạn nên đặc biệt cẩn trọng nếu có trẻ em đi cùng.

Tay quay điều chỉnh kính cửa



Tay quay điều chỉnh kính cửa

Xoay tay quay điều chỉnh kính cửa sổ để mở hoặc đóng cửa sổ.

Bình nhiên liệu



CẢNH BÁO

- Hãy xoay Công tắc khởi động sang vị trí "ACC" hoặc "LOCK" để tắt động cơ trước khi tiếp nhiên liệu cho xe. Việc tiếp nhiên liệu khi động cơ đang chạy có thể gây cháy xe.
- Khi tiếp nhiên liệu, tuyệt đối không hút thuốc hoặc đặt bất kỳ nguồn đánh lửa nào ở gần. Làm như vậy có thể dẫn đến cháy nổ.
- Sau khi tiếp nhiên liệu, hãy nắp chặt bình nhiên liệu.
- Không sử dụng bất kỳ nắp bình nhiên nào không phải phụ tùng chính hãng của Isuzu.

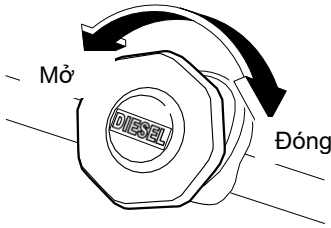


THẬN TRỌNG

- Chỉ được sử dụng nhiên liệu diesel. Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro IV, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (từ 50 ppm trở xuống) hoặc nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống). Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro V, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống).
Tránh sử dụng: nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cao; nhiên liệu kém chất lượng; bất kỳ loại phụ gia nhiên liệu nào có chất tách nước; xăng; dầu hỏa; nhiên liệu gốc cồn và hỗn hợp trộn bất kỳ loại nào ở trên với nhiên liệu diesel được phép sử dụng. Sử dụng những nhiên liệu đó sẽ làm hỏng bộ lọc nhiên liệu, bôi trơn kim phun kém hiệu quả và ảnh hưởng xấu đến các bộ phận của động cơ, có thể làm hỏng xe. Nếu đổ nhầm nhiên liệu, hãy xả hết nhiên liệu đó ra trước rồi mới đổ loại nhiên liệu đúng. Việc khởi động động cơ khi chưa thay thế nhiên liệu đổ nhầm là rất nguy hiểm vì có thể làm hỏng động cơ, thậm chí gây ra hỏa hoạn.
- Sử dụng nhiên liệu diesel không phải loại có hàm lượng lưu huỳnh thấp hoặc cực thấp cho model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro IV có thể làm cho xe không tuân thủ các yêu cầu pháp lý của địa phương. Sử dụng nhiên liệu diesel không phải loại có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp cho model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro V có thể làm cho xe không tuân thủ các yêu cầu pháp lý của địa phương.
- Từ từ mở nắp bình nhiên liệu. Nếu mở nhanh, nhiên liệu có thể trào ra khỏi miệng lỗ châm.

Sử dụng trạm xăng tự phục vụ

→ Tham khảo trang 2-5



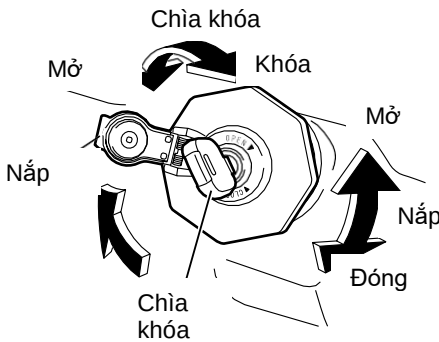
Mở và đóng nắp bình nhiên liệu (không có ổ khóa)

1. Loại bỏ tĩnh điện khỏi cơ thể trước khi mở nắp bình nhiên liệu.
2. Từ từ xoay nắp ngược chiều kim đồng hồ để mở.
3. Tiếp nhiên liệu vào bình.
4. Căn chỉnh các rãnh trên nắp và bình rồi xoay nắp theo chiều kim đồng hồ để đóng lại.
5. Kiểm tra xem đã đóng chặt nắp chưa.



CẢNH BÁO

- Nếu không đóng chặt nắp bình nhiên liệu, nhiên liệu bị rò rỉ có thể gây hỏa hoạn khi động cơ đang chạy.



Mở và đóng nắp bình nhiên liệu (có ổ khóa)

1. Loại bỏ tĩnh điện khỏi cơ thể trước khi mở nắp bình nhiên liệu.
2. Mở nắp, sau đó cắm chìa khóa chắc chắn và xoay sang vị trí "OPEN".
3. Từ từ xoay nắp ngược chiều kim đồng hồ để mở.
4. Tiếp nhiên liệu vào bình.
5. Vặn chặt nắp vào bình nhiên liệu.
6. Xoay chìa khóa để khóa nắp bình nhiên liệu.
7. Rút chìa khóa ra, sau đó đảm bảo đã đóng chặt nắp bình nhiên liệu.



CẢNH BÁO

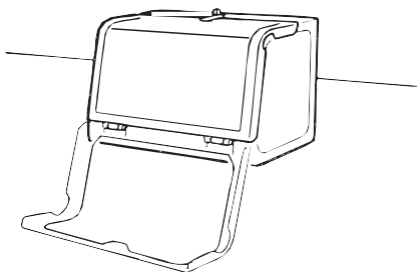
- Nếu không đóng chặt nắp bình nhiên liệu, nhiên liệu bị rò rỉ có thể gây hỏa hoạn trong khi lái xe.



KHUYẾN CÁO

- Khi mở hoặc đóng nắp bình nhiên liệu, hãy nắm vào nắp bình nhiên liệu, không nắm vào chìa khóa. Nếu cố vặn nắp bình nhiên liệu bằng chìa khóa, bạn có thể làm hỏng chìa khóa.
- Lau sạch bụi bẩn trên chìa khóa sau khi rút ra.

Hộp dụng cụ



Hộp công cụ nằm trên khung xe bên ngoài (ở giữa hoặc gần đuôi xe).

**THẬN TRỌNG**

- Đóng chặt hộp dụng cụ để nắp không bị bung ra khi xe đang di chuyển.

Hộp dụng cụ  → Tham khảo trang 7-182

Ghế

Bạn phải điều chỉnh ghế lái sao cho khi ngồi vào ghế, bạn hoàn toàn có thể nhấn bàn đạp mà không cần nhấc lưng khỏi lưng ghế, đồng thời có thể điều khiển vô lăng một cách dễ dàng và thoải mái. Sau khi điều chỉnh, hãy kiểm tra xem ghế đã khóa hoàn toàn chưa.

Điều chỉnh ghế lái sao cho phù hợp với tư thế lái xe là bước cơ bản để đảm bảo vận hành xe an toàn.

Điều khiển vô lăng dễ dàng và

Không cần nhấc vai khỏi lưng ghế



Có thể thắt dây đai an toàn một cách chính xác

Hoàn toàn có thể nhấn bàn đạp

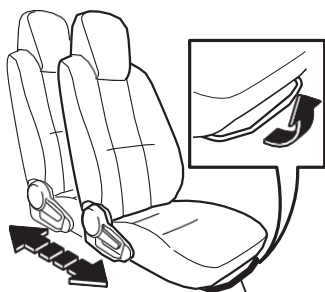
**CẢNH BÁO**

- Thận trọng khi điều chỉnh ghế, nếu không có thể gây thương tích.
- Tuyệt đối không cho phép trẻ em tự điều chỉnh ghế của mình; người lớn nên điều chỉnh ghế cho trẻ em ngồi.
- Chỉ điều chỉnh ghế trước khi bắt đầu lái xe. Tránh điều chỉnh ghế khi xe đang di chuyển vì ghế chưa khóa sẽ di chuyển qua lại không ổn định, khiến bạn không ngồi đúng vị trí, đồng thời có thể khiến bạn mất kiểm soát xe, dẫn đến tai nạn.
- Cố lung lay ghế khi không mở chốt sau khi điều chỉnh để kiểm tra xem ghế đã được khóa hoàn toàn chưa. Nếu khóa lỏng lẻo, ghế có thể di chuyển bất ngờ và vị trí của bạn có thể trở nên không ổn định; điều này có thể dẫn đến tai nạn. Hãy mang xe đến Đại lý Isuzu của bạn để bảo dưỡng nếu thấy cơ cấu điều chỉnh ghế không thể chốt chặt. Ngoài ra, dây đai an toàn sẽ hoạt động không hiệu quả nếu lưng ghế chưa được khóa hoàn toàn.
- Lái xe trên ghế bị ngã ra quá mức sẽ rất nguy hiểm trong trường hợp xảy ra va chạm hoặc dừng xe đột ngột. Nâng lưng ghế và thắt dây đai an toàn đúng cách khi ngồi thẳng trên ghế.
- Không đặt đệm hoặc đồ vật tương tự giữa lưng bạn và lưng ghế. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến sự ổn định của tư thế lái xe mà còn khiến dây đai an toàn hoạt động không hiệu quả trong trường hợp xảy ra va chạm.
- Không đặt bất kỳ đồ vật nào dưới ghế. Nếu có bất kỳ đồ vật nào dưới ghế, ghế có thể được khóa ở vị trí không phù hợp.
- Trước khi điều chỉnh, hãy kiểm tra để đảm bảo ray ghế không có bất cứ thứ gì có thể cản trở việc khóa ghế. Cẩn thận không để tay hoặc chân kẹt vào ghế hoặc ray ghế khi điều chỉnh.
- Khi điều chỉnh ghế, hãy cẩn trọng để ghế không va vào hành khách hoặc đồ đạc. Điều này có thể gây thương tích cho hành khách hoặc làm hỏng đồ đạc.
- Đảm bảo không va vào hành khách hoặc hành lý khi điều chỉnh ghế.
- Đối với các model có ghế treo khí nén, hệ thống treo có thể khiến ghế di chuyển lên hoặc xuống khi bạn ngồi xuống hoặc đứng dậy. Để tay tránh xa các bộ phận chuyển động hoặc gài ghế. Nếu không, bạn có thể bị thương.

Ghế lái (Loại 1)

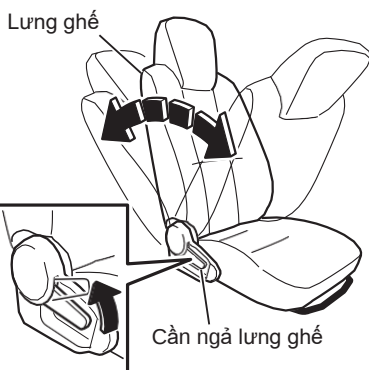
V

Điều chỉnh ngả về trước/sau



Cần điều chỉnh vị trí trước-sau

Khi đang nâng cần, hãy di chuyển ghế về phía trước hoặc phía sau. Nhả cần khi ghế ở vị trí mong muốn. Sau khi điều chỉnh, hãy cố lưng lay ghế để kiểm tra xem ghế đã được khóa hoàn toàn chưa.



Lưng ghế

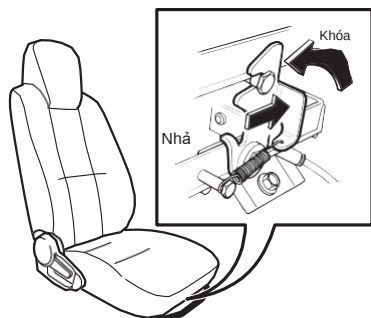
Cần ngả lưng ghế

Điều chỉnh ngả ghế

Để ngả lưng ghế, hãy nâng cần ngả lưng ghế và nhẹ nhàng ngả người tới vị trí mong muốn.

Để đưa lưng ghế lên phía trước, hãy ngả người về phía trước sao cho lưng chạm hờ vào lưng ghế và nâng cần lên.

Sau khi điều chỉnh, hãy kiểm tra xem lưng ghế đã khóa hoàn toàn chưa.



Nhả

Khóa

Khóa hệ thống treo (Ghế treo khí nén)

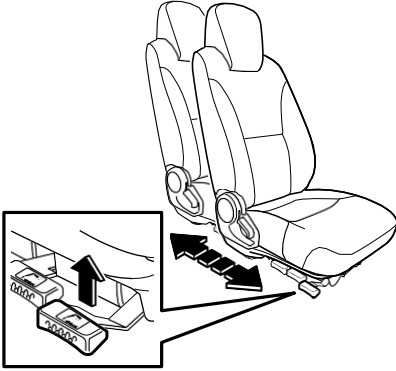
Xoay cần lên để khóa ghế ở độ cao cố định. Điều khiển cần sau khi ra khỏi ghế.



THẬN TRỌNG

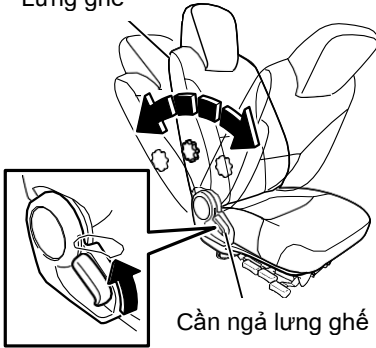
- Điều khiển cần khi đang ngồi có thể khiến ngón tay hoặc bàn tay của bạn bị kẹt bất ngờ và bị thương.

Ghế lái (Loại 2)



Điều chỉnh ngả về trước/sau Khi đang nâng cần mở khóa, hãy di chuyển ghế về phía trước hoặc phía sau. Nhả cần khi ghế ở vị trí mong muốn. Sau khi điều chỉnh, hãy cố lưng lay ghế để kiểm tra xem ghế đã được khóa hoàn toàn chưa.

Lưng ghế

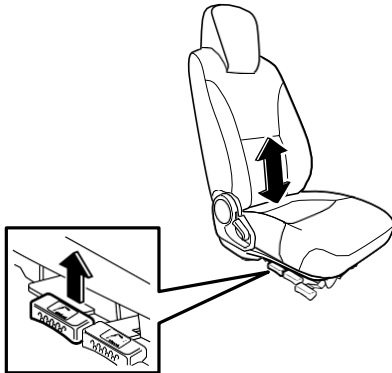


Cần ngả lưng ghế

Điều chỉnh ngả ghế

Để ngả lưng ghế ra, hãy nâng cần ngả lưng ghế và nhẹ nhàng ngả người tới vị trí mong muốn. Để đưa lưng ghế lên phía trước, hãy ngả người về phía trước sao cho lưng chạm hờ vào lưng ghế và nâng cần lên.

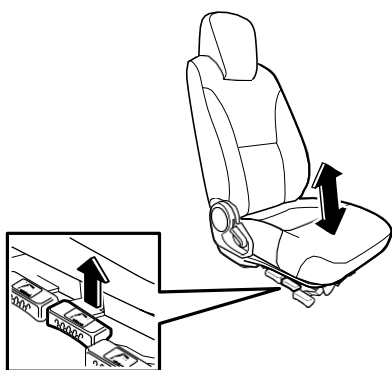
Sau khi điều chỉnh, hãy kiểm tra xem lưng ghế đã khóa hoàn toàn chưa.

**Điều chỉnh độ nghiêng phía sau của đệm**

Có thể điều chỉnh độ cao phía sau đệm bằng cách nâng cần nâng nghiêng đệm phía sau.

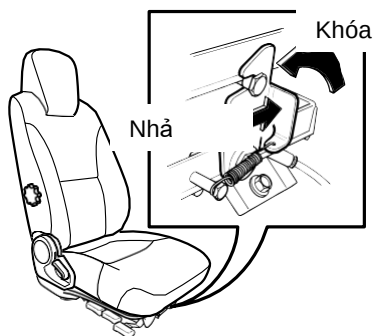
Điều chỉnh độ nghiêng phía trước của đệm

Có thể điều chỉnh độ cao phía trước đệm bằng cách nâng cần nghiêng đệm phía trước.



Khóa hệ thống treo (Ghế treo khí nén)

Xoay cần lên để khóa ghế ở độ cao cố định. Điều khiển cần sau khi ra khỏi ghế.

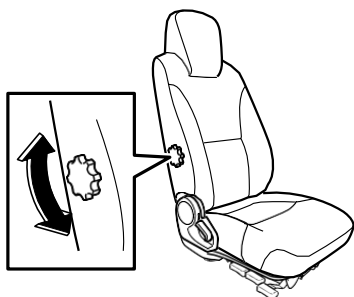


THẬN TRỌNG

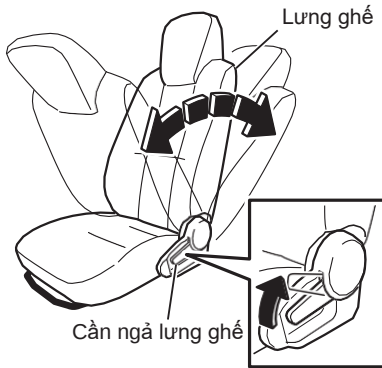
- Điều khiển cần khi đang ngồi có thể khiến ngón tay hoặc bàn tay của bạn bị kẹt bất ngờ và bị thương.

Đệm đỡ lưng

Chọn độ cứng mong muốn cho đệm đỡ lưng bằng cách xoay núm. Độ cứng phù hợp sẽ giúp giảm bớt mệt mỏi khi lái xe đường dài.



Ghế hành khách (Loại 1)

**Điều chỉnh ngả ghế**

Để ngả lưng ghế, hãy nâng cần ngả lưng ghế và nhẹ nhàng ngả người tới vị trí mong muốn.

Để đưa lưng ghế lên phía trước, hãy ngả người về phía trước sao cho lưng chạm hờ vào lưng ghế và nâng cần lên.

Sau khi điều chỉnh, hãy kiểm tra xem lưng ghế đã khóa hoàn toàn chưa.

**THẬN TRỌNG**

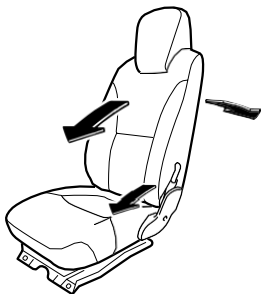
- Tương tự tài xế, hành khách cũng phải thắt dây đai an toàn đúng cách trong khi xe chạy, để phòng trường hợp cơ thể chịu lực mạnh nguy hiểm do va chạm hoặc phanh gấp.
- Trong khi xe chạy, lưng ghế của ghế hành khách không được ngả về phía trước. Ghế hành khách ở vị trí này sẽ che khuất tầm nhìn của tài xế về phía hành khách.

Ghế hành khách (Loại 2)

V

Điều chỉnh ngả ghế

Nâng cần ngả để điều chỉnh góc lưng ghế.

**THẬN TRỌNG**

- Tương tự tài xế, hành khách cũng phải thắt dây đai an toàn đúng cách trong khi xe chạy, để phòng trường hợp cơ thể chịu lực mạnh nguy hiểm do va chạm hoặc phanh gấp.
- Trong khi xe chạy, lưng ghế của ghế hành khách không được ngả về phía trước. Ghế hành khách ở vị trí này sẽ che khuất tầm nhìn của tài xế về phía hành khách.

Ghế trung tâm



Nếu ghế trung tâm không có người ngồi, hãy gấp lưng ghế về phía trước bằng cần gạt ở bên cạnh ghế trung tâm.

**THẬN TRỌNG**

- Tương tự tài xế, hành khách cũng phải thắt dây đai an toàn đúng cách trong khi xe chạy, để phòng trường hợp cơ thể chịu lực mạnh nguy hiểm do va chạm hoặc phanh gấp.
- Không được để hành lý trên ghế trung tâm. Hành lý nếu rơi xuống sàn khi xe phanh gấp có thể khiến tài xế không thể sử dụng bàn đạp.

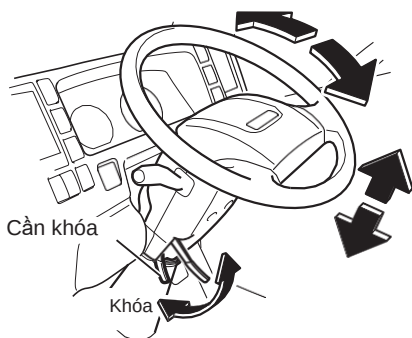


Vô lăng điều chỉnh được hoàn toàn

Có thể điều chỉnh vô lăng lên xuống cũng như ra trước và sau.

**CẢNH BÁO**

- Sau khi điều chỉnh vô lăng, hãy thử di chuyển vô lăng lên và xuống để đảm bảo vô lăng đã khóa hoàn toàn trước khi điều khiển xe.
- Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe không di chuyển. Điều chỉnh vô lăng khi xe đang di chuyển rất nguy hiểm vì vô lăng chuyển động lên xuống sẽ ngăn cản tài xế điều khiển xe đúng cách.

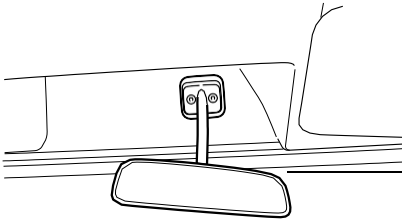
**Điều chỉnh**

1. Nâng khóa nâng về phía bạn để mở khóa trụ lái.
2. Ngồi vào đúng tư thế lái xe, sau đó di chuyển vô lăng lên xuống, ra trước và sau để chọn vị trí vô lăng tối ưu.
3. Khóa chặt vô lăng ở vị trí đã chọn bằng cách di chuyển khóa nâng đến vị trí khóa.

Gương

Ngồi đúng tư thế lái xe trên ghế đã được điều chỉnh phù hợp, sau đó kiểm tra từng gương để đảm bảo có thể nhìn được phía sau, hai bên, khu vực ngay phía trước xe và khu vực đối diện trực tiếp với ghế lái qua gương. Thực hiện các điều chỉnh cần thiết và lau sạch gương bẩn.

Gương trong xe



Điều chỉnh

Di chuyển gương đến vị trí có tầm quan sát phía sau thích hợp.



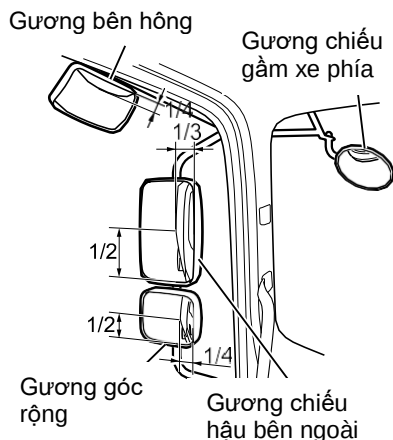
THẬN TRỌNG

- Điều chỉnh gương khi xe đứng yên, không điều chỉnh gương khi xe đang di chuyển.

Gương bên ngoài

Gương gắn cửa ☐

Sau khi điều chỉnh ghế để phù hợp với tư thế lái xe, hãy điều chỉnh các gương nêu bên dưới sao cho có tầm quan sát thích hợp để kiểm tra phía sau, bên cạnh và các khu vực ngay phía trước và ngay bên hông xe bằng cách di chuyển từng gương.



Gương chiếu hậu bên ngoài ☐

Chiều ngang: Điều chỉnh gương sao cho bạn có thể nhìn thấy bên hông xe, bao gồm thùng xe chiếm 1/3 tầm nhìn trong gương.

Chiều dọc: Điều chỉnh gương sao cho bạn nhìn thấy gầm phía sau xe chiếm 1/2 chiều cao của gương.

Gương góc rộng ☐

Chiều ngang: Điều chỉnh gương sao cho bạn có thể nhìn thấy bên hông xe chiếm 1/4 tầm nhìn trong gương.

Chiều dọc: Điều chỉnh gương sao cho bạn nhìn thấy gầm phía sau xe chiếm 1/2 chiều cao của gương.

Gương chiếu gương xe phía trước

Điều chỉnh gương sao cho bạn nhìn thấy mép cản trước ở chính giữa gương và góc dưới kính chắn gió dọc theo cạnh gương.

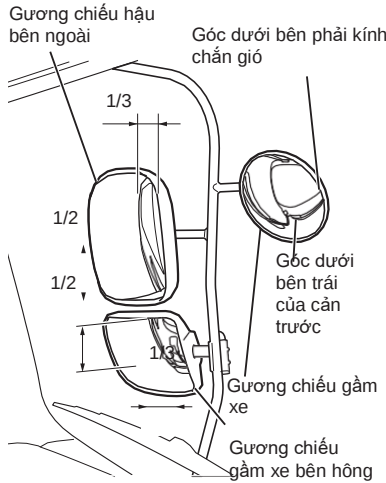
Gương bên hông ☐

Chiều ngang: Điều chỉnh gương sao cho bạn có thể nhìn thấy bên cạnh cabin trong gương.

Chiều dọc: Điều chỉnh gương sao cho bạn nhìn thấy xe chiếm 1/4 tầm nhìn phía trên của gương.

Gương lắp trên trụ

Sau khi điều chỉnh ghế để phù hợp với tư thế lái xe, hãy điều chỉnh các gương nêu bên dưới sao cho có tầm nhìn thích hợp để kiểm tra phía sau, bên cạnh và các khu vực ngay phía trước và ngay bên hông xe bằng cách di chuyển từng gương.

**Gương chiếu hậu bên ngoài**

Chiều ngang: Điều chỉnh gương sao cho bạn có thể nhìn thấy bên hông xe chiếm 1/3 tầm nhìn trong gương.

Chiều dọc: Điều chỉnh gương sao cho bạn nhìn thấy góc dưới cùng phía sau của cửa xe chiếm 1/2 chiều cao của gương.

Gương chiếu gương xe bên hông

Chiều ngang: Điều chỉnh gương sao cho bạn nhìn thấy bên hông xe chiếm 1/3 tầm nhìn trong gương.

Chiều dọc: Điều chỉnh gương sao cho bạn nhìn thấy góc bên trái của cần trước chiếm 1/2 chiều cao của gương.

Gương chiếu gương xe

Điều chỉnh gương sao cho bạn nhìn thấy mép cần trước ở chính giữa gương và góc của kính chắn gió dọc theo cạnh trên của gương.

**THẬN TRỌNG**

- Điều chỉnh gương khi xe đứng yên, không điều chỉnh gương khi xe đang di chuyển.
- Khi kiểm tra đuôi xe qua gương, hãy cẩn thận để không bị mất tập trung khỏi phương tiện giao thông phía trước.
- Gương chiếu hậu có thể khiến bạn cảm thấy phương tiện giao thông phía sau xa hơn so với thực tế. Sử dụng gương thật cẩn thận để có thể xác định chính xác khoảng cách qua gương.
- Luôn quan sát gương khi vượt lên xe khác trên đường hẹp, di chuyển vào gara hoặc lái xe gần người đi bộ.
- Không lái xe khi gương đã gập lại.

Dây đai an toàn



Tác dụng bảo vệ của dây đai an toàn có thể giảm đáng kể nếu không thắt đúng cách; trong một số trường hợp, thắt dây đai an toàn không đúng cách thậm chí có thể gây thương tích cho người đeo.

Không chỉ tài xế mà cả hành khách cũng phải thắt dây đai an toàn trước khi xe bắt đầu di chuyển. Bạn nắm rõ cách sử dụng dây đai an toàn đúng và những điểm quan trọng cần lưu tâm dưới đây. Nắm rõ cách sử dụng dây đai an toàn đúng là điều cần thiết để đảm bảo an toàn cho bạn.



CẢNH BÁO

- Luôn thắt dây đai an toàn trước khi bắt đầu lái xe.
- Dây đai an toàn chỉ bảo vệ tối ưu khi tài xế và (các) hành khách thắt dây đai an toàn khi ngồi thẳng lưng và dựa hẳn lưng vào ghế.
- Thắt dây đai an toàn khi lưng ghế ngả quá mức có thể rất nguy hiểm khi xảy ra va chạm hoặc dừng xe đột ngột vì người đeo có thể trượt xuống dưới dây đai và bị thương nặng. Dây đai an toàn chỉ hoạt động tốt nhất khi người đeo có tư thế ngồi thẳng lưng và dựa lưng vào ghế.
- Đảm bảo lắp tấm chốt vào khóa cài đai an toàn đến khi nghe thấy tiếng tách. Không lắp hoàn toàn tấm chốt sẽ rất nguy hiểm trong trường hợp xảy ra va chạm hoặc dừng đột ngột.
- Không kéo dây đai an toàn qua mặt, cằm hoặc cổ.
- Thắt dây đai an toàn quanh hông thấp nhất có thể, không thắt quanh thắt lưng. Thắt dây đai an toàn quanh thắt lưng sẽ ép một lực mạnh vào bụng và có thể làm tăng nguy cơ bị thương khi xảy ra va chạm hoặc dừng xe đột ngột.
- Không sử dụng dây đai an toàn cho trẻ nhỏ nếu dây đai ở trên hoặc quá gần cổ hoặc cằm của trẻ. Ngoài ra, không sử dụng dây đai an toàn không vừa khít với hông của trẻ vì cố định trẻ trong trạng thái đó có thể gây nguy hiểm trong trường hợp xảy ra va chạm hoặc dừng lại đột ngột. Thay vào đó, hãy sử dụng hệ thống cố định trẻ phù hợp có trên thị trường. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu của bạn.

CẢNH BÁO (Tiếp)

CẢNH BÁO (Tiếp)

- Sử dụng hệ thống cố định trẻ phù hợp với kích thước của trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ. Lắp đặt hệ thống này theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Gỡ mọi điểm xoắn trên dây đai an toàn trước khi thắt. Dây đai an toàn bị xoắn sẽ không có khả năng bảo vệ đầy đủ vì không thể phân tán lực sốc hiệu quả trong trường hợp xảy ra va chạm hoặc dừng lại đột ngột.
- Phụ nữ mang thai hoặc những người mắc các bệnh về ngực hoặc bụng nên gặp bác sĩ để có khuyến nghị cụ thể về cách thắt dây đai an toàn.
- Không sử dụng một dây đai an toàn cho nhiều người. Nếu đeo một dây đai an toàn cho nhiều người, dây đai an toàn sẽ hoạt động không hiệu quả khi xảy ra va chạm hoặc dừng xe đột ngột.
- Hãy kiểm tra dây đai an toàn và nếu cần thiết, yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn thay thế dây đai an toàn khi dây vải bị sờn hoặc mòn và/hoặc khóa cài đai an toàn hoặc các bộ phận cơ học khác không hoạt động bình thường.
- Nếu xe đã từng bị va chạm, dây đai an toàn được sử dụng vào thời điểm đó có thể đã mất đi độ bền ban đầu do va chạm, ngay cả khi dây đai còn nguyên vẹn. Phải kiểm tra dây đai an toàn đó và yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn thay thế nếu cần.
- Lưu ý không để khóa cài dây đai và khóa đai (nếu có) bám bụi và vật lạ.
- Thắt dây đai an toàn là một yêu cầu pháp lý ở hầu hết các quốc gia. Tài xế không chỉ có trách nhiệm thắt dây đai an toàn mà còn phải nhắc tất cả hành khách thắt dây đai an toàn. Tuy nhiên, cần hỏi ý kiến bác sĩ về cách thắt dây đai an toàn cho phụ nữ mang thai hoặc hành khách mắc bệnh về ngực/bụng sao cho phù hợp.

Ghế→ **Tham khảo trang 3-12****Đèn cảnh báo thắt dây đai an toàn**→ **Tham khảo trang 4-21**

Dây đai an toàn ba điểm (có khóa đai)

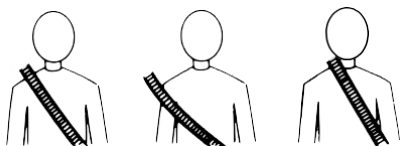
V

Tất cả các ghế, trừ ghế trung tâm trên xe đều được trang bị dây đai an toàn ba điểm. Dây đai an toàn có thể kéo dài hoặc thu ngắn thoải mái nếu người đeo di chuyển chậm, nhưng sẽ khóa và giữ lại người đeo khi có lực đẩy về phía trước tác dụng lên cơ thể người đeo sau một lực sốc mạnh. Điều chỉnh đai vai của tài xế vào đúng vị trí bằng neo vai.

Đúng

Sai

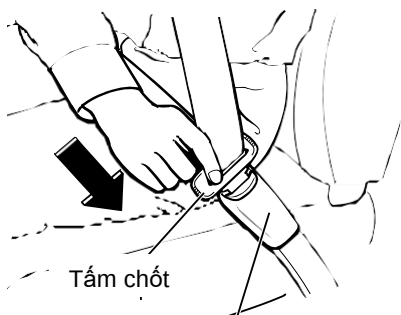
Sai

**CẢNH BÁO**

- Đai chéo phải nằm vừa đủ trên vai, nhưng không được chạm vào cổ và/hoặc mặt. Đai chéo có thể gây chấn thương cho bạn khi xảy ra va chạm hoặc dừng lại đột ngột nếu tiếp xúc với cổ và/hoặc mặt của bạn.

Cách thắt

1. Ngồi vào ghế đúng tư thế lái xe.
2. Rút dây đai an toàn có tấm chốt ra. Sau khi đảm bảo dây đai không bị xoắn, hãy lắp tấm chốt vào khóa cài đai cho đến khi nghe thấy tiếng tách.
3. Điều chỉnh đai ngang thấp nhất có thể sao cho vừa khít với hông.



Tấm chốt

Khóa cài



Tấm chốt

Khóa cài

Nút

Cách tháo

Nhấn nút trên khóa cài đai. Khi dây đai tự động rút lại, hãy để dây rút lại từ từ bằng cách giữ tấm chốt cho đến khi dây đai rút lại hoàn toàn.

**THẬN TRỌNG**

- Nếu bạn sửa chữa bất kỳ bộ phận nào xung quanh vô lăng, bảng táp lô, hộp đựng đồ trung tâm và bàn đạp phanh/ly hợp hoặc trên dây an toàn của tài xế, hoặc nếu bạn lắp đặt hệ thống âm thanh hoặc thiết bị khác, hệ thống dây đai an toàn có thể bị ảnh hưởng xấu, khiến dây đai an toàn bất ngờ rút lại và dẫn đến thương tích. Hãy yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn sửa chữa hoặc lắp đặt.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi tự động rút lại, dây đai an toàn có thể làm hỏng cửa sổ gần đó hoặc tấm ốp bên trong trừ khi giữ tấm chốt đúng cách. Hãy giữ tấm chốt để dây đai rút lại từ từ.
- Trước khi đóng cửa, hãy kiểm tra xem dây đai an toàn được rút đã căng chưa. Dây đai chùng có thể bị kẹt vào cửa hoặc ray ghế.
- Khi dây đai an toàn của hành khách rút lại hoàn toàn (hoặc không kéo ra), hãy kiểm tra xem cữ chặn có giữ dây ở vị trí căng hết cỡ hay không.

**LƯU Ý**

- Dây đai an toàn ba điểm có chức năng khóa đai khẩn cấp (ELR).
[Chức năng ELR]
- ELR thường cho phép dây đai an toàn co giãn tự do khi người đeo di chuyển. Tuy nhiên, nó sẽ khóa dây đai an toàn để cố định người đeo khi có lực hướng về phía trước do va chạm hoặc dừng đột ngột tác động lên người đeo.
- ELR cũng sẽ khóa dây đai an toàn khi kéo dây đai nhanh. Nếu điều này xảy ra, hãy để dây đai rút lại một lần rồi sau đó kéo dây đai ra từ từ.

Dây đai an toàn ba điểm (không có khóa đai)

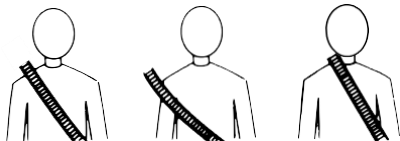
V

Tất cả các ghế, trừ ghế trung tâm trên xe đều được trang bị dây đai an toàn ba điểm. Điều chỉnh đai vai của tài xế vào đúng vị trí bằng neo vai.

Đúng

Sai

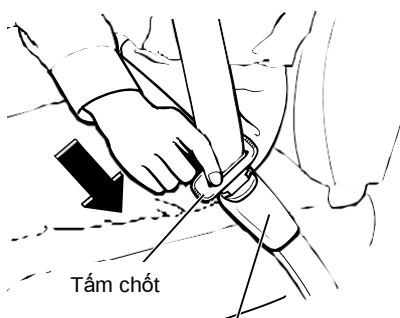
Sai

**CẢNH BÁO**

- Đai chéo phải nằm vừa đủ trên vai, nhưng không được chạm vào cổ và/hoặc mặt. Đai chéo có thể gây chấn thương cho bạn khi xảy ra va chạm hoặc dừng lại đột ngột nếu tiếp xúc với cổ và/hoặc mặt của bạn.

Cách thắt

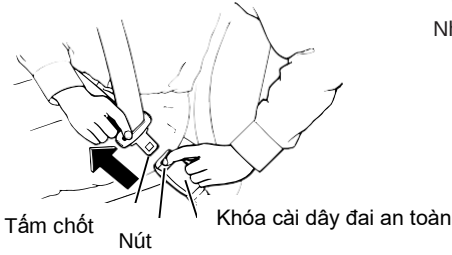
1. Ngồi vào ghế đúng tư thế lái xe.
2. Giữ tấm chốt. Sau khi đảm bảo dây đai không bị xoắn, hãy lắp tấm chốt vào khóa cài đai cho đến khi nghe thấy tiếng tách.
3. Điều chỉnh đai ngang thấp nhất có thể sao cho vừa khít với hông. Kéo phần cuối gấp lại của dây đai (mặt trên) cho đến khi điều chỉnh dây đai vừa khít.



CỬA, CỬA SỔ VÀ GHẾ

Cách tháo

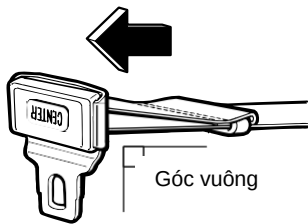
Nhấn nút trên khóa cài đai để tháo dây đai.



Dây đai an toàn hai điểm (Ghế trung tâm) V

Cách thắt

1. Ngồi vào ghế đúng tư thế.
2. Kéo mặt có tấm chốt của dây đai ra dài hơn một chút so với mức cần thiết. (Đặt tấm chốt ở góc vuông với dây đai để thực hiện dễ dàng hơn.)
3. Sau khi đảm bảo dây đai không bị xoắn, hãy lắp tấm chốt vào khóa cài đai cho đến khi nghe thấy tiếng tách.
4. Điều chỉnh đai ngang thấp nhất có thể sao cho vừa khít với hông. Kéo phần cuối gấp lại của dây đai (mặt trên) cho đến khi điều chỉnh dây đai vừa khít.



**Cách tháo**

Nhấn nút trên khóa cài đai để tháo dây đai.

**LƯU Ý**

[Thiết kế của dây đai an toàn ghế trung tâm giúp tránh thắt dây sai cách]

- Dây đai an toàn ghế trung tâm (dây đai hai điểm có thể điều chỉnh độ dài) được thiết kế sao cho không thể nối dây đai này với dây đai an toàn của ghế cạnh cửa sổ (dây đai an toàn ba điểm có hoặc không có ELR). Ngoài ra, cả tấm chốt và khóa cài đai của dây đai an toàn ghế trung tâm đều được xác định bằng dấu "CENTER" để tránh thắt dây đai an toàn ghế trung tâm sai cách.

BỘ ĐIỀU KHIỂN VÀ ĐỒNG HỒ ĐO

4

KHỞI ĐỘNG VÀ DỪNG ĐỘNG CƠ

4-3

**ĐỒNG HỒ ĐO, ĐÈN CẢNH BÁO VÀ ĐÈN
CHỈ BÁO**

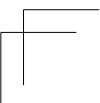
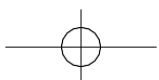
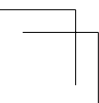
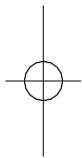
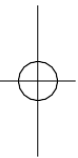
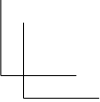
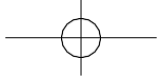
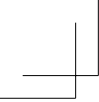
4-9

CÔNG TẮT

4-45

ĐIỀU KHIỂN LÁI XE

4-61



KHỞI ĐỘNG VÀ DỪNG ĐỘNG CƠ

• Khởi động động cơ	4-4
• Dừng động cơ	4-7

Khởi động động cơ

Đảm bảo các công tắc, bao gồm công tắc cần gạt mưa, điều khiển ánh sáng và điều hòa nhiệt độ ở vị trí "OFF".

Chuyển công tắc khởi động sang vị trí "ON" để kiểm tra xem các đèn cảnh báo và đèn chỉ báo có bật bình thường và mức nhiên liệu có hợp lý không.

Khi công tắc khởi động chuyển sang vị trí "ON", các đèn chỉ báo không áp dụng cho xe của bạn có thể sáng. Mục đích là để kiểm tra đèn, không phải lỗi.

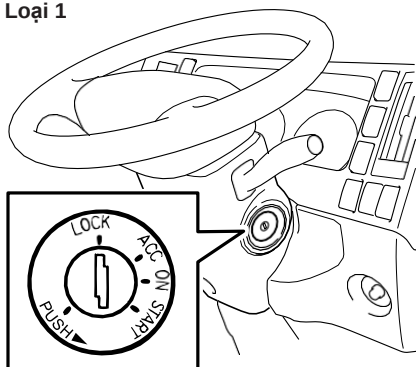


KHUYẾN CÁO

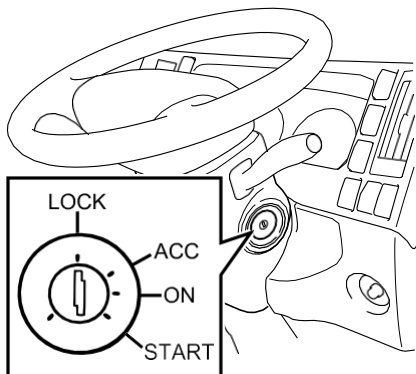
- Sử dụng chìa khóa dính bụi, bẩn, v.v. có thể làm hỏng Công tắc khởi động. Hãy lau sạch bụi, bẩn, v.v. trước khi cắm chìa khóa.

Khởi động động cơ

Loại 1



Loại 2



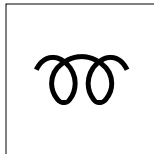
CẢNH BÁO

- Không giữ Công tắc khởi động ở vị trí "START" quá 10 giây. Vận hành máy khởi động quá lâu có thể làm hỏng bình ắc quy hoặc dẫn đến quá nhiệt, thậm chí hỏa hoạn.

Công tắc khởi động → Tham khảo trang 4-46

**THẬN TRỌNG**

- Kéo phanh tay chắc chắn khi ngồi vào ghế trước khi khởi động động cơ. Đồng thời, chỉ khởi động động cơ trong khi nhấn bàn đạp ly hợp và sau khi chắc chắn cần sang số ở vị trí "N".
- Nếu xe của bạn được trang bị hệ thống Smoother, hãy cài chắc phanh tay khi ngồi vào ghế lái, đảm bảo cần sang số ở vị trí "N" và đèn chỉ báo sang số hiện số "N", đồng thời nhấn chặt bàn đạp phanh trước khi khởi động động cơ.
- Khởi động động cơ từ bên ngoài qua cửa sổ rất nguy hiểm. Nếu cần sang số không ở vị trí "N", xe của bạn có thể bắt đầu di chuyển. Tuyệt đối không khởi động động cơ theo cách đó.

Đèn chỉ báo bugi xông

1. Nếu xe của bạn được trang bị hộp số sàn, hãy nhấn bàn đạp ly hợp hết cỡ. Nếu xe của bạn được trang bị hệ thống Smoother, hãy đảm bảo cần sang số ở vị trí "N" và nhấn chặt bàn đạp phanh.

2. Xoay công tắc khởi động sang vị trí "ON".

Khi đèn chỉ báo bugi xông phát sáng, hãy đợi cho đến khi đèn tắt. Tuy nhiên, tùy thuộc vào trạng thái, đèn chỉ báo sẽ không sáng.

Đèn chỉ báo bugi xông→ **Tham khảo trang 4-33**

3. Sau đó xoay công tắc khởi động sang vị trí "START" để khởi động động cơ. Sử dụng Nút điều khiển nổ cầm chừng để ổn định tốc độ động cơ khi động cơ chạy trong quá trình khởi động.

Khi xe của bạn đã nóng lên, hãy xoay hết cỡ Nút điều khiển nổ cầm chừng ngược chiều kim đồng hồ và chạy động cơ ở chế độ cầm chừng.

Nút điều khiển nổ cầm chừng→ **Tham khảo trang 4-48**

**KHUYẾN CÁO**

- Ở nhiệt độ môi trường thấp, động cơ nguội có thể thải ra nhiều khói (khói trắng) hơn bình thường.

**LƯU Ý**

[Xông trước]

- Động cơ diesel đánh lửa do nén khí, khiến động cơ khó khởi động khi đang nguội vì không thể tạo ra nhiệt độ đủ cao để nhiên liệu bốc cháy nếu chỉ nén. "Xông trước" nghĩa là làm nóng khí nén bên trong các buồng đốt để khởi động động cơ. Chỉ khởi động động cơ sau khi đèn chỉ báo bugi xông đã tắt.

Dừng động cơ

Cài chắc phanh tay.

Khi nhả bàn đạp ga, hãy xoay công tắc khởi động sang vị trí "ACC" hoặc "LOCK".

**KHUYẾN CÁO**

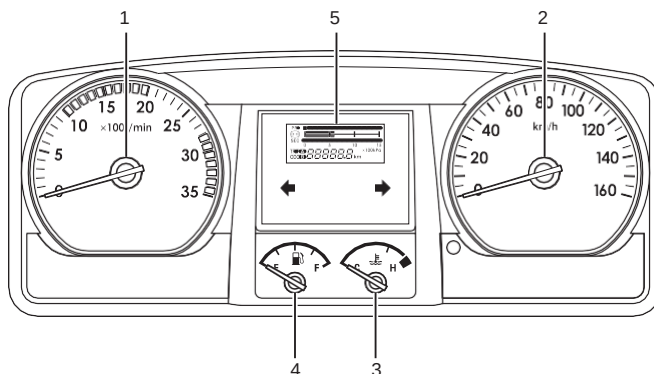
- Không tắt động cơ ngay sau khi lái xe. Nếu không, có thể xảy ra kẹt máy hoặc hỏng hóc khác. Trước khi dừng động cơ, hãy chạy động cơ ở chế độ cầm chừng trong khoảng 3 phút để làm nguội động cơ sau khi cài phanh tay và đảm bảo những điều sau: Cần sang số ở vị trí "N" (model hộp số sàn); cần sang số ở vị trí "N" và đèn chỉ báo sang số hiện số "N" (model có hệ thống Smoother).
- Để ngăn chết bình ắc quy, hãy chuyển Công tắc khởi động sang vị trí "ACC" hoặc "LOCK" sau khi dừng động cơ. Nếu bạn để xe đứng yên trong thời gian dài, hãy rút chìa khóa.

ĐỒNG HỒ ĐO, ĐÈN CẢNH BÁO VÀ ĐÈN CHỈ BÁO

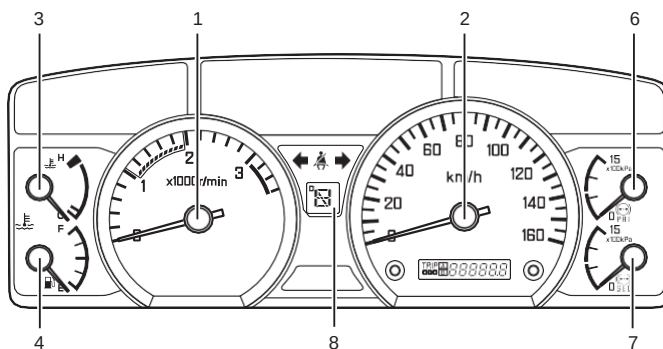
• Cách đọc đồng hồ đo (Bố cục đồng hồ đo)	4-10
• Đồng hồ tốc độ xe	4-12
• Đồng hồ tốc độ analog V	4-13
• Đồng hồ tốc độ động cơ	4-14
• Đồng hồ áp suất khí nén	4-15
• Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ	4-16
• Đồng hồ báo mức nhiên liệu	4-17
• Bố cục đèn cảnh báo và đèn chỉ báo	4-18
• Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo	4-21
• Còi báo	4-42

Cách đọc đồng hồ đo (Bố cục đồng hồ đo)

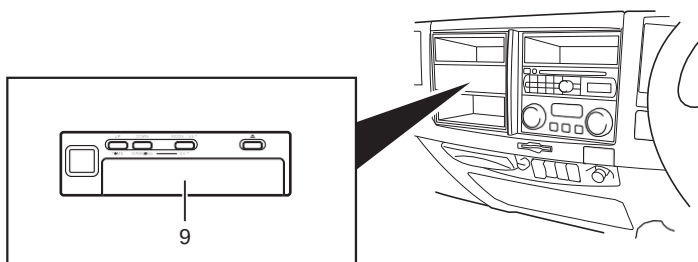
Loại 1



Loại 2



Đồng hồ tốc độ

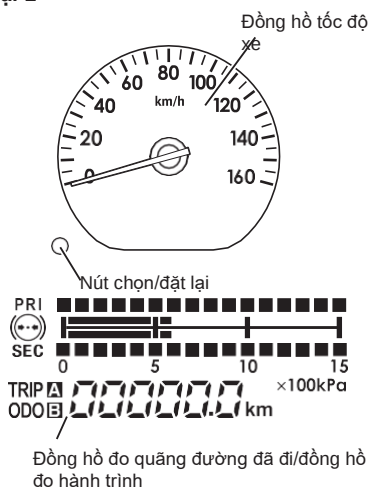


STT	Tên	Trang tham khảo
1	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	4-14
2	Đồng hồ tốc độ xe	4-12
3	Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ	4-16
4	Đồng hồ báo mức nhiên liệu	4-17
5	Đồng hồ đo áp suất khí	4-15
	Đồng hồ đo quãng đường đã đi/đồng hồ đo hành trình	4-12

STT	Tên	Trang tham khảo
6	Đồng hồ đo áp suất khí (chính)	4-15
7	Đồng hồ đo áp suất khí (phụ)	4-15
8	SA Đèn chỉ báo sang số	4-69
9	v Đồng hồ tốc độ analog	4-13

Đồng hồ tốc độ xe

Loại 1



Đồng hồ tốc độ xe cho biết tốc độ xe bằng đơn vị km/h. Mỗi khi nhấn nhẹ nút chọn/đặt lại khi công tắc khởi động ở vị trí "ON", đồng hồ đo quãng đường đã đi/đồng hồ đo hành trình sẽ hiển thị "ODO", "TRIP A" và "TRIP B" theo trình tự này và lần lượt hiển thị đồng hồ đo đã chọn.

Đồng hồ đo quãng đường đã đi

Tổng quãng đường xe đã đi được tính bằng đơn vị km. Khi vượt quá 999.999 km, "B" sẽ hiển thị.

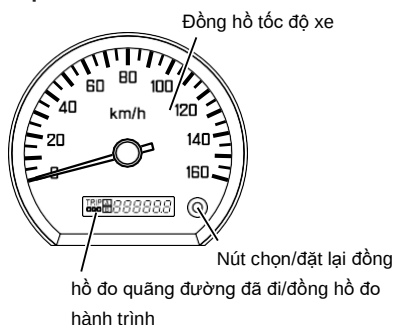
Đồng hồ đo hành trình

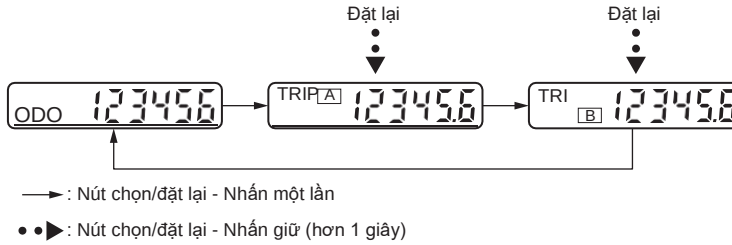
Sử dụng đồng hồ đo hành trình để biết khoảng cách giữa các điểm cụ thể hoặc quãng đường đã đi trong một khoảng thời gian cụ thể.

Số ở bên trái của dấu thập phân là khoảng cách bằng đơn vị km, còn số ở bên phải là khoảng cách bằng đơn vị 100 m. Ngoài ra, hai khoảng cách riêng biệt có thể được kết hợp với "TRIP A" và "TRIP B". Sử dụng hai đồng hồ đo hành trình bằng cách chuyển đổi giữa "TRIP A" và "TRIP B" nếu hợp lý.

Nếu bạn muốn đặt lại đồng hồ đo hành trình, hãy sử dụng nút chọn/đặt lại để chọn và hiển thị đồng hồ đo hành trình mà bạn muốn đặt lại. Sau đó, nhấn giữ nút trong ít nhất 1 giây.

Loại 2

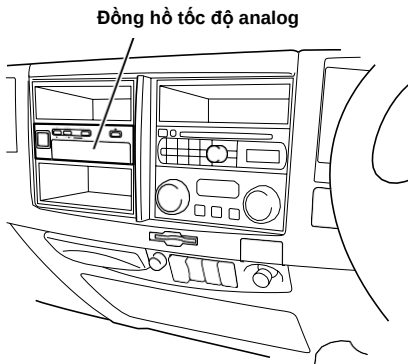




LƯU Ý

- Khi bạn chuyển Công tắc khởi động sang vị trí "ON", đồng hồ đo quãng đường đã đi/đồng hồ đo hành trình sẽ hiển thị thông tin đã được hiển thị vào lần cuối bạn chuyển công tắc sang vị trí "LOCK".
- Bạn có thể đặt đồng hồ đo quãng đường đã đi hiển thị trên đồng hồ đo quãng đường đã đi/đồng hồ đo hành trình mỗi khi chuyển Công tắc khởi động sang vị trí "ON". Để làm như vậy, hãy chuyển Công tắc khởi động sang vị trí "LOCK" trong khi đồng hồ đo quãng đường đã đi đang hiển thị, sau đó, nhấn nút chọn/đặt lại, chuyển Công tắc khởi động sang vị trí "ON". Trong vòng 3 giây sau khi chuyển công tắc sang vị trí "ON", hãy chuyển Công tắc khởi động về vị trí "LOCK". Làm theo quy trình tương tự để hủy cài đặt.

Đồng hồ tốc độ analog



Đồng hồ tốc độ analog ghi lại tốc độ xe, thời gian, quãng đường đã đi và các thông tin khác. Đồng hồ tốc độ analog có thể hữu ích để lái xe tiết kiệm và quản lý hoạt động tối ưu.

Tham khảo hướng dẫn sử dụng riêng của đồng hồ tốc độ analog để nắm được thông tin chi tiết về hoạt động của thiết bị này.

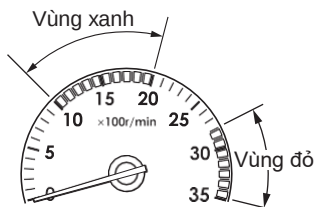


KHUYẾN CÁO

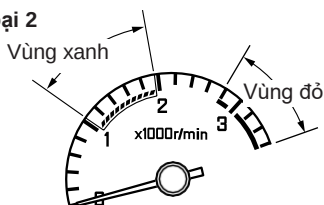
- Trước khi mở đồng hồ tốc độ analog để thay thế hoặc cho mục đích khác, hãy dừng động cơ. Nếu không, đồng hồ tốc độ analog có thể hoạt động không bình thường.

Đồng hồ tốc độ động cơ

Loại 1



Loại 2



Đồng hồ đo tốc độ động cơ cho biết tốc độ động cơ tính theo vòng trên phút (vòng/phút). (Vạch chia "10" trên thang đo biểu thị 1.000 vòng/phút (loại 1) và vạch chia "1" trên thang đo biểu thị 1.000 vòng/phút (loại 2).) Vùng xanh lá biểu thị phạm vi lái xe tiết kiệm. Vùng đỏ biểu thị khoảng tốc độ động cơ nguy hiểm vượt quá mức cho phép.

Không lái xe khi kim của đồng hồ đo tốc độ động cơ trong vùng đỏ.

Vạch chia độ và vùng màu đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ sẽ khác nhau tùy thuộc vào model được trang bị.



KHUYẾN CÁO

- Hết sức thận trọng khi sang số trên dốc đi xuống. Tốc độ động cơ có thể dễ dàng vượt quá giới hạn tốc độ nguy hiểm, dẫn đến hỏng động cơ nghiêm trọng.

Model động	Vùng xanh (vòng/ph)	Vùng đỏ (vòng/p)
6HK1 (loại 1)/6NX	1.000 - 2.000	2.800 - 3.500
6HK1 (loại 2)	1.000 - 2.000	2.800 - 3.600
6HK1	1.000 - 2.000	3.300 - 4.000

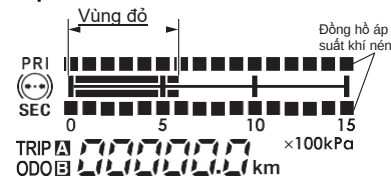
Sang số đúng cách

→ Tham khảo trang 2-24

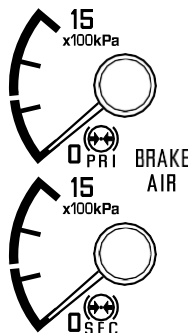
Cần sang số → Tham khảo trang 4-66

Đồng hồ áp suất khí nén

Loại 1



Loại 2



Phạm vi áp suất khí thích hợp

780 - 890 kPa
(8,0 - 9,1 kgf/cm²/114 - 129 psi)

Đèn cảnh báo áp suất khí nén

Loại 1



Loại 2



Đồng hồ đo này cho biết áp suất của khí nén trong bình khí.

Nếu kim đo trong vùng đỏ, Đèn cảnh báo áp suất khí nén sẽ sáng và còi báo sẽ kêu (Đề tắt còi, kéo cần phanh tay lên).

Nếu Đèn cảnh báo áp suất khí nén sáng, lập tức dừng lái xe và cài phanh tay. Đặt cần sang số ở vị trí "N" (model có hộp số sàn); đặt cần sang số ở vị trí "N", nhấn chặt bàn đạp phanh và đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiển số "N" (model có hệ thống Smoother). Sau đó, để động cơ chạy cầm chừng để tăng áp suất khí. Nếu áp suất khí không tăng, hoặc có sự chênh lệch lớn giữa chỉ số hiển thị trên hai đồng hồ đo, hoặc mất nhiều thời gian thì kim mới đi lên, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

Kiểm tra áp suất khí

→ Tham khảo trang 7-76

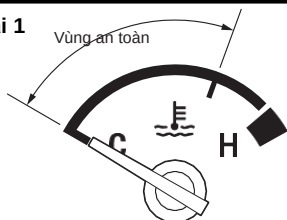


CẢNH BÁO

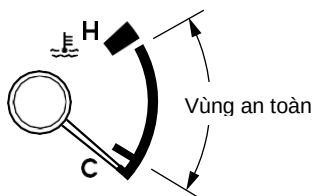
- Không lái xe nếu kim nằm trong vùng đỏ hoặc đèn cảnh báo áp suất khí nén đang sáng. Khi đó, phanh sẽ không hoạt động đầy đủ và vận hành xe sẽ rất nguy hiểm.

Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

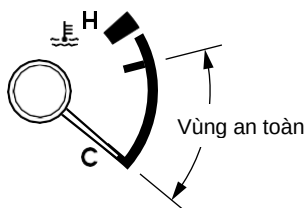
Loại 1



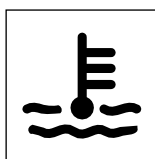
Loại 2



Loại 3



Đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ



Khi công tắc khởi động ở vị trí "ON", đồng hồ này cho biết nhiệt độ của nước làm mát động cơ. "C" có nghĩa là lạnh còn "H" có nghĩa là nóng. Nếu động cơ quá nóng, đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ sẽ sáng và còi báo sẽ kêu. Trong quá trình vận hành, kim đo phải ở trong vùng an toàn.



KHUYẾN CÁO

- Nếu kim đồng hồ đi lên quá giới hạn trên của vùng an toàn và đi vào vùng "H" khi lái xe, động cơ có thể bị quá nhiệt. Lập tức tắt xe vào lề đường một cách an toàn, tránh xa mọi phương tiện giao thông và thực hiện các hành động cần thiết để xử lý tình trạng quá nhiệt động cơ.
- Nếu kim đồng hồ gần đến vùng "H" nhưng vẫn nằm trong vùng an toàn thì không có vấn đề gì. Tuy nhiên, hãy kiểm tra mức nước làm mát động cơ trong bình nước phụ. Thêm nước làm mát động cơ nếu cần thiết.
- Động cơ có thể ngưng hoạt động nếu bị dừng ngay sau khi lái xe. Thực hiện các hành động thích hợp để xử lý tình trạng quá nhiệt động cơ.

Nước làm mát động cơ

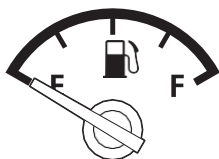
→ Tham khảo trang 7-39

Khi động cơ bị quá nhiệt

→ Tham khảo trang 8-23

Đồng hồ báo mức nhiên liệu

Loại 1



Loại 2



Khi công tắc khởi động ở vị trí "ON", đồng hồ này cho biết lượng nhiên liệu còn lại trong bình nhiên liệu. "F" có nghĩa là bình đầy và "E" có nghĩa là bình gần hết nhiên liệu.



LƯU Ý

- Hãy tạo thói quen đổ đầy bình nhiên liệu trước khi bình gần hết.
- Sau khi đổ đầy bình nhiên liệu, chờ một lúc để kim đồng hồ báo mức nhiên liệu ổn định sau khi Công tắc khởi động chuyển sang vị trí "ON".
- Nếu bình nhiên liệu đầy khi động cơ dừng lại nhưng Công tắc khởi động ở vị trí "ON", kim đồng hồ báo mức nhiên liệu sẽ mất một lúc để hiển thị số chính xác. Nếu vậy, hãy chuyển Công tắc khởi động sang vị trí "LOCK" sau đó lại chuyển về vị trí "ON".

Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp

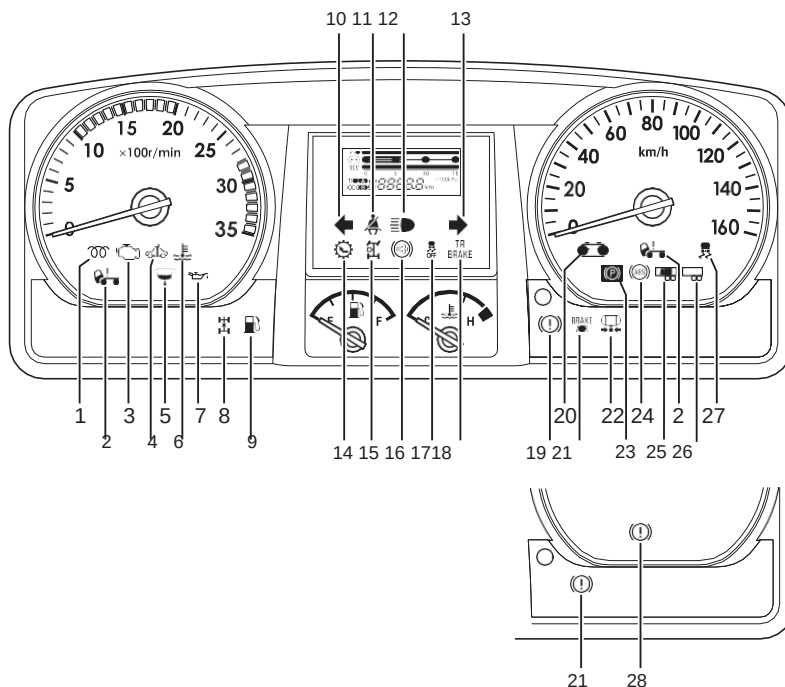
→ Tham khảo trang 4-32

Khi hết nhiên liệu

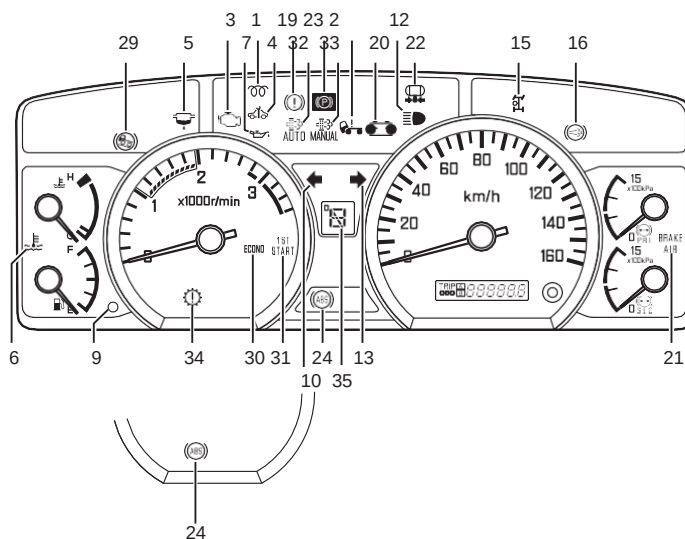
→ Tham khảo trang 8-14

Bố cục đèn cảnh báo và đèn chỉ báo

Loại 1



Loại 2



STT	Tên	Trang tham khảo	STT	Tên	Trang tham khảo
1	☒ Đèn chỉ báo bugi xổng	04-33	17	☒ Đèn chỉ báo TẮT ESC	04-27
2	☒ Đèn cảnh báo nâng cabin	04-32	18	☒ Đèn cảnh báo phanh ro-moóc	04-36
3	Đèn cảnh báo kiểm tra động cơ	04-30	19	☒ Đèn cảnh báo hệ thống phanh	04-21
4	☒ Đèn chỉ báo SVS	04-30		☒ Đèn cảnh báo phanh (màu đỏ)	04-24
5	Đèn cảnh báo bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu)	04-31	20	Đèn cảnh báo máy phát điện	04-29
6	Đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ	04-28	21	Đèn cảnh báo áp suất khí	04-22
7	Đèn cảnh báo áp suất nhớt động cơ	04-29	22	☒ Đèn cảnh báo áp suất khí phụ trợ thấp	04-37
8	Đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm	04-37	23	☒ Đèn cảnh báo phanh tay	04-35
9	Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp	04-32	24	☒ Đèn cảnh báo ABS	04-22
10	Đèn nhấp nháy chỉ báo xi nhan và cảnh báo nguy hiểm – trái	04-34	25	☒ Đèn cảnh báo ABS ro-moóc	04-23
11	☒ Đèn cảnh báo thắt dây đai an toàn	04-21	26	☒ Đèn chỉ báo ABS ro- moóc	04-23
12	Đèn chỉ báo đèn pha	04-34	27	☒ Đèn cảnh báo ESC	04-26
13	Đèn nhấp nháy chỉ báo xi nhan và cảnh báo nguy hiểm – phải	04-34	28	☒ Đèn cảnh báo phanh (màu hổ phách)	04-24
14	☒ Đèn chỉ báo chế độ cầu chậm	04-38	29	☒ Đèn chỉ báo HSA	04-36
15	☒ Đèn chỉ báo PTO	04-37	30	Đèn chỉ báo chế độ ECONO	04-38
16	Đèn chỉ báo phanh khí xả	04-35	31	☒ Đèn chỉ báo chế độ khởi động đầu tiên	04-38

STT	Tên	Trang tham khảo
32	☒ Đèn chỉ báo làm sạch DPD tự động	4-40
33	☒ Đèn chỉ báo làm sạch DPD thủ công	4-40

STT	Tên	Trang tham khảo
34	☒ Đèn cảnh báo Smoother	4-39
35	☒ Đèn chỉ báo sang số	4-69

Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo**Đèn cảnh báo thắt dây đai an toàn**

V



Đèn cảnh báo này sáng khi tài xế không thắt dây đai an toàn trong khi công tắc khởi động ở vị trí "ON".

**LƯU Ý**

- Đèn cảnh báo này sẽ tắt ngay khi tài xế thắt dây đai an toàn.

Đèn cảnh báo hệ thống phanh

AHB



Đèn cảnh báo này thường sẽ sáng khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON", sau đó sẽ tắt sau khi động cơ đã khởi động.

Đèn cảnh báo này sáng kèm theo còi kêu khi mức dầu trợ lực phanh quá thấp hoặc bị rò rỉ. Nếu mức dầu trợ lực phanh đạt chuẩn thông số kỹ thuật và không bị rò rỉ, các nguyên nhân có thể xảy ra là:

- Khoảng cách từ trống đến bộ phanh vượt quá giới hạn quy định. Nguyên nhân có thể là do bộ điều chỉnh phanh tự động bị lỗi.
- Bộ trợ lực bị lỗi.

**THẬN TRỌNG**

- Nếu đèn cảnh báo hệ thống phanh sáng, lập tức tắt xe vào nơi an toàn không có phương tiện giao thông qua lại và liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

Đèn cảnh báo áp suất khí

BRAKE
AIR

Loại 1



Loại 2

Đèn cảnh báo này thường sẽ bật sáng khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON", và sau đó sẽ tắt sau khi động cơ đã khởi động.

Đèn cảnh báo này sáng kèm theo còi kêu nếu áp suất khí giảm xuống dưới mức quy định.

Lập tức tắt xe vào nơi an toàn, kiểm tra xe và thực hiện các hành động cần thiết.

Đồng hồ áp suất khí nén

→ Tham khảo trang 4-15

Đèn cảnh báo ABS V

Đèn cảnh báo này sẽ sáng khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON" và sẽ tắt sau khoảng 2 giây.

Đèn cảnh báo này sáng khi hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) gặp sự cố.

Trong trường hợp này, ABS ngừng hoạt động nhưng phanh vẫn hoạt động như phanh chân thông thường.

**THẬN TRỌNG**

- Nếu đèn cảnh báo này sáng khi đang lái xe, lập tức tắt xe vào nơi an toàn không có phương tiện giao thông qua lại và thực hiện các hành động sau đây.
 - Dừng động cơ.
 - Khởi động lại động cơ. Kiểm tra xem đèn cảnh báo ABS có sáng rồi tắt hay không. Nếu có thì không có vấn đề gì. ABS hoạt động bình thường.
- Nếu đèn cảnh báo không tắt hoặc sáng rồi tắt liên tục, mang xe đi kiểm tra/bảo dưỡng tại Đại lý Isuzu gần nhất sớm nhất có thể.
- Nếu ABS gặp sự cố, hệ thống phanh vẫn hoạt động bình thường như phanh thông thường. Tuy nhiên, các chức năng ABS không hoạt động.

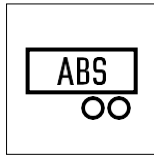
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

V

→ Tham khảo trang 4-101

Đèn cảnh báo ABS rơ-móc

V



Nếu xe của bạn đang kéo một rơ-móc được trang bị ABS, đèn cảnh báo này sẽ sáng khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON" rồi tắt sau khoảng 2 giây. (Việc đèn cảnh báo tắt có thể khác nhau tùy thuộc vào loại rơ-móc. Để biết thông tin chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng rơ-móc.) Nếu đèn cảnh báo lại sáng sau khi tắt hoặc khi đang lái xe, ABS của rơ-móc gặp sự cố. Vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

Đèn cảnh báo này không sáng khi rơ-móc không được trang bị ABS.



THẬN TRỌNG

- Nếu ABS gặp sự cố, hệ thống phanh vẫn hoạt động bình thường như phanh thông thường. Tuy nhiên, các chức năng ABS không hoạt động.

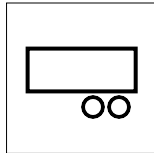
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

V

→ Tham khảo trang 4-101

Đèn chỉ báo ABS rơ-móc

V



Đèn cảnh báo này sẽ sáng khi rơ-móc không được trang bị ABS. Hết sức thận trọng khi phanh để bánh xe rơ-móc không bị bó cứng. Ngay cả khi rơ-móc được trang bị ABS, đèn chỉ báo này vẫn sáng khi dây nối tắt được kết nối sai cách. Đảm bảo dây nối tắt được kết nối đúng cách.

Đèn cảnh báo phanh V

Đèn cảnh báo này sáng khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON" và tắt sau khoảng 3 giây. Đèn này cũng sáng trong các trường hợp sau đây.

Trong điều kiện bất thường

- Khi không đủ áp suất khí.
- Khi có dấu hiệu bất thường trong hệ thống EBS.

Nếu đèn sáng màu hổ phách, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

**THẬN TRỌNG**

- Nếu đèn sáng trong khi lái xe, lập tức tắt xe vào nơi an toàn không có phương tiện giao thông qua lại và thực hiện các hành động sau:
 - Dừng động cơ.
 - Khởi động lại động cơ. Đồng thời, xác nhận trạng thái ON/OFF của đèn cảnh báo. Không có gì bất thường nếu đèn sáng rồi tắt bình thường. Hệ thống EBS hoạt động bình thường.
 - Nếu đèn không tắt sau khi thực hiện các hành động trên, thử khởi động và lái xe. Không có gì bất thường nếu đèn cảnh báo tắt khi tốc độ xe đạt khoảng 15 km/h (9 MPH).
- Nếu đèn không sáng hoặc tắt, hoặc sáng rồi tắt liên tục, hãy mang xe đi kiểm tra và bảo dưỡng tại Đại lý Isuzu của bạn sớm nhất có thể.
- Ngay cả khi EBS gặp sự cố, hệ thống phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Lúc này, EBS sẽ không hoạt động nên sẽ cần nhận bàn đạp phanh một lực lớn. Có thể đảm bảo lực phanh bằng cách nhấn bàn đạp lâu hơn.

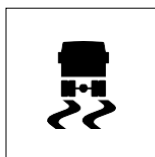


LƯU Ý

- Khi nhấn công tắt ESC OFF trong 5 giây trở lên, trạng thái hoạt động sẽ được chuyển sang Chế độ Roller Testing Bench dùng để kiểm tra lực phanh và đèn cảnh báo ESC sẽ sáng.

Công tắt TẮT ESC → Tham khảo trang 4-109



Đèn cảnh báo ESC V

Khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON", đèn cảnh báo ESC sẽ sáng rồi tắt sau vài giây. Đèn cảnh báo này sẽ sáng bất cứ khi nào có sự cố trong hệ thống cân bằng điện tử (ESC). Khi ESC đang hoạt động, đèn cảnh báo ESC sẽ nhấp nháy. Trong các model có EBS, đèn sẽ nhấp nháy khi ASR đang hoạt động.

Khi đèn cảnh báo ESC có bất kỳ dấu hiệu nào sau đây, ESC có thể bị lỗi.

Vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

- Khi đèn cảnh báo ESC vẫn sáng trong khi lái xe.
- Đèn cảnh báo ESC không sáng khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON".



LƯU Ý

- Khi đèn cảnh báo ESC sáng, ESC sẽ không hoạt động, nhưng điều này không ảnh hưởng đến việc lái xe bình thường.
- Nếu đèn cảnh báo không tắt hoặc sáng rồi tắt liên tục mang xe đi kiểm tra/bảo dưỡng tại Đại lý Isuzu gần nhất sớm nhất có thể.
- Đèn cảnh báo ESC có thể sáng khi ngắt kết nối cáp bình ắc quy hoặc điện áp ắc quy yếu. Hoạt động của ESC sẽ tắt trong khi đèn cảnh báo ESC sáng, nhưng đèn cảnh báo ESC sẽ tắt khi điều khiển xe bình thường trong một thời gian, sau đó hoạt động của ESC sẽ trở lại bình thường. Nếu đèn cảnh báo ESC vẫn sáng khi đã lái xe một lúc, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.
- Khi nhấn công tắc ESC OFF trong 5 giây trở lên, trạng thái hoạt động sẽ được chuyển sang Chế độ Roller Testing Bench dùng để kiểm tra lực phanh và đèn cảnh báo ESC sẽ sáng.

Hệ thống cân bằng điện tử (ESC) V

→ Tham khảo trang 4-107

Công tắc TẮT ESC → Tham khảo trang 4-109

Đèn chỉ báo ESC OFF

V



Nếu bạn muốn dừng ESC sau khi khởi động động cơ, hãy nhấn và nhả công tắc ESC OFF. Khi đèn chỉ báo ESC có bất kỳ dấu hiệu nào sau đây, ESC có thể bị lỗi. Vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

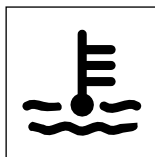
- Khi đèn chỉ báo ESC OFF sáng trong khi lái xe (khi công tắc ESC OFF không hoạt động).

Hệ thống cân bằng điện tử (ESC)

V

→ Tham khảo trang 4-107

Đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ



Đèn cảnh báo này sẽ sáng khi động cơ bị quá nhiệt. Khi động cơ bị quá nhiệt, kim đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ sẽ di chuyển đến vùng màu đỏ, đồng thời đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ sẽ sáng kèm theo còi kêu. Lập tức tắt xe vào nơi an toàn, kiểm tra xe và thực hiện các hành động cần thiết.



CẢNH BÁO

- Không tháo nắp két nước hoặc nắp bình nước phụ khi nước làm mát động cơ còn nóng. Tháo lắp bất cẩn có thể gây bỏng do hơi nóng tỏa ra. Bỏng cũng có thể xảy ra vì nước sôi thoát ra do nhiệt độ cao của nước làm mát. Chỉ tiến hành kiểm tra, nạp lại và thay thế nước làm mát khi nhiệt độ của nước đã nguội.

Thêm nước làm mát động cơ

→ Tham khảo trang 7-42



THẬN TRỌNG

- Nếu bạn tiếp tục lái xe khi đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ sáng liên tục, động cơ có thể ngưng hoạt động.



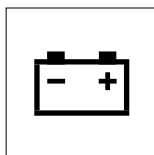
KHUYẾN CÁO

- Không tắt động cơ bị quá nhiệt ngay lập tức. Nếu không, động cơ có thể ngưng hoạt động. Thực hiện các hành động thích hợp để xử lý tình trạng quá nhiệt động cơ.

Khi động cơ bị quá nhiệt

→ Tham khảo trang 8-23

Đèn cảnh báo máy phát điện



Đèn cảnh báo này sẽ sáng khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON", và sau đó sẽ tắt sau khi khởi động động cơ.

Nếu đèn cảnh báo này sáng khi động cơ đang chạy nghĩa là hệ thống sạc có vấn đề (ví dụ như dây đai quạt bị lỏng hoặc đứt).

Dây đai quạt → Tham khảo trang 7-53



KHUYẾN CÁO

- Nếu đèn cảnh báo này sáng trong khi động cơ đang chạy, lập tức tắt xe vào nơi an toàn không có phương tiện giao thông qua lại và nhanh chóng liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra.

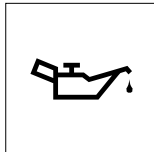
Xử lý bình ắc quy

→ Tham khảo trang 7-170

Khi bình ắc quy hết điện

→ Tham khảo trang 8-11

Đèn cảnh báo áp suất dầu động cơ



Đèn cảnh báo này sẽ sáng khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON" và sẽ tắt sau khi khởi động động cơ.

Trong khi động cơ đang chạy, đèn cảnh báo này sẽ sáng nếu áp suất dầu động cơ dùng để bôi trơn các bộ phận của động cơ không bình thường.



KHUYẾN CÁO

- Nếu đèn cảnh báo này sáng trong khi động cơ đang chạy, lập tức tắt xe vào nơi an toàn không có phương tiện giao thông qua lại.
- Hệ thống bôi trơn có thể bị lỗi. Nhanh chóng đưa xe đi kiểm tra tại Đại lý Isuzu gần nhất.

Nhớt động cơ → Tham khảo trang 7-28

Đèn cảnh báo kiểm tra động cơ



Đèn cảnh báo này sẽ sáng khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON". Sau đó, đèn cảnh báo này sẽ tắt sau khi động cơ đã khởi động.

Nếu đèn cảnh báo này sáng hoặc nhấp nháy trong khi động cơ đang chạy nghĩa là hệ thống liên quan đến kiểm soát khí thải có vấn đề.



KHUYẾN CÁO

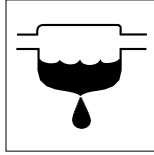
- Nếu đèn cảnh báo này sáng trong khi động cơ đang chạy, lập tức tắt xe vào nơi an toàn không có phương tiện giao thông qua lại và nhanh chóng liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra.

Đèn chỉ báo SVS



Đèn chỉ báo SVS sẽ sáng khi công tắc khởi động ở vị trí "ON" và động cơ chưa khởi động để thông báo bóng đèn đang hoạt động. Đèn chỉ báo sẽ tắt sau khi động cơ khởi động.

Nếu đèn chỉ báo sáng hoặc nhấp nháy trong quá trình vận hành, liên hệ ngay với Đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra.

Đèn cảnh báo bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu)

Đèn cảnh báo này sáng khi cần xả nước trong bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu).

Xả nước theo hướng dẫn trong "Xả nước từ bộ lọc nhiên liệu" và đảm bảo đèn cảnh báo sẽ tắt.

**THẬN TRỌNG**

- Nếu đèn cảnh báo này sáng trong khi động cơ đang chạy, hãy xả ngay nước khỏi bộ lọc nhiên liệu. Nếu bạn vẫn lái xe khi đèn cảnh báo sáng, hệ thống phun nhiên liệu có thể bị lỗi.

Xả nước từ bộ lọc nhiên liệu

→ Tham khảo trang 7-68

Cách xả gió (Model động cơ 6HK1/4HK1)

→ Tham khảo trang 8-15

Cách xả gió (Model động cơ 6NX1)

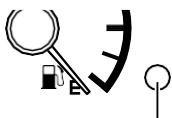
→ Tham khảo trang 8-16

Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp

Loại 1



Loại 2



Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp

Đèn cảnh báo này sáng khi mức nhiên liệu trong bình quá thấp khi động cơ đang chạy.



KHUYẾN CÁO

- Nếu đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp sáng, hãy tiếp thêm nhiên liệu sớm nhất có thể.
- Nếu xe hết nhiên liệu, bạn phải xả gió hệ thống.

Đồng hồ báo mức nhiên liệu → Tham khảo trang 4-17
Khi hết nhiên liệu

→ Tham khảo trang 8-14

Đèn cảnh báo nâng cabin ☐

Đèn cảnh báo này sáng khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON" và cabin chưa được khóa hoàn toàn.



KHUYẾN CÁO

- Nếu bạn tiếp tục lái xe khi đèn cảnh báo nâng cabin sáng, cabin có thể bị lật do rung lắc. Điều này cực kỳ nguy hiểm. Hãy đảm bảo cabin được khóa cẩn thận.

Nâng cabin ☐

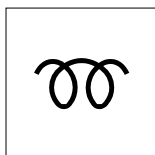
→ Tham khảo trang 7-10

Hệ thống nâng cabin điện ☐

→ Tham khảo trang 7-15

Đèn chỉ báo bugi xông

V



Đèn chỉ báo này sáng khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON" và tắt khi hoàn tất xông trước. Khi đèn chỉ báo này tắt, có thể khởi động động cơ.

Tuy nhiên, tùy vào nhiệt độ nước làm mát động cơ, đèn chỉ báo này có thể không sáng.

[Model động cơ 6HK1/6NX1]

Đèn sẽ sáng trong khoảng 1-1/2 đến 10 giây và khi nhiệt độ nước làm mát động cơ vượt 0°C (32°F), đèn sẽ sáng trong 1/2 giây.

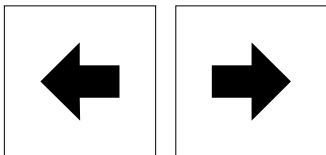
[Model động cơ 4HK1]

Đèn sẽ sáng trong khoảng 1/2 đến 8 giây và khi nhiệt độ nước làm mát động cơ vượt 10°C (50°F), đèn sẽ sáng trong 1/2 giây. Khi nhiệt độ nước làm mát động cơ dưới -20°C (-4°F), đèn sẽ sáng trong 8 giây.

Khởi động động cơ

→ Tham khảo trang 4-4



Đèn nhấp nháy chỉ báo tín hiệu và cảnh báo nguy hiểm

Một trong hai đèn chỉ báo này sẽ nhấp nháy khi công tắt đèn tín hiệu được bật bất kể công tắt khởi động ở vị trí nào.

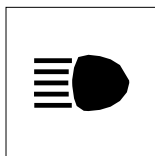
Cả hai đèn chỉ báo này sẽ nhấp nháy khi công tắt báo nguy được bật bất kể công tắt khởi động ở vị trí nào.

Công tắt đèn tín hiệu

→ Tham khảo trang 4-51

**KHUYẾN CÁO**

- Các đèn chỉ báo này sẽ không nhấp nháy nếu bóng đèn bị ố, hoặc có thể nhấp nháy bất thường nếu sử dụng sai công suất bóng đèn.

Đèn chỉ báo đèn pha

Đèn chỉ báo này sẽ sáng khi đèn đầu ở chế độ đèn pha hoặc được bật để nhấp nháy đèn pha (tín hiệu vượt lên).

Công tắt điều khiển đèn

→ Tham khảo trang 4-50

Đèn cảnh báo phanh tay



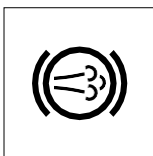
Đèn cảnh báo này sẽ sáng khi cần phanh tay được kéo lên.



THẬN TRỌNG

- Việc đèn cảnh báo này sáng không nhất thiết khẳng định phanh tay được cài hoàn toàn. Cần phanh tay phải được kéo lên và khóa hoàn toàn.
- Cảnh trọng không lái xe khi cần phanh tay vẫn ở vị trí được kéo lên.

Đèn chỉ báo phanh khí xả



Đèn chỉ báo này sẽ sáng khi kéo phanh khí xả.



KHUYẾN CÁO

- Đèn chỉ báo phanh khí xả nhấp nháy nếu hệ thống phanh khí xả gặp sự cố. Hãy mang xe đi kiểm tra tại Đại lý Isuzu gần nhất sớm nhất có thể.

Công tắt phanh khí xả

→ Tham khảo trang 4-54

Đèn cảnh báo phanh rơ-móc

V

TR
BRAKE**Xe kéo sơ-mi rơ-móc**

Khi cần phanh tay rơ-móc được kéo, phanh rơ-móc sẽ hoạt động. Đồng thời, đèn cảnh báo này sẽ sáng.

Cần phanh tay rơ-móc

V

→ Tham khảo trang 4-65

Đèn chỉ báo HSA

V



(Xanh lá cây)

Đèn chỉ báo này sẽ sáng khi hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA) hoạt động.

Đèn chỉ báo này sẽ sáng hoặc nhấp nháy kèm theo tiếng còi nếu bạn rời khỏi ghế khi HSA đang hoạt động, sử dụng HSA trong khoảng thời gian kéo dài, xe di chuyển khi HSA đang hoạt động hoặc hệ thống HSA gặp sự cố.

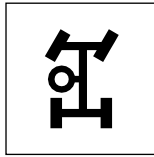
**KHUYẾN CÁO**

- Nếu HSA gặp sự cố, ngắt hệ thống này và đưa xe tới đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra trong thời gian sớm nhất.

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA) V

→ Tham khảo trang 4-90

Đèn chỉ báo PTO



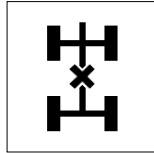
Đèn chỉ báo này sẽ sáng khi nhấn công tắt PTO.

Bộ trích công suất (PTO)



→ Tham khảo trang 4-121

Đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm



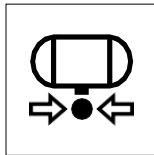
Đèn chỉ báo này sẽ sáng khi công tắt khóa vi sai trung tâm ở vị trí "ON".

Công tắt khóa vi sai trung tâm



→ Tham khảo trang 4-56

Đèn cảnh báo áp suất khí cho phụ tải thấp



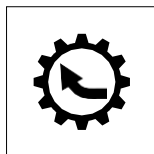
Đèn cảnh báo này sẽ sáng kèm theo còi báo khi áp suất khí nén cho phụ kiện giảm xuống dưới mức tối thiểu. Nếu đèn này sáng khi đang lái xe, lập tức tắt xe vào nơi an toàn không cản trở các phương tiện giao thông khác. Sau đó kiểm tra dòng phụ kiện và thực hiện các biện pháp cần thiết.

Đồng hồ áp suất khí nén

→ Tham khảo trang 4-15

Đèn chỉ báo cài số thấp

V

**Model có hộp số ES11109**

Đèn chỉ báo này sáng liên tục khi cần sang số ở khoảng số thấp.

Model có hộp số sàn ES11109

V

→ Tham khảo trang 4-70

Model hộp số sàn 9 cấp

V

→ Tham khảo trang 4-67

Đèn chỉ báo chế độ ECONO

SA

ECONO

Đèn chỉ báo này sẽ sáng liên tục trong khoảng 2 giây sau khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON" và sau đó sẽ tắt.

Đèn chỉ báo này sẽ sáng khi chọn chế độ ECONO.

Chế độ ECONO → Tham khảo trang 4-82

Đèn chỉ báo chế độ khởi động đầu tiên

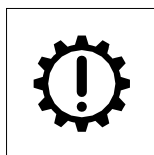
SA

1ST
START

Đèn chỉ báo này sẽ sáng liên tục trong khoảng 2 giây sau khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON" và sau đó sẽ tắt.

Đèn chỉ báo này sẽ sáng khi chọn chế độ khởi động đầu tiên.

Chế độ khởi động đầu tiên → Tham khảo trang 4-80

Đèn cảnh báo Smoother SA

Đèn cảnh báo này sẽ sáng liên tục trong khoảng 2 giây sau khi công tắt khởi động được chuyển sang vị trí "ON" và sau đó sẽ tắt.

Đèn cảnh báo này sẽ nhấp nháy khi công tắt khẩn cấp Smoother ở vị trí "ON" và sẽ tắt khi công tắt này ở vị trí "OFF".

Nếu đèn cảnh báo này sáng lại sau khi tắt hoặc nếu sáng khi đang lái xe thì nghĩa là hệ thống Smoother đang không hoạt động bình thường. Nhanh chóng đưa xe đi kiểm tra tại Đại lý Isuzu gần nhất.

**CHÚ Ý**

- Nếu đèn cảnh báo Smoother này sáng, các vấn đề sau có thể xảy ra. Ngoài ra, chuyển động của xe trong quá trình vận hành thông thường có thể trở nên bất thường, ví dụ như khó điều chỉnh tốc độ khi xe chạy ở tốc độ rất thấp hoặc không thể kéo lên sàn chất tải một cách chính xác. Trong những trường hợp đó, hãy luôn chú ý quan sát xung quanh khi vận hành xe và nhanh chóng đưa xe đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.

- Không có lực trườn
- Không thể lên hoặc về số
- Ly hợp hoạt động nhanh hơn hoặc chậm hơn bình thường

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu đèn cảnh báo này nhấp nháy khi đang lái xe, nhớt Smoother đang nóng một cách bất thường. Tắt xe vào nơi an toàn không có phương tiện giao thông qua lại sớm nhất có thể. Đợi đến khi đèn cảnh báo tắt rồi mới tiếp tục lái xe.

Hoạt động của đèn cảnh báo Smoother và còi báo

→ Tham khảo trang 4-83

Đèn chỉ báo DPD

V

Đèn chỉ báo làm sạch tự động
DPD

(Xanh lá)

Đèn chỉ báo làm sạch thủ công
DPD

(Hở phách)

Đèn chỉ báo làm sạch tự động DPD (xanh lá) sẽ sáng trong khi Bộ lọc khí thải động cơ diesel (DPD) được tự động làm sạch.

Quá trình làm sạch bắt đầu tự động và đèn chỉ báo sẽ tắt khi làm sạch xong. Không cần thao tác.

Đèn chỉ báo này sẽ sáng khi công tắt khởi động được chuyển sang vị trí "ON" và tắt khi khởi động động cơ xong.

Đèn chỉ báo này sẽ sáng khi công tắt khởi động được chuyển sang vị trí "ON" và tắt khi khởi động động cơ xong.

Nếu đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD nhấp nháy, cần thực hiện làm sạch thủ công DPD (Đốt vật chất dạng hạt (PM)).



CHÚ Ý

- Nếu xe của bạn là model được trang bị bộ trích công suất (PTO) và khi PTO được vận hành trong một khoảng thời gian dài, hãy kiểm tra để đảm bảo đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hở phách) không nhấp nháy.



LƯU Ý

- Tùy vào tình trạng tải trong thời gian chạy cầm chừng kéo dài hoặc PTO hoạt động liên tục, quá trình làm sạch DPD có thể được bắt đầu tự động. Khi đó, đèn chỉ báo làm sạch tự động DPD (xanh lá) hoặc đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hở phách) sẽ sáng, nhưng đây không phải chỉ báo sự cố.

Bộ lọc khí thải động cơ diesel (DPD)



→ Tham khảo trang 2-54 Bộ lọc

khí thải động cơ diesel (DPD)



→ Tham khảo trang 4-128

Quy trình làm sạch thủ công DPD

→ Tham khảo trang 4-130

Quy trình làm sạch tùy chọn

→ Tham khảo trang 4-133

Còi báo

Còi báo sẽ kêu trong các trường hợp sau.

Cảnh báo	Kiểu âm báo	Vị trí		Tình trạng
		Trong cabin	Ngoài cabin	
Hệ thống phanh AHB	Tiếng bíp liên tục	•	×	Phanh tay được nhả ra khi mức dầu phanh quá thấp.
Áp suất khí thấp	Tiếng bíp liên tục	•	×	Phanh tay được nhả ra khi áp suất khí thấp hơn mức quy định.
Quá nhiệt động cơ	Tiếng bíp liên tục	•	×	Động cơ bị quá nhiệt.
Mức nước làm mát ☐	Tiếng bíp liên tục	•	×	Mức nước làm mát động cơ quá thấp.
Động cơ chạy vượt tốc	Tiếng bíp liên tục	•	×	Kim của đồng hồ đo tốc độ động cơ nằm trong vùng đỏ.
Lùi xe ☒	Tiếng bíp dài, lặp đi lặp lại	•	•	Cần sang số ở vị trí "R".
Quá tốc độ ☒	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	•	×	Tốc độ xe từ 120 km/h (75 MPH) trở lên.
Hệ thống nâng cabin điện đang hoạt động ☒	Tiếng bíp dài, lặp đi lặp lại	×	•	Để nâng cabin lên, đặt cần bơm ở vị trí "UP". Để hạ cabin, đặt cần bơm ở vị trí "DOWN (lái xe)".
Nâng cabin ☐	Tiếng bíp liên tục	•	×	Tham khảo trang 4-32.
Hệ thống khởi hành ngang dốc (HSA) ☒	Tham khảo trang 4-100.	*	×	Tham khảo trang 4-100.
Smoother ☒	Tham khảo trang 4-83.	*	×	Tham khảo trang 4-83.
Làm sạch thủ công DPD ☒	Một tiếng bíp ngắn	•	×	Đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hỗ phách) nhấp nháy.

•: Chuông báo kéo dài ×: Không có chuông báo *: Xem cột "Tình trạng".



KHUYẾN CÁO

- Còi báo có thể không kêu nếu hệ thống gặp sự cố. Trong trường hợp này, cần kiểm tra hệ thống. Vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

**LƯU Ý**

- Trên các model Smoother, còi báo sẽ kêu trong khoảng 1 giây khi Công tắt khởi động được chuyển sang vị trí "ON".



CÔNG TẮT

• Công tắt khởi động	4-46
• Núm điều khiển nổ cảm chừng	4-48
• Công tắt điều khiển cụm đèn	4-50
• Công tắt điều chỉnh góc chiếu đèn đầu	4-52
• Công tắt đèn sương mù trước	4-53
• Công tắt báo nguy	4-54
• Công tắt phanh khí xả	4-54
• Công tắt khóa vi sai trung tâm	4-56
• Công tắt cần gạt mưa và bộ rửa kính chắn gió	4-57
• Núm nhấn còi	4-59
• Bộ điều khiển độ sáng của bảng táp lô	4-59
• Công tắt đèn phanh	4-60

Công tắc khởi động



CẢNH BÁO

- Khi đang lái xe, tuyệt đối không chuyển công tắc khởi động sang vị trí "LOCK". Chìa khóa có thể bị tuột ra khỏi công tắc, khiến vô lăng bị khóa. Điều này cực kỳ nguy hiểm.

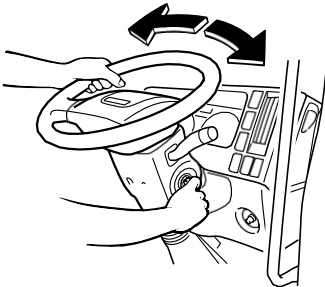
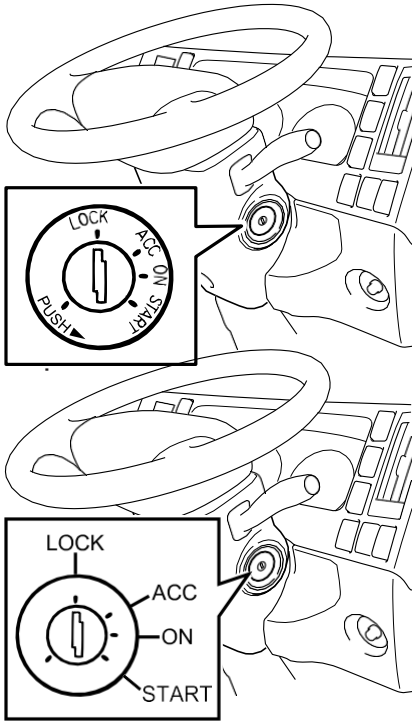


KHUYẾN CÁO

- Sử dụng chìa khóa dính bụi, bẩn, v.v. có thể làm hỏng Công tắc khởi động. Hãy lau sạch bụi, bẩn, v.v. trước khi cắm chìa khóa.
- Sau khi khởi động động cơ, không xoay Công tắc khởi động về vị trí "START". Nếu không, motor máy khởi động có thể bị hỏng.
- Sử dụng các thiết bị điện tử như hệ thống âm thanh trong thời gian dài khi động cơ đã dừng có thể làm cạn hoàn toàn bình ắc quy.

Công tắc khởi động

Loại 1



LOCK : Vị trí "LOCK" này là vị trí ngược chiều kim đồng hồ hết cỡ. Ở vị trí này, chìa khóa có thể được tra vào hoặc rút ra. Rút chìa khóa và xoay vô lăng cho đến khi khóa vô lăng. Vô lăng sẽ được khóa lại để chống trộm. Để đặt công tắc khởi động ở vị trí "LOCK", hãy nhấn giữ chìa khóa ở vị trí "ACC" rồi xoay sang vị trí "LOCK".

ACC : Vị trí "ACC" này là vị trí đầu tiên theo chiều kim đồng hồ. Ở vị trí này, có thể sử dụng hệ thống âm thanh và các phụ kiện khác khi động cơ đã dừng.

ON : Vị trí "ON" này là vị trí thứ hai theo chiều kim đồng hồ. Chìa khóa vẫn ở vị trí này trong khi động cơ đang chạy. Vị trí này cũng được sử dụng để xông trước trước khi khởi động động cơ.

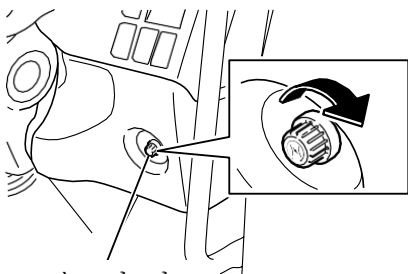
START : Vị trí "START" này là vị trí xa nhất theo chiều kim đồng hồ. Động cơ được khởi động ở vị trí này. Nhả chìa khóa ngay khi động cơ đã khởi động. Chìa khóa tự động trở về vị trí "ON".



LƯU Ý

- Nếu không thể xoay chìa khóa từ vị trí "LOCK" sang "ON", di chuyển nhẹ vô lăng theo chiều kim đồng hồ và ngược chiều kim đồng hồ trong khi cố gắng xoay chìa khóa.

Núm điều khiển nổ cầm chừng



Núm điều khiển nổ

Sử dụng núm này để làm nóng động cơ. Bạn có thể tăng tốc độ động cơ bằng cách xoay núm theo chiều kim đồng hồ mà không cần sử dụng bàn đạp ga.

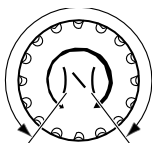
Xoay núm ngược chiều kim đồng hồ hết cỡ sau khi đã sử dụng núm để làm nóng động cơ và giữ núm ở vị trí này.



CẢNH BÁO

- Khởi động động cơ ở nơi thông gió kém có thể gây ngộ độc khí carbon monoxide. Chọn nơi thông gió tốt khi khởi động và làm nóng động cơ.
- Nếu bạn để Núm điều khiển nổ cầm chừng ở vị trí tốc độ cao mà không đưa về vị trí tốc độ thấp nhất, xe có thể chuyển động đột ngột khi khởi động tại chỗ hoặc tiêu tốn nhiều nhiên liệu hơn trong quá trình lái xe sau này, hoặc giảm tuổi thọ ly hợp. Tuyệt đối không được quên xoay hết cỡ Núm điều khiển nổ cầm chừng về vị trí tốc độ thấp nhất trước khi lái xe.

Góc điều chỉnh 300°



CHÚ Ý

- Không sử dụng núm điều khiển nổ cầm chừng khi xe đang chuyển động. Điều này có thể làm giảm khả năng dừng xe trong trường hợp khẩn cấp, dẫn đến thương tích cho người và/hoặc thiệt hại về tài sản.



KHUYẾN CÁO

- Nút điều khiển nổ cầm chừng được sử dụng để tăng hiệu quả của bộ sưởi và/hoặc bộ sấy kính trong khi động cơ chạy cầm chừng hoặc để tăng tốc độ chạy cầm chừng của động cơ theo cách thủ công.
- Nút điều khiển nổ cầm chừng có phạm vi hoạt động 300 độ. Không cố vận nút quá phạm vi này. Nếu không, xe có thể xảy ra sự cố.



LƯU Ý

- Sử dụng Nút điều khiển nổ cầm chừng để ổn định động cơ ở giai đoạn khởi động khi động cơ chạy thô.
- Đối với xe được trang bị Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD), xoay Nút điều khiển nổ cầm chừng hết cỡ ngược chiều kim đồng hồ khi DPD được làm sạch thủ công để giảm tốc độ động cơ nếu nút đã được xoay theo chiều kim đồng hồ để tăng tốc độ động cơ.

Khởi động động cơ

→ Tham khảo trang 4-4

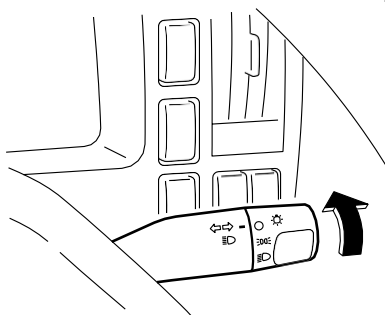
Bộ lọc khí thải động cơ diesel (DPD)



→ Tham khảo trang 4-128

Công tắc điều khiển cụm đèn

Công tắc điều khiển đèn



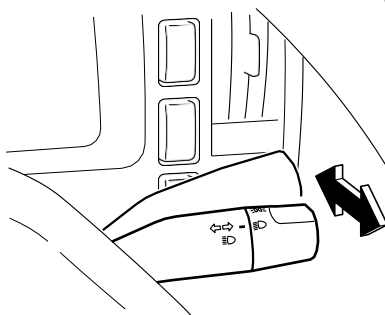
Khi công tắc khởi động ở vị trí "ON", chuyển công tắc điều khiển đèn sang các vị trí có trong bảng dưới đây sẽ làm các đèn liên quan sáng.



KHUYẾN CÁO

- Đặt Công tắc khởi động sang vị trí khác "ON" trong khi đèn đang sáng sẽ khiến đèn tắt.

Tên	Vị trí			
				
Đèn đầu	OFF	OFF	ON	ON
Đèn kích thước				
Đèn đuôi				
Đèn biển số xe				
Bộ điều khiển đèn chiếu sáng				
Đèn hiệu chiều rộng phía trước				



Chuyển đổi giữa Đèn pha và Đèn cốt

Khi đèn đầu đang sáng, đưa cần gạt về phía trước và phía sau để chuyển đổi giữa đèn pha và đèn cốt.

Đưa cần gạt về phía trước để chọn đèn pha; đưa cần gạt về phía sau để chọn đèn cốt. Khi đèn đầu ở chế độ đèn pha, đèn chỉ báo đèn pha trên bảng táp lô sáng liên tục.



LƯU Ý

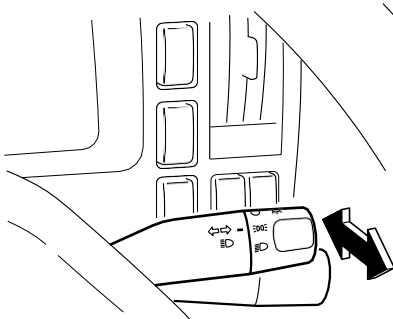
- Sử dụng đèn cốt bất cứ khi nào có xe phía trước trong cùng làn đường hoặc có xe chạy về phía mình trên làn đường đối diện.

Khi bóng đèn không sáng

→ Tham khảo trang 8-29

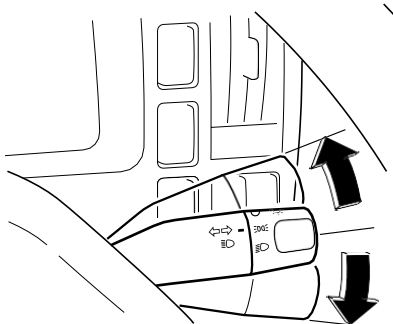
Đèn pha nhấp nháy (Tín hiệu vượt lên)

Khi kéo nhẹ cần công tắc điều khiển đèn rồi thả ra, đèn pha sẽ bật rồi tắt. Đồng thời, đèn chỉ báo đèn pha trên bảng táp lô sẽ bật rồi tắt. Sử dụng chức năng này để ra hiệu cho xe vượt lên hoặc các mục đích khác.



Công tắc đèn tín hiệu

Khi rẽ trái hoặc phải, đưa cần lên hoặc xuống để nhấp nháy đèn tín hiệu.

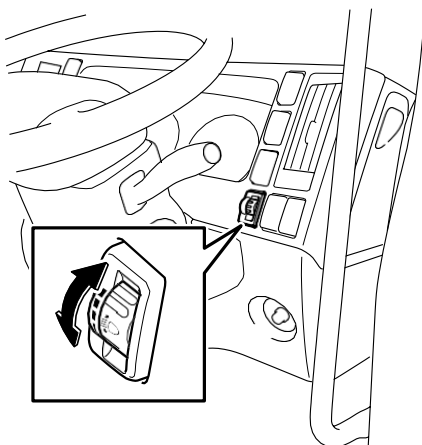


KHUYẾN CÁO

- Đèn tín hiệu sẽ sáng ngay cả khi Công tắc khởi động ở vị trí "ACC" hoặc "LOCK". Không sử dụng đèn tín hiệu trong thời gian dài khi động cơ đã dừng. Nếu không, bình ắc quy có thể cạn khiến động cơ không thể khởi động.

**LƯU Ý**

- Nếu vô lăng chỉ quay một khoảng nhỏ, hãy tắt đèn tín hiệu bằng tay. Nhẹ nhàng nhấn giữ cần lên hoặc xuống khi vượt qua phương tiện khác hoặc chuyển làn. Đèn tín hiệu sẽ tiếp tục nhấp nháy khi cần gạt được giữ lên hoặc xuống. Cần gạt sẽ di chuyển về vị trí trung gian ngay sau khi được nhả ra.

Công tắt điều chỉnh góc chiếu đèn đầu

Điểm chiếu của đèn đầu có thể được điều chỉnh ở bốn góc độ khác nhau. Khi khối lượng hàng hóa làm cho đèn đầu hướng lên trên, có thể sử dụng tính năng này để hạ thấp góc chiếu.

Khi xe không chở hàng, công tắt phải ở vị trí trên cùng. (vị trí "0")

**CHÚ Ý**

- Không hạ thấp góc chiếu quá sâu.
Nếu không, phạm vi chiếu sáng có thể bị giảm quá mức, dẫn đến tai nạn.

Công tắt đèn sương mù trước


Khi công tắt điều khiển đèn nằm ở vị trí "☁" hoặc "☁", khi nhấn công tắt này, đèn sương mù trước sẽ sáng và đèn chỉ báo sương mù trước cũng sáng. Để tắt đèn, nhấn công tắt lần nữa. Đèn sương mù trước rất hữu ích khi tầm nhìn phía trước bị hạn chế, ví dụ như trong sương mù.

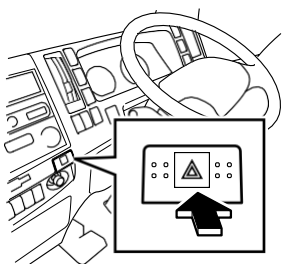

CẢNH BÁO

- Khi thay bóng đèn sương mù trước, không sử dụng công suất lớn hơn công suất quy định. Nếu không, dây dẫn có thể bị cháy.

Khi bóng đèn không sáng

→ Tham khảo trang 8-29

Công tắt báo nguy



Đèn báo nguy hiểm được sử dụng để báo hiệu cho các phương tiện khác rằng xe của bạn đang đứng yên trên đường do tai nạn hoặc sự cố hỏng hóc bộ phận.

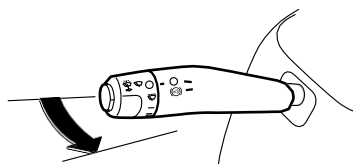
Khi công tắt khởi động ở bất kỳ vị trí nào, nhấn công tắt này để tắt cả đèn tín hiệu và đèn chỉ báo tín hiệu đều nhấp nháy nhằm báo hiệu khẩn cấp. Để tắt đèn báo nguy hiểm, nhấn công tắt lần nữa.



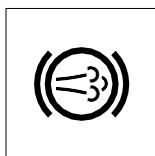
KHUYẾN CÁO

- Không để đèn cảnh báo nguy hiểm hoạt động trong thời gian dài khi động cơ đã dừng. Nếu không, bình ắc quy có thể bị cạn khiến động cơ không thể khởi động lại.

Công tắt phanh khí xả



Đèn chỉ báo phanh khí xả



Để sử dụng phanh khí xả khi lái xe, hãy kéo cần gạt về phía sau. Đèn chỉ báo phanh khí xả sẽ sáng. Để nhả phanh khí xả, hãy nhấn bàn đạp ga hoặc bàn đạp ly hợp (nếu xe của bạn là xe có hộp số sàn). Nhả bàn đạp để bật lại phanh khí xả.

- Nếu xe của bạn được trang bị Smoother, phanh khí xả sẽ bị ngắt trong khi chuyển số hoặc khi giảm tốc độ động cơ trước khi xe dừng lại. Phanh khí xả sẽ hoạt động trở lại khi chuyển số xong hoặc khi tốc độ động cơ tăng đủ.



CHÚ Ý

- Bật phanh khí xả trên đường trơn trượt (khi mặt đường phủ tuyết, đóng băng hoặc ẩm ướt) là việc cực kỳ nguy hiểm vì lốp xe có thể bị trượt.


KHUYẾN CÁO

- Nếu có tiếng còi báo khi phanh khí xả đang hoạt động, nhanh chóng tắt xe vào lề đường an toàn và liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra.
- Ngay cả khi cần sang số ở vị trí "N", phanh khí xả vẫn sẽ không nhả ra cho đến khi động cơ được làm nóng nếu hệ thống làm nóng được bật.

Các điều kiện khiến phanh khí xả không thể hoạt động

Trong các điều kiện sau, phanh khí xả không hoạt động.

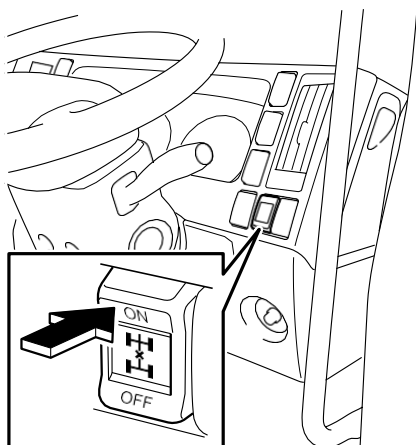
- Nhấn bàn đạp ga hoặc bàn đạp ly hợp (model hộp số sàn).
- Cần sang số ở vị trí N.
- Xe đang di chuyển với tốc độ 5 km/h (3 MPH) hoặc thấp hơn, hoặc tốc độ động cơ xuống tới giá trị mà phanh khí xả không bật.
- Khi đang chuyển số (model Smoother).


LƯU Ý

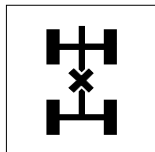
- Nếu xe của bạn được trang bị hệ thống chống bó cứng phanh (ABS), phanh khí xả có thể ngắt trong khi ABS hoạt động, ngay cả khi công tắc phanh khí xả ở vị trí "ON" và đèn chỉ báo khí phanh khí xả đang sáng. Phanh khí xả có thể ngắt tạm thời khi xe đi qua chỗ xóc ngay cả khi không nhấn bàn đạp phanh.

Công tắt khóa vi sai trung tâm

V



Đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm



Sử dụng khóa vi sai trung tâm khi một hoặc nhiều lớp trên trục lái ở trên mặt đường đầy bùn hoặc cát, mặt đường đóng băng và dốc, hoặc các mặt đường trơn trượt khác.

Dừng xe. Nhấn công tắt ở phía "ON". Khóa vi sai trung tâm sẽ bật và đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm sẽ sáng. Để ngắt khóa vi sai trung tâm, nhấn công tắt ở phía "OFF". Đèn chỉ báo khóa vi sai trung tâm sẽ tắt.



CHÚ Ý

- Vi sai có thể phát sinh sự cố nếu bánh sau được quay liên tục mà không sử dụng khóa vi sai trung tâm.
- Để bật khóa vi sai trung tâm, hãy dừng xe, sau đó nhấn công tắt khóa vi sai trung tâm ở phía "ON".
- Khi khóa vi sai trung tâm được bật, bán kính quay xe sẽ tăng lên.
- Không bật khóa vi sai trung tâm trừ khi cần thiết. Nếu không, lốp xe sẽ bị mòn, xe sẽ phát ra tiếng ồn và rung lắc.



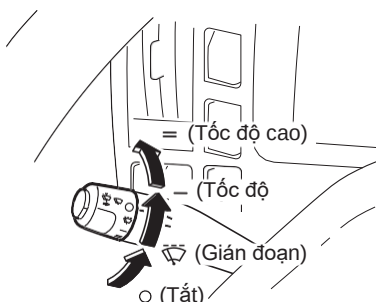
LƯU Ý

- Khóa vi sai trung tâm kết nối trực tiếp cầu sau – trước với cầu sau – sau.

Công tắt cần gạt mưa và bộ rửa kính chắn gió

Để sử dụng công tắt cần gạt mưa và bộ rửa kính chắn gió, công tắt khởi động phải ở vị trí "ON".

Công tắt cần gạt mưa

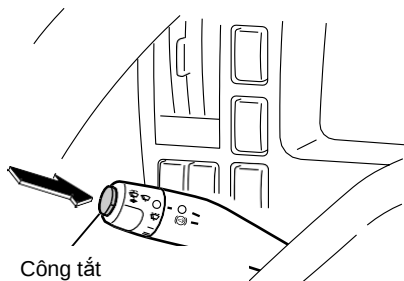


KHUYẾN CÁO

- Hệ thống an toàn có thể hoạt động để dừng cần gạt mưa khi motor quá tải. Trong trường hợp này, hãy chuyển công tắt sang vị trí "OFF" và chờ vài phút rồi kiểm tra xem cần gạt mưa có hoạt động bình thường trở lại không. Nếu cần gạt mưa thường xuyên ngừng hoạt động, hãy ngừng sử dụng và liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.
- Trước khi vận hành cần gạt mưa, hãy đảm bảo cao su gạt mưa không dính vào kính chắn gió. Nếu cao su gạt mưa dính trên kính chắn gió mà bạn vẫn vận hành cần gạt mưa, cần gạt mưa có thể bị gãy hoặc motor gạt mưa có thể bị hỏng.
- Không vận hành cần gạt mưa khi bề mặt kính chắn gió khô. Nếu không có thể gây hư hại bề mặt kính chắn gió. Luôn sử dụng bộ rửa kính chắn gió khi lau bề mặt kính khô.

Công tắt cần gạt mưa kính chắn gió có các vị trí tương ứng với các trạng thái của cần gạt mưa như sau.

Vị trí cần gạt	○		—	=
Trạng thái cần gạt mưa	Dừng	Gián đoạn (Mưa nhỏ)	Tốc độ thấp (Mưa vừa)	Tốc độ cao (Mưa to)

Công tắt bộ rửa kính chắn gió

Công tắt
bộ rửa kính chắn gió

Nước rửa kính chắn gió sẽ phun lên kính chắn gió khi nhấn công tắt này. Cần gạt mưa cũng hoạt động nếu xe của bạn có chế độ gạt mưa gián đoạn.

Bộ rửa kính chắn gió được sử dụng để lau sạch kính chắn gió.

**CHÚ Ý**

- Ở nhiệt độ cực thấp, nước rửa kính chắn gió có thể đóng băng trên kính chắn gió sau khi được phun, làm cản trở tầm nhìn phía trước. Trong trường hợp này, hãy làm nóng kính chắn gió trước khi sử dụng bộ rửa kính chắn gió.

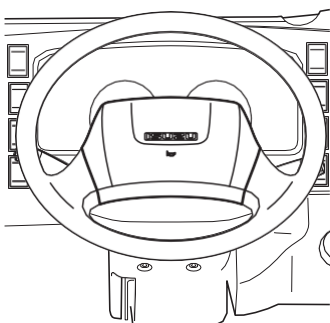
**KHUYẾN CÁO**

- Nếu nước rửa kính chắn gió không được phun đủ lượng, nhấn công tắt ngay lập tức. Nếu không có thể gây hư hại bề mặt kính chắn gió.
- Không nhấn công tắt trong hơn 30 giây. Nếu không, bơm của bộ rửa kính chắn gió có thể bị hỏng.
- Nếu nước rửa kính chắn gió không được phun ra, lập tức nhấn công tắt bộ rửa kính chắn gió. Nếu không, motor có thể bị kẹt.
- Khi sử dụng xe ở vùng có khí hậu lạnh, hãy sử dụng nước rửa kính chắn gió với nồng độ thích hợp cho mùa để ngăn nước đóng băng.

Nước rửa kính chắn gió

→ Tham khảo trang 7-164

Nút nhấn còi



Để dùng còi, nhấn vào phím có biểu tượng còi trên vô lăng.

Bộ điều khiển độ sáng của bảng táp lô

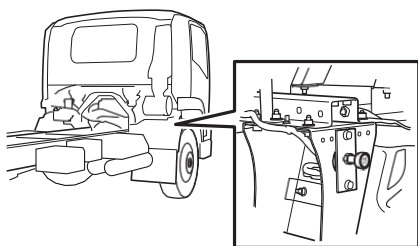


Bộ điều khiển sẽ thay đổi độ sáng của bảng táp lô.



Công tắt đèn phanh

V



Đèn phanh phía sau cabin sẽ sáng khi công tắt này được kéo ra.

Đèn phanh được sử dụng khi đầu xe kéo và rơ-moóc được kết nối hoặc ngắt kết nối vào ban đêm.



LƯU Ý

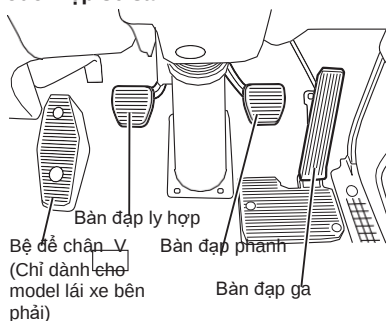
- Phải tắt công tắt này trước khi lái xe.

ĐIỀU KHIỂN LÁI XE

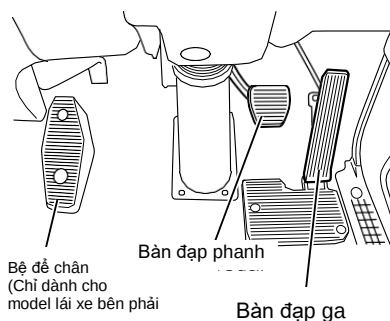
• Bàn đạp		4-62
• Cần phanh tay		4-63
• Cần sang số		4-66
• Model có hộp số sàn ES11109	☐	4-70
• Model có Smoother	☐	4-73
• Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA)	☐	4-90
• Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	☐	4-101
• Hệ thống kiểm soát lực kéo (ASR)	☐	4-105
• Hệ thống cân bằng điện tử (ESC)	☐	4-107
• Hệ thống phanh điện tử (EBS)	☐	4-113
• Khớp nối	☐	4-117
• Bộ trích công suất (PTO)	☐	4-121
• Bộ xúc tác oxy hóa khí xả	☐	4-126
• Bộ lọc khí thải động cơ diesel (DPD)	☐	4-128

Bàn đạp

Model hộp số sàn



Model Smoother



Ngồi đúng tư thế lái xe trên ghế và sử dụng chân phải để điều khiển bàn đạp phanh và bàn đạp ga. Để tránh vô ý nhấn nhầm bàn đạp, hãy kiểm tra vị trí của bàn đạp và tập đặt chân lên bàn đạp mong muốn.



CẢNH BÁO

- Lon hoặc chai lăn trên sàn có thể ngăn cản hoạt động của bàn đạp phanh nếu nó bị kẹt dưới bàn đạp. Điều này rất nguy hiểm. Đặt thảm trải sàn hợp lý. Thảm trải sàn được đặt không hợp lý sẽ cản trở chuyển động tự do của từng bàn đạp.



KHUYẾN CÁO

- Không tăng tốc động cơ quá nhanh; các linh kiện động cơ cũng như khả năng tiết kiệm nhiên liệu có thể bị ảnh hưởng xấu.
- Không lái xe khi đặt chân lên bàn đạp ly hợp. Điều này có thể làm hỏng ly hợp.

Cần phanh tay



CHÚ Ý

- Khi đỗ hoặc dừng xe, hãy kéo cần phanh tay và đảm bảo xe không bắt đầu chuyển động.
- Hết sức tránh đỗ xe trên dốc, hãy chọn nơi bằng phẳng. Nếu buộc phải đỗ xe trên dốc, luôn cài phanh tay đầy đủ, đảm bảo xe không di chuyển và chặn bánh xe bằng gỗ chêm để an toàn hơn. Đặt một số cho hộp số để đỗ xe an toàn hơn.
- Không sử dụng phanh tay khi xe đang chuyển động trừ trường hợp khẩn cấp. Cài phanh tay trước khi xe dừng có thể khiến lốp bị bó cứng hoặc khiến xe quay vòng, có thể gây ra tai nạn.
- Có thể xảy ra sự cố và/hoặc hỏa hoạn nếu không nhả hết cỡ phanh tay trong khi lái xe.
- Đèn cảnh báo phanh tay sáng không có nghĩa là phanh tay đã được cài hoàn toàn. Cần phanh tay phải được kéo lên hết cỡ.
- Sau khi sử dụng phanh tay trong khi lái xe, luôn kiểm tra xem có sự cố gì không.



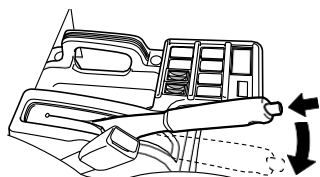
LƯU Ý

- Có hai loại phanh tay. Xe của bạn có một trong hai loại đó.
 - Phanh tay trung tâm: Khi kéo cần phanh tay, phanh tay trung tâm hoạt động trên trục các-đăng để khóa cầu sau.
 - Phanh tay bánh xe: Khi kéo cần phanh tay, phanh tay bánh xe sẽ kích hoạt phanh bánh sau để khóa chúng lại.

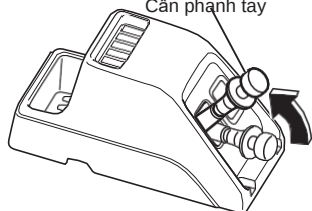
Hoạt động của phanh tay



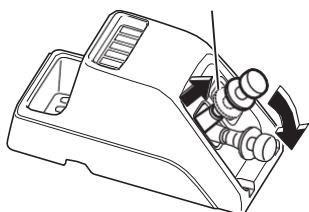
Cần phanh tay



Cần phanh tay



Nút nhả

**Model có phanh tay trung tâm**

Để cài phanh tay, nâng cần phanh tay lên. Sau đó, đèn cảnh báo phanh tay sẽ sáng.

Để nhả phanh tay, nhấn nút nhả trong khi nâng cần phanh tay lên một chút rồi hạ cần phanh tay.

Đèn cảnh báo phanh tay sau đó sẽ tắt.

Đảm bảo nút nhả hoàn toàn trở về vị trí ban đầu.

Model có phanh tay bánh xe

Để cài phanh tay, nâng cần phanh tay. Sau đó, đèn cảnh báo phanh tay sẽ sáng. Đảm bảo bạn nghe thấy tiếng không khí thoát ra từ hệ thống.

Để nhả phanh tay, hạ cần phanh tay trong khi nâng nút nhả lên.

Đèn cảnh báo phanh tay sau đó sẽ tắt.

Đèn cảnh báo phanh tay

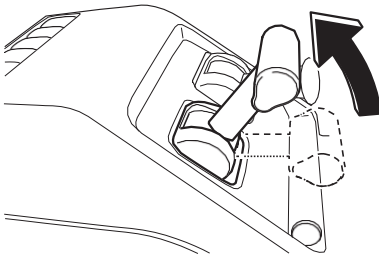


CHÚ Ý

- Nếu đèn cảnh báo phanh tay vẫn sáng khi hạ cần phanh tay thì có thể là do hỏng phanh hoặc giảm áp suất khí. Đảm bảo áp suất khí ở đúng mức.

Cần phanh tay rơ-móc

V



Đèn cảnh báo phanh rơ-móc

TR
BRAKE

Xe kéo sơ-mi rơ-móc

Khi kéo cần lên, phanh của rơ-móc sẽ hoạt động ở các mức độ khác nhau tùy theo góc độ của cần. Sau đó, đèn phanh và đèn cảnh báo phanh rơ-móc sẽ sáng.

Cần này dùng để ngăn xe kéo bị rơ-móc đẩy xuống dốc.



CHÚ Ý

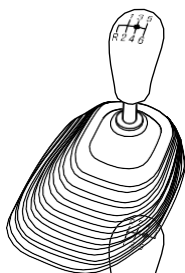
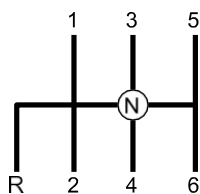
- Không sử dụng phanh tay của rơ-móc khi dừng hoặc đỗ xe.
- Sau khi sử dụng phanh tay rơ-móc, nhanh chóng đưa cần về vị trí "OFF".
- Khi khởi hành trên dốc, hãy sử dụng phanh tay thay vì phanh tay của rơ-móc.

Cần sang số

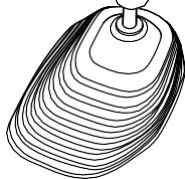
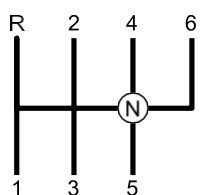
Model hộp số sàn 5 hoặc 6 cấp

V

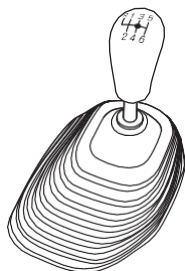
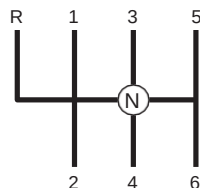
Hộp số MZW6P



Hộp số MZZ



Hộp số ES9306A



Model có hộp số

MZZ/MZW/ES9306A

Sau khi nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp và trong khi nhấn bàn đạp phanh, đặt cần sang số ở vị trí "1" (số đầu tiên) hoặc "R" (số lùi).

Trong model có đèn lùi, đèn lùi sẽ sáng khi cần sang số ở vị trí "R" (số lùi). Đồng thời, trong model có còi báo lùi xe, còi cũng sẽ kêu.

Model hộp số sàn yêu cầu nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp khi sang số.

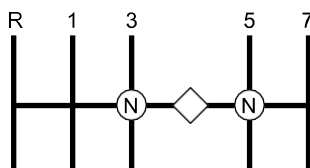


KHUYẾN CÁO

- Chỉ chuyển sang số lùi từ số tiến hoặc chuyển sang số tiến từ số lùi khi xe dừng hẳn. Nếu không, hộp số có thể bị hỏng.

Model hộp số sàn 9 cấp

V



Nhóm số khoảng thấp 1 – 4
Nhóm số khoảng cao 5 – 8

Model có hộp số ES11109

Model trong loạt sản phẩm này cung cấp chín tốc độ tiến và một tốc độ lùi, bao gồm phần trước với năm tốc độ và phần khoảng phụ với hai tốc độ.

Số cực thấp (C) ở phần trước chỉ được sử dụng làm số khởi động. Bốn số còn lại được sử dụng một lần trong khoảng THẤP và một lần nữa trong khoảng CAO.

Sau khi thoát số cực thấp, hãy chuyển sang các số còn lại trong khoảng số THẤP và khoảng số CAO như cách sang số bằng bất cứ hộp số đồng tốc nào.

Khi chuyển từ khoảng số Thấp sang khoảng số Cao hoặc ngược lại, đưa cần sang số hết cỡ về bên phải hoặc trái. Khi đó, hộp số sẽ tự động thực hiện sang số bộ đồng tốc. Ngoài ra, đèn chỉ báo khoảng số thấp sẽ sáng khi ở khoảng số Thấp và tắt khi ở khoảng số Cao.



Sang số từ khoảng số cao về khoảng số thấp

**CẢNH BÁO**

- Tuyệt đối không cố gắng về số khi xe chạy quá nhanh vì điều này sẽ làm hỏng hệ thống truyền động nghiêm trọng.
 - Một số xe được gắn thiết bị bảo vệ sang số khi di chuyển quá tốc độ nhờ liên kết với nhà sản xuất xe. Tuyệt đối không mặc định rằng xe có thiết bị bảo vệ sang số quá tốc.
 - Theo hướng dẫn, tuyệt đối không chuyển từ khoảng số CAO sang khoảng số THẤP trên 30 km/h (19 MPH) – ngay cả khi xe đang ở vị trí trung gian và bàn đạp ly hợp được nhấn. Tốc độ này sẽ thay đổi dựa trên cấu hình chung của hệ thống truyền động.

**CHÚ Ý**

- Luôn sử dụng ly hợp khi lên số hoặc về số. Nguyên nhân của lỗi bộ đồng tốc sớm có thể là do không sử dụng ly hợp.
- Luôn chọn một số khởi động ban đầu có thể giảm đủ tác động của hàng hóa và địa hình.
- Tuyệt đối không kéo mạnh hoặc giật cần sang số để hoàn tất vào số.
- Tuyệt đối không để xe chạy bằng quán tính khi cần sang số ở vị trí số trung gian.
- Tuyệt đối không về số khi tốc độ đi đường quá cao.
- Tuyệt đối không chuyển sang số cực thấp (C) khi xe đang chuyển động.
- Tuyệt đối không chọn số lùi khi xe đang di chuyển.

Model có hộp số sàn ES11109

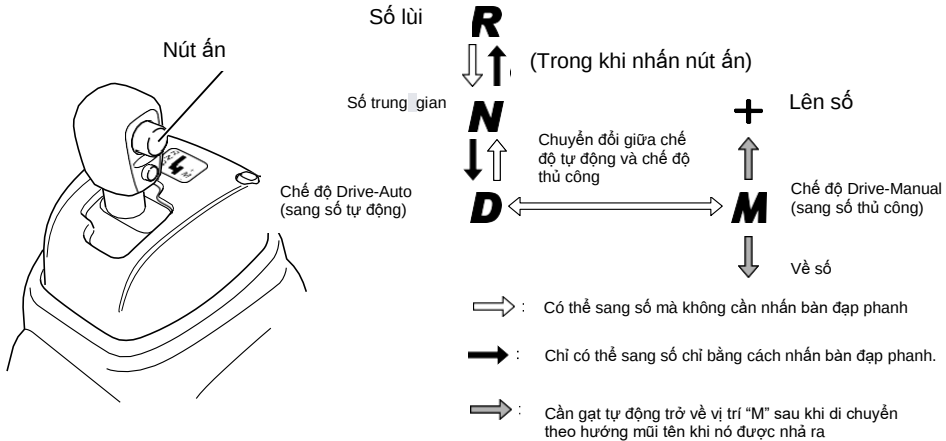


→ Tham khảo trang 4-70

Model có Smoother

SA

Di chuyển cần sang số để chuyển sang từng số.



Vị trí cần sang số	Đèn chỉ báo chuyển số hiển thị trên bảng táp lô	Vị trí số
R	R	Số lùi Sử dụng khi lùi xe
N	N	Số trung gian Sử dụng khi khởi động động cơ
D	D - 6	Chế độ Drive-Auto (tự động sang số) Hệ thống tự động chọn số tối ưu dựa vào tốc độ của xe
M	+ -	Chế độ Drive-Auto (tự động sang số): Thao tác chọn thủ công vị trí "+" (lên số) hoặc "-" (về số) cho phép tài xế chọn số mong muốn.



CẢNH BÁO

- Khi vận hành cần sang số trong khi xe đứng yên, hãy nhấn hết cỡ bàn đạp phanh cho đến khi đèn chỉ báo sang số chuyển từ nhấp nháy sang sáng liên tục. Trong khi đèn chỉ báo sang số nhấp nháy, số vẫn đang được chuyển và lực truyền vẫn chưa xuất hiện từ Smoother. Nếu bạn nhả bàn đạp phanh trước khi đèn chỉ báo sáng liên tục, xe có thể lao xuống dốc và gây tai nạn.

Model có hộp số sàn ES11109

V

Nắm rõ cách vận hành cần sang số và hình thành thói quen vận hành chính xác.

Phương thức vận hành



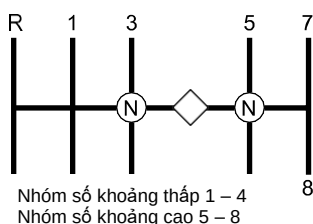
CHÚ Ý

- Tuyệt đối không chuyển sang số cực thấp (C) khi xe đang chuyển động.

Khởi động ban đầu

Trước khi khởi động xe, luôn ngồi vào ghế tài xế, đưa cần sang số về vị trí số trung gian và nhấn hết cỡ ly hợp chính.

Trước khi lái xe, đảm bảo bạn hiểu rõ cấu hình mô hình sang số.



1. Đảm bảo cần sang số ở vị trí số trung gian, phần khoảng số ở khoảng THẤP và phanh tay được cài.
2. Bật công tắc IG. Khởi động động cơ.
3. Tăng áp suất khí để ngát.
4. Nhấn phanh chân.
5. Nhấn bàn đạp ly hợp xuống sàn.
6. Đưa cần sang số đến số ban đầu mong muốn.
7. Nhả phanh tay.
8. Từ từ nhả bàn đạp ly hợp và nhấn bàn đạp ga.

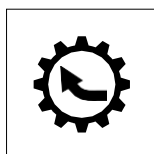
Lên số

1. Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp. Đưa cần sang số đến tốc độ mong muốn tiếp theo.
2. Nhả bàn đạp ly hợp.
3. Tăng tốc xe.
4. Tiếp tục chuyển lên tốc độ cấp 4.

Sang số từ khoảng số thấp đến khoảng số cao (cấp 4 sang cấp 5)

1. Khi ở vị trí cuối cùng ở khoảng số THẤP (cấp 4) và sẵn sàng cho lần lên số tiếp theo, khi tốc độ động cơ/xe ở ngưỡng cho phép xe tăng tốc.
2. Nhả bàn đạp ga.
3. Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp. Đưa cần sang số về vị trí số trung gian.
4. Di chuyển cần sang số sang PHẢI hết cỡ trong một khoảng thời gian ngắn – điều này sẽ kích hoạt van khoảng số để tự động chuyển hộp số sang khoảng số CAO.
5. Để cần sang số trở về vị trí tự nhiên.
6. Khi ly hợp vẫn được nhấn, chuyển sang tốc độ cấp 5.
7. Nhả ly hợp và đạp bàn đạp ga. Khi chuyển sang khoảng số cao xong, đèn chỉ báo khoảng số thấp sẽ tắt.
8. Tiếp tục lên số tới tốc độ cấp 8.

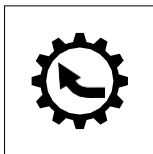
Đèn chỉ báo cài số thấp



Về số

1. Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp, đưa cần sang số đến tốc độ mong muốn tiếp theo.
2. Nhả bàn đạp ly hợp.
3. Tiếp tục về số xuống tốc độ cấp 5.

Đèn chỉ báo khoảng số thấp

**Sang số từ khoảng số cao xuống khoảng số thấp (cấp 5 xuống cấp 4)**

1. Khi ở vị trí cuối cùng của khoảng số CAO (cấp 5), hãy nhả bàn đạp ga.
2. Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp. Đưa cần sang số về vị trí số trung gian.
3. Di chuyển cần sang số về bên TRÁI hết cỡ trong một khoảng thời gian ngắn – điều này sẽ kích hoạt van khoảng số để tự động chuyển hộp số về khoảng số THẤP.
4. Để cần sang số trở về vị trí tự nhiên.
5. Khi ly hợp vẫn được nhấn, chuyển sang tốc độ cấp 4.
6. Nhả ly hợp. Khi chuyển sang khoảng số thấp xong, đèn chỉ báo khoảng số thấp sẽ sáng.
7. Giảm tốc độ xe và tiếp tục về số.

Model có Smoother

SA

Smoother là hệ thống hộp số cho phép tài xế di chuyển xe từ trạng thái đứng yên, lái xe khi xe tự động sang số và dừng xe, tất cả chỉ bằng cách sử dụng cần sang số, bàn đạp ga và bàn đạp phanh mà không cần vận hành bàn đạp ly hợp. Đảm bảo bạn nắm rõ các đặc điểm của hệ thống Smoother và cách vận hành chính xác.

Model Smoother

SA

→ Tham khảo trang 2-32

**CẢNH BÁO**

- Nhấn hết cỡ bàn đạp phanh để ngăn xe di chuyển ngay cả khi xe đang dừng trên đường bằng phẳng và đặt cần sang số về vị trí "N" và cài phanh tay chắc chắn nếu cần.
- Ngay sau khi động cơ khởi động, trong khi điều hòa không khí đang chạy ở các model có hệ thống điều hòa không khí và trong quá trình làm sạch DPD ở các model có DPD, tốc độ động cơ sẽ tăng lên, làm xe trườn nhanh hơn bình thường. Nhấn mạnh bàn đạp phanh liên tục.

**LƯU Ý**

- Lực va chạm khi cài ly hợp có thể rất lớn khi tốc độ động cơ tăng lên bằng cách sử dụng Nút điều khiển nổ cầm chừng. Do đó, khi đưa cần sang số tới bất kỳ vị trí nào khác "N", hãy xoay Nút điều khiển nổ cầm chừng ngược chiều kim đồng hồ hết cỡ.
- Bạn có thể tận dụng hiệu ứng trườn của hộp số để di chuyển xe một cách êm ái trong khi tắc đường hoặc trong không gian hẹp bằng cách kiểm soát tốc độ mà không cần sử dụng bàn đạp ga, chỉ sử dụng bàn đạp phanh.

Nút điều khiển nổ cầm chừng

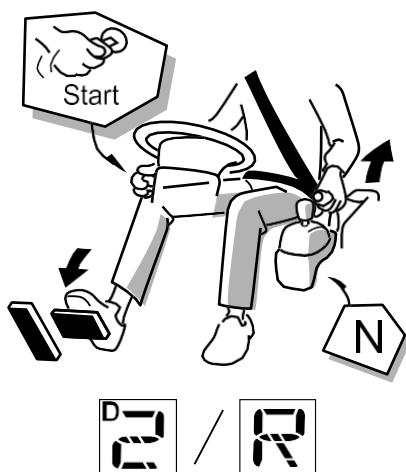
→ Tham khảo trang 4-48

Cách sử dụng Smoother



CHÚ Ý

- Trước khi khởi động động cơ, đặt cần sang số vào vị trí "N", đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiển thị "N", kéo cần phanh tay lên và nhấn hết cỡ bàn đạp phanh.
- Khi di chuyển cần sang số từ vị trí "N" sang "D" hoặc "R", hãy nhấn bàn đạp phanh.
- Tuyệt đối không rời khỏi ghế tài xế khi cần sang số ở vị trí "D", "M" hoặc "R" và động cơ đang chạy. Xe có thể bắt đầu di chuyển. Khi rời khỏi ghế tài xế, hãy đảm bảo cần sang số ở vị trí "N" và cài chắc phanh tay.



Khởi động xe trên đường bình thường

1. Nhấn bàn đạp phanh hết cỡ. Sau khi đảm bảo cần sang số ở vị trí "N", đèn chỉ báo sang số hiển thị "N" và cần phanh tay được kéo lên hết cỡ, hãy đặt công tắc khởi động vào vị trí "ON".
2. Khởi động động cơ trong khi nhấn hết cỡ bàn đạp phanh bằng chân phải. Đặt cần sang số vào vị trí "D" để di chuyển tiến hoặc "R" để di chuyển lùi. Ly hợp tự động ngắt khi cần sang số hoạt động, khi chuyển số và sau đó, ly hợp sẽ tự động hoạt động trở lại. Khi đó, số sẽ được điều khiển ở chế độ tự động (sang số tự động).
3. Đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiển thị số khởi động ("2" để di chuyển tiến và "R" để di chuyển lùi), nhả phanh tay, nhả bàn đạp phanh rồi từ từ nhấn bàn đạp ga. Xe sẽ bắt đầu di chuyển khi bạn tiếp tục nhấn bàn đạp ga.



LƯU Ý

- Khi khởi động động cơ sau khi đỗ xe có cài số, đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiện "N". Sau đó, đặt cần sang số ở vị trí "D" để di chuyển tiến và "R" để di chuyển lùi.
- Khi động cơ không chạy, bạn không thể sang số bằng cần sang số. Khởi động động cơ trước khi sang số.
- Trên dốc, bạn có thể khởi động xe êm ái nếu sử dụng hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA). (Model có HSA)
- Nếu xe dừng khi động cơ đang chạy, chức năng khóa sang số sẽ hoạt động để đảm bảo an toàn. Bạn không thể di chuyển cần sang số từ "N" sang "D" hoặc "R" mà không nhấn bàn đạp phanh. Khi khởi động xe, đảm bảo vận hành cần sang số trong khi nhấn giữ bàn đạp phanh.

Khởi động xe trên dốc

1. Đạp chắc bàn đạp phanh và đảm bảo kéo cần phanh tay hết cỡ.
2. Đặt cần sang số vào vị trí "D" để di chuyển tiến và "R" để di chuyển lùi trong khi nhấn hết cỡ bàn đạp phanh bằng chân phải. (Khi cần lực bấm mạnh để khởi động xe, chuyển sang chế độ khởi động thứ nhất.)
3. Đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiện số khởi động ("2" để di chuyển tiến và "R" để di chuyển lùi), kiểm tra khu vực xung quanh để đảm bảo xe di chuyển an toàn, giảm lực nhấn của chân phải lên bàn đạp phanh và từ từ nhấn bàn đạp ga.
4. Sau khi cảm thấy xe bắt đầu chuyển động, hãy từ từ nhả cần phanh tay và khởi động xe.



CẢNH BÁO

- Khi di chuyển xe được trang bị Smoother từ trạng thái đứng yên, bạn phải kiểm soát tốc độ chỉ bằng bàn đạp ga. Vận hành bàn đạp ga thật cẩn thận.
- Không vận hành cần sang số khi đang nhấn bàn đạp ga. Xe có thể khởi động đột ngột và gây tai nạn.
- Số đang trong quá trình được chuyển trong khi đèn chỉ báo sang số nhấp nháy. Xe có thể lặn xuống dốc vì lực dẫn động không được truyền đến bánh xe. Đảm bảo nhấn giữ bàn đạp phanh cho đến khi đèn chỉ báo sang số sáng liên tục.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi xe dừng, không nhấn tiếp bàn đạp ga khi cần sang số ở vị trí "D", "M" hoặc "R" và bàn đạp phanh được nhấn. Điều này có thể gây ra sự cố.
- Khi dừng xe trên dốc, luôn đạp phanh hết cỡ. Giữ xe đứng yên bằng cách nhấn bàn đạp ga để tạo hiệu ứng trườn mạnh có thể gây ra sự cố.

**LƯU Ý**

- Xe thường khởi động ở số thứ 2. Khi cần mô-men xoắn mạnh để khởi động, ví dụ như khi xe được chờ hàng nặng, hãy nhấn công tắc khởi động số thứ nhất để xe khởi động ở số thứ nhất.
- Bạn cũng có thể chuyển sang số thứ nhất khi xe đang dừng bằng cách nhấn bàn đạp phanh, đặt cần sang số vào vị trí "M" và di chuyển cần sang số về phía trước "- (về số)".
- Khi dừng xe chờ đèn giao thông, bạn nên gạt cần sang số về vị trí "N" để tăng khả năng tiết kiệm nhiên liệu.

Chế độ khởi động đầu tiên → Tham khảo trang 4-80

^D 1 - ^D 6

Sang số – Chế độ tự động

- Khi bạn chuyển cần sang số từ vị trí "N" sang "D", xe sẽ sang số ở chế độ tự động. Đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiện "D" ở phía trên bên trái.

**CHÚ Ý**

- Nếu bạn đang sử dụng chế độ tự động khi lên dốc cao, xe có thể tự động lên số và về số, gây khó khăn cho việc lái xe. Trong trường hợp này, hãy sử dụng chế độ thủ công để duy trì một số.


LƯU Ý

- Khi lên dốc liên tục hoặc khi tắc đường, bạn có thể lái xe dễ dàng hơn khi sử dụng chế độ thủ công để giữ xe ở một số nhất định hơn là sử dụng chế độ tự động. Bạn nên điều khiển xe trong các tình huống trên bằng chế độ thủ công.
- Lái xe ở chế độ ECONO có thể tăng khả năng tiết kiệm nhiên liệu.

Chế độ ECONO → Tham khảo trang 4-82


Sang số – Chế độ Thủ công

- Khi sang số ở chế độ thủ công, đặt cần sang số ở vị trí "M" và di chuyển cần về hướng "+" (lên số) hoặc "-" (về số) nếu cần để chọn số mong muốn. Đảm bảo số mong muốn được hiển thị trên đèn chỉ báo sang số.
- Ly hợp được tự động ngắt khi cần sang số hoạt động. Khi sang số xong, ly hợp sẽ tự động hoạt động trở lại. Bạn có thể thực hiện cả lên số và về số theo cách tương tự.
- Xe không tự động sang số ở chế độ thủ công. Để quay lại chế độ tự động, đặt cần sang số ở vị trí "D". Đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiện "D" ở phía trên bên trái.


KHUYẾN CÁO

- Sang số phù hợp với tốc độ xe. Nếu chuyển sang vị trí số không phù hợp, còi báo sẽ kêu và xe sẽ không sang số.
- Lái xe ở số không phù hợp trong chế độ thủ công sẽ làm hỏng hệ thống hộp số. Bạn sẽ được cảnh báo khi chọn số không phù hợp bởi còi báo và xe sẽ tự động chuyển sang số thích hợp.
- Đạp mạnh bàn đạp ga ngay sau khi sang số không chỉ khiến xe chạy không êm mà còn gây hỏng hộp số. Vận hành bàn đạp ga từ từ.

**LƯU Ý**

- Khi cần kiểm soát kỹ tốc độ xe như khi lùi xe lên bệ, bạn có thể tận dụng hiệu ứng trườn của hộp số để di chuyển xe một cách trơn tru mà chỉ sử dụng bàn đạp phanh, không sử dụng bàn đạp ga.
- Xe sẽ không sang số ngay cả khi chuyển sang chế độ tự động (chuyển từ "M" sang "D") khi xe đang dừng. Sau khi xe bắt đầu chuyển động, hộp số được sang số tự động.

Dừng xe

1. Nhấn bàn đạp phanh bằng chân phải để giảm tốc độ và dừng xe. Không cần sang số đặc biệt nào. Sau khi xe dừng, hộp số sẽ tự động chuyển sang số khởi động ở cả chế độ thủ công và chế độ tự động.
2. Khi xe đang dừng, đặt cần sang số ở vị trí "N". Khi cần xe đứng yên trong vài phút, hãy cài phanh tay.

**CHÚ Ý**

- Khi rời khỏi ghế tài xế, luôn đặt cần sang số ở vị trí "N", đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiện "N" và cài chắc phanh tay.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi xe dừng, không nhấn tiếp bàn đạp ga khi cần sang số ở vị trí "D", "M" hoặc "R" và bàn đạp phanh được nhấn. Điều này có thể gây ra sự cố.
- Khi dừng xe trên dốc, luôn đạp phanh hết cỡ. Giữ xe đứng yên bằng cách nhấn bàn đạp ga để tạo hiệu ứng trườn mạnh có thể gây ra sự cố.

**LƯU Ý**

- Khi dừng xe chờ đèn giao thông, bạn nên gạt cần sang số về vị trí "N" để cải thiện khả năng tiết kiệm nhiên liệu.

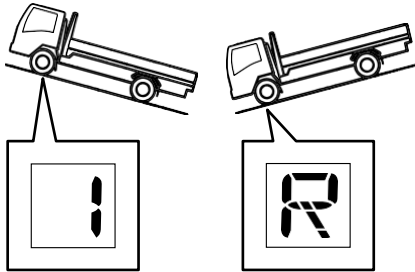
Khi đỗ xe



1. Cài phanh tay đồng thời nhấn bàn đạp phanh bằng chân phải.
2. Đặt cần sang số ở vị trí "N", đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiện "N", sau đó từ từ giảm áp lực từ chân phải lên bàn đạp phanh.
3. Dừng động cơ.

Đỗ xe khi xe ở một số

Khi cần đỗ xe trong thời tiết lạnh với hộp số ở số thứ nhất hoặc số lùi, hãy làm theo các bước dưới đây.



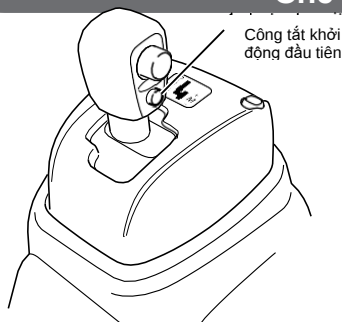
1. Đặt cần sang số ở vị trí "M" đồng thời nhấn hết cỡ bàn đạp phanh bằng chân phải và di chuyển cần về phía "–" (về số) hoặc đặt cần sang số ở vị trí "R" (số lùi). Đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiện "1" hoặc "R".
2. Dừng động cơ và từ từ giảm áp lực từ chân phải lên bàn đạp phanh.
3. Đảm bảo xe không di chuyển. Đảm bảo chặn bánh xe bằng gỗ chêm.



LƯU Ý

- Khi khởi động động cơ sau khi đỗ xe với hộp số ở một số, đặt cần sang số về vị trí "N" và nhấn bàn đạp phanh trong khi động cơ đang được khởi động. Lúc đầu, đèn chỉ báo sang số hiện "1" hoặc "R", nhưng sẽ chuyển thành "N" sau khi khởi động động cơ.
Sau khi đỗ xe với hộp số ở vị trí "R", bạn sẽ nghe thấy tiếng "bíp" khi di chuyển Công tắc khởi động sang vị trí "ON". Đây là điều bình thường.
- Đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiện "N" khi khởi động động cơ sau khi đỗ xe với hộp số ở một số trước khi thực hiện thao tác tiếp theo.

Chế độ khởi động số 1



Đèn chỉ báo chế độ khởi động đầu tiên

1ST
START

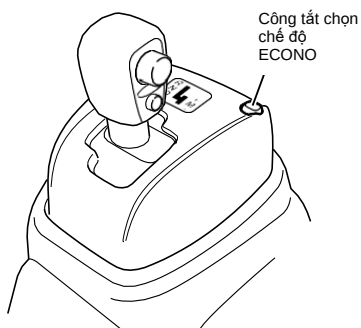
CHÚ Ý

- Hộp số sẽ sang số khi bạn nhấn công tắt khởi động đầu tiên trong khi xe đang dừng. Nhấn hết cỡ bàn đạp phanh trước khi nhấn công tắt và tiếp tục nhấn giữ bàn đạp phanh cho đến khi đèn chỉ báo sang số chuyển từ nhấp nháy sang sáng liên tục. Trong khi đèn chỉ báo sang số nhấp nháy, xe đang sang số và sẽ không có lực trườn. Nếu bạn nhả bàn đạp phanh trong khi đèn chỉ báo vẫn nhấp nháy, xe có thể lao xuống dốc và gây tai nạn.

**LƯU Ý**

- Không thể chọn chế độ khởi động đầu tiên trong chế độ thủ công.
Nếu chọn chế độ thủ công (cần sang số được chuyển từ vị trí "D" sang "M") sau khi nhấn công tắc khởi động đầu tiên, chế độ khởi động đầu tiên sẽ bị tạm dừng và đèn chỉ báo chế độ khởi động đầu tiên sẽ tắt.
Khi chuyển từ chế độ thủ công về chế độ tự động (cần sang số được chuyển từ vị trí "M" sang "D"), chế độ khởi động đầu tiên sẽ được thiết lập lại và đèn chỉ báo chế độ khởi động đầu tiên lại sáng nhưng vị trí số đã được chọn ở chế độ thủ công vẫn được giữ lại. Để bật chế độ sang số tự động, hãy lái xe rồi dừng xe, hoặc nhấn lại công tắc khởi động đầu tiên để chọn lại chế độ khởi động đầu tiên hoặc chuyển hộp số về chế độ thủ công để chuyển sang số thứ nhất rồi lại chuyển sang chế độ tự động.
- Khi bạn đặt Công tắc khởi động ở vị trí "LOCK" và khởi động lại động cơ, hộp số sẽ trở lại chế độ khởi động thông thường (chế độ khởi động thứ 2).

Chế độ ECONO



Bạn có thể cải thiện khả năng tiết kiệm nhiên liệu nếu chọn chế độ ECONO khi lái xe với hộp số ở chế độ tự động (chế độ sang số tự động). Khi bạn nhấn công tắc chọn chế độ ECONO, chế độ ECONO sẽ được chọn và đèn chỉ báo chế độ ECONO sẽ sáng.

Đèn chỉ báo chế độ ECONO

ECONO



LƯU Ý

- Không thể chọn chế độ ECONO khi hộp số đang ở chế độ thủ công. Khi hộp số được chuyển sang chế độ thủ công (cần sang số được chuyển từ vị trí "D" sang "M") trong khi xe đang ở chế độ ECONO, đèn chỉ báo chế độ ECONO sẽ tắt. Khi hộp số được chuyển từ chế độ thủ công về chế độ tự động (cần sang số được chuyển từ vị trí "M" sang "D"), chế độ ECONO sẽ hoạt động trở lại và đèn chỉ báo sẽ lại sáng.
- Nếu đã chọn chế độ ECONO, chế độ này vẫn sẽ hoạt động khi bạn khởi động lại động cơ ngay cả khi bạn đã xoay Công tắc khởi động sang vị trí "LOCK".

Hoạt động của đèn cảnh báo Smoother và còi báo

Đèn cảnh báo Smoother sẽ sáng hoặc nhấp nháy và còi báo sẽ kêu để cảnh báo bạn về các tình huống sau.

Tình huống và loại cảnh báo	Đèn cảnh báo Smoother	Còi báo	Hành động khắc phục
Tài xế mở cửa và rời khỏi xe khi Công tắc khởi động ở vị trí "ON" và hộp số đang ở một số.	—	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	Đưa cần sang số về vị trí "N" và cài phanh tay.
Nhấn giữ bàn đạp ga trong khi đạp phanh.	—	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	Nhả bàn đạp ga hoặc đưa cần sang số về vị trí "N".
Xe đang dừng trên dốc khi bàn đạp ga vẫn được nhấn.	—	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	Nhả bàn đạp ga và đạp phanh.
Xe tiếp tục được lái ở số không phù hợp hoặc khi xe lên dốc ở tốc độ thấp.*	—	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	Nhả bàn đạp ga hoặc chuyển về số thích hợp và lái xe ở chế độ thủ công.
Động cơ chạy vượt tốc.	—	Tiếng bíp liên tục	Đạp phanh để giảm tốc độ xe hoặc sang số thích hợp để giảm tốc độ động cơ.
Cần sang số ở vị trí "R" khi xe đang chuyển động.	—	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	Đưa cần sang số về vị trí "N" và dừng xe. Sau đó di chuyển cần lần nữa.
Xe được khởi động và dừng lại quá thường xuyên.	—	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	Dừng xe ở nơi an toàn, đưa cần sang số về vị trí "N" và để động cơ chạy cầm chừng để làm mát.
Xe được lái khi cần phanh tay được kéo lên.	—	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	Nhả phanh tay. Hoặc đặt cần sang số ở vị trí "N".
Dừng xe lại bằng cách kéo cần phanh tay lên khi hộp số đang ở một số trong thời gian dài.	—	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	

*: Hộp số tự động về số sang một số thích hợp để tránh hỏng hóc do nhiệt độ nhớt tăng quá cao. Đồng thời, còi sẽ kêu để thông báo cho tài xế rằng xe đã sang số này để tránh nhiệt độ nhớt tăng quá cao.

Tình huống và loại cảnh báo	Đèn cảnh báo Smoother 	Còi báo	Hành động khắc phục
Hệ thống Smoother gặp sự cố.	Sáng	Tiếng bíp liên tục	Dừng xe tại nơi an toàn và nhanh chóng đưa xe đến Đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra. Tham khảo phần "Khi hệ thống Smoother gặp sự cố" ở trang 4-87.
		Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	
		—	
Nhiệt độ nhớt Smoother cao bất thường.	Nhấp nháy	—	Dừng xe ở nơi an toàn, đặt cần sang số ở vị trí "N" và để động cơ chạy ở cầm chừng cho đến khi đèn cảnh báo Smoother tắt.
Công tắt khẩn cấp Smoother ở vị trí "ON".	Nhấp nháy	—	Chuyển công tắt khẩn cấp Smoother về vị trí "OFF".
Công tắt điều chỉnh HSA được vận hành để điều chỉnh cài ly hợp từng phần của Smoother.	—	Một tiếng bíp ngắn	—
Cố gắng chuyển sang một số có thể làm cho số vòng/phút của động cơ quá cao (chế độ thủ công).	—	Tiếng bíp liên tục	Đặt cần sang số ở vị trí "D" và lái xe với một số thích hợp được chọn. (Xe sẽ không sang số tự động.)
Cố gắng chuyển sang một số sẽ làm cho số vòng/phút của động cơ quá thấp (chế độ thủ công).	—	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	Đặt cần sang số ở vị trí "D" và lái xe với một số thích hợp được chọn. (Xe sẽ không sang số tự động.)

Đèn cảnh báo Smoother

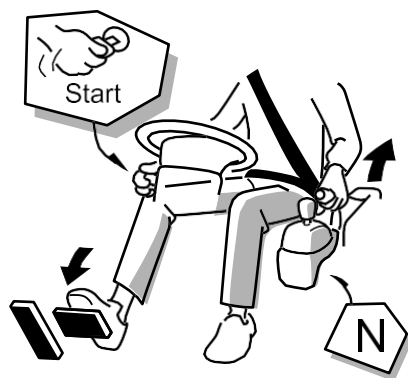
SA

→ Tham khảo trang 4-39

Cách điều chỉnh cài ly hợp từng phần của Smoother

Với hệ thống Smoother, bạn có thể chọn mức độ cài ly hợp từng phần mong muốn từ 4 vị trí theo cả hướng cài nhanh và chậm từ cài đặt mặc định (tiêu chuẩn). Bạn cần điều chỉnh trong các trường hợp sau.

- Nếu ly hợp được cài quá nhanh hoặc quá chậm khi khởi động xe.
- Thời điểm cài ly hợp không như ý định của bạn.



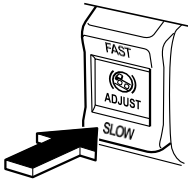
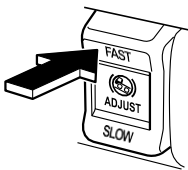
Điều chỉnh

1. Khi động cơ đang chạy, kéo cần phanh tay lên và đặt cần sang số về vị trí "N". Nhấn công tắt HSA OFF để vô hiệu hóa HSA.

Công tắt HSA OFF → Tham khảo trang 4-92

2. Nhấn vào bên "FAST" hoặc "SLOW" của công tắt điều chỉnh HSA. Nếu bạn cảm thấy ly hợp bị trượt, hãy nhấn vào bên "FAST". Nếu bạn cảm thấy ly hợp được cài đột ngột, hãy nhấn vào bên "SLOW". Chọn vị trí mong muốn trong số ± 4 giai đoạn với vị trí trung tâm làm mặc định. Như vậy, có tổng cộng 9 giai đoạn.

3. Mỗi lần bạn nhấn vào công tắt điều chỉnh, còi sẽ kêu bíp một lần, báo hiệu hoàn thành một bước điều chỉnh. Nếu bạn muốn thực hiện một bước điều chỉnh khác, hãy nhả công tắt và nhấn lại. Còi sẽ kêu bíp lần nữa, báo hiệu bước điều chỉnh tiếp theo đã hoàn thành.

Tình trạng	Nên nhấn công tắc bên nào và bao nhiêu lần	
	Bên SLOW	Bên FAST
		
Cần điều chỉnh kỹ lưỡng.	Một lần	Một lần
Khi bạn cảm thấy ly hợp bị trượt.	—	2 đến 3 lần
Khi bạn cảm thấy ly hợp được cài đặt ngọt.	2 đến 3 lần	—

**CHÚ Ý**

- Nếu không thể điều chỉnh đầy đủ trong phạm vi điều chỉnh (± 4 giai đoạn), hãy kiểm tra cài đặt mặc định tại Đại lý Isuzu.
- Thực hiện điều chỉnh cài ly hợp từng phần khi động cơ chạy cầm chừng.
- Thực hiện điều chỉnh ban đầu đối với hệ thống Smoother tại Đại lý Isuzu.

Khi hệ thống Smoother gặp sự cố

Nếu đèn cảnh báo Smoother sáng hoặc nhấp nháy khi xe đang vận hành, hãy dừng xe ở nơi an toàn. Nếu đèn cảnh báo không tắt, hãy đưa xe đến Đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra sớm nhất có thể. Ngoài ra, nếu đèn này sáng hoặc nhấp nháy trở lại sau khi đã tắt, hoặc nếu bạn cảm thấy dấu hiệu bất thường trong quá trình vận hành xe, hãy đưa xe đi kiểm tra tại Đại lý Isuzu gần nhất.

Đèn cảnh báo Smoother

SA

→ Tham khảo trang 4-39



CHÚ Ý

- Nếu đèn cảnh báo Smoother này sáng, các vấn đề sau có thể xảy ra. Ngoài ra, chuyển động của xe trong quá trình vận hành thông thường có thể trở nên bất thường, ví dụ như khó điều chỉnh tốc độ khi xe chạy ở tốc độ rất thấp hoặc không thể kéo lên sàn chất tải một cách chính xác. Trong những trường hợp đó, hãy luôn chú ý quan sát xung quanh khi vận hành xe và nhanh chóng đưa xe đến đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.

- Không có lực trườn
- Không thể lên hoặc về số
- Ly hợp hoạt động nhanh hơn hoặc chậm hơn bình thường

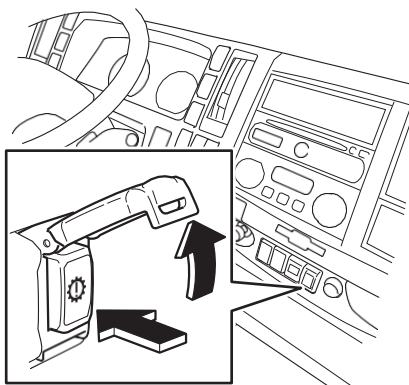
- Trong các xe có hệ thống Smoother, không thể khởi động động cơ bằng cách đẩy xe hoặc quay motor máy khởi động. Nếu động cơ dừng chạy và không thể khởi động lại, hãy đặt cần sang số vào vị trí "N" và đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiện "N". Sau đó đẩy xe đến nơi an toàn.

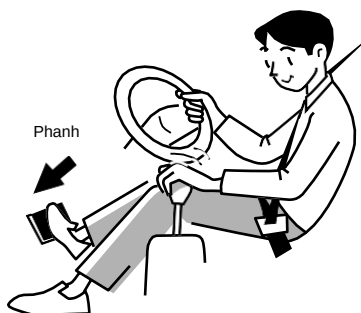
Nếu đèn chỉ báo sang số hiển thị bất kỳ vị trí nào khác ngoài "N", hãy nhấn công tắc khẩn cấp Smoother sang vị trí "ON" và đặt cần sang số về vị trí "N". Sau đó đẩy xe đến nơi an toàn.

Cách sử dụng công tắc khẩn cấp Smoother

Sử dụng công tắc khẩn cấp Smoother nếu hệ thống điện của hệ thống Smoother gặp sự cố và di chuyển xe đến nơi an toàn. Sau khi di chuyển xe đến nơi an toàn, nhanh chóng liên hệ với đại lý Isuzu gần nhất.

Thông thường, công tắc khẩn cấp phải được đặt ở vị trí "OFF". Không chạm vào công tắc này khi lái xe.





1. Kéo hết cỡ cần phanh tay lên, xoay công tắt khởi động sang vị trí "LOCK" hoặc "ACC" trong khi nhấn hết cỡ bàn đạp phanh và đảm bảo cần sang số ở vị trí "N".
2. Chuyển công tắt khởi động sang vị trí "ON".
3. Mở nắp công tắt khẩn cấp Smoother, nhấn vào công tắt và kiểm tra xem đèn cảnh báo Smoother có nhấp nháy không.
4. Khởi động động cơ đồng thời nhấn hết cỡ bàn đạp phanh. Nhả phanh tay rồi đặt cần sang số ở vị trí "D" hoặc "M" để di chuyển tiến hoặc "R" để di chuyển lùi. Đảm bảo đèn chỉ báo sang số hiện "1" khi cần sang số được đặt ở vị trí di chuyển tiến và "R" khi cần sang số ở vị trí di chuyển lùi.
5. Nhả bàn đạp phanh và từ từ nhấn bàn đạp ga để khởi động xe.

ĐIỀU KHIỂN VÀ HIỂN THỊ



CHÚ Ý

- Chỉ sử dụng công tắt khẩn cấp Smoother trong trường hợp khẩn cấp. Thông thường, công tắt này phải nằm ở vị trí "OFF". Không mở nắp công tắt khẩn cấp. Tuyệt đối không vận hành công tắt khẩn cấp Smoother khi đang lái xe.
- Sau khi di chuyển xe đến nơi an toàn bằng cách sử dụng công tắt khẩn cấp, hãy nhanh chóng đặt công tắt khẩn cấp trở lại vị trí "OFF", đưa cần sang số về vị trí "N" và đóng nắp.
- Khi công tắt khẩn cấp Smoother ở vị trí "ON", đèn cảnh báo Smoother sẽ nhấp nháy.
- Khi công tắt khẩn cấp này ở vị trí "ON" và cần sang số ở bất kỳ vị trí nào khác "N", xe có thể đột ngột di chuyển. Khi chuyển công tắt khẩn cấp này sang vị trí "ON", luôn nhấn giữ bàn đạp phanh.
- Khi công tắt khẩn cấp này ở vị trí "ON", động cơ có thể khởi động ngay cả khi cần sang số ở vị trí khác "N".
Khi khởi động động cơ và hộp số đang ở một số, xe có thể đột ngột di chuyển. Để tránh điều này, hãy cài chắc phanh tay và nhấn hết cỡ bàn đạp phanh bằng chân phải khi khởi động động cơ.
- Khi công tắt khẩn cấp ở vị trí "ON", chức năng khóa sang số không hoạt động. Nếu bạn không nhấn bàn đạp phanh khi di chuyển cần sang số từ vị trí "N" sang "D" hoặc "R", xe sẽ đột ngột di chuyển. Chỉ vận hành cần sang số sau khi nhấn hết cỡ bàn đạp phanh.



LƯU Ý

- Khi công tắt khẩn cấp này ở vị trí "ON" và cần sang số ở vị trí "D" hoặc "M", hộp số sẽ không chuyển sang bất kỳ số nào khác ngoài số thứ nhất.

**Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA)**

Khi không bật HSA, hệ thống phanh chân chỉ giữ lại một lượng áp lực phanh nhất định khi nhấn bàn đạp phanh. Khi bật HSA, hệ thống này sẽ giữ lại áp lực phanh được tạo ra khi nhấn bàn đạp phanh trong khi dừng xe, ngay cả khi đã nhả bàn đạp phanh. Sau đó, xe sẽ bị dừng lại trong một khoảng thời gian cho đến khi vô hiệu hóa HSA. (HSA chỉ hoạt động khi động cơ hoạt động.)

**CẢNH BÁO**

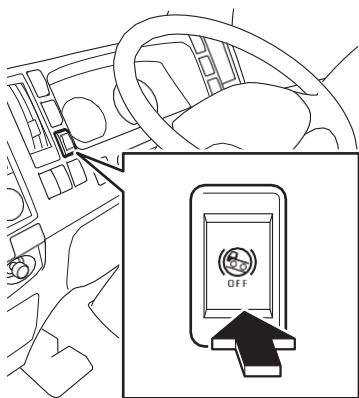
- HSA là thiết bị duy trì lực phanh tạm thời. HSA không thay thế được phanh tay.
- Tránh rời khỏi ghế tài xế khi đang bật HSA. Khi rời khỏi ghế tài xế, luôn cài phanh tay và rút chìa khóa khỏi Công tắc khởi động.
- HSA không thể giữ lại lực phanh khi áp suất hệ thống phanh giảm hoặc nguồn điện của HSA bị gián đoạn do bất kỳ nguyên nhân nào trong các nguyên nhân sau đây.
 - Công tắc khởi động được chuyển sang vị trí khác "ON".
 - Cầu chì mạch HSA bị tháo ra.
 - Cầu chì mạch Smoother bị tháo ra.
 - Cáp bình ắc quy bị ngắt kết nối.
 - Công tắc HSA OFF được đặt ở vị trí "ON".

Vì HSA không cung cấp áp lực phanh nếu xảy ra bất kỳ trường hợp nào ở trên, xe sẽ lao xuống dốc và có thể gây ra tình huống rất nguy hiểm. Cài phanh tay nếu bạn thực hiện bất kỳ hành động nào ở trên.


CHÚ Ý

- Khi động cơ không hoạt động, áp suất khí của hệ thống phanh sẽ thấp hoặc điện áp ắc quy sẽ thấp, do đó, không sử dụng HSA vì khả năng giữ phanh của hệ thống này bị giảm.
- Sử dụng phanh tay khi dừng xe ở nơi có độ dốc lớn hơn hoặc bằng 8% nếu xe chở hàng nặng đến giới hạn cho phép.
- Khi kéo cần phanh tay lên trong khi đang bật HSA, HSA sẽ tự động bị tắt.
- Ngay cả khi HSA đang hoạt động, đèn phanh sẽ tắt khi bạn nhả bàn đạp phanh.
- Khi dừng xe trong thời gian dài, hãy cài phanh tay thay vì sử dụng HSA.
- Trên đường phủ tuyết, đóng băng hoặc trơn trượt, nhấn công tắc HSA OFF để tắt HSA và không sử dụng HSA. Khi bánh xe bị khóa trong khi lái xe ở tốc độ thấp khoảng 20 km/h (12 MPH), HSA có thể được bật và bánh xe có thể vẫn bị khóa.
- Từ từ nhả bàn đạp phanh sau khi bật HSA. Nếu nhả bàn đạp đột ngột, thiết lập lực phanh của hệ thống có thể bị giảm, khiến xe di chuyển xuống dốc.
- Khi dừng xe lại bằng cách nhấn mạnh bàn đạp phanh hoặc khóa bánh xe, HSA có thể tạm thời không hoạt động. Nếu điều này xảy ra, hãy giữ xe tại chỗ bằng cách cài phanh tay hoặc nhấn giữ bàn đạp phanh.

Công tắt HSA OFF



Nhấn công tắt này khi tắt HSA. HSA ngừng hoạt động.

Nhấn lại công tắt để bật HSA.



CHÚ Ý

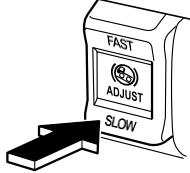
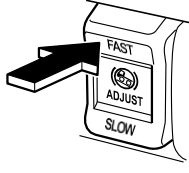
- Tắt HSA trên đường phủ tuyết, đóng băng hoặc trơn trượt. Khi bánh xe bị khóa trên đường trơn trượt, HSA có thể được kích hoạt, giữ cho bánh xe bị khóa.



KHUYẾN CÁO

- Tắt HSA sẽ đưa hệ thống phanh trở lại hoạt động bình thường. Áp lực phanh không được giữ lại khi bạn nhả bàn đạp phanh.

Công tắt điều chỉnh HSA

Tình trạng	Nên nhấn công tắt bên nào và bao nhiêu lần	
	Bên SLOW	Bên FAST
		
Cần điều chỉnh kỹ lưỡng.	1 đến 2 lần	1 đến 2 lần
Phanh có vẻ bị trôi.	—	2 đến 3 lần
Xe có xu hướng di chuyển xuống dốc.	2 đến 3 lần	—
Phanh bị trôi.	—	3 đến 5 lần
Xe di chuyển xuống dốc.	3 đến 5 lần	—

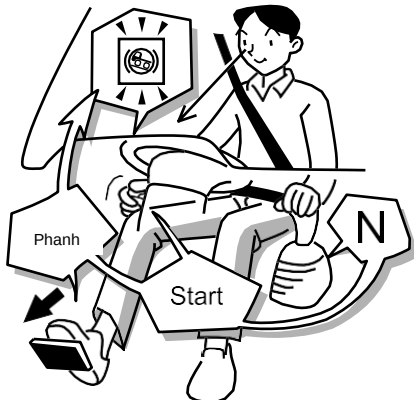

CHÚ Ý

- Nếu không thể điều chỉnh phanh hợp lý bằng công tắt điều chỉnh HSA, hãy điều chỉnh phanh tại Đại lý Isuzu của bạn.

Cách sử dụng HSA



Đèn chỉ báo HSA



1. Đặt công tắc khởi động ở vị trí "ON". Đảm bảo đèn chỉ báo HSA trong bảng đồng hồ sáng liên tục trong khoảng 3 giây.

Đèn chỉ báo HSA



→ Tham khảo trang 4-36

2. Khởi động động cơ. Nhả phanh tay và nhấn hết cỡ bàn đạp phanh trong ít nhất 1 giây. Nếu xe được trang bị Smoother, hãy đặt cần sang số về số ở vị trí "N" và nhấn hết cỡ bàn đạp phanh. Xác nhận bật HSA bằng cách kiểm tra xem đèn chỉ báo HSA trong bảng đồng hồ có sáng không. Khi công tắc HSA OFF vẫn ở vị trí "ON", đèn chỉ báo HSA sẽ không sáng.

Công tắc HSA OFF → Tham khảo trang 4-92

3. Kéo phanh tay. Xác nhận tắt HSA bằng cách kiểm tra xem đèn chỉ báo HSA trong bảng đồng hồ đã tắt chưa.



CHÚ Ý

- Nếu đèn chỉ báo HSA nhấp nháy hoặc vẫn đang tắt, hoặc còi tiếp tục kêu trên đường phủ tuyết, đóng băng hoặc trơn trượt, hệ thống HSA có thể gặp sự cố. Tắt HSA và đưa xe tới Đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra sớm nhất có thể.

Bật HSA

1. Dừng xe.



LƯU Ý

- Nếu xe được trang bị hộp số sàn, HSA có thể được bật bất kể cần sang số ở vị trí nào.
- Nếu xe được trang bị hệ thống Smoother, không thể bật HSA trừ khi cần sang số được đặt ở vị trí "N".

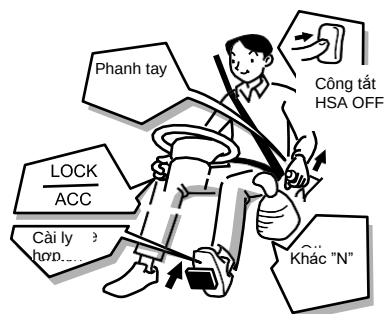
2. Nhấn hết cỡ bàn đạp phanh trong ít nhất 1 giây. Lúc này, đèn chỉ báo HSA trong bảng táp lô sẽ sáng, báo hiệu HSA đã bật.



CHÚ Ý

- HSA là thiết bị giữ xe dừng lại trong thời gian ngắn và không thể thay thế phanh tay. Khi ra khỏi xe, luôn cài phanh tay. Nếu mở cửa khi HSA đang hoạt động, còi báo sẽ kêu.
- HSA được bật khoảng 1 giây sau khi nhấn bàn đạp phanh. Nhấn giữ hết cỡ bàn đạp phanh trong thời gian này.
- Khi xe dừng lại sau khi phanh gấp hoặc do bánh xe bị khóa, HSA có thể tạm thời không hoạt động. Nếu tình huống này xảy ra, hãy sử dụng phanh tay hoặc tiếp tục nhấn bàn đạp phanh để giữ xe đứng yên tại chỗ.
- Nếu hệ thống HSA không hoạt động bình thường, hãy tắt HSA và đưa xe tới Đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra sớm nhất có thể.

Cảnh báo về HSA → Tham khảo trang 4-100



Tắt HSA

Hoạt động của HSA bị hủy và phanh được nhả trong các trường hợp sau đây.

- Khi cần sang số được đặt ở vị trí bất kỳ khác "N" và ly hợp được cài trong khi động cơ đang chạy (model hộp số sàn).
- Khi cần sang số được đặt ở vị trí bất kỳ khác "N" và bạn nhấn bàn đạp ga trong khi động cơ đang chạy (model Smoother).

Điều chỉnh HSA

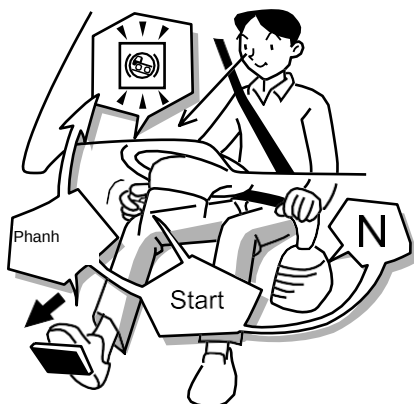
→ Tham khảo trang 4-97

- Khi kéo cần phanh tay lên.
- Khi công tắc HSA OFF được chuyển sang vị trí "ON".
- Khi công tắc khởi động được đặt ở vị trí "ACC" hoặc "LOCK".

Điều chỉnh HSA

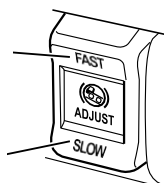


Công tắc điều chỉnh HSA



Đẩy nhanh thời điểm

Trì hoãn thời điểm



Thực hiện điều chỉnh HSA hợp lý trong các trường hợp sau.

- Nếu phanh bị trôi khi khởi động lại xe.
- Khi xe chuyển động xuống dốc và HSA được bật.
- Khi phanh không được nhả ra theo ý muốn.

Điều chỉnh

1. Kéo cần phanh tay, đảm bảo cần sang số ở vị trí "N", sau đó khởi động động cơ. Lúc này, hãy đảm bảo công tắc HSA OFF được đặt ở vị trí "OFF" và HSA đã được bật.
2. Nhấn hết cỡ bàn đạp phanh và nhả cần phanh tay. Kiểm tra xem đèn chỉ báo HSA có bật không và sau đó thực hiện các hành động sau: Nếu xe được trang bị hộp số sàn, hãy nhấn bàn đạp ly hợp và đặt cần sang số vào bất kỳ vị trí nào khác "N". Nếu xe được trang bị hệ thống Smoother, hãy nhấn bàn đạp phanh và đặt cần sang số vào bất kỳ vị trí nào khác "N".
3. Nếu HSA nhả phanh quá chậm và phanh bị trôi khi khởi động xe, hãy nhấn vào bên "FAST" của công tắc điều chỉnh HSA. Nếu HSA nhả phanh quá sớm và xe chuyển động xuống dốc khi khởi động lại xe, hãy nhấn vào bên "SLOW" của công tắc. Mỗi khi nhấn công tắc, còi sẽ kêu.
4. Lặp lại bước 3 ở trên cho đến khi phanh được nhả ra theo ý muốn.

Điều chỉnh ban đầu HSA



KHUYẾN CÁO

- Khi còi báo lỗi kêu, hệ thống HSA bị lỗi. Hãy mang xe đi kiểm tra tại Đại lý Isuzu gần nhất sớm nhất có thể.

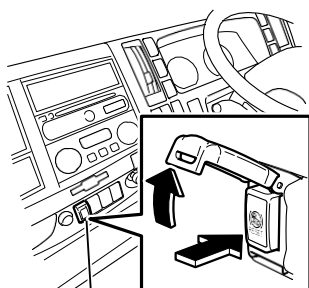
Cảnh báo về HSA → Tham khảo trang 4-100

Nếu xe có hộp số sàn, thực hiện điều chỉnh ban đầu HSA trong các trường hợp sau. Không cần điều chỉnh ban đầu đối với model được trang bị Smoother.

- Thay thế ly hợp hoặc điều chỉnh độ rơ của bàn đạp ly hợp.
- HSA nhả phanh quá chậm hoặc quá nhanh khi xe khởi động.
- Thay thế bộ phận điều khiển HSA.

Điều chỉnh

1. Kéo cần phanh tay, đảm bảo cần sang số ở vị trí "N" rồi khởi động động cơ.
2. Nhấn bàn đạp ly hợp, đặt cần sang số ở vị trí "2" (số thứ 2) và nhấn công tắc khởi động lại HSA. Còi sẽ phát ra hai tiếng bíp ngắn lặp đi lặp lại và đèn chỉ báo HSA sẽ nhấp nháy.
3. Từ từ nhả bàn đạp ly hợp và khi tốc độ động cơ giảm từ 30 đến 50 vòng/phút so với tốc độ cầm chừng, nhấn vào bên "FAST" hoặc "SLOW" của công tắc điều chỉnh HSA. Còi sẽ tắt.
4. Nhấn bàn đạp ly hợp, đặt cần sang số ở vị trí "N" và từ từ nhả bàn đạp ly hợp.

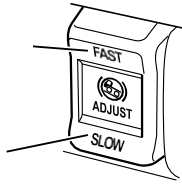


Công tắc đặt lại HSA

ĐIỀU KHIỂN VÀ HIỂN THỊ

Đẩy nhanh thời điểm

Trì hoãn thời điểm



5. Nhấn bàn đạp ly hợp, đặt cần sang số ở vị trí bất kỳ khác "N", khởi động xe, sau đó điều chỉnh hợp lý bằng công tắc điều chỉnh HSA để phanh được nhả vào thời điểm thích hợp.



KHUYẾN CÁO

- Thực hiện một loạt các thao tác trên khi phanh tay được cài chắc.
- Sau khi đặt cần sang số về vị trí "N", từ từ nhả bàn đạp ly hợp.
- Đảm bảo thực hiện điều chỉnh ban đầu HSA sau khi điều chỉnh độ rơ của bàn đạp ly hợp.

Cảnh báo về HSA

Đèn chỉ báo HSA sáng hoặc nhấp nháy và còi kêu để cảnh báo trong các trường hợp sau.

Tình huống và loại cảnh báo	Đèn chỉ báo HSA	Âm báo	Thao tác
Một cửa được mở khi không kéo phanh tay trong khi HSA được bật.	Sáng	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	Kéo cần phanh tay lên rồi mở cửa.
Bật cảnh báo quá lâu. Xe dừng trong một thời gian dài khi đang bật HSA.	Nhấp nháy	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	Sử dụng phanh tay để dừng hoặc nhấn thêm bàn đạp phanh.
Cảnh báo xe chuyển động. Xe bắt đầu di chuyển từ trạng thái dừng mặc dù HSA đã được bật.	Nhấp nháy	Tiếng bíp liên tục	
Cảnh báo sự cố. Đèn chỉ báo HSA và còi được bật.	Nhấp nháy	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại	Dừng xe an toàn và tắt HSA bằng công tắc HSA OFF.
	Nhấp	—	
	Sáng	Tiếng bíp liên tục	
Cảnh báo "LOCK" đối với công tắc khởi động. Công tắc khởi động được đặt ở vị trí "LOCK" mà không cần kéo phanh tay.	Tắt	Tiếng bíp ngắn, lặp đi lặp lại (kéo dài đến 30 giây)	Kéo cần phanh tay.



CHÚ Ý

- Khi có cảnh báo sự cố, hệ thống HSA bị lỗi. Hãy mang xe đi kiểm tra tại Đại lý Isuzu gần nhất sớm nhất có thể.



LƯU Ý

- Còi sẽ kêu khi bạn mở cửa mà không kéo cần phanh tay trong khi đã bật HSA.
- Khi bạn đỗ xe ở một số mà không kéo cần phanh tay để đỗ ở những vùng lạnh, còi sẽ kêu trong khoảng 30 giây. Điều này không cho thấy bất kỳ tình trạng bất thường nào.

Đỗ xe ở vùng lạnh

→ Tham khảo trang 6-18

Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

Bánh xe có thể bị khóa gây trượt bánh khi phanh gấp hoặc khi phanh trên đường phủ tuyết hoặc trơn trượt. Hệ thống ABS ngăn không để bánh xe bị khóa trong lúc phanh bằng cách phát hiện hiện tượng trượt bánh, từ đó giúp duy trì sự ổn định trong hướng đi và điều khiển xe. Tuy nhiên, ngay cả khi có ABS, bạn vẫn không thể tránh khỏi những khó khăn do lái xe và dừng xe không đảm bảo an toàn. Lái xe an toàn là trách nhiệm của bạn.

**CHÚ Ý**

- Khoảng cách phanh trên mặt đường trơn trượt dài hơn so với trên đường nhựa khô ráo thông thường ngay cả với xe được trang bị ABS. Khoảng cách phanh thậm chí có thể dài hơn một chút trên đường phủ tuyết dày và đường rải sỏi khi ABS hoạt động so với khi ABS không hoạt động. Do đó, luôn chú ý đến tình trạng đường và lốp (loại lốp và tình trạng mòn), chú ý tới thói quen lái xe an toàn và lái xe trong khi giữ khoảng cách an toàn với xe đằng trước.
- ABS không ngăn được tai nạn nếu bạn không lái xe an toàn và luôn chú ý tới tình trạng đường. Lái xe với tốc độ an toàn.
- Lắp lốp xe có kích thước theo quy định, cùng nhãn hiệu và cùng thiết kế gai lốp (bao gồm cả lốp xe mùa đông) trên tất cả các bánh xe. Nếu lắp nhiều loại lốp xe khác nhau, khoảng cách phanh sẽ dài hơn và độ ổn định điều hướng của xe sẽ giảm. Điều này rất nguy hiểm.
- Vô lăng khi phanh gấp (khi ABS đang hoạt động) có cảm giác hơi khác so với khi không phanh. Hãy ghi nhớ điều này cẩn thận khi vận hành vô lăng.
- Hoạt động của ABS làm tiêu hao khí của hệ thống phanh. Khi áp suất khí giảm và Đèn cảnh báo áp suất khí nén và còi bật, lập tức dừng xe ở nơi an toàn và chờ khôi phục áp suất khí cần thiết trước khi lái xe.

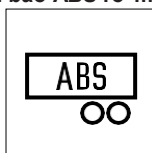
**KHUYẾN CÁO**

- Lái xe trên cát, bùn hoặc đường lầy lội có thể ảnh hưởng xấu đến hệ thống phanh và cảm biến ABS. Rửa xe để loại bỏ cát và bùn sau khi lái xe trên cát hoặc bùn.
- Trước khi rửa xe, hãy thực hiện các biện pháp bảo vệ cần thiết để tránh nước bắn vào các bộ phận của ABS (cảm biến và cơ cấu chấp hành). Đặc biệt khi sử dụng phương pháp rửa cao áp, cẩn thận không để nước phun trực tiếp vào các bộ phận của ABS và giắc nối bộ dây.

**LƯU Ý**

[Đây không phải là dấu hiệu lỗi ABS]

- Ngay sau khi khởi động động cơ, bạn có thể nghe thấy tiếng van hoạt động từ phía sau xe hoặc dưới cabin. Đây là âm thanh tự kiểm tra của hệ thống ABS và là dấu hiệu bình thường.
- Khi ABS hoạt động bình thường, bạn sẽ cảm nhận được vô lăng rung hoặc nghe thấy âm thanh vận hành cơ khí.
- Khi ABS được bật trong khi phanh khí xả đang hoạt động, phanh khí xả có thể bị ngắt.
- ABS dễ được bật hơn khi phanh được cài trong quá trình vào cua hoặc lái xe qua chỗ xóc. Điều này là do bánh xe bên trong hoặc bánh xe đi qua chỗ xóc có xu hướng bị khóa.
- ABS không được bật ngay sau khi khởi động xe. ABS chỉ được bật khi tốc độ xe đạt xấp xỉ 10 km/h (6 MPH). ABS không hoạt động khi tốc độ xe giảm xuống mức xấp xỉ 5 km/h (3 MPH).

Chỉ báo và dấu hiệu hoạt động của ABS**Đèn cảnh báo ABS****Đèn cảnh báo ABS rơ-moóc****Chỉ báo hoạt động của ABS**

Khi công tắc khởi động được đặt ở vị trí "ON", đèn cảnh báo ABS sẽ sáng rồi tắt sau khoảng 2 giây. Hệ thống ABS bình thường nếu đèn cảnh báo tắt.

Dấu hiệu hoạt động của ABS

Khi ABS được bật, một rung động nhẹ sẽ truyền đến vô lăng và bạn có thể nghe thấy âm thanh vận hành từ các bộ phận của ABS.

**LƯU Ý**

- Nếu đèn cảnh báo ABS có bất kỳ dấu hiệu nào sau đây, ABS có thể bị lỗi. Vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.
 - Đèn cảnh báo ABS sáng trong khi lái xe.
 - Đèn này sẽ không sáng khi Công tắc khởi động được đặt ở vị trí "ON".
- Ngay cả khi hệ thống ABS gặp sự cố, hệ thống phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Tuy nhiên, ABS sẽ không hoạt động.

Đèn cảnh báo ABS ☐

→ Tham khảo trang 4-22

Đèn cảnh báo ABS rơ-moóc ☐

→ Tham khảo trang 4-23

Những lưu ý khi lái xe có trang bị ABS

ABS không phải thiết bị dùng để lái xe và dừng xe trong điều kiện không an toàn. Lái xe an toàn là trách nhiệm của bạn.

**CHÚ Ý**

- Khoảng cách phanh trên mặt đường trơn trượt dài hơn so với trên đường nhựa khô ráo thông thường ngay cả với xe được trang bị ABS. Khi ABS được bật khi lái xe trên các tình trạng mặt đường sau đây, khoảng cách phanh có thể dài hơn một chút so với những xe không có ABS. Do đó, luôn chú ý đến tình trạng đường và lốp (loại lốp và tình trạng mòn), chú ý tới thói quen lái xe an toàn và lái xe trong khi giữ khoảng cách an toàn với xe đằng trước.
 - Lái xe trên đường rải sỏi và phủ tuyết dày
 - Khi sử dụng xích bọc lốp
 - Khi lái xe qua khe co giãn hoặc vật cản như đinh phản quang
 - Khi lái xe trên đường gồ ghề, đường lát đá hoặc đường mòn
 - Khi lái xe trên tấm sắt hoặc nắp cống
- ABS không được dùng để khắc phục tình trạng trượt bánh xe khi bắt đầu đi, tăng tốc và vào cua, nghĩa là khi không sử dụng phanh. Trên đường đóng băng, trơn trượt, lốp xe có thể mất độ bám và hoạt động của vô lăng có thể không điều khiển được hướng của xe, dẫn đến lái xe trong tình trạng không ổn định. Luôn lái xe đồng thời chú ý tốc độ an toàn phù hợp với tình trạng mặt đường và lốp xe, tránh phanh gấp.
- Nếu sử dụng phanh động cơ mạnh trên đường quá trơn trượt, đóng băng, bánh xe dẫn động có thể bị khóa (khi đó, ABS không hoạt động), dẫn đến mất kiểm soát xe. Nếu tình huống này xảy ra với xe có hộp số sàn, hãy ngắt ly hợp hoặc đặt cần sang số về vị trí "N" để ngăn phanh động cơ tác động lên các bánh xe dẫn động. Sau đó, lái xe khi cần sang số được đặt ở số thích hợp.
- Hoạt động của ABS làm tiêu hao khí của hệ thống phanh. Khi áp suất khí giảm và Đèn cảnh báo áp suất khí nén và còi bật, lập tức dừng xe ở nơi an toàn và chờ khôi phục áp suất khí cần thiết trước khi lái xe.
- Khi ABS được bật, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ và bị kéo sang một bên trên vô lăng (đặc biệt là khi tình trạng mặt đường giữa bánh xe bên phải và bên trái khác nhau). Ngoài ra, bộ chấp hành ABS phát ra âm thanh vận hành. Điều này không cho thấy bất kỳ tình trạng bất thường nào. Giữ bình tĩnh và điều khiển vô lăng hợp lý.

Hệ thống kiểm soát lực kéo (ASR) ☐

ASR là thiết bị ngăn bánh xe quay và cải thiện độ ổn định của xe khi lái trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt. ASR tự động được bật khi khởi động động cơ. Bạn có thể hủy hoạt động của ASR bằng cách sử dụng công tắc ESC OFF.

Công tắc ESC OFF Switch → Tham khảo trang 4109

**CHÚ Ý**

- Khi ASR được bật, đèn cảnh báo ESC sẽ nhấp nháy. Mặt đường lúc này rất trơn. Nếu đèn cảnh báo nhấp nháy, hãy lái xe cẩn thận và giảm tốc độ hợp lý trước khi đến khúc cua.
- Ngay cả với model được trang bị ASR, hãy sử dụng xích lốp hoặc lắp lốp xe mùa đông khi lái xe trên đường phủ tuyết hoặc đóng băng và lái xe thật cẩn thận.
- ASR không phải là thiết bị cải thiện được đáng kể hiệu suất khởi động của xe. Vận hành cẩn thận bàn đạp ga khi di chuyển trên đường dốc đóng băng.
- Khi đã lắp xích lốp, bạn có thể dễ dàng khởi động xe để di chuyển trên đường dốc đóng băng nếu ASR bị tắt. Tuy nhiên, lưu ý rằng tắt ASR sẽ làm giảm hoạt động ổn định của xe.

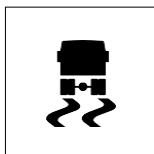
**LƯU Ý**

[Đây không phải là dấu hiệu lỗi ASR]

- Tốc độ động cơ có thể giảm đột ngột; điều này là do thiết bị ASR đang hoạt động.
- Khi sử dụng thiết bị kiểm tra tốc độ và thiết bị kiểm tra phanh, nhấn công tắc ESC OFF để tắt ASR.

Chỉ báo hoạt động của ASR

Đèn cảnh báo ESC



Khi ASR đang hoạt động, đèn cảnh báo ESC sẽ nhấp nháy.

Đèn cảnh báo ESC



→ Tham khảo trang 4-26

Những lưu ý khi lái xe có trang bị ASR

ASR không phải là thiết bị dùng để lái xe trong điều kiện không an toàn. Lái xe an toàn là trách nhiệm của bạn.

**CHÚ Ý**

- ASR không làm tăng độ bám đường của lốp dù có thể cải thiện hiệu suất khởi động và tăng tốc trên mặt đường trơn trượt hơn so với model không có ASR. Trên đường đông băng hoặc đường trơn trượt, độ bám đường làm giảm khả năng điều khiển vô lăng, điều này có thể dẫn đến hành vi bất ổn của xe. Luôn lái xe đồng thời chú ý tốc độ an toàn phù hợp với tình trạng mặt đường và lốp xe, tránh chạy quá tốc độ.
- ASR sử dụng hết khí của hệ thống phanh. Khi áp suất khí giảm và đèn cảnh báo áp suất khí và còi bật lên, lập tức dừng xe ở nơi an toàn và đợi áp suất khí khôi phục về khoảng bình thường trước khi lái xe.
- Ngay cả khi xe được trang bị ASR, tránh vận hành bàn đạp ga, bàn đạp ly hợp (model hộp số sàn) và vô lăng đột ngột. Đặc biệt khi khởi động xe trên đường trơn trượt, hãy khởi động từ từ như cách lái xe không có ASR.

**LƯU Ý**

- Bạn có thể nhấn công tắt ESC OFF để tắt hệ thống ASR khi cần tăng tốc độ động cơ để lái xe lên dốc dài, trơn trượt hoặc để lái xe ra khỏi tuyết hoặc bùn sâu.

Công tắt ESC OFF → Tham khảo trang 4109

Hệ thống cân bằng điện tử (ESC) V

ESC cải thiện độ an toàn và ổn định của xe. ESC kiểm soát công suất động cơ và vận hành phanh cho các bánh xe cần phanh để ngăn trượt bánh xe khi khởi hành hoặc tăng tốc trên mặt đường trơn trượt, duy trì lực truyền động, ngăn trượt bánh xe sang một bên và cải thiện độ ổn định của xe. ESC có nhiều cảm biến khác nhau giúp phát hiện những thay đổi nhanh chóng về tình trạng xe khi lái xe. ESC tự động được bật khi khởi động động cơ. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng công tắc ESC OFF để tắt ESC và ASR.



CHÚ Ý

- Khi ESC được bật, đèn cảnh báo ESC sẽ nhấp nháy.
- Đèn cảnh báo ESC cũng sẽ nhấp nháy khi chỉ có chức năng ASR đang hoạt động.
- Đèn cảnh báo ESC nhấp nháy để báo hiệu mặt đường trơn trượt hoặc tăng tốc quá nhanh. Giảm áp lực trên bàn đạp ga và lái xe một cách thận trọng.
- Đèn cảnh báo ESC cũng có thể nhấp nháy khi nhấn hết cỡ bàn đạp ga trên đường không trơn trượt như đường nhựa khô. Đây là hành vi bình thường dự đoán đường trơn trượt và thực hiện kiểm soát.
- Ngay cả với model được trang bị ESC, khi lái xe trên đường phủ tuyết hoặc đóng băng, hãy lắp xích lốp hoặc lốp xe mùa đông và lái xe cẩn thận. ESC không phải là thiết bị có thể cải thiện đáng kể độ ổn định của xe khi khởi động, vì vậy, hãy lái xe cẩn thận trên đường phủ tuyết hoặc đóng băng.
- Khi đã lắp xích bọc lốp, bạn có thể dễ dàng khởi động xe để di chuyển trên đường dốc đóng băng nếu chỉ có ASR bị tắt. Tuy nhiên, lưu ý rằng tắt ASR sẽ làm giảm độ ổn định của xe.
- Lắp lốp xe có kích thước theo quy định, cùng nhãn hiệu, cùng loại và cùng thiết kế gai lốp (bao gồm cả lốp xe mùa đông) trên tất cả các bánh xe. Ngoài ra, không lắp hoặc sử dụng các lốp xe có mức độ mòn khác nhau. Nếu sử dụng lốp xe không đúng kích cỡ quy định, nhiều loại khác nhau hoặc lốp xe có độ mòn khác nhau đáng kể, ESC có thể không hoạt động bình thường.
- Nếu đường kính các lốp xe khác nhau, ví dụ như khi lắp xích bọc lốp hoặc lốp dự phòng, ESC có thể không hoạt động bình thường.
- Nếu thay thế các bộ phận liên quan đến hệ thống treo, các bộ phận liên quan đến phanh hoặc các bộ phận liên quan đến động cơ bằng các bộ phận được điều chỉnh hoặc không phải phụ tùng chính hãng Isuzu, ESC có thể không hoạt động bình thường.

CHÚ Ý (Tiếp)

CHÚ Ý (Tiếp)

- Hãy tham vấn ý kiến Đại lý Isuzu của bạn để thay thế hoặc sửa chữa vô lăng hoặc các bộ phận liên quan đến vô lăng. Trên vô lăng có một cảm biến phát hiện các điều kiện vận hành khi lái xe và ESC có thể không hoạt động bình thường nếu vị trí trung tâm của vô lăng bị lệch.
- Không kéo xe khi Công tắc khởi động ở vị trí "ON" và chỉ nâng bánh trước hoặc bánh sau lên. Ngoài ra, nếu kéo xe khi chưa tắt ASR, ASR có thể hoạt động và dẫn đến tai nạn.



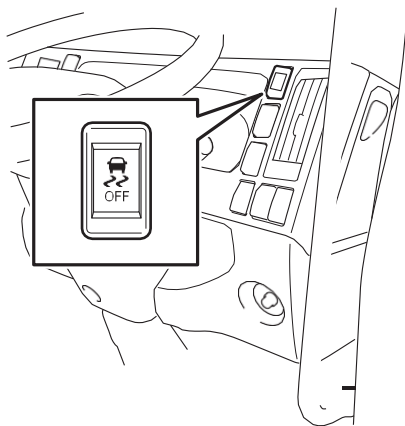
LƯU Ý

[Đây không phải là dấu hiệu lỗi ESC]

- Ngay sau khi khởi động động cơ, bạn có thể nghe thấy âm thanh từ khu vực xung quanh bình khí. Âm thanh này là do ABS, ASR và ESC tự kiểm tra.
- ESC sẽ không hoạt động ngay sau khi khởi động cho đến khi xe đạt vận tốc xấp xỉ 15 km/h (9 MPH).

Công tắt ESC OFF

Khi sử dụng ASR để lái xe thoát ra khỏi bùn hoặc tuyết dày, công suất động cơ có thể không tăng ngay cả khi nhấn bàn đạp ga, gây khó khăn cho việc lái xe thoát kẹt. Trong trường hợp này, hãy nhấn công tắt ESC OFF để thoát kẹt dễ dàng hơn. Có thể tắt ESC bằng công tắt ESC OFF, nếu không, chỉ ASR (chức năng ngăn lốp xe quay khi khởi động hoặc tăng tốc) trong hệ thống ESC được tắt.



Đèn chỉ báo ESC OFF



Khi tắt ESC

Sau khi khởi động động cơ, nhấn công tắt ESC OFF. Khi ESC bị tắt, đèn chỉ báo ESC OFF (hở phách) trong bảng đồng hồ sẽ sáng. Khi nhấn lại công tắt này, ESC sẽ được bật lại, sau đó, đèn chỉ báo ESC OFF sẽ tắt.



CHÚ Ý

- Khi ESC bị tắt, các chức năng của hệ thống này sẽ ngừng hoạt động. Trong trường hợp này, hãy thận trọng khi lái xe trên đường trơn trượt.
- Trong quá trình lái xe bình thường, đảm bảo đèn chỉ báo ESC OFF tắt và ESC được bật.

**LƯU Ý**

- Khi cố gắng lái xe thoát khỏi bùn hoặc tuyết, ESC và ASR có thể hoạt động mặc dù đang nhấn bàn đạp ga, dẫn đến công suất động cơ bị hạn chế và khó lái xe thoát ra. Trong trường hợp này, hãy sử dụng công tắt ESC OFF để tắt ESC.
- Tắt ESC cũng sẽ đồng thời tắt chức năng của ASR.
- ESC sẽ tự động sẵn sàng hoạt động nếu động cơ bị dừng rồi khởi động lại khi đã tắt chức năng ESC.
- Không tiếp tục nhấn công tắt ESC OFF trong ít nhất 5 giây. Nếu nhấn công tắt này trong 5 giây trở lên, trạng thái hoạt động của ESC sẽ được chuyển sang Chế độ Roller Testing Bench được dùng để kiểm tra lực phanh, sau đó các tình huống sau sẽ xảy ra. Để thoát khỏi Chế độ Roller Testing Bench, hãy đặt Công tắt khởi động ở vị trí "LOCK".
 - Đèn cảnh báo phanh và đèn cảnh báo ESC sẽ sáng.

Vận hành và Kiểm tra hoạt động của ESC

Đèn cảnh báo ESC**Kiểm tra hoạt động ESC**

Đèn cảnh báo ESC sáng khi công tắt khởi động được chuyển sang vị trí "ON". Nếu đèn tắt sau khoảng 3 giây, ESC đang hoạt động bình thường.

Vận hành ESC

Khi ESC đang hoạt động, đèn cảnh báo ESC (hồ phách) sẽ nhấp nháy.

**LƯU Ý**

- Khi đèn cảnh báo ESC có bất kỳ dấu hiệu nào sau đây, ESC có thể bị lỗi. Vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.
 - Đèn cảnh báo ESC (hồ phách) tiếp tục nhấp nháy khi lái xe, ngay cả khi xe không quay đầu hoặc lái trên đường trơn trượt.
 - Đèn cảnh báo ESC (hồ phách) sáng khi lái xe.
 - Đèn cảnh báo ESC (hồ phách) không sáng khi Công tắt khởi động được chuyển sang vị trí "ON".
- Mặc dù ESC lỗi sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xe, nhưng các chức năng của hệ thống này sẽ ngừng hoạt động.

Những lưu ý khi lái xe có trang bị ESC



CHÚ Ý

- ESC không phải là thiết bị dùng để lái xe trong điều kiện không an toàn. Luôn lái xe an toàn.
- Luôn tập trung lái xe an toàn và không được chủ quan chỉ vì xe có trang bị ESC, không nên lái xe quá nhanh và bề lái gấp.
- ESC không làm tăng độ bám đường của lốp xe mặc dù kiểm soát tình trạng trơn, trượt của xe và cải thiện độ ổn định của xe trên mặt đường trơn trượt trong quá trình khởi động và tăng tốc hơn so với model không có ESC. Trên đường đông băng hoặc đường trơn trượt, độ bám của lốp xe sẽ giảm, đồng thời làm giảm khả năng điều khiển vô lăng, dẫn đến hành vi bất ổn của xe. Luôn lái xe đồng thời chú ý tốc độ an toàn phù hợp với tình trạng mặt đường và lốp xe, tránh chạy quá tốc độ.
- ESC là hệ thống duy trì lực truyền động và độ ổn định của xe. Hãy bật hệ thống này ngay cả khi không cần thiết. Khi tắt hệ thống này, hãy lái xe cẩn thận với tốc độ an toàn và phù hợp với mặt đường.
- Ngay cả khi xe được trang bị ESC, tránh thao tác bàn đạp ga, bàn đạp ly hợp (model hộp số sàn) và vô lăng đột ngột. Đặc biệt khi khởi động xe trên đường trơn trượt, hãy khởi động từ từ như cách lái xe không có ESC.
- Khi ESC được bật, đèn cảnh báo ESC sẽ nhấp nháy.
- Đèn cảnh báo ESC cũng sẽ nhấp nháy khi chỉ có chức năng ASR đang hoạt động.
- Đèn cảnh báo ESC nhấp nháy để báo hiệu mặt đường trơn trượt hoặc tăng tốc quá nhanh. Giảm áp lực trên bàn đạp ga và lái xe một cách thận trọng.
- Đèn cảnh báo ESC cũng có thể nhấp nháy khi nhấn hết cỡ bàn đạp ga trên đường không trơn trượt như đường nhựa khô. Đây là hành vi bình thường dự đoán đường trơn trượt và thực hiện kiểm soát.
- Ngay cả với model được trang bị ESC, khi lái xe trên đường phủ tuyết hoặc đóng băng, hãy lái xe cẩn thận và lắp xích lốp hoặc lốp xe mùa đông.
- Khi đã lắp xích bọc lốp, bạn có thể dễ dàng khởi động xe để di chuyển trên đường dốc đóng băng nếu chỉ có ASR bị tắt. Tuy nhiên, lưu ý rằng tắt ASR sẽ làm giảm độ ổn định của xe.
- Không lắp vi sai chống trượt (LSD) được bán trên thị trường. ESC có thể không hoạt động chính xác.

**LƯU Ý**

- Nếu các bộ phận liên quan đến hệ thống treo, lốp, phanh, v.v., bị mài mòn hoặc xuống cấp đáng kể, đèn cảnh báo ESC có thể sáng. Trong trường hợp này, ESC có thể không hoạt động bình thường.
- Đèn cảnh báo ESC có thể sẽ sáng khi xe ở vòng quay tại lối vào gara hoặc trên một vật chuyển động, v.v. Trong trường hợp đó, hãy khởi động lại động cơ sau khi xe đã rời khỏi vòng quay.
- Đèn cảnh báo ESC có thể sẽ sáng khi bạn lái xe trên đường có độ nghiêng lớn (bờ trên đường đua, v.v.). Trong trường hợp này, ESC có thể không hoạt động bình thường, do đó, không nên lái xe trên những con đường tương tự.
- Đèn cảnh báo ESC có thể sáng khi ngắt kết nối cáp bình ắc quy hoặc điện áp ắc quy yếu. Hoạt động của ESC sẽ tắt trong khi đèn cảnh báo ESC sáng, nhưng đèn cảnh báo ESC sẽ tắt khi điều khiển xe bình thường trong một thời gian, sau đó hoạt động của ESC sẽ trở lại bình thường. Nếu đèn cảnh báo ESC vẫn sáng khi đã lái xe một lúc, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

Hệ thống phanh điện tử (EBS)



EBS (Hệ thống phanh điện tử) là hệ thống đưa các tín hiệu điện tử vào hệ thống kiểm soát khí phanh (được gửi từ bàn đạp phanh khi đạp phanh) nhằm cải thiện khả năng phản hồi của phanh khí nén. EBS duy trì cảm giác phanh không đổi bất kể ro-moóc có chờ hàng hay không và là thiết bị giúp nâng cao khả năng vận hành và độ an toàn cho tài xế.



CHÚ Ý

- EBS không phải là thiết bị để khắc phục các hành vi lái xe không an toàn. Luôn duy trì tốc độ an toàn cũng như khoảng cách an toàn bạn và các phương tiện giao thông khác.
- Tất cả lốp xe được lắp vào xe phải đúng kích thước quy định, cũng như có cùng nhãn hiệu và cùng thiết kế gai lốp (bao gồm lốp xe mùa đông). Lắp các loại lốp xe khác nhau vào xe rất nguy hiểm và có thể làm giảm khả năng phanh, khiến xe hoạt động không ổn định.

Vận hành, sự cố và kiểm tra hoạt động của EBS



Đèn cảnh báo phanh

Kiểm tra hoạt động EBS

Khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON", đèn cảnh báo phanh sẽ sáng rồi tắt sau khoảng 2 giây. Hệ thống EBS bình thường nếu đèn cảnh báo tắt.

Nếu đèn cảnh báo này không sáng ngay cả khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON", có thể bóng đèn bị cháy hoặc EBS gặp sự cố.

Vận hành EBS

Khi EBS đang hoạt động, bạn có thể nghe thấy âm thanh vận hành từ các bộ phận của EBS.

Lỗi EBS

Nếu đèn cảnh báo phanh sáng hoặc nhấp nháy trong khi lái xe, EBS, ESC hoặc ABS/ASR có thể đang gặp sự cố. Vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

Đèn cảnh báo phanh



→ Tham khảo trang 4-24

**LƯU Ý**

- Ngay cả khi EBS gặp sự cố, hệ thống phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Lúc này, EBS sẽ không hoạt động nên sẽ cần nhận bàn đạp phanh một lực lớn. Có thể đảm bảo lực phanh bằng cách nhấn bàn đạp lâu hơn.

Những lưu ý khi lái xe có trang bị EBS

EBS không đủ đa dụng để cho phép lái xe trong những điều kiện không an toàn. Luôn lái xe an toàn.

**CẢNH BÁO**

- Nếu Công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON" (khởi động động cơ) trên dốc, v.v., EBS có thể bị ảnh hưởng do điện áp ắc quy giảm, dẫn đến xe di chuyển xuống dốc. Sau khi kéo cần phanh tay hoặc nhấn hết cỡ bàn đạp phanh, hãy chuyển Công tắc khởi động sang vị trí "ON" (khởi động động cơ).

ĐIỀU KHIỂN VÀ HIỂN THỊ



CHÚ Ý

- Mặc dù các model có EBS có thể cải thiện khả năng phản hồi của phanh so với các model không có EBS, EBS không phải là thiết bị dùng để khắc phục các hành vi lái xe không an toàn. Luôn lái xe đồng thời chú ý tốc độ an toàn.
- Trong các model có EBS, EBS được bật khi nhấn bàn đạp phanh, bất kể công tắc khởi động có ở vị trí "LOCK" hay không. Ngay cả khi công tắc khởi động được chuyển sang vị trí "ON" khi nhấn bàn đạp phanh, khí từ thiết bị EBS vẫn sẽ không được xả ra ngoài. (Trong trường hợp này, không được thực hiện kiểm tra hoạt động của hệ thống EBS.) Nếu bạn không nghe thấy âm thanh xả khí từ hệ thống EBS khi nhấn và nhả bàn đạp phanh thì cổng xả của EBS có thể bị đóng băng hoặc bị tắc do tuyết hoặc băng. Ngoài ra, băng có thể ngưng tụ và làm tắc nghẽn cổng xả nếu rửa xe trong thời tiết lạnh, khiến chức năng phanh bị dừng. Trong trường hợp này, hãy loại bỏ băng ngay lập tức.
- Nếu điện áp ắc quy thấp, hoạt động của EBS có thể bị ảnh hưởng. Kiểm tra định kỳ bình ắc quy.
- Ở các model được trang bị EBS, máy tính của xe sẽ phát hiện các điều kiện chờ hàng, giúp tài xế không cần điều chỉnh lực đạp bàn đạp phanh, bất kể xe đang chờ hàng hay không. Tuy nhiên, đối với xe không được trang bị hệ thống EBS, khoảng cách phanh sẽ tăng lên nếu bạn nhấn bàn đạp phanh không đủ mạnh khi xe không chờ hàng.
- EBS sẽ không hoạt động hết công suất nếu tài xế chỉ nhấp bàn đạp phanh thay vì đạp hết cỡ. Nhấp phanh cũng sẽ dẫn đến giảm hiệu suất phanh do lượng khí tăng lên. ("Nhấp" phanh nghĩa là liên tục đạp phanh với cường độ một lần hoặc nhiều hơn mỗi giây.)



KHUYẾN CÁO

- Khi lắp một thiết bị điện tử như radio, hãy chú ý đến vị trí lắp đặt và định tuyến để chức năng EBS không bị ảnh hưởng. Ngoài ra, khi lắp đặt, hãy liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

Cách để EBS hoạt động chính xác

Bằng cách sử dụng hành trình bàn đạp phanh cùng với mức độ giảm tốc của xe, EBS tính toán các điều kiện chờ hàng và xác định cường độ phanh. Nếu điều kiện chờ hàng thay đổi, EBS sẽ tính toán lại trọng lượng. Việc tính toán lại sẽ chỉ hoàn thành sau tổng cộng 3 đến 4 lần xe dừng hẳn từ vận tốc 30 km/h (19 MPH) trở lên mà không nhấp phanh.

**CHÚ Ý**

- Đèn cảnh báo phanh sẽ sáng để báo hiệu EBS gặp sự cố. Trong trường hợp này, mặc dù bạn sẽ cảm thấy phanh thay đổi đáng kể do hoạt động của EBS, nhưng phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Nếu EBS gặp sự cố, hãy nhấn mạnh bàn đạp phanh, dừng xe và liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

Khớp nối



Xe kéo sơ-mi rơ-móc



CHÚ Ý

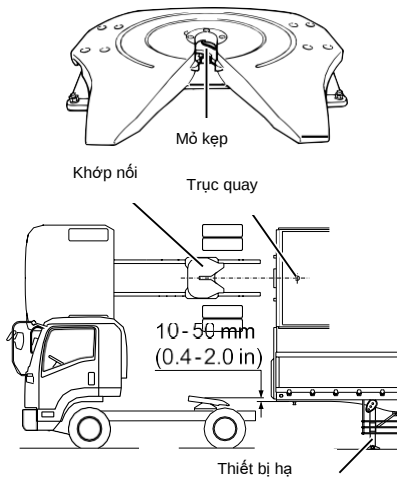
- Cài chắc chắn phanh tay rơ-móc và chặn các lốp xe rơ-móc bằng gỗ chêm trên mặt đất trước khi nối và tách rơ-móc.



LƯU Ý

- Xem Hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất rơ-móc để biết hướng dẫn chi tiết về cách xử lý rơ-móc.

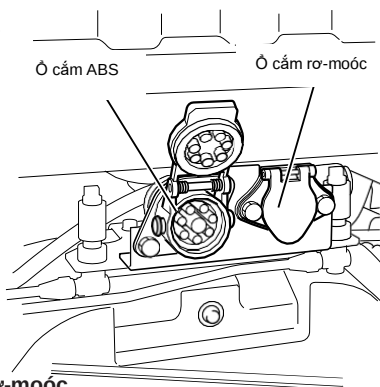
Khớp nối của rơ-móc



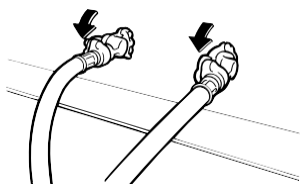
1. Đảm bảo mỏ kẹp của khớp nối được mở. Nếu chưa mở, xem phần "Tách rơ-móc" để biết hướng dẫn mở mỏ kẹp.
2. Căn chỉnh trọng tâm của xe kéo với trọng tâm của rơ-móc và lùi xe kéo cho đến khi xe kéo ở ngay phía trước rơ-móc.
3. Điều chỉnh độ cao mặt kết nối của rơ-móc bằng cách sử dụng thiết bị hạ của rơ-móc cho đến khi thiết bị hạ thấp hơn mặt trên của khớp nối từ 10 đến 50 mm (0,4 đến 2,0 in).
4. Từ từ lùi xe kéo và nối trục quay của rơ-móc vào mỏ kẹp của khớp nối.
5. Cài chắc phanh tay của rơ-móc và đảm bảo mỏ kẹp của khớp nối được khóa chặt. Dừng động cơ khi ghép nối xong.

Phía xe kéo

6.



Phía rơ-moóc



Kết nối dây nối tắt.

**CHÚ Ý**

- Khi kết nối hoặc ngắt kết nối dây nối tắt, luôn cắm vào phần đầu nối chính. Không cắm dây cáp.

7. Nếu rơ-moóc cũng được trang bị hệ thống chống bó cứng phanh (ABS), hãy nối dây nối tắt ABS.

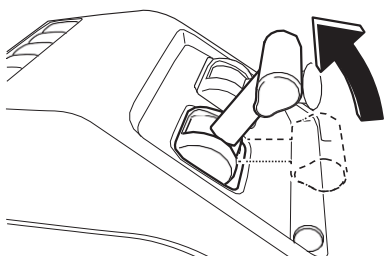
8. Tháo ống dẫn khí nén bảo dưỡng (vàng) và ống dẫn khí khẩn cấp (đỏ) khỏi móc treo, mở các nắp và kết nối chúng với các khớp nối trên xe kéo. Khi kết nối ống, khí được nạp vào các đường ống phanh của rơ-moóc. Sau khi nối ống, đảm bảo không bị rò rỉ khí.

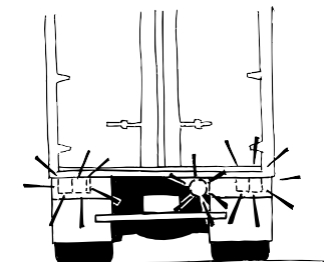
**CHÚ Ý**

- Khi nối ống với khớp nối trên xe kéo, cẩn thận để không nhầm giữa ống dẫn khí bảo dưỡng (vàng) và ống dẫn khí khẩn cấp (đỏ).

9. Khởi động động cơ và điều chỉnh áp suất khí nén trong phạm vi thích hợp.

10. Kéo cần phanh tay rơ-moóc để kiểm tra hoạt động của phanh tay rơ-moóc. Phanh vẫn bình thường nếu bạn nghe thấy khí thoát ra khi đưa cần gạt về vị trí ban đầu.

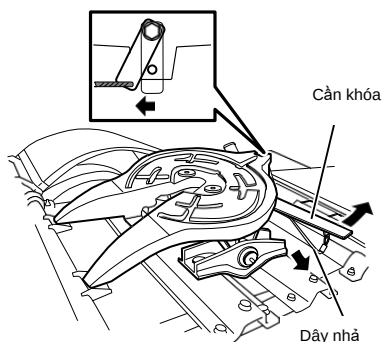




11. Đảm bảo không bị rò rỉ khí. Đồng thời kiểm tra xem đèn của xe kéo và rơ-moóc có hoạt động chính xác không.
12. Tác động phanh lên các bánh xe rơ-moóc bằng cách kéo cần phanh tay của rơ-moóc, từ từ khởi động xe. Lặp lại thao tác trên hai hoặc ba lần để đảm bảo kết nối giữa rơ-moóc và xe kéo được hoàn chỉnh.
13. Nâng hết cỡ thiết bị hạ của rơ-moóc, nhả phanh tay của rơ-moóc và bỏ gổ chêm ra.



Tách rơ-móc



Tách rơ-móc theo thứ tự ngược lại với kết nối rơ-móc.

1. Cài phanh tay rơ-móc và chặn bánh xe bằng gỗ chêm.
2. Hạ thiết bị hạ của rơ-móc đến khi chạm đất.
3. Ngắt kết nối ống dẫn khí bảo dưỡng, ống dẫn khí khẩn cấp và dây nối tắt. Gắn các ống dẫn khí đã ngắt kết nối vào móc treo trên xe kéo và gắn dây nối tắt vào ổ cắm.
4. Đẩy cần khóa về phía trước xe đồng thời kéo dây nhả để mở mở kẹp.
5. Từ từ di chuyển xe kéo tiến lên phía trước để tách xe kéo khỏi rơ-móc.

**CHÚ Ý**

- Không đặt bất cứ vật gì trên bệ. Vật đó có thể tiếp xúc với rơ-móc khi rẽ và làm hỏng xe hoặc cản trở lái xe an toàn.

Bộ trích công suất (PTO) V

PTO là thiết bị dùng để cấp công suất động cơ cho các thiết bị đặc biệt trực tiếp từ động cơ hoặc qua hộp số. Sổ tay hướng dẫn này mô tả cách vận hành PTO, nhưng để vận hành bất kỳ thiết bị đặc biệt nào ngoài công tắt PTO, hãy tham khảo Sổ tay hướng dẫn riêng cho Thiết bị đặc biệt.

Khi vận hành PTO



CHÚ Ý

- Trước khi vận hành PTO, đảm bảo không có người hoặc đồ vật xung quanh và phía trên xe.
- Vận hành PTO trên bề mặt bằng phẳng.
- Khi vận hành PTO và các thiết bị đặc biệt, luôn đặt cần sang số ở vị trí "N", kéo chắc cần phanh tay và nhấn hết cỡ bàn đạp phanh bằng chân phải.
- Không vận hành PTO hoặc thiết bị đặc biệt trong khi lái xe.
- Để biết phương thức vận hành thiết bị đặc biệt, hãy tham khảo Sổ tay hướng dẫn riêng dành cho thiết bị đặc biệt.
- Không sang số khi PTO đang hoạt động.



KHUYẾN CÁO

- Không thể cài PTO của model Smoother khi tốc độ động cơ cao để tránh lỗi hệ thống. Không thể cài PTO khi điều khiển chạy cầm chừng nhanh ngay sau khi khởi động động cơ nguội hoặc khi tốc độ động cơ tăng lên do sử dụng Nút điều khiển nổ cầm chừng. Chờ đến khi động cơ nóng lên hẳn hoặc đưa Nút điều khiển nổ cầm chừng về mức đặt thấp nhất trước khi vận hành công tắt PTO.



LƯU Ý

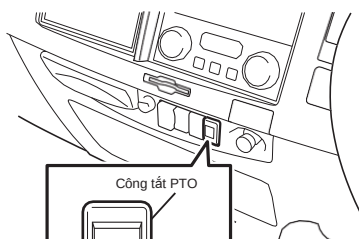
- Tùy vào điều kiện chờ hàng trong quá trình vận hành liên tục PTO, quá trình làm sạch DPD có thể được bắt đầu tự động. Trong trường hợp đó, các đèn chỉ báo sau sẽ sáng, nhưng không báo hiệu sự cố.
 - Đèn chỉ báo làm sạch tự động DPD (xanh lá) hoặc đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hở phách)

[Kiểm soát chạy cầm chừng nhanh]

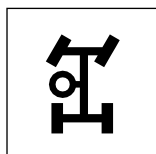
- Một chức năng phụ để làm nóng động cơ bằng cách tự động tăng tốc độ chạy cầm chừng khi động cơ nguội.

Công tắt PTO

Đây là công tắt để cài và ngắt PTO. Khi PTO được cài, đèn chỉ báo PTO sẽ sáng. Khi cài PTO, luôn dừng xe trước khi vận hành công tắt.



Đèn chỉ báo PTO



Cài PTO trên model hộp số sàn

1. Cài phanh tay và đặt cần sang số ở vị trí "N".
2. Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp, tạm dừng trong giây lát và chuyển công tắt PTO sang vị trí "ON". Đảm bảo đèn chỉ báo PTO sáng và nhẹ nhàng cài ly hợp.



CHÚ Ý

- Luôn ngắt ly hợp trước khi vận hành công tắt PTO; nếu không, số có thể bị hỏng.

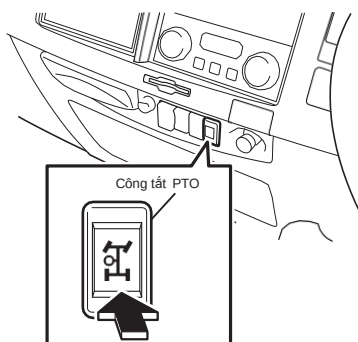
Cài PTO trên model Smoother

1. Cài phanh tay và đặt cần sang số ở vị trí "N", xoay Núm điều khiển nổ cầm chừng hết cỡ ngược chiều kim đồng hồ.
2. Nhấn bàn đạp phanh, chuyển công tắc PTO sang vị trí "ON" và đảm bảo đèn chỉ báo PTO sáng.

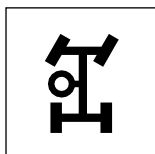


KHUYẾN CÁO

- Đối với model có Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD), nếu vận hành công tắc PTO trong khi DPD đang được làm sạch thủ công, PTO có thể không được cài hoặc quá trình làm sạch DPD có thể bị gián đoạn. Chỉ vận hành công tắc PTO sau khi quá trình làm sạch DPD kết thúc.



Đèn chỉ báo PTO



Ngắt PTO trên model hộp số sàn

Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp, chuyển công tắc PTO sang vị trí "OFF", sau đó đảm bảo đèn chỉ báo PTO đã tắt.

Ngắt PTO trên model Smoother

Nhấn bàn đạp phanh, chuyển công tắc PTO sang vị trí "OFF", đảm bảo đèn chỉ báo PTO đã tắt và thiết bị không được PTO điều khiển nữa.

Cần điều khiển thùng xe

Cần điều khiển thùng xe được sử dụng để nâng hoặc hạ thân thùng xe.

Phần này mô tả cách sử dụng cần điều khiển thùng xe của xe ben.

Để biết cách vận hành các bộ điều khiển khác ngoài cần điều khiển thùng xe, xem phần "Hướng dẫn sử dụng xe ben" riêng.



CHÚ Ý

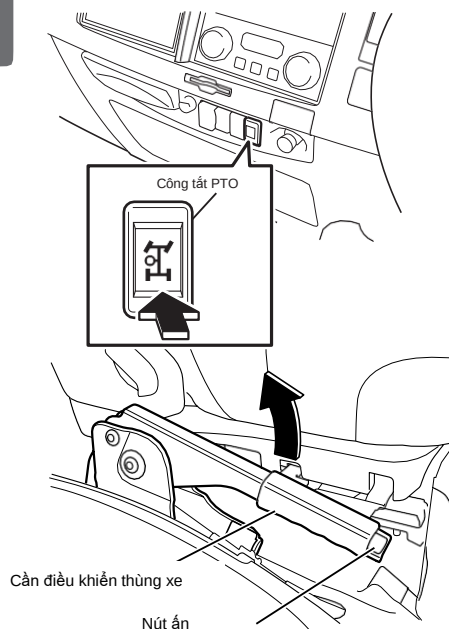
- Khi lái xe và trong quá trình bảo dưỡng xe, luôn đặt cần điều khiển thùng xe ở vị trí "down". Đảm bảo cần điều khiển thùng xe được giữ tại chỗ bằng nút khóa và không di chuyển.
- Khi lên và xuống cabin, tuyệt đối không cầm vào cần điều khiển thùng xe. Điều này rất nguy hiểm vì cần gạt có thể vô tình di chuyển.

Vận hành cơ bản cần điều khiển thùng xe

Để nâng thân thùng xe

1. Nhấn công tắt PTO để cài PTO.

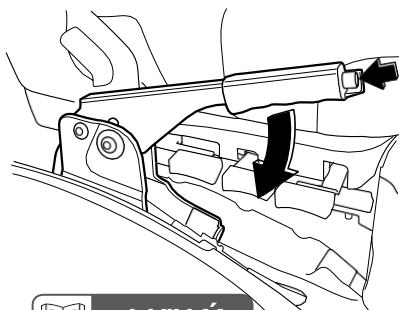
Công tắt PTO → Tham khảo trang 4-122



2. Kéo cần lên đồng thời nhấn nút ấn. Thân thùng xe sẽ nâng lên. Cần được tự động khóa khi thân thùng xe đạt đến vị trí nâng hết cỡ.

Để hạ thân thùng xe

Gạt cần xuống đồng thời nhấn nút ấn.



LƯU Ý

- Để biết cách xử lý và hướng dẫn chi tiết hơn về thân thùng xe, vui lòng tham khảo Hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất thân thùng xe.

Cần điều khiển máy trộn

Tiến hành trộn, nạp và xả bằng cách đặt cần điều khiển vào vị trí thích hợp. Có thể điều chỉnh tốc độ quay của tang trống bằng cách thay đổi vị trí bàn đạp ga.



CHÚ Ý

- Luôn khóa cần khóa khi lái xe.
- Nhả cần khóa khi nạp và xả.



LƯU Ý

- Để biết cách xử lý và hướng dẫn chi tiết hơn về máy trộn bê tông, vui lòng tham khảo Hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất máy trộn bê tông.

Bộ xúc tác oxy hóa khí xả

V

Bộ xúc tác oxy hóa khí xả sử dụng chất xúc tác oxy hóa để làm sạch vật liệu chưa cháy trong khí xả.

Về nguyên tắc chung, khi chạy cầm chừng, động cơ diesel có nhiệt độ khí xả thấp. Chất xúc tác oxy hóa không hoạt động tích cực nên hạt trong khí xả sẽ tích tụ bên trong chất xúc tác. Nếu tăng tốc động cơ hoặc khởi động và tăng tốc xe ở trạng thái này, nhiệt độ khí xả sẽ tăng mạnh và hạt tích tụ bên trong chất xúc tác sẽ đồng loạt được xả ra ngoài dưới dạng khói trắng.

Lượng khói trắng xả ra có xu hướng tăng lên tương ứng với thời gian chạy cầm chừng. Khói trắng sẽ tan trong một hoặc hai phút, nhưng cần phải cẩn thận vì khói có thể che khuất tầm nhìn của tài xế, cản trở các phương tiện giao thông khác và có thể dẫn đến tai nạn.

**CẢNH BÁO**

- Động cơ, ống xả, két nước và các bộ phận tương tự khác sẽ vẫn có nhiệt độ cao trong một thời gian sau khi xe được lái. Phải cẩn thận để tránh bị bỏng. Bạn nên đợi cho đến khi động cơ và các bộ phận khác nguội hẳn rồi mới tiến hành kiểm tra.

**CHÚ Ý**

- Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro IV, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (từ 50 ppm trở xuống) hoặc nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống). Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro V, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống).

Sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cao, nhiên liệu kém chất lượng, chất tách nước và các chất phụ gia khác, xăng, dầu hỏa hoặc nhiên liệu gốc cồn để làm hỗn hợp hoặc một phần của hỗn hợp không chỉ tác động xấu đến bộ lọc nhiên liệu và làm giảm khả năng trượt của các bộ phận được bôi trơn trong kim phun mà còn làm hỏng động cơ do tác động xấu lên động cơ và bộ xúc tác oxy hóa khí xả.

Nếu vô ý đổ sai nhiên liệu cho xe, phải rút hết nhiên liệu ra khỏi hệ thống rồi mới đổ nhiên liệu đúng vào. Khởi động động cơ với nhiên liệu sai trong hệ thống có thể dẫn đến các tình huống nguy hiểm như cháy nổ và hư hỏng động cơ.



KHUYẾN CÁO

- Chạy cảm chừng liên tục trong thời gian dài sẽ tạm thời làm giảm chức năng xúc tác.
- Để ngăn xả khói trắng và hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm và nóng lên toàn cầu, không để động cơ chạy cảm chừng trong thời gian dài.
- Khói trắng có thể thoát ra từ ống xả nếu tăng tốc động cơ hoặc khởi động xe và tăng tốc sau khi chạy cảm chừng liên tục: Đây là hiện tượng bình thường và không phải là dấu hiệu của sự cố.
- Bộ xúc tác oxy hóa khí xả sử dụng chất xúc tác oxy hóa để làm sạch vật liệu chưa cháy trong khí xả: Việc này không làm mất đi khói đen.
- Bộ xúc tác oxy hóa khí xả được tích hợp trong ống giảm thanh và không thể tháo rời.

Những lưu ý trước khi lái xe

Khi phải chạy cảm chừng động cơ trong thời gian dài:

Khi bộ chuyển đổi xúc tác PM (trộn chất xúc tác oxy hóa) được lắp đặt, khói trắng có thể thoát ra từ ống xả nếu tăng tốc động cơ hoặc khởi động và tăng tốc xe sau khi chạy cảm chừng liên tục trong thời gian dài (lâu hơn một đến hai giờ).



CHÚ Ý

- Nếu bạn tăng tốc gấp sau khi để động cơ chạy cảm chừng trong một thời gian dài, xe có thể thải ra khói trắng, có thể che khuất tầm nhìn của bạn cũng như những người lái xe phía sau. Nếu phải chạy cảm chừng động cơ trong thời gian dài, hãy kiểm tra khu vực xung quanh xe xem có an toàn không, nhấn bàn đạp ga và đảm bảo khói trắng xả ra từ ống xả của xe không cản trở các phương tiện giao thông khác trước khi bạn lái xe đi.



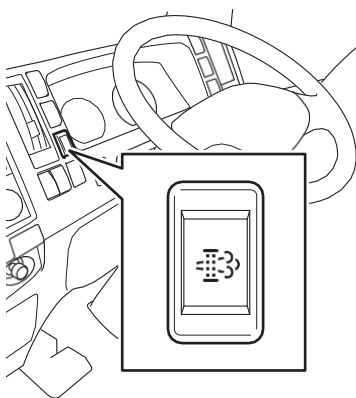
KHUYẾN CÁO

- Chạy cảm chừng liên tục có thể tạm thời làm giảm các chức năng xúc tác.
- Để ngăn xả khói trắng và góp phần ngăn ngừa ô nhiễm không khí và tình trạng nóng lên toàn cầu, không để động cơ chạy cảm chừng trong thời gian dài.

Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD)

V

DPD thanh lọc vật chất dạng hạt (PM) trong khí xả. DPD thu thập PM trong bộ lọc DPD và khi đã thu thập PM trong bộ lọc đến mức định trước, DPD sẽ tự động đốt cháy PM (làm sạch bộ lọc). Bạn nên tuân theo các hướng dẫn sau đây để DPD không gặp sự cố.

Công tắt DPD

Công tắt DPD được sử dụng để đốt PM (làm sạch bộ lọc) theo cách thủ công.

Bạn nên thực hiện các bước làm sạch thủ công DPD khi đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hồ phách) nhấp nháy. (Đèn nhấp nháy mỗi đợt khoảng một giây và kèm theo một tiếng bíp ngắn của còi báo.)

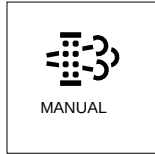
Ví dụ: Nếu thực hiện làm sạch thủ công DPD trong khi đỗ xe sau khi vận hành trong ngày, hãy làm theo hướng dẫn trong "Quy trình làm sạch thủ công DPD".

Nếu bạn tiếp tục lái xe khi đèn nhấp nháy khoảng một giây mỗi đợt, đợt nhấp nháy sẽ thay đổi thành những đợt ngắn hơn (khoảng 1/3 giây). Nếu bạn tiếp tục lái xe trong trạng thái này quá lâu, DPD có thể bị lỗi. Lập tức dừng xe ở nơi an toàn và thực hiện làm sạch thủ công.

**KHUYẾN CÁO**

- Tiếp tục lái xe mà không làm sạch sẽ làm cho đèn cảnh báo kiểm tra động cơ hoặc đèn chỉ báo SVS sáng. Sau đó, bạn phải tới Đại lý Isuzu để được sửa chữa DPD.

Đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD
(Màu hồ phách, nhấp nháy)

**LƯU Ý**

- DPD tự động đốt cháy PM (làm sạch bộ lọc) khi tích lũy một lượng PM nhất định trong bộ lọc DPD, nhưng quá trình làm sạch tự động có thể không hoàn thành trong một số điều kiện lái xe nhất định. Trong trường hợp đó, đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hồ phách) sẽ nhấp nháy. Nhanh chóng thực hiện các bước làm sạch thủ công theo hướng dẫn được mô tả tại phần sau. Làm sạch thủ công là quá trình cần thiết để khôi phục chức năng của DPD. Đây không phải là hành động cần thực hiện sau khi DPD bị lỗi.

Quy trình làm sạch thủ công DPD



1. Dừng xe ở nơi an toàn không có vật liệu dễ cháy như cỏ và giấy vụn.



CHÚ Ý

- Để đề phòng hỏa hoạn, hãy đảm bảo không có vật liệu dễ cháy gần ống giảm thanh, DPD và ống xả. Lưu ý rằng nhiệt độ của khí xả đủ cao để gây bỏng.
2. Trong model hộp số sàn, đặt cần sang số ở vị trí "N" và cài chặc phanh tay. Trong model Smoother, đặt cần sang số ở vị trí "N", đảm bảo đèn chỉ báo hiện "N" và cài chặc phanh tay.
 3. Chạy động cơ ở chế độ cầm chừng. Xoay Nút điều khiển nổ cầm chừng ngược chiều kim đồng hồ hết cỡ để giảm tốc độ động cơ khi tốc độ động cơ tăng lên do sử dụng Nút điều khiển nổ cầm chừng.
 4. Dừng hoạt động của bộ trích công suất (PTO) nếu xe được trang bị PTO. Tắt công tắt PTO và bộ điều khiển bàn đạp ga bên ngoài.
 5. Nhấn công tắt DPD.
 6. Đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hỗ phách) sẽ ngừng nhấp nháy và sáng liên tục, đồng thời tốc độ động cơ tự động tăng để bắt đầu làm sạch.
 7. Không rời khỏi xe trong quá trình làm sạch. Quá trình làm sạch thường kết thúc trong vòng 15 đến 20 phút.
 8. Khi đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hỗ phách) tắt, quá trình làm sạch đã hoàn tất. Sau đó, bạn có thể lái xe bình thường.

Đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD

(Hỗ phách)



MANUAL



CẢNH BÁO

- Khói trắng có thể thoát ra trong quá trình làm sạch thủ công; không làm sạch thủ công ở địa điểm trong nhà và thông gió kém.



KHUYẾN CÁO

- Khi vận hành PTO trong thời gian dài nếu xe trang bị PTO, đảm bảo đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hỗ phách) không nhấp nháy.



LƯU Ý

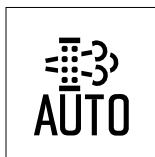
- Thời gian cần thiết để hoàn tất quá trình làm sạch thay đổi tùy theo nhiệt độ ngoài trời.
- Phanh khí xả hoặc bướm ga được bật trong quá trình làm sạch DPD. Khi bắt đầu hoạt động hoặc bị ngắt, phanh khí xả hoặc bướm ga sẽ phát ra âm thanh, nhưng đây không phải dấu hiệu của sự cố.
- Trong quá trình làm sạch, khói trắng có thể tạm thời thoát ra từ ống xả. Đây là kết quả của quá trình đốt cháy PM, không phải là dấu hiệu của sự cố.
- Quá trình làm sạch thủ công sẽ kết thúc sớm hơn ngay sau khi lái xe so với khi động cơ nguội.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ có thể tăng lên trong quá trình làm sạch thủ công.

Gián đoạn quá trình làm sạch thủ công

Nếu buộc phải làm gián đoạn quá trình làm sạch vì lý do không thể tránh khỏi, hãy nhấn lại công tắt DPD.

Đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hỗ phách) sẽ bắt đầu nhấp nháy. Sau đó, bạn có thể lái xe. Nếu làm gián đoạn quá trình làm sạch, bạn cần tiến hành làm sạch lại. Tiến hành làm sạch thủ công từ bước 1 sớm nhất có thể.

Quá trình làm sạch tự động DPD



Đèn chỉ báo làm sạch tự động
DPD

(Xanh lá, sáng)

Tốc độ động cơ có thể tăng lên và phanh khí xả có thể được bật trong khi xe đang dừng và động cơ chạy cầm chừng. Trong trường hợp này, DPD sẽ tự động làm sạch. Đây không phải là dấu hiệu của sự cố. Trong quá trình làm sạch tự động, đèn chỉ báo làm sạch tự động DPD (xanh lá) sẽ sáng.



KHUYẾN CÁO

- Không nhấn công tắc DPD khi đèn chỉ báo làm sạch tự động DPD (xanh lá) sáng.



LƯU Ý

- Tốc độ động cơ có thể tăng lên và phanh khí xả có thể được bật trong khi xe đang dừng và động cơ đang chạy cầm chừng. Trong trường hợp này, DPD sẽ tự động làm sạch. Đây không phải là dấu hiệu của sự cố.
- Hệ thống sẽ phát ra âm thanh trong quá trình làm sạch tự động và hủy bỏ. Đây không phải là dấu hiệu của sự cố.
- Tùy vào tình trạng tải trong thời gian chạy cầm chừng kéo dài hoặc PTO hoạt động liên tục, quá trình làm sạch DPD có thể được bắt đầu tự động. Trong trường hợp đó, các đèn chỉ báo sau sẽ sáng, nhưng không báo hiệu sự cố.
- Đèn chỉ báo làm sạch tự động DPD (xanh lá) hoặc đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hồ phách)

Quy trình làm sạch DPD tùy chọn

Đây là chức năng kích hoạt quá trình làm sạch thủ công DPD vào thời điểm bất kỳ trước khi PM tích tụ trong bộ lọc DPD và đèn chỉ báo làm sạch tự động DPD (xanh lá) sẽ sáng hoặc đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hở phách) bắt đầu nhấp nháy.

Tiến hành làm sạch thủ công DPD trong quãng nghỉ giữa các lần vận hành hoặc khi (nhiệt độ nước làm mát) động cơ và ống xả vẫn còn nóng, ví dụ như khi kết thúc vận hành trong ngày.

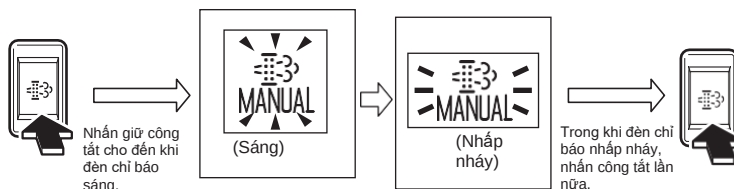


CHÚ Ý

- Thực hiện làm sạch tùy chọn cho đến khi hoàn tất làm sạch mà không gián đoạn.
- Không rời khỏi xe trong quá trình làm sạch.
- Để đề phòng hỏa hoạn, đảm bảo không có vật liệu dễ cháy gần ống giảm thanh, DPD và ống xả.
- Lưu ý rằng nhiệt độ của khí xả đủ cao để gây bỏng.

1. Dừng xe ở nơi an toàn không có vật liệu dễ cháy như cỏ và giấy vụn.
2. Chạy động cơ ở chế độ cầm chừng. Đảm bảo cần sang số được đặt ở vị trí "N" nếu xe được trang bị hộp số sàn. Nếu xe được trang bị hệ thống Smoother, hãy đặt cần sang số ở vị trí "N" và đảm bảo đèn chỉ báo hiện "N". Sau đó, cài chắc phanh tay. Nếu tốc độ động cơ đã tăng lên do vận hành Núm điều khiển nổ cầm chừng, hãy đưa tốc độ động cơ về tốc độ khi chạy cầm chừng bình thường.

Đảm bảo PTO không hoạt động nếu xe được trang bị PTO.



3. Nhấn công tắt DPD cho đến khi đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hở phách) sáng. Đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hở phách) sẽ bắt đầu nhấp nháy từ trạng thái sáng liên tục.
4. Nhấn công tắt DPD lần nữa.
5. Đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hở phách) sẽ ngừng nhấp nháy và sẽ sáng liên tục, tốc độ động cơ sẽ tự động tăng để bắt đầu làm sạch.
6. Không rời khỏi xe trong quá trình làm sạch. Quá trình làm sạch thường kết thúc trong vòng 15 đến 20 phút.
7. Khi đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hở phách) tắt, quá trình làm sạch đã hoàn tất. Sau đó, bạn có thể lái xe bình thường.

**CẢNH BÁO**

- Khói trắng có thể thoát ra trong quá trình làm sạch. Không thực hiện làm sạch ở địa điểm trong nhà và thông gió kém.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu quá trình làm sạch tùy chọn bị gián đoạn do bắt đầu lái xe lại, đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hỗ phách) sẽ bắt đầu "nhấp nháy". Trong trường hợp này, lập tức dừng xe an toàn, nhấn công tắt DPD lần nữa và đợi cho đến khi quá trình làm sạch tùy chọn hoàn tất. Không tiếp tục lái xe hoặc sử dụng PTO nếu xe được trang bị PTO khi đèn chỉ báo nhấp nháy.
- Khi mức PM trong bộ lọc DPD thấp hơn mức quy định, đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hỗ phách) sẽ không chuyển từ "sáng liên tục" sang "nhấp nháy" ngay cả khi bạn nhấn giữ công tắt DPD. Trong trường hợp này, DPD không yêu cầu làm sạch nên bỏ qua hoạt động của công tắt DPD.

**LƯU Ý**

- Thời gian hoàn tất quá trình làm sạch thay đổi tùy theo nhiệt độ ngoài trời.
- Phan khí xả hoặc bướm ga được bật trong quá trình làm sạch DPD. Khi đang hoạt động hoặc bị ngắt, phan khí xả hoặc bướm ga sẽ phát ra âm thanh, nhưng đây không phải dấu hiệu của sự cố.
- Trong quá trình làm sạch, khói trắng có thể tạm thời thoát ra từ ống xả. Đây là kết quả của quá trình đốt cháy PM, không phải là dấu hiệu của sự cố.
- Quá trình làm sạch sẽ kết thúc sớm hơn ngay sau khi lái xe so với khi động cơ nguội.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ có thể tăng lên trong quá trình làm sạch thủ công.

Làm sạch DPD khi PTO hoạt động và chạy cầm chừng trong thời gian dài**LƯU Ý**

- Tùy vào tình trạng tải trong thời gian chạy cầm chừng kéo dài hoặc PTO hoạt động liên tục, quá trình làm sạch DPD có thể được bắt đầu tự động. Trong trường hợp đó, các đèn chỉ báo sau sẽ sáng, nhưng không báo hiệu sự cố.
 - Đèn chỉ báo làm sạch tự động DPD (xanh lá) hoặc đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hồ phách)
- Khi bắt đầu lái xe hoặc khi PTO được kết nối khi quá trình làm sạch DPD được tự động bắt đầu trong thời gian chạy cầm chừng kéo dài, đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hồ phách) sẽ nhấp nháy và quá trình làm sạch sẽ tạm dừng. Bắt đầu quá trình làm sạch thủ công theo quy trình làm sạch thủ công DPD.
- Khi quá trình làm sạch DPD được tiến hành lặp đi lặp lại trong thời gian chạy cầm chừng kéo dài, đèn chỉ báo làm sạch thủ công DPD (hồ phách) có thể nhấp nháy nhiều hơn trong một khoảng thời gian, báo hiệu cần làm sạch thủ công, kể cả đối với quá trình làm sạch DPD trong khi lái xe.

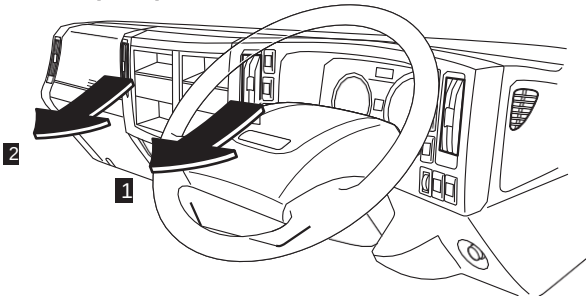
SỰ THOẢI MÁI VÀ TIỆN NGHI

5

• Cửa gió	5-2
• Quạt thông gió ☐	5-4
• Bộ sưởi/điều hòa không khí thủ công/bộ làm mát ☐	5-7
• Đèn nội thất	5-16
• Tầm che nắng	5-17
• Núm mùi thuốc ☐	5-17
• Ổ cắm phụ kiện (24V) ☐	5-19
• Ổ cắm USB	5-20
• Gạt tàn ☐	5-21
• Túi đựng đồ sau ghế (phía tài xế)	5-21
• Túi đựng đồ cỡ nhỏ	5-22
• Khe giữ thẻ	5-22
• Gạt tàn tại ghế ☐	5-22
• Ngăn đựng đồ có nắp ☐	5-23
• Ngăn đựng đồ không có nắp ☐	5-24
• Hộc chứa đồ trung tâm ☐	5-24
• Khay đựng tiền xu ☐	5-25
• Ngăn để đồ bên trên	5-25
• Giá giữ ly ☐	5-26
• Móc treo áo	5-26
• Móc	5-27
• Mẹo vận hành Radio và Máy phát đĩa CD	5-28
• Ăng ten	5-31
• Radio AM/FM ☐	5-32
• Máy phát đĩa CD (kèm radio AM/FM) ☐	5-41

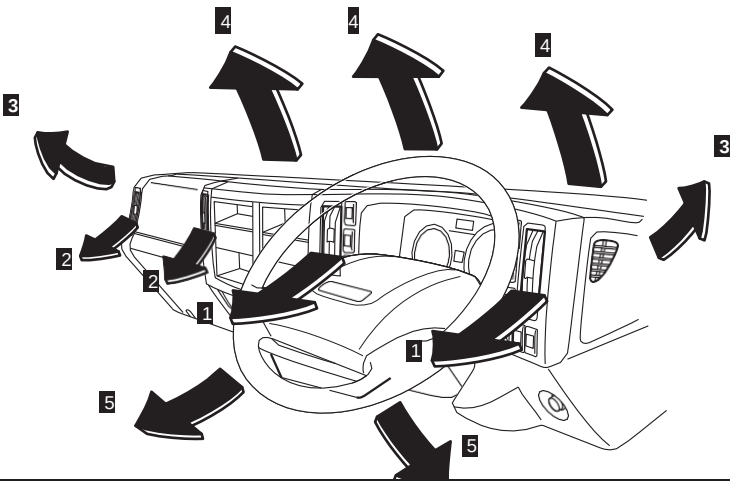
Cửa gió

Model thông gió thổi trực diện



STT	Cửa gió	Tính năng
1	Cửa gió phía tài xế	Có thể điều hướng gió bằng cần gạt.
2	Cửa gió phía hành khách	Có thể điều hướng gió bằng cần gạt.

Model khác

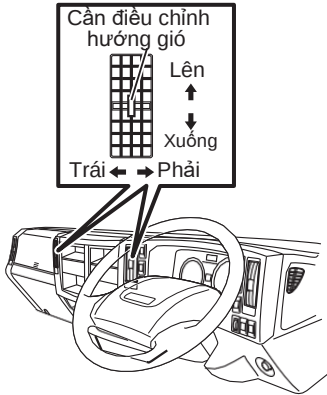


STT	Cửa gió	Tính năng
1	Cửa gió phía tài xế	Có thể điều hướng gió bằng cần gạt.
2	Cửa gió phía hành khách	Có thể điều hướng gió bằng cần gạt.
3	Kính cửa sổ	Gió thổi về phía cửa sổ.
4	Kính chắn gió	Gió thổi về phía kính chắn gió.
5	Cửa gió xuống dưới chân	Gió thổi về phía chân.

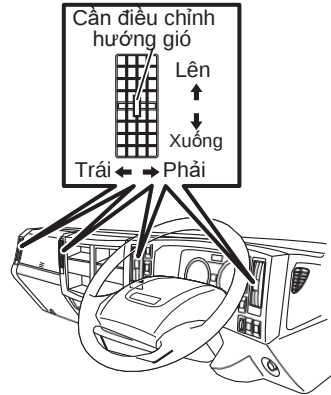
Cần điều chỉnh hướng gió

Sử dụng cần điều khiển để điều chỉnh hướng gió từ cửa gió. Để đóng cửa gió, gạt cần gạt xuống.

Model thông gió thời trực diện



Model khác

**LƯU Ý**

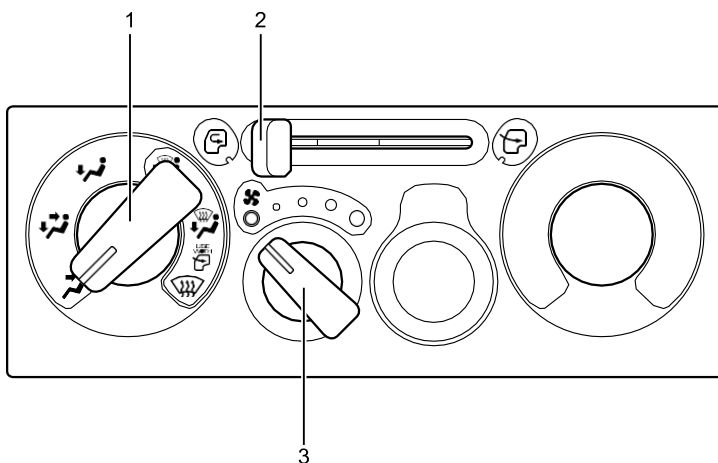
- Hạ cần điều khiển để điều chỉnh hướng gió từ cửa gió 1 (phía tài xế) và cửa gió 2 (phía hành khách) ra khỏi hướng thổi vào tài xế hoặc hành khách.

Quạt thông gió

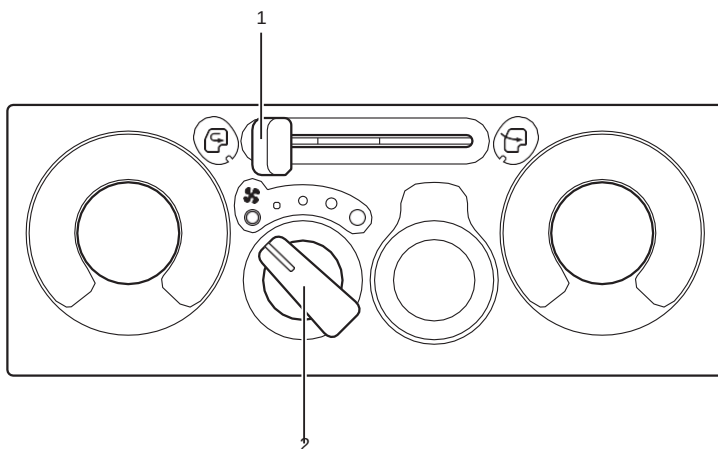
V

Cách sử dụng bộ điều khiển

Loại 1



Loại 1



STT	Tên
1	Núm chọn hướng gió
2	Cần chọn nguồn gió

STT	Tên
3	Núm điều chỉnh tốc độ quạt

1. Nút chọn hướng gió

Vị trí nút	Hướng gió thổi	Cửa xả
	Mặt	Gió thổi qua cửa gió 1 và 2.
	Hai hướng	Gió thổi qua cửa gió 1, 2 và 5.
	Chân	Gió thổi qua cửa gió 5.
	Chân, kính cửa sổ và kính chắn gió	Gió thổi qua cửa gió 5 và một phần gió thổi qua cửa gió 3 và 4.
	Chân, kính cửa sổ và kính chắn gió	Gió thổi qua cửa gió 5 nhiều hơn vị trí  cửa gió 3 và 4.
	Kính cửa sổ và kính chắn gió	Gió thổi qua cửa gió 3 và 4.



LƯU Ý

Kí hiệu  khuyến bạn đặt cần chọn nguồn gió tại vị trí thông gió bên ngoài khi sử dụng vị trí , ,  để khử mùi kính

2. Cần chọn nguồn gió

Vị trí cần gạt	Mục đích	
	Thông gió bên ngoài	Sử dụng vị trí này để thông gió trong cabin. (Thông thường, nên chọn vị trí này.)
	Tuần hoàn không khí bên trong	Sử dụng vị trí này để ngăn gió bụi hoặc ô nhiễm từ bên ngoài xâm nhập vào cabin. (ví dụ như trong đường hầm hoặc khi tắc đường.)



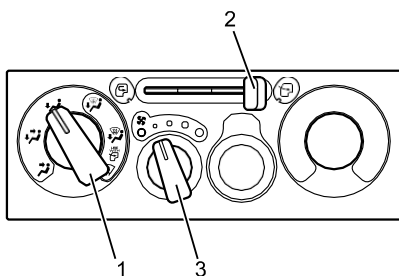
LƯU Ý

- Sử dụng vị trí tuần hoàn không khí bên trong quá lâu sẽ khiến kính chắn gió và kính cửa sổ dễ bị mờ, làm giảm tầm nhìn.

3. Nút điều chỉnh tốc độ quạt

Có thể điều chỉnh tốc độ quạt theo tốc độ bất kỳ trong 4 tốc độ có sẵn.

Thông gió

**Thông gió bên ngoài**

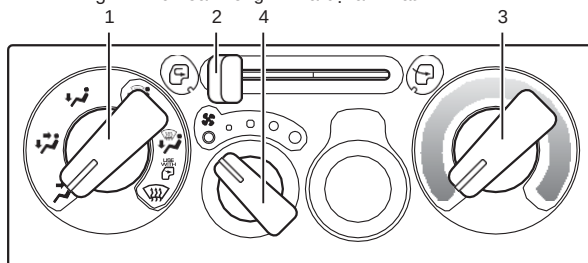
Xoay núm chọn hướng gió (1) về vị trí mong muốn. Đưa cần chọn nguồn gió (2) về vị trí "□".

Xoay núm điều chỉnh tốc độ quạt (3) về tốc độ mong muốn.

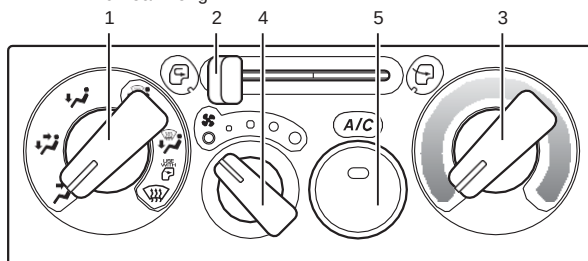
Bộ sưởi/Điều hòa không khí thủ công/Bộ làm mát V

Cách sử dụng bộ điều khiển

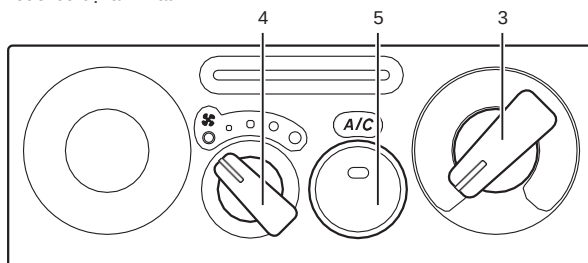
Model không có điều hòa không khí và bộ làm mát



Model có điều hòa không khí



Model có bộ làm mát



STT	Tên
1	Núm chọn hướng gió
2	Cần chọn nguồn gió
3	Núm điều chỉnh nhiệt độ

STT	Tên
4	Núm điều chỉnh tốc độ quạt
5	Công tắc điều hòa không khí (Công tắc A/C)

1. Nắm chọn hướng gió

Vị trí nắm	Hướng gió thổi	Cửa xả
	Mặt	Gió thổi qua cửa gió 1 và 2.
	Hai hướng	Gió thổi qua cửa gió 1, 2 và 5.
	Chân	Gió thổi qua cửa gió 5.
	Chân, kính cửa sổ và kính chắn gió	Gió thổi qua cửa gió 5 và một phần gió thổi qua cửa gió 3 và 4.
	Chân, kính cửa sổ và kính chắn gió	Gió thổi qua cửa gió 5 nhiều hơn vị trí  " cửa gió 3 và 4.
	Kính cửa sổ và kính chắn gió	Gió thổi qua cửa gió 3 và 4.



LƯU Ý

- Ký hiệu "  " khuyên bạn đặt cần chọn nguồn gió tại vị trí thông gió bên ngoài khi sử dụng vị trí , ,  để khử mờ kính

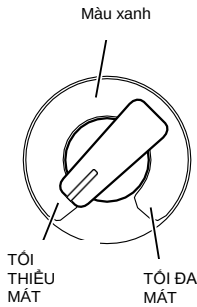
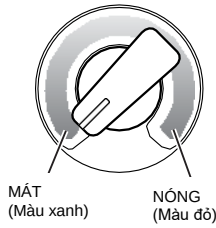
2. Cần chọn nguồn gió

Vị trí cần gạt	Mục đích	
	Thông gió bên ngoài	Sử dụng vị trí này để thông gió trong cabin. (Thông thường, nên chọn vị trí này.)
	Tuần hoàn không khí bên trong	Sử dụng vị trí này để ngăn gió bụi hoặc ô nhiễm từ bên ngoài xâm nhập vào cabin. (ví dụ như trong đường hầm hoặc khi tắc đường.)



LƯU Ý

- Sử dụng vị trí tuần hoàn không khí bên trong quá lâu sẽ khiến kính chắn gió và kính cửa sổ dễ bị mờ, làm giảm tầm nhìn.



3. Nút điều chỉnh nhiệt độ [Hệ thống sưởi hoặc điều hòa không khí]

Sử dụng nút này để chọn nhiệt độ mong muốn trong cabin. Xoay nút ngược chiều kim đồng hồ để giảm nhiệt độ gió thổi ra và theo chiều kim đồng hồ để tăng nhiệt độ.

[Bộ làm mát]

Sử dụng nút này để chọn nhiệt độ mong muốn trong cabin. Xoay nút ngược chiều kim đồng hồ để giảm công suất của bộ làm mát. Xoay nút theo chiều kim đồng hồ để tăng công suất bộ làm mát.

4. Nút điều chỉnh tốc độ quạt

Có thể điều chỉnh tốc độ quạt theo tốc độ bất kỳ trong 4 tốc độ có sẵn.

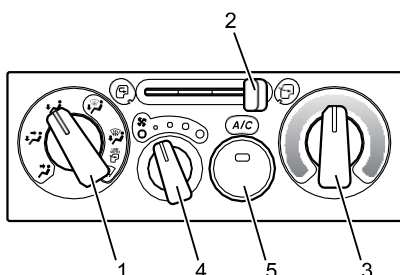
5. Công tắc điều hòa không khí (Công tắt A/C) Nhấn công tắc này để sử dụng hệ thống điều hòa không khí. Đèn chỉ báo bên trong công tắc sẽ sáng để báo hiệu hệ thống điều hòa không khí đang hoạt động. Có thể sử dụng hệ thống điều hòa không khí để hút ẩm trong khi hệ thống sưởi đang được sử dụng.



LƯU Ý

- Ngay cả khi đang bật công tắc A/C, hệ thống điều hòa không khí sẽ không hoạt động nếu nút điều chỉnh tốc độ quạt được đặt ở vị trí dừng. Đảm bảo nút điều chỉnh tốc độ quạt không ở vị trí dừng.
- Ngay cả trong mùa bạn không sử dụng hệ thống điều hòa không khí, thỉnh thoảng hãy vận hành hệ thống này trong vài phút khi động cơ chạy ở tốc độ thấp để tránh giảm hiệu quả bôi trơn các bộ phận của hệ thống này.

Thông gió

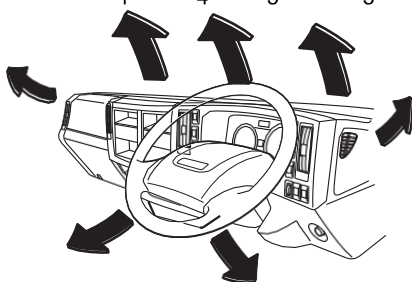
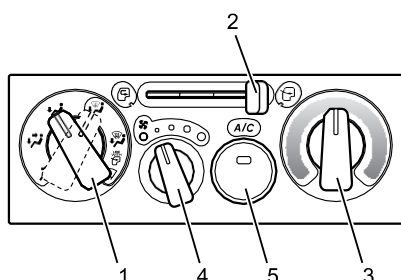
**Thông gió bên ngoài**

Chuyển công tắc A/C (5) sang vị trí "OFF". Xoay núm chọn hướng gió (1) về vị trí mong muốn.

Đưa cần chọn nguồn gió (2) về vị trí "☐". Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) vào vị trí mong muốn.

Xoay núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) về tốc độ mong muốn.

Cách sử dụng hệ thống sưởi sưởi (Hệ thống sưởi hoặc điều hòa không khí thủ công)

**Sưởi bình thường**

Xoay núm chọn hướng gió (1) về vị trí "☐" hoặc "☐". Sử dụng

vị trí "☐" để sưởi chân đồng thời khử mờ kính chắn gió.

Đặt cần chọn nguồn gió (2) đến vị trí "☐". Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) và núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) đến các vị trí mong muốn.

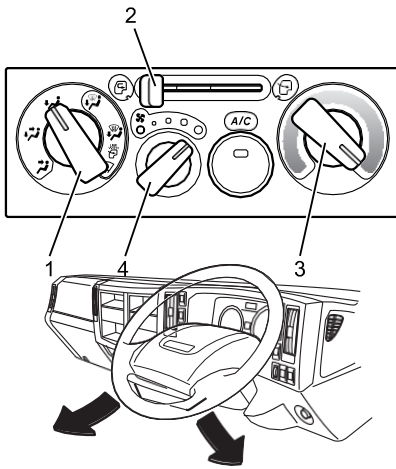
Để hút ẩm trong cabin khi đang sưởi, chuyển công tắc A/C (5) sang vị trí "ON".

**LƯU Ý**

- Vì hệ thống sưởi sưởi sử dụng nhiệt từ nước làm mát động cơ, tác dụng sưởi của hệ thống này sẽ yếu khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp. Để tăng tác dụng sưởi, hãy tăng tốc độ động cơ bằng cách xoay Núm điều khiển nỏ cảm chừng.

Núm điều khiển nỏ cảm chừng

→ Tham khảo trang 4-48

**Sưởi tối đa**

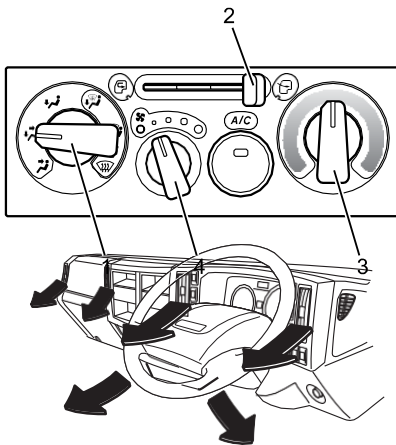
Xoay núm chọn hướng gió (1) đến vị trí "❧", đặt cần chọn nguồn gió (2) sang vị trí "❏", và xoay hết cỡ núm điều chỉnh nhiệt độ (3) về hướng nhiệt độ cao.

Xoay núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) ở vị trí tốc độ tối đa.

Bật công tắc sưởi nếu có.

**LƯU Ý**

- Sử dụng vị trí tuần hoàn không khí bên trong quá lâu sẽ khiến kính chắn gió và kính cửa sổ dễ bị mờ, làm giảm tầm nhìn.
- Có thể tăng nhiệt độ bằng cách bật công tắc sưởi.

**Sưởi hai vị trí**

Xoay núm chọn hướng gió (1) vào vị trí "❧".

Đặt cần chọn nguồn gió (2) đến vị trí "❏".

Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) ở vị trí trung gian.

Xoay núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) theo ý muốn.

Khử mờ và loại bỏ băng tuyết khỏi kính chắn gió (Hệ thống sưởi hoặc Điều hòa không khí thủ công)

Khử mờ

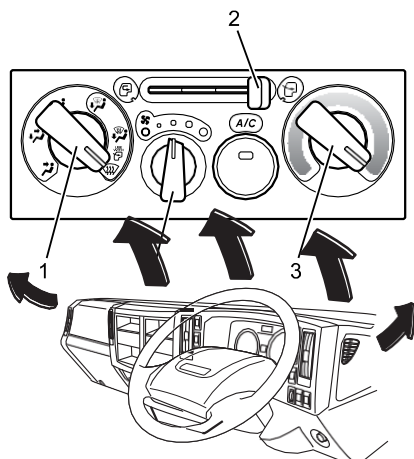
Đặt nút chọn hướng gió (1) vào vị trí "W".

Đặt cần chọn nguồn gió (2) đến vị trí "F".

Xoay nút điều chỉnh nhiệt độ (3) sang vị trí nhiệt độ cao theo ý muốn. Để khử mờ vào thời gian mùa hè, đặt nút điều chỉnh nhiệt độ (3) đến bất kỳ vị trí nào bạn muốn.

Xoay nút điều chỉnh tốc độ quạt (4) ở vị trí tốc độ bất kỳ (ngoài vị trí "OFF").

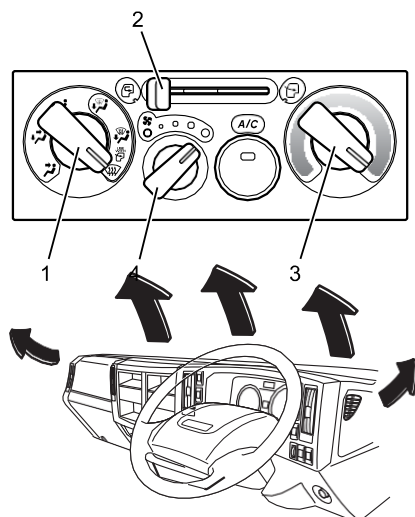
Nếu xe được trang bị hệ thống điều hòa không khí, tác dụng khử ẩm của hệ thống này sẽ rất hiệu quả để khử mờ.



LƯU Ý

Không sử dụng vị trí làm mát tối đa khi vận hành hệ thống điều hòa không khí và nút chọn ổ cắm (1) đang ở vị trí " ".

Mặt ngoài của kính chắn gió sẽ bị mờ, cản trở tầm nhìn phía trước.

Loại bỏ băng tuyết

Xoay núm chọn hướng gió (1) vào vị trí "🌀".

Đặt cần chọn nguồn gió (2) đến vị trí "🔊".

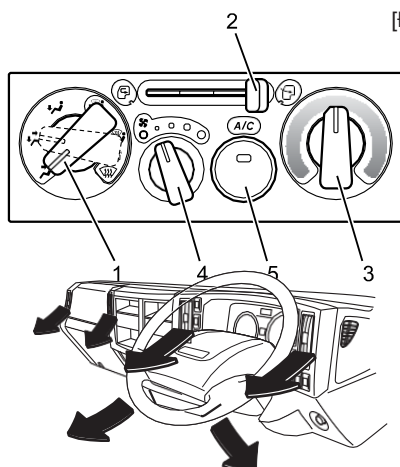
Xoay hết cỡ núm điều chỉnh nhiệt độ (3) về hướng nhiệt độ cao.

Xoay núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) ở vị trí tốc độ tối đa.

Bật công tắc sưởi nếu có.

**LƯU Ý**

- Sau khi loại bỏ băng tuyết, luôn gạt cần chọn nguồn gió (2) về vị trí "🔊". Nếu không, kính chắn gió sẽ bị mờ, cản trở tầm nhìn phía trước.

Làm mát (Điều hòa không khí thủ công hoặc bộ làm mát)**Làm mát bình thường/vừa phải**

[Điều hòa không khí thủ công]

Cài đặt này phù hợp với thời gian làm mát dài hoặc làm mát ở mức độ vừa phải.

Chuyển công tắc A/C (5) sang vị trí "ON".

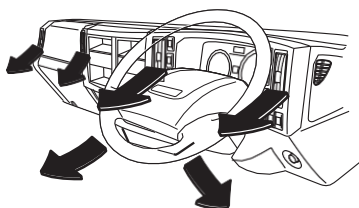
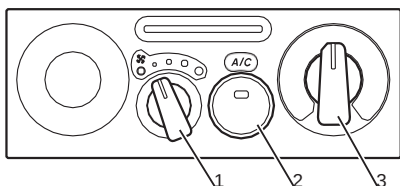
Đặt núm chọn hướng gió (1) ở vị trí "🌀" để làm mát bình thường hoặc vị trí "🔊" để làm mát vừa phải.

Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) vào vị trí mong muốn.

Xoay núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) theo ý muốn.

**LƯU Ý**

- Khi sử dụng hệ thống điều hòa không khí và động cơ đang chạy cảm chừng trong thời tiết quá nóng, hãy đặt cần chọn nguồn gió (2) ở vị trí "🔊".



[Bộ làm mát]

Cài đặt này phù hợp với thời gian làm mát dài hoặc làm mát ở mức độ vừa phải.

Chuyển công tắc A/C (2) sang vị trí "ON".

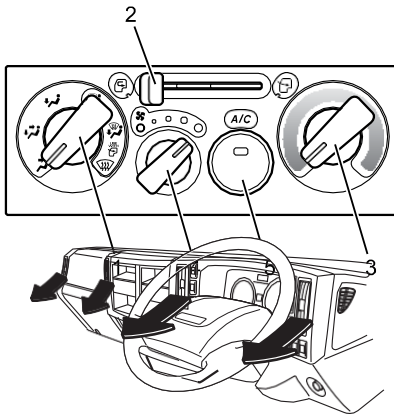
Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) vào vị trí mong muốn.

Xoay núm điều chỉnh tốc độ quạt (1) theo ý muốn.



LƯU Ý

- Sau khi đỗ xe lâu dưới ánh nắng mặt trời, hãy mở kính cửa sổ hoặc cửa xe để thông gió trong cabin và thoát nhiệt trước khi bật hệ thống điều hòa không khí.
- Sử dụng hệ thống điều hòa lâu sẽ khiến không khí bên trong trở nên ngột ngạt. Thỉnh thoảng, hãy mở cửa sổ để đón không khí trong lành vào cabin.
- Trong quá trình vận hành bộ làm mát, sương mù có thể hình thành từ các cửa gió. Đó là do làm mát nhanh trong điều kiện không khí ẩm và không phải dấu hiệu của sự cố.



Làm mát tối đa

[Điều hòa không khí thủ công]

Xoay núm chọn hướng gió (1) vào vị trí "↗".

Chuyển công tắc A/C (5) sang vị trí "ON".

Đưa cần chọn nguồn gió (2) về vị trí "↗".

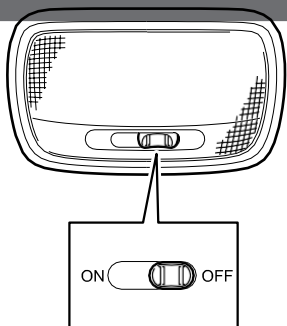
Xoay hết cỡ núm điều chỉnh nhiệt độ (3) về hướng nhiệt độ thấp.

Xoay núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) vào vị trí tốc độ tối đa.



LƯU Ý

- Sau khi đỗ xe lâu dưới ánh nắng mặt trời, hãy mở kính cửa sổ hoặc cửa xe để thông gió trong cabin và thoát nhiệt trước khi bật hệ thống điều hòa không khí.
- Sử dụng hệ thống điều hòa lâu ở chế độ làm mát tối đa sẽ khiến không khí bên trong trở nên ngột ngạt. Thỉnh thoảng, hãy gạt cần chọn nguồn gió đến vị trí thông gió bên ngoài hoặc mở kính cửa sổ để đón không khí trong lành vào cabin.
- Trong quá trình vận hành bộ làm mát, sương mù có thể hình thành từ các cửa gió. Đó là do làm mát nhanh trong điều kiện không khí ẩm và không phải dấu hiệu của sự cố.

Đèn nội thất**Đèn trần**

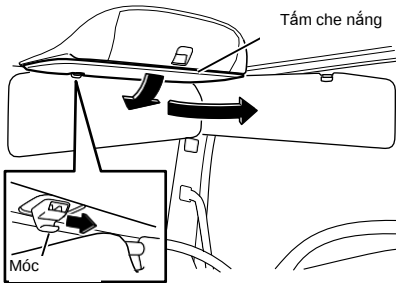
Vị trí công tắc khởi động không ảnh hưởng đến hoạt động của đèn trần. Để điều khiển đèn trần bằng chế độ "DOOR", chuyển công tắc đèn trần về giữa vị trí "ON" và "OFF".

ON : Đèn sáng bất kể cửa đang mở hay đóng.

DOOR : Đèn sáng khi cửa tài xế mở.

OFF : Đèn tắt bất kể cửa đang mở hay đóng.

Tấm che nắng



Tấm che nắng bảo vệ mắt của bạn dưới ánh nắng gay gắt. Sử dụng tấm che nắng khi ánh sáng mặt trời quá gắt. Để giảm độ chói của một bên, tháo và xoay tấm che nắng sang bên đó.



CHÚ Ý

- Để đảm bảo an toàn, luôn gấp tấm che nắng lại sau khi sử dụng.

Núm mỗi thuốc



Nút mỗi thuốc

Có thể sử dụng nút mỗi thuốc khi công tắc khởi động ở vị trí "ACC" hoặc "ON".

1. Đẩy nút mỗi thuốc vào cho đến khi khóa lại.
2. Khi bộ phận làm nóng nóng lên, nút mỗi thuốc sẽ bật ra vị trí ban đầu. Rút ra và sử dụng nút mỗi thuốc.



CẢNH BÁO

- Để đề phòng nguy cơ bị bỏng, không chạm vào bộ phận làm nóng khi sử dụng nút mỗi thuốc.
- Không để ngón tay bạn trên nút mỗi thuốc khi đã đẩy nút mỗi thuốc vào, nút mỗi thuốc sẽ trở nên rất nóng và bị hỏng hoặc gây ra hỏa hoạn.
- Sau hơn 20 giây, nếu nút mỗi thuốc không bật ra thì nút mỗi thuốc đã bị hỏng. Lập tức rút nút mỗi thuốc ra bằng tay.
- Không rời khỏi xe khi nút mỗi thuốc đang được đẩy vào vì điều này có thể gây ra hỏa hoạn.
- Không bẻ cong nút mỗi thuốc. Nút mỗi thuốc bị cong sẽ không hoạt động chính xác và gây nguy hiểm.

**CHÚ Ý**

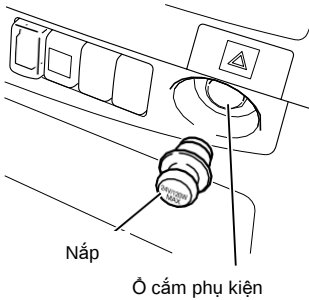
- Để thay thế Đuôi cắm núp mỗi thuốc bằng ổ cắm phụ kiện, vui lòng tham khảo ý kiến của Đại lý Isuzu gần nhất.
- Nếu cần sử dụng Đuôi cắm núp mỗi thuốc làm ổ cắm phụ kiện, phần bên trong Đuôi cắm có thể bị biến dạng. Sử dụng núp mỗi thuốc có phần bên trong bị biến dạng có thể gây ra các hỏng hóc như núp mỗi thuốc vừa đỗ vừa nóng bật ra hoặc núp mỗi thuốc không bật ra khi ấn vào.
- Để sử dụng lại núp mỗi thuốc sau khi thay đổi từ ổ cắm phụ kiện hoặc để thay thế núp mỗi thuốc bị hỏng, hãy sử dụng phụ tùng chính hãng phù hợp với xe của Isuzu. Không sử dụng núp mỗi thuốc khác.
- Khi lau núp mỗi thuốc, không dùng lực quá mạnh. Điều này có thể gây biến dạng núp mỗi thuốc.
- Loại bỏ tro tàn và bụi bẩn bên trong Đuôi cắm núp mỗi thuốc và trên phần làm nóng của núp mỗi thuốc.

**KHUYẾN CÁO**

- Không sử dụng núp mỗi thuốc khi động cơ không hoạt động. Vì núp mỗi thuốc tiêu thụ rất nhiều điện, điều đó có thể gây chết bình ắc quy.

Ổ cắm phụ kiện (24V)

V



Có thể sử dụng ổ cắm phụ kiện khi công tắc khởi động ở vị trí "ACC" hoặc "ON".

Dùng ổ cắm phụ kiện để cấp điện cho các phụ kiện ô tô hiện có bán trên thị trường, v.v. Tháo nắp để sử dụng.

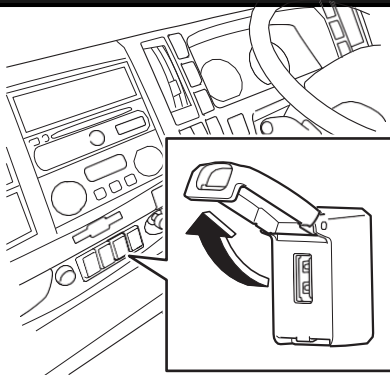
**CẢNH BÁO**

- Tải tối đa trong ngưỡng cho phép của ổ cắm phụ kiện là 120W (5A). Nếu bạn để ổ cắm phụ kiện chịu quá tải cho phép, hệ thống dây điện có thể bị quá nhiệt và gây ra hỏa hoạn. Sử dụng ổ cắm phụ kiện trong mức tải cho phép.
- Nguồn điện cho ổ cắm phụ kiện là 24V. Nếu kết nối thiết bị điện không phải 24V, sự cố do quá nhiệt hoặc cháy nổ có thể xảy ra.
- Luôn cắm hết cỡ phích cắm của thiết bị điện vào ổ cắm phụ kiện. Sử dụng thiết bị điện khi chưa cắm hết cỡ phích cắm có thể gây ra hiện tượng sinh nhiệt bất thường và làm nổ cầu chì của xe.
- Không cắm núm mỗi thuốc vào ổ cắm phụ kiện. Điều này có thể sinh nhiệt.

**KHUYẾN CÁO**

- Sử dụng ổ cắm phụ kiện trong thời gian dài khi động cơ đang dừng sẽ làm cạn bình ắc quy.
- Khi không sử dụng, luôn đóng nắp lại. Nếu vật chất lạ xâm nhập vào ổ cắm phụ kiện, hoặc nếu nước hoặc đồ uống tiếp xúc với ổ cắm phụ kiện, ổ cắm có thể bị hỏng. Ngoài ra, không cho ngón tay hoặc bất kỳ vật thể kim loại nào vào ổ cắm phụ kiện.
- Phần bên trong của ổ cắm phụ kiện có thể bị biến dạng tùy vào kích thước của phích cắm được dùng, do đó, không cố nhét phích cắm vào ổ cắm phụ kiện. Trong trường hợp này, hãy thay thế ổ cắm phụ kiện.
- Khi tra hoặc rút phích cắm của thiết bị điện, hãy tắt thiết bị điện hoặc đặt Công tắc khởi động vào vị trí "LOCK".

Ổ cắm USB



Có thể sử dụng ổ cắm USB khi công tắc khởi động ở vị trí "ACC" hoặc "ON".

Ổ cắm điện được sử dụng để vận hành hoặc sạc các thiết bị di động hoặc thiết bị điện tử tương thích. Tham khảo hướng dẫn sử dụng của chủ sở hữu các sản phẩm đó trước khi sử dụng. Mở nắp để sử dụng. Đóng nắp khi không sử dụng.



CHÚ Ý

- Đảm bảo cáp USB, thiết bị di động và thiết bị điện tử được kết nối không ảnh hưởng đến hoạt động của xe.

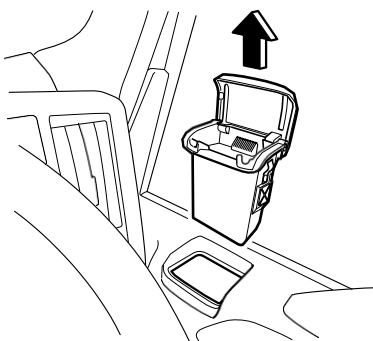


KHUYẾN CÁO

- Có thể sử dụng cổng USB loại A với ổ cắm điện. Không cố gắng cắm các loại thiết bị đầu cuối USB khác.
- Định mức tối đa cho ổ cắm điện là 5,0 V/2,4 A. Trước khi sử dụng, hãy kiểm tra để đảm bảo thiết bị bạn sử dụng tương thích bằng cách xem hướng dẫn sử dụng của chủ sở hữu, v.v.
- Chỉ sử dụng làm đầu tải điện ra, không phải để truyền dữ liệu (bao gồm cả dữ liệu video và nhạc).
- Sau khi sạc xong, nhanh chóng ngắt kết nối tất cả thiết bị di động và thiết bị điện tử.
- Không kết nối bộ chia USB. Điều này có thể gây hư hỏng.
- Không đồ chất lỏng vào ổ cắm điện, không cố nhét kim loại hoặc các vật lạ khác vào ổ cắm điện. Điều này có thể gây giật điện hoặc hư hỏng.
- Khi sử dụng trong thời gian dài khi động cơ dừng, thận trọng vì bình ắc quy có thể hết điện.
- Không kết nối thiết bị hoặc sản phẩm bị hỏng.
- Hư hỏng đối với thiết bị hoặc sản phẩm được kết nối cũng như bất kỳ thiệt hại hoặc dữ liệu mất mát nào cũng sẽ không được bảo hành.
- Khi sử dụng cáp USB, đảm bảo chân của bạn không bị vướng vào dây cáp.

Gạt tàn ☐**CẢNH BÁO**

- Sau khi sử dụng gạt tàn, luôn đóng gạt tàn lại. Nếu tàn thuốc chưa tắt hoàn toàn, tàn thuốc khác trong gạt tàn có thể bắt lửa.
- Không để gạt tàn đầy tàn thuốc.
- Chỉ cho diêm và tàn thuốc vào gạt tàn sau khi đã dập tắt hoàn toàn.
- Tuyệt đối không ném tàn thuốc cháy ra ngoài cửa sổ. Hành động này không chỉ làm bẩn đường và khu vực xung quanh mà còn có thể gây ra hỏa hoạn.

Gạt tàn của tài xế và hành khách

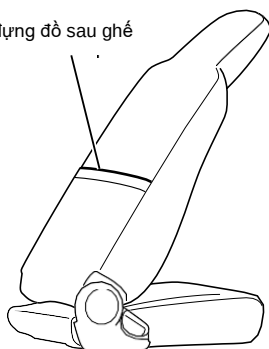
Mở nắp để sử dụng.

Dập diêm thuốc đang cháy trên thanh dập thuốc. Để đổ gạt tàn, giữ nắp, kéo gạt tàn lên và lấy ra.

Túi đựng đồ sau ghế (phía tài xế)

Dùng để lưu trữ các vật dụng như giấy tờ đăng ký xe hoặc sổ tay hướng dẫn của chủ sở hữu.

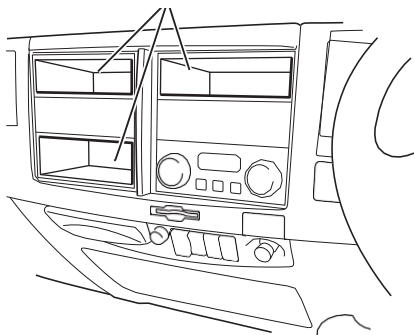
Túi đựng đồ sau ghế



Túi đựng đồ cỡ nhỏ

Ngăn đựng

Dùng để đựng đồ vật nhỏ.

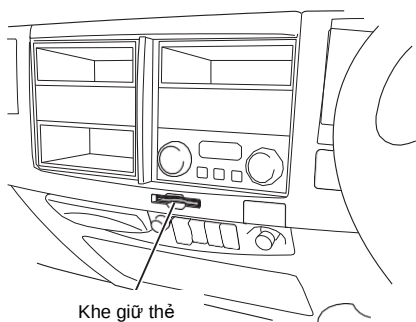


CHÚ Ý

- Không để kính mắt hoặc bật lửa trong cabin. Bật lửa có thể phát nổ và mất kính hoặc gọng kính nhựa có thể bị biến dạng hoặc nứt vỡ nếu nhiệt độ bên trong trở nên quá nóng.

Khe giữ thẻ

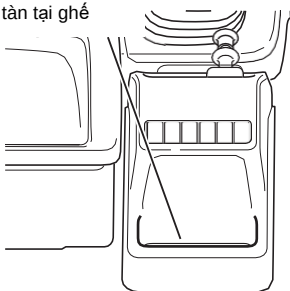
Dùng để giữ thẻ.



Khe giữ thẻ

Gạt tàn tại ghế ☐

Gạt tàn tại ghế



Dùng để đựng đồ vật nhỏ.

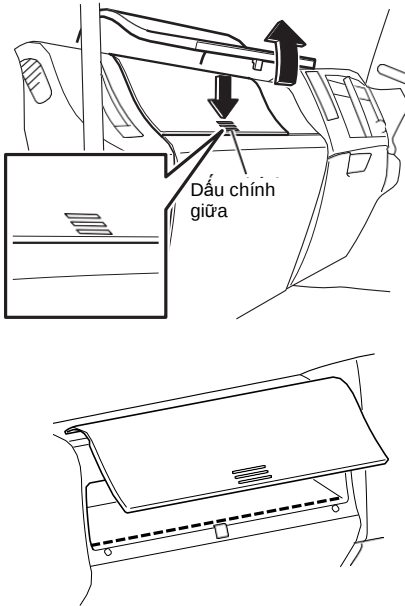


CHÚ Ý

- Không để kính mắt hoặc bật lửa trong xe. Nếu để trong xe, bật lửa có thể phát nổ, mất kính và gọng kính nhựa có thể bị biến dạng hoặc nứt vỡ.

Ngăn đựng đồ có nắp

V



Nhấn vào dấu chính giữa để khóa và mở khóa nắp.



CHÚ Ý

- Để đảm bảo an toàn, hãy đóng nắp hộp đựng đồ khi lái xe. Bạn có thể bị thương tích từ việc mở nắp hoặc từ các vật dụng được cất trong hộp đựng đồ.
- Nắp hộp đựng đồ sẽ tự động mở khi được mở khóa. Không để mặt hoặc đầu gần nắp.
- Không để kính mắt hoặc bật lửa trong xe. Bật lửa có thể phát nổ và mắt kính hoặc gọng kính nhựa có thể bị biến dạng hoặc nứt vỡ nếu nhiệt độ bên trong trở nên quá nóng.
- Khi đóng nắp ngăn đựng đồ, không được để các đồ vật bên trong vượt qua vạch như trong hình minh họa. Nắp ngăn đựng đồ có thể bị vỡ nếu được đóng lại khi các đồ vật bên trong vượt qua vạch và lộ ra khỏi hộp.
- Với những giấy tờ cỡ lớn như giấy đăng ký xe hoặc sổ tay hướng dẫn sử dụng của chủ sở hữu không cất vừa ngăn đựng đồ, hãy cất vào túi ở phía sau ghế tài xế hoặc trong hộp đựng đồ trung tâm, ngăn để đồ bên trên hoặc các vị trí khác.

Túi đựng đồ sau ghế (phía tài xế)

→ Tham khảo trang 5-21

Ngăn đựng đồ không có nắp

V



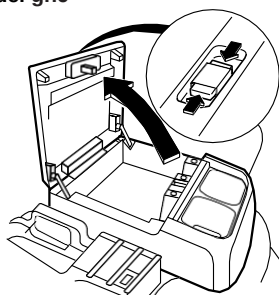
THẬN TRỌNG

- Không đặt ly hoặc đồ vật tương tự đựng nước.
- Không đặt bất cứ vật gì cản trở tầm nhìn.
- Không đặt bất cứ vật gì có thể rơi khi nâng cabin.

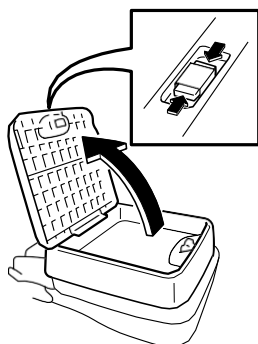
Hộc chứa đồ trung tâm

V

2-model ghế



3-model ghế



Vặn núm trên nắp để mở. Dùng để đựng đồ vật nhỏ.

Giá giữ ly có ở phần trước của hộc đựng đồ trung tâm.



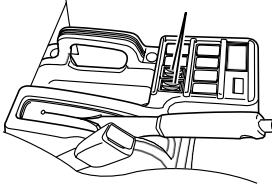
CHÚ Ý

- Không để kính mắt hoặc bật lửa trong cabin. Bật lửa có thể phát nổ và mắt kính hoặc gọng kính nhựa có thể bị biến dạng hoặc nứt vỡ nếu nhiệt độ bên trong trở nên quá nóng.

Khay đựng tiền



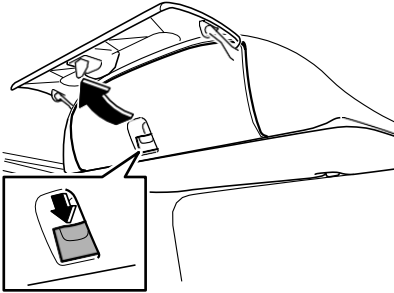
Khay đựng tiền xu



Sử dụng ngăn đựng tiền xu để giữ tiền xu và các đồ vật nhỏ khác.

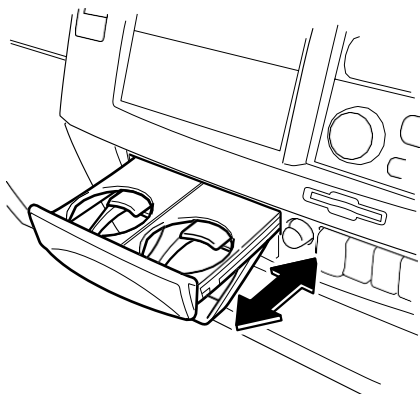
Ngăn để đồ bên trên

Nhấn giữ nút trên nắp để mở. Dùng để đựng đồ vật nhỏ.



CHÚ Ý

- Không để kính mắt hoặc bật lửa trong cabin. Nếu cabin nóng lên, bật lửa ở đó có thể phát nổ và trông kính hoặc gọng kính bằng nhựa có thể bị biến dạng hoặc nứt.

Giá giữ ly 

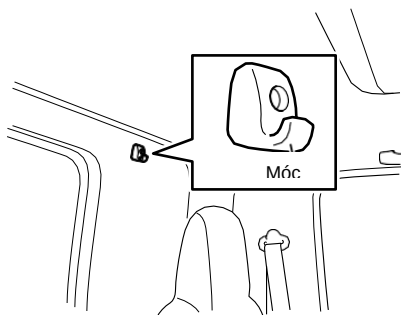
Kéo về phía bạn để mở.

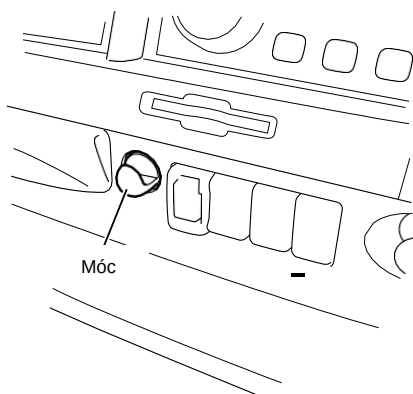
**CHÚ Ý**

- Không đặt ly quá đầy vào giá giữ ly. Nước có thể tràn ra, làm hỏng radio hoặc các mạch điện khác. Nếu nước tràn đổ, hãy lau sạch ngay lập tức bằng khăn khô.
- Không nâng cabin khi có ly đầy trên giá giữ ly.
Giá giữ ly có thể bị gãy nếu trọng lượng trên mỗi giá vượt quá 0,75 kg (26 oz).

Móc treo áo

Dùng để treo quần áo.



Móc

Có thể sử dụng móc treo áo để treo túi nilon đựng hàng hóa.

**CHÚ Ý**

- Không treo bất kỳ vật gì có trọng lượng trên 3 kg (106 oz) lên móc để tránh rơi ra khi lái xe. Điều này có thể gây nguy hiểm.

Mẹo vận hành Radio và Máy phát đĩa CD**CHÚ Ý**

- Chỉ sử dụng radio hoặc máy phát đĩa CD khi xe đứng yên. Vận hành các thiết bị này khi xe đang di chuyển có thể gây ra tai nạn.
- Điều chỉnh âm lượng sao cho bạn có thể nghe thấy âm thanh bên ngoài xe. Nếu không thể nghe thấy âm thanh bên ngoài, bạn sẽ khó tránh tai nạn hơn.
- Không lắp ăng ten của thiết bị radio gần ăngten radio của xe. Điều này có thể gây nhiễu ngoài ý muốn cho radio hoặc khi phát đĩa CD.

**KHUYẾN CÁO**

- Không sử dụng máy phát đĩa CD radio trong thời gian dài khi động cơ đã dừng. Điều này có thể làm cạn bình ắc quy.
- Cẩn thận để tránh làm đổ chất lỏng, v.v. vào radio hoặc máy phát đĩa CD.
- Không tháo dỡ hoặc tra nhốt vào radio hoặc máy phát đĩa CD.

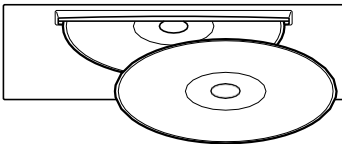
Vận hành máy phát đĩa CD**KHUYẾN CÁO**

- Chức năng phát lại có thể không hoạt động do điều kiện ghi hoặc đặc điểm của đĩa, xước đĩa, bụi bẩn hoặc hư hỏng.

Chỉ những đĩa CD có nhãn dưới đây mới có thể được sử dụng.



Trong trường hợp CD-R và CD-RW có các nhãn bên dưới, chức năng phát lại có thể không hoạt động do điều kiện ghi hoặc đặc điểm của đĩa, xước đĩa, bụi bẩn hoặc hư hỏng. Ngoài ra, tình trạng của đĩa có thể khiến thiết bị quá nhiệt hoặc vỡ.

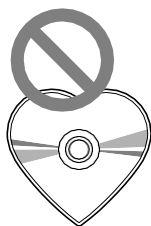
**KHUYẾN CÁO**

- Không lắp các vật không phải đĩa CD vào khe đĩa CD hoặc lắp nhiều đĩa CD vào cùng một lúc.

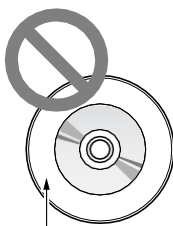


KHUYẾN CÁO

- Không sử dụng nước tẩy rửa kính.
- Vào những ngày trời lạnh hoặc mưa, hơi nước có thể ngưng tụ trong máy phát đĩa CD, cản trở hoạt động bình thường. Trong trường hợp này, lấy đĩa CD ra và sử dụng hệ thống điều hòa không khí để hút ẩm hoặc thông gió trong cabin một thời gian trước khi lắp lại đĩa CD.
- Lái xe trên đường gồ ghề, nhiều rung lắc có thể khiến đĩa CD bị trượt.
- Sử dụng benzen, chất làm sạch đĩa than hoặc dung dịch chống tĩnh điện có thể làm hỏng đĩa CD. Nếu đĩa CD bị bẩn, hãy lau bằng khăn mềm ẩm để loại bỏ bụi bẩn và sau đó lau lại bằng khăn khô để thấm hết nước.
Lau đĩa CD từ trung tâm ra rìa.
- Đĩa CD dễ bị hỏng do nhiệt, vì vậy, không đặt đĩa CD dưới ánh nắng trực tiếp hoặc gần cửa gió trong quá trình sử dụng.
- Không để đĩa CD bên trong máy phát đĩa CD hoặc lắp lưng chừng trong thời gian dài. Điều này có thể làm xước đĩa CD, khiến bạn không thể sử dụng được nữa.
- Không sử dụng bất kỳ đĩa CD nào có mô tả dưới đây, nếu không, đĩa CD đó có thể gây hỏng hóc.
 - Đĩa CD có hình dạng đặc biệt như hình trái tim hoặc hình bát giác
 - Đầu chuyển đổi hoặc đĩa CD có các đặc tính đặc biệt, như Đĩa kép và đĩa in phun.
 - Đĩa CD có phần trong suốt hoặc nửa trong suốt ở mặt ghi.
 - Đĩa CD bị cong hoặc xước
 - Đĩa CD có dấu hoặc nhãn cá nhân, hoặc đĩa CD dính vết keo do bóc dấu hoặc nhãn ra.
 - Đĩa CD có tính năng bảo vệ chống sao chép.



Hình dạng đặc

Phần trong suốt
hoặc nửa trong suốt

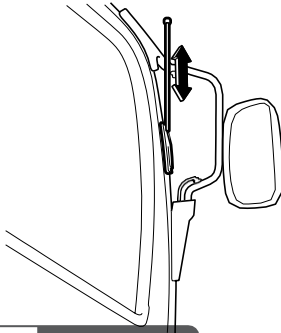
Cong hoặc xước



Dấu hoặc nhãn

Ăng ten

Kéo ăng ten ra hết cỡ khi sử dụng.

**KHUYẾN CÁO**

- Để tránh làm gãy ăng ten, rút ngắn ăng-ten khi đi qua những nơi có tầm nhìn hạn chế hoặc qua bãi rác.

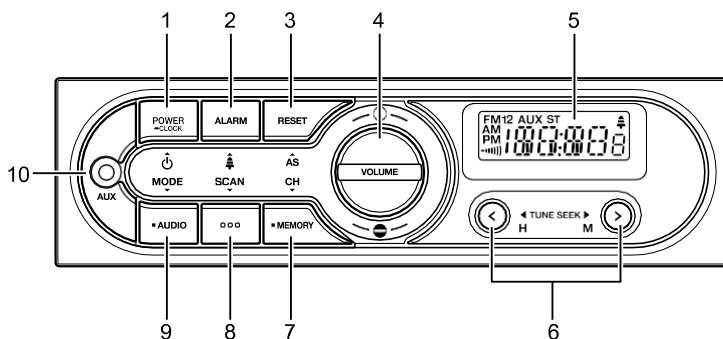
**LƯU Ý**

[Thu sóng radio]

- So với tín hiệu AM, tín hiệu FM có chất lượng tốt hơn và tương thích với phát sóng âm thanh nổi. Tuy nhiên, do bản chất của tín hiệu FM, trong điều kiện thu sóng từ xe đang di chuyển, chất lượng tín hiệu có thể ổn định.
 - Tính trực tiếp của truyền tín hiệu FM
Vì tín hiệu FM có tính định hướng mạnh hơn tín hiệu AM nên chúng dễ bị chặn bởi các vật thể lớn như núi và tòa nhà. Vùng thu sóng cũng hẹp hơn nhiều so với tín hiệu AM.
 - Mất âm thanh
Tín hiệu FM dễ bị bật lại bởi vật thể, vì vậy, khi lái xe qua các khu vực đô thị, âm thanh có thể bị ngắt quãng hoặc bị nhiễu do tạp âm.
 - Méo âm thanh
Thu đồng thời tín hiệu trực tiếp từ trạm phát radio và tín hiệu dội lại từ các tòa nhà có thể gây ngắt quãng hoặc nhiễu tiếng ồn.

Radio AM/FM V

Có thể sử dụng Radio AM/FM khi công tắc khởi động ở vị trí "ACC" hoặc "ON". Chỉ có thể sử dụng báo thức ở vị trí "LOCK".



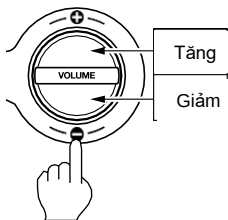
STT	Tên
1	Nút nguồn (POWER) Nút điều chỉnh thời gian (CLOCK)
2	Nút báo thức (ALARM)
3	Nút đặt lại/Tự động lưu trữ
4	Nút âm lượng (VOLUME)
5	Màn hình

STT	Tên
6	Các nút dò
7	Nút bộ nhớ/kênh (MEMORY/CH)
8	Nút quét (SCAN)
9	Nút âm thanh/chế độ (AUDIO/MODE)
10	Đầu vào phụ (AUX)

Bảng điều khiển

**Bật nguồn**

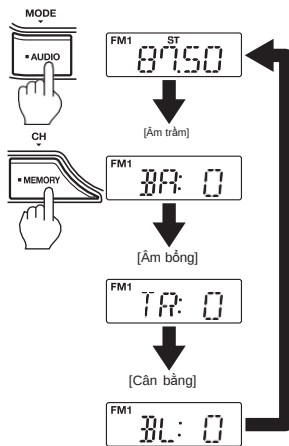
Nhấn "POWER" để bật nguồn. Nhấn lần nữa để tắt.

**Điều chỉnh âm lượng**

Âm lượng sẽ tăng/giảm 1 nấc mỗi khi nhấn nút "+" hoặc "-". Có thể điều chỉnh âm lượng bằng cách nhấn giữ một trong hai nút đó trong 1 giây trở lên. Âm lượng có cài đặt trong khoảng từ 0 đến 31.

**KHUYẾN CÁO**

- Bật hoặc tắt nguồn khi âm lượng được đặt ở mức tối đa sẽ ảnh hưởng xấu đến thiết bị và thính giác của bạn. Đặt âm lượng ở mức vừa phải.

**Điều chỉnh Tone/Cân bằng** Nhấn giữ

nút "AUDIO/MODE" trong 2 giây trở lên đến khi nghe thấy "bíp" để vào chế độ điều chỉnh tông/cân bằng. Mỗi lần nhấn nút "MEMORY/CH", chế độ điều chỉnh sẽ chuyển qua Điều chỉnh âm trầm (BA), Điều chỉnh âm bổng (TR), Điều chỉnh cân bằng trái-phải (BL), sau đó quay lại chế độ đầu tiên (hủy chế độ điều chỉnh tông/cân bằng).

Mỗi lần nhấn nút dò "<" dưới 0,5 giây, cài đặt của chế độ điều chỉnh hiện tại sẽ được chỉnh 1 nấc. Nhấn giữ nút dò ">" trong 0,5 giây trở lên để chỉnh cài đặt liên tục.

Có thể điều chỉnh âm trầm (BA) và âm bổng (TR) trong phạm vi từ -5 đến +5. Có thể điều chỉnh cân bằng (BL) trong phạm vi từ trái (L) 5 đến phải (R) 5.

Vận hành radio

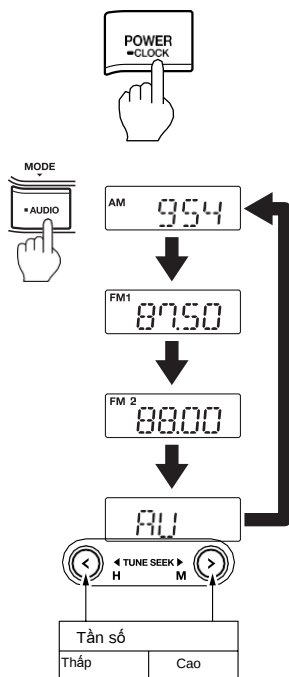
Chọn một trạm phát

1. Nhấn "POWER" để bật radio.

2. Nhấn nút "AUDIO/MODE" dưới 2 giây để chọn băng tần. Mỗi lần nhấn nút, băng tần sẽ chuyển qua AM, FM1, FM2 và AUX.

3. Chọn kênh radio thủ công bằng cách nhấn các nút dò "<" và ">" dưới 0,5 giây. Tần số sẽ thay đổi 9 kHz (AM) hoặc 0,05 MHz (FM) mỗi lần nhấn các nút này.

Kiểm tra các điều chỉnh trên màn hình. Có thể thực hiện điều dò tìm (chọn kênh tự động) bằng cách nhấn các nút dò "<" và ">" trong hơn 0,5 giây.

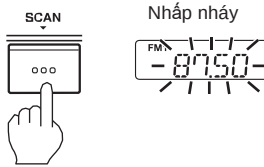


LƯU Ý

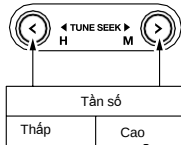
- Khi chỉnh tần số hiển thị đến tần số cao nhất (1.629 kHz đối với AM, 108.00 MHz đối với FM) bằng nút dò hướng lên, tần số sẽ trở về tần số thấp nhất (531 kHz đối với AM, 87.50 MHz đối với FM). Khi chỉnh đến tần số thấp nhất bằng nút dò hướng xuống, tần số sẽ trở về tần số cao nhất.
- Màn hình sẽ hiển thị "ST" khi radio đang thu sóng từ trạm phát sóng âm thanh nổi.
- Lập trình trước các trạm radio ưa thích của bạn vào các nút cài đặt sẵn để sử dụng thuận tiện trong quá trình lái xe.

Dò quét (Dò tự động)

1. Nhấn nút "AUDIO/MODE" để chọn băng tần.
2. Nhấn nút "SCAN" sẽ bắt đầu dò quét tự động hướng lên qua các tần số. Nếu radio dò đến một trạm có thể thu sóng, radio sẽ thu sóng từ trạm đó trong 5 giây trước khi radio bắt đầu dò quét lần nữa. Nếu nhấn nút "SCAN" trong quá trình dò quét tự động, quá trình này sẽ bị hủy và radio sẽ tiếp tục thu sóng từ kênh đã dò lần gần nhất.

**LƯU Ý**

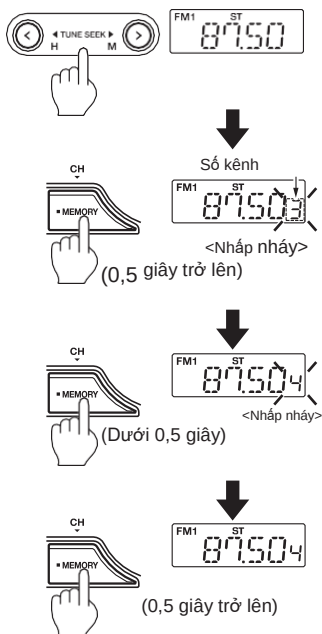
- Nếu không thể sử dụng tính năng dò tự động do tín hiệu yếu, hãy dò tới kênh mong muốn bằng cách thủ công.

**Dò tìm**

Nhấn giữ các nút dò "<" và ">" trong hơn 0,5 giây để bắt đầu dò tìm (bạn sẽ nghe thấy một tiếng bíp). Radio sẽ dừng lại ở bất kỳ trạm nào có thể thu sóng. Nếu không có trạm nào thu được sóng, radio sẽ dò từ tần số cao nhất đến tần số thấp nhất hoặc ngược lại.

**LƯU Ý**

- Chọn kênh thủ công nếu việc thu sóng kém cản trở chức năng dò tìm.



Bộ nhớ cài sẵn

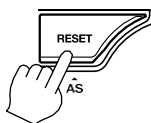
Có thể lưu tối đa 6 trạm phát radio vào các kênh ở mỗi băng tần AM, FM1 và FM2.

1. Chọn trạm phát radio bạn muốn thiết lập.
2. Nhấn giữ nút "MEMORY/CH" trong ít nhất 0,5 giây cho đến khi nghe thấy tiếng "bíp" để vào chế độ bộ nhớ cài sẵn.
3. Mỗi lần nhấn nút "MEMORY/CH" dưới 0,5 giây, số kênh sẽ chuyển qua các kênh từ "1" đến "6". Chọn số kênh để cài sẵn (lưu trong bộ nhớ).
4. Nhấn giữ nút "MEMORY/CH" trong ít nhất 0,5 giây. Khi bạn nghe thấy "bíp", trạm radio đã được cài thành công cho số kênh đã chọn.



LƯU Ý

- Khi khả năng bắt sóng từ các trạm radio cài sẵn kém, bạn có thể sử dụng chức năng lưu trữ tự động. Chức năng này cho phép 6 trạm mà radio có thể bắt sóng tốt nhất trong khu vực bạn đang ở, được cài tự động cho các kênh từ "1" đến "6" với trạm có tần số thấp nhất được cài cho kênh 1.
- Các trạm radio trong bộ nhớ sẽ bị xóa khi ngắt nguồn điện, ví dụ như khi thay bình ắc quy. Cài đặt lại các trạm phát radio.
- Chức năng lưu trữ tự động rất hữu ích khi khả năng bắt sóng từ các trạm được lưu kém.



Chức năng lưu trữ tự động

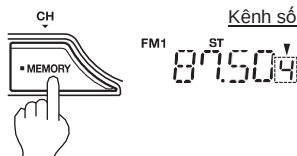
Chức năng lưu trữ tự động chọn 6 trạm phát radio trong khu vực có tín hiệu mạnh nhất và lưu vào bộ nhớ, sắp xếp chúng theo thứ tự tần số tăng dần.

1. Nhấn giữ nút lưu trữ tự động "RESET/AS" trong ít nhất 2 giây (bạn sẽ nghe thấy một tiếng bíp). Lúc này, radio sẽ bắt đầu lựa chọn trạm trong băng tần được chọn hiện tại (AM, FM1 hoặc FM2).
2. Các trạm radio sẽ tự động được lưu trong bộ nhớ vào các kênh từ "1" đến "6" theo thứ tự tần số tăng dần. Khi radio lưu trữ vào bộ nhớ xong, radio sẽ phát ra tiếng bíp. Quá trình tìm kiếm bằng cách quét tần số sẽ kết thúc sau một chu kỳ.



LƯU Ý

- Tùy vào điều kiện bất sóng, các trạm radio có thể sẽ không được lưu trữ trong tất cả các kênh từ "1" đến "6", nhưng đây không phải là dấu hiệu của sự cố.
- Khi sử dụng chức năng lưu trữ tự động, bộ nhớ cài sẵn cho băng tần đã chọn sẽ bị xóa.

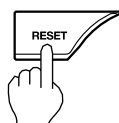
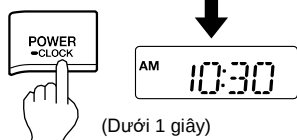
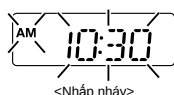
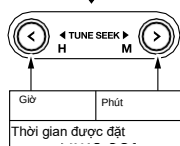
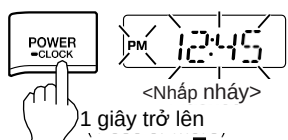


Chức năng dò cài sẵn

Chức năng này dò trạm phát radio được lưu từ trước trong bộ nhớ bằng cách sử dụng bộ nhớ cài sẵn hoặc chức năng lưu trữ tự động.

Trong quá trình bắt sóng radio, nhấn nút kênh "MEMORY/CH" dưới 0,5 giây. Mỗi lần nhấn nút này, màn hình sẽ chuyển qua các kênh được cài sẵn từ "1" đến "6". Chọn trạm radio bạn muốn nghe. Tần số và số kênh sẽ hiện trên màn hình.

Đặt thời gian



Điều chỉnh thời gian

Có thể điều chỉnh thời gian bất kể nút nguồn radio ở vị trí là "ON" hay "OFF".

1. Nhấn giữ nút điều chỉnh thời gian "CLOCK" trong 1 giây trở lên đến khi bạn nghe thấy tiếng "bíp" để vào chế độ điều chỉnh thời gian. (Khi nguồn radio ở trạng thái "OFF", bạn sẽ không nghe thấy "bíp".)
2. Nhấn nút dò (nút "<" điều chỉnh giờ (H); nút ">" điều chỉnh phút (M)) dưới 0,5 giây khi chế độ điều chỉnh thời gian đang hoạt động để tăng cài đặt lên 1 nấc. Nhấn giữ nút điều chỉnh trong 0,5 giây trở lên để tăng cài đặt liên tục.
3. Sau khi điều chỉnh xong, nhấn nút điều chỉnh thời gian "CLOCK" (dưới 1 giây).



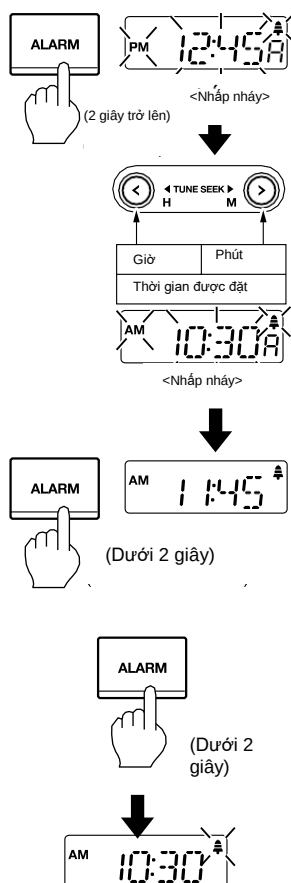
LƯU Ý

- Khi nguồn điện radio bị gián đoạn và được kết nối lại, ví dụ như khi thay bình ắc quy, chỉ báo thời gian trên màn hình sẽ hiển thị AM1:00 cho đến khi đồng hồ được cài đặt.
- Ngay cả khi "M" được điều chỉnh từ 59 thành 00, chỉ số "H" sẽ không tăng.

Cài đặt Đồng hồ theo Tín hiệu thời gian

Nhấn nút "RESET" dưới 2 giây trong khi chế độ điều chỉnh thời gian đang hoạt động để đặt lại giây và thoát khỏi chế độ điều chỉnh thời gian. Nhấn nút này khi cài đặt đồng hồ theo tín hiệu thời gian.

Sử dụng báo thức

**Đặt báo thức**

Báo thức có thể được BẬT/TẮT bất kể nguồn điện radio ở trạng thái "ON" hay "OFF".

1. Nhấn giữ nút "ALARM" trong 2 giây trở lên cho đến khi nghe thấy tiếng "bíp" để vào chế độ cài báo thức. (Khi nguồn radio ở trạng thái "OFF", bạn sẽ không nghe thấy "bíp".) Chỉ báo thời gian và biểu tượng "🔔" nhấp nháy trên màn hình.
2. Nhấn nút dò (nút "<" điều chỉnh giờ (H); nút ">" điều chỉnh phút (M)) dưới 0,5 giây để tăng cài đặt từng nấc cho đến thời gian mong muốn. Nhấn giữ nút điều chỉnh trong 0,5 giây trở lên để tăng cài đặt liên tục.
3. Sau khi điều chỉnh xong, nhấn nút "ALARM" dưới 2 giây. Màn hình sẽ trở về chỉ báo thời gian và quá trình điều chỉnh đã hoàn tất.

BẬT/TẮT báo thức

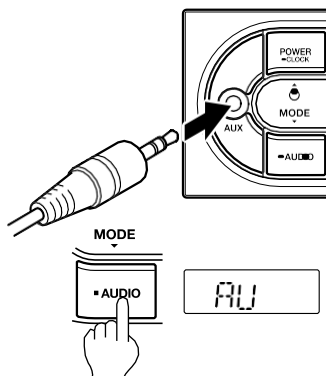
Có thể BẬT/TẮT báo thức bất kể nguồn điện radio ở trạng thái "ON" hay "OFF".

Nhấn nút "ALARM" (dưới 2 giây) để BẬT/TẮT báo thức. Khi báo thức ở trạng thái "ON", biểu tượng "🔔" sẽ xuất hiện trên màn hình và âm báo sẽ kêu khi đến thời gian đã đặt.

Để dừng báo thức, nhấn nút bất kỳ.

**LƯU Ý**

- Để hủy báo thức, nhấn nút "ALARM". Đảm bảo biểu tượng "🔔" không còn hiển thị trên màn hình.
- Nếu bạn không sử dụng xe trong thời gian dài, hãy hủy báo thức.

Kết nối thiết bị phụ

Bạn có thể kết nối máy phát nhạc di động hoặc thiết bị khác được bán trên thị trường có đầu vào phụ (AUX) và nghe nhạc.

1. Kết nối máy phát nhạc di động có đầu vào phụ (AUX) bằng dây cắm mini stereo 3,5 mm được bán trên thị trường.
2. Nhấn nút "AUDIO/MODE" dưới 2 giây để chọn chế độ AUX. "AU" sẽ xuất hiện trên màn hình.
3. Vận hành máy phát nhạc di động được kết nối để phát nhạc.

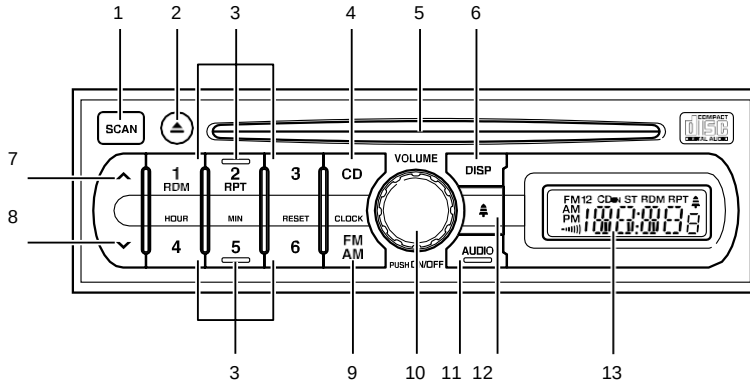
**LƯU Ý**

- Không thể điều khiển radio bằng máy phát nhạc di động.

Máy phát đĩa CD (kèm radio AM/FM)



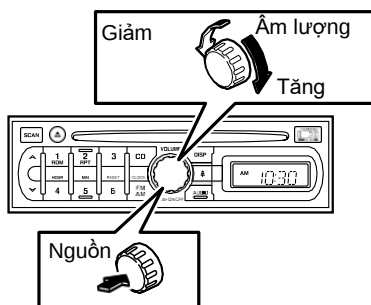
Có thể sử dụng máy phát đĩa CD khi công tắc khởi động ở vị trí "ACC" hoặc "ON".



ST	Tên
1	Nút quét
2	Nút đẩy ra
3	Nút cài sẵn
4	Nút CD
5	Khe cắm đĩa CD
6	Nút hiển thị
7	Nút dò

ST	Tên
8	Nút dò
9	Nút AM/FM (Nút bộ chọn băng tần/điều chỉnh đồng hồ)
10	Nút nguồn/Nút điều chỉnh âm lượng
11	Nút âm thanh
12	Nút báo thức
13	Bảng hiển thị

Bảng điều khiển

**Bật nguồn**

Nhấn "Nút nguồn" để bật nguồn. Nhấn lần nữa để tắt nguồn.

Điều chỉnh âm lượng

Xoay "Núm điều chỉnh âm lượng" để điều chỉnh âm lượng.

Xoay núm sang phải để tăng âm lượng và sang trái để giảm âm lượng.

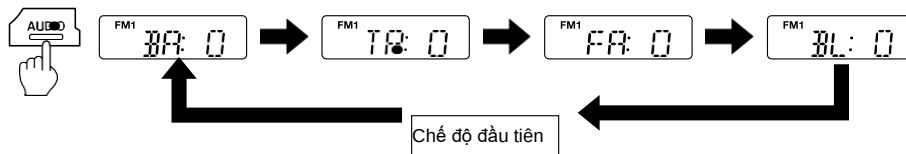
**KHUYẾN CÁO**

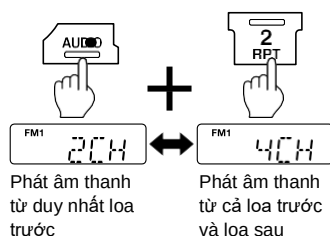
- Bật hoặc tắt nguồn khi âm lượng được đặt ở mức tối đa sẽ làm hỏng thiết bị và thính giác của bạn. Đặt âm lượng ở mức vừa phải.

Điều chỉnh tone/cân bằng

Mỗi lần nhấn nút "AUDIO", chế độ điều chỉnh sẽ chuyển qua lần lượt các tùy chọn Điều chỉnh âm trầm (BA), Điều chỉnh âm bổng (TR), Điều chỉnh âm lượng nhỏ dẫn trước-sau (FA), Điều chỉnh cân bằng trái-phải (BL), sau đó quay lại chế độ đầu tiên (hủy chế độ điều chỉnh).

Sử dụng nút dò "▲ ▼" để điều chỉnh tới cài đặt mong muốn. Điều chỉnh âm lượng nhỏ dẫn trước-sau (FA) sẽ không hoạt động khi bạn chọn hệ thống loa 2 kênh.





Lựa chọn cấu hình loa Nhấn nút cài sẵn "2/RPT" đồng thời nhấn nút "AUDIO". Bạn sẽ nghe thấy tiếng "bíp" và cấu hình loa sẽ chuyển qua lại giữa hệ thống 2 kênh và 4 kênh.

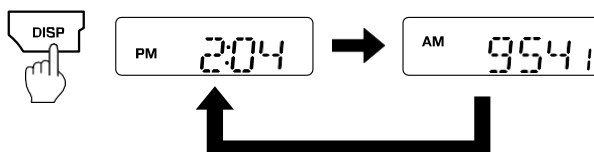


LƯU Ý

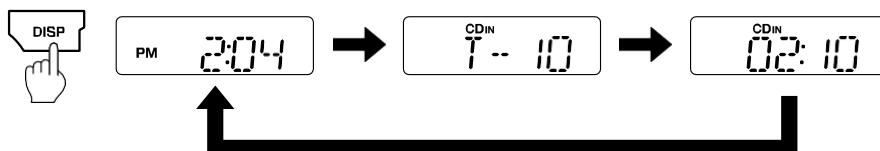
- Cấu hình loa CD sẽ đổi thành hệ thống 4 kênh (cài đặt mặc định) khi ngắt kết nối bình ắc quy. Nếu đã chọn hệ thống loa 2 kênh, hãy cài đặt lại cấu hình.

Lựa chọn hiển thị

Khi bạn nghe radio, màn hình sẽ thay đổi để hiển thị "thời gian", "tần số", và tiếp tục hiển thị "thời gian" mỗi khi bạn nhấn nút "DISP".



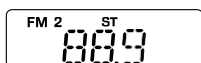
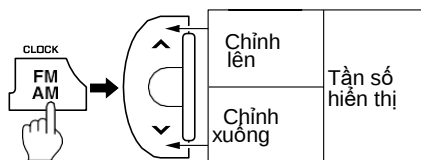
Khi bạn nghe đĩa CD, màn hình sẽ thay đổi để hiển thị "thời gian", "số bài nhạc CD", và tiếp tục hiển thị "thời gian phát" mỗi khi bạn nhấn nút "DISP".



LƯU Ý

- Màn hình hiển thị tần số, số bài nhạc CD hoặc thời gian phát sẽ đổi về màn hình hiển thị thời gian sau 5 giây.

Nghé radio



Dò

1. Nhấn "Công tắt nguồn" hoặc nút AM/FM/CLOCK" để bật nguồn.
2. Nhấn nút AM/FM "AM/FM/CLOCK" để chọn băng tần. Mỗi lần nhấn nút AM/FM, băng tần sẽ chuyển qua lại giữa FM1, FM2 và AM.
3. Mỗi lần nhấn nút dò "▲▼" (dưới 0,5 giây), tần số sẽ thay đổi 1 nấc (dò thủ công).
Xem màn hình để điều chỉnh.

Nhấn giữ nút dò "▲▼" (trong 0,5 giây trở lên) để bắt đầu dò quét (dò tự động).



LƯU Ý

- Khi tần số hiển thị đạt cao nhất, radio sẽ trở về tần số thấp nhất. Khi dò đến tần số thấp nhất, radio sẽ trở lại tần số cao nhất.
- Khi radio chuyển sang dò trạm phát sóng âm thanh nổi, "ST" sẽ hiển thị trên màn hình.
- Thiết lập sẵn các trạm radio ưa thích của bạn vào các nút cài đặt sẵn để sử dụng thuận tiện trong quá trình lái xe.

Tần số thu

AM	FM
531 - 1.629 kHz (bước 9 kHz)	87.5 - 108 MHz (bước 0.1 MHz)

Dò quét (Dò tự động)

1. Nhấn nút AM/FM "AM/FM/CLOCK" để chọn băng tần.

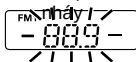
2. Nhấn nút "SCAN" sẽ bắt đầu dò quét tự động hướng lên qua các tần số. Nếu radio dò đến một trạm có thể bắt sóng, radio sẽ bắt sóng từ trạm đó trong 5 giây trước khi radio bắt đầu dò quét lần nữa.

Nếu nhấn nút "SCAN" trong quá trình dò quét tự động, quá trình này sẽ bị hủy và radio sẽ tiếp tục bắt sóng từ kênh đã dò lần gần nhất.

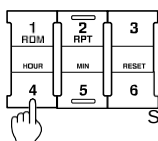
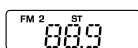
Nút SCAN



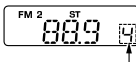
Nhấn

**LƯU Ý**

- Nếu không thể sử dụng tính năng dò tự động do tín hiệu yếu, hãy dò tới kênh mong muốn bằng cách thủ công.



Số thứ tự bộ nhớ cài sẵn

**Nút cài sẵn**

Có thể thiết lập tối đa 6 trạm (từ "1" đến "6") vào các nút cài sẵn cho mỗi băng tần FM1, FM2 và AM.

1. Dò radio đến đài trạm muốn lưu trong bộ nhớ.

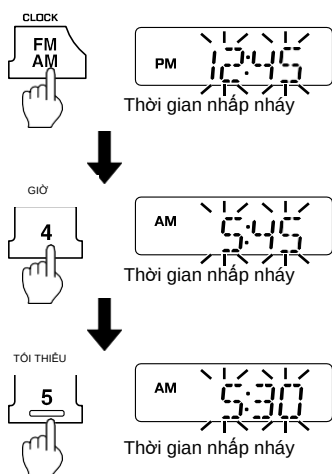
2. Nhấn giữ nút cài sẵn bạn muốn (từ "1" đến "6") trong 2 giây trở lên. Khi bạn nghe thấy tiếng "bíp", trạm đã được lưu thành công trong bộ nhớ.

Để nghe trạm cài sẵn, nhấn nhẹ nút cài sẵn phù hợp (từ "1" đến "6") dưới 2 giây.

**LƯU Ý**

- Các trạm phát radio trong bộ nhớ sẽ bị xóa khi nguồn điện bị ngắt để thay bình ắc quy hoặc cầu chì.

Đặt thời gian



Điều chỉnh thời gian

Nhấn giữ nút AM/FM "AM/FM/CLOCK" trong 2 giây trở lên để vào hoặc thoát chế độ điều chỉnh thời gian.

Khi bật chế độ điều chỉnh thời gian, bạn sẽ nghe thấy tiếng "bíp" và màn hình hiển thị thời gian sẽ nhấp nháy.

Cài đặt giờ

Điều chỉnh giờ bằng cách nhấn vào nút cài sẵn "4/HOUR" dưới 2 giây. Nhấn giữ nút cài sẵn "4/HOUR" trong 2 giây trở lên để tăng giờ liên tục.

Cài đặt phút

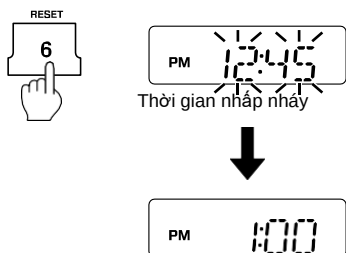
Điều chỉnh phút bằng cách nhấn vào nút cài sẵn "5/MIN" dưới 2 giây. Nhấn giữ nút "5/MIN" trong 2 giây trở lên để tăng phút liên tục.

Sau khi cài đặt phút, nhấn nút AM/FM "AM/FM/CLOCK" dưới 2 giây để cài đặt thời gian (màn hình sẽ ngừng nhấp nháy). (Ngoài ra, nếu không nhấn bất kỳ nút nào trong 15 giây, màn hình sẽ ngừng nhấp nháy và thời gian sẽ được cài đặt thành thời gian hiển thị hiện tại.)



LƯU Ý

- Nếu quá trình điều chỉnh thời gian bị tạm dừng trong 15 giây trở lên, chế độ điều chỉnh thời gian sẽ bị hủy. Thực hiện lại quá trình này từ đầu.
- Màn hình hiển thị thời gian sẽ nhấp nháy khi nguồn điện bị ngắt và kết nối lại sau đó do thay bình ắc quy hoặc cầu chì. Màn hình sẽ dừng nhấp nháy khi thời gian được cài đặt lại.



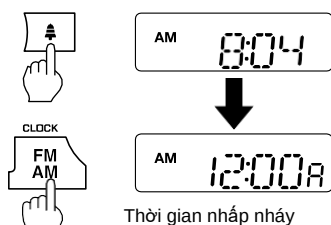
Cài đặt đồng hồ theo tín hiệu thời gian

Nhấn nút cài sẵn "6/RESET" khi đang trong chế độ điều chỉnh thời gian để cài đặt thời gian theo giờ gần nhất.

Nếu số phút nhỏ hơn 30, giờ sẽ không thay đổi. Nếu số phút từ 30 trở lên, giờ sẽ tăng thêm một giờ.

Ví dụ: 12:00 CH – 12:29 CH → 12:00 CH
12:30 CH – 12:59 CH → 01:00 SA

Sử dụng báo thức



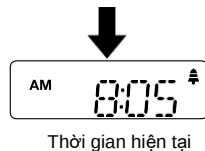
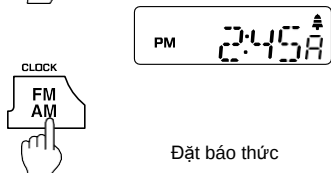
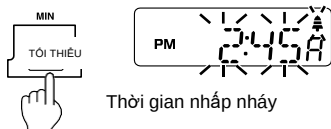
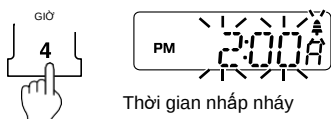
Đặt báo thức

1. Nhấn nút báo thức "🔔" dưới 2 giây để hiển thị thời gian báo thức trên màn hình ("A" hiển thị trên màn hình).



LƯU Ý

- Mỗi lần nhấn nút báo thức "🔔", màn hình sẽ hiển thị xoay vòng theo thứ tự "tần số, số bài nhạc CD, thời gian phát, thời gian trong ngày", "thời gian báo thức" và "thời gian trong ngày".
 - Nếu cài đặt báo thức bị bỏ qua trong 5 giây, màn hình sẽ trở về thời gian trong ngày.
2. Nhấn giữ nút AM/FM "AM/FM/CLOCK" trong 2 giây trở lên đến khi bạn nghe thấy tiếng "bíp", màn hình sẽ nhấp nháy và chuyển sang chế độ điều chỉnh thời gian ("🔔" hiển thị trên màn hình).



3. Điều chỉnh giờ bằng cách nhấn nút cài sẵn "4/HOUR" dưới 2 giây.

Nhấn giữ nút cài sẵn "4/HOUR" trong 2 giây trở lên để tăng giờ liên tục.

4. Điều chỉnh phút bằng cách nhấn vào nút cài sẵn "5/MIN" dưới 2 giây.

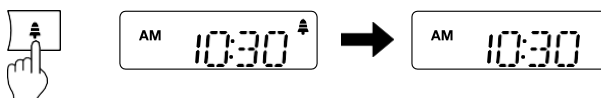
Nhấn giữ nút cài sẵn "5/MIN" trong 2 giây trở lên để tăng phút liên tục.

5. Nhấn nút AM/FM "AM/FM/CLOCK" dưới 2 giây, màn hình sẽ trở về thời gian trong ngày và "⏰" hiển thị ở trên cùng bên phải màn hình để báo hiệu rằng báo thức đã được đặt.

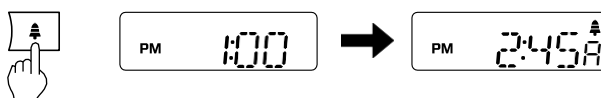
Bật/tắt báo thức

Nhấn giữ nút "⏰" trong 2 giây trở lên cho đến lát nghe thấy tiếng "bíp" để BẬT/TẮT báo thức.

Tắt nguồn

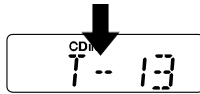
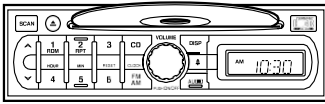


Bật nguồn



**LƯU Ý**

- Sau khi đặt báo thức, bạn có thể kiểm tra thời gian đã đặt bằng cách nhấn nút báo thức "  " dưới 2 giây.
- Để hủy báo thức, nhấn nút báo thức "  " trong 2 giây trở lên. Đảm bảo biểu tượng "  " không còn hiển thị trên màn hình.
- Nếu bạn không sử dụng xe trong thời gian dài, hãy hủy báo thức.

Sử dụng máy phát đĩa CD**Phát đĩa CD**

Lắp đĩa CD vào khe cắm CD sao cho mặt có nhãn (mặt in) hướng lên trên. Nguồn sẽ bật và chức năng phát lại sẽ tự động bắt đầu.

Chuyển sang phát lại đĩa CD trong khi nghe radio

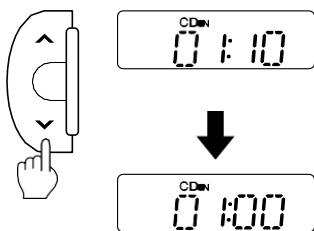
Nhấn nút "CD" khi có đĩa CD bên trong máy phát và quá trình phát lại sẽ tiếp tục từ điểm dừng phát trước đó.

**KHUYẾN CÁO**

- Đảm bảo không có đĩa CD trong máy phát rồi mới đưa đĩa CD vào. Cố gắng dùng lực để lắp đĩa CD có thể làm hỏng đĩa CD hoặc khiến máy phát gặp sự cố.

**LƯU Ý**

- Đặt nhẹ đĩa CD vào máy phát, đĩa sẽ tự động tải.



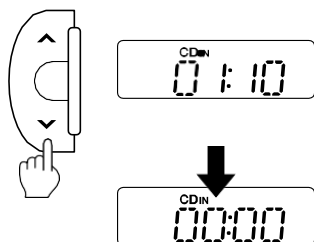
Tua nhanh/Tua ngược nhanh

Nhấn và giữ nút điều chỉnh

"▲▼" trong khi phát lại từ 0,5 giây trở lên để tiến nhanh bản nhạc về phía trước hoặc phía sau.

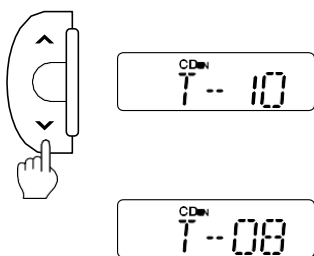
▲: Tua nhanh

▼: Tua ngược nhanh



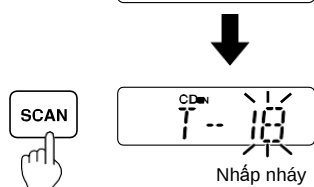
Phát lại cùng một bài nhạc

Nhấn nút dò "▼" dưới 0,5 giây để bắt đầu phát lại từ đầu bài nhạc hiện tại.



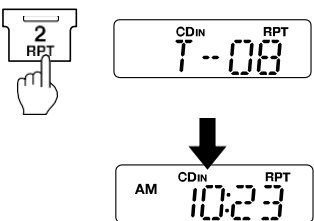
Lựa chọn bài nhạc

Nhấn nút dò dưới 0,5 giây "▲▼" để chọn số bài nhạc mong muốn.



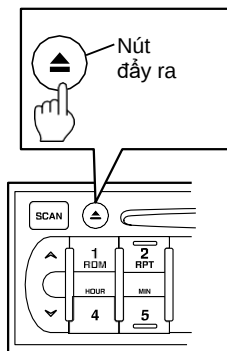
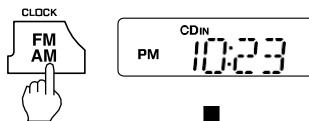
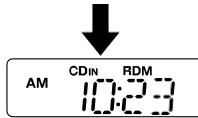
Tìm bài nhạc

Nhấn nút "SCAN" trong khi đang phát lại để phát 10 giây đầu tiên của mỗi bài nhạc, bắt đầu từ bài nhạc tiếp theo. Nhấn lại nút này để hủy quá trình tìm kiếm bài nhạc.



Lặp lại bài nhạc phát lại

Nhấn nút cài sẵn "2/RPT" trong khi đang phát lại để lặp lại cùng một bài nhạc được phát lại. Nhấn nút này lần nữa để hủy lặp lại bài nhạc phát lại.



Phát lại ngẫu nhiên

Nhấn nút cài sẵn "1/RDM" trong khi đang phát lại để phát các bài nhạc CD theo thứ tự ngẫu nhiên. Nhấn nút này lần nữa để hủy phát lại ngẫu nhiên.

Dừng phát lại đĩa CD

Nhấn nút AM/FM "AM/FM/CLOCK" trong khi đang phát đĩa CD để dừng phát đĩa CD và nghe radio.

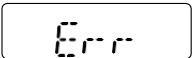
Lấy đĩa CD ra

Nhấn nút đẩy ra " ▲ " để dừng phát và lấy đĩa CD ra.



LƯU Ý

- Nếu không thao tác gì với đĩa CD trong 15 giây sau khi đẩy ra, đĩa CD sẽ tự động được thu trở lại máy phát để bảo vệ đĩa CD. Trong trường hợp này, đĩa CD sẽ không được phát lại.

**Nếu "Err" xuất hiện trên màn hình**

Nếu xảy ra sự cố với đĩa CD trong khi phát lại, lỗi "Err" sẽ xuất hiện trên màn hình.

Nguyên nhân	Giải pháp
Đĩa CD được lắp ngược	Lắp đĩa CD vào sao cho mặt có nhãn (in) hướng lên trên
Đĩa CD bị xước, cong hoặc bẩn	Thay bằng đĩa CD khác
Đĩa CD không có nhạc được lắp vào	Thay bằng đĩa CD có nhạc

MẸO VẬN HÀNH AN TOÀN VÀ ÊM ÁI

6

• Lái xe an toàn và tự tin	6-2
• Trên đường	6-2
• Lái xe với rơ-móc	6-15
• Lưu ý khi đỗ xe	6-18
• Những lưu ý khi lái xe ở khu vực nóng và trong mùa nóng	6-19
• Những lưu ý khi lái xe ở khu vực lạnh và trong mùa lạnh	6-20
• Sử dụng xích bọc lốp	6-25

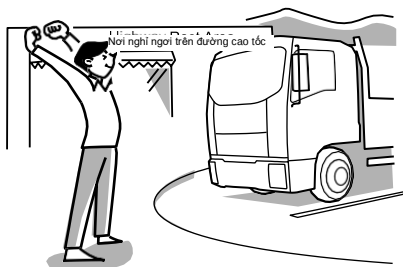
Lái xe an toàn và tự tin

Nghỉ ngơi đầy đủ



Nếu bạn lái xe khi mệt mỏi, bạn sẽ buồn ngủ và mất tập trung. Hãy nghỉ ngơi đầy đủ trước khi lái xe.

Chèn thời gian giải lao vào những chuyến đi



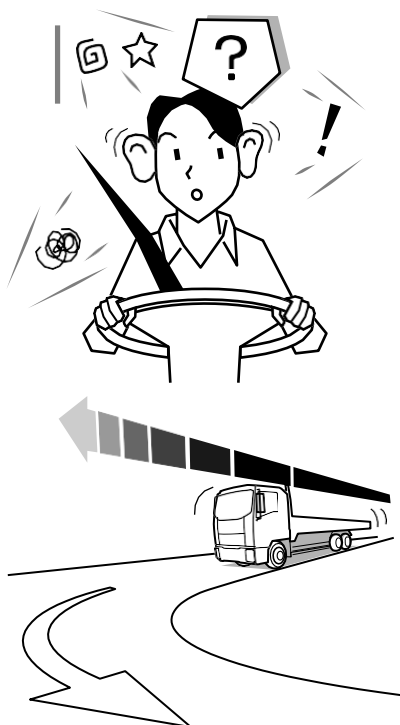
Lái xe đường dài sẽ gây mệt mỏi. Thành thạo, hãy nghỉ ngơi.

Trên đường

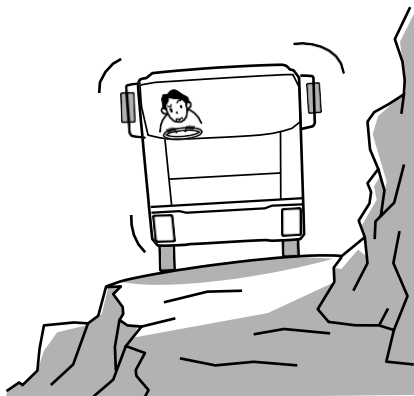
Những lưu ý khi lái xe



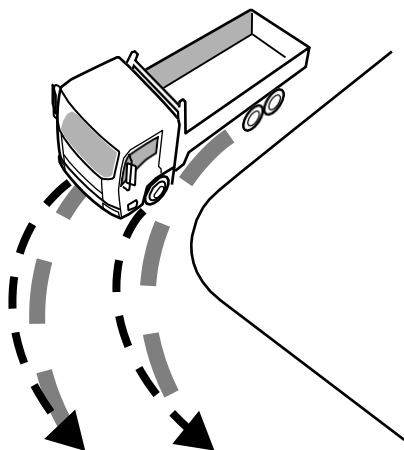
- Tập trung để lái xe an toàn, tuân thủ mọi giới hạn tốc độ quy định của pháp luật, các biển báo và tín hiệu giao thông.
- Không để công tắc khởi động ở bất kỳ vị trí nào khác ngoài "ON" khi lái xe. Hệ thống trợ lực lái sẽ ngừng hoạt động, khiến bạn điều khiển vô lăng rất khó khăn. Ngoài ra, hệ thống phanh sẽ không hoạt động hiệu quả, gây nguy hiểm khôn lường.



- Nếu phát hiện ra bất kỳ tiếng ồn, mùi hoặc rung lắc bất thường nào từ các bộ phận của xe, ngay lập tức dừng xe ở nơi an toàn và thực hiện kiểm tra.
- Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc âm báo vang lên khi xe đang chạy, ngay lập tức dừng xe ở nơi an toàn và thực hiện kiểm tra.
- Không để chân lên bàn đạp ly hợp trừ trường hợp sử dụng cần sang số. Để chân lên bàn đạp ly hợp có thể làm mòn ly hợp sớm.
- Giảm tốc độ vừa đủ khi đến gần khúc cua. Đạp phanh hoặc bẻ lái gấp khi rẽ vào khúc cua có thể khiến hàng hóa bị xô lệch hoặc rơi đổ, lốp xe bị trượt và xe bị lật nghiêng.
- Khi lái xe, không đặt tay lên cần sang số trừ khi chuyển số. Làm như vậy có thể làm hộp số bị lỗi.
- Tránh để thành lốp cọ vào vỉa hè hoặc lái xe qua những chỗ không bằng phẳng trên mặt đường. Bạn có thể làm hỏng lốp, gây nổ lốp và thùng lốp.

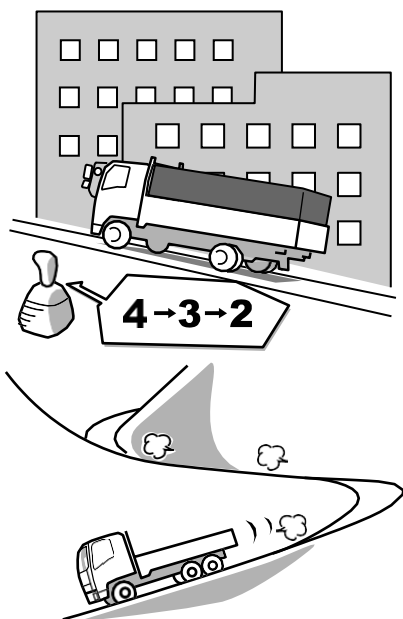
**Đường hẹp hoặc đường tắc**

Chú ý chướng ngại vật ở hai bên đường và tình trạng lề đường khi đi qua hoặc vượt qua phương tiện khác trên đường núi hẹp, đường đô thị hẹp hoặc bị tắc.

**Khi rẽ, bánh sau sẽ bám sát đường cong hơn bánh trước**

Nhìn gương để xác nhận an toàn.

Lái xe lên dốc hoặc xuống dốc

**Lên dốc**

Về số trước để tránh quá tải cho động cơ.

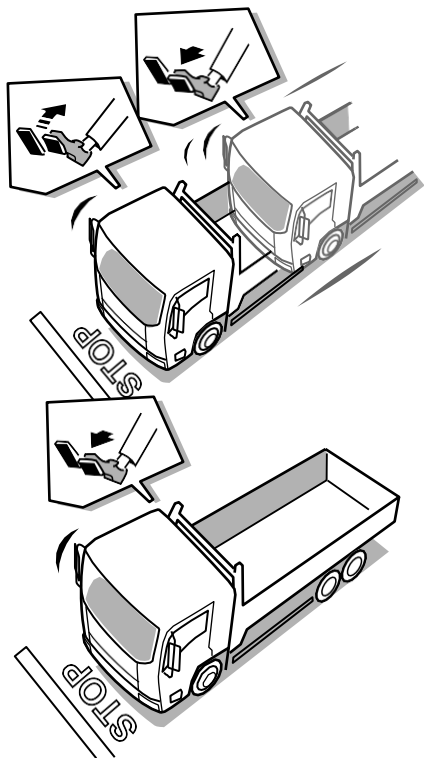
Xuống dốc

- Cần trọng không lái xe quá nhanh khi xuống dốc.
- Sử dụng (các) số tương tự khi lái xe lên dốc. Ngoài ra, sử dụng phanh khí xả để tránh đi quá nhanh.
- Không để động cơ chạy vượt tốc.

**LƯU Ý****[Chạy vượt tốc]**

- Chạy vượt tốc động cơ là sự gia tốc động cơ làm kim đo của đồng hồ tốc độ động cơ nằm trong khu vực đỏ. Điều này rất nguy hiểm vì động cơ có thể bị hỏng.

Phanh



Xe của bạn có phanh khí nén – thủy lực hoặc phanh khí nén toàn phần để tạo lực phanh mạnh, bạn chỉ cần nhấn nhẹ vào bàn đạp phanh. Không nhấn mạnh bàn đạp phanh trừ trường hợp khẩn cấp.

1. Khoảng cách phanh thay đổi tùy theo tốc độ xe và điều kiện đường. Đầu tiên, giảm tốc độ vừa đủ bằng cách sử dụng phanh động cơ và phanh khí xả.
2. Nhấn giữ bàn đạp phanh đến vị trí bạn muốn dừng xe.
3. Nhả bàn đạp phanh.

**THẬN TRỌNG**

- Không nhả hết bàn đạp phanh. Nếu nhả hết bàn đạp phanh thì sẽ có khoảng thời gian trễ ngắn trước khi phanh bắt đầu hoạt động lại vào lần nhấn tiếp theo, nghĩa là có thể tăng khoảng cách dừng.
- Việc thường xuyên nhấn và nhả bàn đạp phanh một cách không cần thiết sẽ làm giảm áp suất không khí của xe, do đó làm giảm hiệu quả phanh.

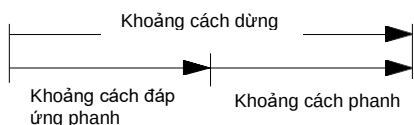
4. Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để xe dừng ngay trước vị trí bạn muốn dừng xe.

**LƯU Ý**

[Phanh khí nén – thủy lực]

- Phanh khí nén – thủy lực sử dụng khí nén để tạo áp suất thủy lực, từ đó sẽ kích hoạt phanh. Do đó các phanh này cung cấp một lực phanh mạnh chỉ với một lực nhấn nhẹ lên bàn đạp.

MỆO VẬN HÀNH AN TOÀN VÀ ÊM ÁI



Khoảng cách dừng

Khoảng cách dừng của xe bao gồm khoảng cách đáp ứng phanh (từ thời điểm tài xế cảm thấy nguy hiểm và nhấn bàn đạp đến thời điểm phanh bắt đầu hoạt động) và khoảng cách phanh (từ thời điểm phanh bắt đầu hoạt động đến vị trí phương tiện dừng).

Luôn chú ý khoảng cách dừng khi lái xe. Duy trì tốc độ và khoảng cách an toàn giữa hai xe cùng chiều cho phép bạn dừng lại an toàn ngay cả khi có nguy hiểm xảy ra.

Duy trì tầm nhìn rõ ràng

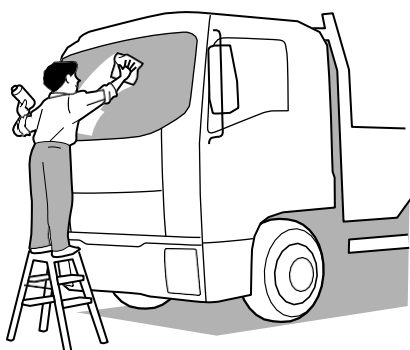


Nếu kính chắn gió động sương

Sử dụng hệ thống sưởi để thổi khí nóng lên kính chắn gió hoặc hút ẩm cabin bằng điều hòa không khí và đặt núm chọn hướng gió

ở vị trí “”, “” hoặc “”.

Đặt cần chọn nguồn gió ở vị trí không khí bên ngoài. Ngoài ra, sử dụng bình xịt chống đọng sương có bán trên thị trường.



Khả năng quan sát ban đêm

Nếu có màng nhớt trên kính chắn gió, đèn của phương tiện giao thông đang tới sẽ bị phản chiếu theo nhiều hướng, khiến bạn khó quan sát phía trước. Dùng nước lau kính để lau kính và các lưới gạt mưa.



LƯU Ý

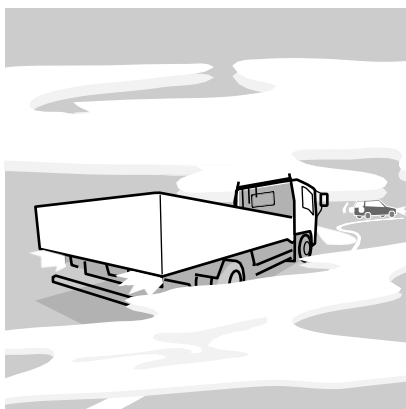
- Các lưới gạt mưa bị mòn không thể lau sạch kính chắn gió và do đó không thể duy trì tầm nhìn rõ ràng. Thay mới khi các lưới gạt mưa bị mòn.

Lái xe ban đêm



Lái xe ban đêm nguy hiểm hơn ban ngày vì tầm nhìn hẹp hơn. Giảm tốc độ và duy trì khoảng cách an toàn rộng.

Lái xe trong sương mù



Bật đèn sương mù và lái chậm, tận dụng tìm đường làm chỉ dẫn. Sẽ rất nguy hiểm nếu chỉ đi theo đèn của xe phía trước vì có thể gây ra ảo ảnh quang học. Lái xe một cách thận trọng.

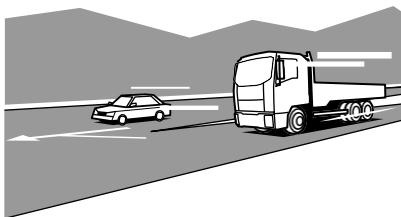
Đường cao tốc

Lốp xe	• Kiểm tra để đảm bảo độ sâu gai lốp dư thừa.
Động cơ	• Kiểm tra để đảm bảo nước làm mát động cơ không bị rò rỉ từ két nước và các bộ phận khác của hệ thống làm mát. • Kiểm tra đảm bảo mức nước làm mát động cơ đủ cao. • Kiểm tra đảm bảo dây đai quạt được căng đúng cách và không bị hư hại. • Kiểm tra đảm bảo mức nhớt động cơ phù hợp.
Bình nhiên liệu	• Kiểm tra đảm bảo mức nhiên liệu đủ cao.

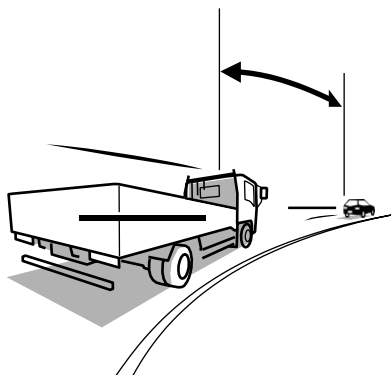
1. Tốc độ trên đường cao tốc cao hơn so với đường thông thường, do đó có nhiều nguy hiểm hơn. Ngoài ra, hư hỏng khi đi trên đường cao tốc gây nguy hiểm cho các phương tiện khác và có thể gây ra tai nạn. Tập trung lái xe an toàn. Nhớ thực hiện kiểm tra trước khi vận hành hằng ngày và áp dụng các kỹ thuật lái xe trên đường cao tốc.

Khi thực hiện kiểm tra trước khi vận hành hằng ngày, đặc biệt kiểm tra cẩn thận các bộ phận trong bảng bên trái.

Kiểm tra hằng ngày (Kiểm tra trước khi vận hành)
→ Tham khảo trang 7-22



2. Khi nhập vào làn đường cao tốc, sử dụng đèn tín hiệu để báo trước ý định chuyển làn của bạn. Tăng tốc độ vừa đủ khi ở làn đường tăng tốc. Chú ý đến các phương tiện phía sau và các điều kiện trên làn đường đang lưu thông. Bạn không cản trở các phương tiện trong làn khi nhập làn theo cách này.



3. Bạn sẽ khó cảm nhận chính xác tốc độ di chuyển khi lái xe trên đường cao tốc. Luôn nhìn đồng hồ tốc độ và duy trì khoảng cách an toàn thích hợp.





4. Khi lái xe tốc độ cao, chỉ cần bẻ lái một chút cũng có thể gây ra chuyển động lớn cho xe. Bẻ lái từng chút một.

5. Việc sử dụng bàn đạp phanh quá mức là cực kỳ nguy hiểm vì điều này nhanh chóng làm mòn bộ phanh và gây trượt phanh. Tận dụng hiệu quả phanh động cơ và phanh khí xả khi bạn muốn giảm tốc.



LƯU Ý

[Trượt phanh]

- Việc sử dụng phanh thường xuyên có thể khiến phanh quá nhiệt, làm giảm lực ma sát của các bề mặt ma sát và phanh hoạt động kém hiệu quả hơn bình thường. Hiện tượng này được gọi là trượt phanh.

6. Khi bạn muốn rẽ vào đường cao tốc, sử dụng đèn tín hiệu để báo trước ý định chuyển làn. Chú ý các phương tiện phía sau, rẽ vào đường cao tốc một cách dứt khoát để không gây cản trở cho các phương tiện khác.

Lái xe trên đường bị tuyết phủ hoặc đóng băng



1. Bạn nên sử dụng xích lốp hoặc lốp mùa đông.
2. Đi số thấp và sử dụng phanh động cơ. Sử dụng bàn đạp phanh ít nhất có thể.



THẬN TRỌNG

- Trên đường trơn trượt, không được tăng tốc nhanh, phanh gấp, giảm tốc nhanh hoặc bẻ lái gấp.
- Có nguy cơ giảm độ bám giữa lốp và mặt đường và tăng khoảng cách phanh.

Mặt đường đóng băng tiềm ẩn rủi ro rất lớn, đặc biệt bề mặt đường trên cầu, những nơi râm mát và có nhiều vũng nước.

Giảm tốc độ và nhớ sử dụng xích lốp hoặc lốp mùa đông khi đi trên mặt đường bị phủ tuyết hoặc đóng băng.



KHUYẾN CÁO

- Với một chiếc xe có hệ thống Smoother, bạn có thể khởi động tại chỗ ở số ba trong chế độ thủ công nếu đã nhấn giữ bàn đạp phanh và di chuyển cần số sang vị trí "+" (lên số)" trước đó.

Sử dụng xích lốp → Tham khảo trang 6-25

Trước khi lái xe ở vùng lạnh

Lên và xuống xe

Bậc lên xuống có thể bị đóng băng ở các vùng lạnh. Cần thận để không bị trượt khi ra vào xe.



Trước khi ngồi vào ghế lái Loại bỏ tuyết và băng trên giày khi lên xe. Nếu bạn cố gắng lái xe trong khi tuyết đọng trên giày, bạn dễ bị trượt trên bàn đạp và không thể nhấn bàn đạp đúng cách, nghĩa là việc lái xe không ổn định. Ngoài ra, trong cabin có thể ẩm hơn, làm cho kính bị đọng sương.

Khởi động động cơ

Khi bạn khởi động động cơ, kiểm tra xem bàn đạp ga có hoạt động trơn tru không.

Kiểm tra mức nhiên liệu

Xe sẽ tiêu thụ nhiều nhiên liệu hơn khi sử dụng xích lốp. Kiểm tra xem có đủ nhiên liệu để đi đến điểm đích không và đổ đầy bình trước.

Nhiên liệu → Tham khảo trang 6-22



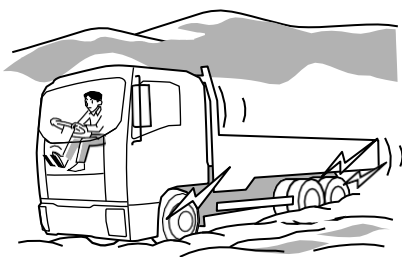
Lái xe trên đường bị tuyết phủ hoặc đóng băng (Tắm chắn bùn)



Chú ý đến cách quay và cảm nhận của vô lăng

**THẬN TRỌNG**

- Trên những con đường phủ tuyết, nước và tuyết văng lên từ lốp xe có thể đóng băng và tích tụ bên trong tắm chắn bùn, làm cho vô lăng khó quay hơn. Thỉnh thoảng, hãy ra khỏi xe và cạo bỏ phần tuyết tích tụ. Không dùng vật sắc nhọn để cạo tuyết. Các cạnh sắc có thể làm hỏng các bộ phận bằng cao su.

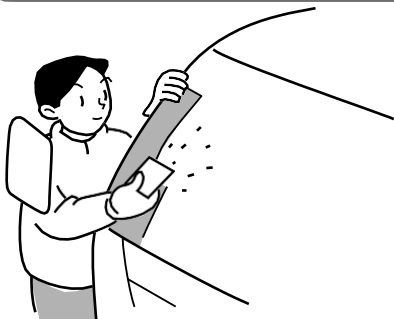


Thỉnh thoảng kiểm tra phanh

**THẬN TRỌNG**

- Băng có thể hình thành trên các phanh khi lái xe hoặc đỗ xe ở bề mặt phủ tuyết, làm giảm hiệu quả của phanh. Thỉnh thoảng khi đang lái xe, nhấn nhẹ bàn đạp phanh và kiểm tra hiệu quả phanh. Chú ý đến các phương tiện phía trước và sau khi kiểm tra phanh theo cách này.
- Ngoài ra, kiểm tra hiệu quả của phanh ngay khi bắt đầu lái sau một khoảng thời gian đỗ xe. Nếu phanh không hoạt động tốt, lái xe từ từ và nhấn nhẹ bàn đạp phanh vài lần cho đến khi phanh khô và bắt đầu hoạt động bình thường.

Loại bỏ tuyết khỏi kính và gầm xe



Để duy trì tầm nhìn đầy đủ, dùng dụng cụ cạo tuyết bằng nhựa để loại bỏ tuyết và sương trên các bề mặt kính. Bạn có thể loại bỏ tuyết và sương mà không làm xước kính khi dùng dụng cụ cạo tuyết bằng nhựa. Lúc này, hãy kiểm tra xem các lưỡi gạt mưa có bị đóng băng vào kính hay không.

Ngoài ra, quan sát gầm xe và loại bỏ bất kỳ cục băng nào dính trên gầm xe. Cần thận trọng tránh làm hỏng các bộ phận.



KHUYẾN CÁO

- Không dùng vật sắc nhọn để cạo tuyết. Các cạnh sắc có thể làm hỏng các bộ phận bằng cao su.

Lái xe trên mặt đường xấu (Cát hoặc bùn)



Nếu xe bị kẹt trong bùn, việc nhấn bàn đạp ga nhiều hơn mức cần thiết chỉ khiến xe lún sâu hơn và khó thoát ra hơn. Đặt đá, cành cây hoặc chèn dưới lốp xe để tăng độ bám đường hoặc liên tục tiến và lùi để tận dụng đà của xe nhằm thoát ra.

Sử dụng xích lốp là một cách hiệu quả để tránh bị kẹt khi phải lái xe qua vùng bùn sâu.



KHUYẾN CÁO

- Khi lái xe trên cát hoặc bùn, tránh phanh gấp, tăng tốc đột ngột và bẻ lái gấp. Các hành động này có thể làm xe bị kẹt và khó thoát ra hơn.
- Sau khi lái xe qua vùng bùn sâu, bất kỳ lượng bùn nào còn dính lên xe đều có thể gây hại cho hệ thống lái, phanh và hệ thống truyền động. Rửa xe và loại bỏ tất cả bùn và các vết cặn bẩn khác.

Bảo dưỡng ngoại thất

→ Tham khảo trang 7-184

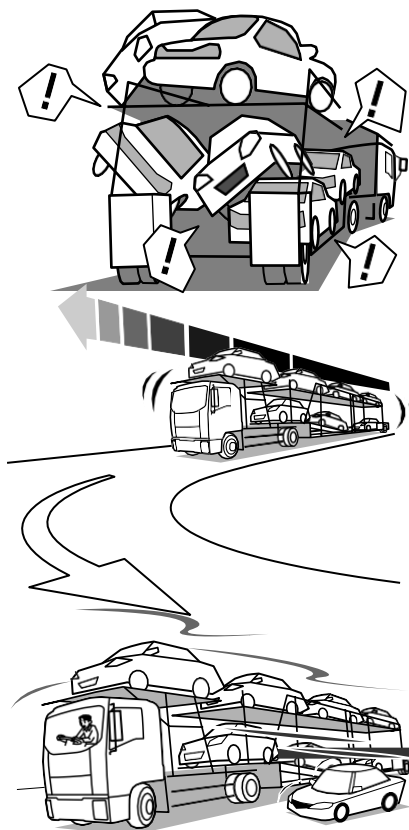
Lái xe có Rơ-moóc

Khi bạn lái xe có rơ-moóc, có những lưu ý đặc biệt ngoài những lưu ý bắt buộc khi lái xe không có rơ-moóc.

Hãy chú ý đến các mục kiểm tra và cách lái xe sau:

Lưu ý khi chất hàng

Sự cân bằng của trọng lượng hàng hóa, chiều cao của trọng tâm hàng hóa và trọng lượng của hàng hóa ảnh hưởng đến các đặc tính xử lý của rơ-moóc, do đó bạn phải lái xe theo cách phù hợp cho hàng hóa. Cố gắng phân bổ hàng hóa đồng đều và chất hàng sao cho trọng tâm của hàng hóa thấp và ở giữa thùng xe.



Không phanh gấp và bẻ lái gấp

Không bẻ lái gấp khi lái xe trên đường trơn trượt, trên những khúc cua (ví dụ đường núi) hoặc trên bề mặt không bằng phẳng hoặc có gờ (ví dụ: mỗi nổi ở mặt cầu hoặc mỗi nổi ở mặt đường). (Đặc biệt không bẻ lái gấp trong khi nhấn phanh.) Lái xe với tốc độ an toàn để phù hợp với các điều kiện.

Lưu ý khi chuyển hướng

Vì chiều dài xe có rơ-moóc dài nên bạn phải cố gắng tránh vượt lên xe khác và chuyển làn.

Nếu bạn phải vượt hoặc chuyển làn, hãy xác nhận xung quanh xe an toàn và có đủ thời gian để thực hiện. Ở những khúc cua hẹp, chú ý đến chuyển động của rơ-moóc, lưu ý rằng các bánh xe bên trong của rơ-moóc sẽ bám đường cong sát hơn nhiều so với các bánh xe khác.



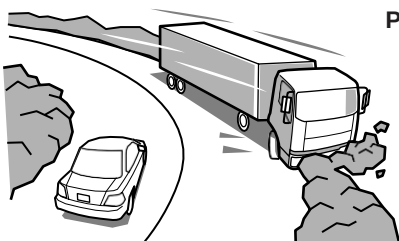
Sử dụng hiệu quả các loại phanh

Sử dụng các loại phanh khác nhau một cách thích hợp để phanh ổn định.

Trên đường trơn trượt và khúc cua, tránh sử dụng chỉ một loại phanh tại một thời điểm. Đặc biệt khi xuống con dốc dài, bạn nên tận dụng hiệu quả phanh động cơ và phanh khí xả, bổ sung phanh chân và phanh tay rơ-moóc (nếu được trang bị) khi cần thiết.

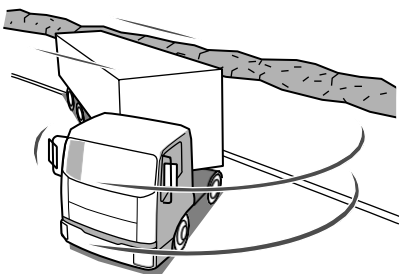
Chuyển động bất thường khi phanh

Đánh lái và phanh gấp, chịu tải kém, bảo dưỡng kém và mặt đường trơn trượt có thể gây ra chuyển động bất thường. Chú ý bảo dưỡng và kiểm tra hàng ngày và luôn tập trung lái xe an toàn.



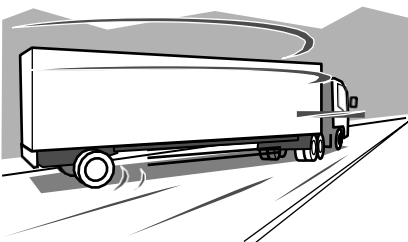
Plow Out (Chệch làn đường)

Trong hình, đầu kéo và rơ-moóc chạy ra khỏi khúc cua và tiếp tục kéo rê trên một đường thẳng. Hiện tượng này có thể xảy ra nếu bánh trước của đầu kéo bị khóa cứng.



Jackknifing (Mất kiểm soát rơ-moóc khi phanh gấp)

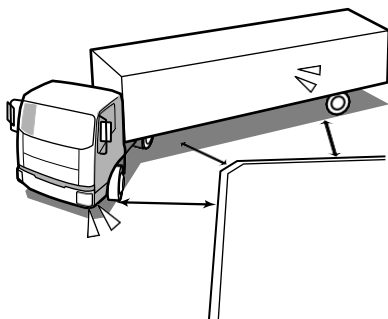
Trong hình, đầu kéo và rơ-moóc "gập lại" như con dao gấp. Hiện tượng này có thể xảy ra nếu bánh sau của đầu kéo bị khóa cứng.



Trailer Swing (Rơ-moóc rung lắc)

Trong hình, rơ-moóc lắc sang bên trái hoặc bên phải. Hiện tượng này có thể xảy ra nếu bánh xe của rơ-moóc bị khóa cứng.

Rẽ khi xe có rơ-moóc



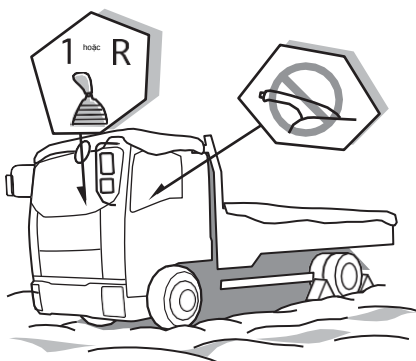
Rẽ khi xe có rơ-moóc nối với đầu kéo, hãy chú ý đến đường mà rơ-moóc bám theo và độ nghiêng của rơ-moóc.

**THẬN TRỌNG**

- Bánh sau của rơ-moóc sẽ chạy sát đến đoạn rẽ của đường hơn. Có thể khó kiểm tra được chuyển động của rơ-moóc qua gương chiếu hậu của đầu kéo. Chú ý khi thực hiện.

Lưu ý khi đỗ xe

Đỗ xe ở vùng lạnh



Khi tuyết bám phủ lên bánh xe và đèn, cố gắng loại bỏ tuyết trước khi đem xuống.



THẬN TRỌNG

- Trường hợp phanh tay có nguy cơ bị đóng băng ở vùng lạnh: Với mẫu phanh tay bánh xe, hãy làm khô bộ phanh và tang trống bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp phanh năm hoặc sáu lần khi đang lái xe ở tốc độ 30 km/h (19 MPH) trước khi dừng xe; và cài phanh tay. Với mẫu phanh tay trung tâm, cài gổ chêm dưới bánh xe sau khi tắt động cơ và đỗ xe không cài phanh tay.
- Đỗ xe khi đang cài số: Nếu xe có hộp số sàn, hãy đặt cần sang số ở vị trí “1” (số 1) hoặc “R” (số lùi). Với model xe có hệ thống Smoother, hãy đảm bảo đèn chỉ báo chuyển số đang hiển thị “1” (số 1) hoặc “R” (số lùi).

Hộp số sàn 9 cấp

Mẫu

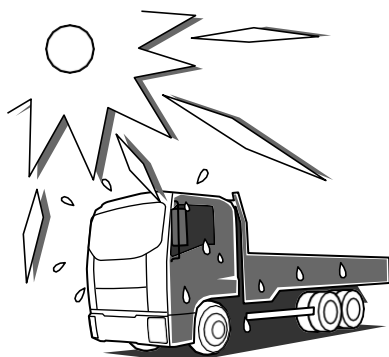


→ Tham khảo trang 4-67



LƯU Ý

- Khi đỗ xe ngoài trời, hãy thực hiện các bước để ngăn động cơ bị lạnh một cách không cần thiết. Ví dụ: đỗ xe ở cuối hướng gió thổi.
- Không đỗ xe dưới tán cây hoặc dưới mái hiên của một tòa nhà. Các tầng băng có thể rơi xuống xe nếu bạn đỗ xe ở chỗ này.
- Nếu bạn đỗ xe khi mẫu hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA) đang cài số, còi cảnh báo sẽ kêu trong khoảng 30 giây. Điều này là bình thường.

Lưu ý khi lái trong vùng và mùa nóng

Động cơ dễ bị quá nhiệt trong môi trường có nhiệt độ cao. Để ngăn động cơ quá nhiệt, hãy chú ý các điểm sau:

Có thể xảy ra hiện tượng quá nhiệt nếu động cơ không có mức nước làm mát thích hợp.

Nước làm mát động cơ → Tham khảo trang 7-39

**THẬN TRỌNG**

- Không đổ nước giếng, nước sông hoặc các loại nước khác vào hệ thống làm mát động cơ. Điều này sẽ đẩy nhanh quá trình hình thành rỉ sét và đóng cặn.

Nếu có ngoại vật (côn trùng, bùn, v.v.) mắc kẹt trong đường dẫn khí của két nước, hiệu suất của hệ thống làm mát sẽ kém đi. Kiểm tra các đường dẫn khí xem có bị tắc nghẽn không và loại bỏ bất kỳ ngoại vật nào bằng cách sử dụng nước có áp suất thấp.

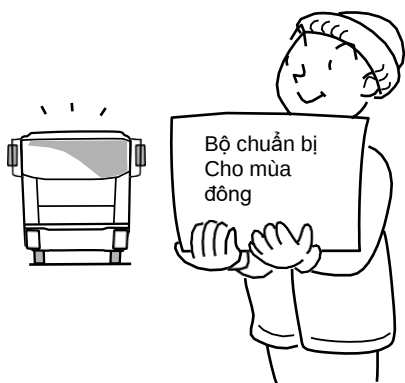
Xử lý két nước và bộ làm mát khí nạp

→ Tham khảo trang 7-52

**KHUYẾN CÁO**

- Ở nhiệt độ môi trường cao, dung dịch trong ắc quy bay hơi nhanh hơn. Thường xuyên kiểm tra mức dung dịch trong ắc quy và bổ sung thêm nếu cần thiết.

Lưu ý khi lái trong vùng và mùa lạnh



Các lưu ý sau được áp dụng cho các vùng có nhiều tuyết và các vùng núi, khu nghỉ mát trượt tuyết và các khu vực khác có nhiệt độ cực thấp và/hoặc có tuyết rơi. Hãy sử dụng các lưu ý này như thông tin tham khảo cho các vùng khác vào mùa đông.

Vì lợi ích của chiếc xe, hãy yêu cầu Đại lý Isuzu thực hiện công tác chuẩn bị cho mùa đông được mô tả bên dưới. Ngoài ra, thực hiện các công tác chuẩn bị này trước khi lái xe đến vùng lạnh.

Nước làm mát động cơ → Tham khảo trang 7-39

Nước rửa kính chắn gió

→ Tham khảo trang 7-164

Xử lý ắc quy

→ Tham khảo trang 7-170

Nhớt động cơ

→ Tham khảo trang 7-28

Sử dụng xích lốp → Tham khảo trang 6-25

Lốp xe mùa đông → Tham khảo trang 6-23



THẬN TRỌNG

- Không để bình, bình cứng hoặc bất kỳ vật liệu dễ cháy nào khác lên mặt trước của két nước để làm tăng nhiệt độ nước làm mát động cơ.
- Nếu động cơ được làm nóng nhưng nhiệt độ nước làm mát động cơ không tăng, hãy yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn kiểm tra van hằng nhiệt.
- Nếu bạn đỗ xe ở nơi có nhiều tuyết rơi, tuyết tích tụ xung quanh xe có thể hạn chế khả năng thông gió. Khởi động động cơ xe trong tình huống như vậy có thể khiến khí thải đi ngược vào cabin, dẫn đến ngộ độc cacbon monoxit. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa như dọn sạch tuyết xung quanh xe.

Nhiên liệu → Tham khảo trang 6-22

Nước làm mát động cơ

Để tránh hư hại động cơ do nước làm mát động cơ bị đóng băng, hãy trộn nước làm mát với nước để có nồng độ thích hợp.

Thay nước làm mát động cơ

→ Tham khảo trang 7-43

Chuẩn bị nước làm mát động cơ

→ Tham khảo trang 7-40

Lưu chất, chất bôi trơn và

nhiên liệu diesel được khuyến dùng → Tham khảo trang 7-208

Thay nhớt động cơ

Nhớt động cơ có xu hướng đặc hơn khi nhiệt độ thấp hơn. Sử dụng nhớt động cơ có độ nhớt phù hợp với nhiệt độ môi trường.

Thay nhớt động cơ và bộ lọc nhớt

→ Tham khảo trang 7-34

Lưu chất, chất bôi trơn và

nhiên liệu diesel được khuyến dùng → Tham khảo trang 7-208

Nhớt động cơ và độ nhớt của nhớt hộp số

Sơ đồ

→ Tham khảo trang 7-213

**CẢNH BÁO**

- Nếu bạn để xe nổ máy, hãy nhớ cài phanh tay để tránh xe lăn bánh đột ngột.

Nhiên liệu



THẬN TRỌNG

- Đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel. Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro IV, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (từ 50 ppm trở xuống) hoặc nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống). Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro V, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống). Nếu bạn sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cao, nhiên liệu kém chất lượng, phụ gia tách nước hoặc các chất phụ gia khác, xăng, kerosene hoặc nhiên liệu gốc cồn, các nhiên liệu này có thể gây hại cho bộ lọc nhiên liệu, ngăn các bộ phận được bôi trơn bằng nhiên liệu trong kim phun vận hành thích hợp và ảnh hưởng xấu đến các bộ phận của động cơ, có thể dẫn đến hỏng hóc. Nếu bạn vô tình đổ nhầm nhiên liệu vào bình, xả hết lượng nhiên liệu đó ra. Khởi động động cơ bằng nhiên liệu đổ nhầm trong bình có thể gây cháy và làm hỏng động cơ.
- Sử dụng nhiên liệu diesel không phải nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp hoặc thấp cho model xe tuân thủ tiêu chuẩn khí thải Euro IV có thể làm cho xe không thỏa mãn các yêu cầu pháp lý của địa phương. Sử dụng nhiên liệu diesel không phải nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp trong model xe tuân thủ tiêu chuẩn khí thải Euro V có thể làm cho xe không tuân thủ các yêu cầu pháp lý của địa phương.
- Từ từ mở nắp châm của bình nhiên liệu. Nếu mở nhanh, nhiên liệu có thể trào ra.

Nhiên liệu có thể bị đóng băng nếu bạn lái xe đến vùng lạnh vào mùa đông trong khi sử dụng nhiên liệu diesel cho những vùng ấm hơn với nhiệt độ đóng băng tương đối cao. Khi nhiệt độ môi trường giảm, nhiên liệu trong bình nhiên liệu và các đường ống có thể bị đóng băng, ví dụ tuyết tan, làm cho động cơ khó khởi động.



LƯU Ý

- Các thông số kỹ thuật của nhiên liệu diesel sẽ khác nhau tùy theo khí hậu và khu vực.
- Khi lái xe đến vùng lạnh, hãy đổ vào bình lượng nhiên liệu vừa đủ để đến vùng lạnh hơn. Ngay sau khi đến, hãy đổ nhiên liệu có nhiệt độ đóng băng thấp vào bình.
- Khi di chuyển xe đến vùng lạnh bằng phà, đưa xe lên phà chỉ với một lượng nhiên liệu tối thiểu trong bình và sau khi đến vùng lạnh, hãy đổ nhiên liệu có nhiệt độ đóng băng thấp vào bình.

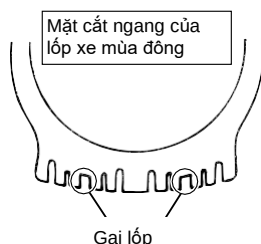
Khi băng cản trở bạn tra chìa khóa hoặc mở cửa



Bạn có thể làm cong chìa khóa nếu dùng sức cắm chìa vào cửa xe. Và nếu cố gắng kéo để mở cửa với lực quá mạnh, gioăng cao su quanh cửa xe có thể bị bung ra hoặc bị hỏng. Đổ nước ấm để làm tan băng, sau đó nhanh chóng lau đi và mở cửa xe.

Nếu cần gạt mưa, gương ngoài chỉnh điện hoặc kính cửa sổ điện bị đóng băng, cũng dùng nước ấm để làm tan băng và sau đó khởi động hệ thống. Nếu không, bạn có thể làm hỏng các bộ phận của xe và làm cạn ắc quy. Sau đó, lau hết nước.

Lốp xe mùa đông



Lốp xe mùa đông đã đạt đến giới hạn mòn khi các rãnh ta-lông bị mòn đến một nửa độ sâu so với lốp mới. Tại thời điểm này, các gai lốp cho thấy lốp không còn có thể hoạt động tốt trên tuyết, có thể nhìn thấy trong các rãnh. Thay lốp mới.



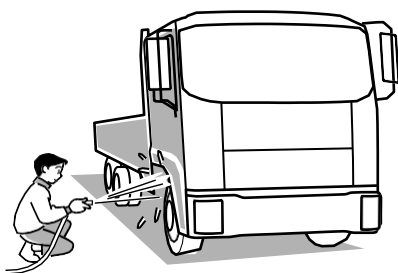
THẬN TRỌNG

- Sử dụng lốp xe mùa đông có cùng kích thước với lốp tiêu chuẩn. Ngoài ra, sử dụng bánh xe cố cùng kích thước với lốp tiêu chuẩn.
- Lốp xe mùa đông có diện tích tiếp xúc rộng hơn nên có thể cản trở các bộ phận khác. Do đó, cần phải điều chỉnh góc lái. Yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn điều chỉnh sau khi lắp lốp xe mùa đông.

THẬN TRỌNG (tiếp)

THẬN TRỌNG (tiếp)

- Tránh bề lái gấp và phanh gấp. Sử dụng phanh động cơ để giảm tốc. Khi sử dụng phanh trên đường bị phủ tuyết hoặc đóng băng, nhấn nhẹ bàn đạp nhiều lần thay vì nhấn mạnh một lần. Nhấn mạnh bàn đạp một lần sẽ rất nguy hiểm vì có thể làm xe bị trượt bánh.
- Nếu bạn sử dụng phanh khí xả trên đường trơn trượt khi xe không tải, việc giảm tốc quá nhanh có thể khiến phần sau của xe bị lệch sang một bên. Chú ý khi thực hiện.
- Tránh lái xe ở tốc độ cao trên đường khô với lốp xe mùa đông.
- Tuân thủ các yêu cầu pháp lý của địa phương khi sử dụng lốp xe mùa đông.

Vệ sinh xe sau khi lái qua đường phủ tuyết**THẬN TRỌNG**

- Loại bỏ tuyết bám bên trong tấm chắn bùn và ống dẫn dầu phanh. Nếu không, tuyết có thể làm hỏng các bộ phận. Sau khi đi qua đường được rải muối, rửa gầm xe sớm nhất có thể để tránh rỉ sét. Phun nước có áp suất thấp là cách hiệu quả để loại bỏ muối.
- Lau khô các khe cửa sau khi rửa xe.

**KHUYẾN CÁO**

- Trên model xe được trang bị hệ thống chống bó phanh (ABS), các cảm biến tốc độ của xe được gắn trên các bánh xe. Khi loại bỏ tuyết, băng và các vết cặn bẩn khác, hãy hết sức cẩn thận để không làm hỏng các bộ phận.
- Không dùng vật sắc nhọn để cạo tuyết. Các cạnh sắc có thể làm hỏng các bộ phận bằng cao su.

Hệ thống chống bó phanh (ABS)

→ Tham khảo trang 4-101

Sử dụng xích lốp

Trước khi mùa đông bắt đầu, hãy chuẩn bị cho việc sử dụng xích lốp bằng cách lắp xích, điều chỉnh độ dài và kiểm tra xem xích có bị hư hỏng hay không.



THẬN TRỌNG

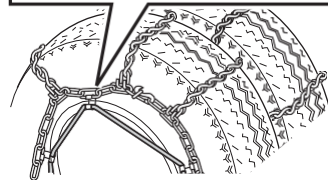
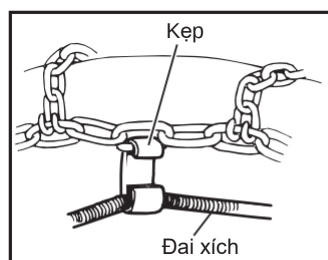
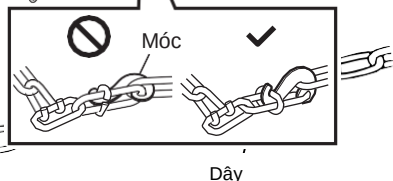
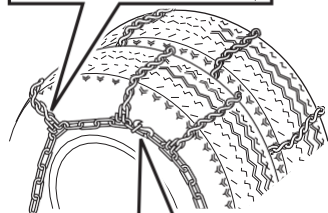
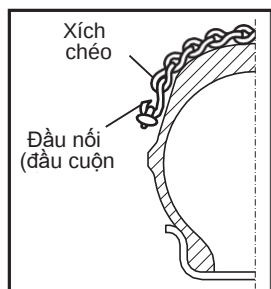
- Lắp xích lốp một cách chắc chắn, không bị lỏng. Nếu xe được lắp xích lốp bị lỏng, các dây xích có thể va vào các bộ phận khác hoặc bị bung ra, dẫn đến tai nạn bất ngờ.
- Nếu nghe thấy âm thanh bất thường, điều đó có thể cho thấy khả năng xích lốp bị đứt hoặc bung ra một phần. Ngay lập tức đỗ vào nơi an toàn và kiểm tra điều kiện nối của xích lốp.
- Ống xả và ống giảm thanh ở nhiệt độ cực cao khi động cơ đang chạy hoặc khi Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD) (đối với các model xe được trang bị DPD) đang làm sạch và ngay sau khi xe chạy, vì vậy hãy cẩn thận không chạm vào các bộ phận này. Ngoài ra, trên các model xe được trang bị DPD, nhiệt độ khí thải sẽ rất cao trong quá trình làm sạch DPD, do đó, không thực hiện bất kỳ thao tác nào.
- Cẩn thận để không làm bản thân bị thương khi chạm vào các cạnh xe trong khi thao tác với xích lốp.



KHUYẾN CÁO

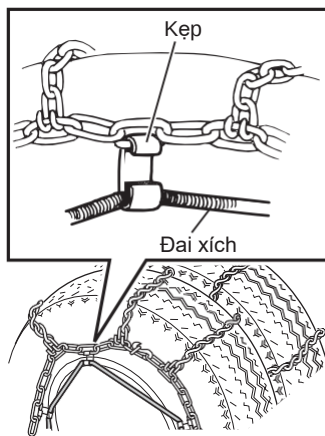
- Không thể lắp xích lốp vào các bánh trước. Đảm bảo lắp xích lốp phù hợp với kích thước lốp ở bánh sau.
- Đối với xích ba, có thể không lắp xích ba tùy theo thông số kỹ thuật của xe, do đó vui lòng hỏi ý kiến Đại lý Isuzu gần nhất.
- Đối với lốp đôi, không lắp xích đơn trên lốp ngoài. Xích có thể va vào các bộ phận khác và gây ra ảnh hưởng bất lợi khi lái xe.
- Các thành của lốp dễ bị hỏng do xích lốp. Đảm bảo sử dụng xích lốp được thiết kế cho lốp bố tròn hoặc sử dụng lốp xe mùa đông.
- Khi mua xích lốp, lắp xích vào lốp một lần và điều chỉnh xích phù hợp với lốp nếu xích quá dài.
- Khi xe được lắp xích lốp, lái xe ở tốc độ 30 km/h (19 MPH) và tránh lái xe trên các bề mặt không phải là đường bị phủ tuyết hoặc đóng băng.
- Để lắp và xử lý xích lốp, tham khảo sổ tay hướng dẫn đi kèm sản phẩm.

Cách lắp xích lốp



1. Đảm bảo xích lốp không bị xoắn, đặt xích lên lốp sao cho đầu được cuộn tròn ở bên ngoài (phía tiếp xúc với mặt đất).
2. Kéo hai đầu của xích lốp ra xa nhất có thể. Ghép các móc bên trong trước, sau đó là các móc bên ngoài.
3. Móc phải được nối sao cho nằm phẳng so với mặt bên của lốp. Ngoài ra, xác nhận xích không bị xoắn hoặc uốn cong.
4. Cố định các phần thừa của xích bằng dây để tránh va vào thân xe hoặc ống phanh.
5. Móc các kẹp vào đai xích (các kẹp hướng ra ngoài) sao cho các kẹp được dàn đều xung quanh đai.
6. Sau khi lắp xích lốp và lái xe một lúc, kiểm tra xem xích có bị lỏng hay bung ra không.

Cách tháo xích lốp



1. Tháo đai xích và dây cố định, tháo móc bên ngoài trước.
2. Di chuyển xe và tháo xích.

BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG

7

TRƯỚC KHI BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG

7-3

KIỂM TRA HẰNG

7-21

**BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG LIÊN
QUAN ĐẾN ĐỘNG CƠ**

7-25

**BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG LIÊN
QUAN ĐẾN KHUNG XE**

7-71

BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG KHÁC

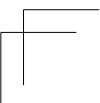
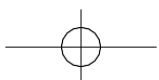
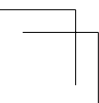
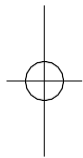
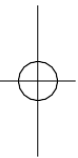
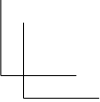
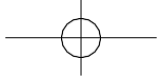
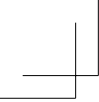
7-159

**BẢO DƯỠNG NỘI THẤT
VÀ NGOẠI THẤT**

7-183

DỮ LIỆU BẢO

7-193



TRƯỚC KHI BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG

• Các biện pháp an toàn để kiểm tra và điều chỉnh	7-4
• Các bộ phận bị loại bỏ, nhớt và các lưu chất khác	7-6
• Nhớt và mỡ chính hãng của Isuzu	7-6
• Dụng cụ	7-7
• Nắp capo	7-8
• Nâng cabin ☐ V	7-10
• Hệ thống nâng cabin điện ☐ V	7-15

Các biện pháp an toàn để kiểm tra và điều chỉnh**CẢNH BÁO**

- Đảm bảo đã tắt động cơ và rút chìa khóa khỏi công tắc khởi động trước khi thực hiện bất kỳ mục kiểm tra nào.
- Kéo mạnh cần phanh tay và đưa hộp số về vị trí số trung gian.
 - Nếu xe của bạn được trang bị hộp số sàn, đảm bảo cần sang số ở vị trí số "N".
 - Nếu xe của bạn được trang bị hệ thống Smoother, đặt cần sang số ở vị trí số "N" và đảm bảo đèn chỉ báo chuyển số hiển thị số "N".
- Chọn nơi có bề mặt cứng và bằng phẳng để thực hiện công việc kiểm tra và bảo dưỡng. Đảm bảo đã chêm bánh xe. Sẽ rất nguy hiểm nếu xe tự di chuyển.
- Sử dụng kích phù hợp khi nâng xe lên, không sử dụng kích cung cấp theo xe.
- Sau khi nâng xe và trước khi chui xuống gầm để thực hiện công việc, đảm bảo xe được đỡ bằng giá kê.
- Khi thực hiện công việc với hệ thống điện, hãy bắt đầu bằng cách xoay công tắc khởi động sang vị trí "LOCK", đợi ít nhất 1 phút, sau đó rút cáp âm khỏi cực âm trên ác quy. Nếu cáp âm bị ngắt trong vòng 1 phút, mô-đun điều khiển động cơ có thể hoạt động sai.
- Động cơ, ống xả, két nước và các bộ phận khác xung quanh sẽ ngay lập tức nóng lên sau khi lái xe. Cần thận khi ở gần các bộ phận này để tránh bị bỏng. Thực hiện kiểm tra khi động cơ đã nguội.
- Không tiến hành kiểm tra khi ở gần nơi có lửa hoặc các nguồn nhiệt khác.
- Tháo nắp châm của bình nhiên liệu khi thao tác trên đường nhiên liệu hoặc bộ lọc nhiên liệu. Hệ thống nhiên liệu chịu áp và sẽ tràn ra nếu không giảm áp, có thể dẫn đến cháy.
- Không để động cơ chạy trong ga ra hoặc nhà kho thông gió kém. Điều này có thể dẫn đến ngộ độc cacbon monoxit.

**THẬN TRỌNG**

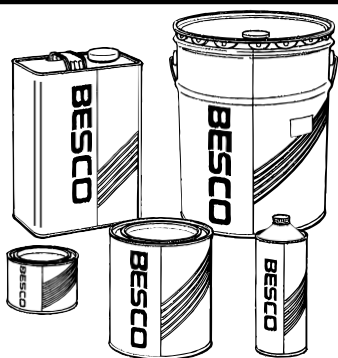
- Các bộ phận bị loại bỏ, nhốt, mỡ và các lưu chất có thể có ảnh hưởng xấu đến môi trường. Rất khó để xử lý các bộ phận và các chất này, do đó, hãy yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn thực hiện tất cả các mục kiểm tra và thay thế.

**KHUYẾN CÁO**

- Dùng dụng cụ thích hợp.
- Nhớt, dầu phanh, nhớt ắc quy và nước làm mát động cơ có chức năng bôi trơn, làm mát và chống rỉ sét. Nếu những chất này giảm chất lượng do thất thoát hoặc nhiễm bẩn, điều này sẽ làm giảm hiệu suất của các bộ phận và xuất hiện các vấn đề như kẹt máy hoặc trục trặc. Bổ sung hoặc thay đổi các chất này khi kiểm tra (kiểm tra hằng ngày và định kỳ) theo yêu cầu của các quy định liên quan hoặc theo Lịch bảo dưỡng (khi đạt đến quãng đường hoặc khoảng thời gian lái xe quy định, tùy theo điều kiện nào đến trước).
- Xác nhận toàn bộ hệ thống và các bộ phận vẫn hoạt động bình thường sau khi thực hiện công việc.
- Không để các bộ phận hoặc dụng cụ đã tháo ra trong khoang động cơ. Các vật dụng này có thể làm hỏng thiết bị nếu mắc vào dây đai hoặc các bộ phận chuyển động khác.
- Nước bẩn, bụi và các tạp chất khác làm suy giảm nghiêm trọng hiệu quả của nhớt, mỡ, lưu chất và làm hư hại các bộ phận.
Hết sức thận trọng để tránh rác thải hoặc các chất thải khác tiếp xúc với các bộ phận hoặc vật liệu đã được tháo ra khi thay hoặc bổ sung.

Các bộ phận bị loại bỏ, nhớt và các lưu chất khác

- Khi thay nhớt, bộ lọc, nước làm mát động cơ hoặc các lưu chất khác, đảm bảo chuẩn bị trước thùng chứa để tiêu hủy.
- Sử dụng các phương pháp phù hợp với các yêu cầu pháp lý để loại bỏ hoặc tiêu hủy các bộ phận, nhớt, bộ lọc hoặc nước làm mát động cơ sau khi thay đổi hoặc thay thế.

Nhớt và mỡ chính hãng của Isuzu

Việc bổ sung và thay nhớt và mỡ định kỳ là vô cùng quan trọng để duy trì hiệu suất của xe và ngăn ngừa hỏng hóc.

Isuzu Motors đảm bảo chất lượng và hiệu suất của nhớt và mỡ chính hãng của Isuzu.

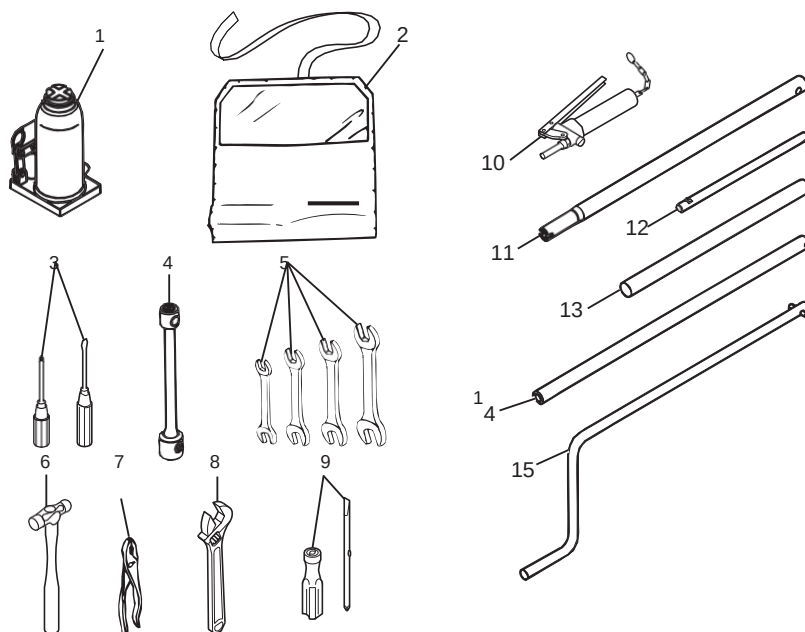
Bạn nên sử dụng nhớt và mỡ chính hãng của Isuzu để bảo dưỡng và bảo trì xe.

**THẬN TRỌNG**

- Lửa hoặc các nguồn nhiệt khác gần lượng nhớt bị tràn có thể gây hỏa hoạn. Đảm bảo dọn sạch lượng nhớt tràn.

Dụng cụ

Dụng cụ mang lên xe



1	Con đội thủy lực
2	Túi dụng cụ
3	Tua vít (đầu Phillips và đầu dẹt)
4	Cờ lê đai ốc bánh xe
5	Cờ lê
6	Búa
7	Phe cài
8	Cờ lê có thể điều chỉnh
9	Tua vít (đầu Phillips/đầu dẹt)
10	Bơm mỡ

Xe có bánh xe 6 bu lông

11	Tay cầm con đội thủy lực, tay cầm cờ lê đai ốc bánh xe
12	Tay cầm giá treo lốp dự phòng

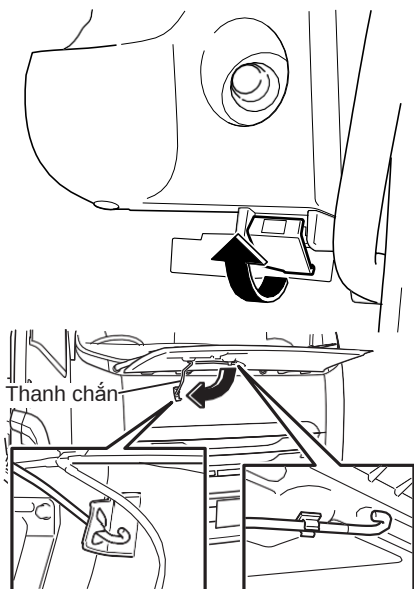
Xe có bánh xe 8 hoặc 10 bu lông

13	Tay cầm cờ lê đai ốc bánh xe
14	Tay cầm con đội thủy lực
15	Tay cầm giá treo lốp dự phòng

Nắp capo

Mở

1. Kéo cần ở phía dưới bên phải (model xe có vô lăng bên phải) hoặc phía dưới bên trái (model xe có vô lăng bên trái) của bảng táp lô.



2. Để giữ nắp capo mở, lấy phần đầu của thanh chắn và lắp chặt vào đáy lỗ trên giá đỡ.



THẬN TRỌNG

- Không kéo cần trong khi lái. Điều này vô cùng nguy hiểm vì mở nắp capo trong khi lái sẽ cản trở tầm nhìn của bạn.
- Khi mở nắp capo, đảm bảo đặt Công tắc khởi động ở vị trí "LOCK". Nếu không, tay của bạn có thể sẽ bị kẹt vào cần dẫn gạt mưa của kính chắn gió và bị thương.
- Đối với xe có gương chiếu hậu bên hông, hãy mở và đóng nắp capo cẩn thận để ngăn nắp va vào gương khi được thu lại. Nếu khoảng cách giữa nắp capo và gương chiếu hậu bên hông quá nhỏ, hãy điều chỉnh vị trí gương về phía ngoài của xe.
- Không sử dụng các phương pháp làm sạch bằng áp suất cao đối với van phanh và khu vực xung quanh bên trong nắp capo. Điều này có thể làm hệ thống phanh bị lỗi.

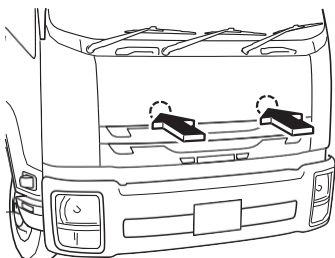


KHUYẾN CÁO

- Không đổ nước trực tiếp vào bộ lọc điều hòa không khí hoặc các đầu nối của ống điều hòa không khí hoặc đường ống mềm giàn nóng bên trong nắp capo. Điều này có thể khiến nước đi vào cabin.

Bảo dưỡng ngoại thất

→ Tham khảo trang 7-184



Đóng

1. Đưa thanh chắn về vị trí ban đầu và đóng nắp capo.
2. Dùng lòng bàn tay ấn vào các vị trí khóa ở phần dưới của nắp capo để khóa chặt nắp.
3. Xác nhận đã khóa chặt nắp capo.



THẬN TRỌNG

- Xác nhận đã khóa chặt nắp capo. Có thể xảy ra tình trạng nguy hiểm nếu không khóa chặt nắp capo. Ví dụ: nắp capo có thể bật lên trong khi lái, chặn tầm nhìn của bạn.
- Không đóng nắp capo bằng lực quá mạnh. Làm như vậy có thể làm cong vênh hoặc làm hỏng nắp.

Nâng cabin

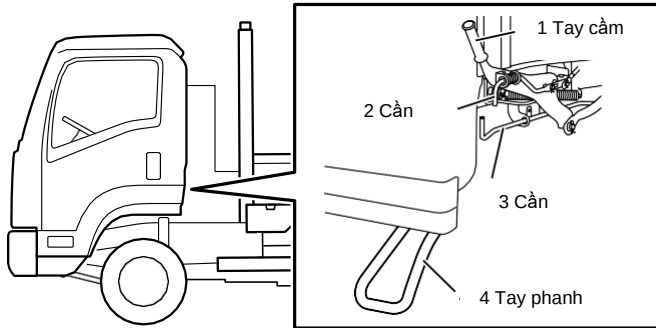
V



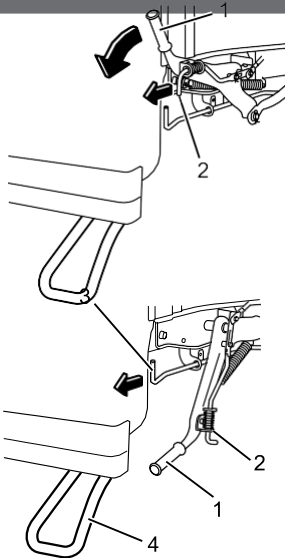
THẬN TRỌNG

- Chỉ nâng cabin trên bề mặt bằng phẳng.
- Đảm bảo cài phanh tay và cài số ở vị trí số trung gian.
- Kiểm tra các khu vực phía trước và phía trên cabin để có đủ khoảng trống khi nâng cabin trong nhà. (Cần đặc biệt cẩn thận nếu xe của bạn được trang bị tấm chắn hướng gió.)
- Khi nâng cabin, đảm bảo đóng chặt cả cửa bên trái và bên phải. Ngoài ra, cửa sẽ nặng hơn khi nâng cabin, do đó không mở hoặc đóng cửa.
- Nếu bắt buộc phải mở hoặc đóng cửa cabin bị lật, đảm bảo đỡ trọng lượng của cửa khi đóng hoặc mở một cách an toàn. Rất nguy hiểm nếu bạn thả tay ra khi cửa đang đóng hoặc mở. Cửa có thể va vào bạn hoặc người khác và gây ra chấn thương hoặc cửa có thể bị hỏng. Xác nhận cửa đã bị khóa hoàn toàn sau khi đóng.
- Xác nhận không có người nào ở gần xe hoặc ngồi bên trong cabin khi lật.
- Xác nhận cần khóa cửa cho giá đỡ lật đã được lắp hoàn toàn vào vị trí khóa sau khi nâng cabin.
- Ống giảm thanh, ống xả và DPD (các model xe có DPD) sẽ rất nóng sau khi vận hành. Hết sức thận trọng để tránh chạm vào các bộ phận này khi thực hiện thao tác lật ca bin.
- Không nâng cabin khi có các vật đặt bên trên hoặc trong bảng táp lô, ghế ngồi, giá để cốc hoặc bề mặt sàn.
- Chỉ nâng cabin khi đã tắt động cơ.
- Đảm bảo đã lấy tất cả đồ vật khỏi giá nóc.
- Loại bỏ các vật có trên bề mặt cản (kể cả băng và tuyết) trước khi nâng cabin. Nếu không, cản, đèn và các bộ phận khác có thể bị hỏng.

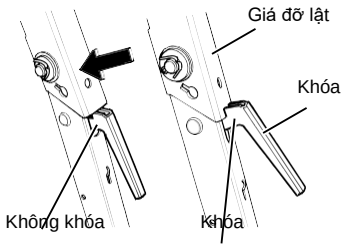
Cần nâng cabin và tay phanh



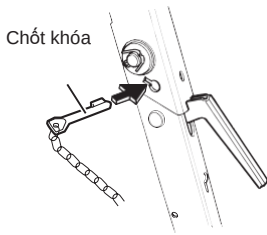
Lật ngửa cabin



1. Ấn mạnh phanh tay và đảm bảo hộp số ở vị trí số trung gian. Đóng chặt cửa.
2. Tay trái kéo cần (2) và tay phải kéo tay cầm (1) xuống, hướng về phía người để nhả khóa cabin. Lúc này cabin sẽ hơi nâng lên.
3. Trong khi tay trái nắm tay phanh (4), tay phải kéo cần (3) và từ từ nâng cabin lên.



4. Nâng toàn bộ cabin lên và chốt giá đỡ lật trong khi giữ bộ phận có hình mũi tên. Giá đỡ lật được khóa lại khi phát ra tiếng "click". Xác nhận khóa của giá đỡ lật đã được cài chặt.

**CẢNH BÁO**

- Không chạm vào khóa trên giá đỡ lật khi đang nâng cabin. Nếu chạm phải, khóa sẽ được mở.

5. Tra chốt khóa đi kèm vào lỗ trên giá đỡ lật.

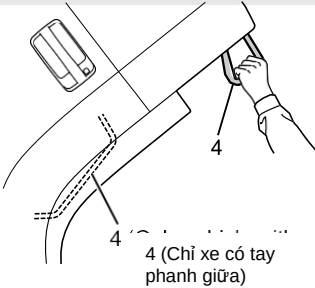
**CẢNH BÁO**

- Trước tiên, gắn chặt chốt khóa vào lỗ trước khi thực hiện công việc với cabin lật.

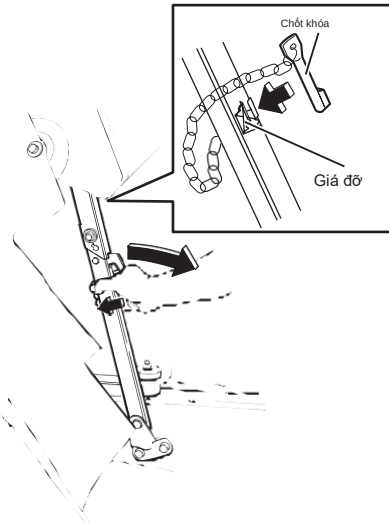
Hạ cabin

**CẢNH BÁO**

- Sau khi hạ cabin, đảm bảo đã khóa chặt cabin.
- Khi Công tắc khởi động chuyển sang vị trí "ON" và chưa tra hết khóa vào, đèn cảnh báo nâng cabin (nếu có) phát sáng.



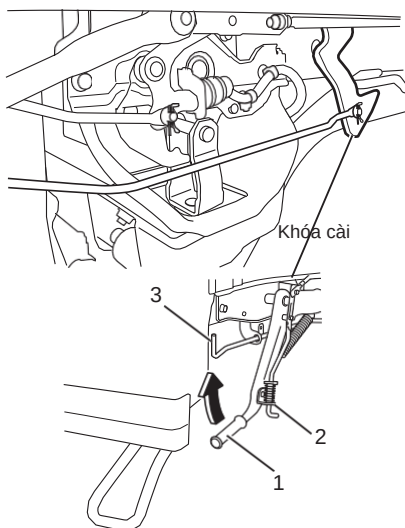
1. Đỡ cabin trong khi tay trái nắm tay phanh (4).



2. Tháo chốt khóa giá đỡ lật và đặt vào giá đỡ.
3. Kéo giá đỡ lật trong khi tay phải nhấn khóa sẽ làm cong giá đỡ lật, hạ cabin. Sau khi uốn cong giá đỡ lật, nắm tay phanh (4) bằng cả hai tay và hạ cabin xuống hoàn toàn.

**THẬN TRỌNG**

- Không mở cần khóa lật khi đang hạ cabin.
- Lưu ý rằng cabin sẽ hạ xuống nhanh hơn khi đặt tải lên bên ngoài hoặc bên trong cabin hoặc chất tải lên cabin.



(3) Xác nhận khóa cài của cần (3) được cài chặt sau khi hạ cabin xuống.

4. Nâng tay cầm (1) đến khi chạm vào cần (2).
Đảm bảo cabin không nâng lên kể cả khi kéo cần (3) sau khi điều khiển tay cầm (1).
Đặt công tắc khởi động ở vị trí "ON" và đảm bảo đèn cảnh báo nâng cabin (nếu có) không sáng.

Đèn cảnh báo nâng cabin ☐

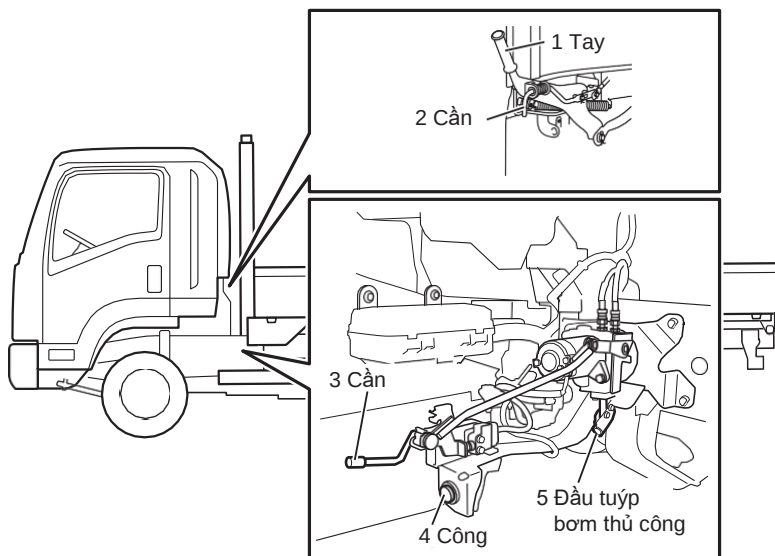
→ Tham khảo trang 4-32

Hệ thống nâng cabin đi 

THẬN TRỌNG

- Chỉ nâng cabin trên bề mặt bằng phẳng.
- Đảm bảo cài phanh tay và cài số ở vị trí số trung gian.
- Kiểm tra các khu vực phía trước và phía trên cabin để có đủ khoảng trống khi nâng cabin trong nhà. (Cần đặc biệt cẩn thận nếu xe của bạn được trang bị tấm chuyển hướng gió.)
- Khi nâng cabin, đảm bảo đóng chặt cả cửa bên trái và bên phải. Ngoài ra, cửa sẽ nặng hơn khi nâng cabin, do đó không mở hoặc đóng cửa.
- Nếu bắt buộc phải mở hoặc đóng cửa cabin bị lật, đảm bảo đỡ trọng lượng của cửa khi đóng hoặc mở một cách an toàn. Rất nguy hiểm nếu bạn thả tay ra khi cửa đang đóng hoặc mở. Cửa có thể va vào bạn hoặc người khác và gây ra chấn thương hoặc cửa có thể bị hỏng. Xác nhận cửa đã bị khóa hoàn toàn sau khi đóng.
- Xác nhận không có người gần xe hoặc bên trong cabin khi nâng cabin.
- Tránh xa gầm cabin khi có còi báo.
- Ống giảm thanh và ống xả sẽ rất nóng ngay sau khi vận hành. Hết sức cẩn trọng để tránh việc vô tình chạm vào các bộ phận này khi nâng cabin.
- Không nâng cabin khi có các vật đặt trên hoặc trong đồng hồ táp lô, ghế ngồi, giá để cốc hoặc bề mặt sàn.
- Chỉ nâng cabin khi đã tắt động cơ.
- Đảm bảo đã lấy tất cả đồ vật khỏi giá đỡ hành lý.
- Loại bỏ các đồ vật có trên bề mặt cản (kể cả băng và tuyết) trước khi nâng cabin. Nếu không, cản, đèn và các bộ phận khác có thể bị hỏng.

Các thành phần và bộ điều khiển hệ thống nâng cabin



Nâng cabin lên

1. Cài mạnh phanh tay và đảm bảo hộp số ở vị trí số trung gian. Đóng chặt cửa.

2. Tay trái kéo cần (2) và tay phải kéo tay cầm (1) xuống, hướng về phía người để nhả khóa cabin. Lúc này cabin sẽ hơi nâng lên.

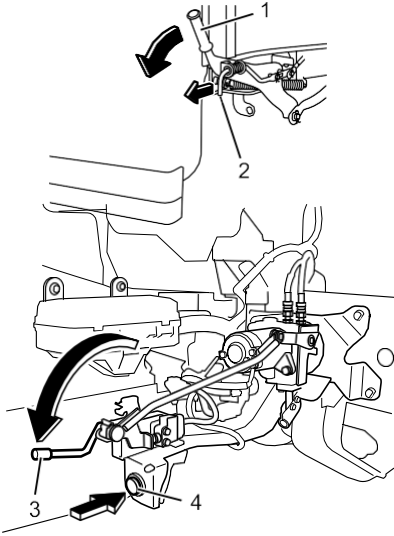
3. Đặt cần (3) ở vị trí "UP". Đồng thời sẽ phát ra còi báo.



CẢNH BÁO

- Không đi bên dưới cabin khi đang lật.

4. Nhấn giữ công tắc (4) cho đến khi cabin ngừng nâng. Khi cabin được nâng hết cỡ, còi báo sẽ ngừng kêu.



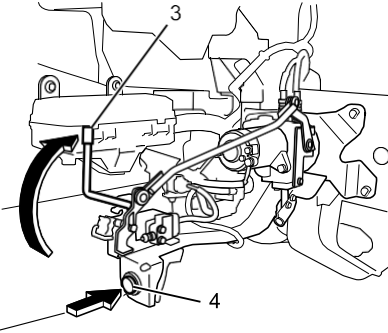
Hạ cabin

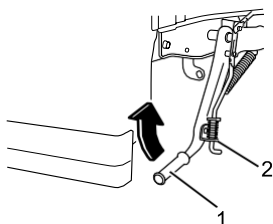
1. Đặt cần (3) ở vị trí "DOWN". Đồng thời sẽ phát ra còi báo để thông báo cho bạn biết cabin sẽ được hạ xuống.



CẢNH BÁO

- Không đi bên dưới cabin khi đang lật.





2. Nhấn công tắt (4) và cabin sẽ được hạ xuống. Tiếp tục nhấn công tắt (4) cho đến khi tiếng mô tơ ngừng kêu, ngay cả khi đã hạ cabin xuống hết cỡ.

**THẬN TRỌNG**

- Xy-lanh lật sẽ hoạt động cho đến khi tiếng mô tơ ngừng kêu, ngay cả khi đã hạ cabin xuống hết cỡ. Nhả công tắt trước khi tiếng mô tơ ngừng kêu có thể làm hỏng hoặc làm gây hại cho xy-lanh lật hoặc thân xe.

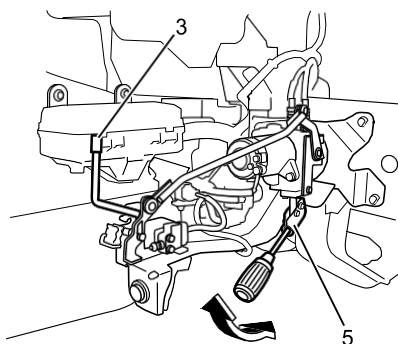
3. Khi cabin được hạ xuống hết cỡ và tiếng mô tơ ngừng kêu, nhả công tắt (4) và nâng tay cầm (1) đến khi chạm vào cần (2).
4. Sau khi khóa chắc tay cầm (1), còi báo sẽ ngừng kêu. Đặt công tắt khởi động ở vị trí "ON" và đảm bảo đèn cảnh báo nâng cabin (nếu có) không sáng.

Đèn cảnh báo nâng cabin ☐

→ Tham khảo trang 4-32

**THẬN TRỌNG**

- Sau khi cabin được hạ xuống vị trí ban đầu, duy trì cần (3) ở vị trí "hạ xuống (đang chạy)" và khóa cabin bằng hệ thống khóa cabin.

Nếu hệ thống không hoạt động

Hệ thống nâng cabin điện không hoạt động khi hết ắc quy hoặc mô tơ lật hay bơm bị hỏng. Ngay cả khi xảy ra các trường hợp trên, bạn vẫn có thể nâng cabin lên và hạ xuống bằng phương pháp dưới đây thay vì nhấn công tắc. Thực hiện theo các bước tương tự như các bước dùng để nâng cabin lên hoặc hạ cabin xuống cho đến bước điều khiển cần (3).

Hệ thống nâng cabin điện ☒

→ Tham khảo trang 7-15

- Cắm tua vít vào đầu tuýp bơm thủ công (5) và nâng hạ tua vít để vận hành bơm.

KIỂM TRA HÀNG NGÀY

- | | |
|--|------|
| • Kiểm tra hàng ngày (Kiểm tra trước khi vận hành) | 7-22 |
| • Kiểm tra bộ phận có dấu hiệu bất thường ở lần lái xe trước | 7-24 |

Kiểm tra hàng ngày (Kiểm tra trước khi vận hành)

Kiểm tra xe của bạn theo các hạng mục được liệt kê dưới đây trước khi bắt đầu vận hành trong ngày để đảm bảo xe chạy an toàn, không gặp sự cố. Ngoài ra, ghi lại quãng đường đi được và các điều kiện lái xe để có thể xác định khoảng thời gian kiểm tra thích hợp nhất cho chiếc xe của bạn và bảo trì đầy đủ theo kết quả kiểm tra.

Nếu phát hiện điểm bất thường trong quá trình kiểm tra hoặc nếu các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần lái xe gần nhất, yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn khắc phục trước khi sử dụng.

Các hạng mục kiểm tra hàng ngày (Kiểm tra trước khi vận hành)**[1. Kiểm tra bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần lái xe trước]**

Hạng mục kiểm tra	Trang tham khảo
Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần vận hành trước	7-24

[2. Tiến hành kiểm tra trong khi mở nắp capo hoặc nâng cabin]

Hạng mục kiểm tra	Trang tham khảo
Dây đai quạt bị lỏng hoặc hư hỏng	7-53
Mức nước rửa kính chắn gió	7-164
Mức nhớt động cơ	7-29
Mức dầu trợ lực lái	7-147
Mức dầu trợ lực ly hợp MT	7-118

[3. Kiểm tra ghế lái]

Hạng mục kiểm tra	Trang tham khảo
Hoạt động của đồng hồ, thước đo và đèn cảnh báo/chỉ báo	4-10, 4-18
Khả năng khởi động của động cơ, tiếng ồn bất thường và màu sắc của khí thải	7-26
Độ rơi tự do của bàn đạp phanh	7-78
Âm thanh xả từ van phanh	7-78
Mức tăng áp suất khí	7-76
Hành trình cần phanh tay	7-79
Tình trạng phun nước rửa kính chắn gió và hiệu quả của cần gạt mưa	7-164, 7-165
Vị trí lái và độ rơi tự do	3-20, 7-148
Hoạt động của còi và đèn tín hiệu	4-51, 4-59
Mức nhiên liệu	4-17
Hoạt động của khóa cửa	3-4, 3-6
Đèn cảnh báo bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu)	4-31

[4. Thực hiện kiểm tra khi đi quanh xe]

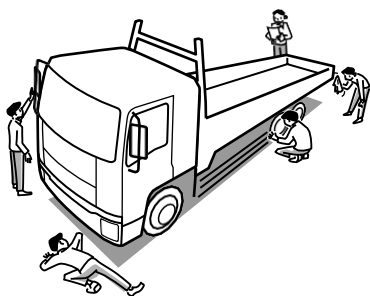
Hạng mục kiểm tra	Trang tham khảo
Đèn chiếu sáng, đèn nhấp nháy, đèn bị bẩn hoặc đèn hư hỏng	7-168
Mức nước làm mát động cơ	7-42
Mức nhớt ắc quy	7-174
Mức dầu trợ lực phanh AHB	7-72
Nước tích tụ trong bình khí	7-117
Hư hỏng nhíp lá	—
Rò rỉ nhớt, nước làm mát động cơ, nhiên liệu, dầu trợ lực phanh hoặc dầu trợ lực	—

[5. Kiểm tra bánh xe và lốp]

Hạng mục kiểm tra	Trang tham khảo
Áp suất khí	7-87
Vết nứt và các hư hỏng khác	7-89
Mòn bất thường	7-89
Độ sâu gai lốp	7-89
Tình trạng lắp mâm bánh xe	7-90, 7-91

[6. Kiểm tra khi lái xe]

Hạng mục kiểm tra	Trang tham khảo
Hiệu quả của phanh	7-78
Kiểm tra động cơ ở tốc độ chậm và khi tăng tốc	7-27
Chức năng hệ thống ly hợp M/T	7-121

Kiểm tra bộ phận có dấu hiệu bất thường ở lần lái xe trước

Kiểm tra các bộ phận có dấu hiệu bất thường trong lần vận hành của ngày hôm trước hoặc lần cuối cùng xe chạy. Yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn khắc phục các điểm bất thường trước khi sử dụng xe.

**BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN
ĐỘNG CƠ**

• Tình trạng động cơ	7-26
• Nhớt động cơ	7-28
• Nước làm mát động cơ	7-39
• Xử lý kết nước và bộ làm mát khí nạp	7-52
• Dây đai quạt	7-53
• Bộ lọc gió	7-57
• Bộ lọc nhiên liệu	7-61
• Bộ lọc khí thải động cơ diesel (DPD) ☐ V	7-69
• Vòi phun của ống xả ☐ V	7-70

Tình trạng động cơ**Kiểm tra động cơ để khởi động dễ dàng
và phát hiện tiếng ồn bất**

1. Đảm bảo cài chặt phanh tay. Nhấn mạnh bàn đạp phanh.
2. Đảm bảo hộp số ở vị trí số trung gian.

**THẬN TRỌNG**

- Nếu xe của bạn được trang bị hệ thống Smoother, động cơ sẽ không khởi động trừ khi hộp số thực sự ở vị trí số trung gian.
- Để an toàn, nhấn mạnh bàn đạp phanh trước khi khởi động động cơ.

3. Xoay công tắc khởi động để khởi động động cơ.
Kiểm tra để đảm bảo động cơ khởi động nhanh và không có tiếng ồn bất thường.

Khởi động động cơ

→ Tham khảo trang 4-4

Kiểm tra tình trạng của động cơ ở tốc độ thấp và trong khi tăng tốc



1. Đảm bảo hộp số ở vị trí số trung gian và cài chặt phanh tay.
2. Xoay công tắc khởi động để khởi động động cơ và làm nóng.

Khởi động động cơ

→ Tham khảo trang 4-4

3. Kiểm tra để đảm bảo tốc độ mà động cơ đang chạy nằm trong khoảng tốc độ cầm chừng tiêu chuẩn.

Núm điều khiển nổ cầm chừng

→ Tham khảo trang 4-48



LƯU Ý

- Đối với các xe được trang bị Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD), tốc độ cầm chừng của động cơ có thể tăng trong quá trình làm sạch DPD.

Bộ lọc khí thải động cơ diesel (DPD) ☐ V

→ Tham khảo trang 4-128

4. Lái xe, đảm bảo bàn đạp ga không bị kẹt khi tăng dần tốc độ, động cơ tăng tốc êm và không có tiếng nổ lộc xộc.

Nhớt động cơ

Nhớt động cơ là yếu tố quan trọng để quyết định hiệu suất và tuổi thọ của động cơ. Đảm bảo chỉ sử dụng nhớt và bộ lọc nhớt được quy định. Phải kiểm tra mức nhớt động cơ và thay nhớt thường xuyên theo Lịch bảo dưỡng.

**LƯU Ý**

- Đối với các xe được trang bị Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD), khi vật chất dạng hạt (PM) tích lũy đến giá trị được cài đặt sẵn trong bộ lọc DPD, bộ lọc tự động được làm sạch thông qua quá trình đốt cháy. Bơm một lượng nhỏ nhiên liệu vào buồng đốt động cơ sau khi đốt để có thể thực hiện quá trình làm sạch (đốt cháy) này. Điều này làm cho nhiên liệu dần bị trộn với nhớt động cơ và mức nhớt động cơ sẽ tăng cao hơn mức ban đầu. Điều này không cho thấy động cơ bị trục trặc.

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

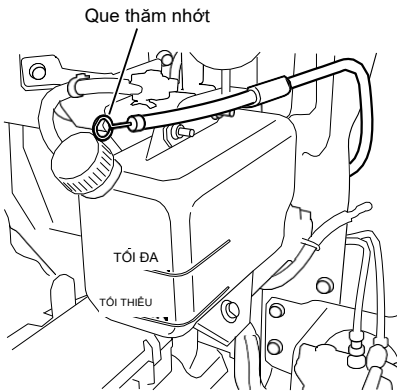
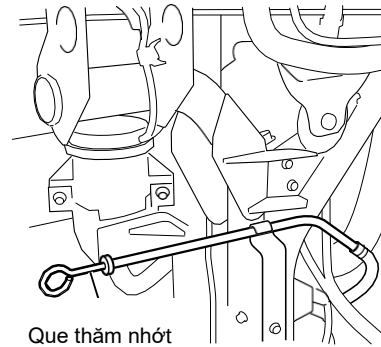
Lưu chất, chất bôi trơn và

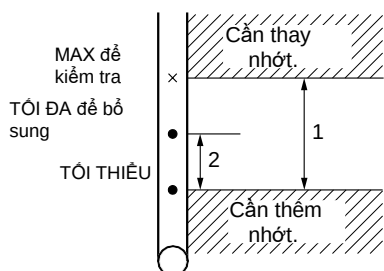
nhiên liệu diesel được khuyến dùng → Tham khảo trang 7-208

Kiểm tra mức nhớt động cơ

Đỗ xe trên bề mặt phẳng và kiểm tra mức nhớt động cơ trước khi khởi động hoặc 20 hay 30 phút sau khi tắt động cơ. Để kiểm tra mức nhớt, hãy tháo que thăm nhớt, lau hết nhớt bằng vải sạch, lắp lại rồi nhẹ nhàng lấy ra.

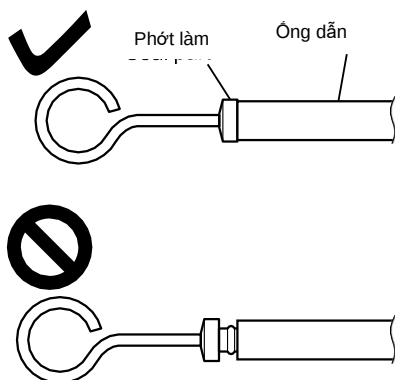
Nếu nằm trong khoảng vạch "TỐI ĐA để kiểm tra" và "TỐI THIỂU" (model xe có DPD) hoặc vạch "TỐI ĐA" và "TỐI THIỂU" (model xe không có DPD), mức nhớt đạt yêu cầu. Ngoài ra, kiểm tra xem có rò rỉ nhớt không.

Mẫu có cabin mũi bằng**Mẫu có cabin quy ước**



Kiểm tra mức nhớt động cơ (model xe có DPD)

1. Lấy que thăm nhớt ra và lau sạch nhớt trên thước đo.
2. Lắp lại que thăm nhớt và sau đó nhẹ nhàng lấy ra. Nếu nằm trong khoảng giữa vạch "TỐI ĐA để kiểm tra" và "TỐI THIỂU" (khoảng 1), mức nhớt đạt yêu cầu.
3. Nếu ở mức quá thấp, thêm nhớt sao cho mức nhớt nằm trong khoảng giữa vạch "TỐI ĐA để bổ sung" và "TỐI THIỂU" (khoảng 2). Thay nhớt nếu mức nhớt vượt quá vạch "TỐI ĐA để kiểm tra".
4. Lắp lại que thăm nhớt vào vị trí ban đầu sau khi kiểm tra.



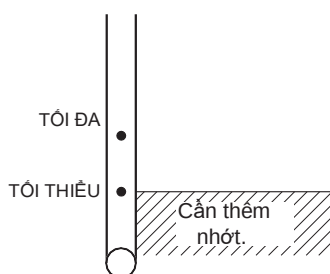
KHUYẾN CÁO

- Bất kỳ mức nhớt nào trên vạch "TỐI ĐA để kiểm tra" trên thước đo đều có thể làm hỏng động cơ. Thay nhớt bất cứ khi nào vượt mức này.
- Nhiên liệu sẽ dần bị trộn với nhớt động cơ và bị loãng ra. Đảm bảo thay nhớt theo khoảng thời gian quy định.
- Không dùng lực quá mạnh để lắp que thăm nhớt vào. Nếu không, que thăm nhớt có thể bị biến dạng hoặc gãy. Một khi que thăm nhớt bị biến dạng, kết quả đo sẽ không chính xác.
- Cho que thăm nhớt vào đến khi phốt làm kín của que thăm nhớt chạm tới ống dẫn hướng. Điều này là để ngăn nước xâm nhập.



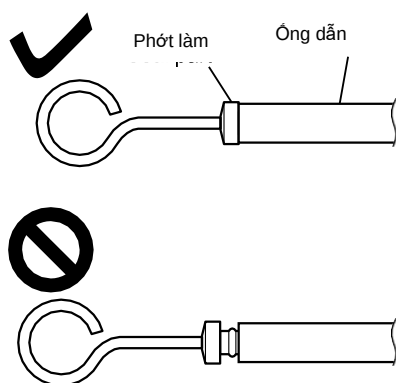
LƯU Ý

- Thực hiện tất cả các mục kiểm tra mức nhớt động cơ khi xe nằm trên bề mặt bằng phẳng trước khi khởi động.
- Không thể đo chính xác mức nhớt khi động cơ đang chạy.
- Nhiên liệu sẽ dần bị trộn với nhớt động cơ khiến mức nhớt tăng cao hơn mức ban đầu. Điều này không phải là dấu hiệu động cơ gặp sự cố.
- Chờ 20 hoặc 30 phút sau khi dừng động cơ để đo mức nhớt sau khi động cơ hoạt động.



Kiểm tra mức nhớt động cơ (model xe không có DPD)

1. Lấy que thăm nhớt ra và lau sạch nhớt trên thước đo.
2. Lắp lại que thăm nhớt và sau đó nhẹ nhàng lấy ra. Nếu nằm trong khoảng giữa vạch "TỐI ĐA" và "TỐI THIỂU", mức nhớt đạt yêu cầu.
3. Nếu ở mức quá thấp, thêm nhớt sao cho mức nhớt nằm trong khoảng giữa vạch "TỐI ĐA" và "TỐI THIỂU".
4. Lắp lại que thăm nhớt vào vị trí ban đầu sau khi kiểm tra.



KHUYẾN CÁO

- Mức nhớt chỉ cần nằm bên trên vạch "TỐI ĐA" trên thước đo đều có thể làm hỏng động cơ. Thay nhớt bất cứ khi nào vượt mức này.
- Không dùng lực quá mạnh để lắp que thăm nhớt vào. Nếu không, que thăm nhớt có thể bị biến dạng.
- Cho que thăm nhớt vào đến khi phốt làm kín của que thăm nhớt chạm tới ống dẫn hướng. Điều này là để ngăn nước xâm nhập.

**LƯU Ý**

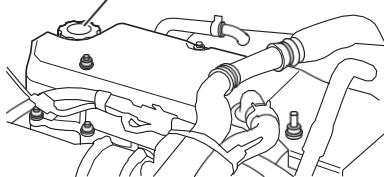
- Thực hiện tất cả các mục kiểm tra mức nhớt động cơ khi xe nằm trên bề mặt bằng phẳng trước khi khởi động.
- Không thể đo chính xác mức nhớt khi động cơ đang chạy.
- Chờ 20 hoặc 30 phút sau khi dừng động cơ để đo mức nhớt sau khi động cơ hoạt động.

Thêm nhớt động cơ

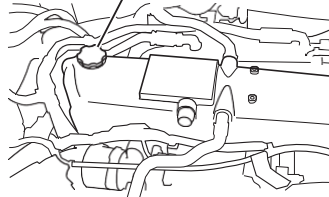
Khi mức nhớt động cơ gần đến vạch "TỐI THIỂU" trên que thăm nhớt, tháo nắp bộ lọc nhớt và thêm nhớt sau khi đã lấy que thăm nhớt ra. Sử dụng nhớt động cơ được quy định.

Model động cơ 6HK1

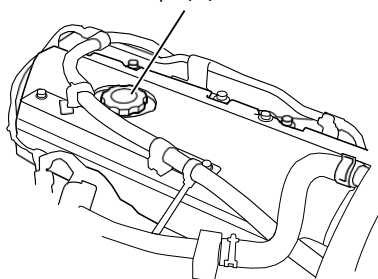
Nắp bộ lọc nhớt

**Model động cơ 6NX1**

Nắp bộ lọc nhớt

**Model động cơ 4HK1**

Nắp bộ lọc nhớt



**CẢNH BÁO**

- Khi thêm nhớt, để sẵn một miếng giẻ và cẩn thận không làm đổ nhớt. Lau sạch nếu làm đổ nhớt lên động cơ. Nhớt bị đổ ra ngoài có thể bắt lửa và gây cháy.
- Không để các vật dụng dễ cháy, ví dụ giẻ lau hoặc găng tay trong khoang động cơ. Các vật dụng này có thể gây cháy.
- Sau khi xe dừng, nhớt động cơ có nhiệt độ cao, do đó cẩn thận để không bị bỏng khi thay nhớt.

**KHUYẾN CÁO**

- Nhớt động cơ bôi trơn và làm mát các bộ phận bên trong động cơ. Chất lượng của nhớt suy giảm và thể tích cũng bị giảm do bay hơi, xả và đốt cháy trong quá trình vận hành của động cơ. Việc liên tục sử dụng cùng một loại nhớt mà không kiểm tra mức nhớt hoặc không đổ thêm và thay nhớt có thể gây kẹt máy hoặc hỏng động cơ. Thêm mới hoặc thay nhớt khi nhớt bị giảm chất lượng hoặc thể tích, ngay cả khi chưa đến các khoảng thời gian được quy định trong Lịch bảo dưỡng; điều này sẽ khác nhau tùy vào điều kiện sử dụng.
- Ngăn bụi bẩn bám vào miệng lỗ châm nhớt khi thêm nhớt. Tạp chất có thể làm hỏng động cơ nếu được trộn với nhớt.
- Thêm nhớt khiến mức nhớt cao hơn vạch "TỐI ĐA" (model xe không có DPD) hoặc "TỐI ĐA để kiểm tra" (model xe có DPD) trên que thăm nhớt có thể làm động cơ vận hành bị lỗi. Đảm bảo luôn kiểm tra mức nhớt bằng que thăm nhớt.
- Đối với các model xe được trang bị DPD, việc không sử dụng nhớt tương thích với DPD có thể dẫn đến hỏng động cơ hoặc DPD hay giảm hiệu quả sử dụng nhiên liệu. Đảm bảo sử dụng nhớt động cơ tương thích với DPD.

Thay nhớt động cơ và bộ lọc nhớt

Nhớt động cơ và bộ lọc nhớt là hai yếu tố quan trọng đối với hiệu suất và tuổi thọ của động cơ. Đảm bảo chỉ sử dụng nhớt và bộ lọc nhớt được quy định. Phải kiểm tra mức nhớt động cơ và thay nhớt thường xuyên theo Lịch bảo dưỡng.



KHUYẾN CÁO

- Chỉ sử dụng một lượng nhớt được chỉ định dưới đây theo hướng dẫn khi thay nhớt động cơ. Sau khi thay nhớt, đảm bảo mức nhớt thích hợp.
- Đối với các model xe được trang bị DPD, việc không sử dụng nhớt tương thích với DPD có thể dẫn đến hỏng động cơ hoặc DPD hay giảm hiệu quả sử dụng nhiên liệu. Đảm bảo sử dụng nhớt động cơ tương thích với DPD.

Lượng nhớt động cơ cần thay

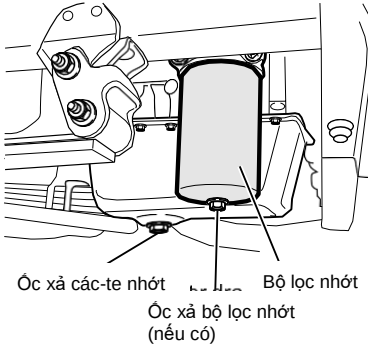
Model động cơ	Lượng nhớt [Giá trị tham khảo]
6HK1/6NX1	19,5 lít (5,15 ga-lông Mỹ/ 4,29 ga-lông Anh), trong đó: 3,0 lít (0,79 ga-lông Mỹ/ 0,66 ga-lông Anh) trong bộ lọc và 16,5 lít (4,36 ga-lông Mỹ/ 3,63 ga-lông Anh) trong các-te nhớt.
4HK1	10,5 lít (2,77 ga-lông Mỹ/ 2,31 ga-lông Anh), trong đó: 1,0 lít (0,26 ga-lông Mỹ/ 0,22 ga-lông Anh), trong bộ lọc và 9,5 lít (2,51 ga-lông Mỹ/ 2,09 ga-lông Anh) trong các-te nhớt.

Lịch bảo dưỡng

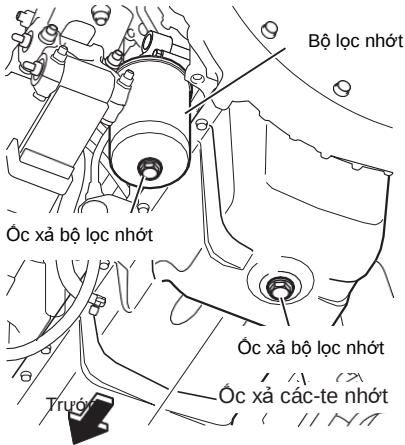
→ Tham khảo trang 7-195

Lưu chất, chất bôi trơn và nhiên liệu diesel được khuyến dùng → Tham khảo trang 7-208

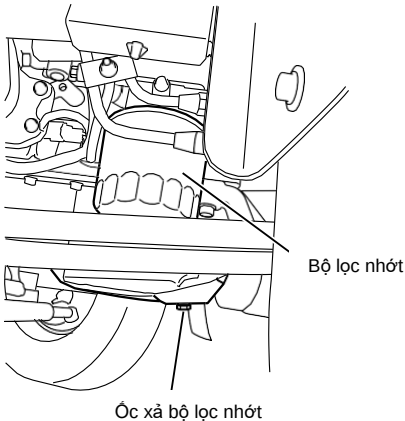
Model động cơ 6HK1



Model động cơ 6NX1



Model động cơ 4HK1



Thay nhớt và bộ lọc nhớt

1. Vệ sinh xung quanh nắp bộ lọc nhớt để tạp chất không xâm nhập vào.
Tháo nắp bộ lọc nhớt.
2. Đặt một thùng chứa dưới các-te nhớt và bộ lọc nhớt để chứa nhớt.
3. Tháo ốc xả các-te nhớt và ốc xả bộ lọc nhớt (nếu có) để xả hết nhớt.
Đến bước 8 nếu chỉ thay nhớt.



KHUYẾN CÁO

- Nhớt xả ra phải được xử lý bằng phương pháp phù hợp với các quy định tại quốc gia của bạn.
- Khi thay nhớt, đảm bảo xả toàn bộ nhớt khỏi ống xả của bộ lọc nhớt.

4. Sử dụng cờ lê chuyên dụng để tháo bộ lọc nhớt.
5. Phủ nhẹ một lớp nhớt động cơ sạch lên gioăng của bộ lọc nhớt mới.
6. Lắp bộ lọc nhớt mới. Sau khi gioăng của bộ lọc tiếp xúc với bề mặt gắn bộ lọc nhớt, sử dụng cờ lê chuyên dụng để vặn chặt.



KHUYẾN CÁO

- Khi lắp bộ lọc nhớt, đảm bảo gioăng không bị vướng vào các ren vít. Điều này có thể khiến nhớt rò rỉ.
- Đảm bảo dùng một lực siết phù hợp để lắp bộ lọc nhớt. Nếu không, có thể làm vỡ bộ lọc nhớt hoặc rò rỉ nhớt.

7. Kiểm tra đảm bảo đã vặn chặt ốc xả các-te nhớt và ốc xả bộ lọc nhớt (nếu có).

Model động cơ	Lực siết ốc xả các-te nhớt
6HK1/ 6NX1	78 Nm (8,0 kgf·m/ 58 lb·ft)
4HK1	83 Nm (8,5 kgf·m/ 61 lb·ft)

Lực siết ốc xả bộ lọc nhớt (nếu được trang bị ốc xả bộ lọc nhớt)

12 Nm (1,2 kgf·m/**104 lb·in**)



KHUYẾN CÁO

- Lau sạch bụi bẩn trên ốc xả trước khi lắp.

8. Tháo que thăm nhớt và cẩn thận đổ nhớt quy định vào miệng rót nhớt.
9. Lắp que thăm nhớt và nắp bộ lọc nhớt. Khởi động động cơ khoảng 5 phút sau khi nạp nhớt mới và để ở chế độ không tải. Khi ở chế độ này, tiến hành kiểm tra xung quanh bộ lọc nhớt hoặc ốc xả có bị rò rỉ nhớt không.
10. Tắt động cơ, chờ 20 đến 30 phút và sau đó kiểm tra mức nhớt bằng que thăm nhớt.



KHUYẾN CÁO

- Tránh rò ga vì có thể làm hỏng động cơ.

**CẢNH BÁO**

- Có thể gây cháy nếu để nhớt động cơ bị tràn tiếp xúc gần với ngọn lửa hoặc các nguồn nhiệt khác. Đảm bảo lau sạch phần nhớt bị đổ tràn.
- Không để các vật dụng dễ cháy, ví dụ giẻ lau hoặc găng tay trong khoang động cơ dưới cabin. Các vật dụng này có thể gây cháy. Ngoài ra, đừng bỏ quên các công cụ của bạn.

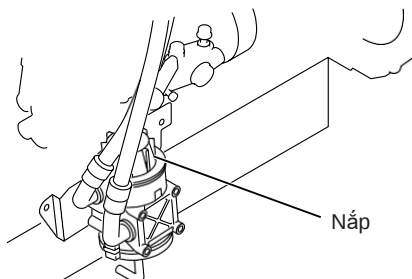
**KHUYẾN CÁO**

- Tránh rò rỉ ga vì có thể làm hỏng động cơ.
- Thêm nhớt khiến mức nhớt cao hơn vạch "TỐI ĐA" (model xe không có DPD) hoặc "TỐI ĐA để bổ sung" (model xe có DPD) trên que thăm nhớt có thể làm động cơ vận hành lỗi. Đảm bảo luôn kiểm tra mức nhớt bằng que thăm nhớt.

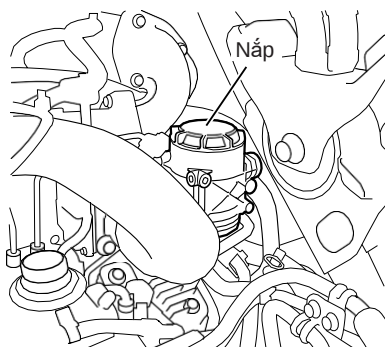
Bộ tách nhớt động cơ



Model động cơ 6HK1



Model động cơ 4HK1



Phải thay phần tử lọc theo Lịch bảo dưỡng.

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Thay

1. Tháo nắp và lấy phần tử lọc ra.
2. Lắp phần tử lọc mới. Đồng thời, thay vòng chữ O.
3. Lắp chặt nắp.

Nước làm mát động

Phải thay nước làm mát động cơ theo Lịch bảo dưỡng.

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Lưu chất, chất bôi trơn và

nhiên liệu diesel được khuyến dùng → Tham khảo trang 7-208

**CẢNH BÁO**

- Chỉ kiểm tra, bổ sung hoặc thay nước làm mát động cơ sau khi động cơ đã nguội.
- Không tháo nắp két nước hoặc nắp bình nước phụ khi nước làm mát động cơ còn nóng. Tháo nắp bất cẩn có thể gây bỏng do hơi nóng tỏa ra. Bỏng cũng có thể xảy ra vì nước sôi thoát ra do nhiệt độ cao của nước làm mát. Chỉ tiến hành kiểm tra, nạp lại và thay thế nước làm mát khi nhiệt độ của nước đã nguội.
- Để tháo nắp két nước hoặc nắp bình nước phụ, dùng vải dày phủ lên nắp và xoay thật chậm.
- Nước làm mát động cơ độc nên không được uống. Nếu vô tình nuốt phải, ngay lập tức ép nôn và nhanh chóng đến cơ sở y tế.
- Nếu nước làm mát động cơ văng vào mắt, ngay lập tức rửa bằng nhiều nước trong khoảng 15 phút hoặc lâu hơn. Ngoài ra, hãy đến cơ sở y tế nếu vẫn cảm giác bất thường như dị ứng.
- Nếu nước làm mát động cơ dính lên da, rửa sạch bằng xà phòng với nhiều nước. Ngoài ra, hãy đến cơ sở y tế nếu phát hiện thấy triệu chứng bất thường.
- Nước làm mát động cơ dễ cháy, do đó phải tránh xa ngọn lửa và các nguồn nhiệt khác. Nước làm mát động cơ cũng có thể bắt cháy nếu tiếp xúc với bề mặt nóng, ví dụ cổ góp xả. Thận trọng khi thực hiện để tránh điều này xảy ra.

**KHUYẾN CÁO**

- Thay nước làm mát động cơ định kỳ.
Nếu không, rỉ sét sẽ hình thành do nước làm mát động cơ bị giảm chất lượng; điều này có thể gây ra sự cố ví dụ rò rỉ nước hoặc tắc két nước hoặc lõi bộ sưởi.

**LƯU Ý**

- Nước làm mát động cơ là dạng chất lỏng được tạo ra bằng cách trộn nước làm mát và nước ở nồng độ thích hợp.

Chuẩn bị nước làm mát động cơ

Để tránh làm hỏng động cơ do nước làm mát bị đóng băng cũng như để bảo vệ hệ thống làm mát không bị ăn mòn, trộn nước làm mát được Isuzu khuyến dùng với nước ở nồng độ 50%.

Đối với nước làm mát không chính hãng của Isuzu (Artec/BASF, v.v.), nên sử dụng trực tiếp sản phẩm "Pha loãng sẵn 50/50" đã được pha loãng đến nồng độ 50%.

Lưu chất, chất bôi trơn và nhiên liệu diesel được khuyến dùng

→ Tham khảo trang 7-208

**KHUYẾN CÁO**

- Isuzu không đảm bảo đối với việc sử dụng động cơ hoặc xe ở nhiệt độ bên ngoài từ -30°C (-22°F) trở xuống.
- Nên sử dụng nước làm mát có nồng độ 55% nếu muốn vận hành động cơ hoặc xe ở nhiệt độ bên ngoài từ -30°C (-22°F) trở xuống.

Lượng nước làm mát động cơ

Lượng nước làm mát động cơ được hiển thị dưới đây dùng để tham khảo khi bạn thay nước làm mát động cơ. Sau khi thay nước làm mát động cơ, kiểm tra xem nước làm mát động cơ đã đạt đến mức quy định chưa.

Model động cơ	Lượng nước làm mát động [Giá trị tham chiếu]
6HK1-TCN	30,2 (7,98/6,64)
6HK1-TCS	30,2 (7,98/6,64)
6NX1	29,1 (7,69/6,4)
4HK1	19,0 (5,02/4,18)

**CẢNH BÁO**

- Nước làm mát độc nên không được uống. Nếu vô tình nuốt phải, ngay lập tức ép nôn và nhanh chóng đến cơ sở y tế.
- Nếu nước làm mát động cơ văng vào mắt, ngay lập tức rửa bằng nhiều nước trong khoảng 15 phút hoặc lâu hơn. Ngoài ra, hãy đến cơ sở y tế nếu vẫn cảm giác bất thường như dị ứng.
- Nếu nước làm mát động cơ dính lên da, rửa sạch bằng xà phòng với nhiều nước. Ngoài ra, hãy đến cơ sở y tế nếu phát hiện thấy triệu chứng bất thường.
- Để bảo quản, đóng chặt nắp và giữ ngoài tầm với của trẻ.
- Nước làm mát dễ cháy, do đó phải tránh xa ngọn lửa và các nguồn nhiệt khác. Nước làm mát cũng có thể bắt cháy nếu tiếp xúc với bề mặt nóng, ví dụ cổ góp xả. Thận trọng khi thực hiện để tránh điều này xảy ra.

**THẬN TRỌNG**

- Chỉ sử dụng nước làm mát được Isuzu khuyến dùng.
- Sử dụng bất kỳ nước làm mát nào khác đều có thể làm hỏng động cơ, kết nước hoặc lõi bộ sưởi. Đặc biệt, sử dụng nước làm mát có chứa muối borat hoặc silicat có thể khiến động cơ hoặc kết nước bị ăn mòn, dẫn đến rò rỉ nước làm mát và các vấn đề khác.

**KHUYẾN CÁO**

- Để pha loãng nước làm mát, sử dụng nước cất hoặc nước đã khử ion.
- Không sử dụng nước làm mát ở bất kỳ nồng độ nào khác so với quy định. Có khả năng xảy ra quá nhiệt nếu nồng độ nước làm mát đạt 60% hoặc cao hơn, trong khi nếu ở mức 50% hoặc thấp hơn, chức năng chống ăn mòn bị suy giảm.
- Sử dụng nước làm mát ở bất kỳ nồng độ nào khác so với quy định đều có thể làm giảm hiệu suất chống đóng băng và nước làm mát động cơ có thể bị đóng băng.
- Nếu nước làm mát động cơ giảm nhanh, hãy đến ngay Đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra hoặc sửa chữa.

Kiểm tra mức nước làm mát động cơ



Bình nước phụ của két nước

Kiểm tra xem động cơ đã đủ nguội chưa và mức nước làm mát trong bình nước phụ của két nước. Đứng mức nước nếu ở giữa vạch "TỐI THIỂU" và "TỐI ĐA". Nếu mức nước làm mát động cơ thấp hơn vạch "TỐI THIỂU", bổ sung thêm đến vạch "TỐI ĐA".

Ngoài ra, kiểm tra để đảm bảo két nước hoặc ống mềm két nước không bị rò rỉ. Kiểm tra các vết bẩn hoặc lưu chất trên mặt đất nơi xe đỗ để xem có rò rỉ không. Liên hệ với Đại lý Isuzu của bạn khi phát hiện rò rỉ.



THẬN TRỌNG

- Lái xe trong khi có hiện tượng rò rỉ có thể dẫn đến kẹt động cơ.

Bổ sung nước làm mát động cơ

Khi mức nước làm mát động cơ quá thấp, mở nắp bình nước phụ và châm đầy nước làm mát động cơ đến vạch "TỐI ĐA". Vặn chặt nắp sau khi bổ sung nước làm mát động cơ.



CẢNH BÁO

- Chỉ kiểm tra, bổ sung hoặc thay nước làm mát động cơ sau khi động cơ đã nguội.



KHUYẾN CÁO

- Kiểm tra bình nước phụ để xác định mức nước làm mát động cơ. Tuy nhiên, trong các tình huống khi mức nước trong bình nước phụ tăng hoặc giảm đột ngột, mở nắp két nước và kiểm tra mức nước trong két nước.
- Khi nước làm mát động cơ còn nóng, tránh để nước làm mát động cơ tiếp xúc với cổ góp xả. Bất kỳ tiếp xúc nào cũng có thể làm hỏng cổ góp xả.
- Nếu mức nước làm mát động cơ thay đổi đột ngột, hãy yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn kiểm tra xe.

Thay nước làm mát động cơ

Thay nước làm mát động cơ theo Lịch bảo dưỡng.



KHUYẾN CÁO

- Nước làm mát động cơ xả ra phải được xử lý bằng phương pháp phù hợp với các quy định tại quốc gia của bạn.

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Lưu chất, chất bôi trơn và nhiên liệu diesel được khuyến dùng

→ Tham khảo trang 7-208

Mức nước làm mát động cơ

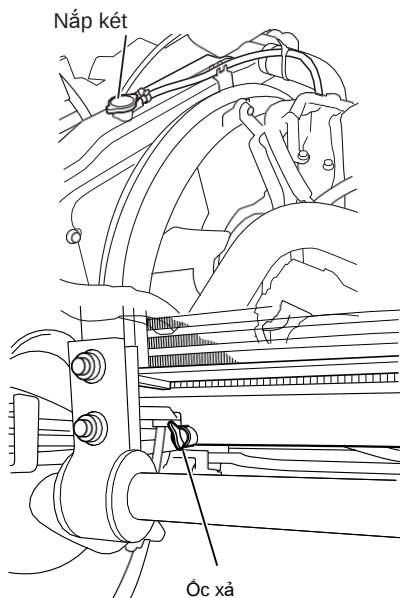
Model động cơ	Lượng nước làm mát động [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)
6HK1-TCN	30,2 (7,98/6,64)
6HK1-TCS	30,2 (7,98/6,64)
6NX1	29,1 (7,69/6,4)
4HK1	19,0 (5,02/4,18)

Đồng thời làm sạch nắp két nước, két nước, bộ làm mát khí nạp và đường dẫn nước làm mát động cơ khi thay nước làm mát động cơ.

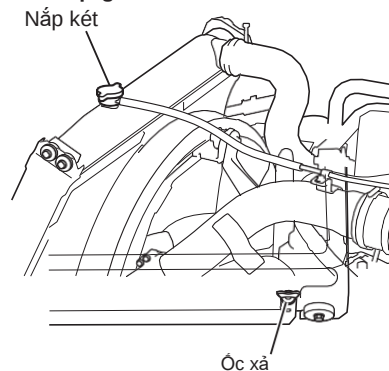
Xử lý két nước và bộ làm mát khí nạp

→ Tham khảo trang 7-52

Nắp kết nước và ốc xả của model động cơ 6HK1/4HK1



Model động cơ 6NX1



Xả hệ thống làm mát

1. Kiểm xem động cơ đã đủ nguội chưa.
2. Tháo nắp kết nước.
3. Mở các ốc xả trên kết nước và động cơ để nước làm mát động cơ chảy ra. Đồng thời xả nước làm mát động cơ từ bình nước phụ.
4. Đóng các ốc xả trên kết nước và động cơ. Thay vòng đệm mới cho ốc xả trước khi lắp vào (nếu có).

Lực siết ốc xả động cơ

M10	22 Nm (2,2 kgf.m/16 lb·ft)
M14	44 Nm (4,5 kgf.m/33 lb·ft)



THẬN TRỌNG

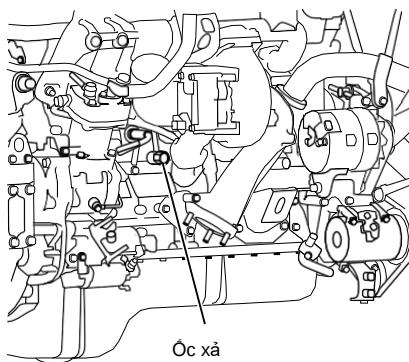
- Không khởi động động cơ khi đang xả nước làm mát động cơ từ kết nước. Điều này có thể làm kẹt động cơ.
- Nắp kết nước là loại tác động kép, phải mở và đóng theo hai chuyển động xoay. Khi tháo nắp, cẩn thận để không làm hỏng nắp hoặc bộ lọc.



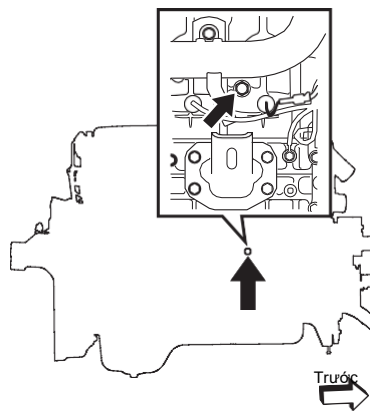
KHUYẾN CÁO

- Dùng tay siết chặt ốc xả kết nước. Siết bằng kim hoặc một số dụng cụ khác có thể làm hỏng ốc xả.

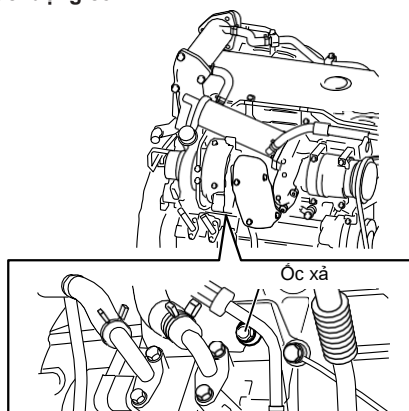
Ốc xả động cơ của model động cơ 6HK1



Model động cơ 6NX1



Model động cơ 4HK1



Thay két nước và két làm mát khí nạp

Hiệu quả làm mát bị ảnh hưởng khi bụi bẩn làm tắc các đường dẫn khí trong lõi tản nhiệt và két làm mát khí nạp. Bụi bẩn cũng có thể gây ra hiện tượng ăn mòn lõi. Định kỳ dùng nước để rửa lõi.

Xử lý két nước và bộ làm mát khí nạp

→ Tham khảo trang 7-52



KHUYẾN CÁO

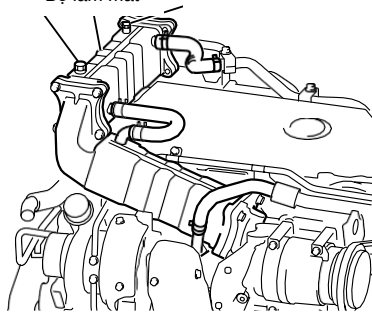
- Khi vệ sinh két nước và két làm mát khí nạp, không làm vỡ hoặc hư hại lá tản nhiệt.

Bộ làm mát EGR có ốc xả khí

Ốc xả khí A

Bộ làm mát

Ốc xả khí B



Vệ sinh đường dẫn nước làm mát động cơ

1. Châm đầy nước máy đến miệng cửa nạp của két nước. Nếu bộ làm mát tuần hoàn khí xả (EGR) được trang bị ốc xả khí, chỉ châm đầy sau khi đã tháo tất cả các ốc xả. Đối với các model động cơ 4HK1, tháo ốc xả khí cho đường ống xả nước và châm đầy đến miệng lỗ ốc xả khí. Sau khi châm đầy, lắp lại các ốc xả khí một cách chắc chắn. Sau đó, châm đầy đến miệng cửa nạp của két nước.

Model động cơ 4HK1

Ốc xả khí

Cửa xả nước



Lực siết ốc xả khí của bộ làm mát EGR

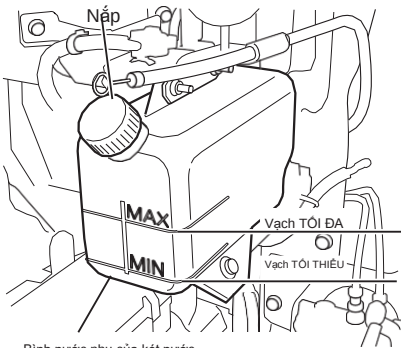
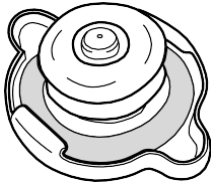
Ốc xả khí A	41 Nm (4,1 kgf·m/30 lb·ft)
Ốc xả khí B	26 Nm (2,7 kgf·m/19 lb·ft)

Lực siết ốc xả khí tại cửa xả nước

23,5 Nm (2,4 kgf·m/17 lb·ft)

**THẬN TRỌNG**

- Nắp két nước là loại tác động kép, phải mở và đóng theo hai chuyển động xoay. Khi tháo nắp, cẩn thận để không làm hỏng nắp hoặc bộ lọc.



Bình nước phụ của két nước

2. Kiểm tra và lau sạch nắp két nước. Thay nắp nếu có dấu hiệu bất thường.
3. Vặn chặt nắp két nước.
4. Nước làm mát động cơ có thể rò rỉ từ các vết nứt nhỏ. Thay ống cao su bị hỏng.
5. Nạp lại nước máy vào bình nước phụ đến vạch "TỐI ĐA".
6. Đóng nắp bình nước phụ.
7. Khởi động động cơ và để ở chế độ không tải khoảng 20 phút. Dừng động cơ, chờ đến khi động cơ nguội và xả nước.

Xả hệ thống làm mát

→ Tham khảo trang 7-44

Châm nước tản nhiệt hệ thống làm mát

**THẬN TRỌNG**

- Việc châm nước làm mát động cơ vào hệ thống làm mát sai cách trong quá trình thay hoặc bổ sung nước làm mát động cơ đôi khi có thể khiến nước làm mát động cơ tràn ra khỏi cổ nạp thậm chí trước khi động cơ và két nước được châm đầy.
- Nếu khởi động động cơ trong điều kiện này, việc thiếu nước làm mát có thể làm quá nhiệt động cơ. Để tránh vấn đề này xảy ra, cần thực hiện các biện pháp an toàn sau khi châm lại nước làm mát động cơ.

- Xác nhận động cơ đã nguội hoàn toàn trước khi thực hiện.
- Siết chặt ốc xả kết nước. Siết chặt ốc xả động cơ. Thay vòng đệm mới cho ốc xả động cơ (nếu có).

Lực siết ốc xả động cơ

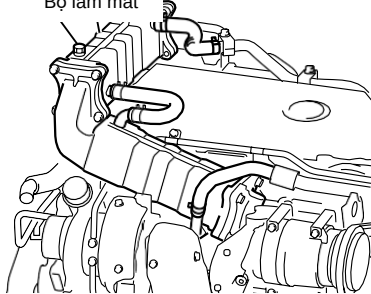
M10	22 Nm (2,2 kgf·m/16 lb·ft)
M14	44 Nm (4,5 kgf·m/33 lb·ft)

Bộ làm mát EGR có ốc xả khí

Ốc xả khí A

Bộ làm mát

Ốc xả khí B



- Châm nước làm mát động cơ đến miệng cửa nạp của két nước. Nếu bộ làm mát EGR được trang bị ốc xả khí, chỉ châm đầy sau khi đã tháo tất cả các ốc xả. Đối với các model động cơ 4HK1, tháo ốc xả khí cho đường ống xả nước và châm đầy đến miệng lỗ ốc xả khí. Sau khi châm đầy, thay vòng đệm mới và lắp chắc lại các ốc xả khí. Sau đó, châm đầy đến miệng cửa nạp của két nước.

Lực siết ốc xả khí của bộ làm mát EGR

Ốc xả khí A	41 Nm (4,1 kgf·m/30 lb·ft)
Ốc xả khí B	26 Nm (2,7 kgf·m/19 lb·ft)

Model động cơ 4HK1

Ốc xả khí

Cửa xả nước



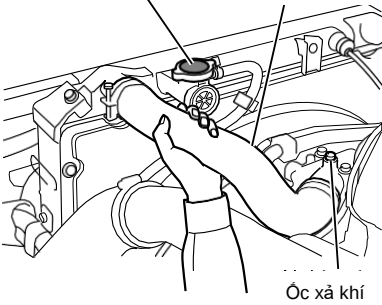
Lực siết ốc xả khí tại cửa xả nước

23,5 Nm (2,4 kgf·m/17 lb·ft)

Model động cơ 6HK1/4HK1

Nắp két

Ống mềm phía trên

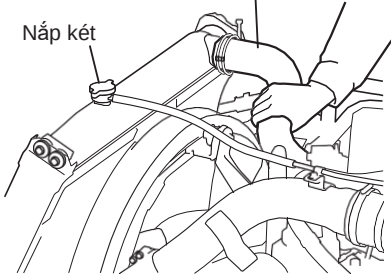


Ốc xả khí

Model động cơ 6NX1

Ống mềm phía trên

Nắp két



4. Bóp ống mềm phía trên kết nước hai hoặc ba lần.

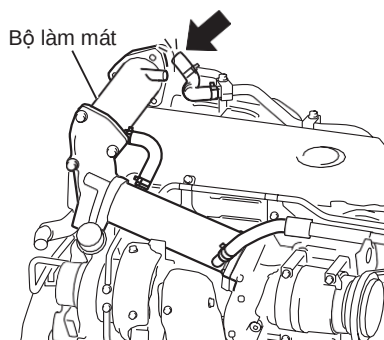
Nếu hành động này xả được không khí ra khỏi ống mềm và mức nước làm mát động cơ giảm xuống, bổ sung nước làm mát động cơ lên đến miệng rót kết nước từ phần nắp két nước.

Lặp lại hành động này đến khi mức nước làm mát động cơ không giảm nữa.



THẬN TRỌNG

- Nắp két nước là loại tác động kép, phải mở và đóng theo hai chuyển động xoay. Khi tháo nắp, cẩn thận để không làm hỏng nắp hoặc bộ lọc.
- Châm nước làm mát động cơ từng ít một để tránh trộn lẫn khí vào.

Bộ làm mát EGR không có ốc xả khí

Đóng nắp két nước nếu xe không được trang bị ốc xả khí và bộ làm mát EGR. Nếu xe được trang bị bộ làm mát EGR không có ốc xả khí, trong trường hợp có ốc xả khí trên cửa xả nước, tháo ống mềm khỏi phía cổ góp hút của bộ làm mát EGR phía trên đầu xy-lanh để xả khí. Lắp lại ống mềm sau khi xả khí xong. Nếu mức nước làm mát động cơ giảm, nạp thêm nước làm mát động cơ lên đến cửa nạp của két nước từ phần nắp két nước, sau đó đóng nắp két nước.

Nếu được trang bị bộ làm mát EGR có ốc xả khí, đóng nắp két nước trước khi thực hiện thao tác sau.

Trong trường hợp có ốc xả khí trên cửa xả nước, thay vòng đệm mới và siết chặt ốc xả khí. Trong trường hợp có ốc xả khí A và B, tháo cả hai ốc xả khí (A và B) ra khỏi bộ làm mát EGR phía trên đầu xy-lanh và nạp thêm bằng nước làm mát động cơ từ lỗ ốc xả khí (A). Ốc xả khí (B) được sử dụng để xả khí. Sau khi châm đầy bằng nước làm mát động cơ, thay vòng đệm mới cho ốc xả khí và siết chặt ốc xả khí.

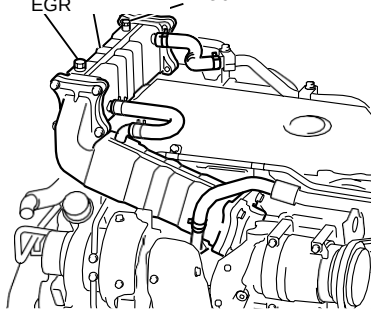
Bộ làm mát EGR có ốc xả khí

5.

Ốc xả khí A

Bộ làm mát EGR

Ốc xả khí B

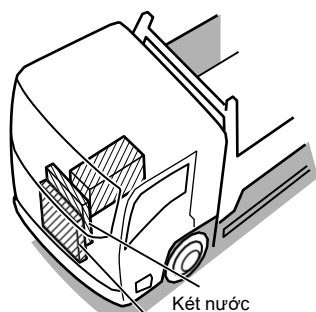
**Lực siết ốc xả khí của bộ làm mát EGR**

Ốc xả khí A	41 Nm (4,1 kgf·m/30 lb·ft)
Ốc xả khí B	26 Nm (2,7 kgf·m/19 lb·ft)

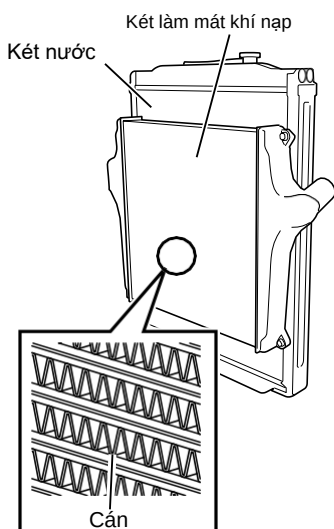
Lực siết ốc xả khí tại cửa xả nước**23,5 Nm (2,4 kgf·m/17 lb·ft)**

6. Châm đầy bình nước phụ bằng nước làm mát động cơ đến vạch "TỐI ĐA". Đóng nắp bình nước phụ.
7. Khởi động động cơ và để ở chế độ không tải khoảng 5 phút hoặc lâu hơn, sau đó dừng động cơ.
8. Kiểm xem động cơ đã đủ nguội chưa và tháo nắp két nước. Nếu mức nước làm mát động cơ giảm, bổ sung nước làm mát đến miệng cửa nạp của két nước. Nếu mức này quá thấp, kiểm tra xem két nước, đường dẫn nước làm mát hoặc ống mềm của bình nước phụ có bị rò rỉ không. Liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất của bạn nếu phát hiện rò rỉ.
9. Sau khi đóng chặt nắp két nước, để động cơ chạy không tải cho đến khi kim của đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát chạm đến vạch trung tâm và van hằng nhiệt mở ra. Nếu xe được trang bị điều hòa không khí, tắt công tắc điều hòa không khí để tăng nhiệt độ.
Nếu xe được trang bị bộ sưởi, tắt quạt để tăng nhiệt độ. Duy trì tốc độ động cơ khoảng 2.000 vòng/phút để làm nóng động cơ. Sau khi kim đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát chạm đến vạch trung tâm, tăng tốc độ động cơ lên khoảng 2.000 vòng/phút và duy trì tốc độ này trong 5 phút.
Kiểm tra van hằng nhiệt có bị hở không bằng cách kiểm tra xem ống mềm phía trên có nóng không. Nếu xe được trang bị bộ sưởi, vận điều khiển nhiệt độ đến cài đặt tối đa và đảm bảo khí nóng thoát ra ngoài.
10. Để động cơ chạy không tải khoảng 5 phút và sau đó dừng động cơ.
11. Kiểm xem động cơ đã đủ nguội chưa và tháo nắp két nước. Nếu mức nước làm mát động cơ giảm, bổ sung nước làm mát đến miệng cửa nạp của két nước. Nếu mức này quá thấp, kiểm tra xem két nước, đường dẫn nước làm mát hoặc ống mềm của bình nước phụ có bị rò rỉ không. Liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất của bạn nếu phát hiện rò rỉ.
12. Lặp lại các bước từ 9 đến 11 cho đến khi mức nước làm mát động cơ trong miệng rót két nước ngừng giảm.
13. Đóng chặt nắp két nước.
14. Bổ sung nước làm mát động cơ trong bình nước phụ đến vạch "TỐI ĐA", sau đó đóng nắp bình nước phụ.
15. Kiểm tra mức nước làm mát động cơ của bình nước phụ vào sáng hôm sau. Nếu mức nước làm mát động cơ giảm, đổ thêm đến vạch "TỐI ĐA".

Xử lý kết nước và bộ làm mát khí nạp



Bộ làm mát khí nạp



Cán

Làm sạch kết nước và kết làm mát khí nạp

Hiệu quả làm mát bị ảnh hưởng khi bụi bẩn bám tắc các đường dẫn khí trong kết nước và kết làm mát khí nạp. Điều này cũng có thể làm các lõi này bị ăn mòn.

Khi thay nước làm mát động cơ, rửa kết nước và kết làm mát khí nạp bằng nước máy.



CẢNH BÁO

- Đảm bảo đã tắt động cơ và rút chìa khóa khỏi Công tắc khởi động trước khi làm sạch lõi.
- Động cơ, ống xả và kết nước sẽ ngay lập tức nóng lên sau khi xe khởi động. Cần thận khi ở gần các bộ phận này để tránh bị bỏng. Làm sạch động cơ khi đã nguội đủ.



THẬN TRỌNG

- Không dùng nước cao áp để làm sạch kết nước, bộ làm mát khí nạp và các khu vực xung quanh. Làm như vậy có thể làm hỏng các bộ phận.
- Khi làm sạch kết nước và kết làm mát khí nạp, không làm gãy hoặc làm hỏng cánh tản nhiệt.
- Các cánh tản nhiệt rất dễ gãy, vì vậy hãy cẩn thận để không làm biến dạng chúng. Hiệu suất làm mát của các cánh tản nhiệt sẽ giảm đi nếu bị biến dạng.
- Trước khi vệ sinh, thực hiện các bước để đảm bảo nước không bắn lên các linh kiện và dây điện xung quanh.

THẬN TRỌNG (tiếp)

THẬN TRỌNG (tiếp)

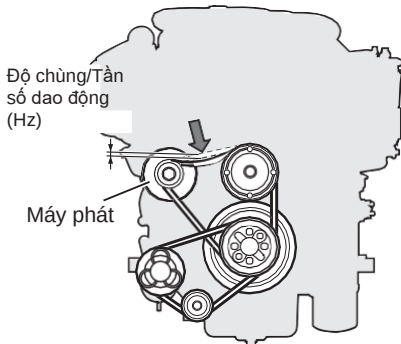
- Nếu vẫn còn bụi bẩn cứng đầu ngay cả sau khi kết nước và kết làm mát khí nạp đã được làm sạch, hãy đưa xe đi kiểm tra và bảo dưỡng tại Đại lý Isuzu của bạn.

Dây đai quạt



THẬN TRỌNG

- Dây đai quạt có gân chữ V được sử dụng trong động cơ của bạn cần được chỉnh lực căng chính xác hơn so với dây đai gân chữ V thông thường. Lực căng không phù hợp có thể gây ra tiếng ồn hoặc làm đứt dây đai. Khi dây đai quạt bị hỏng, điện không được tạo ra đúng cách và trở thành nguyên nhân dẫn đến quá nhiệt. Bạn phải kiểm tra lực căng của dây đai quạt cẩn thận.
- Để kiểm tra chính xác lực căng của dây đai quạt, sử dụng thiết bị đo lực căng dây đai bằng sóng âm, thiết bị này sẽ cho bạn biết tần số dao động của dây đai (đại diện cho lực căng của dây đai) như được liệt kê bên dưới. Hỏi Đại lý Isuzu của bạn về thiết bị đo lực căng dây đai bằng sóng âm.
- Sử dụng sản phẩm chính hãng của Isuzu khi thay dây đai quạt.

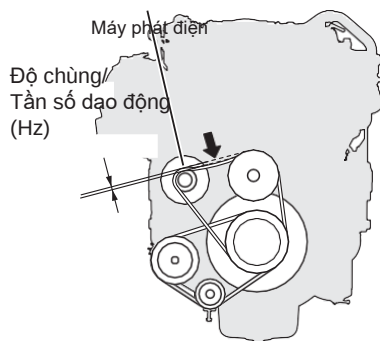


Kiểm tra hằng ngày (model động cơ 6HK1)

Nhấn vào trung tâm đoạn dây đai nằm giữa các pu-ly (xem hình) với áp lực 98 N (10,0 kgf/22 lb) và kiểm tra độ chùng hoặc tần số dao động. Độ lớn của độ chùng hoặc tần số dao động phải nằm trong khoảng giá trị tiêu chuẩn được nêu bên dưới.

Nếu không thuộc khoảng giá trị tiêu chuẩn này, điều chỉnh lực căng hoặc thay dây đai. Ngoài ra, kiểm tra xem dây đai quạt có bị rạn nứt hoặc có hư hại khác không. Thay dây đai nếu có các dấu hiệu này.

Dây đai quạt	Giá trị tiêu chuẩn	
	Mức độ chùng	Tần số dao động
Dây đai mới	4,5 - 5,3 mm (0,18 - 0,21 in)	191 - 209 Hz
Khi đã sử dụng	6,4 - 7,0 mm (0,25 - 0,28 in)	162 - 172 Hz

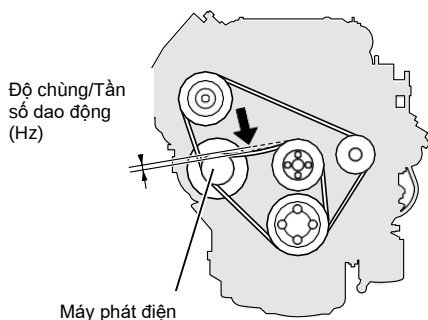


Kiểm tra hằng ngày (model động cơ 6NX1)

Nhấn vào trung tâm đoạn dây đai nằm giữa các pu-ly (xem hình) với áp lực 98 N (10,0 kgf/22 lb) và kiểm tra độ chùng hoặc tần số dao động. Độ lớn của độ chùng hoặc tần số dao động phải nằm trong khoảng giá trị tiêu chuẩn được nêu bên dưới.

Nếu không thuộc khoảng giá trị tiêu chuẩn này, điều chỉnh lực căng hoặc thay dây đai. Ngoài ra, kiểm tra xem dây đai quạt có bị rạn nứt hoặc có hư hại khác không. Thay dây đai nếu có các dấu hiệu này.

Dây đai quạt	Giá trị tiêu chuẩn	
	Mức độ chùng	Tần số dao động
Dây đai mới	4,6 - 5,4 mm (0,18 - 0,21 in)	186 - 204 Hz
Khi đã sử dụng	6,4 - 7,1 mm (0,25 - 0,28 in)	158 - 168 Hz



Kiểm tra hằng ngày (model động cơ 4HK1)

Nhấn vào trung tâm đoạn dây đai nằm giữa các pu-ly (xem hình) với áp lực 98 N (10,0 kgf/22 lb) và kiểm tra độ chùng hoặc tần số dao động. Độ lớn của độ chùng hoặc tần số dao động phải nằm trong khoảng giá trị tiêu chuẩn được nêu bên dưới.

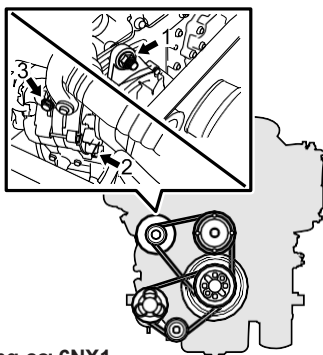
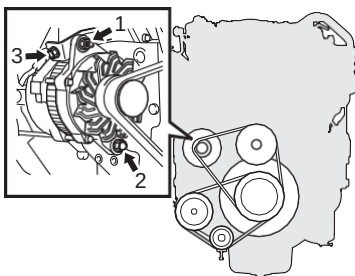
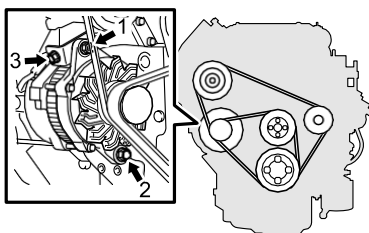
Nếu không thuộc khoảng giá trị tiêu chuẩn này, điều chỉnh lực căng hoặc thay dây đai. Ngoài ra, kiểm tra xem dây đai quạt có bị rạn nứt hoặc có hư hại khác không. Thay dây đai nếu có các dấu hiệu này.

Dây đai quạt	Giá trị tiêu chuẩn	
	Mức độ chùng	Tần số dao động
Dây đai mới	4,9 - 5,9 mm (0,19 - 0,23 in)	208 - 232 Hz
Khi đã sử dụng	6,9 - 7,7 mm (0,27 - 0,30 in)	178 - 190 Hz

**THẬN TRỌNG**

[Làm theo chỉ dẫn này để điều chỉnh lực căng dây đai đúng cách]

- Sau khi lắp, việc đầu tiên là kéo căng các dây đai mới. Ngoài ra, dây đai mới hoặc tái sử dụng đã lắp phải phù hợp với các rãnh pu-ly. Trong quá trình thực hiện, bắt buộc phải thực hiện các điều chỉnh sau.
 - Căn chỉnh các rãnh dây đai và pu-ly và điều chỉnh lực căng dây đai dựa theo phương pháp được chỉ định.
 - Khởi động động cơ và để chạy không tải khoảng 5 phút để dây đai bám ổn định vào các rãnh pu-ly.
 - Dừng động cơ. Sau đó đo lực căng dây đai và điều chỉnh lại lực căng đến giá trị quy định nếu chưa phù hợp.
 - Chỉ sử dụng thông số lực căng dây đai mới sau khi thay bằng dây đai mới.

Model động cơ 6HK1**Model động cơ 6NX1****Model động cơ 4HK1****Điều chỉnh**

1. Nới lỏng các bu lông hoặc đai ốc trên và dưới của máy phát điện (1, 2).
2. Xoay bu lông điều chỉnh (3) đến khi lực căng dây đai nằm trong khoảng giá trị tiêu chuẩn.
3. Sau đó, siết chặt tất cả các bu lông và đai ốc đã nới lỏng.

Thay thế

1. Tháo dây đai của máy nén điều hòa không khí.

Dây đai máy nén điều hòa không khí

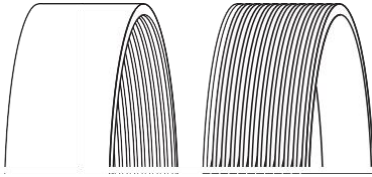
V

→ Tham khảo trang 7-179

2. Nới lỏng các bu lông hoặc đai ốc trên và dưới của máy phát điện (1, 2), sau đó tháo dây đai khỏi các pu-ly.
3. Lấy dây đai ra thông qua khe hở trong bộ phận dẫn hướng quạt.
4. Lắp dây đai mới thông qua khe hở trong bộ phận dẫn hướng quạt trong khi căn chỉnh các rãnh của dây đai với các rãnh trong pu-ly máy phát điện và pu-ly trực khuỷu.
5. Xoay bu lông điều chỉnh (3) đến khi lực căng dây đai nằm trong khoảng giá trị tiêu chuẩn.
6. Sau đó, siết chặt tất cả các bu lông và đai ốc đã nới lỏng.
7. Lắp dây đai máy nén điều hòa không khí.

Bình thường

Lộn từ trong ra ngoài



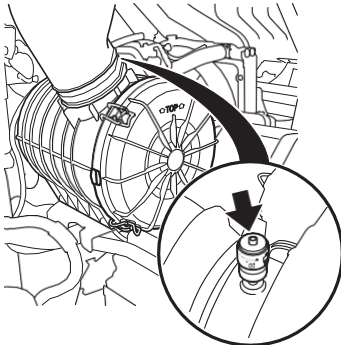
KHUYẾN CÁO

- Khi đặt dây đai vào giữa phần rãnh của bộ phận dẫn hướng quạt và quạt, lộn dây đai từ trong ra ngoài (các rãnh ở bên ngoài) để dây đai khó bị mắc vào các bộ phận xung quanh khác và dễ dàng lắp. Sau khi luồn dây đai qua, xoay dây đai lại bình thường (các rãnh ở bên trong).

Bộ lọc gió

Bộ lọc gió bị bẩn làm giảm công suất động cơ, tăng lượng khí thải (khói đen) và tiêu thụ nhiên liệu.

Kiểm tra bộ lọc gió



Kiểm tra tín hiệu của đèn báo có màu đỏ không. Bộ lọc gió đạt yêu cầu nếu tín hiệu đèn trong suốt. Phải làm sạch bộ lọc gió nếu tín hiệu đèn là màu đỏ.

Thay lõi bộ lọc gió theo đúng Lịch bảo dưỡng.

Lịch bảo dưỡng

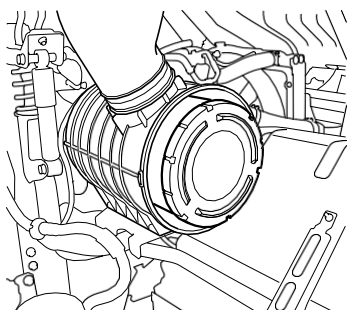
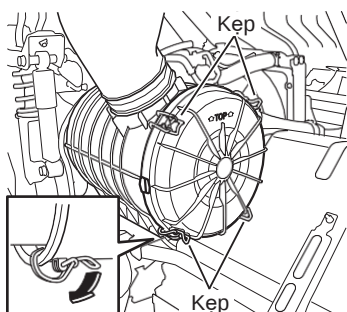
→ Tham khảo trang 7-195

Làm sạch và thay lõi bộ lọc gió



KHUYẾN CÁO

- Thay phần tử lọc gió sau khi làm sạch 6 lần hoặc theo Lịch bảo dưỡng.
- Luôn khuyến khích sử dụng các bộ phận chính hãng của Isuzu để thay thế. Nếu không, hiệu quả lọc giảm và động cơ sẽ bị hỏng.
- Lắp phần tử lọc trong để ngăn bụi lọt vào bên trong bộ lọc gió khi đang làm sạch phần tử lọc ngoài. Không cố gắng tháo (và làm sạch để tái sử dụng) phần tử lọc trong.
- Thay phần tử lọc khi thay phần tử lọc bên ngoài.
- Lắp tức thay các lõi bị hỏng.
- Tắt động cơ khi tháo các lõi.
- Tháo các lõi trong khu vực sạch sẽ, không có bụi.
- Ngăn bụi lọt vào thân bộ lọc gió.



1. Nâng cabin.

Nâng cabin ☐

→ Tham khảo trang 7-10

Hệ thống nâng cabin điện ☐

→ Tham khảo trang 7-15

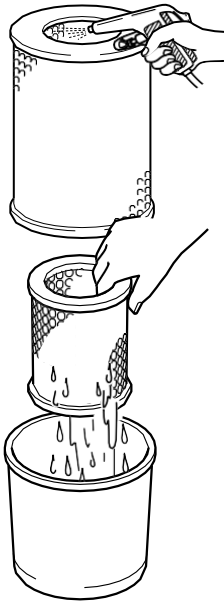
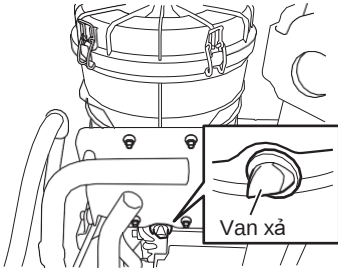
2. Tháo 4 kẹp và nắp bộ lọc gió.

3. Tháo lõi bộ lọc gió bằng cách kéo về phía bạn.



KHUYẾN CÁO

- Nếu bộ lọc gió có phần tử lọc trong, cẩn thận kéo phần tử lọc ngoài ra khỏi thân bộ lọc gió. Không để phần tử lọc trong rơi tự do (sẽ bị hư hại).



4. Loại bỏ bụi tích tụ trên nắp và thân bộ lọc gió.

5. Làm sạch van xả ở đáy của cụm lọc gió.

6. Vệ sinh phần tử lọc gió. Chọn một trong các phương pháp làm sạch sau đây tùy thuộc vào độ bẩn của phần tử lọc.

a. Khi bụi khô bám vào phần tử lọc

1. Thổi khí nén ở áp suất dưới **690 kPa** (7,0 kgf/cm²/100 psi) vào bên trong phần tử lọc trong khi xoay phần tử lọc để loại bỏ bụi.

2. Kiểm tra xem phần tử lọc có bị hư hại hoặc bị mỏng ở chỗ nào không.

b. Khi phần tử lọc bị khói nhờn hoặc muối ẩm đen

1. Ngâm phần tử lọc trong hỗn hợp nước và chất tẩy rửa trung tính trong khoảng 30 phút.

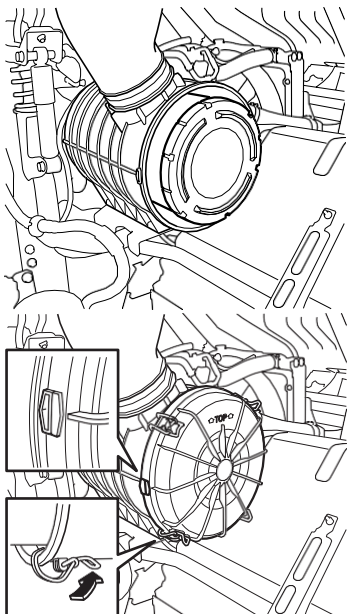
2. Tráng phần tử lọc trong nước sạch.

3. Sau khi làm sạch, để phần tử lọc khô tự nhiên ở nơi thoáng gió.



KHUYẾN CÁO

- Không đập hay gõ phần tử lọc vì có thể gây hư hại cho phần tử lọc.
- Phơi khô sẽ mất hai hoặc ba ngày. Chúng tôi khuyến cáo sử dụng phần tử lọc dự phòng.
- Không phun khí nén hoặc hong lửa để làm khô.
- Không làm sạch phần tử lọc trong.



7. Đẩy phần tử lọc lại vị trí ban đầu trong thân bộ lọc gió.

8. Lắp nắp bộ lọc gió.

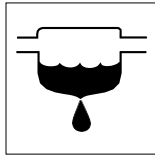
Khi lắp vỏ, đảm bảo dấu "ISUZU" hoặc "TOP" ở trên cùng và rãnh ở phía bên trái thẳng với vấu kẹp trên thân. Khóa nắp an toàn bằng 4 kẹp.

Lọc nhiên liệu

Thay bộ lọc nhiên liệu chính phía động cơ (bộ lọc thứ cấp) và bộ lọc nhiên liệu thô phía xe theo Lịch bảo dưỡng. Xả nước từ bộ lọc nhiên liệu khi đèn cảnh báo bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu) sáng.

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Đèn cảnh báo bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu)

Đèn cảnh báo sáng khi lượng nước đọng lại trong bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu) vượt quá mức giới hạn.

Xả nước và đảm bảo đèn hoặc đèn chỉ báo tắt.

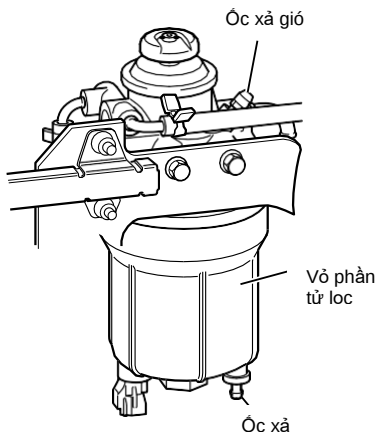
**THẬN TRỌNG**

- Bất kỳ phần nước nào còn lại trong bộ tách nước đều có thể bị đóng băng, làm hỏng xe.
- Nếu đèn cảnh báo sáng khi động cơ đang chạy, xả ngay nước khỏi bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu). Tiếp tục lái xe khi đèn sáng có thể làm hỏng hệ thống phun nhiên liệu. Nếu điều này xảy ra, mang xe đến Đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra và bảo dưỡng.

Xả nước từ bộ lọc nhiên liệu

→ Tham khảo trang 7-68

Thay bộ lọc nhiên liệu

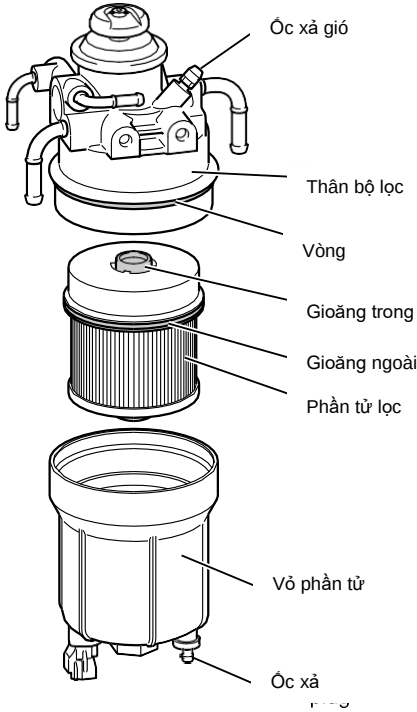

Bộ lọc nhiên liệu chính phía động cơ (model động cơ 6HK1/4HK1)

1. Nối một đầu của ống mềm nhựa với ốc xả ở đáy bộ lọc nhiên liệu phía động cơ và đặt đầu kia của ống mềm vào bên trong thùng chứa để hứng chất lỏng được xả.
2. Nới lỏng ốc xả ở đáy vỏ phần tử lọc. Tháo nắp cao su của ốc xả gió và sau đó nới lỏng ốc xả. Điều này sẽ cho phép nhiên liệu trong vỏ phần tử lọc thoát ra khỏi ốc xả. Siết chặt ốc xả gió.
3. Dùng dụng cụ (ví dụ cờ lê đầu tuýp, 29 mm) để nới lỏng phần lục giác ở đáy vỏ phần tử lọc bằng cách xoay ngược chiều kim đồng hồ. Tháo vỏ phần tử lọc.
4. Kéo lõi bộ lọc xuống dưới và tháo vòng chữ O. Dùng vải sạch để lau tạp chất tích tụ trên bề mặt trong của thân bộ lọc.


KHUYẾN CÁO

- Không sử dụng khí nén để loại bỏ tạp chất. Thay vào đó, sử dụng vải sạch. Thổi khí có thể đưa tạp chất vào đường dẫn nhiên liệu, dẫn đến động cơ gặp sự cố.

BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG



5. Gắn vòng chữ O mới vào thân bộ lọc, đảm bảo vòng chữ O không bị hư hỏng do các ren vít.
6. Sau khi phủ một lớp nhiên liệu diesel mỏng lên các gioăng trong và ngoài của phần tử lọc mới, xoay phần tử lọc theo chiều kim đồng hồ đến khi đầu phần tử lọc chạm vào thân bộ lọc.



KHUYẾN CÁO

- Không để tạp chất xâm nhập vào 4 lỗ gắn gioăng trong.

7. Sau khi phủ một lớp nhiên liệu diesel mỏng lên bề mặt đầu tuýp bên trong vỏ phần tử lọc hoặc vòng chữ O, xoay vỏ phần tử lọc đến khi chạm vào thân bộ lọc. Nếu đầu của vỏ phần tử lọc không chạm vào thân bộ lọc, lõi bộ lọc chưa được lắp hoàn toàn. Lắp lại phần tử lọc trong khi xoay.



CẢNH BÁO

- Khi lắp vỏ phần tử lọc, cẩn thận không để vòng chữ O bị mắc vào các ren vít. Điều này có thể làm rò rỉ nhiên liệu hoặc gây ra hỏa hoạn.



KHUYẾN CÁO

- Đảm bảo sử dụng bộ lọc nhiên liệu chính hãng của Isuzu.
- Thay gioăng khi thay bộ lọc.
- Xử lý bộ lọc được thay theo phương pháp phù hợp với các quy định tại quốc gia của bạn.

8. Lắp vỏ phần tử lọc.

Lực siết

51 - 61 N·m (5,2 - 6,2 kgf·m/38 - 45 lb·ft)

9. Siết chặt ốc xả.

10. Xả gió cho hệ thống nhiên liệu.

Cách xả gió (Model động cơ 6HK1/4HK1)

→ Tham khảo trang 8-15

11. Sau khi khởi động lại động cơ, xác nhận không có rò rỉ nhiên liệu tại khu vực xung quanh bộ lọc nhiên liệu.

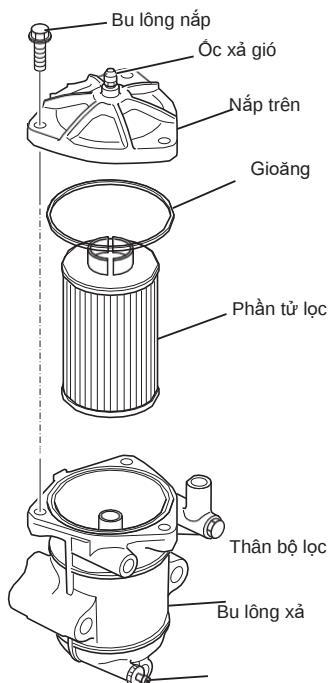
Bộ lọc nhiên liệu chính phía động cơ (model động cơ 6NX1)

1. Xả nước và cặn lắng từ bên trong bộ lọc theo "Xả nước từ bộ lọc nhiên liệu".

Bộ lọc nhiên liệu chính phía động cơ (model động cơ 6NX1)

→ Tham khảo trang 7-69

2. Nới lỏng bu lông nắp, tháo nắp trên và tháo phần tử lọc.



KHUYẾN CÁO

- Xử lý phần tử lọc được xả theo phương pháp phù hợp với các quy định tại quốc gia của bạn.

3. Làm sạch bên trong thân bộ lọc và lắp phần tử lọc mới.

Đồng thời, thay gioăng.

4. Siết chặt bu lông nắp, siết chặt ốc xả bằng tay đến khi tiếp xúc hoàn toàn với thân bộ lọc, sau đó xả hết khí bên trong bộ lọc.

Lực siết bu lông nắp

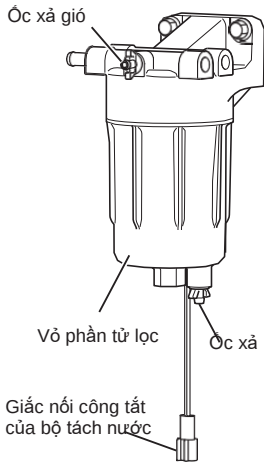
20 - 30 N·m (2,0 - 3,1 kgf·m/15 - 22 lb·ft)

Cách xả gió (Model động cơ 6NX1)

→ Tham khảo trang 8-16

**KHUYẾN CÁO**

- Không siết bu lông quá chặt. Làm như vậy có thể làm hỏng gioăng, gây rò rỉ nhiên liệu và dẫn đến cháy.
- Sau khi thay bộ lọc nhiên liệu, khởi động động cơ để kiểm tra xem có rò rỉ xung quanh bộ lọc không. Nhiên liệu rò rỉ có thể gây ra hỏa hoạn.
- Nên sử dụng lõi bộ lọc nhiên liệu chính hãng của Isuzu để thay thế.

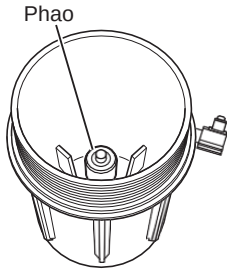
**Bộ lọc nhiên liệu thô phía xe**

1. Tháo giắc nối công tắc của bộ tách nước.
2. Thay các-te dưới bộ lọc nhiên liệu thô và nối ống mềm trong suốt, v.v. (đường kính trong 8 mm) với ốc xả.
3. Nới lỏng ốc xả.

**KHUYẾN CÁO**

- Không nới quá lỏng ốc xả. Điều này có thể làm ốc xả rơi ra.

4. Nới lỏng ốc xả gió. Nhiên liệu trong bộ lọc sẽ được xả ra từ ốc xả.
5. Khi xả hết, siết chặt ốc xả gió.
6. Tháo ống mềm khỏi ốc xả.
7. Cẩn thận xoay vỏ phần tử lọc ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra khỏi thân bộ lọc.

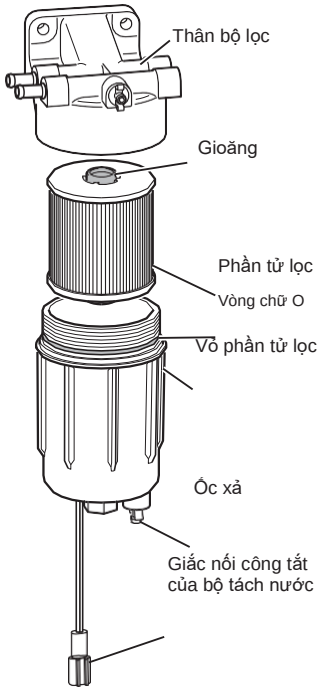
**KHUYẾN CÁO**

- Kiểm tra xem phao ở đáy vỏ phần tử lọc có di chuyển trơn tru không.
- Nối giắc nối công tắc của bộ tách nước, lật ngược vỏ phần tử lọc và đảm bảo đèn cảnh báo bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu) không sáng.
- Làm sạch tạp chất, bụi bẩn, v.v. ở dưới đáy trong vỏ phần tử lọc.

8. Kéo phần tử lọc xuống dưới và tháo vòng chữ O. Nếu có bất kỳ tạp chất nào tích tụ trên chu vi bên trong của thân bộ lọc nhiên liệu, dùng vải sạch, v.v để loại bỏ.

**KHUYẾN CÁO**

- Không sử dụng khí nén, v.v. Lau sạch tạp chất bằng vải sạch. Nếu sử dụng khí nén, tạp chất có thể lọt vào đường dẫn nhiên liệu và có thể làm hỏng động cơ.



9. Lắp vòng chữ O mới vào vỏ phần tử lọc, đảm bảo vòng chữ O không bị hư hỏng do các ren vít.
10. Sau khi phủ một lớp nhiên liệu diesel mỏng chưa sử dụng lên các gioăng của phần tử lọc mới, đẩy phần tử lọc vào cho đến khi đầu phần tử lọc chạm vào thân bộ lọc.



KHUYẾN CÁO

- Cẩn thận để tạp chất không lọt vào các lỗ (4 vị trí) ở cạnh bên của vòng đệm trong.

11. Sau khi phủ một lớp nhiên liệu diesel mỏng chưa sử dụng lên vòng chữ O trong vỏ phần tử lọc, xoay theo chiều kim đồng hồ đến khi đầu phần tử lọc chạm vào thân bộ lọc. Phần tử lọc chưa được lắp hoàn toàn nếu đầu của vỏ phần tử lọc không chạm vào thân bộ lọc; do đó, hãy chèn lại trong khi xoay phần tử lọc.
12. Lắp vỏ phần tử lọc.

Lực siết vỏ phần tử lọc

28 - 32 N·m (2,9 - 3,3 kgf·m/21 - 24 lb·ft)

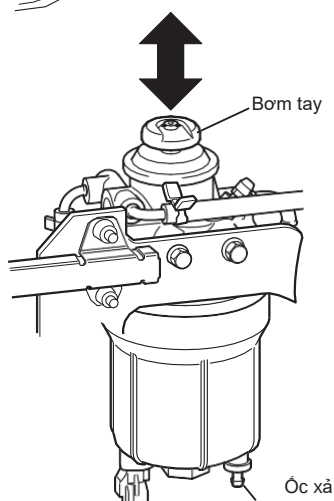
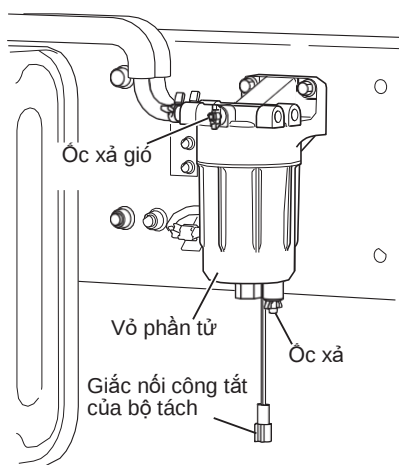
13. Siết chặt ốc xả và giắc nối công tắc của bộ tách nước.
14. Xả hết khí trong bộ lọc.



CẢNH BÁO

- Sau khi thay bộ lọc nhiên liệu, khởi động động cơ để kiểm tra xem có rò rỉ xung quanh bộ lọc không. Nhiên liệu rò rỉ có thể gây cháy.

Xả nước từ bộ lọc nhiên liệu



Bộ lọc nhiên liệu thô phía xe

1. Nới lỏng ốc xả gió.
2. Nới lỏng ốc xả để xả nước và cặn lắng bên trong bộ lọc.
3. Siết chặt ốc xả, sau đó xả hết khí trong bộ lọc.

Cách xả khí (Model động cơ 6HK1/4HK1)

→ Tham khảo trang 8-15

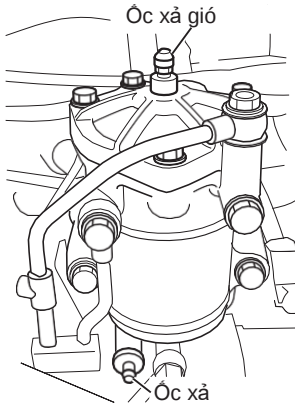
Cách xả khí (Model động cơ 6NX1)

→ Tham khảo trang 8-16

4. Sau khi khởi động động cơ, đảm bảo đèn cảnh báo bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu) không sáng.

Bộ lọc nhiên liệu chính phía động cơ (model động cơ 6HK1/4HK1)

1. Nối một đầu của ống mềm nhựa với ốc xả ở đáy bộ lọc nhiên liệu phía động cơ và đặt đầu kia của ống mềm vào bên trong thùng chứa để hứng chất lỏng được xả.
2. Nới lỏng ốc xả ở đáy của bộ lọc nhiên liệu và di chuyển bơm tay lên xuống để xả nước.
3. Siết chặt hoàn toàn ốc xả và di chuyển bơm tay nhiều lần.
4. Kiểm tra để đảm bảo không có rò rỉ nhiên liệu từ ốc xả và đèn cảnh báo bộ tách nước (bộ lọc nhiên liệu) không sáng sau khi khởi động động cơ.



Bộ lọc nhiên liệu chính phía động cơ (model động cơ 6NX1)

1. Nâng cabin.

Hệ thống nâng cabin điện ☐ V

→ Tham khảo trang 7-15

2. Nới lỏng ốc xả gió.

3. Nới lỏng ốc xả để xả nước và cặn lắng bên trong bộ lọc.

4. Dùng tay siết chặt ốc xả đến khi tiếp xúc hoàn toàn với thân bộ lọc, sau đó xả hết khí trong bộ lọc.

Cách xả khí (Model động cơ 6NX1)

→ Tham khảo trang 8-16



THẬN TRỌNG

- Làm sạch hết nhiên liệu còn bám trên thân xe.
- Khởi động động cơ ngay sau khi xả hết nước từ bộ lọc nhiên liệu, quá trình này cần nhiều thời gian hơn bình thường một chút. Nếu động cơ không khởi động trong 10 giây, chờ một chút và thử lại.
- Nhiên liệu sẽ được trộn trong nước xả ra. Xử lý nhiên liệu được xả ra theo phương pháp phù hợp với các yêu cầu quy định tại quốc gia của bạn.

Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD)

☐ V

Kiểm tra và làm sạch DPD

Thực hiện kiểm tra áp suất khí thải tại Đại lý Isuzu của bạn theo Lịch bảo dưỡng. Có thể cần làm sạch bộ lọc tùy vào kết quả kiểm tra. Nếu bạn không thể kiểm tra áp suất khí xả, làm sạch bộ lọc và kiểm tra phần cao su của cảm biến áp suất vì sai khí xả.



KHUYẾN CÁO

- Không kiểm tra hoặc làm sạch DPD có thể khiến DPD hoặc động cơ bị lỗi hoặc sử dụng nhiên liệu kém.
- Yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn kiểm tra và làm sạch DPD.

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Vòi phun của ống xả

V

Vòi phun của ống xả là thiết bị bơm nhiên liệu vào ống xả, cho phép làm sạch bộ lọc DPD (đốt cháy PM). Vì muội bám vào vòi phun sẽ làm giảm lượng phun và hiệu suất làm sạch kém, cần kiểm tra và làm sạch định kỳ.

Kiểm tra và làm sạch vòi phun của ống xả

Vui lòng thực hiện kiểm tra và làm sạch vòi phun của ống xả tại Đại lý Isuzu.

**KHUYẾN CÁO**

- Có thể dẫn đến hiệu suất làm sạch DPD kém nếu không thực hiện kiểm tra và làm sạch.

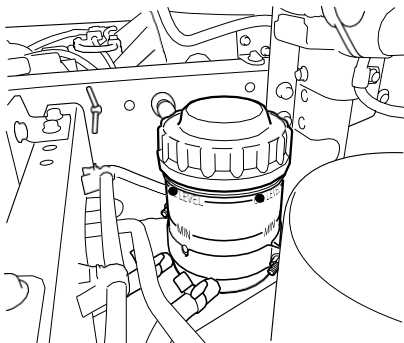
BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN KHUNG XE

• Phanh		7-72
• Phanh tay		7-79
• Phanh tang trống		7-83
• Bánh xe và lốp xe		7-87
• Đào lốp		7-92
• Chuẩn bị thay lốp		7-94
• Thay lốp (Bánh xe JIS có 6 hoặc 8 bu lông)	☐ V	7-95
• Thay lốp (Bánh xe ISO có 10 bu lông)	☐ V	7-104
• Lốp dự phòng	☐ V	7-110
• Nắp đai ốc bánh xe (Bánh xe JIS có 8 bu lông)	☐ V	7-113
• Nắp đai ốc bánh xe (Bánh xe ISO có 10 bu lông)	☐ V	7-115
• Kiểm tra bu lông trục cầu xe		7-116
• Bình khí		7-117
• Bộ sấy không khí	☐ V	7-118
• Dầu ly hợp	☐ M/T	7-121
• Ly hợp	☐ M/T	
• Nhót hộp số sàn		7-127
• Dầu ly hợp Smoother	☐ SA	7-137
• Nhót hộp số vi sai cầu sau		7-140
• Dầu trợ lực lái		7-143
• Bộ lọc dầu trợ lực lái		7-147
• Vô lăng		7-148
• Bình nhiên liệu		7-149
• Bôi mỡ các thành phần khung		7-150

Phanh

Kiểm tra mức dầu phanh

AHB



Thay dầu phanh theo Lịch bảo dưỡng.

Mức nhớt trong bình dầu phanh phải ở giữa vạch "TỐI THIỂU" và "MỨC NHỚT". Nếu mức nhớt thấp hơn vạch "TỐI THIỂU", bổ sung thêm đến vạch "MỨC NHỚT".

Dùng các sản phẩm chính hãng của Isuzu để châm đầy.



CẢNH BÁO

- Nếu mức dầu phanh quá thấp, đường ống phanh có thể bị rò rỉ. Kiểm tra đường ống xem có khả năng rò rỉ không. Nếu phát hiện rò rỉ, liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất ngay khi có thể.
- Vì dầu phanh có tính hút ẩm cao, đảm bảo hơi ẩm không xâm nhập vào nhớt trong khi kiểm tra, bổ sung hoặc bảo quản. Nếu hơi ẩm trộn với nhớt, điểm sôi của nhớt giảm và gây ra "nút hơi nước", một vấn đề rất nguy hiểm ảnh hưởng đến chức năng của phanh.
- Không để nhớt động cơ, nhớt hộp số và bất kỳ loại nhớt nào khác trộn với dầu phanh. Dầu phanh bị trộn với các loại nhớt này sẽ làm giảm chức năng của phanh và làm hỏng các bộ phận của hệ thống phanh, có thể gây ra các tình huống rất nguy hiểm.

**KHUYẾN CÁO**

- Dầu phanh làm chảy lớp sơn và các vật liệu của linh kiện xe như nhựa, vinyl và cao su. Dầu phanh cũng có tính ăn mòn cao đối với kim loại. Nếu bị đổ, lập tức lau bề mặt dính dầu phanh và rửa hoàn toàn bằng nước.

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Xả khí cho hệ thống phanh thủy lực

AHB

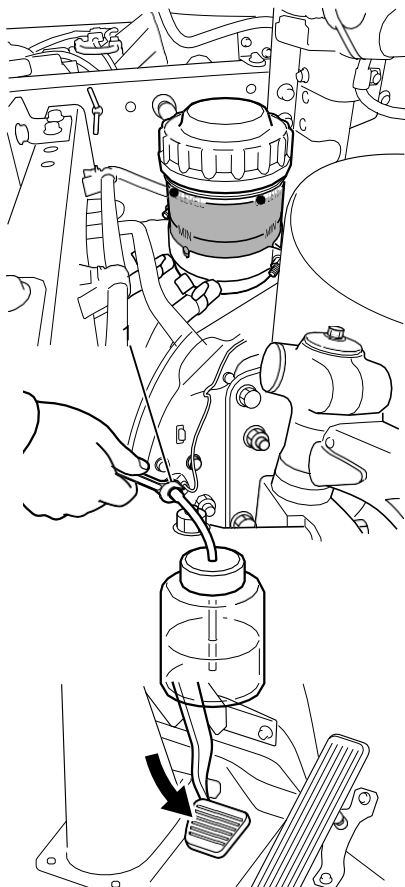
Nếu có không khí trong hệ thống phanh thủy lực, không khí ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của phanh. Xả khí cho hệ thống nếu sử dụng phanh khi lượng dầu phanh trong bình cực thấp hoặc tháo đường ống phanh trong quá trình bảo dưỡng vận hành. Không tự thực hiện xả khí, cần phải có sự giúp đỡ của người khác.

**CẢNH BÁO**

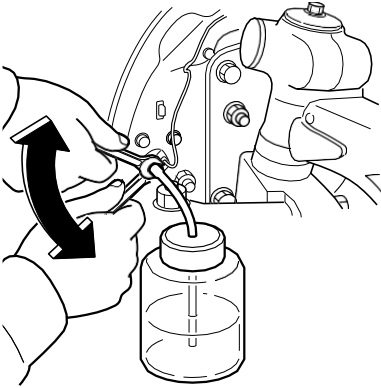
- Vì dầu phanh có tính hút ẩm cao, đảm bảo hơi ẩm không xâm nhập vào nhớt trong khi kiểm tra, bổ sung hoặc bảo quản. Nếu hơi ẩm trộn với nhớt, điểm sôi của nhớt giảm và gây ra "nút hơi nước", một vấn đề rất nguy hiểm ảnh hưởng đến chức năng của phanh.
- Không để nhớt động cơ, nhớt hộp số và bất kỳ loại nhớt nào khác trộn với dầu phanh. Dầu phanh bị trộn với các loại nhớt này sẽ làm giảm chức năng của phanh và làm hỏng các bộ phận của hệ thống phanh, có thể gây ra các tình huống rất nguy hiểm.

**THẬN TRỌNG**

- Dầu phanh làm chảy lớp sơn và các vật liệu của linh kiện xe như nhựa, vinyl và cao su. Dầu phanh cũng có tính ăn mòn cao đối với kim loại. Nếu bị đổ, lập tức lau bề mặt dính dầu phanh và rửa hoàn toàn bằng nước.

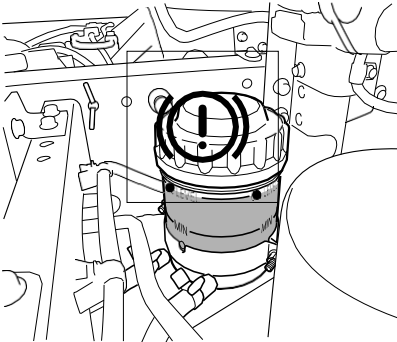


1. Trước khi xả khí cho hệ thống phanh thủy lực, khởi động và chạy động cơ để tăng áp suất khí lên mức đủ cao để xả.
2. Nạp lại dầu phanh đến vạch "MỨC NHỎT" trên bình dầu phanh. Duy trì mức này trong suốt quá trình xả bằng cách đổ thêm dầu phanh nếu cần thiết. Xả khí cho từng phần của hệ thống phanh thủy lực theo trình tự sau:
Cụm trợ lực khí nén → Bánh trước bên phải → Bánh trước bên trái → Bánh sau bên phải → Bánh sau bên trái
3. Tháo nắp cao su khỏi vít xả gió (1). Lau sạch vít xả gió. Lắp một đầu của ống mềm van xả vào vít xả gió và đặt đầu còn lại vào thùng chứa trong suốt. Đổ dầu phanh vào thùng chứa đến khoảng một phần ba (1/3) dung tích thùng.
4. Nhấn bàn đạp phanh nhiều lần, sau đó giữ nguyên.



5. Nới lỏng vít xả gió khoảng nửa vòng để dầu phanh chứa bọt khí chảy vào thùng chứa và sau đó lập tức siết chặt vít xả gió.

6. Nhả bàn đạp phanh thật chậm. Lặp lại bước 4 và 5 đến khi nhớt từ ống mềm không còn bọt khí nữa. Sau khi xả, lắp nắp cao su vào đúng vị trí.



Đèn cảnh báo hệ thống phanh



THẬN TRỌNG

- Khi xả, đảm bảo mức nhớt trong bình dầu phanh không dưới vạch "TỐI THIỂU".
- Nếu bạn xả hệ thống mà không khởi động động cơ, điều này có thể gây hại cho bộ trợ lực phanh.

7. Sau mỗi phần của quy trình xả gió, nhấn bàn đạp phanh để kiểm tra đèn cảnh báo hệ thống phanh không sáng.

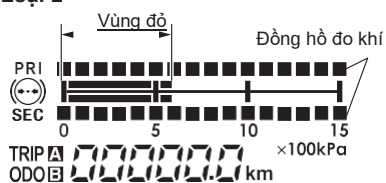
Đèn cảnh báo hệ thống phanh

AHB

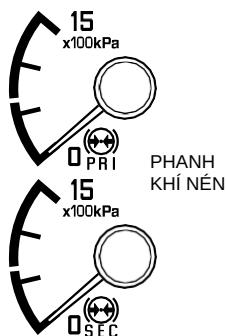
→ Tham khảo trang 4-21

Áp suất khí

Loại 1



Loại 2



Kiểm tra áp suất khí

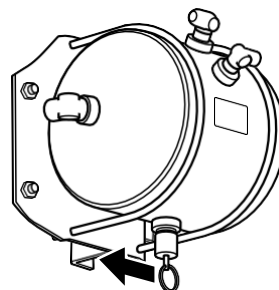
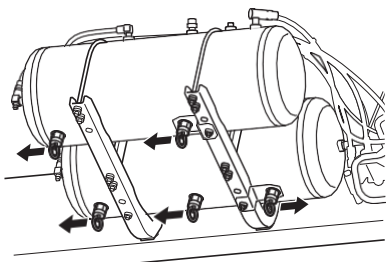
1. Kiểm tra Đồng hồ áp suất khí nén để đảm bảo hệ thống khí sơ cấp và thứ cấp được nạp khí đến giá trị thích hợp.

Áp suất khí tối ưu

780 - 890 kPa
(8,0 - 9,1 kgf/cm²/114 - 129 psi)

2. Tiếp theo, kiểm tra mức tăng áp suất khí. Sau khi xác nhận đã kéo hết cần phanh tay, kéo toàn bộ vòi xả ở đáy bình để xả hết khí bên trong bình.

Bình khí cho phụ tải ☐ V



Áp dụng quy trình xả nước được mô tả ở trên cho bình khí được lắp ở các vị trí khác.

3.

Đèn cảnh báo áp suất khí nén

Loại 1



Loại 2



Khởi động và chạy động cơ ở trạng thái không tải. Lưu ý đến các hệ thống phanh khí nén nếu thời gian cần thiết để Đèn cảnh báo áp suất khí nén tắt khớp với thời gian được chỉ ra trong bảng bên dưới cho xe cụ thể của bạn.

Đèn cảnh báo áp suất khí nén

→ Tham khảo trang 4-22

Thời gian cần thiết trước khi Đèn cảnh báo áp suất khí nén tắt

Model xe và thông số kỹ thuật			Thời gian (phút)
FRR			6
FTR			7
FVR	FAB	Phanh tay bánh xe	11
	AHB	Phanh tay trung tâm	7
FVM			14
FVZ			14
GVR			11
GVZ			11

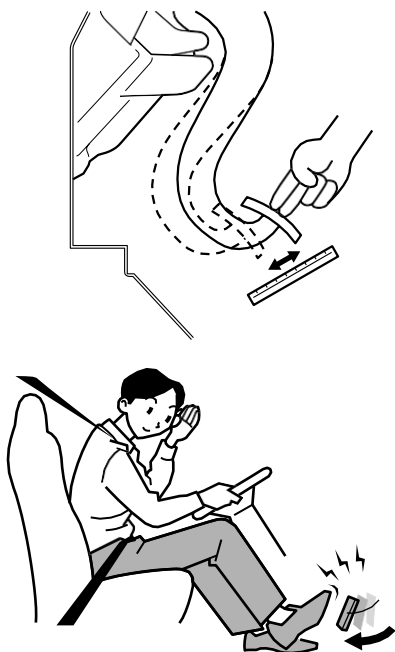
Thời gian cần thiết trước khi Đèn cảnh báo áp suất khí nén tắt có thể khác một chút tùy vào nhiệt độ và các điều kiện môi trường khác nhau. Tuy nhiên, bạn nên liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất nếu áp suất khí không tăng, thời gian cần thiết trước khi đạt áp suất thích hợp chênh lệch lớn so với thời gian được chỉ ra trong bảng hoặc kim của hai Đồng hồ áp suất khí nén chỉ các giá trị khác nhau đáng kể.



CẢNH BÁO

- Không vận hành xe khi kim của đồng hồ đo áp suất nằm trong vùng đỏ hoặc đèn cảnh báo áp suất khí đang sáng. Khi đó, phanh sẽ không hoạt động đầy đủ các chức năng và lái xe sẽ rất nguy hiểm.

Bàn đạp phanh

**Độ rơ**

Nhấn bàn đạp phanh bằng hai ngón tay để kiểm tra độ rơ của bàn đạp có phù hợp không và kiểm tra xem bàn đạp có chuyển động trơn tru mà không va chạm bất thường.

Độ rơ (đo ở đầu bàn đạp)

10 - 18 mm (0,39 - 0,71 in)

Vận hành van phanh

Nhả bàn đạp phanh sau khi đạp để kiểm tra xem có âm thanh xả khí phát ra từ lỗ xả ở van phanh hay không và bàn đạp trở lại hoàn toàn vị trí đã nhả.

Hiệu suất phanh

Lái xe chậm trên đường khô và cài phanh. Kiểm tra xem phanh có hoạt động đầy đủ và không bị kéo lệch về một phía hay không.

**THẬN TRỌNG**

- Phải thực hiện kiểm tra hiệu suất phanh ở đường rộng có tầm nhìn tốt, đồng thời chú ý đến các xe phía sau và xung quanh.

Phanh tay



LƯU Ý

- Xe của bạn có một trong hai loại phanh tay:

[Phanh tay trung tâm]

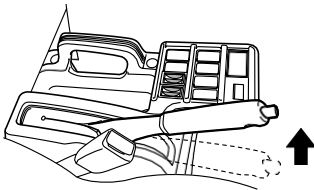
- Khi kéo cần phanh tay, phanh tay trung tâm tác dụng lực lên trục các-đăng để khóa bánh sau.

[Phanh tay bánh xe]

- Khi kéo cần phanh tay, phanh tay bánh xe kích hoạt phanh bánh sau để khóa bánh sau.

Kiểm tra hành trình của cần phanh tay

Phanh tay trung tâm



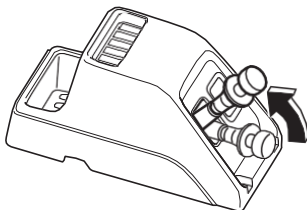
Model xe có phanh tay trung tâm Kéo thật chậm cần phanh tay khỏi vị trí đã nhả hoàn toàn trong khi đếm tiếng click được tạo ra khi cần khớp với các khắc của đĩa bánh cóc để kiểm tra xem thì sinh công của cần có phù hợp và cần còn giữ nguyên vị trí hay không. Ngoài ra, trên đường dốc khô ráo, kiểm tra xem phanh tay có thể giữ xe đứng yên không.

Đếm số khắc thích hợp, sau đó cài phanh tay trong khi từ từ kéo cần từ vị trí nhả với lực kéo khoảng 294 N (30,0 kgf/66 lb)

Thì sinh công của cần

3 đến 8 nấc

Phanh tay bánh xe

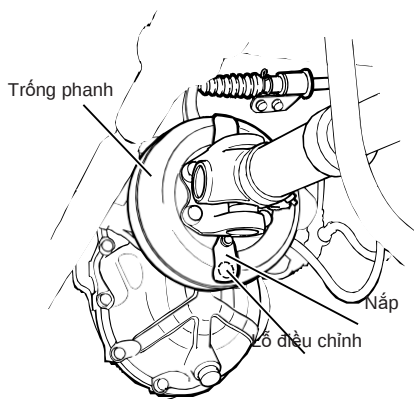


Model xe có phanh tay bánh xe

Kéo cần phanh tay từ vị trí nhả hoàn toàn đến vị trí khóa bánh xe để kiểm tra xem có tiếng âm thanh xả khí và cần còn giữ nguyên vị trí hay không. Ngoài ra, trên đường dốc khô ráo, kiểm tra xem phanh tay có thể giữ xe đứng yên không.

Điều chỉnh phanh tay

V



Model xe có phanh tay trung tâm

1. Đỡ xe trên khu đất bằng phẳng, ngăn không cho xe di chuyển bằng cách cài gờ chêm vào phía trước và sau của bánh trước, đồng thời nhả hoàn toàn phanh tay.
2. Xác nhận hộp số ở vị trí số trung gian, sau đó nâng xe bằng kích đến khi bánh sau không chạm đất.
3. Đỡ xe nâng bằng giá kê.

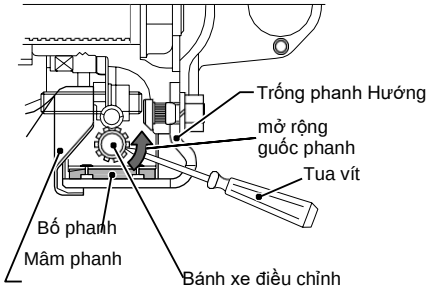
Xử lý kích

→ Tham khảo trang 7-160



CẢNH BÁO

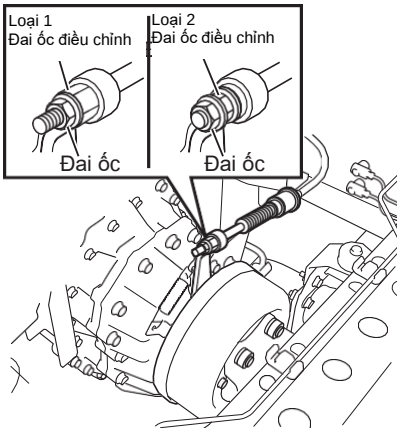
- Trước khi chui vào phía dưới xe được nâng, đảm bảo xe được đỡ chắc chắn bằng giá kê.
- Nếu xe của bạn được trang bị hệ thống vi sai chống tự xoay, xe có thể bắt đầu chuyển động khi công suất động cơ được truyền đến cầu sau ngay cả khi một trong các bánh xe trên cầu xe không chạm đất. Không khởi động động cơ khi có bánh sau chạm đất.



4. Xoay trống phanh tay để đặt lỗ điều chỉnh thẳng xuống dưới. Tháo nắp lỗ điều chỉnh và xoay tang trống khi cần thiết để căn chỉnh lỗ với vị trí của bánh xe điều chỉnh.
5. Chèn tua vít qua lỗ điều chỉnh và xoay bánh xe điều chỉnh lên trên đến khi không xoay được nữa.
6. Từ vị trí này, xoay ngược bánh xe điều chỉnh theo số răng được chỉ định bên dưới. Sau khi điều chỉnh, lắp lại nắp lỗ điều chỉnh.

Số răng mà bánh xe điều chỉnh phải quay lại

Kích thước trống phanh tay	Răng
8,5 inch	13
10 inch	8



7. Nới lỏng đai ốc hãm tại đầu cáp phanh tay phía trống phanh tay.
8. Xoay đai ốc điều chỉnh đến khi hành trình cần phanh tay được điều chỉnh thành 3 đến 8 khác. Sau khi điều chỉnh, siết chặt đai ốc hãm.

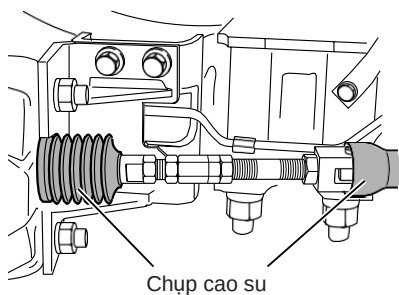


LƯU Ý

- Không điều chỉnh phanh tay bánh xe.

Kiểm tra chụp cao su của buồng phanh

V

**Model FRR****(có phanh tay bánh xe)**

Kiểm tra chụp cao su trong buồng phanh tay bánh xe xem có bị hư hỏng không. Vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất nếu có bất kỳ chụp cao su nào hư hỏng.

**THẬN TRỌNG**

- Nếu nước đi vào buồng phanh tay bánh xe khi lái trên đường ngập nước, kiểm tra và bảo dưỡng tại Đại lý Isuzu gần nhất ngay khi có thể.

Phanh tang trống

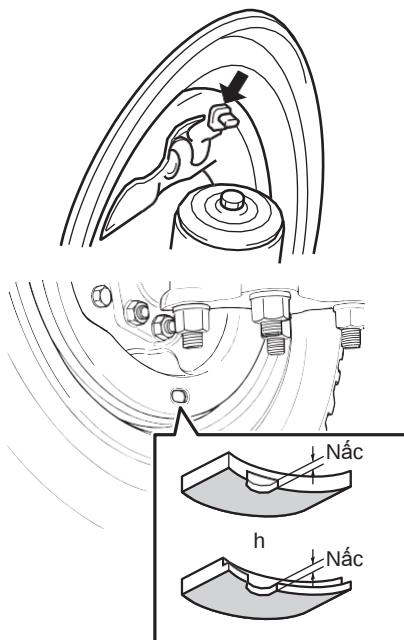
Bổ phanh bị mòn quá giới hạn không chỉ làm giảm hiệu suất của phanh mà còn có thể dẫn đến hỏng hóc bộ phận phanh.



CẢNH BÁO

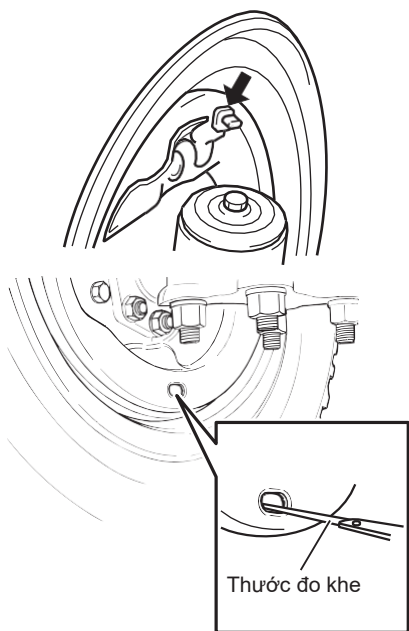
- Không lái xe khi bổ phanh của guốc phanh bị mòn quá giới hạn. Bổ phanh của guốc phanh bị mòn quá mức có thể gây sự cố cho các bộ phận phanh và hiệu suất phanh kém. Điều này rất nguy hiểm.

Kiểm tra xem bổ phanh của guốc phanh có bị mòn



1. Tháo nút cao su khỏi lỗ kiểm tra trên mâm phanh.
2. Mỗi bổ phanh của guốc phanh đều có một nấc được cắt ở bên hông như trong hình. Kiểm tra xem còn nấc không. Ngoài ra, kiểm tra các bề mặt bên của bổ phanh xem có bị nứt, bong tróc hoặc hư hỏng khác không.
3. Phải thay bổ phanh nếu không còn nấc hoặc có vết nứt hay bong tróc ở các bề mặt bên. Yêu cầu Đại lý Isuzu gần nhất thực hiện thay thế.

Kiểm tra khoảng cách từ tang trống đến bộ phanh



1. Thực hiện kiểm tra này trong các điều kiện sau: Model xe có phanh tay trung tâm: Cài hết phanh tay. Model xe có phanh tay bánh xe: Đỗ xe ở bề mặt bằng phẳng. Ngăn không cho xe di chuyển bằng cách cài gỗ chêm vào phía trước và sau của mỗi bánh xe, đồng thời nhả hoàn toàn phanh tay.
2. Tháo nút cao su khỏi lỗ kiểm tra trên mâm phanh.
3. Đưa thước đo khe hở qua lỗ kiểm tra ở giữa trống phanh và bộ phanh của guốc phanh để kiểm tra xem khe hở có phù hợp với thông số kỹ thuật được chỉ ra bên dưới không.



KHUYẾN CÁO

- Nếu giá trị khe hở giữa tang trống và bộ phanh không như quy định, yêu cầu Đại lý Isuzu gần nhất kiểm tra phanh.

Tiêu chuẩn về khe hở giữa tang trống và bộ phanh (model xe có bộ điều chỉnh phanh tự động)

Model xe và thông số kỹ thuật	Khe hở*	Ghi chú
FRR	Trong khoảng 1,2 mm (0,047 in)	Bộ phanh của guốc phanh không được trượt trên tang trống.
FTR	Trong khoảng 1,3 mm (0,051 in)	
FVR, FVM, FVZ, GVR, GVZ (phanh khí nén hoàn toàn)	Trong khoảng 1,3 mm (0,051 in)	

*Khoảng cách từ tang trống đến bộ phanh được đo khi nhiệt độ tang trống gần bằng nhiệt độ môi trường

Điều chỉnh khe hở của bộ phanh

V

Model xe có bộ điều chỉnh phanh tự động

Khe hở giữa bộ phanh và guốc phanh của phanh tang trống được điều chỉnh tự động.

Model xe có bộ điều khiển phanh thủ công

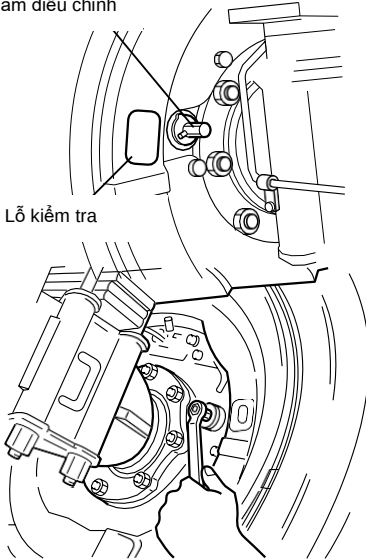
Việc sử dụng hệ thống phanh có khe hở bộ phanh quá lớn là không an toàn vì hiệu suất phanh giảm đi khi khe hở bộ phanh tăng lên. Phải kiểm tra khe hở bộ phanh và điều chỉnh theo các khoảng thời gian quy định.

**CẢNH BÁO**

- Khi bắt đầu quy trình điều chỉnh này, chặn tất cả bánh xe để ngăn xe chuyển động. Sau đó nâng bánh xe lên đến khi bánh xe không chạm đất và đỡ trên giá kê thích hợp.

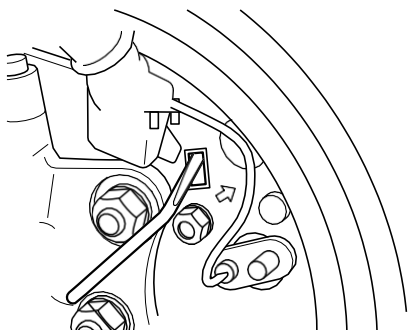
Cam điều chỉnh

Lỗ kiểm tra



Để điều chỉnh phanh bánh trước và bánh sau, tiến hành như sau: (Loại dẫn - kéo)

1. Khi quay bánh xe bằng tay, xoay cam điều chỉnh theo hướng mở rộng guốc phanh đến khi trống phanh bị kéo tiếp xúc với bộ phanh, sau đó lùi cam điều chỉnh lại một chút.
2. Kiểm tra xem bánh xe có quay không, sau đó tháo nút cao su được lắp vào lỗ kiểm tra trên mâm phanh. Đưa thước lá 0,3 mm (0,012 in) vào khe hở bộ phanh qua lỗ kiểm tra và điều chỉnh bằng cam sao cho thước lá vừa khít với khe hở. Lắp lại các bước điều chỉnh này trên mỗi phanh (Mỗi phanh có 2 cam điều chỉnh).
3. Quy trình điều chỉnh phanh bánh sau tương tự như bước 2.



Để điều chỉnh phanh bánh trước và bánh sau, tiến hành như sau: (Loại 2L, D2L)

1. Tháo nút cao su khỏi các lỗ của bộ điều chỉnh phanh ở phía trước và phía sau của mâm phanh.
2. Chèn một dụng cụ điều chỉnh vào lỗ của bộ điều chỉnh và xoay bộ điều chỉnh theo hướng mũi tên đến khi bánh xe bị kéo.
3. Lùi bộ điều chỉnh lại như sau: (khắc)

Model	Bánh trước	Bánh sau
FRR	9 đến 14	9 đến 14
FTR	9	7

4. Thay các nút cao su vào đúng chỗ.
5. Lắp lại thao tác điều chỉnh trên đối với phanh trên các bánh xe còn lại.
 - Bỏ phanh của guốc phanh không được trượt trên tang trống.

Bánh xe và lốp xe

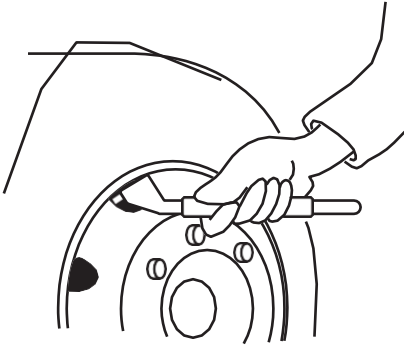
Bánh xe có ảnh hưởng lớn đến sự an toàn và thoải mái khi lái xe. Nếu bất kỳ bánh xe nào rời khỏi xe, bánh xe đó không chỉ làm xe hỏng trên đường, cản trở các phương tiện giao thông khác dẫn đến tắc nghẽn giao thông mà còn có thể gây tai nạn nghiêm trọng tùy từng trường hợp. Chúng tôi đặc biệt khuyến nghị bạn nên kiểm tra bánh xe và lốp xe hằng ngày và bảo dưỡng ở tình trạng tốt.



CẢNH BÁO

- Nếu phát hiện bất kỳ điểm bất thường nào tại các bu lông bánh xe, đai ốc bánh xe hoặc mâm bánh xe sau khi kiểm tra, không lái xe và liên hệ đại lý Isuzu gần nhất ngay khi có thể.
- Nếu phát hiện bất kỳ điểm bất thường nào ở bánh xe bên trái, cẩn thận kiểm tra bánh xe bên phải để tìm các chỗ hư hỏng tương tự. Hư hỏng trên một bánh xe có thể là dấu hiệu hư hỏng trên các bánh xe còn lại.

Kiểm tra lốp xe



Áp suất khí

Áp suất lốp quá thấp hoặc quá cao không chỉ ảnh hưởng đến khả năng lái xe hoặc làm hư hỏng hàng hóa mà còn gây ra hiện tượng tích nhiệt bất thường, mòn sớm hoặc thủng lốp, nổ lốp.

- Sử dụng dụng cụ đo áp suất khí nén thích hợp khi đo áp suất khí của lốp. Đo áp suất khí của lốp khi lốp nguội hoặc trước khi lái xe. (Sau khi lái xe, áp suất khí của lốp tăng khoảng 10%.)
- Đồng thời kiểm tra áp suất khí của lốp dự phòng bằng Đồng hồ áp suất khí nén của lốp theo các khoảng thời gian được quy định trong Lịch bảo dưỡng.

Kích cỡ lốp	Áp suất khí tiêu chuẩn kPa (kgf/cm²/psi)			
	JATMA	ETRTO	TRA	
			Bánh trước	Bánh sau
8,25R16-128/126L	625 (6,25/91)	675 (6,75/98)	—	—
8,25-16-14PR	575 (5,75/83)	—	—	—
9,00-20-14PR	675 (6,75/98)	—	—	—
9,00R20-14PR	725 (7,25/105)	725 (7,25/105)	790 (7,90/115)	790 (7,90/115)
10,00R20-14PR	725 (7,25/105)	—	720 (7,20/104)	720 (7,20/104)
10,00-20-16PR	—	750 (7,50/109)	790 (7,90/115)	720 (7,20/104)
10,00R20-16PR	—	—	830 (8,30/120)	830 (8,30/120)
11,00-20-16PR	725 (7,25/105)	675 (6,75/98)	790 (7,90/115)	720 (7,20/104)
11,00R20-16PR	775 (7,75/112)	825 (8,25/120)	830 (8,30/120)	830 (8,30/120)
10R22,5-14PR	725 (7,25/105)	—	790 (7,90/115)	790 (7,90/115)
11R22,5-14PR	700 (7,00/102)	—	720 (7,20/104)	720 (7,20/104)
11R22,5-16PR	—	850 (8,50/123)	—	—
12R22,5-16PR	—	850 (8,50/123)	—	—
235/75R17,5-132/130	—	775 (7,75/112)	—	—
275/70R22,5-148/145	900 (9,00/131)	900 (9,00/131)	—	—
295/80R22,5-152/148	—	850 (8,50/123)	—	—

**CHÚ Ý**

- Lốp quá căng sẽ khiến bạn khó điều khiển xe và có khả năng làm hư hỏng hàng hóa. Lốp non tích nhiệt và có thể nổ. Luôn bơm lốp xe tới mức áp suất khí tiêu chuẩn.

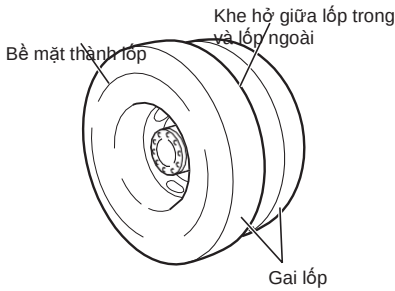
**CẢNH BÁO**

- Lốp xe non hơi hoặc mòn sẽ rất nguy hiểm vì các lốp này dễ bị trượt bánh và thậm chí có thể nổ lốp. Nếu nổ lốp, các lốp xe có thể bắt lửa, dẫn đến cháy xe.
- Nếu lái xe khi lốp non hoặc bị xì hơi, các bu lông bánh xe sẽ chịu ứng suất dư. Khi đó, bu lông có thể bị vỡ và bánh xe văng ra khỏi xe, có thể gây ra tai nạn.



KHUYẾN CÁO

- Không được để áp suất khí của lốp trong và lốp trên lốp đôi bánh sau chênh lệch.
- Khó nhận biết lốp đôi bị non hoặc lốp có tỷ lệ chiều cao trên chiều rộng thấp (tỷ lệ này là 70%). Luôn sử dụng đồng hồ đo áp suất khí của lốp để kiểm tra áp suất khí của các lốp.



Vết nứt và hư hại khác

Kiểm tra gai lốp và bề mặt thành lốp xem có vết nứt hoặc hư hại khác không. Chú ý kiểm tra kỹ gai lốp xem có bị cắm đinh hoặc các mảnh kim loại khác trên rãnh lốp không. Ngoài ra, kiểm tra khe hở giữa lốp trong và lốp ngoài của bánh lốp đôi xem có đá cuội bị kẹt trong đó không.



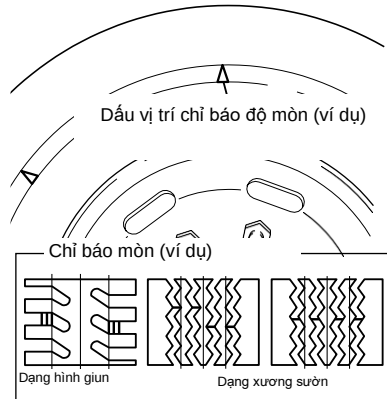
KHUYẾN CÁO

- Khi kiểm tra lốp, đặc biệt chú ý đến: áp suất khí thấp; đá cuội hoặc đinh cắm trong rãnh ta-lông; vết nứt hoặc các hư hỏng khác trên bề mặt lốp; mòn không đều; và đá cuội kẹt trong khe hở giữa các lốp của lốp bánh đôi.

Độ sâu rãnh ta-lông và mài mòn bất thường

Sử dụng lốp bị mòn rất nguy hiểm vì chúng dễ bị thủng hoặc nổ hơn khi xe đang chạy so với lốp mới trong tình trạng tốt. Kiểm tra tất cả các lốp để xem có xuất hiện các chỉ báo mòn gai lốp không và đồng thời kiểm tra độ sâu gai lốp trên thước đo độ sâu toàn lốp để đảm bảo các rãnh sâu hơn độ sâu quy định.

Phải thay lốp có chỉ báo độ mòn gai lốp. Ngoài ra, kiểm tra lốp xem có bị mòn không đều hoặc mòn bất thường không.



Độ sâu gai lốp (Giá trị tiêu chuẩn)

1,6 mm (0,063 in) hoặc lớn hơn

**THẬN TRỌNG**

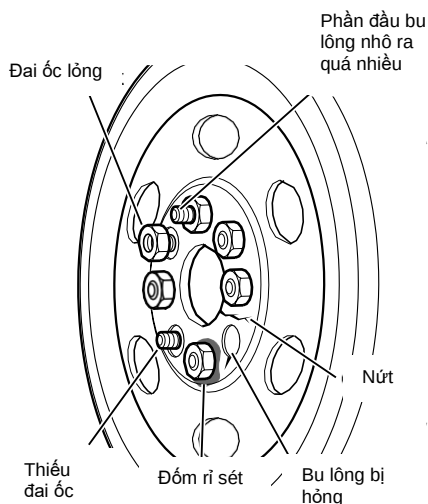
- Lốp có rãnh ta-lông quá nông sẽ làm tăng khả năng trượt bánh và trượt nước khi lái xe ở tốc độ cao.

**LƯU Ý**

- Trượt nước xảy ra khi xe chạy tốc độ cao trên đường ướt nếu một lớp nước hình thành giữa mặt đường và lốp xe làm lốp xe không bám đường. Trượt nước ngăn người lái điều khiển xe chính xác và làm giảm hiệu quả của bàn đạp phanh.

Lốp được sử dụng trong thời gian dài

Lốp được làm bằng cao su có đặc tính thay đổi dần theo thời gian sử dụng (ngay cả khi được dự trữ trên vành xe như lốp dự phòng). Phải kiểm tra tuổi thọ của lốp sau khi sử dụng liên tục từ 5 đến 7 năm.

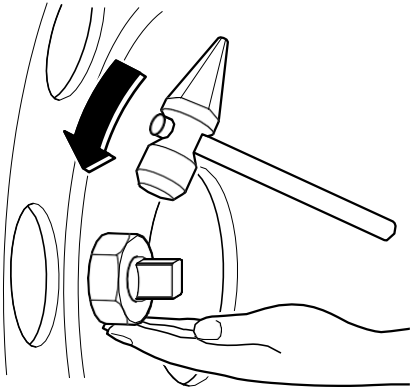
**Kiểm tra trực quan tình trạng lắp bánh xe**

Kiểm tra trực quan tình trạng lắp đặt của từng mâm bánh xe.

1. Kiểm tra để đảm bảo không thiếu bu lông và đai ốc bánh xe.
2. Kiểm tra từng mâm bánh xe xem có bất kỳ vết gỉ nào hiện rõ trên bu lông hoặc đai ốc bánh xe không. Ngoài ra, kiểm tra xem mâm bánh xe có bị nứt hoặc có hư hỏng khác không.
3. Kiểm tra đầu của từng bu lông bánh xe để đảm bảo độ dài bu lông nhô ra phù hợp với đai ốc bánh xe. Phần nhô ra phải đồng đều giữa tất cả các bu lông trên bánh xe và giữa tất cả các bánh xe.

**THẬN TRỌNG**

- Bất kỳ điểm bất thường nào trong quá trình lắp bánh xe đều có thể dẫn đến tình trạng lỏng hoặc thiếu đai ốc bánh xe và/hoặc bu lông bánh xe bị vỡ.



Kiểm tra tình trạng lắp bánh xe bằng búa kiểm tra

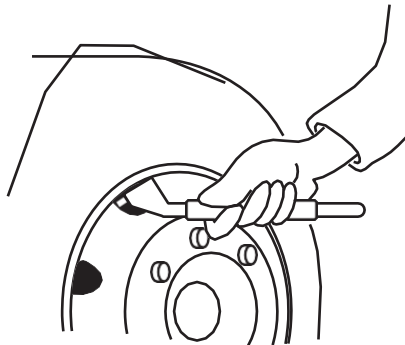
Đặt các ngón tay vào phần dưới của mỗi đai ốc bánh xe và dùng búa kiểm tra hoặc búa nhỏ gõ vào đầu đai ốc theo hướng vệt.

Có thể có một số hư hỏng trên đai ốc hoặc bu lông của đai ốc nếu bạn cảm thấy dao động khác với các đai ốc khác hoặc nếu âm thanh đai ốc tạo ra không trong.



THẬN TRỌNG

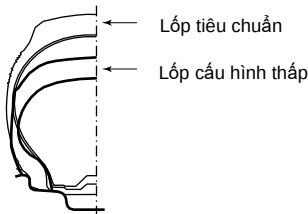
- Nếu bạn phát hiện bất kỳ tình trạng bất thường nào, rất có thể đó là các đai ốc bánh xe bị lỏng hoặc bu lông bánh xe bị vỡ.



Áp suất khí của lốp dự phòng

Duy trì áp suất khí của lốp dự phòng cao hơn một chút so với áp suất tiêu chuẩn. Điều chỉnh áp suất chính xác khi bạn sử dụng.

Lốp xe nóng lên khi bạn lái và theo đó áp suất khí cũng cao hơn. Nếu bạn phải đợi để điều chỉnh áp suất khí ngay sau khi lái xe, xác định áp suất mục tiêu để điều chỉnh bằng cách bơm thêm khoảng **20 kPa (0,2 kgf/cm²/3 psi)** vào áp suất tiêu chuẩn.



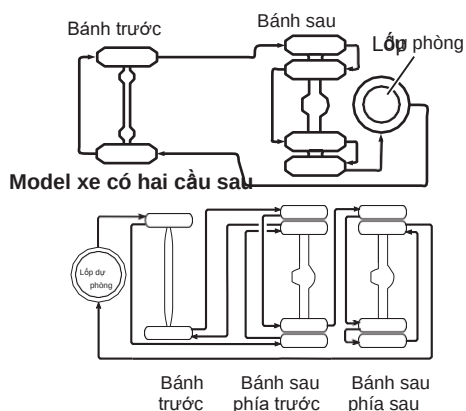
Sử dụng lốp có tỷ lệ chiều cao trên chiều rộng thấp

Lốp có tỷ lệ chiều cao trên chiều rộng thấp cho các ứng dụng của xe tải (tỷ lệ này là 70%) có thể tích khoang khí nhỏ hơn 20 đến 30% so với lốp thông thường. Điều này làm cho lốp có tỷ lệ chiều cao trên chiều rộng thấp ảnh hưởng xấu đến việc lái nhanh hơn lốp bình thường nếu bị rò rỉ khí trong quá trình lái xe. Kiểm tra áp suất khí của lốp có tỷ lệ chiều cao trên chiều rộng thấp thường xuyên hơn lốp bình thường bằng Đồng hồ áp suất khí nén của lốp.

Đảo lốp

**THẬN TRỌNG**

- Kiểm tra các bu lông bánh xe, đai ốc bánh xe và mâm bánh xe xem có điểm bất thường nào không mỗi khi tháo mâm bánh xe.
- Nếu phát hiện bất kỳ điều kiện bất thường nào ở bu lông bánh xe, đai ốc bánh xe hoặc mâm bánh xe, không tiếp tục sử dụng bánh xe đó nữa và liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất ngay khi có thể.

Model xe có bánh lốp đôi phía sau

Lốp ở các vị trí khác nhau có độ mòn khác nhau. Bạn nên thường xuyên đảo lốp để lốp mòn đều và có tuổi thọ lâu hơn.

Đảm bảo sử dụng lốp cùng loại trên cùng một cầu xe. Nếu bạn lắp các loại lốp khác nhau trên cùng một cầu, xe có thể trôi sang phải hoặc sang trái khi đạp phanh.

Lốp mới dễ tích nhiệt và mòn nhanh hơn lốp cũ, vì vậy nên lắp lốp mới ở cầu trước, nơi có tải trọng nhỏ hơn.

Nếu có chênh lệch về đường kính giữa lốp trong và lốp ngoài của bánh lốp đôi, hãy lắp lốp có đường kính nhỏ hơn vào bên trong.

Chênh lệch về đường kính giữa các lốp của bánh lốp đôi phải trong giới hạn quy định trong bảng dưới đây. Nếu vượt quá giới hạn cho phép, lốp sẽ mòn nhanh hơn bình thường.

Chênh lệch đường kính cho phép

Lốp bố tròn	Trong khoảng 8 mm (0,31 in)
Lốp bố xiên	Trong khoảng 12 mm (0,47 in)

**THẬN TRỌNG**

- Không đổi lốp giữa cầu trước và cầu sau nếu sử dụng lốp có kích thước khác nhau cho cầu trước và cầu sau; nếu không, lốp sẽ vượt quá giới hạn chịu tải. Điều này rất nguy hiểm vì lốp và mâm bánh xe có thể bị vỡ khi chịu tải trọng quá lớn.

**KHUYẾN CÁO**

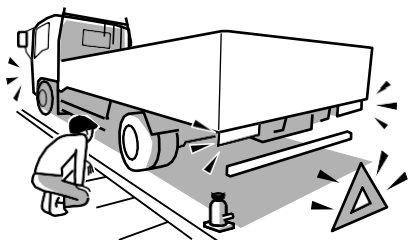
- Lực siết các đai ốc bánh xe có thể giảm sau khi thay lốp do biến dạng ban đầu. Khi đi được 50 đến 100 km (31 đến 62 dặm) sau khi thay lốp, siết chặt lại đai ốc bánh xe đến lực siết quy định theo hướng dẫn trong phần "Siết chặt lại đai ốc bánh xe" của chương này.

Siết chặt lại đai ốc bánh xe (Bánh xe JIS có 6 hoặc 8 bu lông)

→ Tham khảo trang 7-102

Siết chặt lại đai ốc bánh xe (Bánh xe ISO có 10 bu lông)

→ Tham khảo trang 7-109

Chuẩn bị thay lốp

Chọn một vị trí đáp ứng các điều kiện bên dưới khi đỗ xe để thay lốp.

- Xe của bạn không cản trở giao thông.
- Bề mặt bằng phẳng và chắc chắn.

• Bạn có thể thay lốp một cách an toàn. Khi thay lốp trên đường, sử dụng cục chóp cảnh báo nguy hiểm và biển cảnh báo tam giác phản quang để cảnh báo các phương tiện giao thông khác về sự hiện diện của xe bạn.

Kéo cần phanh tay hết cỡ. Chèn gỗ chêm (hoặc đá, khối gỗ, v.v.) cả mặt trước và mặt sau của bánh xe theo đường chéo đối diện với mặt cần thay. (Ví dụ: Khi thay bánh sau bên phải, chêm bánh trước bên trái.) Yêu cầu các hành khách rời khỏi xe.

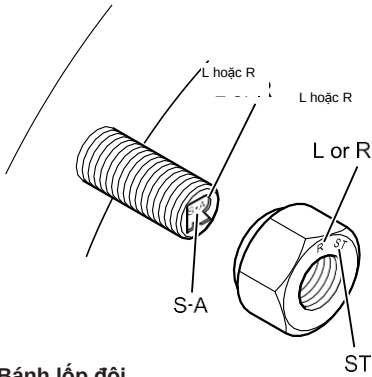
**THẬN TRỌNG**

- Nếu xe của bạn được trang bị hệ thống chống bó phanh (ABS), sử dụng lốp có kích thước được quy định và cùng dạng gai lốp với lốp cần thay.

Thay lốp (Bánh xe JIS có 6 hoặc 8 bu lông)



Bánh lốp đơn



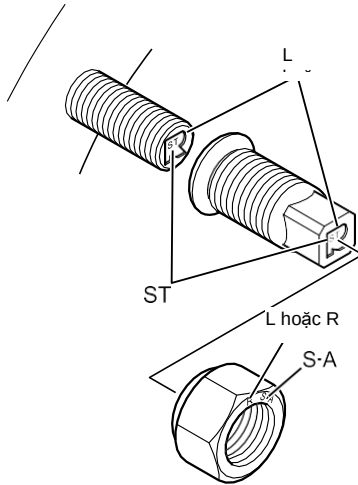
Thay lốp trên bề mặt bằng phẳng và cứng sau khi kiểm tra độ an toàn ở khu vực xung quanh.

Xử lý kích

→ Tham khảo trang 7-160

Mỗi bu lông hoặc đai ốc bánh xe đều có chữ cho biết loại bánh xe mà bu lông hoặc đai ốc có thể sử dụng ("ST" cho bánh xe thép hoặc "S A" cho cả bánh xe thép và nhôm). Ngoài ra, mỗi bu lông/dei ốc cho các bánh xe bên phải được đánh dấu "R" hoặc "□" và bu lông/dei ốc cho các bánh xe bên trái được đánh dấu "L" hoặc " ".

Bánh lốp đôi



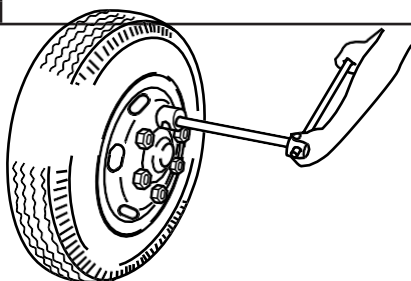
Tháo bánh xe

**CẢNH BÁO**

- Trước khi kích xe lên, đảm bảo cài chắc phanh tay và chêm hết các bánh xe được quy định. Chỉ cài phanh tay là không đủ để ngăn xe di chuyển. Khi kích bánh sau lên, xe bị khóa chỉ bằng phanh tay sẽ di chuyển, gây ra tình huống rất nguy hiểm.
- Không mở cửa xe hoặc khởi động động cơ trong khi kích xe lên. Không cố nhìn hoặc chui vào gầm xe. Điều này rất nguy hiểm.
- Để tránh nguy hiểm trong trường hợp kích bị tuột, đặt lớp dự phòng đã tháo gài kích dưới gầm xe.

**THẬN TRỌNG**

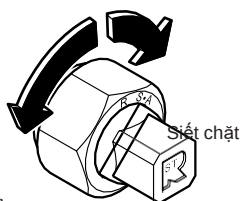
- Bánh xe rất nặng. Xử lý cẩn thận để tránh bị thương khi tháo và lắp bánh xe.
- Không chạm vào ống xả ngay sau khi dừng xe vì ống xả rất nóng. Trên các model xe có Bộ lọc khí xả động cơ diesel (DPD), không thực hiện thay lốp khi bắt đầu làm sạch DPD vì nhiệt độ khí thải tại thời điểm đó rất cao.



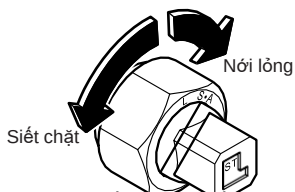
1. Cài chặt phanh tay. Khi thay bánh trước, chêm bánh sau theo đường chéo đối diện bánh trước. Khi thay bánh sau, chêm bánh trước theo đường chéo đối diện bánh sau.
2. Cài chắc đầu của kích vào điểm kích.
3. Nâng xe vừa đủ để không nhấc hẳn lốp lên khỏi mặt đất.
4. Dùng cờ lê đai ốc bánh xe, nới lỏng đai ốc bánh xe vừa đủ để bánh xe vẫn ổn định tại chỗ. Không tháo đai ốc bánh xe.

**THẬN TRỌNG**

- Không nới đai ốc bánh xe quá lỏng. Bu lông bánh xe có thể bị hỏng.



Nới lỏng
Bánh phải: Đai ốc bánh xe bắt vít bên phải



Bánh trái: Đai ốc bánh xe bắt vít bên trái

5. Kích xe lên để nhấc hẳn lốp khỏi mặt đất.
6. Tháo tất cả đai ốc bánh xe đã được nới lỏng, sau đó tháo bánh xe.
Tháo bánh xe cẩn thận để không làm hỏng ren bu lông bánh xe.
7. Khi tháo bánh sau, tức bánh lốp đôi, trước tiên phải tháo các đai ốc bánh xe từ bánh ngoài để tháo bánh ra. Sau đó, hạ xe và nới lỏng các đai ốc bánh trong.
8. Nâng xe lên một lần nữa, sau đó tháo bánh trong tương tự như bánh ngoài.
9. Kiểm tra các bộ phận sau về: mâm bánh xe bị biến dạng và hư hỏng, ví dụ có vết nứt không; moay-ơ bị mài mòn quá mức trên bề mặt lắp mâm bánh xe; và các bu lông và đai ốc có hư hỏng trên ren. Nếu phát hiện bất kỳ bất thường nào ở các bộ phận trên, đồng thời kiểm tra các bộ phận khác và thay thế mới đối với các bộ phận bị lỗi.

Điểm kích → Tham khảo trang 7-162

Lắp bánh xe



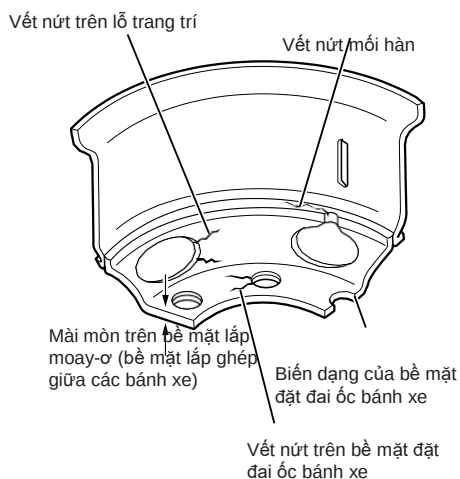
CẢNH BÁO

- Mâm bánh xe, bu lông bánh xe hoặc đai ốc bánh xe trong bất kỳ điều kiện bất thường nào cũng có thể bị hỏng, làm bánh xe long ra khỏi xe khi đang chạy.
- Không sơn lại bất kỳ bề mặt lắp ghép nào, bề mặt đặt đai ốc bánh xe (bề mặt vát) và bề mặt lắp moay-ơ của mâm bánh xe. Màng sơn dày có thể làm lỏng hoặc hỏng bu lông bánh xe.

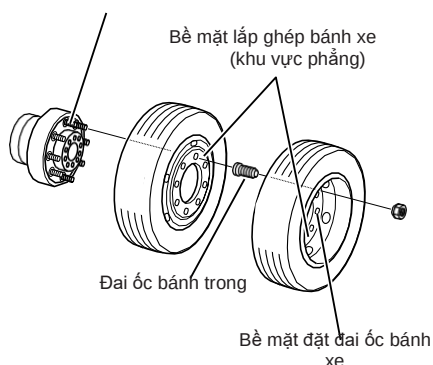


THẬN TRỌNG

- Chỉ thay bánh xe khi lốp được nhấc hẳn lên khỏi mặt đất. Nếu không, bánh xe sẽ bị lắp sai, ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của xe.
- Loại bỏ bùn và rỉ sét khỏi bề mặt lắp moay-ơ hoặc các bề mặt lắp ghép giữa các bánh xe. Nếu không, bánh xe có thể bị long ra khi đang chạy.



Bu lông bánh xe



1. Kiểm tra mâm bánh xe theo các mục sau:

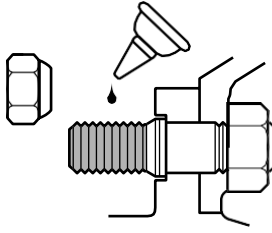
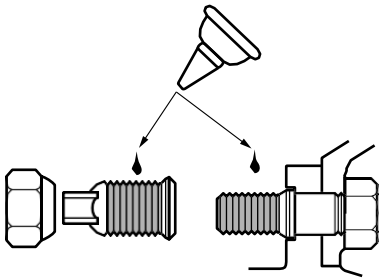
- Vết nứt hoặc các hư hỏng khác xung quanh lỗ bu lông và lỗ trang trí
- Vết nứt hoặc các hư hỏng hay biến dạng khác trên bề mặt đặt đai ốc bánh xe (bề mặt vát)
- Vết nứt hoặc các hư hỏng khác trên mối hàn
- Mòn hoặc các hư hỏng khác trên bề mặt lắp moay-ơ hoặc bề mặt lắp ghép giữa các bánh xe

2. Kiểm tra bu lông bánh xe và đai ốc bánh xe theo các điều sau:

- Vết nứt hoặc các hư hỏng khác
- Độ giãn hoặc rỉ sét quá mức của bu lông
- Ren mỏng, bị vỡ hoặc bị kẹt

**THẬN TRỌNG**

- Loại bỏ gỉ và bụi bẩn khỏi bu lông và đai ốc bánh xe, nhẹ nhàng bôi trơn các ren bằng nhớt động cơ, nhớt hộp số hoặc dầu trợ lực lái và vặn đai ốc vào bu lông. Nếu không vặn được đai ốc một cách dễ dàng, tức ren bị hỏng.
- Nếu ren bị hỏng, thay cả bộ gồm bu lông và đai ốc bánh xe.
- Nếu bất kỳ bu lông bánh xe nào hỏng, thay toàn bộ bu lông và đai ốc bánh xe trên bánh xe.

Bánh lốp đơn**Bánh lốp đôi**

3. Loại bỏ rỉ sét, bụi và bùn bám trên bề mặt lắp, bề mặt lắp moay-ơ hoặc bề mặt lắp ghép giữa các bánh xe và bề mặt đặt đai ốc bánh xe (bề mặt vát) của mâm bánh xe cũng như trên các ren của bu lông và đai ốc bánh xe.

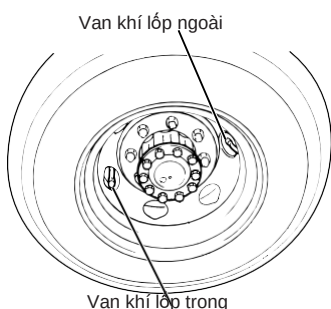
**THẬN TRỌNG**

- Làm sạch mâm bánh xe để loại bỏ bụi bẩn và rỉ sét trên các bề mặt lắp của mâm, bề mặt lắp moay-ơ hoặc bề mặt lắp ghép giữa các bánh xe. Đồng thời, làm sạch bề mặt vát trên mỗi đai ốc. Nếu vặn chặt các đai ốc bánh xe dính bụi bẩn và rỉ sét, các đai ốc này sau đó sẽ lỏng ra và bánh xe có thể long ra khỏi xe khi đang chạy. Điều này có thể rất nguy hiểm.

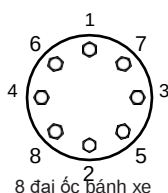
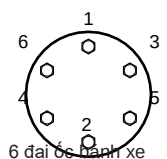
4. Phủ nhớt động cơ, nhớt hộp số hoặc dầu trợ lực lái lên các ren bu lông bánh xe.

**THẬN TRỌNG**

- Không sử dụng nhớt chứa molybdenum disulfide. Khi siết đến lực siết tương tự, các bu lông và đai ốc được phủ bằng các loại nhớt này tạo ra lực bám lớn hơn nhiều so với các bu lông được phủ bằng các loại nhớt khác. Lực bám quá lớn có thể làm hỏng các bu lông bánh xe.
- Một số cờ lê tác động có sẵn trên thị trường tạo ra lực siết lớn hơn lực siết cực đại được quy định để siết chặt đai ốc bánh xe. Các bu lông bánh xe có thể bị vỡ nếu siết chặt các đai ốc bánh xe bằng cờ lê tác động đó. Trước khi sử dụng cờ lê tác động, kiểm tra xem lực siết cờ lê tạo ra có phù hợp với thông số kỹ thuật không.
- Khi sử dụng cờ lê tác động, cẩn thận điều chỉnh bộ điều chỉnh áp suất khí và chọn thời gian siết. Nên sử dụng cần siết lực cho lần siết cuối để có thể siết chặt đai ốc đến lực siết quy định.



Trình tự siết chặt đai ốc bánh xe



5. Lắp bánh xe trong khi căn chỉnh các lỗ bu lông trên mâm bánh xe bằng bu lông bánh xe.

Khi lắp bánh sau, đặt bánh ngoài sao cho van khí lốp bánh sau lệch 180 độ so với bánh trong để có thể bơm cho cả hai lốp.

6. Vận từng đai ốc bằng tay đến khi đai ốc chạm vào bề mặt đặt đai ốc trên mâm bánh xe, sau đó dùng ngón tay siết chặt tất cả các đai ốc bánh xe đến khi bánh xe vào đúng vị trí.

Hướng đầu vát của mỗi đai ốc bánh xe vào trong.

7. Xoay vít xả gió của kích ngược chiều kim đồng hồ để hạ xe từ từ.

8. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo trình tự đường chéo trong hai hoặc ba vòng. Khi lắp bánh sau, siết chặt các đai ốc của bánh trong trước rồi mới đến các đai ốc của bánh ngoài.

9. Cuối cùng, siết chặt tất cả các đai ốc bánh xe bằng cần siết lực đến lực siết quy định. Bạn phải siết chặt các đai ốc của bánh trong phía sau trước khi siết chặt các đai ốc của bánh ngoài phía sau ngay cả khi bạn chỉ thay bánh ngoài phía sau.

Lực siết đai ốc bánh xe

Bánh xe có 6 bu lông	450 - 500 N·m (45 - 50 kgf·m/325 - 362 lb·ft) (vết)
Bánh xe có 8 bu lông	550 - 600 N·m (55 - 60 kgf·m/398 - 434 lb·ft) (vết)

**KHUYẾN CÁO**

- Sau khi thay lốp, quay vô lăng theo cả hai hướng để đảm bảo bánh xe không va chạm với các bộ phận xung quanh. Nếu bạn không chắc về điều này, vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.
- Lực siết các đai ốc bánh xe có thể giảm sau khi thay lốp do biến dạng ban đầu. Khi đi được 50 đến 100 km (31 đến 62 dặm) sau khi thay lốp, siết chặt lại đai ốc bánh xe đến lực siết quy định theo hướng dẫn trong phần "Siết chặt lại đai ốc bánh xe" của chương này.

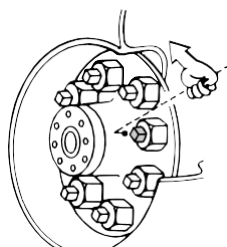
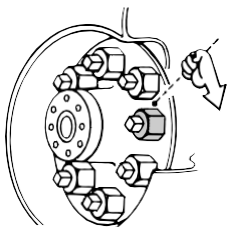
Siết chặt lại đai ốc bánh xe (Bánh xe JIS có 6 bu lông hoặc 8 bu lông) → Tham khảo trang 7-102

Siết chặt lại đai ốc bánh xe (Bánh xe JIS có 6 hoặc 8 bu lông)

Kiểm tra các đai ốc bánh xe để đảm bảo đai ốc được siết chặt đến lực siết quy định bằng cần siết lực.

Sử dụng các cách sau để kiểm tra xem các đai ốc bánh xe có bị lỏng không. Lực siết các đai ốc bánh xe có thể giảm sau khi thay hoặc đảo lốp do biến dạng ban đầu. Sau khi đi được 50 đến 100 km (31 đến 62 dặm), siết chặt lại các đai ốc bánh xe đến lực siết quy định.

Siết chặt lại các đai ốc trên bánh lốp đôi phía sau



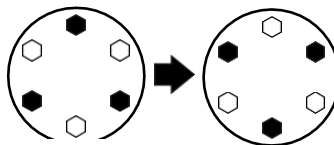
Bánh lốp đơn

Xoay các đai ốc bánh xe theo hướng siết đến lực siết quy định.

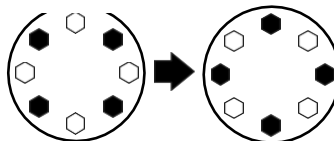
Bánh lốp đôi (Quy trình hai trình tự)

1. Nới lỏng các đai ốc bánh ngoài trên một nửa bu lông bánh xe (xem hình vẽ).

6 đai ốc bánh xe



8 đai ốc bánh xe



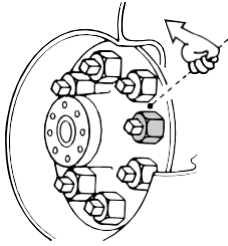
(Trình tự thứ nhất cho một nửa số bu)

(Trình tự thứ hai cho một nửa còn lại)

2. Siết chặt các đai ốc bánh trong của các bu lông bánh xe tương tự đến lực siết quy định.

Lực siết đai ốc bánh xe

Bánh xe có 6 bu lông	450 - 500 N·m (45 - 50 kgf·m/325 - 362 lb·ft) (ướt)
Bánh xe có 8 bu lông	550 - 600 N·m (55 - 60 kgf·m/398 - 434 lb·ft) (ướt)



3. Siết chặt các đai ốc bánh ngoài đã nở lỏng trước đó đến lực siết quy định. (Không nói lỏng các đai ốc bánh xe khác.)

Lực siết đai ốc bánh xe	
Bánh xe có 6 bu lông	450 - 500 N·m (45 - 50 kgf·m/325 - 362 lb·ft) (ướt)
Bánh xe có 8 bu lông	550 - 600 N·m (55 - 60 kgf·m/398 - 434 lb·ft) (ướt)

**KHUYẾN CÁO**

- Bôi một lớp mỏng nhớt động cơ, nhớt hộp số hoặc dầu trợ lực lái vào ren của bu lông bánh ngoài.

4. Thực hiện trình tự thứ hai của quy trình đối với nửa số bu lông còn lại theo các bước từ 1 đến 3, đầu tiên siết chặt đai ốc bánh trong và sau đó đến đai ốc bánh ngoài.

**CẢNH BÁO**

- Nếu bạn phát hiện bất kỳ điểm bất thường nào với đai ốc bánh xe, ví dụ đai ốc được siết chặt lại thường xuyên bị lỏng, yêu cầu Đại lý Isuzu gần nhất kiểm tra hoặc bảo dưỡng xe của bạn sớm nhất có thể.

**THẬN TRỌNG**

- Cài hết cờ lê đai ốc bánh xe vào đai ốc bánh xe để có thể siết chặt đai ốc đến lực siết quy định. Tuy nhiên, không sử dụng ống làm tay cầm hoặc dùng chân tác dụng lực lên cờ lê. Điều này có thể siết đai ốc chặt hơn mức cần thiết và có thể làm hỏng các bộ phận.
- Đai ốc bánh xe quá lỏng hay quá chặt đều có thể làm hỏng bu lông bánh xe hoặc nứt mâm bánh xe, có thể dẫn đến lỏng bánh xe. Tuân theo lực siết quy định.
- Khi thay lốp mới, chỉ sử dụng lốp cùng loại và kích thước với lốp được thay; nếu không sẽ ảnh hưởng đến độ an toàn khi lái xe. Tránh dùng chung các loại lốp khác loại và kích thước.

Thay lốp xe (Bánh xe ISO 10-Bolt)



Chọn bề mặt bằng phẳng và cứng để thay lốp. Ngoài ra, tham khảo "Xử lý kích" ở trang 7-160 để biết cách sử dụng kích.

Tháo lốp



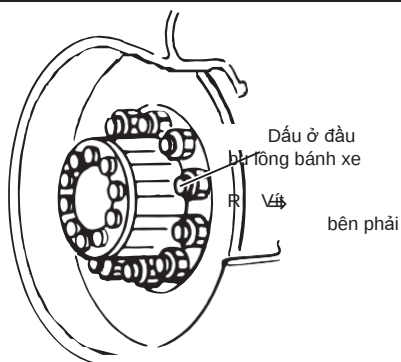
CẢNH BÁO

- Trước khi kích xe lên, đảm bảo cài hết phanh tay và chặn bánh xe bằng gỗ chêm. Xe được giữ đứng yên chỉ bằng phanh tay sẽ di chuyển khi bạn nâng bánh sau lên; điều này là cực kỳ nguy hiểm.
- Không mở cửa hoặc khởi động động cơ khi đang nâng xe. Không nhìn hoặc chui vào gầm xe khi đang nâng xe. Làm như vậy sẽ rất nguy hiểm.
- Để tránh nguy hiểm nếu kích bị tuột, đặt lốp dự phòng đã tháo gài kích dưới gầm xe.

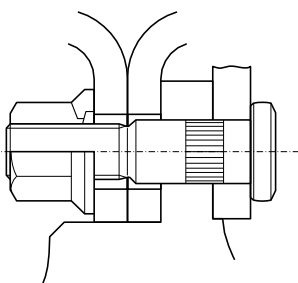


THẬN TRỌNG

- Bánh xe rất nặng. Xử lý cẩn thận để tránh bị thương khi tháo và lắp bánh xe.
- Ống xả rất nóng ngay sau khi xe dừng chạy. Cẩn thận để không chạm vào ống xả.



1. Khi tháo bánh trước, cài hết phanh tay và chêm bánh sau. Khi tháo bánh sau, chêm bánh trước sau khi cài phanh tay.
2. Đặt kích dưới điểm kích thích hợp và cài chắc đầu kích.
3. Nâng xe vừa đủ để gần như không nhấn lốp lên khỏi mặt đất.
4. Dùng cờ lê bu lông bánh xe nói lỏng đai ốc bánh xe vừa đủ để bánh xe không đảo. Không tháo đai ốc bánh xe ở giai đoạn này.



Hình dạng bu lông được minh họa ở trên là một ví dụ. Tùy vào thông số kỹ thuật của xe mà hình dạng bu lông sẽ khác nhau.

Hai mâm bánh xe được siết chặt bằng một đai ốc phía sau, vì vậy đảm bảo nâng cả hai lốp đôi.



THẬN TRỌNG

- Tất cả bu lông và đai ốc ở cả hai bên bánh xe đều có ren vít bên phải.
- Không nói lỏng đai ốc bánh xe nhiều hơn mức cần thiết. Làm vậy có thể làm hỏng bu lông bánh xe.
- Model xe được trang bị hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) phải sử dụng lốp có kích thước quy định và dạng gai lốp giống hệt nhau.

5. Nâng xe đến khi lốp rời khỏi mặt đất.
6. Tháo tất cả các đai ốc bánh xe đã bị nói lỏng, lấy bánh ngoài ra, sau đó đến bánh trong. Khi tháo bánh xe, cẩn thận để không làm hỏng ren của bu lông bánh xe và bề mặt gắn mâm bánh xe của moay-ơ.

Lắp bánh xe



CẢNH BÁO

- Mâm bánh xe, bu lông bánh xe hoặc đai ốc bánh xe trong bất kỳ điều kiện bất thường nào đều cũng có thể bị hỏng, làm bánh xe long khỏi xe khi đang chạy.
- Không sơn lại bất kỳ bề mặt lắp ghép nào, bề mặt đặt đai ốc bánh xe hoặc bề mặt lắp moay-ơ của mâm bánh xe. Màng sơn dày có thể làm lỏng hoặc hỏng bu lông bánh xe.

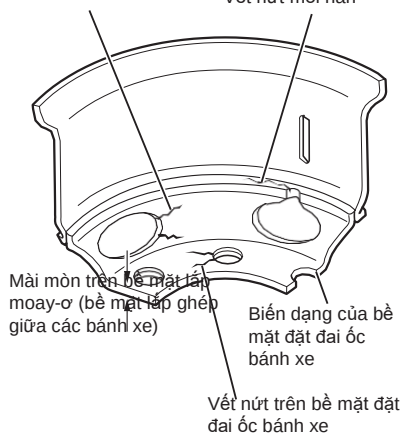


THẬN TRỌNG

- Chỉ thay bánh xe khi lốp được nhắc hẳn khỏi mặt đất. Nếu không, lốp có thể được lắp không hoàn chỉnh, ảnh hưởng không tốt đến hiệu năng lái xe.
- Loại bỏ bùn và rỉ sét khỏi bề mặt lắp moay-ơ hoặc các bề mặt lắp ghép giữa các bánh xe. Nếu không, bánh xe có thể long ra khi xe đang di chuyển.

Vết nứt trên lỗ trang trí

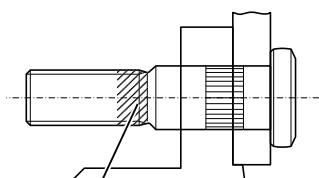
Vết nứt mối hàn



Mài mòn trên bề mặt lắp moay-ơ (bề mặt lắp ghép giữa các bánh xe)

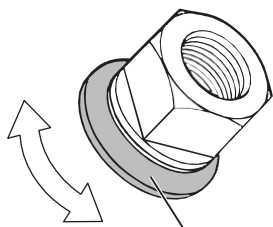
Biến dạng của bề mặt đặt đai ốc bánh xe

Vết nứt trên bề mặt đặt đai ốc bánh xe



Kiểm tra độ giãn

Hình dạng bu lông được minh họa ở trên là một ví dụ. Tùy vào thông số kỹ thuật của xe mà hình dạng bu lông sẽ khác nhau.



Vòng đệm đai ốc bánh xe

1. Kiểm tra mâm bánh xe theo các mục sau:

- Vết nứt hoặc các hư hỏng khác xung quanh lỗ bu lông và lỗ trang trí
- Vết nứt, biến dạng hoặc các hư hỏng khác trên bề mặt đặt đai ốc bánh xe (bề mặt côn)
- Vết nứt hoặc các hư hỏng khác trên mối hàn
- Mòn hoặc các hư hỏng khác trên bề mặt lắp moay-ơ hoặc bề mặt lắp ghép giữa các bánh xe

2. Kiểm tra bu lông bánh xe và đai ốc bánh xe theo các điều sau:

- Vết nứt hoặc các hư hỏng khác
- Độ giãn bu lông. Thay bu lông nếu đường kính bu lông giảm xuống 21,5 mm (0,85 in) so với đường kính tiêu chuẩn ban đầu là 22 mm (0,87 in). Ngoài ra, kiểm tra bu lông có vết rỉ sét rõ ràng không.
- Ren mỏng, bị vỡ hoặc bị kẹt
- Nới lỏng đai ốc tang trống

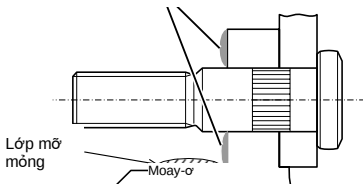
Thay bu lông bánh xe bao gồm công việc tháo rời linh kiện; do đó, hãy yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn thực hiện.

- Quay vòng đệm đỉnh. Thay vòng đệm không xoay một cách trơn tru.

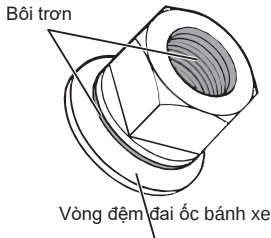
3. Loại bỏ rỉ sét, bụi và bùn bám trên bề mặt lắp, bề mặt lắp moay-ơ hoặc bề mặt lắp ghép giữa các bánh xe và bề mặt đặt đai ốc bánh xe (bề mặt vát) của mâm bánh xe cũng như trên các ren của bu lông và đai ốc bánh xe.

BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG

Không bôi mỡ
(bề mặt tiếp xúc mâm bánh)



Hình dạng bu lông được minh họa ở trên là một ví dụ. Tùy vào thông số kỹ thuật của xe mà hình dạng bu lông sẽ khác nhau.



Loại bỏ rỉ sét trên moay-ơ và bề mặt phần đầu tuýp (không sơn) của mâm bánh xe và bôi một lớp mỡ mỏng.

4. Bôi trơn ren của mỗi đai ốc bánh xe.

- Bôi chất bôi trơn vào khe hở giữa đai ốc và vòng đệm. (Không cần bôi trơn các phần mới.)
- Bôi trơn ren của đai ốc.

Chất bôi trơn đã sử dụng

Nhớt động cơ, nhớt hộp số, dầu trợ lực lái



THẬN TRỌNG

- Loại bỏ gỉ và bụi bẩn khỏi bu lông và đai ốc bánh xe, nhẹ nhàng bôi trơn các ren bằng nhớt động cơ, nhớt hộp số hoặc dầu trợ lực lái và vặn đai ốc vào bu lông. Nếu không vặn được đai ốc một cách dễ dàng, tức ren bị hỏng.
- Nếu ren bị hỏng, thay cả bộ gồm bu lông và đai ốc bánh xe.
- Nếu một bu lông bánh xe bị vỡ, thay tất cả các bu lông và đai ốc trên bánh xe.
- Khi sử dụng cờ lê tác động, cẩn thận điều chỉnh bộ điều chỉnh áp suất khí và chọn thời gian siết. Bạn nên sử dụng cần siết lực cho lần siết cuối để đảm bảo siết chặt đai ốc đến lực siết quy định.
- Làm sạch mâm bánh xe để loại bỏ bụi bẩn và rỉ sét trên các bề mặt lắp của mâm, bề mặt lắp moay-ơ hoặc bề mặt lắp ghép giữa các bánh xe. Đồng thời, làm sạch các bề mặt đặt đai ốc. Nếu không, các đai ốc bánh xe cuối cùng cũng có thể bị lỏng và bánh xe có thể rơi ra khi bạn đang lái xe. Điều này có thể rất nguy hiểm.
- Không sử dụng nhớt chứa molybdenum disulfide. Khi siết đến lực siết tương tự, các bu lông và đai ốc được phủ bằng loại nhớt này tạo ra lực bám lớn hơn nhiều so với các bu lông được phủ bằng các loại nhớt khác. Lực bám quá lớn có thể làm hỏng các bu lông bánh xe.

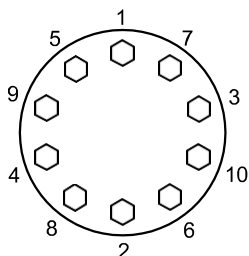
THẬN TRỌNG (tiếp)

THẬN TRỌNG (tiếp)

- Không bôi nhớt hoặc mỡ lên bề mặt tiếp xúc mâm bánh xe của moay-ơ. Bôi bất kỳ chất bôi trơn nào lên bề mặt sẽ làm giảm lực siết và có thể làm lỏng bánh xe.
- Một số cờ lê tác động có bán sẵn trên thị trường tạo ra lực siết lớn hơn lực siết cực đại được quy định để siết chặt đai ốc bánh xe. Các đai ốc bánh xe có thể bị vỡ nếu siết chặt bằng cờ lê tác động. Trước khi sử dụng cờ lê tác động, kiểm tra xem lực siết cờ lê tạo ra có phù hợp với thông số kỹ thuật không.

Trình tự siết chặt đai ốc bánh xe

5.



Khi lắp bánh sau, đặt bánh ngoài sao cho van khí lốp bánh sau cách xa bánh trong để có thể bơm cho cả hai lốp.

6. Lắp các đai ốc bánh xe và siết chặt bằng tay đến khi các bánh xe được lắp đúng vị trí mà không bị đảo bánh.
7. Xoay van xả của kích ngược chiều kim đồng hồ để hạ xe từ từ.
8. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo trình tự đường chéo trong hai hoặc ba vòng.
9. Cuối cùng, siết chặt tất cả các đai ốc bánh xe bằng cần siết lực đến lực siết quy định.

Model xe	Model động cơ	Lực siết đai ốc bánh xe
FTR/FVR	4HK1	500 - 550 N·m (50 - 55 kgf·m/362 - 398 lb·ft)
	6HK1	550 - 600 N·m (55 - 60 kgf·m/398 - 434 lb·ft)
FVM/FVZ/GVR/GVZ		550 - 600 N·m (55 - 60 kgf·m/398 - 434 lb·ft)

**KHUYẾN CÁO**

- Sau khi thay lốp, quay vô lăng theo cả hai hướng để đảm bảo bánh xe không va chạm với các bộ phận xung quanh. Nếu bạn không chắc về bất kỳ điều gì, vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.
- Lực siết các đai ốc bánh xe có thể giảm sau khi thay lốp do biến dạng ban đầu. Sau khi đi được khoảng 50 đến 100 km (31 đến 62 dặm) sau khi thay lốp, đảm bảo siết chặt lại các đai ốc bánh xe đến lực siết quy định.

Siết chặt lại đai ốc bánh xe (Bánh xe ISO có 10 bu lông)
→ Tham khảo trang 7-109

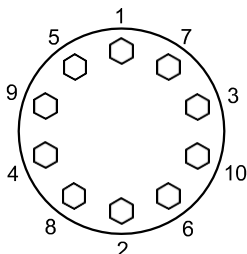
Siết chặt lại đai ốc bánh xe (Bánh xe ISO có 10 bu lông)

Kiểm tra các đai ốc bánh xe để đảm bảo đai ốc được siết chặt đến lực siết quy định bằng cần siết lực.

Sử dụng cách sau để kiểm tra xem các đai ốc bánh xe có bị lỏng không. Lực siết các đai ốc bánh xe có thể giảm sau khi thay hoặc đảo lốp do biến dạng ban đầu. Sau khi đi được 50 đến 100 km (31 đến 62 dặm), siết chặt lại các đai ốc bánh xe đến lực siết quy định.

Trình tự siết chặt đai ốc bánh xe

Siết chặt các đai ốc bánh xe theo trình tự đường chéo đến lực siết quy định.



Model xe	Model động cơ	Lực siết đai ốc bánh xe
FTR/FVR	4HK1	500 - 550 N·m (50 - 55 kgf·m/362 - 398 lb·ft)
	6HK1	550 - 600 N·m (55 - 60 kgf·m/398 - 434 lb·ft)
FVM/FVZ/GVR/GVZ		550 - 600 N·m (55 - 60 kgf·m/398 - 434 lb·ft)

**CẢNH BÁO**

- Nếu bạn phát hiện bất kỳ điểm bất thường nào với đai ốc bánh xe, ví dụ đai ốc được siết chặt lại thường xuyên bị lỏng, yêu cầu Đại lý Isuzu gần nhất kiểm tra hoặc bảo dưỡng xe của bạn sớm nhất có thể.

**THẬN TRỌNG**

- Bu lông và đai ốc của bánh xe bên trái và bên phải đều có ren vít bên phải.
- Cài hết cờ lê bu lông bánh xe vào đai ốc bánh xe để có thể siết chặt đai ốc đến lực siết quy định. Tuy nhiên, không sử dụng ống làm tay cầm hoặc dùng chân tác dụng lực lên cờ lê. Điều này có thể siết chặt đai ốc hơn mức cần thiết và làm hỏng các bộ phận.
- Đai ốc bánh xe quá lỏng hay quá chặt đều có thể làm hỏng bu lông bánh xe hoặc nứt mâm bánh xe, có thể dẫn đến long bánh xe. Tuân theo lực siết quy định.
- Khi thay lốp mới, chỉ sử dụng lốp cùng loại và kích thước với lốp được thay; nếu không sẽ ảnh hưởng đến độ an toàn khi lái xe. Tránh dùng chung các lốp có loại và kích thước khác nhau.

Lốp dự phòng

Sử dụng lốp dự phòng khi không thể sử dụng một trong các lốp hoặc để đảo lốp.

**CẢNH BÁO**

- Nếu xích bị xoắn khi cuộn, xích sẽ bị chùng khi đang chạy do dao động hoặc va đập và lốp có thể bị long ra; điều này rất nguy hiểm.
- Sau khi cất lốp vào giá đỡ, kiểm tra xem lốp có được giữ chắc chắn không. Nếu giữ không chắc chắn, lốp sẽ bị lỏng khi đang chạy do dao động hoặc va đập và lốp có thể bị long ra; điều này rất nguy hiểm.

Kiểm tra lốp dự phòng

1. Kiểm tra để đảm bảo lốp dự phòng không bị lỏng bằng cách dùng chân hoặc các bộ phận cơ thể khác ấn mạnh vào lốp.
2. Nếu lốp bị lỏng, buộc chặt lại sau khi kiểm tra xem có hư hỏng nào trên giá đỡ hoặc tấm móc treo không. Nếu lốp vẫn lỏng, liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất trước khi lái xe.

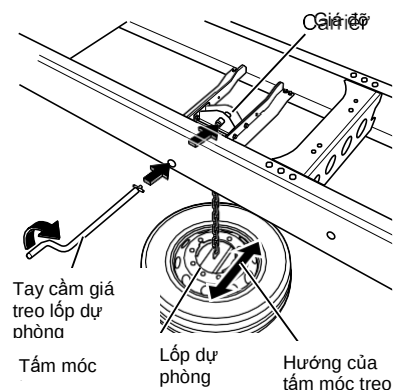
Tháo và cất lốp dự phòng



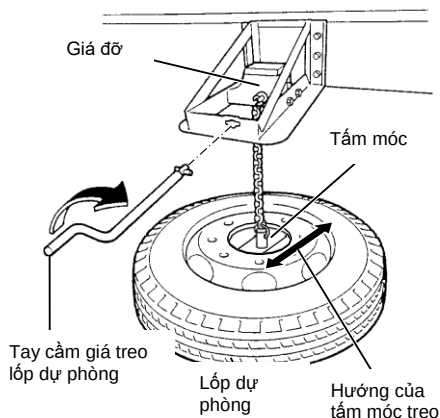
THẬN TRỌNG

- Sử dụng tay cầm giá treo lốp dự phòng được trang bị trên xe của bạn khi bạn tháo và cất lốp dự phòng. Nếu bạn sử dụng các công cụ khác, các công cụ đó có thể làm hỏng giá treo.

Giá treo lốp dự phòng – dưới phần sau của khung



Giá treo lốp dự phòng – dưới phần hông sau của khung



Tháo

Lắp tay cầm vào giá treo lốp dự phòng và xoay tay cầm ngược chiều kim đồng hồ để hạ lốp dự phòng.

Ngăn đựng

- Đặt lốp có mặt lồi của mâm bánh xe hướng lên trên, sau đó lắp tấm móc treo vào trong mâm bánh xe bằng các vấu kẹp được cài chặt đúng cách.
- Kiểm tra để đảm bảo xích không bị xoắn.
- Lắp tay cầm giá treo lốp dự phòng vào giá đỡ và xoay tay cầm theo chiều kim đồng hồ để cuộn xích lên. Không làm xoắn xích khi cuộn xích lên. Tấm móc treo phải vuông góc với giá đỡ khi lốp dự phòng ở vị trí treo.
- Sau khi cuộn hết dây xích lên, tác dụng một lực lên tay cầm lớn hơn **196 N (20 kgf/44 lb)** đối với bánh xe có 6 bu lông và một lực lớn hơn **294 N (30 kgf/66 lb)** đối với bánh xe có 8 hoặc 10 bu lông để khóa chắc lốp. Kéo tay cầm giá treo lốp dự phòng mà không cần đảo ngược giá treo.
- Sau khi cất lốp dự phòng, dùng chân ấn mạnh vào lốp để kiểm tra lốp dự phòng đã được gắn chặt chưa. Nếu chưa, buộc chặt lại sau khi đã xác nhận giá treo có bị hư hỏng không và giá đỡ hoặc tấm móc treo không bị biến dạng. Nếu bạn không thể siết chặt lốp lên giá treo, dừng lái xe và liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

Áp suất khí

Kiểm tra áp suất khí của lốp dự phòng bằng Đồng hồ áp suất khí nén của lốp theo các khoảng thời gian được quy định trong Lịch bảo dưỡng.

Lốp dự phòng được bơm đến áp suất bình thường có thể bị giảm áp suất từng chút một do bị rò rỉ theo thời gian. Do đó, bạn nên bơm đến áp suất cao hơn một chút so với áp suất bình thường.

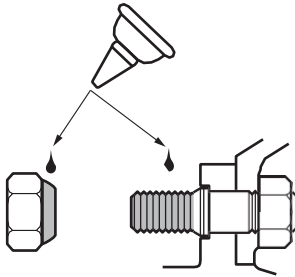
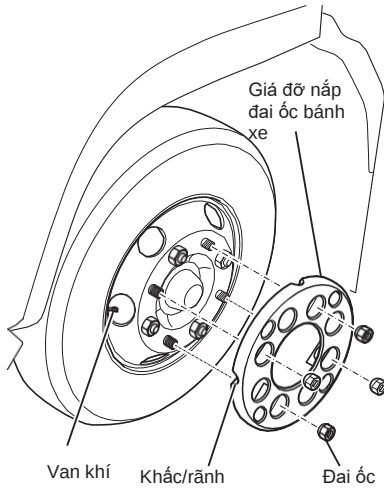
Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Nắp đai ốc bánh xe (Bánh xe JIS có 8 bu lông) V

Lắp đặt

1. Lắp nắp đai ốc bánh xe bằng 4 trong số 8 bu lông.



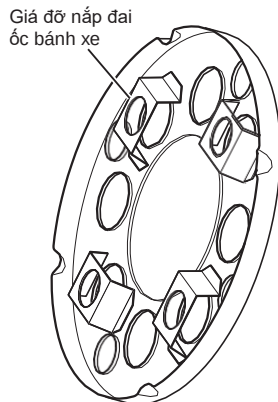
2. Bôi trơn các phần sau.

- Ren của bu lông và đai ốc bánh xe.
- Phần được vát của đai ốc bánh xe.

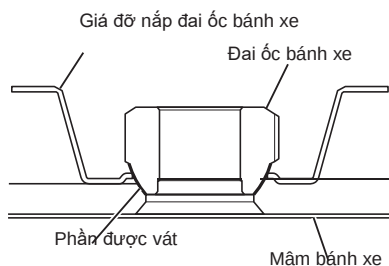
Chất bôi trơn đã sử dụng

Nhớt động cơ, nhớt hộp số, dầu trợ lực lái

Phần sau nắp đai ốc bánh xe



3. Căn chỉnh một trong các khắc định vị trên nắp bằng van khí lốp.



4. Lắp nắp. Tạm thời siết chặt các đai ốc bánh xe bằng tay đến khi phần được vát của đai ốc bánh xe khớp hoàn toàn với phần được vát của mâm bánh xe. Trong trường hợp đó, đảm bảo giá đỡ nắp bánh xe không kẹt giữa đai ốc và mâm bánh xe.

5. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo đường chéo theo nhiều trình tự. Tham khảo trang 7-100 để biết trình tự siết đai ốc bánh xe và lực siết.

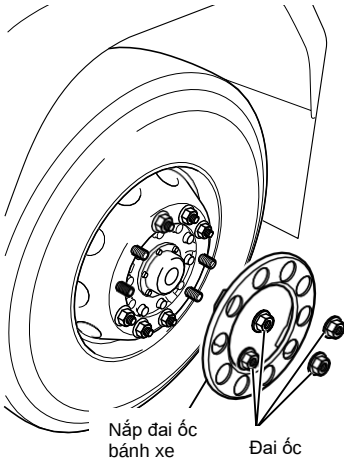
6. Cuối cùng, đảm bảo siết chặt các đai ốc bánh xe đến lực siết quy định bằng cần siết lực, v.v.

Siết chặt lại đai ốc bánh xe (Bánh xe JIS có 6 bu lông hoặc 8 bu lông) → Tham khảo trang 7-102

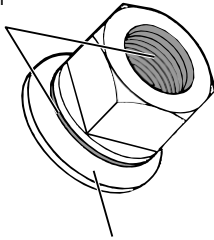


THẬN TRỌNG

- Không bước lên nắp đai ốc bánh xe.

Nắp đai ốc bánh xe (Bánh xe ISO có 10 bu lông) V

Bôi trơn



Vòng đệm đai ốc bánh xe

Lắp đặt

1. Lắp nắp đai ốc bánh xe bằng 4 trong số 10 bu lông.

Lắp bánh xe → Tham khảo trang 7-105

2. Bôi trơn ren của các đai ốc bánh xe.
 - Bôi chất bôi trơn vào khe hở giữa đai ốc và vòng đệm. (Không cần bôi trơn các phần mới.)
 - Bôi trơn ren của đai ốc.

Chất bôi trơn đã sử dụng

Nhớt động cơ, nhớt hộp số, dầu trợ lực lái

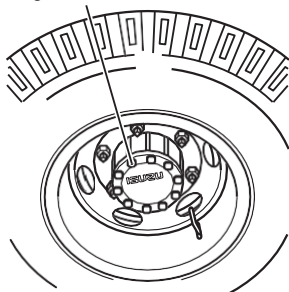
3. Lắp nắp. Tạm thời siết đều các đai ốc bánh xe bằng tay đến khi các đai ốc bánh xe chạm vào nắp.
4. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo đường chéo theo nhiều trình tự. Tham khảo trang 7-108 để biết trình tự siết đai ốc bánh xe và lực siết.
5. Cuối cùng, đảm bảo siết chặt các đai ốc bánh xe đến lực siết quy định bằng cần siết lực, v.v.

Siết chặt lại đai ốc bánh xe (Bánh xe ISO có 10 bu lông) → Tham khảo trang 7-109**THẬN TRỌNG**

- Không dẫm lên nắp đai ốc bánh xe.

Kiểm tra bu lông trục cầu xe

Bu lông trục cầu sau



Kiểm tra độ lỏng của bu lông trục cầu xe.

Model	Lực siết bu lông trục cầu xe
FRR	98 - 127 N·m (10,0 - 13,0 kgf·m/72 - 94 lb·ft)
FTR/FVR/FVM/FVZ/GVR/GVZ	167 - 196 N·m (17,0 - 20,0 kgf·m/123 - 145 lb·ft)

Bình khí

Bình khí có thể chứa nước. Bạn phải xả nước bằng cách kéo các vòng của tất cả các vòi xả ở đáy bình khí để xả nước.

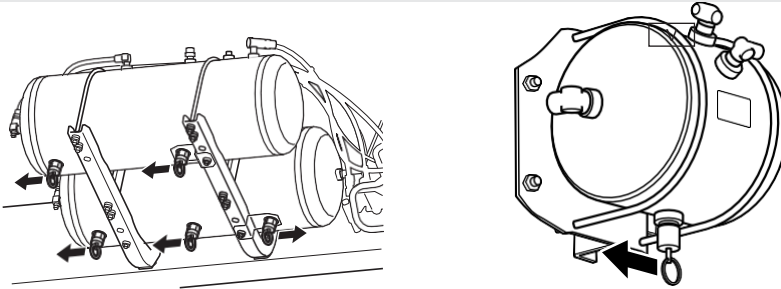
Sau khi xả nước, kiểm tra xem có khí rò rỉ ở mỗi vòi xả không.

Nếu một lượng lớn nước thoát ra từ bình khí, chất khử ẩm trong bộ sấy không khí có thể đã bị giảm chất lượng. Nếu cần thay chất khử ẩm, yêu cầu Đại lý Isuzu gần nhất thực hiện.

Bình khí cho phụ tải

CẢNH BÁO

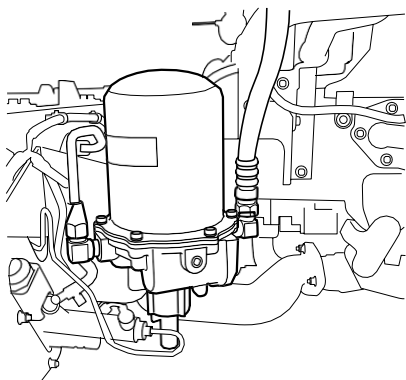
- Nước đọng lại trong bình khí có thể làm hơi ẩm trong đường ống dẫn khí bị đóng băng vào mùa đông. Điều này rất nguy hiểm vì máy nén khí có thể bị hỏng và do đó, có thể không còn đủ lực hãm.



Áp dụng quy trình xả nước được mô tả ở trên cho bình khí được lắp ở các vị trí khác.

Bộ sấy không khí

V



Thay đổi chất khử ẩm và các phần cao su của bộ lọc của bộ sấy không khí theo các khoảng thời gian quy định trong Lịch bảo dưỡng.

Cẩn thận để đảm bảo cổng xả không bị tắc hoặc tạp chất cản trở.

Bộ sấy không khí loại bỏ hơi ẩm và nhớt trong đường ống dẫn khí của xe bằng chất khử ẩm bên trong.

Nếu nước và nhớt được chảy ra khi mở vòi xả trên bình khí để kiểm tra, tức là chất khử ẩm đã giảm chất lượng và cần được thay. Việc thay chất khử ẩm yêu cầu tháo rời các bộ phận liên quan, do đó bạn nên yêu cầu Đại lý Isuzu gần nhất thực hiện.

Dầu ly hợp

M/T



THẬN TRỌNG

- Khi nạp lại dầu ly hợp vào bình, cẩn thận không để bụi hoặc nước xâm nhập vào bình; nếu không, ly hợp có thể không hoạt động.
- Cẩn thận tránh đổ dầu ly hợp lên bề mặt sơn hoặc dính lên da. Lập tức lau sạch nếu nhớt bị đổ trên bề mặt sơn. Lập tức rửa sạch bằng nước nếu nhớt tiếp xúc với da của bạn.
- Chỉ sử dụng dầu ly hợp được quy định và thay nhớt theo Lịch bảo dưỡng.
- Dầu ly hợp có tính hút ẩm cao. Đóng chặt nắp thùng chứa khi bảo quản.
- Không trộn dầu ly hợp được quy định với bất kỳ nhãn hiệu nào khác.
- Nếu dầu ly hợp giảm quá nhanh, có thể hệ thống ly hợp hoặc đĩa ly hợp bị mòn quá giới hạn an toàn. Đưa xe của bạn đến Đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra ngay lập tức.

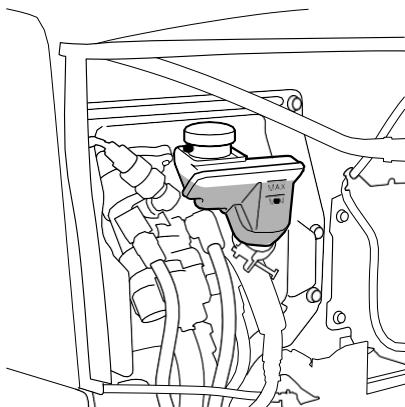
Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Lưu chất, chất bôi trơn và

nhiên liệu diesel được khuyến dùng → Tham khảo trang 7-208

Kiểm tra dầu ly hợp



Kiểm tra mức nhớt trong bình dầu ly hợp bằng sau nắp capo. Mức nhớt thường phải nằm giữa vạch "TỐI ĐA" và "TỐI THIỂU".

Nếu mức nhớt dưới vạch "TỐI THIỂU", nạp lại dầu ly hợp quy định vào bình đến vạch "TỐI ĐA".

Nắp capo → Tham khảo trang 7-8

Bổ sung dầu ly hợp

Mở nắp capo và tháo nắp khỏi bình dầu ly hợp để đổ đầy dầu ly hợp vào bình. Bổ sung dầu ly hợp quy định đến vạch "TỐI ĐA".



THẬN TRỌNG

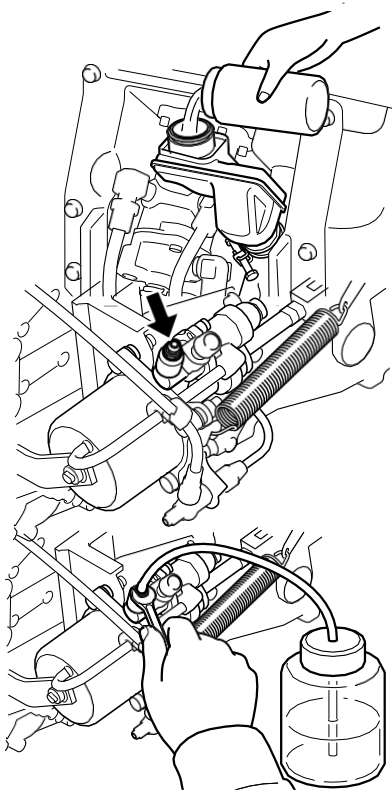
- Trước khi nạp lại vào bình, làm sạch khu vực xung quanh nắp và đổ dầu ly hợp từ bình chứa sạch. Tạp chất lọt vào trong bình sẽ làm hỏng hệ thống ly hợp.
- Dầu ly hợp làm chảy lớp sơn và các vật liệu xe bằng nhựa, vinyl và cao su. Dầu phanh cũng có tính ăn mòn cao đối với kim loại. Nếu bị đổ, lập tức lau bề mặt dính dầu phanh và rửa hoàn toàn bằng nước.
- Không trộn dầu ly hợp với nhớt của nhãn hiệu không được chỉ định. Do phản ứng hóa học, hỗn hợp nhớt của nhãn hiệu khác nhau sẽ làm hỏng hệ thống ly hợp.

Thay dầu ly hợp

Thay dầu ly hợp theo Lịch bảo dưỡng bằng loại nhớt được quy định. Vì để thay dầu ly hợp, phải tháo rời các bộ phận liên quan; do đó, yêu cầu Đại lý Isuzu gần nhất thực hiện.

Xả khí hệ thống thủy lực ly hợp

Nếu có khí trong hệ thống thủy lực ly hợp, ly hợp có thể nhả hoàn toàn. Xả khí cho hệ thống nếu sử dụng ly hợp khi lượng dầu ly hợp trong bình cực thấp hoặc tháo đường ống ly hợp trong quá trình bảo dưỡng vận hành. Không tự thực hiện xả khí, cần phải có sự giúp đỡ của người khác.



1. Chêm bánh xe và cài chắc phanh tay.
2. Kiểm tra mức dầu ly hợp trong bình dầu ly hợp và bổ sung nếu cần.
3. Tháo nắp cao su khỏi vít xả gió trên bầu trợ lực ly hợp. Lau sạch vít xả gió.
4. Lắp một đầu của ống mềm van xả vào vít xả gió và đặt đầu còn lại vào thùng chứa trong suốt. Đổ dầu ly hợp vào thùng chứa đến khoảng một phần ba (1/3) dung tích thùng.

5. Nhấn bàn đạp ly hợp vài lần và lần cuối nhấn giữ.
6. Nới lỏng vít xả gió để dầu ly hợp chứa bọt khí chảy vào thùng chứa và sau đó lập tức siết chặt vít xả gió.
7. Nhả bàn đạp ly hợp thật chậm. Lặp lại bước 5 và 6 đến khi nhót từ ống mềm không còn bọt khí nữa. Sau khi xả, lắp nắp cao su vào vị trí.

**THẬN TRỌNG**

- Khi xả, đảm bảo mức nhót trong bình dầu ly hợp không dưới vạch "TỐI THIỂU".

Ly hợp M/T

Đĩa ly hợp bị mòn trong quá trình sử dụng và điều này làm giảm độ rơ của bàn đạp ly hợp. Nếu bạn tiếp tục sử dụng ly hợp có độ rơ bàn đạp ly hợp thấp, ly hợp sẽ dễ bị trượt. Mặt khác, nếu độ rơ quá cao, ly hợp nhả kém khiến việc sang số gặp khó khăn.

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Kiểm tra ly hợp**Kiểm tra hằng ngày**

Kiểm tra xem có nghe thấy âm thanh bất thường hoặc bàn đạp ly hợp nặng bất thường khi nhấn trong khi động cơ không tải không. Bôi trơn nếu nghe thấy âm thanh bất thường hoặc bàn đạp ly hợp hoạt động khó khăn dù áp suất khí đầy đủ. Ngoài ra, kiểm tra xem có thể dễ dàng đặt cần sang số ở vị trí số 1 hoặc số lùi không.

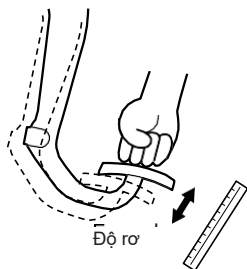
Đồng thời kiểm tra để đảm bảo ly hợp hoạt động trơn tru, không bị trượt khi xe dần chuyển động.

Bôi mỡ các thành phần khung

→ Tham khảo trang 7-150

**KHUYẾN CÁO**

- Cẩn thận nhả bàn đạp ly hợp để tránh khởi động xe quá đột ngột.

**Kiểm tra độ rơ của bàn đạp ly hợp**

Nhấn nhẹ bàn đạp ly hợp bằng tay đến khi cảm thấy có lực cản nhẹ. Khoảng cách chuyển động của bàn đạp đến điểm này chính là độ rơ.

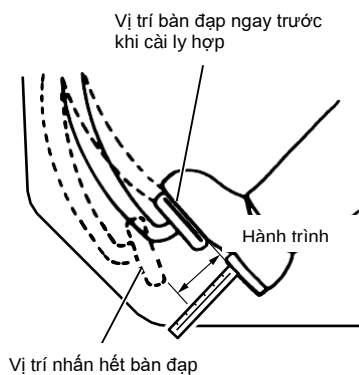
Model hộp số	Model xe	Độ rơ của bàn đạp ly hợp
MZZ	FRR	60 - 80 mm (2,36 - 3,15 in)
MZW	FRR/FTR/FVR	40 - 60 mm (1,57 - 2,36 in)
ES11109	FVM/FVZ/GVR/GVZ	40 - 60 mm (1,57 - 2,36 in)
ES9306A	FVR/FVM/GVR	

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu độ rơ của bàn đạp ly hợp không nằm trong phạm vi quy định, điều chỉnh bầu trợ lực ly hợp.

Điều chỉnh bầu trợ lực ly hợp

→ Tham khảo trang 7-124

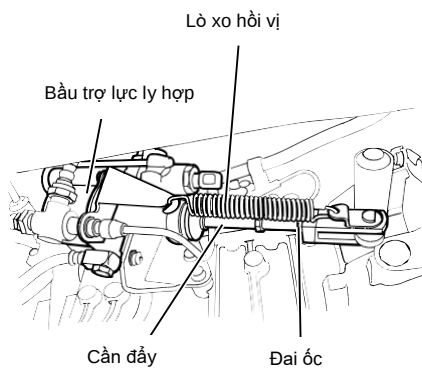
**Kiểm tra hành trình của bàn đạp ly hợp**

1. Đảm bảo kéo hết cần phanh tay. Khởi động và chạy động cơ ở trạng thái không tải, sau đó nhấn hết bàn đạp ly hợp.
2. Di chuyển cần sang số về vị trí số 1 rồi từ từ nhả bàn đạp. Bàn đạp ly hợp bình thường nếu hành trình bàn đạp từ vị trí được nhấn hết đến vị trí ngay trước cài ly hợp là 60 mm (2,36 in) trở lên.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu hành trình bàn đạp ly hợp không nằm trong phạm vi quy định, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

Điều chỉnh độ rơ của bàn đạp ly hợp



Điều chỉnh bầu trợ lực ly hợp Nếu độ rơ của bàn đạp ly hợp không nằm trong phạm vi quy định, điều chỉnh bầu trợ lực ly hợp và xy-lanh chính của ly hợp khi động cơ đã dừng.

1. Tháo lò xo hồi vị khỏi bầu trợ lực ly hợp.
2. Nới lỏng đai ốc hãm cần đẩy.
3. Xoay và mở rộng cần đẩy đến khi cần đẩy chuyển động hết cỡ.
4. Từ điểm này, quay cần đẩy ngược lại số vòng xoay được chỉ ra trong bảng dưới đây.

Model hộp số	Model xe	Số vòng xoay
MZZ	FRR	5 - 1/4 đến 5 - 3/4
MZW	FRR/FTR/FVR	2 - 1/4 đến 2 - 3/4
ES11109	FVM/FVZ/GVR/GVZ	2 - 1/2 đến 3
ES9306A	FVR/FVM/GVR	

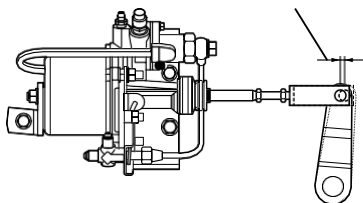
5. Siết chặt đai ốc hãm đến lực siết quy định.

Lực siết đai ốc hãm

21 - 39 N·m (2,1 - 4,0 kgf·m/15 - 29 lb·ft)

6. Xác nhận giá trị độ rơ nằm trong phạm vi dưới đây.

Giá trị độ rơ của cần đẩy
bầu trợ lực ly hợp



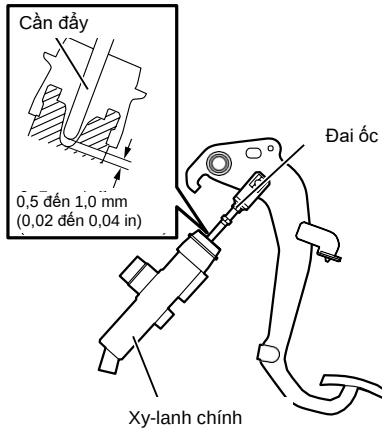
Model hộp số	Model xe	Giá trị độ rơ của cần đẩy bầu trợ lực ly hợp
MZZ	FRR	7,0 - 7,5 mm (0,28 - 0,30 in)
MZW	FRR/FTR/FVR	3,0 - 3,5 mm (0,12 - 0,14 in)
ES11109	FVM/FVZ/GVR/GVZ	3,5 - 4,0 mm (0,14 - 0,16 in)
ES9306A	FVR/FVM/GVR	

7. Nếu giá trị độ rơ nằm ngoài phạm vi quy định, nới lỏng đai ốc hãm cần đẩy và điều chỉnh lại cần đẩy cho phù hợp bằng cách xoay theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ đến khi độ rơ nằm trong khoảng giá trị quy định.
(1 mm = 3/4 vòng quay cần đẩy)
8. Siết chặt đai ốc hãm đến lực siết quy định.

Lực siết đai ốc hãm

21 - 39 N·m (2,1 - 4,0 kgf·m/15 - 29 lb·ft)

9. Xác nhận giá trị độ rơ nằm trong phạm vi bên trên.
10. Gắn lại lò xo hồi vị.
11. Kiểm tra độ rơ của bàn đạp ly hợp.
Nếu độ rơ không đạt yêu cầu về thông số kỹ thuật, tiếp tục với các bước sau để điều chỉnh thêm ở xy-lanh chính.

**Điều chỉnh xy-lanh chính**

1. Tháo lò xo hồi vị khỏi bàn đạp ly hợp.
2. Nới lỏng đai ốc hãm cần đẩy của xy-lanh chính.
3. Xoay cần đẩy đến khi tiếp xúc với pít-tông.
4. Từ vị trí này, xoay cần đẩy ngược lại từ 2/5 đến 4/5 vòng. Tại điểm này, khoảng cách giữa đầu cần đẩy và pít-tông phải từ 0,5 đến 1,0 mm (0,02 đến 0,04 in).
5. Vặn chặt đai ốc hãm và lắp lò xo hồi vị.

Nhớt hộp số sàn**CẢNH BÁO**

- Nếu mức nhớt hộp số quá thấp, hộp số có thể bị hỏng, dẫn đến tai nạn. Kiểm tra định kỳ mức nhớt theo Lịch bảo dưỡng.
- Không chạm vào nhớt hộp số khi còn nóng. Bạn có thể bị bỏng.

**THẬN TRỌNG**

- Khi kiểm tra mức nhớt, đảm bảo kiểm tra cả hiện tượng rò rỉ từ hộp số.

Thay nhớt hộp số theo Lịch bảo dưỡng.

Nếu xe của bạn được trang bị hệ thống Smoother, bạn nên tuân theo các quy trình đặc biệt để kiểm tra mức nhớt và thay dầu ly hợp Smoother.

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Lưu chất, chất bôi trơn và

nhiên liệu diesel được khuyên dùng → Tham khảo trang 7-208

Lịch bảo dưỡng - Hộp số model

ES11109/ES9306A

→ Tham khảo trang 7-205

Dầu ly hợp Smoother

SA

→ Tham khảo trang 7-137

**KHUYẾN CÁO**

- Chỉ sử dụng một lượng nhớt được chỉ định dưới đây theo hướng dẫn khi thay nhớt hộp số. Sau khi thay nhớt, đảm bảo mức nhớt cần thiết.
- Nhớt xả ra phải được xử lý bằng phương pháp phù hợp với các quy định tại quốc gia của bạn.

Lượng nhớt hộp số cần thay

Model hộp số		Lượng nhớt [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	
		Không có bộ truyền lực (PTO)	Có PTO
MZZ	6 cấp số	4,4 (1,16/0,97)	5,3 (1,40/1,17)
MZW	6 cấp số	5,3 (1,40/1,17)	6,0 (1,59/1,32)
ES11109	9 cấp số	8,5 (2,25/1,87)	9,4 (2,48/2,07)
ES9306A	6 cấp số	9,2 (2,43/2,02)	11,2 (2,96/2,46)

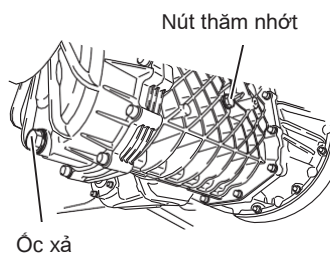


LƯU Ý

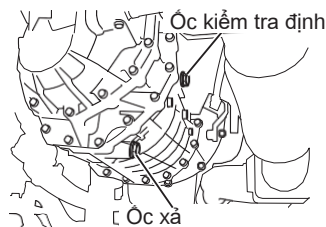
- Model hộp số được chỉ định trên bảng ID trong cabin.

Mã tùy chọn → Tham khảo trang 1-4

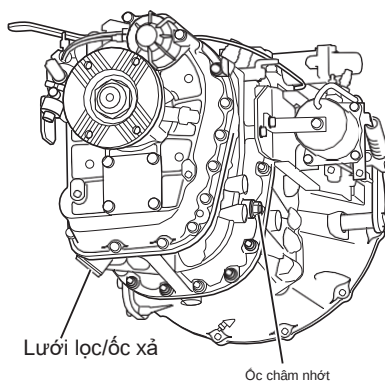
Model MZZ



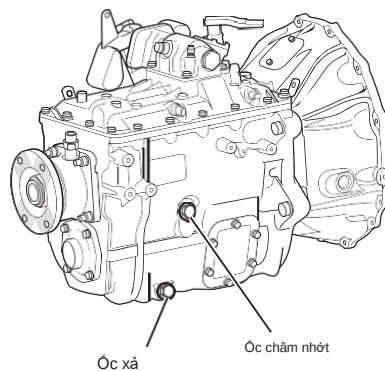
Model MZW



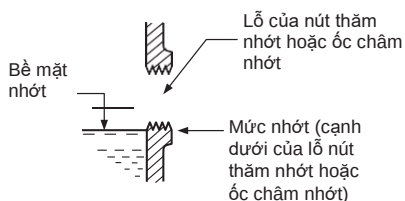
Model ES11109



Model ES9306A



Kiểm tra mức nhớt hộp số



Đỗ xe ở bề mặt bằng phẳng trước khi kiểm tra mức nhớt.

1. Tháo nút thăm nhớt hoặc ốc châm nhớt.
2. Kiểm tra để đảm bảo mức nhớt đã lên đến cạnh dưới của lỗ nút thăm nhớt hoặc ốc châm nhớt.
 - Bổ sung nhớt thông qua lỗ nút thăm nhớt hoặc ốc châm nhớt nếu mức nhớt quá thấp.
3. Vặn chặt nút thăm nhớt hoặc ốc châm nhớt đến lực siết quy định.
Đối với model hộp số ES9306A, bôi keo làm kín (LOCTITE® 262) vào các ren vít của nút thăm nhớt hoặc ốc châm nhớt trước khi lắp.

Lực siết nút thăm nhớt hoặc ốc châm nhớt

Model MZZ/MZW	29 - 49 N·m (3,0 - 5,0 kgf·m/22 - 36 lb·ft)
Model ES11109	32 - 37 N·m (3,3 - 3,8 kgf·m/24 - 27 lb·ft)
Model ES9306A	34 - 47 N·m (3,5 - 4,8 kgf·m/25 - 35 lb·ft)

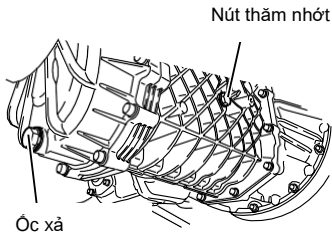


KHUYẾN CÁO

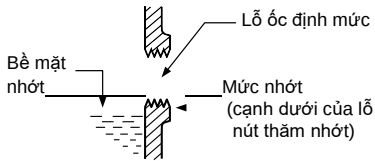
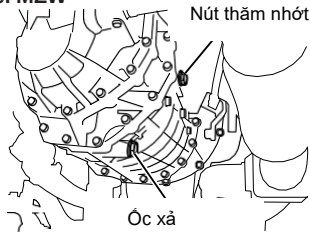
- Lau sạch bụi bẩn trên nút thăm nhớt/ốc châm nhớt trước khi lắp.
- Đối với hộp số vỏ nhôm, đặc biệt cẩn thận không siết quá chặt nút thăm nhớt và ốc xả khi lắp. Nếu không, có thể làm hỏng ren.

Thay nhớt hộp số – Hộp số model MZZ/MZW

Model MZZ



Model MZW



Phải thay nhớt hộp số theo các khoảng thời gian quy định.

1. Trước khi thay, đảm bảo đỗ xe ở bề mặt bằng phẳng.
2. Đặt một thùng chứa bên dưới ốc xả để hứng nhớt.
3. Tháo cả nút thăm nhớt và ốc xả để xả nhớt vào thùng chứa.
4. Sau khi lắp ốc xả bằng cách siết chặt đến giá trị lực quy định, nạp lại nhớt mới vào hộp số thông qua lỗ nút thăm nhớt đến cạnh dưới của cửa lỗ.

Lực siết ốc xả

29 - 49 N·m (3,0 - 5,0 kgf·m/22 - 36 lb·ft)



KHUYẾN CÁO

- Lau sạch bụi bẩn trên nút thăm nhớt/ốc châm nhớt trước khi lắp.

5. Sau khi nạp lại, xác nhận mức nhớt đã đến mép dưới của lỗ ốc định mức.
6. Lắp nút thăm nhớt đến lực siết quy định.

Lực siết nút thăm nhớt

29 - 49 N·m (3,0 - 5,0 kgf·m/22 - 36 lb·ft)

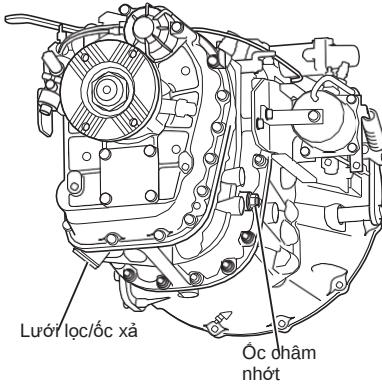
**KHUYẾN CÁO**

- Lau sạch bụi bẩn trên nút thăm nhót/ốc châm nhót trước khi lắp.
- Đối với hộp số vỏ nhôm, đặc biệt cẩn thận không siết quá chặt nút thăm nhót và ốc xả khi lắp. Nếu không, có thể làm hỏng ren.

**LƯU Ý**

- Model hộp số và mã model được ghi rõ trên bảng ID trong cabin.

Thay nhớt hộp số – Hộp số model ES11109



Phải thay nhớt hộp số theo các khoảng thời gian quy định.

1. Trước khi thay, đảm bảo đỗ xe ở bề mặt bằng phẳng.
2. Đảm bảo nhớt trong hộp số đủ ẩm để xả.
3. Đặt một thùng chứa bên dưới lưới lọc/ốc xả.
4. Tháo lưới lọc/ốc xả ở đáy vỏ hộp số để xả nhớt vào thùng chứa.

**KHUYẾN CÁO**

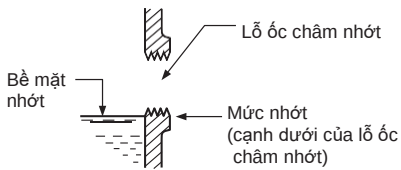
- Đảm bảo lau sạch bụi bẩn trên lưới lọc/ốc xả trước khi lắp.
- Làm sạch bụi bẩn trên lưới lọc được tháo ra. Đồng thời, rửa lưới lọc bằng kerosene hoặc dung môi khác và lau khô hoàn toàn.
- Thay vòng đệm của lưới lọc hoặc vòng chữ O nếu cần.

5. Lắp lưới lọc/ốc xả bằng cách siết chặt đến lực siết quy định.

Lực siết lưới lọc/ốc xả

40 - 47 N·m (4,1 - 4,8 kgf·m/30 - 35 lb·ft)

6. Làm sạch khu vực xung quanh lỗ ốc châm nhớt, sau đó thêm nhớt đến cạnh dưới của lỗ ốc châm nhớt.

**KHUYẾN CÁO**

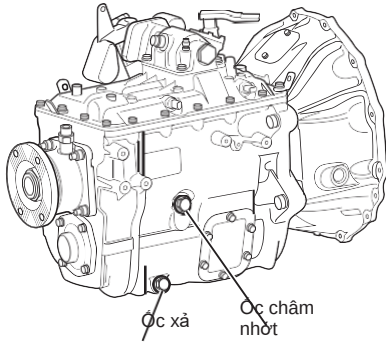
- Tránh đổ tràn vì có thể làm rò rỉ nhớt.

7. Kiểm tra mức nhớt và lắp ốc châm nhớt bằng cách siết đến lực siết quy định.

Lực siết ốc châm nhớt**32 - 37 N·m (3,3 - 3,8 kgf·m/24 - 27 lb·ft)**

Dù mức nhớt sau khi nạp lại sẽ thay đổi tùy theo góc của hộp số và model xe, luôn đổ thêm nhớt đến cạnh dưới của lỗ ốc châm nhớt.

Thay nhớt hộp số – Hộp số model ES9306A



Phải thay nhớt hộp số theo các khoảng thời gian quy định.

1. Trước khi thay, đảm bảo đỗ xe ở bề mặt bằng phẳng.
2. Đảm bảo nhớt trong hộp số đủ ẩm để xả.
3. Đặt một thùng chứa bên dưới ốc xả.
4. Tháo ốc xả ở đáy vỏ hộp số để xả nhớt vào thùng chứa.



KHUYẾN CÁO

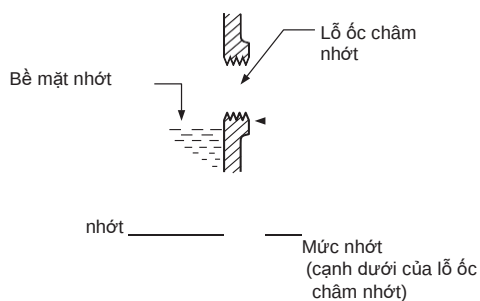
- Đảm bảo lau sạch bụi bẩn trên ốc xả trước khi lắp.

5. Lắp ốc xả bằng cách siết đến lực siết quy định.

Bôi keo làm kín (LOCTITE® 262) vào các ren vít của ốc xả trước khi lắp.

Lực siết ốc xả

30 - 41 N·m (3,1 - 4,2 kgf·m/22 - 30 lb·ft)



6. Làm sạch khu vực xung quanh lỗ ốc châm nhớt, sau đó thêm nhớt đến cạnh dưới của lỗ ốc châm nhớt.

**KHUYẾN CÁO**

- Tránh đổ tràn vì có thể làm rò rỉ nhớt.

7. Kiểm tra mức nhớt và lắp ốc châm nhớt bằng cách siết đến lực siết quy định. Bôi keo làm kín (LOCTITE® 262) vào các ren vít của ốc châm nhớt trước khi lắp.

Lực siết ốc châm nhớt**34 - 47 N·m (3,5 - 4,8 kgf·m/25 - 35 lb·ft)**

Dù mức nhớt sau khi nạp lại sẽ thay đổi tùy theo góc của hộp số và model xe, luôn đổ thêm nhớt đến cạnh dưới của lỗ ốc châm nhớt.

Dầu ly hợp Smoother

SA

Nếu xe của bạn được trang bị hệ thống Smoother, cần thay cả dầu ly hợp Smoother ngoài nhớt hộp số.

Kiểm tra và thay dầu ly hợp Smoother theo các khoảng thời gian quy định trong Lịch bảo dưỡng.

**KHUYẾN CÁO**

- Chất lượng và thể tích nhớt đều là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đáng kể đến hiệu suất và độ bền của hệ thống Smoother. Đảm bảo chỉ sử dụng nhớt của Isuzu được khuyến dùng để bổ sung và tuân thủ mức nhớt được quy định.
 - Quá nhiều nhớt sẽ dẫn đến rò rỉ.
 - Quá ít nhớt sẽ khiến hệ thống gặp sự cố.
- Trước khi kiểm tra mức dầu ly hợp Smoother, cẩn thận làm sạch que thăm nhớt và khu vực xung quanh que thăm nhớt để ngăn bụi hoặc các tạp chất khác lọt vào hệ thống. Nếu không, hộp số có thể bị lỗi. Đồng thời làm sạch que thăm nhớt trước khi lắp.
- Không để nước làm mát động cơ, nước hoặc các loại nhớt khác trộn lẫn với dầu ly hợp Smoother. Nếu không sẽ làm giảm hiệu suất và hệ thống hoạt động lỗi.

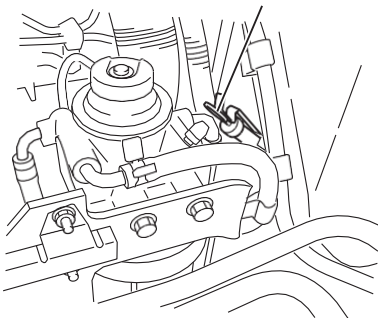
Lịch bảo dưỡng → Tham khảo trang 7-195

Lưu chất, chất bôi trơn và

nhiên liệu diesel được khuyến dùng → Tham khảo trang 7-208

Kiểm tra mức nhớt

Que thăm nhớt



1. Đỗ xe ở bề mặt bằng phẳng và cài chắc phanh tay.
2. Khởi động động cơ.
3. Lấy que thăm nhớt ra và lau bằng vải sạch.

4. Lắp lại que thăm nhớt vào đúng vị trí; và khi động cơ đang chạy không tải, từ từ rút que thăm nhớt ra và kiểm tra đồng hồ xem mức nhớt có nằm trong khoảng "C" khi nhiệt độ nhớt thấp hoặc nằm trong khoảng "H" khi nhiệt độ nhớt cao. (Xem bảng dưới đây về nhiệt độ nhớt thấp và cao.)
5. Nếu mức nhớt quá thấp, bổ sung nhớt nếu cần.
6. Sau khi kiểm tra, lắp toàn bộ que thăm nhớt vào đúng vị trí.
7. Lái xe một lần và kiểm tra lại mức nhớt bằng que thăm dầu ly hợp.



Vạch dầu trên que thăm nhớt	Nhiệt độ dầu ly hợp Smoother
LẠNH (C)	Khoảng 20 - 30°C (68 - 86°F)
NÓNG (H)	Khoảng 70 - 80°C (158 - 176°F)

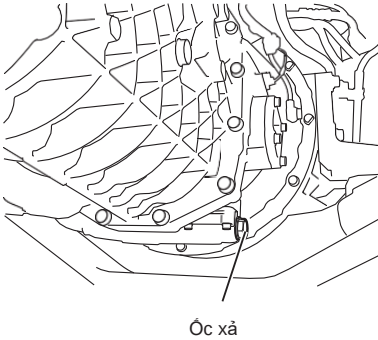
**THẬN TRỌNG**

- Đặc biệt cẩn thận để không bị bỏng khi kiểm tra mức nhớt nếu nhiệt độ động cơ cao. Bảo vệ bản thân bằng găng tay, v.v.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi que thăm nhớt nằm trong khoảng "C (Lạnh)", nghĩa là phải thay dầu ly hợp Smoother và cần sửa chữa tại Đại lý Isuzu của bạn vì Đại lý có thiết bị cần thiết để thực hiện.
Khi điều chỉnh mức nhớt, làm tương tự sau khi làm ấm xe với que thăm nhớt nằm trong khoảng "H (Nóng)".
- Để tránh mức nhớt quá thấp, kiểm tra xe và bổ sung nhớt tại Đại lý Isuzu của bạn.

Thay nhớt



Thay dầu ly hợp Smoother theo Lịch bảo dưỡng.



KHUYẾN CÁO

- Sau khi thay dầu ly hợp Smoother, kiểm tra xem mức nhớt có đúng không bằng cách làm theo hướng dẫn trong phần "Kiểm tra mức nhớt" trước đó.
- Nhớt xả ra phải được xử lý bằng phương pháp phù hợp với các quy định tại quốc gia của bạn.

1. Đặt một thùng chứa dưới ốc xả.
2. Nâng cabin.
3. Lấy que thăm nhớt ra.
4. Tháo ốc xả để xả nhớt vào thùng chứa.



LƯU Ý

- Không thể xả hết dầu ly hợp Smoother vì một lượng nhớt nhất định vẫn còn trong khớp nối thủy lực và các mạch thủy lực.

5. Lắp ốc xả bằng cách siết chặt ốc xả đến lực siết quy định.

Lực siết ốc xả

29 - 49 N·m (3,0 - 5,0 kgf·m/22 - 36 lb·ft)

6. Đổ nhớt mới vào ống dẫn hướng của que thăm nhớt.

7. Kiểm tra mức nhớt theo mục "Kiểm tra mức nhớt".

Kiểm tra mức nhớt

→ Tham khảo trang 7-137

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Lưu chất, chất bôi trơn và nhiên liệu diesel được khuyến dùng → Tham khảo trang 7-208

Nhớt hộp số sàn

→ Tham khảo trang 7-127

Nhớt bánh răng vi sai cầu sau

Phải thay nhớt bánh răng vi sai cầu sau theo Lịch bảo dưỡng.

**KHUYẾN CÁO**

- Chỉ sử dụng một lượng nhớt nêu trong phần này như giá trị tham khảo khi thay nhớt bánh răng vi sai cầu sau.
- Sau khi thay nhớt, đảm bảo nhớt ở mức yêu cầu.
- Nhớt xả ra phải được xử lý bằng phương pháp phù hợp với các quy định tại quốc gia của bạn.

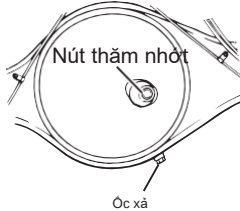
Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

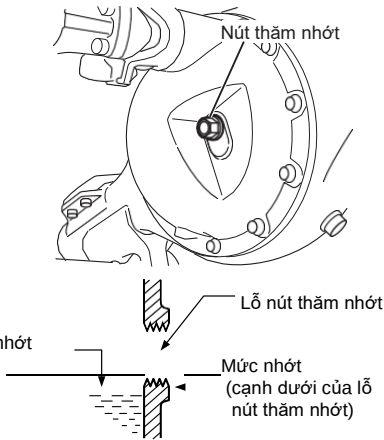
Lưu chất, chất bôi trơn và nhiên liệu diesel được khuyến dùng → Tham khảo trang 7-208

Kiểm tra mức nhớt

Model FRR/FTR/FVR/GVR, cầu sau phía trước của model FVM và cầu sau phía sau của model FVZ/GVZ



Cầu sau phía trước của FVZ/GVZ



1. Tháo nút thăm nhớt.

2. Kiểm tra để đảm bảo mức nhớt lên đến cạnh dưới của lỗ nút thăm nhớt.

- Nếu mức nhớt quá thấp, bổ sung nhớt qua lỗ nút thăm nhớt.

3. Vặn chặt nút thăm nhớt đến lực siết quy định.

Lực siết nút thăm nhớt

49 - 88 N·m (5,0 - 9,0 kgf·m/36 - 65 lb·ft)



KHUYẾN CÁO

- Lau sạch bụi bẩn trên nút thăm nhớt/ốc châm nhớt trước khi lắp.

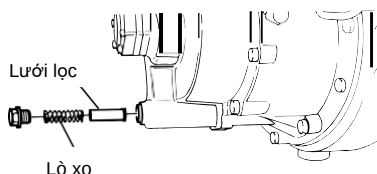
Thay nhớt

Model FRR/FTR/FVR/GVR, cầu sau phía

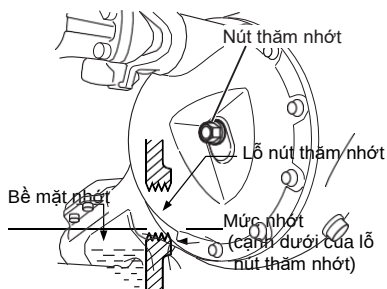
trước của model FVM và cầu sau phía
sau của model FVZ/GVZ

Ốc xả

Cầu sau phía trước của FVZ/GVZ



Cầu sau phía trước của FVZ/GVZ



1. Đặt một thùng chứa bên dưới ốc xả để hứng nhớt.
2. Tháo các ốc xả hiển thị trong hình để xả nhớt vào thùng chứa.
3. Sau khi lắp ốc xả bằng cách siết chặt đến giá trị lực quy định, nạp lại nhớt mới vào vỏ cầu sau thông qua lỗ nút thăm nhớt đến cạnh dưới của lỗ.



KHUYẾN CÁO

- Lau sạch bụi bẩn trên nút thăm nhớt/ốc châm nhớt trước khi lắp.

4. Sau khi nạp lại, xác nhận mức nhớt đã đến mép dưới của lỗ nút thăm nhớt.
5. Siết nút thăm nhớt đến lực siết quy định.
6. Đối với model FVZ/GVZI, tháo nút thăm nhớt ở trên đầu của hộp bánh răng vi sai trung tâm cầu sau phía trước và đổ **0,5 lít** (0,13 ga-lông Mỹ/**0,11 ga-lông Anh**) nhớt vào vỏ thông qua cổng châm nhớt.

Lực siết nút thăm nhớt

49 - 88 N·m (5,0 - 9,0 kgf·m/**36 - 65 lb·ft**)

Lượng nhớt bánh răng vi sai cần thay

Kích thước vi sai		Lượng nhớt [Giá trị tham khảo] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)
13,5 inch		5,5 (1,45/1,21)
14,5 inch		6,5 (1,72/1,43)
15,5 inch		9,0 (2,38/1,98)
16,5 inch		14,0 (3,70/3,08)
17,5 inch (Cầu đơn)		14,0 (3,70/3,08)
17,5 inch (Cầu dẫn động đôi)	Cầu sau phía trước	18,0 (4,76/3,96)
	Cầu sau phía sau	12,0 (3,17/2,64)
18,5 inch		18,0 (4,76/3,96)

**KHUYẾN CÁO**

- Chỉ sử dụng nhớt bánh răng vi sai Isuzu khuyến dùng.

Lưu chất, chất bôi trơn và
nhiên liệu diesel được khuyến dùng → Tham khảo trang 7-208

Dầu trợ lực lái

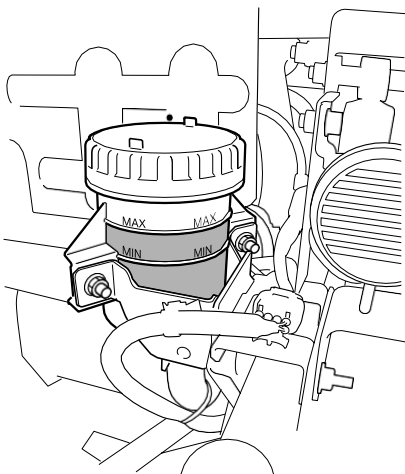
Phải kiểm tra mức dầu trợ lực lái và thay nhớt thường xuyên theo Lịch bảo dưỡng.

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Lưu chất, chất bôi trơn và
nhiên liệu diesel được khuyến dùng → Tham khảo trang 7-208

Kiểm tra mức dầu trợ lực lái



Mức nhớt chính xác nếu ở giữa vạch "TỐI THIỂU" và "TỐI ĐA" trên bình dầu trợ lực lái. Nếu mức nhớt thấp hơn vạch "TỐI THIỂU", bổ sung đến vạch "TỐI ĐA".

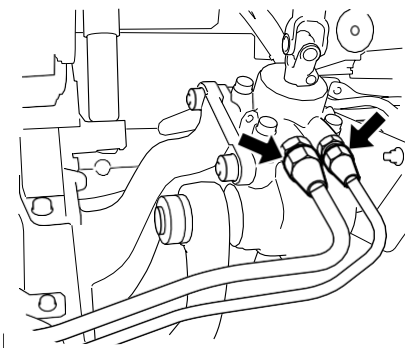
**THẬN TRỌNG**

- Trước khi bổ sung nhớt, làm sạch khu vực xung quanh nắp và đổ nhớt từ bình hoặc thùng chứa sạch. Tạp chất lọt vào trong bình nhớt sẽ làm hỏng hệ thống trợ lực lái.
- Không trộn dầu trợ lực lái được khuyến dùng với nhớt của nhãn hiệu khác. Do phản ứng hóa học, hỗn hợp nhớt của nhãn hiệu khác nhau sẽ làm hỏng hệ thống.

Thay dầu trợ lực lái

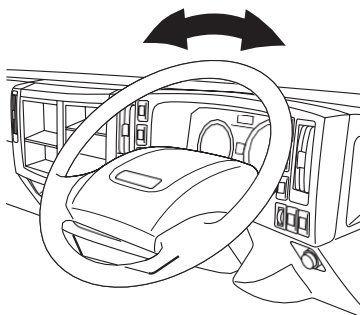
Xả

1. Cài chắc phanh tay và chêm bánh sau.
2. Cài cố định đầu kích vào điểm kích.
3. Nâng xe đến khi nhấc hẳn bánh trước khỏi mặt đất.
4. Tháo các khớp nối ống dẫn nhớt của bộ trợ lực lái rồi từ từ xoay vô lăng theo cả hai hướng để xả dầu khỏi hệ thống.



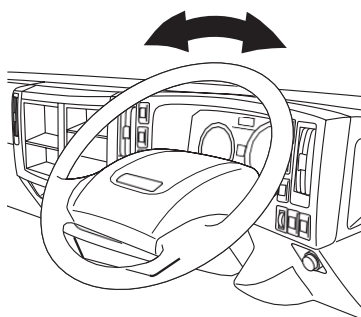
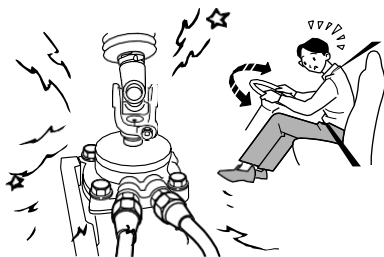
Nạp lại

1. Nối các khớp nối ống dẫn nhớt của bộ trợ lực lái và nạp lại dầu trợ lực lái được quy định vào bình nhớt.
2. Khi nạp nhớt vào bình dầu trợ lực lái đến mức quy định, chờ khoảng 2 đến 3 phút để mức dầu hạ xuống.
3. Xoay hết vòng vô lăng theo cả hai hướng vài lần khi động cơ không chạy.
4. Khởi động động cơ. Xoay vô lăng theo cả hai hướng vài lần khi động cơ chạy không tải. Đối với mẫu FRR, hệ thống được xem là xả đúng cách nếu không còn nghe thấy âm thanh bất thường.
5. Đối với các model ngoại trừ FRR, hạ xe. Xoay hết vòng vô lăng một lần theo cả hai hướng khi động cơ chạy không tải. Khi xoay vô lăng về vị trí thẳng phía trước, nhấn bàn đạp ga để tăng tốc động cơ đến mức tối đa và lập tức nhả bàn đạp ga. Lặp lại thao tác này khoảng 3 lần. Hệ thống được xem là xả đúng cách nếu không còn nghe thấy âm thanh bất thường.

**THẬN TRỌNG**

- Trong khi châm dầu cho hệ thống, giữ bình dầu trợ lực lái luôn đầy bằng cách thêm nhớt khi cần để ngăn không khí lẫn trong hệ thống thủy lực.





Xả khí

Nếu nghe thấy âm thanh bất thường khi xoay vô lăng, tức là không khí đã lọt vào hệ thống thủy lực. Làm theo các bước dưới đây để xả khí hệ thống.

1. Cài chắc phanh tay và chêm bánh sau.
2. Cài cố định đầu kích vào điểm kích.
3. Nâng xe đến khi nhấc hẳn bánh trước khỏi mặt đất.
4. Khởi động động cơ. Xoay hết cỡ vô lăng sang cả hai hướng vài lần.
5. Hạ xe xuống. Xoay hết cỡ vô lăng theo cả hai hướng vài lần khi động cơ vẫn chạy. Hệ thống được xem là xả đúng cách nếu bạn không nghe thấy âm thanh bất thường. Nếu vẫn nghe thấy âm thanh bất thường, điều này có nghĩa là vẫn còn khí trong hệ thống trợ lực lái. Để đẩy hết khí còn lại ra khỏi hệ thống, xoay hết cỡ vô lăng theo cả hai hướng vài lần để tăng nhiệt độ dầu. Khi nhiệt độ dầu tăng đến 60 - 80°C (140 đến 176°F), dừng động cơ và chờ khoảng 5 phút (không khí sẽ tản ra khi nhớt nóng lên).
6. Kiểm tra mức dầu trong bình dầu trợ lực lái cũng như đảm bảo các khớp nối không bị rò rỉ nhớt.
7. Lái thử xe trên đường, đồng thời kiểm tra xem xoay vô lăng có mượt không và hệ thống có phát ra âm thanh bất thường khi xoay vô lăng không.

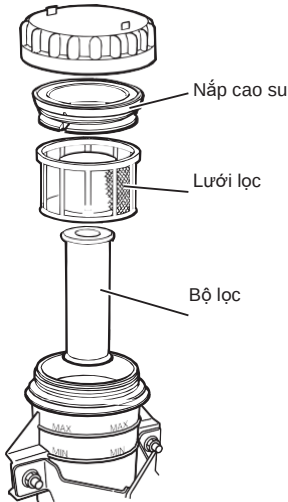
Bộ lọc dầu trợ lực lái

Phải làm sạch bộ lọc dầu trợ lực lái theo Lịch bảo dưỡng.

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Làm sạch bộ lọc dầu trợ lực lái



1. Tháo nắp bình dầu trợ lực lái.
2. Sau khi tháo nắp cao su, lấy lưới lọc ra và kiểm tra xem có tạp chất bám trên đó không. Loại bỏ tạp chất.
3. Từ từ lấy bộ lọc ra, đồng thời cẩn thận để không làm rơi tạp chất bám trên bộ lọc vào bình.
4. Rửa bộ lọc bằng nhiên liệu diesel.
5. Thổi khí nén ở khoảng **200 kPa (2,0 kgf/cm²/28 psi)** lên mặt ngoài của bộ lọc để làm sạch tạp chất từ bên trong bộ lọc.



KHUYẾN CÁO

- Thổi khí nén lên mặt ngoài của bộ lọc, không thổi lên mặt trong.

6. Rửa lại bộ lọc bằng nhiên liệu diesel để loại bỏ tạp chất.
7. Thổi khí nén ở khoảng **200 kPa (2,0 kgf/cm²/28 psi)** vào bộ lọc để làm bay hơi nhiên liệu diesel.



KHUYẾN CÁO

- Phải xử lý nhiên liệu diesel được dùng để làm sạch theo phương pháp phù hợp với các quy định tại quốc gia của bạn.

8. Lắp bộ lọc vào bình dầu trợ lực lái.
9. Lắp lưới lọc vào bình dầu trợ lực lái và gắn nắp cao su vào đúng vị trí.
10. Gắn nắp để đóng bình dầu trợ lực lái.

**KHUYẾN CẢO**

- Trong quá trình làm sạch bộ lọc, tránh để bụi bẩn hoặc tạp chất lọt vào bình. Tạp chất trong dầu trợ lực lái có thể làm hỏng hệ thống trợ lực lái.

Vô lăng**Kiểm tra hằng ngày**

Kiểm tra vô lăng để biết độ rơ bằng cách xoay vô lăng theo cả hai hướng đến khi lốp xe bắt đầu chuyển động khi động cơ chạy.

Độ rơ tiêu chuẩn

10 - 60 mm (0,39 - 2,36 in)

Ngoài ra, kiểm tra độ lỏng của vô lăng bằng cách di chuyển qua lại và sang các bên.

Trong khi lái, kiểm tra mức độ khó điều khiển vô lăng, rung vô lăng và xu hướng đánh lái sang một bên.



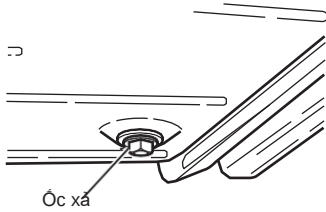
Bình nhiên liệu

Phải loại bỏ cặn lắng và nước đọng trong bình nhiên liệu theo Lịch bảo dưỡng.

Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Loại bỏ cặn lắng và nước khỏi bình nhiên liệu



1. Tháo nắp bình nhiên liệu và bơm nhớt ra.
2. Tháo ốc xả để xả nước và cặn lắng khỏi bình.
3. Lắp ốc xả.

Dung tích bình	Model	Lực siết ốc xả
100 lít	FRR	$44 \pm 5 \text{ N}\cdot\text{m}$ ($4,5 \pm 0,5 \text{ kgf}\cdot\text{m}/33 \text{ lb}\cdot\text{ft} \pm 43 \text{ lb}\cdot\text{in}$)
200 lít	FRR/FTR	$74 \pm 15 \text{ N}\cdot\text{m}$ ($7,5 \pm 1,5 \text{ kgf}\cdot\text{m}/54 \pm 11 \text{ lb}\cdot\text{ft}$)
	AHB FVR	
	FAB FVR	$44 \pm 5 \text{ N}\cdot\text{m}$ ($4,5 \pm 0,5 \text{ kgf}\cdot\text{m}/33 \text{ lb}\cdot\text{ft} \pm 43 \text{ lb}\cdot\text{in}$)
	FVM/FVZ	
	GVZ	$29 \pm 5 \text{ N}\cdot\text{m}$ ($3,0 \pm 0,5 \text{ kgf}\cdot\text{m}/22 \text{ lb}\cdot\text{ft} \pm 43 \text{ lb}\cdot\text{in}$)
370 lít	GVR	$44 \pm 5 \text{ N}\cdot\text{m}$ ($4,5 \pm 0,5 \text{ kgf}\cdot\text{m}/33 \text{ lb}\cdot\text{ft} \pm 43 \text{ lb}\cdot\text{in}$)



KHUYẾN CÁO

- Chất bẩn và nhiên liệu xả ra từ bình phải được xử lý theo phương pháp phù hợp với các quy định tại quốc gia của bạn.

Tra mỡ các thành phần khung xe



KHUYẾN CÁO

- Loại (đặc tính) của mỡ được quy định để sử dụng cho một thành phần khung khác với loại (đặc tính) mỡ được quy định để sử dụng cho thành phần khác. Thường sử dụng mỡ đa năng cho tất cả điểm tra mỡ, trong khi chỉ sử dụng mỡ bôi trơn khung xe cho các điểm tra mỡ được cụ thể. Đảm bảo chỉ sử dụng mỡ được quy định cho từng thành phần và thực hiện tra mỡ theo Lịch bảo dưỡng.
- Đối với các điểm có các bộ phận giữ nhớt mỡ bôi trơn, đảm bảo tra mỡ từ các bộ phận này.
- Nếu bùn, bụi hoặc bất kỳ chất bẩn nào khác dính vào các bộ phận giữ nhớt mỡ bôi trơn, loại bỏ chất bẩn trước khi bôi trơn.

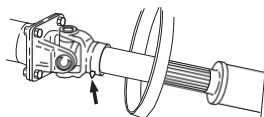
Lịch bảo dưỡng

→ Tham khảo trang 7-195

Lưu chất, chất bôi trơn và nhiên liệu diesel được khuyến dùng

→ Tham khảo trang 7-208

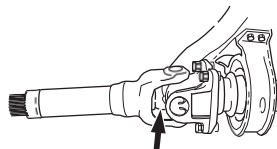
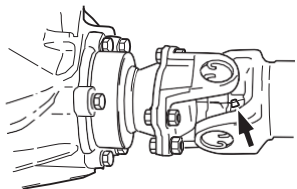
Chốt trục các-đăng



Model FVZ yêu cầu tra mỡ một điểm giữa hai cầu sau.

Khớp các-đăng của trục các-đăng**KHUYẾN CÁO**

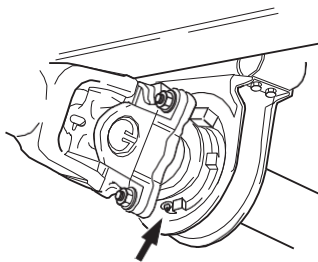
- Phải bôi nhiều mỡ ở mỗi khớp các-đăng của trục các-đăng đến khi mỡ mới rịn ra tại 4 vị trí của phốt chắn nhót của ổ bi đĩa. Sau khi tra mỡ, lau sạch phần mỡ thừa.



Xe có trục các-đăng một chi tiết: 2 điểm; Xe có trục các-đăng hai chi tiết: 3 điểm; Xe có trục các-đăng ba chi tiết: 4 điểm; Xe có trục các-đăng bốn chi tiết: 5 điểm

Bạc lót giữa của trục các-đăng**KHUYẾN CÁO**

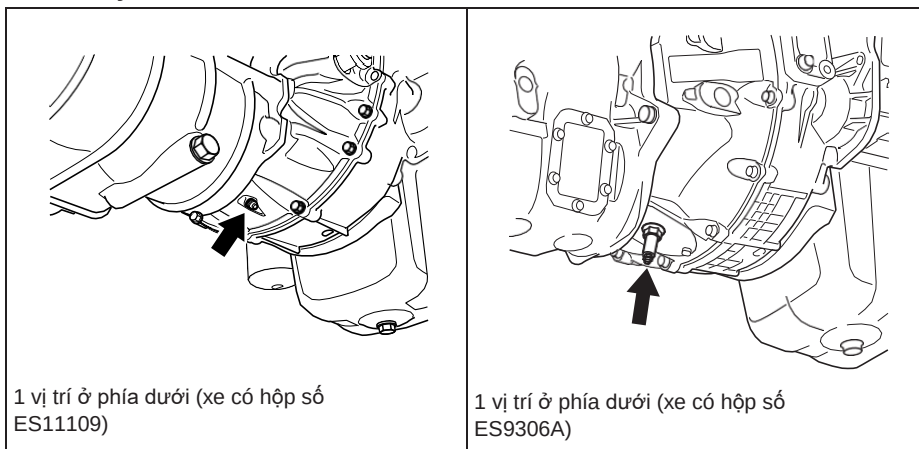
- Phải bôi nhiều mỡ ở các bạc lót giữa trục các-đăng đến khi mỡ mới rịn ra tại phốt chắn nhót. Sau khi tra mỡ, lau sạch phần mỡ thừa.



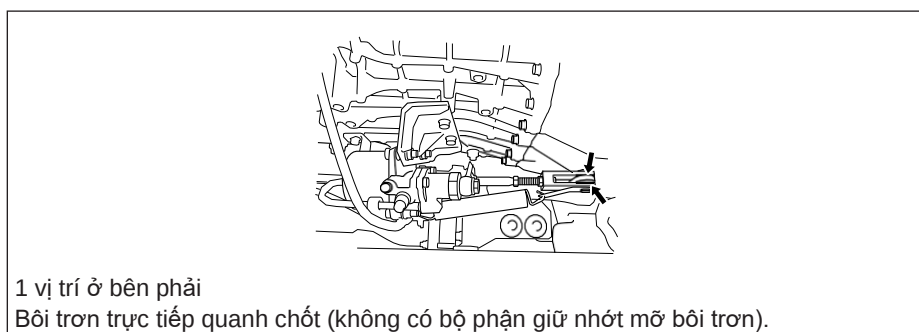
Trục các-đăng hai chi tiết: 1 điểm; Trục các-đăng ba chi tiết: 2 điểm; Trục các-đăng bốn chi tiết: 3 điểm

Ngoại trừ model GVR

Khóa chuyển số

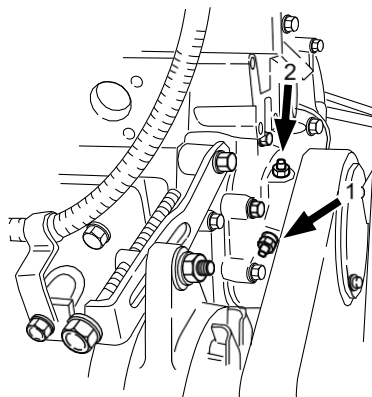


Chốt nối bầu trợ lực ly hợp

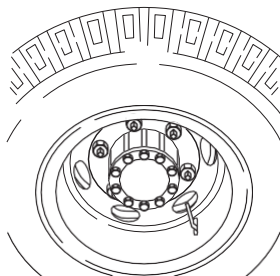


Bơm nước**KHUYẾN CÁO**

- Bơm mỡ được quy định qua bộ phận giữ nhốt mỡ bôi trơn (1) đến khi mỡ rịn ra từ các bộ phận (2).



1 điểm (model động cơ
6HK1) Nâng cabin để tra

Bạc lót moay-ơ bánh xe

[Trái và phải]

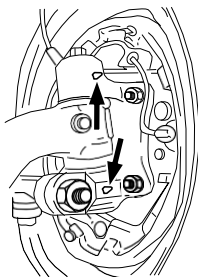
4 điểm hoặc 6 điểm

Vì việc tra mỡ này buộc phải tháo rời bộ phận, do đó yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn thực hiện.

Trục quay

**KHUYẾN CÁO**

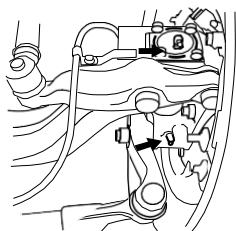
- Tra mỡ mới đến khi mỡ rịn ra từ khe hở giữa cầu trước và khớp hoặc giữa cầu trước và bạc chặn.



[Trái và phải]

2 điểm mỗi trục

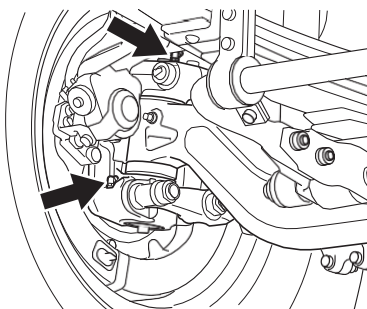
Model FRR (bánh xe có 6 bu lông)



[Trái và phải]

2 điểm mỗi trục (trên hoặc dưới)

Model FTR/FVR

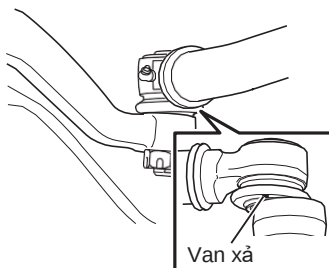


[Trái và phải]

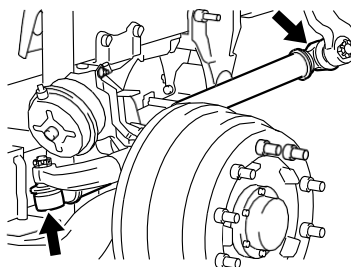
2 điểm mỗi trục (trên hoặc dưới)

Model FVR

Đòn lái dọc

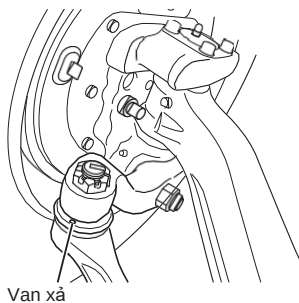
**THẬN TRỌNG**

- Tra mỡ mới đến khi mỡ rịn ra từ van xả. Ngoài ra, nếu mỡ không chảy ra từ van xả, đưa xe đến Đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra ngay khi có thể.



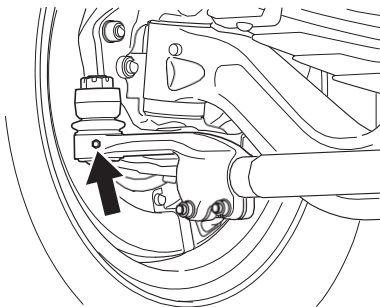
2 bộ phận giữ nhớt mỡ bôi trơn (trước và sau)
(không bắt buộc đối với loại không có bộ phận giữ nhớt mỡ bôi trơn)

Đầu đòn lái ngang

**THẬN TRỌNG**

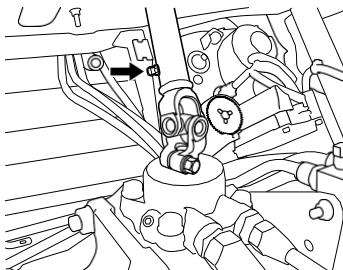
- Tra mỡ mới đến khi mỡ rịn ra từ van xả. Ngoài ra, nếu mỡ không chảy ra từ van xả, đưa xe đến Đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra ngay khi có thể.





[Trái và phải] 1 điểm mỗi đầu

Vòng cài số trượt của trục lái

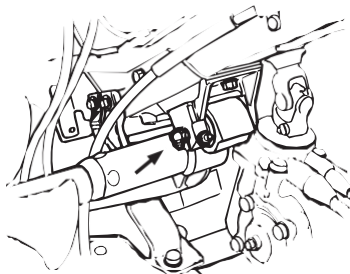


1 điểm dưới cabin

Đặt vô lăng ở vị trí thẳng về phía trước và nâng cabin.

Bộ gắn cabin

V

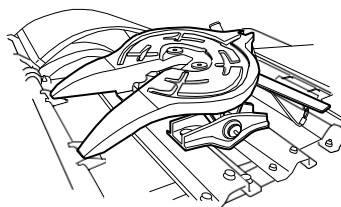


[Trái và phải] 1 điểm mỗi đầu

BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG

Khớp nối

V



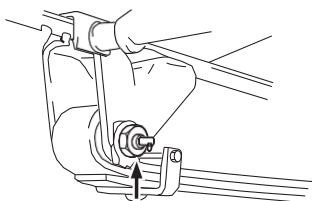
Vui lòng làm theo hướng dẫn chi tiết của nhà sản xuất thân xe.
Model GVR/GVZ

Hệ thống treo trước

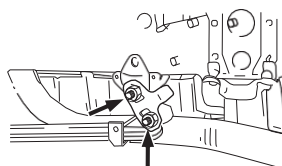


KHUYẾN CÁO

- Bôi trơn chốt lò xo và chốt cùm đến khi mỡ mới rịn ra từ khe hở ở cả hai mặt của nhíp lá và giá đỡ.



[Chốt lò xo trước (trái và phải)] 1
điểm mỗi chốt

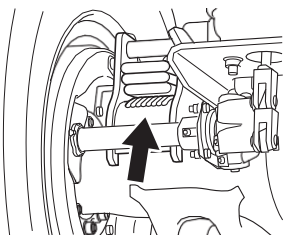


[Chốt cùm lò xo trước (trái và phải)] 2 điểm
mỗi chốt

Hệ thống treo sau

**KHUYẾN CÁO**

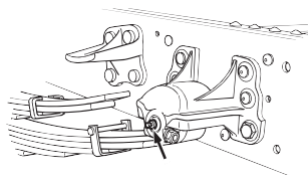
- Bôi trơn lò xo má phanh nhót, chốt lò xo và chốt cùm đến khi mỡ mới rịn ra từ khe hở ở cả hai mặt của nhíp lá và giá đỡ.



[Lò xo má phanh nhót sau (trước và sau, trái và phải)]

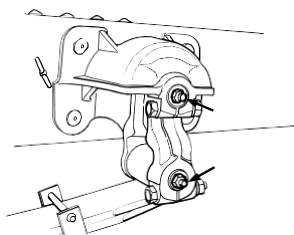
2 điểm mỗi lò xo

Model FVM/FVZ/GVZ



[Chốt lò xo sau (đầu trước, trái và phải)]

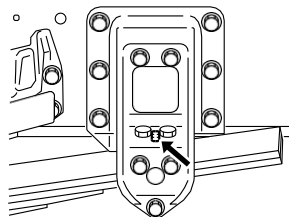
1 điểm mỗi chốt



[Chốt cùm lò xo sau (đầu sau, trái và phải)]

2 điểm mỗi chốt

Model FRR/FTR/FVR/GVR



[Cùm trượt lò xo sau (trái và phải)]

1 điểm mỗi cùm

Model FVR

BẢO TRÌ VÀ BẢO DƯỠNG KHÁC

• Xử lý kích nâng xe		7-160
• Nước rửa kính chắn gió		7-164
• Lưới gạt mưa trên kính chắn gió		7-165
• Đèn ngoại thất		7-168
• Xử lý ắc quy		7-170
• Bộ lọc điều hòa không khí	☐	7-176
• Môi chất lạnh	☐	7-178
• Dây đai máy nén điều hòa	☐	7-179
• Hộp dụng cụ	☐	7-182

Xử lý kích nâng xe



CẢNH BÁO

- Nâng xe bằng kích rất nguy hiểm khi thực hiện trên các bề mặt mềm và nghiêng. Đảm bảo luôn sử dụng kích nâng trên các bề mặt phẳng và cứng.
- Luôn cài hết phanh tay và chèn bánh xe đúng cách trước khi nâng xe. Chỉ cài phanh tay là không đủ để ngăn xe di chuyển; khi bánh sau bị nâng lên, xe chỉ bị chặn bằng phanh tay vẫn có thể di chuyển, gây ra tình huống rất nguy hiểm.
- Đảm bảo không có người hoặc đồ vật trên xe khi kích xe lên.
- Để đảm bảo an toàn, không mở cửa và khởi động động cơ khi đang kích xe lên. Ngoài ra, bạn không được để bất kỳ bộ phận nào của cơ thể phía dưới xe tại thời điểm đó, cũng như không cho phép bất kỳ ai khác làm như vậy. Việc không tuân thủ biện pháp an toàn này có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng nếu kích bị trượt.
- Nếu phải làm việc dưới xe sau khi kích xe lên, phải sử dụng giá kê ô để đỡ xe.
- Chỉ được sử dụng kích tại một trong các điểm kích được quy định. Ngoài ra, bạn phải xác nhận kích tiếp xúc tốt với điểm được quy định.
- Khi tháo lốp dự phòng, phải đặt lốp dưới gầm xe gần kích để tăng thêm an toàn nếu kích bị trượt.
- Trước khi bắt đầu, đảm bảo kích và điểm kích được chỉ định không có bụi bẩn, nhớt và mỡ. Việc không tuân thủ biện pháp an toàn này có thể dẫn đến các tình huống nguy hiểm như kẹt dưới gầm xe nếu kích bị trượt do bụi bẩn hoặc mỡ.
- Nếu xe được trang bị hệ thống khóa vi sai hoặc hệ thống vi sai chống tự xoay, xe có thể bắt đầu chuyển động khi công suất động cơ được truyền đến cầu sau ngay cả khi một trong các bánh xe trên cầu xe không chạm đất. Không khởi động động cơ khi có bánh sau chạm đất.
- Phải sử dụng kích được cung cấp theo xe để thay lốp và lắp hoặc tháo xích chống trượt. Hơn nữa, để đảm bảo an toàn, chỉ nên kích mỗi lần một bánh xe.
- Nếu sử dụng kích hai cấp, loại mở rộng và có thể nhìn thấy vạch dừng (màu vàng), ngừng nâng xe. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến gãy kích.

Vận hành kích

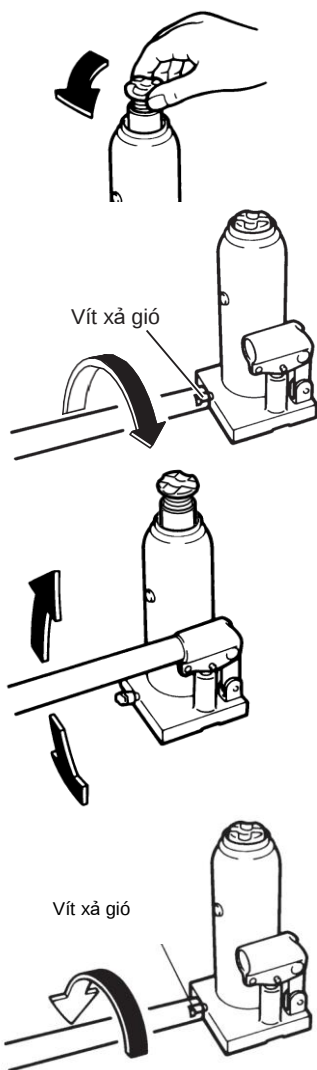
Nâng xe lên

- Đặt kích ngay bên dưới điểm kích và dựng kích thẳng đứng. Phải đặt kích trên bề mặt bằng phẳng và cứng.

Điểm kích → Tham khảo trang 7-162

- Xoay đầu kích để kéo dài kích đến độ cao của điểm kích. Xoay đầu kích ngược chiều kim đồng hồ để kéo dài.
- Cài tay cầm kích vào đầu tuýp. Trước khi kích xe lên, sử dụng đầu có khóa của tay cầm kích để xoay hết cỡ vít xả theo chiều kim đồng hồ.

- Di chuyển nhẹ tay cầm kích lên và xuống để kéo dài một chút.
- Đảm bảo kích tiếp xúc tốt với điểm kích, sau đó tiếp tục nâng xe lên.

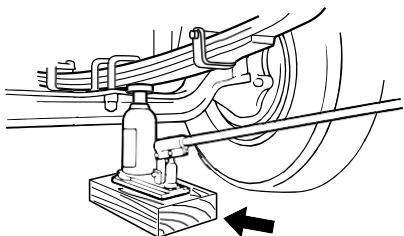


Hạ xe xuống

- Tạo một đường thẳng giữa đầu có khóa của tay cầm kích với vít xả gió.
- Từ từ vận vít xả gió ngược chiều kim đồng hồ để hạ xe xuống.
- Khi đã hạ xe xuống hoàn toàn, vận vít xả hết cỡ theo chiều kim đồng hồ.
- Xoay đầu kích hết cỡ theo chiều kim đồng hồ.



Điểm kích



Điểm kích trước

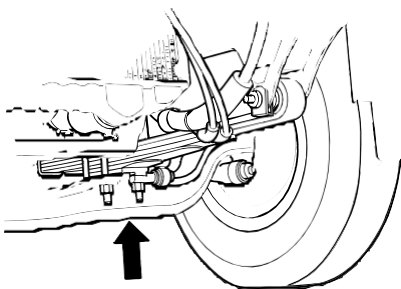


KHUYẾN CÁO

- Nếu hành trình kích không đủ, đặt gỗ chêm hoặc vật dụng tương tự bên dưới kích.
- Gỗ phải dày và cứng, đủ rộng hơn để kích.
- Không được đặt kích dưới cầu trước tùy theo tình trạng của xe (thùng lốp, v.v.).

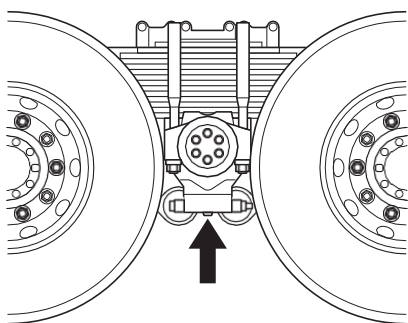
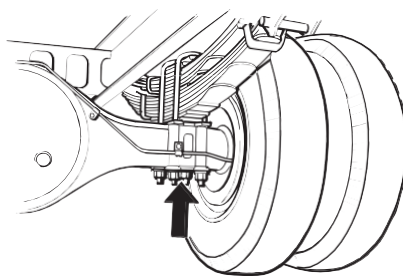
Model FRR/FTR/FVR/GVR

Điểm kích sau



Model FVM/FVZ/GVZ

Điểm kích sau

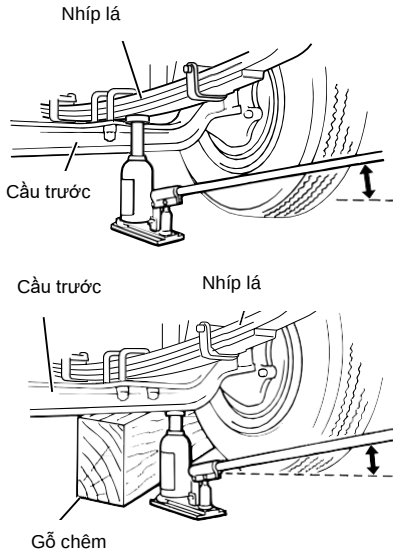


Dùng kích khi lốp bánh trước bị thủng



CẢNH BÁO

- Đặt kích càng gần cầu trước càng tốt.
- Gỗ chêm càng dày càng tốt để tăng độ ổn định.
- Do phần dưới của nhíp lá bị cong nên phải đặc biệt chú ý khi vận hành kích. Tuột kích có thể dẫn đến những tình huống cực kỳ nguy hiểm như kẹt dưới gầm xe.



Không thể kích tại các điểm kích bình thường trong trường hợp bánh trước bị thủng. Bạn phải làm theo quy trình sau bằng cách sử dụng gỗ chêm hoặc vật dụng tương ứng.

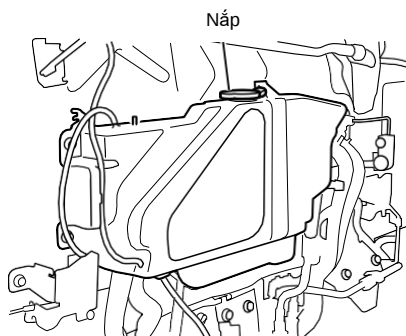
1. Đặt gỗ chêm bánh xe vào phía trước và phía sau bánh xe.
2. Đặt kích vào phần dưới cùng của nhíp lá ở phía sau cầu trước và kích xe lên.
3. Chèn gỗ chêm xuống mặt đáy của cầu trước.
4. Hạ thấp kích xuống một chút để xem gỗ chêm có đỡ chắc cầu trước không. Nếu có, tiếp tục hạ kích.
5. Tiếp theo, di chuyển kích đến điểm kích cụ thể và kích xe lên độ cao cần thiết để tháo bánh.

Điểm kích → Tham khảo trang 7-162

Nước rửa kính chắn gió

Bộ rửa kính chắn gió

Kiểm tra mức của bình nước rửa kính chắn gió. Ngoài ra, xịt nước rửa kính chắn gió và vận hành cần gạt mưa để kiểm tra các khu vực chưa được lau đúng cách. Lúc này, đồng thời kiểm tra xem bộ rửa kính chắn gió có xịt đúng không.



Nạp lại nước rửa kính chắn gió

1. Mở nắp capo.

Nắp capo → Tham khảo trang 7-8

2. Mở nắp (đen) và đổ đầy nước rửa kính chắn gió đến miệng bình nước rửa kính.

Dung tích bình khoảng **5 lít**
(1,32 ga-lông Mỹ/**1,1 ga-lông Anh**).



KHUYẾN CÁO

- Khi xuất xưởng, xe mới chỉ có nước máy trong bình nước rửa kính. Điều chỉnh nồng độ nước rửa kính phù hợp với mục đích sử dụng của bạn.
- Đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn được cung cấp về tỷ lệ pha với nước máy dành cho nước rửa kính chắn gió.
- Không sử dụng các sản phẩm kém chất lượng, nước làm mát động cơ và nước xà phòng. Nếu không, có thể làm tắc vòi phun hoặc làm hỏng các bề mặt được sơn.
- Không sử dụng bộ rửa kính khi bình nước rỗng. Sử dụng bộ rửa kính khi bình nước rỗng có thể làm hỏng mô-tơ.

Lưới gạt mưa trên kính chắn gió

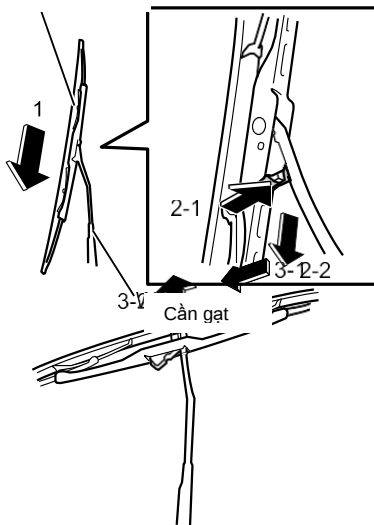
Kiểm tra hằng ngày

Xịt nước rửa kính chắn gió, sau đó vận hành cần gạt mưa để kiểm tra

các khu vực được lau không chính xác không. Ngoài ra, xác nhận từng chức năng (gián đoạn)", "LO", and "HI" hoạt động bình thường. 

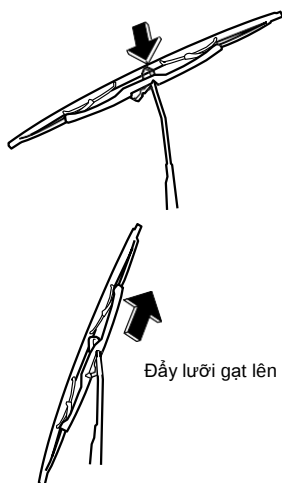
Thay lưới gạt mưa trên kính chắn gió

Lưới gạt mưa



Tháo

1. Kéo cần gạt mưa lên vị trí thẳng đứng.
2. Trong khi ấn móc lưới gạt mưa về phía cần gạt, trượt lưới gạt xuống dưới (về phía gốc của cần gạt).
3. Tháo lưới gạt khỏi cần gạt khi chúng gần như vuông góc nhau.

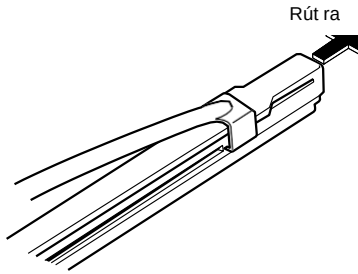
**Lắp đặt**

1. Lắp lưỡi gạt trong khi giữ lưỡi gạt gần vuông góc với cần gạt.
2. Sau đó, đẩy lưỡi gạt đến khi khớp vào vị trí trên cần gạt; lúc đó lưỡi gạt và cần gạt chỉ cùng một hướng.

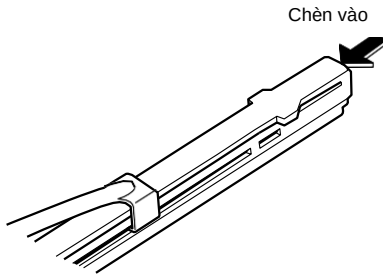
**KHUYẾN CÁO**

- Không hạ cần gạt mưa khi đã tháo lưỡi gạt vì có thể làm xước kính chắn gió.
- Đảm bảo cố định cần gạt khi lắp lưỡi gạt mưa. Không tuân thủ biện pháp an toàn này có thể làm lưỡi gạt mưa bị lệch khi bật công tắc gạt mưa.

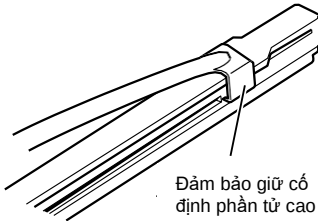
Thay phần tử cao su gạt mưa

**Tháo**

1. Tháo lưới gạt mưa ra khỏi cần gạt mưa.
2. Kéo phần tử cao su gạt mưa theo hướng mũi tên và rút phần tử cao su gạt mưa từ lưới gạt mưa.

**Lắp**

1. Lắp phần tử cao su gạt mưa mới vào lưới gạt mưa.



2. Tiếp tục đẩy phần tử cao su gạt mưa đến khi móc của lưới gạt mưa khớp với lỗ trên phần tử, sau đó xác nhận phần tử cao su gạt mưa được cố định chắc chắn.
3. Lắp lưới gạt mưa vào cần gạt mưa.

Đèn ngoại thất

"BẬT" công tắc khởi động, sau đó kiểm tra cách đèn đầu xe, đèn xi-nhan và các đèn ngoại thất khác sáng nhấp nháy.

Ngoài ra, nhấn bàn đạp phanh để xác nhận xem đèn phanh có sáng không và chuyển hộp số sang vị trí "R" để xác nhận đèn lùi sáng. Đồng thời kiểm tra xem đèn có bị đổi màu, hư hỏng và bị lỏng không.

Khi bóng đèn không sáng

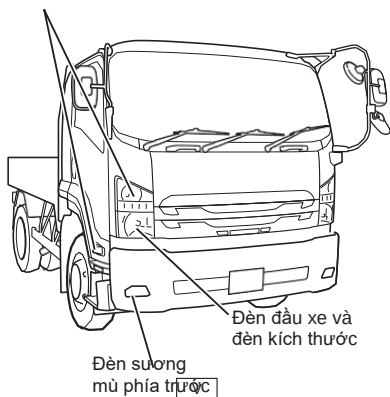
→ Tham khảo trang 8-29

Phía trước

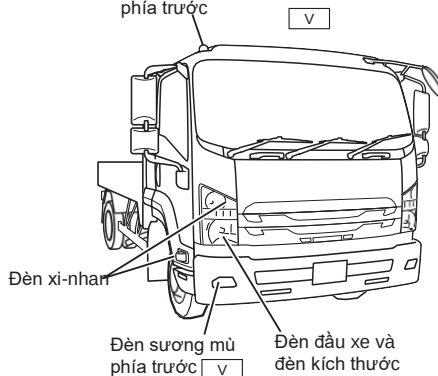
Model FRR/FTR

Model FVR/FVM/FVZ có đèn đầu xe gắn trên cabin ngoại trừ model của Indonesia

Đèn xi-nhan



Đèn hiệu chiều rộng xe phía trước

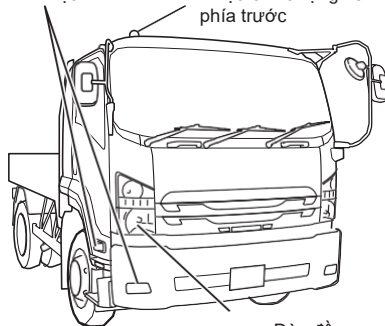


Phía trước

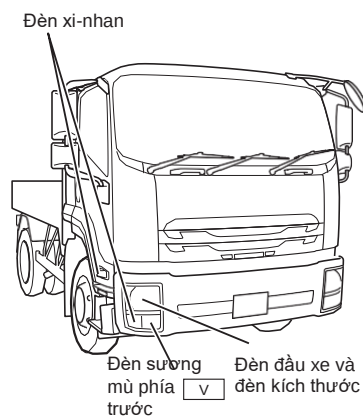
Model FVR/FVM/FVZ/GVR/GVZ có đèn đầu xe gắn trên cabin ngoại trừ model của Indonesia

Đèn tín hiệu

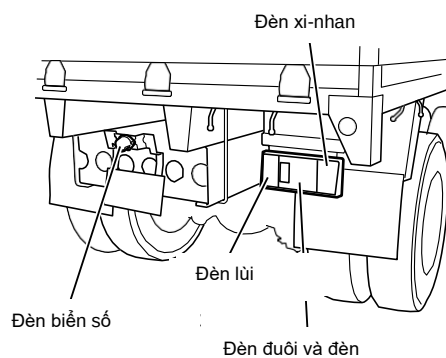
Đèn hiệu chiều rộng xe phía trước



Model FVR/FVM/FVZ model có đèn đầu xe gắn trên cần



Phía sau



Xử lý ắc quy



NGUY HIỂM

- Việc sử dụng hoặc sạc ắc quy khi dung dịch trong ắc quy dưới vạch "MỨC THẤP" có thể làm ắc quy nhanh hỏng và dẫn đến các tình huống nguy hiểm như sinh nhiệt và thậm chí cháy nổ.
- Nếu dung dịch ắc quy dính vào mắt, rửa sạch ngay lập tức với nhiều nước liên tục trong ít nhất 5 phút. Sau đó, tìm kiếm hỗ trợ y tế.
- Khi sử dụng các công cụ hoặc các vật bằng kim loại khác gần ắc quy, tránh để các vật đó tiếp xúc với cực dương. Vì xe sẽ tự dẫn điện, bất kỳ tiếp xúc nào như vậy đều có thể dẫn đến đoản mạch và điện giật rất nguy hiểm.
- Ắc quy xe tạo ra khí hydro rất dễ cháy. Vì lý do này, không bao giờ được tiến hành các công đoạn tạo ra tia lửa hoặc sử dụng ngọn lửa trần gần ắc quy xe. Không tuân thủ biện pháp an toàn này có thể dẫn đến nổ nếu khí hydro bốc cháy. Phải sử dụng khăn ẩm khi lau dung dịch ắc quy.



CẢNH BÁO

- Phải dừng động cơ khi cần kiểm tra ắc quy.
- Sử dụng axit sunfuric loãng làm dung dịch ắc quy. Phải đặc biệt cẩn thận để đảm bảo dung dịch này không tiếp xúc với da, quần áo hoặc bề mặt kim loại.
- Khi ngắt cáp, chuyển Công tắc khởi động sang vị trí "KHÓA", đợi ít nhất 1 phút, sau đó ngắt cáp ra khỏi cực, bắt đầu từ cáp âm trước. Nếu cáp âm bị ngắt trong vòng 1 phút, mô-đun điều khiển động cơ có thể hoạt động sai. Khi nối lại, phải nối cáp âm cuối cùng.



KHUYẾN CÁO

- Không được đổ dung dịch ắc quy quá vạch "MỨC TRÊN". Nếu không, có thể dẫn đến tràn dung dịch ắc quy và ăn mòn các cực ắc quy và các bộ phận khác. Phải rửa ngay dung dịch ắc quy bị tràn bằng nước.

KHUYẾN CÁO (tiếp)

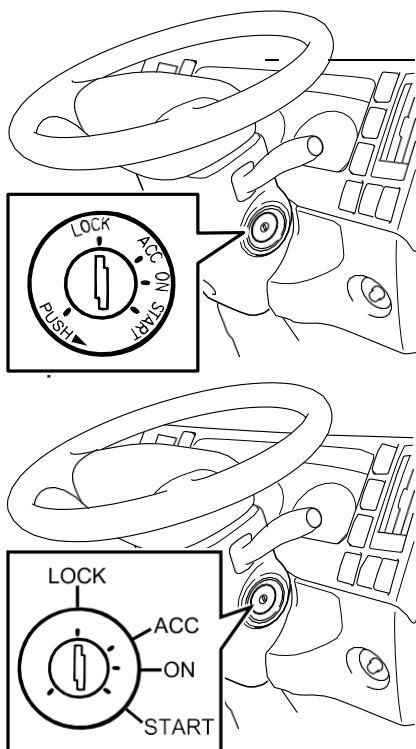
KHUYẾN CÁO (tiếp)

- Phải sạc lại ắc quy khi bổ sung dung dịch ắc quy (bằng cách lái xe). Đặc biệt, trong những tháng mùa đông, dung dịch ắc quy có thể đóng băng và làm hỏng hộp ắc quy nếu không sạc lại.
- Nếu mức dung dịch ắc quy tiếp tục giảm nhanh bất thường, yêu cầu Đại lý Isuzu gần nhất tiến hành kiểm tra.

Biện pháp an toàn khi xử lý ắc quy

Giữ ắc quy sạch. Nếu ắc quy bị bẩn, các chất bẩn có thể bị trộn vào dung dịch ắc quy, các tấm điện cực có thể bị hỏng, dẫn đến hiện tượng đoản mạch trên bề mặt trên của ắc quy và làm giảm tuổi thọ ắc quy.

Loại 1



Khi thực hiện kiểm tra hoặc bảo dưỡng

Trước khi bắt đầu kiểm tra và bảo dưỡng ắc quy và các bộ phận khác của hệ thống điện, chuyển công tắc khởi động sang vị trí "KHÓA", đợi ít nhất 1 phút, sau đó rút cáp âm ra khỏi cực âm. Nếu cáp âm bị ngắt trong vòng 1 phút, mô-đun điều khiển động cơ có thể hoạt động sai.

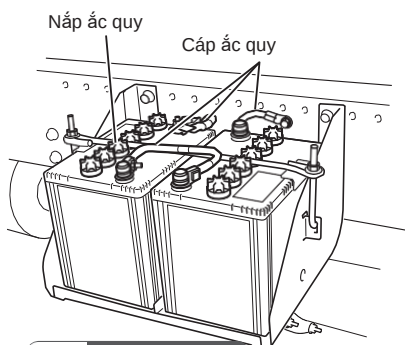
Có nguy cơ làm hỏng các linh kiện điện nếu tiến hành kiểm tra hoặc bảo dưỡng khi vẫn đang kết nối ắc quy.

Tháo ắc quy

Khi tháo ắc quy, chuyển công tắc khởi động sang vị trí "KHÓA", đợi ít nhất 1 phút, sau đó ngắt cáp ra khỏi cực, bắt đầu từ cáp âm trước. Nếu vẫn kết nối ắc quy với cực âm, bất kỳ tiếp xúc nào bằng các dụng cụ và các vật dụng tương tự giữa cực dương và thân xe đều có thể dẫn đến đoản mạch và điện giật nguy hiểm. Ngoài ra còn có thể làm hỏng hệ thống điện.

**THẬN TRỌNG**

- Nếu ngắt cáp âm khỏi cực âm trên ắc quy trong vòng 1 phút sau khi chuyển Công tắc khởi động sang vị trí "KHÓA", mô-đun điều khiển động cơ có thể gặp sự cố.

**NGUY HIỂM**

- Không sử dụng ngọn lửa trần gần ắc quy khi đang sạc. Ắc quy tạo ra khí hydro trong quá trình sạc; do đó, nếu không tuân thủ biện pháp an toàn này có thể dẫn đến cháy hoặc nổ.

Sạc ắc quy

1. Trước khi sạc ắc quy, tháo ắc quy ra khỏi xe và đưa ra nơi thông thoáng, sau đó tháo nắp ắc quy. Mặt khác, nếu sạc khi ắc quy vẫn nằm trong xe, trước tiên hãy nhớ ngắt cáp ắc quy.
 2. Đảm bảo tắt ắc quy bất cứ khi nào kết nối hoặc ngắt kết nối sạc khỏi ắc quy.
 3. Luôn ngắt cáp ắc quy khi thực hiện sạc nhanh.
- Không tuân thủ biện pháp an toàn này có thể dẫn đến cháy máy phát điện.

Lắp ắc quy

1. Khi lắp ắc quy vào xe, đảm bảo đặt ắc quy đúng hướng và vận chắc, không bị lỏng. Nếu không lắp ắc quy đúng cách, hộp ắc quy và các tấm điện cực có thể bị hỏng do rung lắc trong khi lái xe.
2. Khi nối cáp ắc quy, bắt đầu với cực dương và sau đó đến cực âm.

**THẬN TRỌNG**

- Cần thận để đảm bảo không lẫn cực âm với cực dương khi nối cáp ắc quy. Nối sai cực có thể dẫn đến dòng điện quá cao và cháy máy phát điện hoặc hệ thống dây điện của xe.

**LƯU Ý**

- Trong các model xe có hệ thống cân bằng điện từ (ESC), đèn cảnh báo ESC có thể sáng khi ngắt cáp ắc quy hoặc điện áp ắc quy yếu. Chức năng của ESC sẽ tắt trong khi đèn cảnh báo ESC sáng nhưng đèn cảnh báo ESC sẽ tắt sau một lúc lái xe, sau đó chức năng của ESC sẽ trở lại bình thường. Nếu đèn cảnh báo ESC vẫn sáng khi đã lái xe một lúc, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

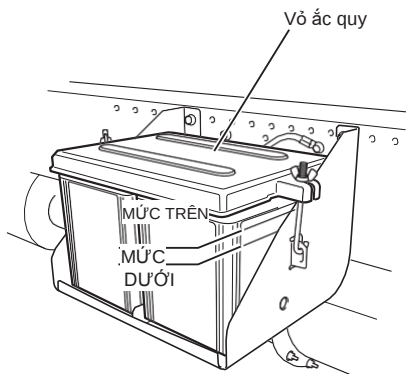
Sử dụng ắc quy như nguồn điện trực tiếp

Không sử dụng ắc quy như nguồn điện trực tiếp có công suất 12 vôn.

Nếu phải sử dụng ắc quy như nguồn điện trực tiếp, vui lòng tham khảo ý kiến Đại lý Isuzu của bạn.



Kiểm tra mức dung dịch ắc quy



Phải đặt ắc quy gần như chính xác ở trung tâm khung giữ.

Kiểm tra hằng ngày

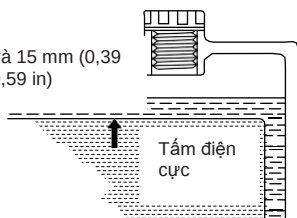
Tháo vỏ ắc quy và xác nhận xem mức dung dịch bên trong hộp ắc quy nằm trong khoảng quy định không.

Bề mặt dung dịch ắc quy phải ở giữa vạch "MỨC TRÊN" và "MỨC DƯỚI". Lắc nhẹ xe nếu khó quan sát bề mặt dung dịch. Nếu không có vạch chỉ mức trên hộp, phạm vi giữa 10 và 15 mm (0,39 và 0,59) tính từ đỉnh các tấm điện cực được coi là phù hợp.

Châm đầy dung dịch

Nếu lượng dung dịch trong ắc quy không đủ, tháo vỏ và nắp, sau đó thêm nước cất cho đến khi bề mặt gần vạch "MỨC TRÊN" hoặc trong phạm vi 10 đến 15 mm (0,39 và 0,59 in) từ đỉnh các tấm điện cực. Lắp chặt nắp và vỏ ắc quy khi bạn đã thêm nước cất xong.

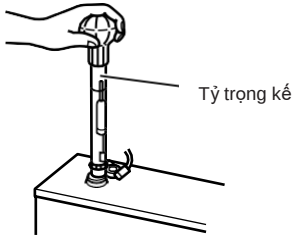
10 và 15 mm (0,39 và 0,59 in)



KHUYẾN CÁO

- Không được đổ dung dịch ắc quy quá vạch "MỨC TRÊN". Nếu không, có thể dẫn đến tràn dung dịch ắc quy và ăn mòn các cực ắc quy và các bộ phận khác. Phải rửa ngay dung dịch ắc quy bị tràn bằng nước.
- Phải sạc lại ắc quy khi bổ sung dung dịch ắc quy (bằng cách lái xe). Đặc biệt, trong những tháng mùa đông, dung dịch ắc quy có thể đóng băng và làm hỏng hộp ắc quy nếu không sạc lại.
- Nếu mức dung dịch ắc quy tiếp tục giảm nhanh bất thường, yêu cầu Đại lý Isuzu gần nhất tiến hành kiểm tra.

Kiểm tra tỉ trọng của dung dịch ắc quy



1. Kiểm tra tỉ trọng của dung dịch ắc quy bằng tỷ trọng kế. Phải sạc ắc quy nếu tỉ trọng quá thấp.

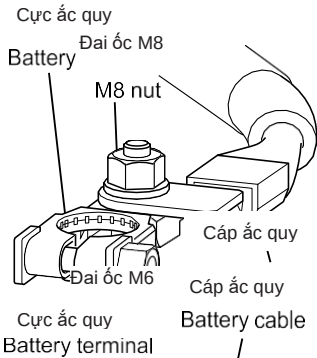
Tỉ trọng thích hợp ở nhiệt độ chất lỏng là 20°C (68°F)

1,27 - 1,29

Kiểm tra các cực ắc quy

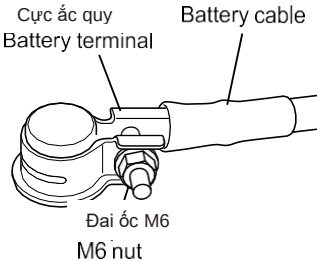


Gắn cực (Loại 1)



Gắn cực (Loại 2)

1.



2. Kiểm tra các cực xem có bị lỏng hay bị ăn mòn không.
3. Nếu phát hiện cực bị ăn mòn và phủ một lớp bột trắng, rửa sạch phần này bằng nước ấm và sau đó lau khô hoàn toàn. Phải sử dụng bàn chải sắt hoặc giấy nhám để đánh bóng các cực bị ăn mòn quá mức.
4. Tra một lớp mỡ mỏng và nổi chắc cáp ắc quy sau khi làm sạch hết các cực, cẩn thận để đảm bảo nổi chắc các cáp ắc quy. Xem phần "Khi ắc quy hết điện" để biết các bước cần thực hiện nếu ắc quy cạn hoàn toàn.

Lực siết đai ốc cực

Đai ốc M6	3 - 6 N·m (0,3 - 0,6 kgf·m/26 - 52 lb·in)
Đai ốc M8	10 - 12 N·m (1,0 - 1,2 kgf·m/87 - 104 lb·in)

Khi ắc quy hết điện

→ Tham khảo trang 8-11

Bộ lọc điều hòa không khí

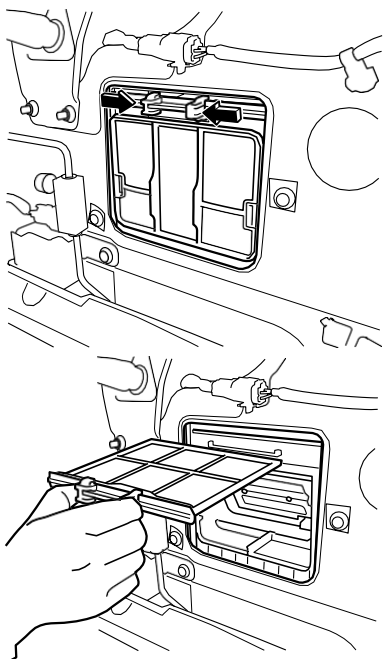
V

Tháo lọc gió bên trong

1. Mở nắp capo.

Nắp capo → Tham khảo trang 7-8

2. Kéo bộ lọc ra trong khi nhấn vào hai bên khóa bộ lọc.



3. Tháo hết bộ lọc. Sử dụng thiết bị vệ sinh bằng chân không hoặc vật dụng tương tự để làm sạch bụi và vết bẩn trên bề mặt bộ lọc.



KHUYẾN CÁO

- Không sử dụng bàn chải cứng để làm sạch bộ lọc nhằm tránh làm hỏng bộ lọc.

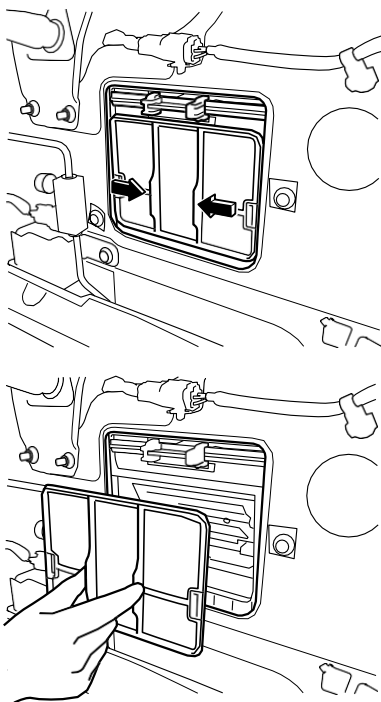
Lắp lọc gió bên trong

1. Lắp bộ lọc theo thứ tự ngược lại khi tháo.



KHUYẾN CÁO

- Đảm bảo đưa bộ lọc về vị trí ban đầu một cách an toàn. Không tuân thủ biện pháp an toàn này có thể gây ra tiếng kêu lạch cạch trong quá trình di chuyển.
- Không sử dụng xe khi đã tháo bộ lọc hoặc lắp bộ lọc không đúng cách. Nếu không, hệ thống điều hòa không khí có thể bị hư hại do bụi bẩn, nước, tuyết và các tạp chất tương tự lọt vào hệ thống.

**Tháo lọc gió bên ngoài**

1. Kéo bộ lọc ra trong khi nhấn vào hai bên khóa bộ lọc.
2. Sử dụng thiết bị vệ sinh bằng chân không hoặc vật dụng tương tự để làm sạch bụi và vết bẩn trên bề mặt bộ lọc.

**KHUYẾN CÁO**

- Không sử dụng bàn chải cứng để làm sạch bộ lọc nhằm tránh làm hỏng bộ lọc.

Lắp bộ lọc khí bên ngoài

1. Lắp bộ lọc theo thứ tự ngược lại khi tháo.

**KHUYẾN CÁO**

- Đảm bảo đưa bộ lọc về vị trí ban đầu một cách an toàn. Không tuân thủ biện pháp an toàn này có thể gây ra tiếng kêu lạch cạch trong quá trình di chuyển.
- Không sử dụng xe khi đã tháo bộ lọc hoặc lắp bộ lọc không đúng cách. Nếu không, hệ thống điều hòa không khí có thể bị hư hại do bụi bẩn, nước, tuyết và các tạp chất tương tự lọt vào hệ thống.



Môi chất làm lạnh

v

Hệ thống điều hòa không khí sẽ không thể làm mát nội thất cabin hiệu quả nếu mức môi chất làm lạnh thấp. Do đó, phải nạp môi chất làm lạnh khi cần thiết.

Vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu của bạn để bổ sung môi chất làm lạnh.



KHUYẾN CÁO

- Vận hành điều hòa không khí khi mức môi chất làm lạnh quá thấp không chỉ dẫn đến hiệu suất làm mát kém mà còn làm hỏng hệ thống điều hòa không khí.
- Xe sử dụng môi chất làm lạnh HFC-134a (R-134a) mới cho hệ thống điều hòa không khí. Không được sử dụng các loại môi chất làm lạnh khác. Không xả khí môi chất làm lạnh trực tiếp ra ngoài để bảo vệ môi trường. Do đó, khi thay môi chất làm lạnh, vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu hoặc cơ sở dịch vụ khác được trang bị hệ thống thu hồi khí.

Dây đai máy nén điều hòa không khí

V

Dây đai máy nén điều hòa bị chùng có thể làm giảm hiệu suất làm lạnh. Việc kiểm tra độ căng dây đai để đảm bảo làm mát nội thất cabin đúng cách là rất quan trọng.



THẬN TRỌNG

- Có thể nghe thấy tiếng rít hoặc đứt dây đai nếu dây đai được căng ở mức không phù hợp.
- Để đo chính xác độ căng dây đai, phải sử dụng thiết bị đo lực căng dây đai bằng sóng âm để xác nhận xem tần số dao động có như quy định dưới đây không. Vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu của bạn để biết thêm thông tin chi tiết về thiết bị đo lực căng dây đai bằng sóng âm.

Kiểm tra độ căng dây đai

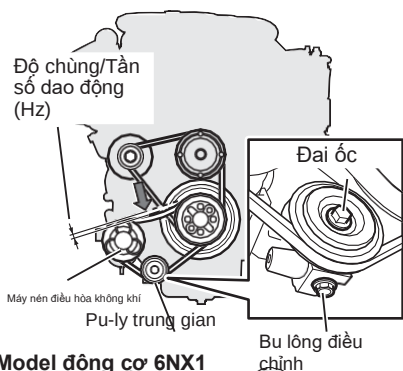
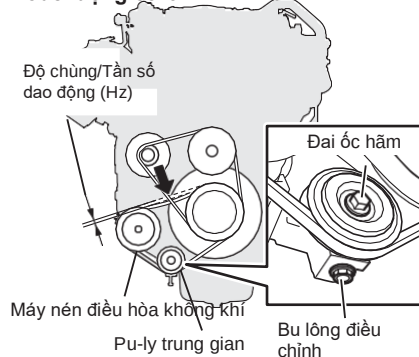
Kiểm tra độ chùng hoặc tần số dao động khi tác dụng một lực khoảng **98 N (10,0 kgf/22 lb)** vào giữa các pu-ly.

Model động cơ	Dây đai máy nén điều hòa không khí	Giá trị tiêu chuẩn	
		Độ chùng	Tần số dao động
6HK1/6NX1	Dây đai mới	10,0 - 13,0 mm (0,39 - 0,51 in)	115 - 141 Hz
	Dây đai được tái sử dụng	13,1 - 15,1 mm (0,52 - 0,59 in)	101 - 115 Hz
4HK1	Dây đai mới	18,6 - 23,6 mm (0,73 - 0,93 in)	59 - 73 Hz
	Dây đai được tái sử dụng	24,1 - 27,5 mm (0,95 - 1,08 in)	51 - 59 Hz

**THẬN TRỌNG**

[Biện pháp an toàn khi điều chỉnh dây đai]

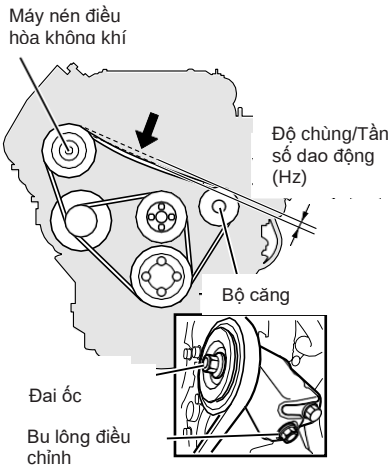
- Sau khi lắp, việc đầu tiên là kéo căng các dây đai mới. Ngoài ra, dây đai mới hoặc tái sử dụng đã lắp phải phù hợp với các rãnh pu-ly. Trong quá trình thực hiện, bắt buộc phải thực hiện các điều chỉnh sau.
 - Sử dụng phương pháp được chỉ định để căn chỉnh dây đai pu-ly và điều chỉnh lực căng.
 - Khởi động động cơ ở chế độ không tải ít nhất 5 phút để chạy dây đai.
 - Dừng động cơ. Sau đó đo lực căng dây đai và điều chỉnh lại lực căng đến giá trị quy định nếu chưa phù hợp.
 - Chỉ sử dụng thông số lực căng dây đai mới sau khi thay bằng dây đai mới.

Model động cơ 6HK1**Model động cơ 6NX1****Điều chỉnh model động cơ 6HK1/6NX1**

1. Nới lỏng đai ốc hãm của pu-ly trung gian.
2. Sử dụng bu lông điều chỉnh để căn chỉnh độ căng dây đai.
3. Vặn chặt đai ốc hãm sau khi điều chỉnh độ căng dây đai.

Thay thế

1. Nới lỏng đai ốc hãm của pu-ly trung gian.
2. Nới lỏng bu lông điều chỉnh của pu-ly trung gian, sau đó tháo dây đai khỏi pu-ly.
3. Lấy dây đai ra thông qua khe hở trong bộ phận dẫn hướng quạt.
4. Lắp dây đai mới thông qua khe hở trong bộ phận dẫn hướng quạt trong khi căn chỉnh các rãnh của dây đai với các rãnh trong pu-ly máy nén điều hòa không khí, pu-ly máy phát điện và pu-ly trục khuỷu.
5. Xoay bu lông điều chỉnh đến khi lực căng dây đai nằm trong khoảng giá trị tiêu chuẩn.
6. Sau đó, siết chặt tất cả các bu lông và đai ốc đã nới lỏng.



Điều chỉnh model động cơ 4HK1

1. Nới lỏng đai ốc hãm của bộ căng dây đai.
2. Sử dụng bu lông điều chỉnh để điều chỉnh độ căng dây đai.
3. Vặn chặt đai ốc hãm của bộ căng dây đai sau khi điều chỉnh độ căng dây đai.

Thay thế

1. Nới lỏng đai ốc hãm của bộ căng dây đai.
2. Nới lỏng bu lông điều chỉnh của bộ căng dây đai, sau đó tháo dây đai khỏi pu-ly.
3. Lấy dây đai ra thông qua khe hở trong bộ phận dẫn hướng quạt.
4. Lắp dây đai mới thông qua khe hở trong bộ phận dẫn hướng quạt trong khi căn chỉnh các rãnh của dây đai với các rãnh trong pu-ly máy nén điều hòa không khí, pu-ly máy phát điện và pu-ly trục khuỷu.
5. Xoay bu lông điều chỉnh đến khi lực căng dây đai nằm trong khoảng giá trị tiêu chuẩn.
6. Sau đó, siết chặt tất cả các bu lông và đai ốc đã nới lỏng.

Hộp dụng cụ

V



CẢNH BÁO

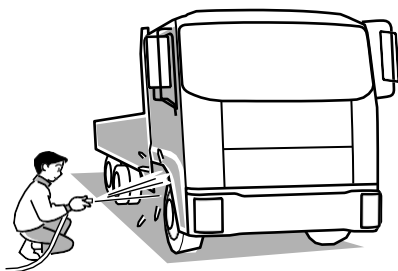
- Kiểm tra để đảm bảo hộp dụng cụ đã được lắp chắc chắn. Nếu hộp dụng cụ bị lỏng, có nguy cơ hộp sẽ long ra do rung lắc khi xe đang chạy.

Kiểm tra hộp dụng cụ

Kiểm tra xem phần gắn hộp dụng cụ xem có bị hư hỏng gì không cũng như hộp dụng cụ có được lắp chắc chắn không. Nếu hộp dụng cụ bị lỏng hoặc hư hại, liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất trước khi lái xe.

BẢO DƯỠNG NỘI THẤT VÀ NGOẠI THẤT

• Bảo dưỡng ngoại thất	7-184
• Bảo dưỡng nội thất	7-188

Bảo dưỡng ngoại thất**Rửa xe**

Nếu lái xe khi có tạp chất bám bên ngoài, tạp chất này có thể phản ứng hóa học với sơn dẫn đến ố, phai màu, rỉ hoặc ăn mòn các bộ phận. Ngoài ra, tạp chất có thể bị mắc vào các bộ phận cơ khí, ảnh hưởng xấu đến các chức năng của bộ phận hoặc hình thành lực cản khí động học. Do đó, trong những trường hợp sau đây, phải rửa xe và loại bỏ tất cả các tạp chất.

- Khi muối, bột sắt, xác côn trùng, phân chim, nhựa cây hoặc chất nhờn từ nhựa than đá và khói bám vào bề mặt sơn.
 - Khi lái xe ở các khu vực ven biển.
 - Khi lái xe trên các con đường có phủ các hóa chất đường bộ.
 - Khi lùn hoặc bụi bẩn dính lên bên ngoài xe với số lượng lớn.
1. Vặn hết cỡ vòi nước và rửa gầm xe và hệ thống treo.
 2. Đóng tất cả lỗ và rửa cabin cũng như các tấm ốp thân xe chở hàng bằng dung dịch tẩy rửa trung tính.
 3. Làm sạch bánh xe và lốp xe bằng bàn chải và chất tẩy rửa.
 4. Sau khi rửa sạch tất cả dung dịch tẩy rửa còn lại, dùng khăn mềm hoặc vải sạch khác để thấm hút hoàn toàn hơi ẩm và các giọt nước.

**THẬN TRỌNG**

- Không trực tiếp dùng nước để làm sạch nội thất cabin. Nếu không, có thể dẫn đến sự cố hoặc hỏng các hộp điều khiển điện tử và các linh kiện điện hoặc làm rỉ sàn cabin.
- Không dùng vòi xịt của máy rửa áp suất cao phun trực tiếp lên các giắc nối điện. Nếu không, có thể làm các bộ phận của hệ thống điện bị lỗi.
- Không phun nước áp suất cao lên hoặc gần van phanh phía sau nắp capo. Nếu không, có thể làm các bộ phận liên quan bị lỗi.
- Không phun nước trực tiếp vào khu vực bộ lọc điều hòa không khí, đường ống điều hòa không khí hoặc các đầu nối của ống dẫn giàn sưởi sau nắp capo. Nếu không, có thể làm nước lọt vào cabin.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu đưa các loại xe có lớp phủ tối màu hoặc kim loại đi rửa tự động, bề mặt sơn có thể bị hỏng do chổi quét, mất độ bóng hoặc rất dễ bị trầy xước.
- Khi làm sạch khu vực nắp capo, chuyển cần chọn nguồn gió sang vị trí "☞" để ngăn nước lọt vào cabin.
- Không đổ nước trực tiếp vào bộ lọc điều hòa không khí hoặc các đầu nối của ống điều hòa không khí hoặc đường ống mềm giàn nóng bên trong nắp capo. Nếu không, có thể làm nước lọt vào cabin.
- Không đổ nước vào khoang động cơ hoặc các linh kiện điện. Nếu không, có thể làm động cơ khởi động và hoạt động kém và các bộ phận của hệ thống điện gặp sự cố.
- Đảm bảo thu gương và ăng-ten lại trước khi rửa xe.
- Khi rửa xe, đảm bảo tuân thủ các biện pháp an toàn sau để tránh biến dạng nhiệt đối với các bộ phận nhựa, vỏ cơ học và nước lọt vào cabin.
 - Tránh rửa xe bằng vòi nước cao áp và/hoặc nước có nhiệt độ cao.
 - Giữ khoảng cách trên 0,4 m (15,75 in) giữa vòi xịt nước rửa kính và xe; giữ vòi xịt vuông góc với kính của cửa xe.
- Đảm bảo rửa và lau sạch hết dung dịch tẩy rửa. Đặc biệt trong trường hợp sử dụng dung dịch tẩy rửa có tính kiềm mạnh (thường là sản phẩm tẩy rửa sử dụng trong công nghiệp), sẽ có nguy cơ xuất hiện các vết nứt chân tóc trên thấu kính của cụm đèn chiếu sáng nếu chạy xe khi chưa rửa sạch dung dịch tẩy rửa.

Cất xe

Bạn phải đặc biệt để ý vị trí cất xe để duy trì vẻ ngoài hấp dẫn cho chiếc xe của bạn lâu nhất có thể.

Nếu cất hoặc giữ xe trong thời gian dài ở các địa điểm dưới đây, có thể xảy thay đổi hóa học về lớp sơn, dẫn đến ố, phai màu, rỉ hoặc ăn mòn các bộ phận.

- Các vị trí có thể bám nhiều chất nhờn, muối, nhiều khói hoặc bột kim loại.
- Các khu vực xung quanh nhà máy được phẩm và các cơ sở khác thải ra chất hóa học.
- Các khu vực ven biển
- Các vị trí có thể bám nhiều xác côn trùng, phân chim hoặc nhựa cây.

Bôi sáp

Phải bôi sáp các bề mặt sơn và mạ crom một hoặc hai lần một tháng hoặc bất cứ khi nào bề mặt có dấu hiệu thấm nước kém. Đảm bảo bôi sáp trong bóng râm và nhiệt độ bề mặt sơn không quá 40°C (104°F).

Luôn làm theo hướng dẫn đi kèm với sản phẩm sáp của bạn.

**THẬN TRỌNG**

- Không bôi sáp lên kính chắn gió. Nếu không, có thể dẫn đến phản xạ ánh sáng bất thường, làm giảm tầm nhìn của bạn.

**KHUYẾN CÁO**

- Không sử dụng sáp có chứa vật liệu mài mòn. Nếu không, có thể dẫn đến trầy xước bề mặt sơn hoặc các bộ phận nhựa.
- Bôi sáp lên bề mặt các bộ phận cao su có thể làm mất màu vĩnh viễn.

**LƯU Ý**

- Không bôi sáp lên kính chắn gió. Lớp sáp có thể làm giảm tầm nhìn của bạn khi trời mưa và cũng có thể làm cản gạt mưa chuyển động không đều.
- Kính chắn gió có thể bị ố hoặc phai màu nếu tiếp xúc với nhớt hoặc mỡ động cơ. Phải làm sạch ngay lập tức.

**Bảo dưỡng kính chắn gió**

Phải làm sạch kính chắn gió bằng nước rửa kính nếu cần gạt mưa không thể lau sạch hoàn toàn.

**THẬN TRỌNG**

- Khi làm sạch kính chắn gió, không được dẫm hoặc đứng lên đầu cản nếu không có bậc. Đầu cản trơn có thể khiến bạn ngã hoặc chịu các chấn thương khác.



Bảo dưỡng nội thất

Loại bỏ bụi và chất bẩn khỏi nội thất cabin bằng thiết bị làm sạch cho ô tô hoặc thiết bị vệ sinh bằng chân không, nhẹ nhàng lau sạch các bề mặt bằng vải ướt thấm nước nóng hoặc nước lạnh.

**CẢNH BÁO**

- Không được phun nước trực tiếp để làm sạch nội thất cabin. Nếu không, xe có thể bị hỏng và có thể gây hỏa hoạn nếu nước lọt vào hệ thống âm thanh hoặc các linh kiện điện khác dưới thảm sàn.
- Không sử dụng ête dầu hỏa, xăng và các dung môi hữu cơ khác để làm sạch dây đai an toàn.

Ngoài ra, không tẩy trắng hoặc nhuộm lại dây đai an toàn. Nếu không, hiệu suất hoặc độ bền của dây đai an toàn có thể bị giảm. Khi đó, trong trường hợp va chạm, dây đai có thể hoạt động không hiệu quả và gây ra thương tích nghiêm trọng đe dọa đến tính mạng. Khi làm sạch, dùng nước ấm có hòa tan một ít dung dịch tẩy rửa trung tính để lau nhẹ dây đai an toàn.

**THẬN TRỌNG**

- Không được làm sạch nội thất xe bằng dung môi có tính axit hoặc kiềm, ête dầu hỏa, xăng và các dung môi hữu cơ khác. Không tuân biện pháp an toàn này có thể làm nội thất xe bị phai màu và ố. Cần lưu ý một số loại sản phẩm tẩy rửa có chứa các hợp chất này. Đảm bảo đọc kỹ nhãn dán của các sản phẩm tẩy rửa.
- Không để chất khử mùi và lọc không khí (dạng lỏng, dạng rắn, dạng gel hoặc dạng tấm) tiếp xúc trực tiếp hoặc tràn vào các bộ phận bên trong như điều hòa không khí hoặc hệ thống âm thanh. Các hợp chất có trong các sản phẩm này có thể làm phai màu, ố hoặc tróc lớp sơn các bộ phận nội thất.
- Không sử dụng nước lau kính chứa các hợp chất này để làm sạch mặt trong kính chắn gió hoặc kính cửa sổ. Lau sạch kính bằng vải ướt thấm nước nóng hoặc nước lạnh.

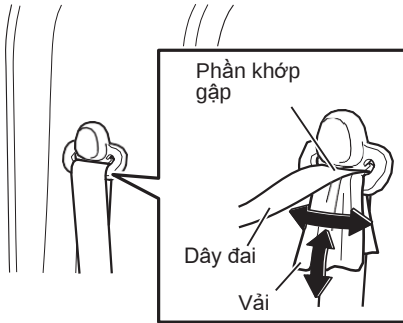
Bảo dưỡng dây đai an toàn

Dây đai an toàn bị bẩn có thể khiến việc thu dây gặp trục trặc và vì lý do này, phải kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên.



THẬN TRỌNG

- Dây đai an toàn có thể mất độ bền khi tẩy trắng hoặc nhuộm lại hoặc khi làm sạch bằng xăng, chất pha loãng sơn và các chất dễ bay hơi khác.
- Không tháo rời các bộ phận của dây đai an toàn nhằm lau sạch tạp chất hoặc vật thể lọt vào khóa cài của dây đai an toàn. Thay vào đó, hãy để Đại lý Isuzu của bạn kiểm tra và bảo dưỡng.



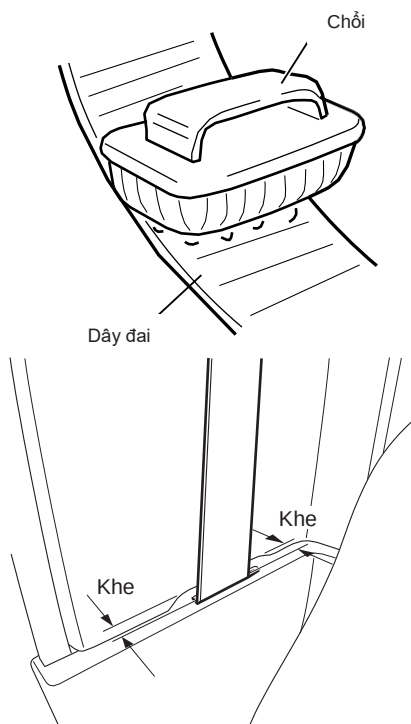
Làm sạch phần khớp gấp của dây đai an toàn

1. Gấp một mảnh vải cotton, gạc thấm nước hoặc các vật dụng tương tự có chiều rộng khoảng 50 mm (2 in) thành hình chữ nhật.
2. Hòa một phần dung dịch tẩy rửa trung tính vào khoảng 20 phần nước ấm.
3. Nhúng vải trong hỗn hợp này, luồn qua phần khớp gấp và kéo vải trượt lên xuống theo chiều ngang đến khi không thấy vết bẩn nữa.
4. Lấy vải ra, dùng khăn khô để thấm hút hơi ẩm khỏi phần khớp gấp của dây đai, sau đó để khô tự nhiên dưới ánh nắng trực tiếp.
5. Kiểm tra để đảm bảo dây đai thu lại và kéo ra một cách chính xác.



KHUYẾN CÁO

- Tránh sử dụng các vật dụng để luồn khăn qua phần khớp gấp hoặc để cố loại bỏ vết bẩn cứng đầu. Sử dụng các vật dụng đó có thể làm hỏng các phần nhựa hoặc dây đai an toàn.



Làm sạch dây đai an toàn

1. Tháo hết dây đai và kiểm tra xem có khác biệt nào về màu sắc giữa mặt trước và mặt sau không.
2. Hòa một phần dung dịch tẩy rửa trung tính với khoảng hai mươi phần nước ấm.
3. Làm ướt bàn chải chà móng tay hoặc loại tương tự khác có lông chải mềm (bằng nylon hoặc chất liệu tương tự) trong nước ấm để làm sạch bụi bẩn.
4. Lau dây đai an toàn bằng vải khô, sau đó để khô tự nhiên dưới ánh nắng trực tiếp.
5. Kiểm tra để đảm bảo dây đai an toàn thu lại và kéo ra một cách chính xác.



KHUYẾN CÁO

- Nếu các bước làm sạch trên vẫn không cải thiện hoạt động của dây đai an toàn thông qua bộ rút dây đai an toàn, có khả năng dây đai đang tiếp xúc với tấm ốp trụ. Trong trường hợp này, hãy để Đại lý Isuzu của bạn kiểm tra và bảo dưỡng.
- Nếu không cuộn và tháo dây đai đúng cách hoặc nếu quá trình kiểm tra phát hiện các vấn đề như mấu giữ lỏng lẻo, các bộ phận kim loại biến dạng, dây đai hỏng, sờn hoặc phai màu, hãy để Đại lý Isuzu của bạn tiến hành thay thế.

Bảo dưỡng bọc ghế bằng vải và thảm

Loại bỏ bụi bẩn bằng thiết bị vệ sinh bằng chân không dùng điện tại nhà.

Không tháo thảm. Sử dụng các sản phẩm và phương pháp tẩy rửa gia dụng tiêu chuẩn để loại bỏ vết bẩn từ đồ ăn, thức uống và các vết bẩn tương tự.

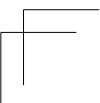
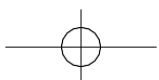
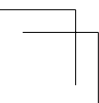
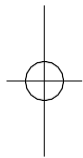
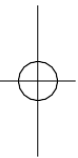
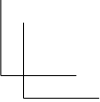
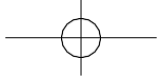
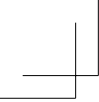
Đảm bảo sử dụng dung dịch tẩy rửa trung tính hoặc các sản phẩm tẩy rửa được quy định là dung dịch tẩy rửa có nồng độ cồn cao hơn.



DỮ LIỆU BẢO DƯỠNG

-
- Kiểm tra và bảo dưỡng
-

7-195



Kiểm tra và bảo dưỡng

Để lái xe an toàn và tiết kiệm chi phí, chúng tôi khuyên bạn nên kiểm tra và bảo dưỡng xe thường xuyên theo lịch được nêu ra trong chương này.

Lịch bảo dưỡng

Để lái xe an toàn với chi phí tối thiểu, cần phải thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng xe tại Đại lý Isuzu của bạn theo lịch bảo dưỡng quy định.

Liên hệ với Đại lý Isuzu của bạn để thực hiện các hạng mục kiểm tra yêu cầu tháo rời và/hoặc thiết bị đặc biệt.

Chữ cái được sử dụng để thể hiện các loại bảo trì/bảo dưỡng

I : Kiểm tra, sau đó làm sạch, điều chỉnh, sửa chữa hoặc thay thế nếu cần

A: Điều chỉnh

R: Thay thế

T: Siết chặt đến lực siết quy định

L: Bổ sung chất bôi trơn



KHUYẾN CÁO

- Đồng thời kiểm tra các hạng mục kiểm tra định kỳ khi kiểm tra các mục được liệt kê dưới đây.

*: Cần bảo dưỡng xe thường xuyên hơn nếu lái xe trong những điều kiện khắc nghiệt.

**Lịch bảo dưỡng xe khi hoạt động
trong điều kiện khắc nghiệt**

→ Tham khảo trang 7-204

Lịch bảo dưỡng (số 1):

I : Kiểm tra, sau đó làm sạch, điều chỉnh, sửa chữa hoặc thay thế nếu cần A: Điều chỉnh

R: Thay thế T: Siết chặt đến lực siết quy định L: Bôi trơn

Khoảng thời gian bảo trì	km đậm	20.000 12.000	40.000 24.000	60.000 37.000
Khả năng khởi động động cơ và tiếng ồn bất thường		I	I	I
* Phần tử lọc gió		I	I	R
Cổ góp hút và xả Khe hở xupap		-	-	T
Áp suất nén cho mỗi xy-lanh		-	-	I
Mức độ bắn của nhớt		-	-	I
* Nhớt động cơ		I	I	I
* Lọc nhớt động cơ		R	R	R
V Bộ tách nhớt động cơ				
Bộ lọc nhiên liệu (các model xe cho Indonesia)		R	R	R
Bộ lọc nhiên liệu thô (các model xe cho Indonesia)				
Bộ lọc nhiên liệu (trừ các model xe cho Indonesia)		R	R	R
Bộ lọc nhiên liệu thô (trừ các model xe cho Indonesia)		R	R	R
Rò rỉ, hư tổn hoặc kết nối lỏng lẻo của ống nhiên liệu		-	R	-
Ống nhiên liệu mềm		-	R	-
Bên trong bình nhiên liệu và lưới lọc bình nhiên liệu				
Chức năng của máy nén khí, bộ điều tốc và van xả				
Chức năng của nắp két nước, mạch làm mát và két nước		I	I	I
Hư tổn trên dây đai quạt		-	-	I
		I	I	I
* Mức hư tổn hay độ chùng của ống xả, phanh khí xả, bướm ga xả, bộ tiêu âm và các bộ phận gắn		I	I	I
Nước làm mát động cơ				
Kiểm tra ống mềm kết nước xem có bị nứt và hư hại không				
Turbo tăng áp đến đầu nối ống dẫn khí và vòng đệm		I	I	I
* ☐ MT Dầu ly hợp		I	I	R
M/T Chức năng hệ thống ly hợp		I	I	I
M/T Hành trình bàn đạp ly hợp và độ rơ		I	I	I
M/T Nắp che đầu xả của bầu trợ lực ly hợp		I	I	I
MT Rò rỉ, hư tổn hoặc kết nối lỏng lẻo của ống mềm ly hợp				

*: Cần bảo dưỡng xe thường xuyên hơn nếu lái xe trong những điều kiện khác nghiệt.

80.000 49.000	100.000 62.000	120.000 75.000	140.000 87.000	160.000 99.000	Đọc đồng hồ đo quãng đường đã đi hoặc theo tháng, tùy điều kiện nào đến trước
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
I	I	R	I	I	hoặc 3 tháng một lần: I 15 tháng một lần: R
-	-	T	-	-	hoặc 15 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 12 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 15 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
R	R	R	R	R	hoặc 3 tháng một lần: I 6 tháng một lần: R
R	R	R	R	R	hoặc 6 tháng một lần
12 tháng một lần: R					
R	R	R	R	R	hoặc 9 tháng một lần
R	R	R	R	R	hoặc 9 tháng một lần
R	- R	-		R	hoặc 9 tháng một lần
R	- R	-		R	hoặc 9 tháng một lần
3 tháng một lần: I					
48 tháng một lần: R					
I		I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 15 tháng một lần
24 tháng một lần: I					
I		I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
I		I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
12 tháng một lần: I 24 tháng một lần: R (khi sử dụng nước làm mát được Isuzu khuyến dùng)					
I		12 tháng một lần: I		I	hoặc 3 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần: I 15 tháng một lần: R
I	I	R	I	I	hoặc 3 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
	I	I	I		
3 tháng một lần: I					

Lịch bảo dưỡng (số 2):

I : Kiểm tra, sau đó làm sạch, điều chỉnh, sửa chữa hoặc thay thế nếu cần A: Điều chỉnh R: Thay thế T: Siết chặt đến lực siết quy định L: Bôi trơn

Khoảng thời gian bảo trì	km	20.000	40.000	60.000
	đặm	12.000	24.000	37.000
☐ M/T Ống mềm ly hợp				
☐ M/T Các phần cao su và vòng đệm của bầu trợ lực ly hợp				
* Nhớt hộp số (Model MZZ/MZW)		I	I	R
* Nhớt hộp số (Model ES11109)				
* Nhớt hộp số (Model ES9306A)				
☐ SA Rò rỉ, hư tổn hoặc kết nối lỏng lẻo của ống mềm hoặc đường ống của hệ thống làm mát bằng nhớt hộp số				
☐ SA Ống mềm của hệ thống làm mát bằng nhớt hộp số				
* ☐ SA Dầu ly hợp Smoother		I	I	R
Khớp của trục các-đăng, bạc lót của trục các-đăng và các bộ phận liên quan khác lỏng lẻo		-	-	I
* Khớp các-đăng của trục các-đăng và chốt bị mòn		-	-	I
* Nhớt hộp số vi sai cầu sau		I	I	R
* Nhớt hộp số vi sai trung tâm (Model FVZ)		I	I	R
Mỡ bạc lót moay-ơ bánh trước và bánh sau		-	-	R
Vỏ cầu sau bị hư tổn hoặc biến dạng		-	-	I
* Đai ốc bu lông chữ U của nhíp lá		-	-	T
Hư tổn nhíp lá		I	I	I
Hệ thống treo không cân bằng do khả năng chịu mài của nhíp lá		-	-	I
Giá giữ đầu nhíp lá bị lỏng hoặc hư tổn		-	I	-
Nhíp lá lệch		-	I	-
Bộ đỡ bộ giảm chấn bị lỏng		-	I	-
Ngoại vật trong bánh xe		I	I	I
Đai ốc bánh xe và bu lông bánh xe		T	T	T
Hư tổn mâm bánh xe		I	I	I
Bạc lót moay-ơ bánh xe bị lỏng (bánh trước và bánh sau)		-	-	I
Dầu trợ lực lái		I	I	R
Bộ lọc dầu trợ lực lái		-	-	I
Rò rỉ, hư tổn hoặc kết nối lỏng lẻo của ống mềm trợ lực lái				

*: Cần bảo dưỡng xe thường xuyên hơn nếu lái xe trong những điều kiện khắc nghiệt.

80.000	100.000	120.000	140.000	160.000	Đọc đồng hồ đo quãng đường đã đi hoặc theo tháng, tùy điều kiện nào đến trước
49.000	62.000	75.000	87.000	99.000	
48 tháng một lần: R					
48 tháng một lần: R					
I	I	R	I	I	hoặc 3 tháng một lần: I
Tham khảo trang 7-205 để biết lịch bảo dưỡng của model ES11109.					
Tham khảo trang 7-205 để biết lịch bảo dưỡng của model ES9306A.					
3 tháng một lần: I 48 tháng một lần: R					
I	I	R	I	I	hoặc 3 tháng một lần: I 15 tháng một lần: R
-	-	I	-	-	hoặc 15 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 15 tháng một lần
I	I	R	I	I	hoặc 3 tháng một lần: I 15 tháng một lần: R
I	I	R	I	I	hoặc 3 tháng một lần: I 15 tháng một lần: R
-	-	R	-	-	hoặc 15 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 15 tháng một lần
-	-	T	-	-	hoặc 15 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 15 tháng một lần
I	-	I	-	I	hoặc 9 tháng một lần
I	-	I	-	I	hoặc 9 tháng một lần
I	-	I	-	I	hoặc 9 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
T	T	T	T	T	hoặc 3 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 15 tháng một lần
I	I	R	I	I	hoặc 3 tháng một lần: I 12 tháng một lần: R
-	-	I	-	-	hoặc 15 tháng một lần
3 tháng một lần: I					

Lịch bảo dưỡng (số 3):

I : Kiểm tra, sau đó làm sạch, điều chỉnh, sửa chữa hoặc thay thế nếu cần A: Điều chỉnh

R: Thay thế T: Siết chặt đến lực siết quy định L: Bôi trơn

Khoảng thời gian bảo trì	km đậm	20.000 12.000	40.000 24.000	60.000 37.000
Ống mềm trợ lực lái				
Khung đỡ hệ thống trợ lực lái bị lỏng		I	I	I
Độ rò quá mức trong bạc lót trợ lực lái		-	-	I
* Hư tổn, lỏng lẻo hoặc độ rò quá mức trong các khớp trợ lực lái		-	I	-
☐ AHB Dầu phanh		I	I	I
☐ V Bộ thủy lực				
* Bỏ phanh bị mòn		I	I	I
* Trống phanh bị mòn hoặc hư tổn		-	-	I
Rò rỉ, hư tổn hoặc kết nối lỏng lẻo của ống mềm phanh		I	I	I
Cam và phanh bánh xe bị mòn quá mức		-	-	I
Ống mềm phanh		I	I	R
☐ AHB Chức năng của van phanh		-	-	I
☐ AHB Nắp che đầu xả của bầu trợ lực phanh		I	I	I
☐ FAB Hành trình của cần buồng phanh		I	I	I
☐ FAB Chức năng của buồng phanh		-	-	I
☐ FAB Chức năng của van phanh và van rò rỉ		-	-	I
☐ V Chất hút ẩm, bộ lọc và các phần cao su của bộ sấy không khí		-	-	-
☐ V Bộ điều biến ABS				
☐ FAB Van phanh, EPM-1ch, EPM-2ch (model xe có ESC)				
☐ AHB Các phần cao su của xy-lanh bánh xe				
☐ V Các phần cao su của van HSA				
Các phần cao su của van phanh, van rò rỉ, van phanh tay, van xả nhanh, van giảm áp, van một chiều kép, van nhiều lớp bảo vệ, KHÍ CHÍNH và van điều khiển rò-moóc, LSPV				
☐ FAB Các phần cao su của buồng phanh				
☐ FAB Piggy-back (các con chip mắc nối tiếp vào ECU) buồng phanh				
Dụng cụ nong phanh				
Bỏ phanh của guốc phanh tay và trống phanh tay bị mòn (model xe có phanh tay trung tâm)		-	-	I
Khung đỡ hệ thống phanh tay bị lỏng		-	I	-
Thanh truyền hoặc cáp bị hư tổn hoặc lỏng		I	I	I

*: Cần bảo dưỡng xe thường xuyên hơn nếu lái xe trong những điều kiện khắc nghiệt.

80.000 49.000	100.000 62.000	120.000 75.000	140.000 87.000	160.000 99.000	Đọc đồng hồ đo quãng đã đi hoặc theo tháng, tùy điều kiện nào đến trước
48 tháng một lần: R					
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
-	I	-	-	-	hoặc 15 tháng một lần
-I	-	I	-	I	hoặc 9 tháng một lần
I	I	R	I	I	hoặc 3 tháng một lần: I 12 tháng một lần: R
10 tháng mỗi tháng: R					
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 12 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 12 tháng một lần
I	I	R	I	I	hoặc 3 tháng một lần: I 24 tháng một lần: R
-	I	-	-	-	hoặc 12 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 12 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 12 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 12 tháng một lần
-	R	-	-	-	hoặc 12 tháng một lần
24 tháng một lần: R					
10 năm một lần: R					
12 tháng một lần: R					
24 tháng một lần: R					
24 tháng một lần: R					
3 tháng một lần: I 24 tháng một lần: R 36 tháng một lần: R					
12 tháng một lần: I 36 tháng một lần: đại tu					
-	-	I	-	-	hoặc 12 tháng một lần
I	-	I	-	I	hoặc 3 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần

Lịch bảo dưỡng (số 4):

I : Kiểm tra, sau đó làm sạch, điều chỉnh, sửa chữa hoặc thay thế nếu cần A: Điều chỉnh

R: Thay thế T: Siết chặt đến lực siết quy định L: Bôi trơn

Khoảng thời gian bảo trì	km đậm	20.000 12.000	40.000 24.000	60.000 37.000
Chức năng của hệ thống van điều khiển phanh tay (model xe có phanh tay bánh xe)		I	I	I
Chức năng của buồng phanh (model xe có phanh tay bánh xe)		-	-	I
Hành trình của cần buồng phanh (model xe có phanh tay bánh xe)		I	I	I
Chức năng của hệ thống nâng cabin		-	-	I
Tỉ trọng của nhớt ắc quy		-	I	-
Chức năng của mô-tơ máy khởi động		-	I	-
Độ mòn của bàn chải mô-tơ máy khởi động		-	-	I
Chức năng của máy phát điện		I	I	I
Hư hại hoặc kết nối lỏng lẻo của đầu nối bộ dây		I	I	I
Bạc lót động cơ bơm nước (model động cơ 6HK1)		-	L	-
Trục cam phanh bánh xe và bộ điều chỉnh khe hở (bánh trước và bánh sau)		L	L	L
Chốt lò xo bánh trước và cùm		L	L	L
Trục quay		L	L	L
Đầu đòn lái ngang (model FTR/FVR/FVM/FVZ/GVR/GVZ)		-	L	-
Đòn lái dọc (không bắt buộc đối với các loại không có bộ phận giữ nhớt mỡ bôi trơn)		-	L	-
Trục các-đăng, bạc lót giữa của trục các-đăng, khớp các-đăng và vòng cài số trượt		L	L	L
Chốt lò xo bánh sau		L	L	L
Chốt cùm lò xo bánh sau hoặc cùm trượt lò xo bánh sau		L	L	L
Lò xo má phanh nhớt sau (model FVM/FVZ/GVZ)		L	L	L
Vòng cài số trượt của trục lái		L	L	L
Khối chuyển ly hợp (Hộp số model ES11109/ES9306A)		L	L	L
☐ M/T Chốt nối bầu trợ lực ly hợp		L	L	L
☒ Bộ gắn cabin		L	L	L

80.000 49.000	100.000 62.000	120.000 75.000	140.000 87.000	160.000 99.000	Đọc đồng hồ đo quãng đường đã đi hoặc theo tháng, tùy điều kiện nào đến trước
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 12 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 15 tháng một lần
I	-	I	-	I	hoặc 9 tháng một lần
I	-	I	-	I	hoặc 9 tháng một lần
-	-	I	-	-	hoặc 15 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
I	I	I	I	I	hoặc 3 tháng một lần
L	-	L	-	L	hoặc 6 tháng một lần
L	L	L	L	L	hoặc hằng tháng
L	L	L	L	L	hoặc hằng tháng
L	L	L	L	L	hoặc hằng tháng
L	-	L	-	L	hoặc 6 tháng một lần
L	-	L	-	L	hoặc 6 tháng một lần
L	L	L	L	L	hoặc hằng tháng
L	L	L	L	L	hoặc hằng tháng
L	L	L	L	L	hoặc hằng tháng
L	L	L	L	L	hoặc hằng tháng
L	L	L	L	L	hoặc hằng tháng
L	L	L	L	L	hoặc hằng tháng
L	L	L	L	L	hoặc hằng tháng
L	L	L	L	L	hoặc hằng tháng

Lịch bảo dưỡng xe khi hoạt động trong điều kiện khắc nghiệt

Điều kiện lái xe

A: Lái xe có rơ-móc B: Các hoạt động liên quan đến khởi động và dừng thường xuyên

C: Lái xe trên đường gồ ghề, đường đồi núi hoặc lên dốc

D: Lái xe trong khu vực nhiều bụi bẩn

E: Lái xe trên đường phủ tuyết hoặc dọc theo bờ biển

Mục	Quãng đường đã đi	Điều kiện					
		A	B	C	D	E	B+E
Phân tử lọc gió	Thay sau mỗi 30.000 km (18.000 dặm)				D		
Nhớt động cơ	Thay sau mỗi 10.000 km (6.000 dặm)	A			D		B+E
Lọc nhớt động cơ	Thay sau mỗi 10.000 km (6.000 dặm)	A			D		B+E
Mức hư tổn hay độ chùng của ống xả, phanh khí xả, bướm ga xả, bộ tiêu âm và các bộ phận gắn	Kiểm tra sau mỗi 10.000 km (6.000 dặm)	A	B	C		E	
Nhớt hộp số (Model MZZ/MZW)	Thay sau mỗi 30.000 km (18.000 dặm)	A		C	D		
Nhớt hộp số (Model ES11109)	Tham khảo trang 7-205 để biết lịch bảo dưỡng của model ES11109.						
Nhớt hộp số (Model ES9306A)	Tham khảo trang 7-205 để biết lịch bảo dưỡng của model ES9306A.						
M/T Dầu ly hợp	Thay sau mỗi 30.000 km (18.000 dặm)		B				
SA Dầu ly hợp Smoother	Thay sau mỗi 30.000 km (18.000 dặm)	A	B	C	D		
Khớp các-đăng của trục các-đăng và chốt bị mòn	Kiểm tra sau mỗi 30.000 km (18.000 dặm)			C			
Nhớt hộp số vi sai cầu sau	Thay sau mỗi 30.000 km (18.000 dặm)	A		C			
Nhớt hộp số vi sai trung tâm (Model FVZ)	Thay sau mỗi 30.000 km (18.000 dặm)	A		C			
Đai ốc bu lông chữ U nhíp lá	Siết chặt đến lực siết quy định sau mỗi 30.000 km (18.000 dặm)			C			
Hư tổn, lỏng lẻo hoặc độ rơ quá mức trong các khớp trợ lực lái	Kiểm tra sau mỗi 20.000 km (12.000 dặm)			C			
Bồ phanh bị mòn	Kiểm tra sau mỗi 10.000 km (6.000 dặm)	A	B	C	D		
Trống phanh bị mòn hoặc hư tổn	Kiểm tra sau mỗi 30.000 km (18.000 dặm)	A	B	C	D		

**Lịch bảo dưỡng -
Hộp số model ES11109/ES9306A**

Bảo dưỡng định kỳ hộp số để duy trì hiệu suất ban đầu. Điều đặc biệt quan trọng là phải thay nhớt hộp số theo Lịch bảo dưỡng.

Lịch bảo dưỡng thay đổi theo loại nhớt được sử dụng.

Kiểm tra mức nhớt

Mục bảo trì	Các điều kiện vận hành	Khoảng thời gian bảo trì
Kiểm tra mức dầu và hiện tượng rò rỉ	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trên đường cao tốc)	Lên đến 20.000 km (12.000 dặm)
	Xe tải chuyên dụng (ra khỏi đường cao tốc)	50 giờ
	Đứng yên	

Khoảng thời gian thay nhớt
Tại khu vực châu Á Thái Bình Dương

Sản phẩm	GCW	Bộ làm mát được dùng	Khoảng thời gian bảo trì	Thông số chất bôi trơn	Cấp nhớt SAE	Khoảng thời gian xả		
						Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Xe tải chuyên dụng/Xe buýt	Đứng yên
Hộp số sàn	< 50 tấn	Có/Không	Kéo dài	Eaton PS-386	Không có thông tin	800.000 km (500.000 dặm)	300.000 km (185.000 dặm) hoặc 3 năm	2.000 giờ hoặc 5 năm
			Tiêu chuẩn	Eaton PS-321	Không có thông tin	120.000 km (75.000 dặm)	120.000 km (75.000 dặm) hoặc 1 năm	600 giờ hoặc 1 năm
				Nhớt hộp số MTF API GL-4	SAE 80W90 SAE 75W90	100.000 km (60.000 dặm)	100.000 km (60.000 dặm) hoặc 1 năm	500 giờ hoặc 1 năm
				Nhớt động cơ API-CD	SAE 50 SAE 40 SAE 30			
				MIL-2104H				
				CAT TO-4				
	> 50 tấn	Không	Kéo dài	Eaton PS-386	Không có thông tin	400.000 km (249.000 dặm)	150.000 km (93.000 dặm) hoặc 2 năm	1.000 giờ hoặc 2 năm
			Tiêu chuẩn	Eaton PS-321	Không có thông tin	60.000 km (37.000 dặm)	60.000 km (37.000 dặm) hoặc 1 năm	300 giờ hoặc 1 năm
				Nhớt hộp số MTF API GL-4	SAE 80W90 SAE 75W90	50.000 km (31.000 dặm)	50.000 km (31.000 dặm) hoặc 6 tháng	250 giờ hoặc 6 tháng
				Nhớt động cơ API-CD	SAE 50 SAE 40 SAE 30			
				MIL-2104H				
				CAT TO-4				



LƯU Ý

- Để xem danh sách các nhà cung cấp chất bôi trơn trong khoảng thời gian bảo trì kéo dài đã được phê duyệt, truy cập www.Roadranger.com/Lubricants to download TCMT0020.

Bảo trì vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trên đường cao tốc)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chuyên chở các loại hàng hóa khác nhau với quãng đường lớn.
- Hoạt động trên mặt đường bê tông hoặc nhựa đường tốt đến rất tốt.
- 80% cung đường đều lớn hơn 48 km (30 dặm) từ điểm khởi động đến điểm dừng, 20% còn lại trong khoảng 48 km (30 dặm) từ điểm khởi động đến điểm dừng.
- Cấu hình xe điển hình là kết hợp đầu kéo/rơ moóc 4 x 2, 6 x 2 và 6 x 4 với một số loại xe tải có toàn bộ cầu xe gắn trên một khung. Cách sử dụng thường thấy:
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
 - Giải trí
 - Cứu hộ
 - Cứu hỏa

Kiểm tra mức nhớt và hiện tượng rò rỉ trong các khoảng thời gian bảo dưỡng PM thường xuyên, không vượt quá 20.000 km (12.000 dặm).

Bảo dưỡng xe tải chuyên dụng

- Quãng đường hoạt động ít (dưới 96.500 km (60.000 dặm) mỗi năm).
- Không di chuyển trên đường cao tốc hoặc các khu vực có mặt đường không ổn định hoặc không chắc chắn, chưa được cải tạo.
- Ít hơn 48 km (30 dặm) từ điểm khởi động đến điểm dừng.
- Cách sử dụng thường thấy:
 - Vận chuyển trong thành phố
 - Xây dựng
 - Xe tải hạng nặng
 - Chở gỗ
 - Khai thác mỏ
 - Mỏ dầu
 - Phế thải
 - Sản phẩm nông nghiệp
 - Xe đầu kéo chuyên dụng

Kiểm tra mức nhớt và hiện tượng rò rỉ sau mỗi 50 giờ.

Đứng yên

- Hộp số không được sử dụng cho các ứng dụng di động.
- Kiểm tra mức nhớt và hiện tượng rò rỉ sau mỗi 50 giờ.

Dịch vụ bảo trì

- Hoạt động nhất quán ở hoặc gần xếp hạng GCW (trọng lượng không tải) tối đa hoặc GVW (tổng trọng lượng) tối đa.
- Môi trường bẩn hoặc ẩm ướt.
- Hoạt động nhất quán ở các mức lớn hơn 8%.

Lưu chất, chất bôi trơn và nhiên liệu diesel được khuyến dùng

Lựa chọn đúng chất bôi trơn và nhiên liệu diesel là cực kỳ quan trọng để chiếc xe Isuzu của bạn phát huy hết hiệu suất qua nhiều năm.

Châm đầy chất bôi trơn theo Lịch bảo dưỡng được quy định đối với xe của bạn. Sử dụng chất bôi trơn chính hãng của Isuzu hoặc các chất bôi trơn được khuyến dùng trong danh sách dưới đây.

Khoảng thời gian thay chất bôi trơn được quy định theo Lịch bảo dưỡng và các điều khoản và điều kiện về bảo hành xe mới nếu sử dụng chất bôi trơn chính hãng của Isuzu hoặc chất bôi trơn Isuzu khuyến dùng được liệt kê dưới đây.

Ngoài ra, chọn độ nhớt phù hợp với nhiệt độ vận hành của xe.

Biểu đồ độ nhớt của nhớt động cơ và nhớt hộp số

→ Tham khảo trang 7-213

CHẤT BÔI TRƠN	NHÀ SẢN XUẤT	NHÃN HIỆU	CẤP		
			API	ACEA	JASO
* Các-te động cơ diesel, có DPD (nhớt ít tro)	ISUZU	BESCO CLEAN (10W-30)	—	—	—
	ISUZU	BESCO CLEAN SUPER (10W-40)	—	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo 400 XLE (15W-40)	CK-4	E6/E9	DH-2
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo 400 SLK (15W-40)	CK-4	E9	—
	ExxonMobil	Delvac 1 ESP (5W-40)	CK-4	E6/E9	DH-2
	ExxonMobil	Delvac Ultra Ultimate Protection V1 (5W-40)	CK-4	E6/E9	DH-2
	ExxonMobil	Delvac Modern Advanced Protection (10W-40)	CK-4	E6/E9	DH-2
	ExxonMobil	Delvac XHP ESP (10W-40)	CK-4	E6	DH-2
	ExxonMobil	Delvac Modern Full Protection (15W-40)	CK-4	E9	DH-2
	ExxonMobil	Delvac MX ESP (15W-40)	CK-4	E9	DH-2
	Shell	Rimula R5LE (10W-40)	CK-4	E9	DH-2
	Shell	Rimula R4L (15W-40)	CK-4	E9	DH-2
	Total	Rubia Optima 1100 HZX (15W-40)	CK-4	E9	—
	Total	Rubia Optima 1100 HZX (15W-40)	CK-4	E9	—
Các-te động cơ diesel	ISUZU	BESCO DURAMAX (10W-30)	CH-4	—	—
	ISUZU	BESCO MULTI Z CH-4 (10W-30)	CH-4	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gold Ultra (15W-40)	CI-4	E7	DH-1
	ExxonMobil	Delvac Ultra Ultimate Defense (5W-40)	CI-4	E7	DH-1
	ExxonMobil	Delvac Modern Super Defense (15W-40)	CI-4	E7	DH-1
	ExxonMobil	Delvac 1 (5W-40)	CI-4	E7	DH-1
	ExxonMobil	Delvac MX (15W-40)	CI-4	E7	DH-1
	Shell	Rimula R4X (15W-40)	CI-4	E7	DH-1
	Shell	Rimula R4L (15W-40)	CI-4	E7	DH-1
	Total	Rubia TIR 7400 HZX (15W-40)	CI-4	E7	—
Hộp số sàn (Model MZZ/MZW)	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	Spirax S6 AXME (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—
	Total	Traxium Dual 9 FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	Total	Traxium Axle 9 (80W-90)	GL-5/MT-1	—	—
Bộ vi sai (không có LSD) Bạc lót moay-ơ bánh xe bôi trơn bằng nhớt	ISUZU	BESCO GEAR SH (80W-90), (90), (140)	GL-5	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Delo Gear EP-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5/MT-1	—	—
	Chevron/Texaco/Caltex	Gear Oil GL-5 (80W-90), (85W-140)	GL-5	—	—
	Elf	Tranself SYN FE (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Delvac 1 Gear Oil (75W-90)	GL-5/MT-1	—	—
	ExxonMobil	Mobilube S (80W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S6 AXME (75W-90) Spirax	GL-5/MT-1	—	—
	Shell	S3 AX (80W-90)	GL-5	—	—</

CHẤT BÔI TRƠN	NHÀ SẢN XUẤT	NHÃN HIỆU	CẤP		
			API	ACEA	JASO
Bộ vi sai (Bộ vi sai hạn chế trượt)	ISUZU Chevron/Texaco/Caltex Elf ExxonMobil Total	BESCO LSD (140) Gear Oil ZF (80W-90) Tractelf BLS (80W-90), (85W-90), (85W-140) Mobilube LS (85W-90) Dynatrans DA (80W-90), (85W-90), (85W-140)	GL-5** GL-5 GL-5 GL-5 GL-5	— — — — —	— — — — —
Trợ lực lái	ISUZU Chevron/Texaco/Caltex ExxonMobil Shell Total	BESCO ATF III Texamatic 1888 Multipurpose ATF Spirax S3 ATF MD3 Fluidmatic DIII MV	— — — — —	— — — — —	— — — — —
Dầu ly hợp Smoother (Smoother)	ISUZU	BESCO ATF III	—	—	—
Móc trượt trục các-dăng Khớp các-dăng Bạc đạn giữa Trục quay (mỡ đa năng)	ISUZU Chevron/Texaco/Caltex ExxonMobil Shell Total	BESCO L2 GREASE (Số 2), L3 GREASE (Số 3) Delo Starplex EP (Số 2) Mobilgrease XHP 222 (Số 2), 223 (Số 3) Gadus S3 V220C 2 (Số 2) Multis Complex EP2 (Số 2)/EP3 (Số 3)	— — — — —	— — — — —	— — — — —
Trục cam phanh (Mỡ đa dụng chứa molybden disulfide)	ISUZU Chevron/Texaco/Caltex Shell Total	BESCO ONE LUBER Mo GREASE (Số 2) Multifak Moly EP (Số 2) Gadus S2 V220AD 2 (Số 2) Multis Complex HV2 Moly (Số 2)	— — — —	— — — —	— — — —

*: Bạn nên sử dụng nhớt động cơ có hàm lượng chất rắn sau đốt cháy thấp, tương thích với DPD.

** : Nếu không có sẵn nhớt hộp số vi sai hạn chế trượt API GL-5, sử dụng nhớt hộp số vi sai API GL-5 cùng với phụ gia nhớt hộp số vi sai hạn chế trượt (Số hiệu 8-88900-330-0) hoặc phụ gia tương đương.



KHUYẾN CÁO

- Đảm bảo sử dụng phụ gia nhớt hộp số LSD được nhắc đến ở trên; nếu không, có thể phát ra tiếng lạch cạch và/hoặc rung lắc quá mức khi quay.

NƯỚC LÀM MÁT	NHÀ SẢN XUẤT	NHÂN HIỆU*
Hệ thống làm mát động cơ	ISUZU Artego BASF Total Total	BESCO LLC SUPER TYPE E, AS Havoline XLC Glysantin G34 Glacelf Auto Supra Coolelf Auto Supra -37°C

*: Sử dụng nước làm mát khuyến nghị của Isuzu, hoặc TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ISUZU - VẬT LIỆU ISC-C73-004 (Chất chống đông/Nước làm mát gốc ethylene glycol kéo dài tuổi thọ sử dụng Công nghệ axit hữu cơ (OAT) và không chứa nitrit, amin, borat, silicat.) hoặc loại tương đương.

**KHUYẾN CÁO**

- Hòa nước làm mát với nước ở nồng độ thích hợp.

Chuẩn bị nước làm mát động cơ

→ Tham khảo trang 7-40

NHỚT	NHÂN HIỆU
Bơm lật ca bin chạy bằng điện – thủy lực	Nhớt máy bay MIL-H-5606F hoặc tương đương

NHỚT	NHÀ SẢN XUẤT	NHÂN HIỆU	CẤP**
Bình chứa dầu ly hợp và phanh	ISUZU AC Delco	BESCO BRAKE FLUID SUPER Supreme 11	DOT 3 DOT 3

** : Vật liệu này đáp ứng các yêu cầu của FMVSS 116 hoặc SAE J1703.

NHIÊN LIỆU DIESEL/TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	
Tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản (JIS)	Dựa trên K2204 : Nhiên liệu diesel 1997
Viện Tiêu chuẩn Đức(DIN)	Dựa trên EN590 : 1997
Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ (ASTM)	Dựa trên D975-04C Số 1-D S500 hoặc Số 2-D S500 (dưới 500 ppm)
Tiêu chuẩn Anh (BS)	Dựa trên EN590 : 1997

NHIÊN LIỆU DIESEL/TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG (hàm lượng lưu huỳnh dưới 50 ppm)	
Tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản (JIS)	Dựa trên K2204 : Nhiên liệu diesel 2007
Viện Tiêu chuẩn Đức(DIN)	Dựa trên EN590 : 2004
Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ (ASTM)	Dựa trên D975-04c Số 1-D S15 hoặc Số 2-D S15 (dưới 15 ppm)
Tiêu chuẩn Anh (BS)	Dựa trên EN590 : 2004

NHIÊN LIỆU DIESEL/TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG (hàm lượng lưu huỳnh dưới 10 ppm)	
Tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản (JIS)	Dựa trên JIS K2204: Nhiên liệu diesel 2009
Viện Tiêu chuẩn Đức(DIN)	Dựa trên EN590 : 2009
Tiêu chuẩn Anh (BS)	Dựa trên EN590 : 2009

**THẬN TRỌNG**

- Đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel. Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro IV, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (từ 50 ppm trở xuống) hoặc nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống).
Đối với các model tuân theo tiêu chuẩn khí thải Euro V, hãy đảm bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (từ 10 ppm trở xuống).
Nếu bạn sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cao, nhiên liệu kém chất lượng, phụ gia tách nước hoặc các chất phụ gia khác, xăng, kerosene hoặc nhiên liệu gốc cồn, các nhiên liệu này có thể gây hại cho bộ lọc nhiên liệu, ngăn các bộ phận được bôi trơn bằng nhiên liệu trong kim phun vận hành thích hợp và ảnh hưởng xấu đến các bộ phận của động cơ, có thể dẫn đến hỏng hóc. Nếu bạn vô tình đổ nhầm nhiên liệu vào bình, xả hết lượng nhiên liệu đó ra.
Khởi động động cơ bằng nhiên liệu đổ nhầm trong bình có thể gây cháy và làm hỏng động cơ.

**KHUYẾN CÁO**

- Chỉ sử dụng các nhiên liệu được liệt kê phía trên. Không sử dụng các nhiên liệu khác vì có thể gây tổn hại đến động cơ.

Tiếp nhiên liệu bằng nhiên liệu diesel sinh học tốc độ cao (B20 đến B30)**Model xe cho Indonesia**

- Bạn có thể sử dụng nhiên liệu diesel sinh học tốc độ cao (B20 đến B30) đáp ứng "Tuyên ngôn Định vị Thương hiệu Bổ sung của JAMA (tháng 12 năm 2016)" do Japan Automobile Manufacturers Association, Inc. (JAMA) đề xuất. Đó là thông số kỹ thuật được JAMA khuyến nghị. Nhiên liệu diesel sinh học tốc độ cao (B20 đến B30) chỉ được phân phối tại các trạm xăng tiêu chuẩn. Khi sử dụng nhiên liệu diesel sinh học tốc độ cao (B20 đến B30), đảm bảo kiểm tra xe định kỳ tại Đại lý Isuzu của bạn.
- Nhiên liệu diesel sinh học tốc độ cao (B20 đến B30) có thể làm giảm khả năng tăng tốc của xe và hiệu suất lái xe.
- Luôn kiểm tra các hạng mục được liệt kê dưới đây cho xe có sử dụng bất kỳ loại nhiên liệu diesel sinh học nào. Yêu cầu Đại lý Isuzu gần nhất kiểm tra và bảo dưỡng nếu phát hiện bất kỳ điểm bất thường nào.
 - Ống nhiên liệu mềm không bị hư tổn hoặc rò rỉ.
 - Mức nhớt động cơ phù hợp.
 - Thiếu công suất động cơ.
- Không sử dụng lại ống nhiên liệu mềm.

**CẢNH BÁO**

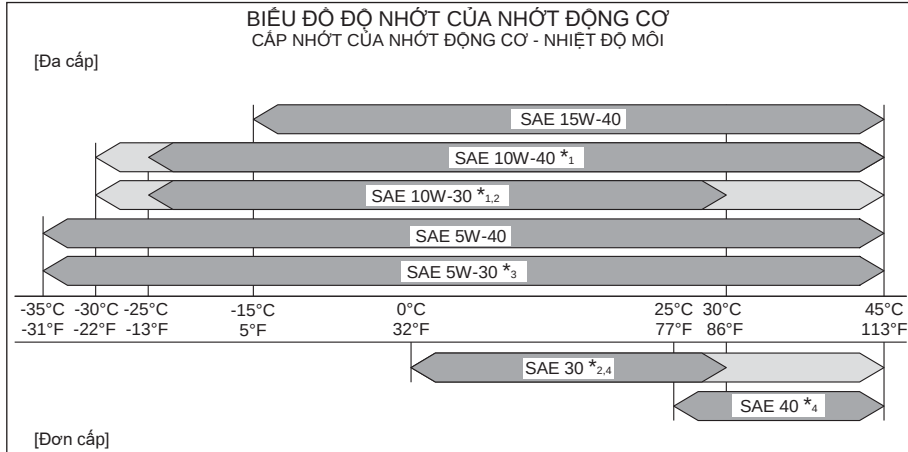
- Sử dụng nhiên liệu diesel sinh học tốc độ cao (B20 đến B30) không đáp ứng thông số kỹ thuật được JAMA khuyến nghị có thể làm hỏng động cơ. Không áp dụng chế độ bảo hành xe cho những trường hợp này.
- Không để nhiên liệu diesel sinh học tốc độ cao (B20 đến B30) trong bình nhiên liệu trong thời gian dài vì hệ thống nhiên liệu có thể bị tắc khiến động cơ hoạt động bất thường.
- Xe được bảo hành theo chế độ bảo hành xe nếu sử dụng nhớt đạt chuẩn. Tuy nhiên, nếu xe lâu ngày không hoạt động, các đặc tính của nhớt có thể thay đổi, làm hỏng xe. Không áp dụng chế độ bảo hành xe cho những trường hợp này.

**THẬN TRỌNG**

- Nếu nhiệt độ không khí bên ngoài là 20°C (68°F) trở xuống, sáp có thể hình thành trong nhiên liệu diesel sinh học và có thể ảnh hưởng đến hiệu suất của động cơ.

Biểu đồ độ nhớt của nhớt động cơ và nhớt hộp số

Chọn nhớt động cơ và nhớt hộp số thích hợp theo bảng dưới đây. Chọn độ nhớt phù hợp với nhiệt độ vận hành của xe cũng rất quan trọng. Sử dụng các bảng bên dưới để đưa ra lựa chọn chính xác.

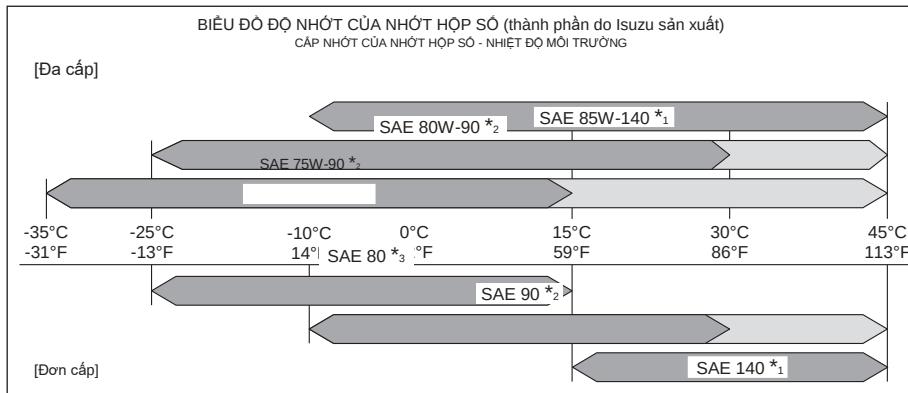


*1: Khi sử dụng các thiết bị hỗ trợ khởi động (bộ sưởi các-te nhớt, bộ sưởi thân máy, v.v.), có thể sử dụng nhớt cấp 10W-xx ở nhiệt độ môi trường thấp đến -30°C (-22°F).

*2: Có thể sử dụng ở nhiệt độ môi trường lên đến 45°C (113°F) nếu đó là nhớt chính hãng của Isuzu hoặc các loại nhớt được khuyến nghị khác có cấp xxW-30.

*3: Trong trường hợp sử dụng nhớt cấp 5W-30, chỉ sử dụng nhớt chính hãng của Isuzu.

*4: Chỉ áp dụng nhớt đơn cấp cho các động cơ tuân thủ tiêu chuẩn phát thải Euro II và các tiêu chuẩn phát thải ít nghiêm ngặt khác.



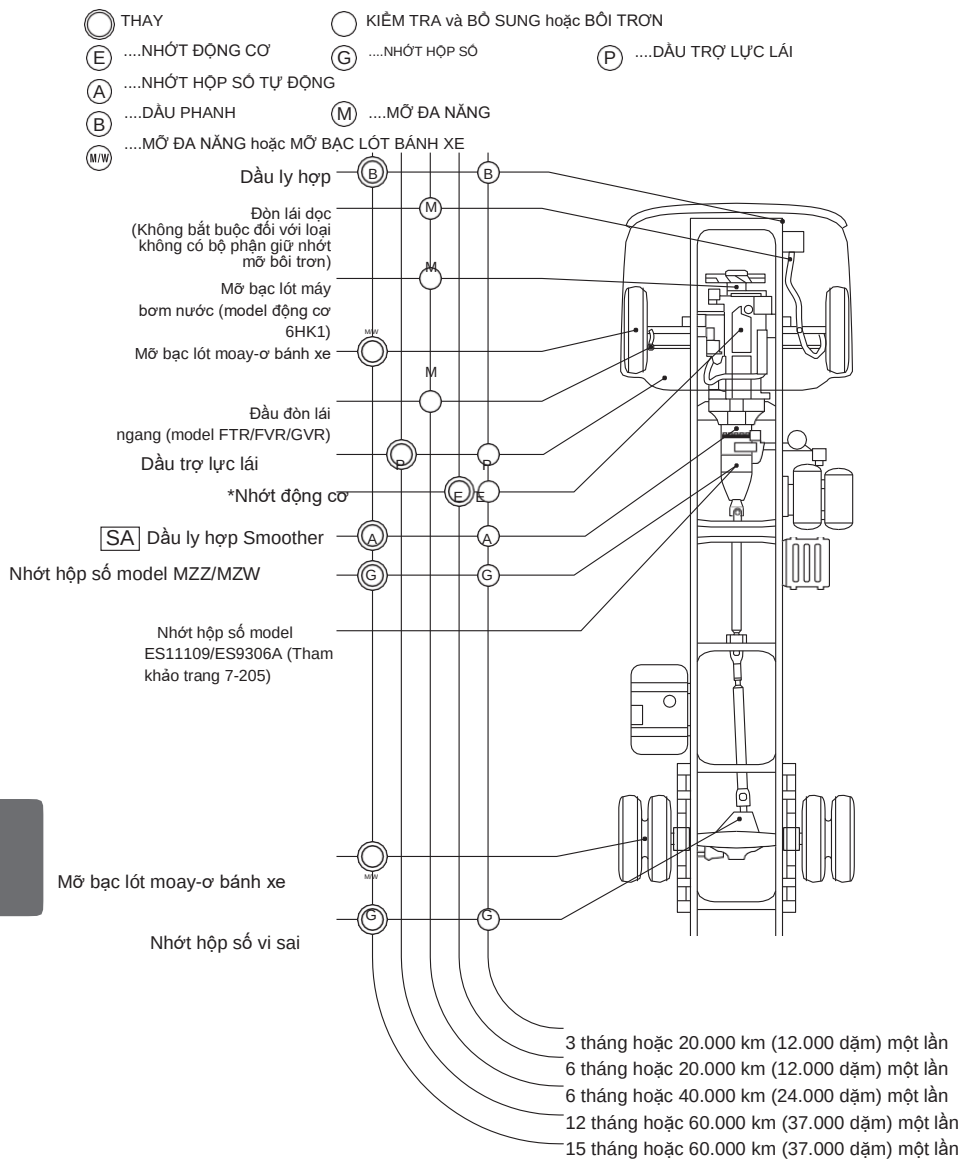
*1: Nhớt cấp 85W-140 và 140 không dùng cho hộp số.

*2: Có thể sử dụng ở nhiệt độ môi trường lên đến 45°C (113°F) trong trường hợp đó là nhớt chính hãng của Isuzu hoặc các loại nhớt được khuyến nghị khác có cấp độ xxW-90.

*3: Nhớt cấp 80 không được áp dụng cho cầu xe.

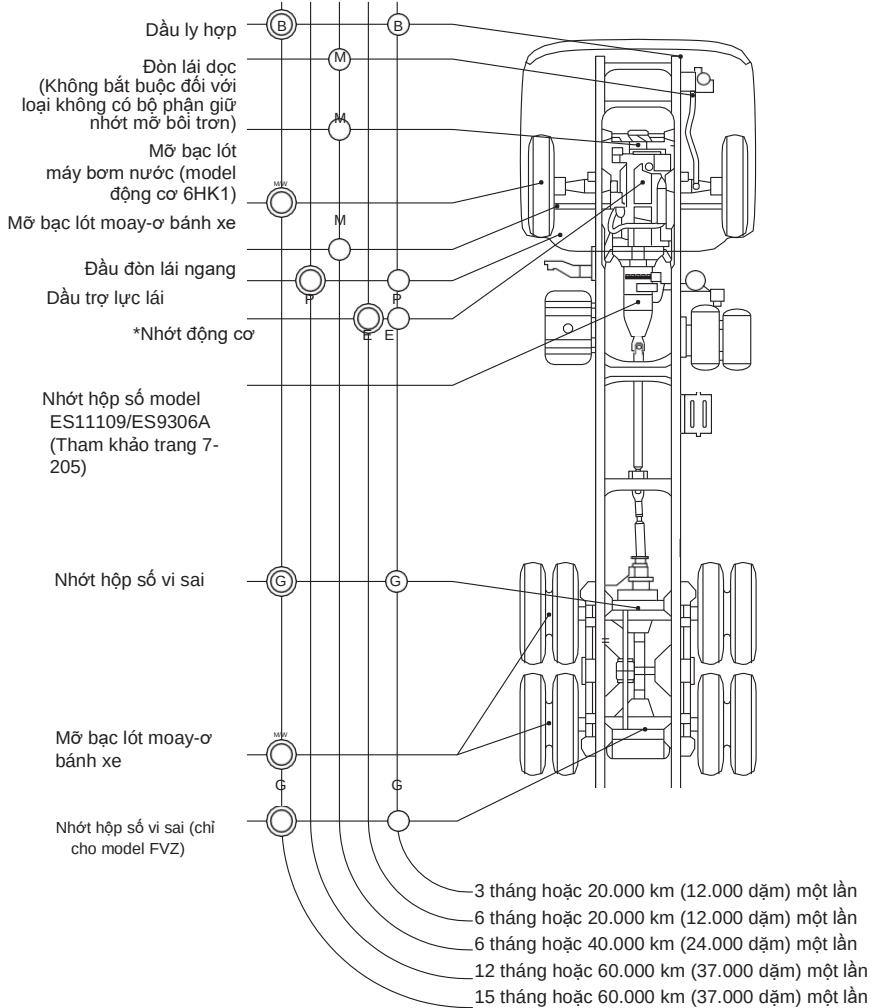
Biểu đồ bôi trơn

Model FRR/FTR/FVR/GVR

**Các mục có dấu hoa thị, kiểm tra mức nhớt và lưu chất hằng ngày**

Model FVM/FVZ/GVZ

- (O) THAY
 (E)NHỚT ĐỘNG CƠ
 (B)DẦU PHANH
 (M/W)MỠ ĐA NĂNG hoặc MỠ BẠC LÓT BÁNH XE
 (O) KIỂM TRA và BỔ SUNG hoặc BÔI TRƠN
 (G)NHỚT HỘP SỐ
 (M)MỠ ĐA NĂNG
 (P)DẦU TRỢ LỰC LÁI

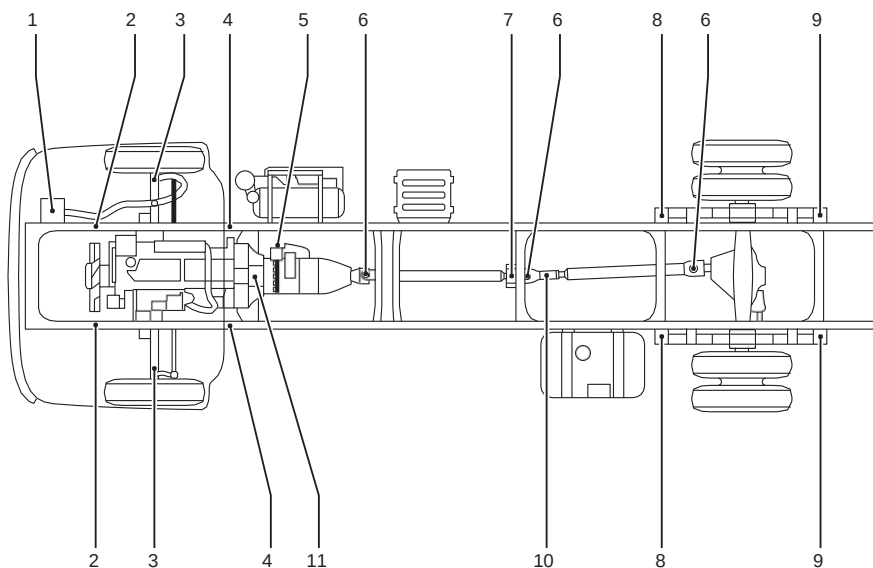


Các mục có dấu hoa thị, kiểm tra mức nhớt và lưu chất hằng ngày

Điểm tra mỡ

Model FRR/FTR/FVR/GVR

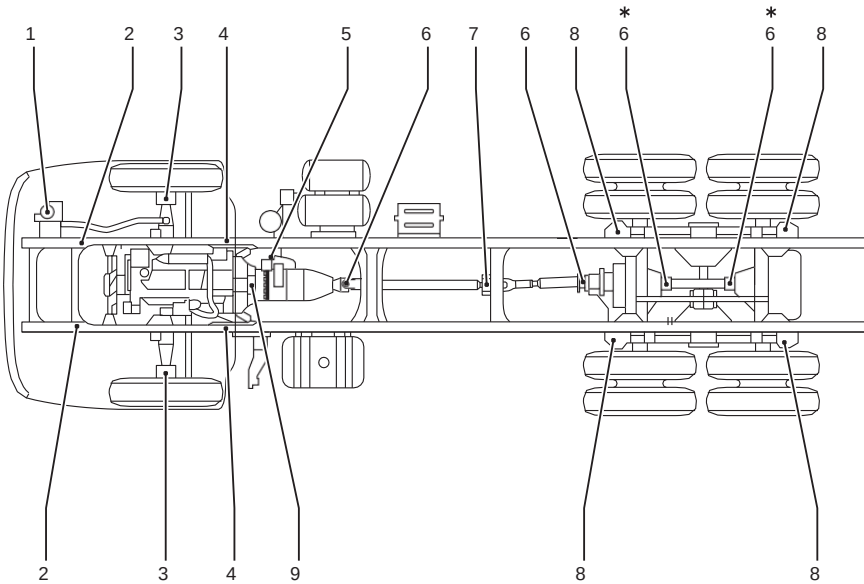
Hàng tháng hoặc 20.000 km (12.000 dặm) một lần



1. Vòng cài số trượt của trục lái
2. Chốt lò xo bánh trước
3. Trục quay
4. Chốt cùm trước
5. Chốt nối bầu trợ lực ly hợp (hộp số model MZZ6W/MZW6P/ES11109/ES9306A)
6. Khớp các-đăng của trục các-đăng
7. Bạc lót giữa của trục các-đăng
8. Chốt lò xo bánh sau
9. Chốt cùm bánh sau hoặc đệm trượt lò xo bánh sau
10. Móc trượt trục các-đăng
11. Khối chuyển ly hợp (hộp số model ES11109/ES9306A)

Model FVM/FVZ

Hàng tháng hoặc 20.000 km (12.000 dặm) một lần

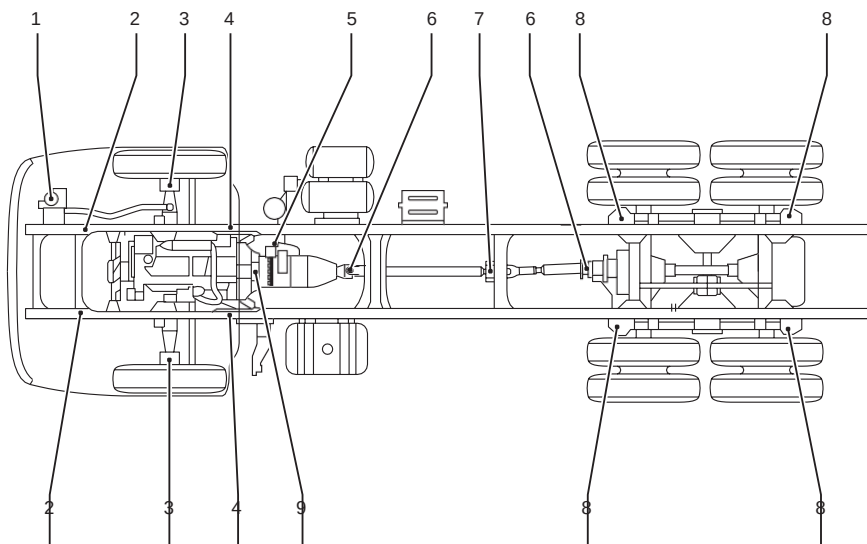


* : Chỉ dành cho model FVZ

1. Vòng cài số trượt của trục lái
2. Chốt lò xo bánh trước
3. Trục quay
4. Chốt lò xo bánh trước và chốt cùm
5. Chốt nối bầu trợ lực ly hợp (hộp số model ES11109/ES9306A)
6. Khớp các-đăng và vòng cài số trượt của trục các-đăng
7. Bạc lót giữa của trục các-đăng
8. Đệm trượt lò xo bánh sau
9. Khối chuyển ly hợp (hộp số model ES11109/ES9306A)

Model GVZ

Hàng tháng hoặc 20.000 km (12.000 dặm) một lần



1. Vòng cài số trượt của trục lái
2. Chốt lò xo bánh trước
3. Trục quay
4. Chốt lò xo bánh trước và chốt cùm
5. Chốt nối bầu trợ lực ly hợp
6. Khớp các-đăng và vòng cài số trượt của trục các-đăng
7. Bạc lót giữa của trục các-đăng
8. Đệm trượt lò xo bánh sau
9. Khối chuyển ly hợp

TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

8

• Xử lý sự cố	8-2
• Trường hợp xe bị hỏng trong lúc đang lái	8-6
• Trường hợp bị thùng lốp	8-7
• Trường hợp động cơ dừng trong lúc đang lái	8-8
• Trường hợp động cơ ngừng hoạt động và không thể khởi động lại	8-9
• Trường hợp phanh không hoạt động	8-10
• Trường hợp ắc quy hết điện	8-11
• Trường hợp hết nhiên liệu	8-14
• Trường hợp đèn cảnh báo sáng	8-18
• Trường hợp động cơ quá nhiệt	8-23
• Trường hợp thiết bị đo hiển thị giá trị bất thường	8-26
• Trường hợp không nhả được phanh tay ☐ V	8-27
• Trường hợp bóng đèn không sáng	8-29
• Thay cầu chì và rô le	8-46
• Trường hợp cầu chì cháy chậm cháy	8-66
• Trường hợp lái trên đường xấu	8-67
• Trường hợp kéo xe	8-68

Xử lý sự cố

Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên để tránh hư hỏng. Hãy thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ. Ngoài ra, hãy nhanh chóng khắc phục mọi sự cố trên xe (dù là sự cố nhỏ) để sự cố không trở nên nghiêm trọng hơn.

Nếu thấy triệu chứng nào trong bảng dưới đây, hãy kiểm tra và thực hiện hành động khắc phục theo bảng. Nếu bạn không thể sửa chữa, hành động khắc phục hiển thị trong bảng không loại bỏ được triệu chứng hoặc bạn không thể xác định được lỗi, liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.



KHUYẾN CÁO

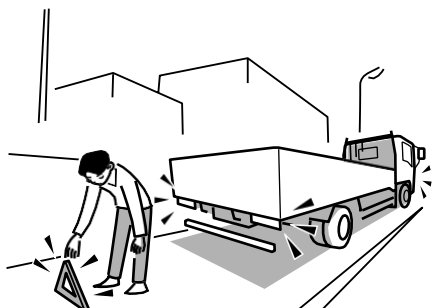
- Các hạng mục có trong cột "Hành động khắc phục" đều yêu cầu sửa chữa và điều chỉnh. Liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

Triệu chứng		Nguyên nhân	Hành động khắc phục	Trang tham khảo
Động cơ không khởi động	Máy khởi động không quay hoặc quay yếu	Hết ắc quy	Sạch lại hoặc thay thế	8-11
		Các cực ắc quy bị rời ra, lỏng lẻo hoặc bị ăn mòn	Nối chắc các cực sau khi xử lý phần bị ăn mòn	—
		Cực dây mass của máy khởi động bị rời ra, lỏng lẻo hoặc bị ăn mòn	Nối chắc các cực sau khi xử lý phần bị ăn mòn	—
		Độ nhớt của nhớt động cơ quá cao	Thay nhớt có độ nhớt thích hợp	7-213
		Máy khởi động hoặc hệ thống điện bị lỗi	⊙	—
		Cần sang số không ở vị trí "N" (Các xe có hệ thống Smoother)	Đặt cần sang số ở vị trí "N"	4-69
		Chưa nhấn bàn đạp phanh hoặc cài phanh tay (Các xe có hệ thống Smoother)	Nhấn bàn đạp phanh hoặc cài phanh tay	4-73

Triệu chứng		Nguyên nhân	Hành động khắc phục	Trang tham khảo
Động cơ không khởi động	Máy khởi động không quay	Không có nhiên liệu	Đảm bảo không có rò rỉ, sau đó bổ sung nhiên liệu	—
		Không khí trong hệ thống nhiên liệu	Xả gió hệ thống nhiên liệu	8-15 8-16
		Bộ lọc nhiên liệu bị tắc	Thay bộ lọc	7-62
		Nhiên liệu bị đóng băng	Làm ấm đường ống nhiên liệu bằng nước ấm hoặc chờ đến khi đường ống ấm hơn	—
		Hệ thống đường ống cao áp bị lỗi	☉	—
		Hệ thống xông trước bị lỗi	☉	—
Khởi động động cơ nhưng dừng ngay lập tức	Tốc độ chạy không tải quá thấp	Điều chỉnh tốc độ chạy không tải	4-48	
	Bộ lọc nhiên liệu bị tắc	Thay bộ lọc	7-62	
	Bộ lọc gió bị tắc	Làm sạch hoặc thay phần tử lọc	7-58	
	Hệ thống đường ống cao áp bị lỗi	☉	—	
Tốc độ động cơ không ổn định	Nước hoặc khí lọt vào hệ thống nhiên liệu	Xả nước từ bộ lọc nhiên liệu hoặc xả gió hệ thống nhiên liệu	7-68 8-15 8-16	
	Hệ thống nhiên liệu bị lỗi	☉	—	
Khí thải màu trắng hoặc đen	Động cơ không đủ nóng	Làm ấm động cơ đúng cách	4-48	
	Nhớt động cơ quá nhiều	Mức nhớt chính xác	7-29	
	Bộ lọc gió bị tắc	Làm sạch hoặc thay phần tử lọc	7-58	
	Hệ thống nhiên liệu bị lỗi	☉	—	
Động cơ bị quá nhiệt	Không có nước làm mát	Bổ sung nước làm mát	7-42	
	Phía trước két nước bị tắc do bẩn	Rửa sạch bằng nước	7-52	
	Nắp két nước không được vận chặt hoàn toàn	Đảm bảo vận chặt hoặc thay nắp két nước	—	
	Dây đai quạt chùng	Điều chỉnh độ căng hoặc thay dây đai	7-56	
	Nước làm mát động cơ bẩn	Làm sạch bên trong két nước hoặc thay nước làm mát động cơ	7-43	
	Ly hợp quạt bị lỗi	☉	—	
Nắp két nước bẩn hoặc bị lỗi	Làm sạch hoặc thay thế	—		

Triệu chứng	Nguyên nhân	Hành động khắc phục	Trang tham khảo
Áp suất nhớt thấp	Độ nhớt của nhớt động cơ không phù hợp	Thay nhớt có độ nhớt thích hợp	7-213
	Mức nhớt động cơ quá thấp	Bổ sung nhớt động cơ	7-32
	Các bộ phận bên trong động cơ bị lỗi	⊙	—
	Thiết bị đo, đèn và công tắc bị lỗi	⊙	—
Áp suất khí thấp	Máy nén khí bị lỗi	⊙	—
	Rò rỉ khí từ đường ống	⊙	—
	Bộ điều tốc khí bị lỗi	⊙	—
Động cơ không đủ công suất	Không nhả hết phanh tay	Đảm bảo đã nhả phanh tay	—
	Trôi phanh	⊙	—
	Trượt ly hợp	Điều chỉnh hành trình điều khiển ly hợp (Model hộp số sàn)	7-124
		Bổ sung dầu ly hợp Smoother (Model có hệ thống Smoother)	7-137
	Bộ lọc gió bị tắc	Làm sạch hoặc thay phần tử lọc	7-58
	Bộ lọc nhiên liệu bị tắc	Thay bộ lọc	7-62
	Hệ thống điều khiển động cơ bị lỗi	⊙	—
	Hệ thống ống cao áp bị lỗi	⊙	—
	Động cơ bị lỗi	⊙	—
Phanh không hiệu quả	Khe hở giữa tang trống và bộ phanh quá lớn	⊙	—
	Áp suất khí thấp	Tăng tốc động cơ để cung cấp khí	—
	Khí trong dầu phanh (Ngoại trừ các xe có phanh khí nén hoàn toàn)	⊙	—
Phanh không đều	Áp suất khí trong lốp không cân bằng	Điều chỉnh đến áp suất khí thích hợp	7-87
	Lốp bị mòn không đều	Thay lốp	7-95 7-104
	Khe hở giữa tang trống và bộ phanh của bánh xe không cân bằng	⊙	—

Triệu chứng		Nguyên nhân	Hành động khắc phục	Trang tham khảo
Phanh khí xả không hoạt động		Áp suất khí thấp	Tăng tốc động cơ để cung cấp khí	—
		Hệ thống khí bị lỗi	☉	—
		Hệ thống điện bị lỗi	☉	—
Khó xoay vô lăng		Vô lăng để quá xa về phía	Điều chỉnh cho phù	—
		Mức dầu trợ lực lái quá thấp	Bổ sung nhớt	7-144
		Bánh trước non hơi	Điều chỉnh đến áp suất khí thích hợp	7-87
Độ rơ quá mức tại vô lăng		Bu lông và đai ốc bánh xe bị lỏng	Siết chặt đến lực siết quy định	7-102 7-109
		Áp suất khí trong lốp không cân bằng	Điều chỉnh đến áp suất khí thích hợp	7-87
		Các lốp không cân bằng	☉	—
		Độ rơ quá mức tại vô lăng	☉	—
Vô lăng hồi vị kém		Bôi trơn kém tại các bộ phận lái	Bôi trơn các bộ phận	7-150
		Căn chỉnh bánh xe kém	☉	—
Ly hợp nhả kém		Không đủ không khí	Nạp đầy khí	—
		Không đủ dầu ly hợp	Bổ sung nhớt	7-119
		Độ rơ quá mức của bàn đạp ly hợp	Điều chỉnh đến mức thích hợp	7-124
Âm thanh hoặc tiếng ồn bất thường	Từ hộp số	Không đủ nhớt hộp số	Bổ sung nhớt	7-127
		Các bộ phận bên trong hộp số bị lỗi	☉	—
	Từ bộ vi sai	Không đủ nhớt vi sai hộp số	Bổ sung nhớt	7-140
		Các bộ phận bên trong bộ vi sai bị lỗi	☉	—
	Từ hệ thống treo	Chốt lò xo, cùm và cỡ chặn bị mòn	☉	—
	Từ trục các-đăng	Bôi trơn các bộ phận kém	Bôi trơn các bộ phận	7-150
		Chốt hoặc bạc lót bị mòn	☉	—

Khi xe bị hỏng lúc đang lái

1. Đặt biển cảnh báo nguy hiểm và tắt ngay xe vào nơi an toàn, không cản trở giao thông (lề đường, ven đường). Đặt biển cảnh báo tam giác loại phản quang để cảnh báo các phương tiện giao thông khác về sự hiện diện của xe bạn.
2. Yêu cầu các hành khách xuống xe và chờ ở nơi an toàn.
3. Đi bộ đến nơi an toàn và thực hiện các biện pháp thích hợp như sử dụng trạm điện thoại gần nhất, v.v.

**CẢNH BÁO**

[Nếu có rò rỉ nhiên liệu]

- Rò rỉ nhiên liệu từ xe rất nguy hiểm vì có nguy cơ cháy hoặc nổ. Lập tức dừng động cơ.

Trường hợp bị thùng lốp



Khi bị thùng lốp trong lúc đang lái xe, tránh phanh gấp, giữ chắc vô lăng và dừng xe.

Phải thay lốp trên bề mặt phẳng để tránh cản trở các xe khác hoặc người đi bộ.



CẢNH BÁO

- Nếu tiếp tục lái xe trong tình trạng thùng lốp, lực quá lớn sẽ tác động vào bu lông bánh xe, có thể làm gãy bu lông và long bánh xe.

Lốp dự phòng ☐ → Tham khảo trang 7-110

Xử lý kích nâng xe → Tham khảo trang 7-160

Thay lốp (Bánh xe JIS có 6 hoặc 8 bu lông) ☐ → Tham khảo trang 7-95

Thay lốp (Bánh xe ISO có 10 bu lông) ☐ → Tham khảo trang 7-104



Trường hợp động cơ dừng khi đang lái

Không hoảng loạn. Nhấn bàn đạp phanh để giảm tốc độ, đi ngay đến nơi an toàn, dừng xe và kiểm tra.

Nếu động cơ dừng do hết nhiên liệu trong khi lái, đổ nhiên liệu là không đủ để khởi động lại động cơ.

Xả gió hệ thống nhiên liệu sau khi tiếp nhiên liệu cho xe.

Trường hợp hết nhiên liệu

→ Tham khảo trang 8-14

**CẢNH BÁO**

- Thao tác lái xe sẽ thay đổi, vì vậy lưu ý dừng xe ở nơi an toàn.
 - Hệ thống trợ lực lái sẽ không hoạt động, do đó khó xoay vô lăng. Thao tác này đòi hỏi nhiều sức hơn so với vận hành bình thường.
 - Áp suất khí phanh không tăng, vì vậy ngay lập tức dừng xe ở nơi an toàn.

Trường hợp động cơ ngừng hoạt động và không thể khởi động lại

- Ở model xe có hộp số sàn, đặt cần sang số vào vị trí "N" và đẩy xe đến nơi an toàn.
- Ở các model xe có hệ thống Smoother, đặt cần sang số vào vị trí "N". Nếu đèn chỉ báo chuyển số hiện "N", đẩy xe đến nơi an toàn. Nếu đèn chỉ báo chuyển số hiển thị chế độ không phải "N", đặt công tắt khẩn cấp thành "BẬT" và cần sang số vào vị trí "N". Sau đó, đảm bảo đèn chỉ báo chuyển số hiện "N", đẩy xe đến nơi an toàn.

Trường hợp hệ thống Smoother bị lỗi

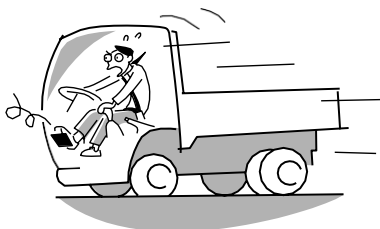
→ Tham khảo trang 4-87

**LƯU Ý**

- Đối với các xe có hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA), hủy HSA bằng cách TẮT công tắt HSA.

**THẬN TRỌNG**

- Trong trường hợp khẩn cấp đối với các model có hộp số sàn, đặt cần sang số ở vị trí "R" (số lùi), "1" (số 1) hoặc "2" (số 2) nếu máy khởi động không quay.
- Sau đó, bỏ chân ra khỏi bàn đạp ly hợp để giữ Công tắt khởi động ở chế độ "KHỞI ĐỘNG" nhằm di chuyển xe.

Trường hợp phanh không hoạt động

Khi phanh đột ngột không hoạt động, điều này có thể gây ra tai nạn nghiêm trọng. Giảm tốc độ bằng cách chuyển nhanh từ số ba sang số hai, sang số một bằng cách sử dụng cần sang số. Từ từ kéo cần phanh tay khi giữ chắc vô lăng. Dừng xe bên đường.

**THẬN TRỌNG**

- Rất nguy hiểm nếu đột nhiên kéo hết cỡ cần phanh tay về phía sau khi đang di chuyển với tốc độ cao. Trước tiên, giảm tốc độ bằng cách về số và sau đó từ từ kéo cần phanh tay về phía sau.

**LƯU Ý**

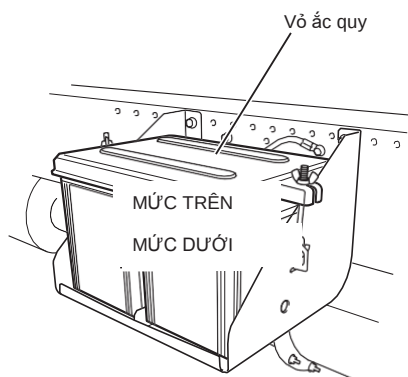
- Trong trường hợp xấu nhất trên đường núi hoặc trong các tình huống tương tự, dừng xe bằng cách cọ dọc theo lan can hoặc vách đá hoặc thả bánh trước và bánh sau của một bên vào rãnh bên đường.

Trường hợp ắc quy hết điện

Sử dụng cáp trợ lực (bán riêng) và ắc quy của xe khác để khởi động động cơ theo trình tự này.

**THẬN TRỌNG**

- Để đảm bảo an toàn và bảo vệ xe, không được đẩy và khởi động xe.
- Đảm bảo ắc quy trợ lực của xe cung cấp sạc có cùng điện áp với xe bị hỏng.
- Trong mọi trường hợp, các cực dương và cực âm của ắc quy không được tiếp xúc với nhau.
- Khi nối cáp, trong mọi trường hợp không để các kẹp tiếp xúc với nhau.
- Yêu cầu Đại lý Isuzu của bạn sạc lại ắc quy.
- Không ngắt cực ắc quy khi động cơ đang chạy. Điều này có thể làm hỏng hệ thống điện.



1. Kiểm tra mức nhớt ắc quy của xe bị hỏng.
2. Dùng xe có ắc quy được sạc với điện áp 24V.

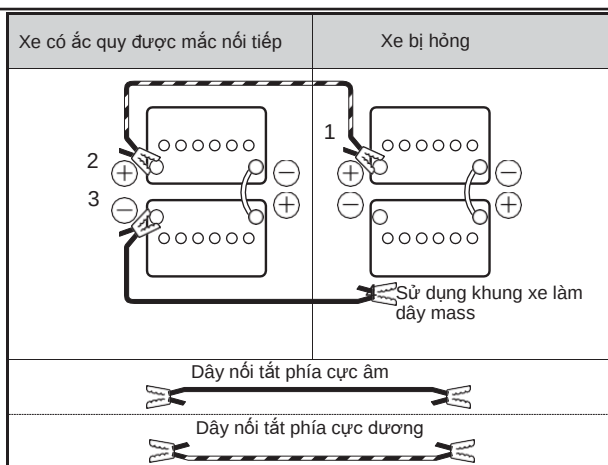
3. Tháo nắp ắc quy và nối các cáp trở lực theo thứ tự được đánh số trong hình vẽ.

Loại ắc quy có cực dương bên phải

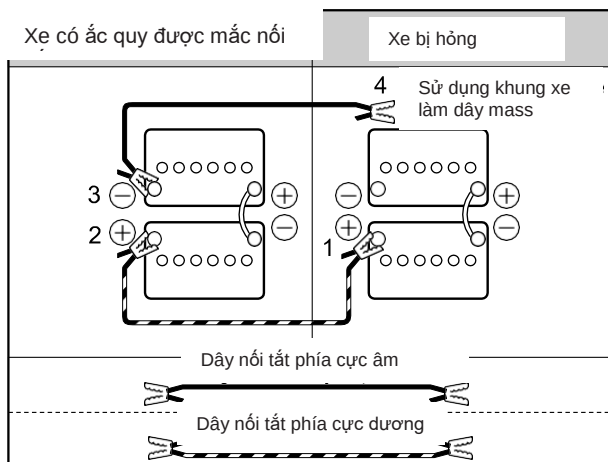


LƯU Ý

- Xe của bạn có một trong hai loại ắc quy.
 - Loại ắc quy có cực dương bên phải:
Khi nhìn ắc quy từ phía đầu ngắn, có cực dương ở phía trước, cực dương sẽ ở bên phải.
 - Loại ắc quy có cực dương bên trái:
Khi nhìn ắc quy từ phía đầu ngắn, có cực dương ở phía trước, cực dương sẽ ở bên trái.



Loại ắc quy có cực dương bên trái



4. Sau khi nối, khởi động động cơ xe có ắc quy được mắc nối tiếp.
5. Tăng ga nhẹ động cơ xe có ắc quy được mắc nối tiếp và khởi động động cơ của xe không hoạt động.
6. Nếu động cơ của xe không hoạt động bắt đầu chạy, tháo dây nối ắc quy theo trình tự ngược so với lúc đầu nối.

**CẢNH BÁO**

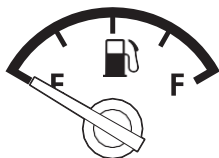
- Kiểm tra mức nhớt ắc quy trước khi nối dây nối ắc quy. Việc sử dụng hoặc sạc ắc quy khi dung dịch trong ắc quy dưới vạch "MỨC THẤP" có thể khiến ắc quy nhanh bị hỏng và dẫn đến các tình huống nguy hiểm như sinh nhiệt và thậm chí có thể gây nổ. Thực hiện công việc sau khi bổ sung nhớt ắc quy.
- Ắc quy xe tạo ra khí dễ cháy, có thể gây nổ. Chú ý những điều sau để tránh tạo ra tia lửa.
 - Không nối trực tiếp một đầu của dây nối ắc quy ở bước 4 trên hình vẽ với cực âm của ắc quy. Đầu dây nối ắc quy với phần kim loại của động cơ nằm xa ắc quy.
 - Không để đầu dương của dây nối tiếp xúc với đầu âm của dây nối hoặc với thân xe.
 - Tránh để ngọn lửa gần ắc quy.
- Sử dụng cẩn thận để không bị vướng vào các dây đai khác khi nối dây.

**LƯU Ý**

- Nếu khó khởi động động cơ ở vùng lạnh, trước tiên, khởi động động cơ xe có ắc quy được mắc nối tiếp vài phút, sau đó khởi động động cơ của xe không hoạt động.

Trường hợp hết nhiên liệu

Loại 1



Khi thay bộ lọc nhiên liệu hoặc khi hết nhiên liệu, không khí sẽ đi vào hệ thống nhiên liệu, do đó chỉ riêng việc tiếp nhiên liệu là không đủ để khởi động lại động cơ. Sử dụng các phương pháp sau để xả gió cho hệ thống nhiên liệu.

Loại 2

**CẢNH BÁO**

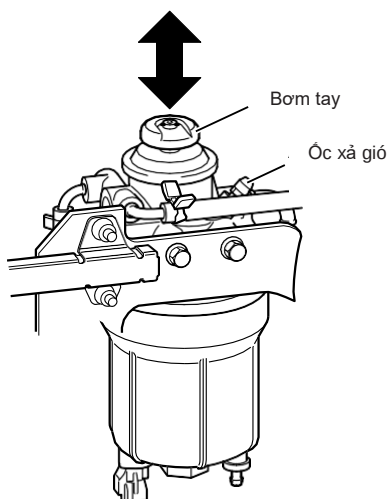
- Lau sạch nhiên liệu bám trên thân xe hoặc khoang động cơ dưới cabin. Phần nhiên liệu này có thể gây cháy.

**THẬN TRỌNG**

- Trước khi khởi động động cơ, ngồi ở ghế người lái và đảm bảo cần sang số ở vị trí "N". Đối với các xe có hệ thống Smoother, đảm bảo đèn chỉ báo chuyển số hiển thị "N".

Không khởi động động cơ nếu bạn không ngồi ở vị trí người lái. Ví dụ, không khởi động xe bằng cách thò tay qua cửa sổ từ bên ngoài hoặc từ bên ngoài xe với cửa mở. Đặc biệt chú ý đến việc động cơ sẽ chuyển động nếu khởi động bằng hộp số ở vị trí khác vị trí "N".

Cách xả gió (Modell động cơ 6HK1/4HK1)



1. Tháo nắp cao su của ốc xả gió và sau đó sử dụng dụng cụ để nới lỏng ốc xả. Lắp ống mềm nhựa vào ốc xả gió để nhiên liệu không phun ra ngoài.
2. Bơm nhanh đến khi nhiên liệu chảy ra nhanh từ ốc xả gió.



LƯU Ý

- Khi chỉ thay bộ lọc thô, trong khoảng 50 lần bơm đầu tiên từ khi bắt đầu, nhiên liệu trong bộ lọc nhiên liệu chính và đường ống nhiên liệu chảy ra từ ốc xả gió. Trong khoảng 50 lần tiếp theo, không khí thoát ra từ ốc xả gió. Sau đó, nhiên liệu lại chảy ra. Lúc này, dừng bơm.
- Lượng nhiên liệu xả ra lần đầu từ ốc xả gió là khoảng 250 cc.

3. Siết chặt ốc xả gió và tháo ống mềm nhựa. Lắp nắp cao su đã tháo ở bước 1 vào ốc xả gió.
4. Sau khi siết chặt ốc xả gió, tiếp tục bơm tay đến khi khó bơm hoặc sau 30 lần bơm.



LƯU Ý

- Bơm tay có thể không khó bơm nếu nhiệt độ nhiên liệu thấp. Trong trường hợp đó, áp dụng số lần bơm tối thiểu như hướng dẫn.

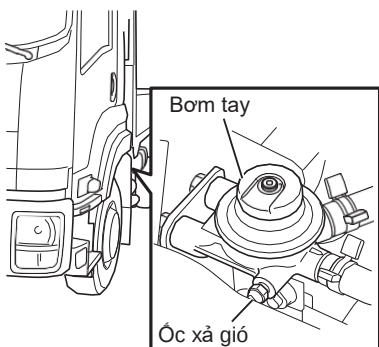
5. Lau sạch nhiên liệu rỉ ra ngoài, khởi động động cơ và đảm bảo nhiên liệu không bị rò rỉ nữa. Nếu động cơ vẫn không khởi động, lặp lại quy trình xả gió từ bước 4.

Cách xả gió (Model động cơ 6NX1)

Nếu hết nhiên liệu, thực hiện các bước cần thiết để xả gió cho hệ thống nhiên liệu theo thứ tự "Bộ lọc nhiên liệu thô phía xe", "Bộ lọc nhiên liệu phía động cơ", "Sau khi xả gió cho hệ thống nhiên liệu".

**KHUYẾN CÁO**

- Xả gió không đủ có thể dẫn đến động cơ vận hành lỗi. Do đó, luôn đảm bảo thực hiện quy trình được mô tả trong phần "Sau khi xả gió cho hệ thống nhiên liệu".

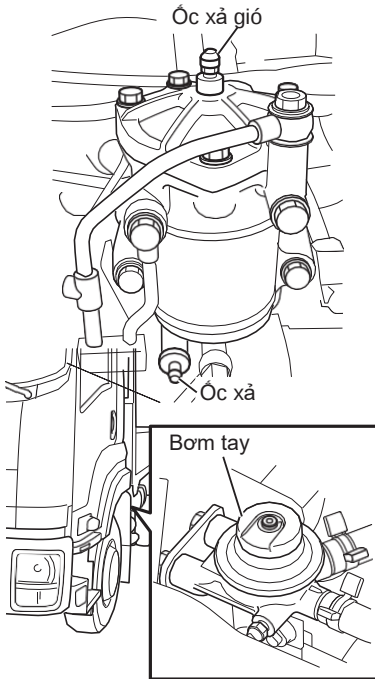
**Bộ lọc nhiên liệu thô phía xe**

1. Nâng cabin.

Hệ thống nâng cabin điện ☐ **V**

→ Tham khảo trang 7-15

2. Đặt một thùng chứa bên dưới ốc xả gió của bơm tay để hứng nhiên liệu. Nối ống mềm nhựa vào ốc xả gió để ngăn nhiên liệu tràn ra. Nới lỏng ốc xả gió.
3. Tiến hành thao tác bơm hơn 20 lần đến khi nhiên liệu rò ra từ ốc xả gió không còn bọt khí nữa.
4. Siết chặt hoàn toàn ốc xả gió và lau sạch nhiên liệu còn dính vào ốc hoặc khu vực xung quanh.



Bộ lọc nhiên liệu phía động cơ

1. Đặt một thùng chứa bên dưới ốc xả gió của bộ lọc nhiên liệu phía động cơ để hứng nhiên liệu và tháo nắp cao su khỏi ốc xả gió. Nối ống mềm nhựa vào ốc xả gió để ngăn nhiên liệu tràn ra. Nới lỏng ốc xả gió.
2. Tiến hành thao tác bơm hơn 20 lần đến khi nhiên liệu từ ốc xả gió của bộ lọc nhiên liệu phía động cơ không còn bọt khí nữa.
3. Siết chặt hoàn toàn ốc xả gió và lau sạch nhiên liệu còn dính vào ốc hoặc khu vực xung quanh.

Lực siết ốc xả gió

6 - 9 N·m (0,6 - 0,9 kgf·m/52 - 78 lb·in)

Sau khi xả gió cho hệ thống nhiên liệu

1. Tiến hành thao tác bơm hơn 150 lần để cấp khí trong hệ thống nhiên liệu đến bơm cấp nhiên liệu.
2. Không nhấn bàn đạp ga, vận công tắt khởi động và khởi động động cơ.
3. Lau sạch nhiên liệu bị rò rỉ, khởi động động cơ và đảm bảo nhiên liệu không rò rỉ nữa. Nếu động cơ vẫn không khởi động, lặp lại Bước 1.

Trường hợp đèn cảnh báo sáng**Hệ thống phanh**

AHB



Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc còi báo vang, lập tức dừng xe ở nơi an toàn, thực hiện kiểm tra và có hành động khắc phục.

Đèn cảnh báo hệ thống phanh AHB

→ Tham khảo trang 4-21

Kiểm tra và hành động khắc phục

Kiểm tra mức dầu phanh.

Phanh → Tham khảo trang 7-72

Khi mức nhớt chính xác

1. Kiểm tra khoảng cách từ trống phanh đến bộ phanh.

Trống phanh → Tham khảo trang 7-83

2. Khi khoảng cách từ trống phanh đến bộ phanh vượt quá giới hạn quy định, điều này có thể do cơ cấu điều chỉnh tự động của phanh bị lỗi (model xe có cơ cấu điều chỉnh tự động). Không lái xe, thay vào đó hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.
3. Đối với các tình huống khác bước 2, bộ trợ lực có thể bị lỗi. Không lái xe, thay vào đó hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

Khi mức nhớt chưa đủ

1. Bổ sung dầu phanh.
2. Nhấn bàn đạp phanh vài lần và đảm bảo mức trong bình dầu phanh không giảm.
3. Đặt công tắc khởi động ở vị trí "KHÓA" và khởi động lại động cơ để đảm bảo đèn cảnh báo tắt.

Nếu đèn cảnh báo không tắt hoặc mức dầu phanh giảm, không lái xe và liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

**CẢNH BÁO**

- Không lái xe khi đèn cảnh báo sáng. Phanh không hoạt động hết chức năng nên xe ở trong tình trạng nguy hiểm khi vận hành. Liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

Áp suất khí nén

Loại 1



Loại 2



Khi đèn cảnh báo này sáng, tức không có đủ áp suất không khí trong bình khí và phanh sẽ không hoạt động bình thường. Đồng thời sẽ phát ra còi báo.

Lập tức dừng xe ở nơi an toàn, kiểm tra và thực hiện hành động khắc phục. Còi báo sẽ dừng khi kéo cần phanh tay.

Đèn cảnh báo áp suất khí nén

→ Tham khảo trang 4-22

Kiểm tra và hành động khắc phục

- Chạy động cơ ở chế độ không tải và tăng áp suất khí đến khi đèn cảnh báo tắt.
- Trường hợp đèn cảnh báo không tắt hoặc đèn cảnh báo mất nhiều hơn thời gian quy định để tắt sau khi đã đạt áp suất **0 kPa** (0 kgf/cm²/0 psi) (tham khảo trang 7-76), sửa nếu cần thiết.

Liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.



CẢNH BÁO

- Không lái xe khi đèn cảnh báo sáng. Phanh không hoạt động hết chức năng nên xe ở trong tình trạng nguy hiểm khi vận hành.

Máy phát điện



Khi đèn cảnh báo này sáng, hệ thống sạc có thể đã bị lỗi.

Lập tức dừng xe ở nơi an toàn, kiểm tra và thực hiện hành động khắc phục.

Kiểm tra và hành động khắc phục

1. Kiểm tra để xem dây đai quạt bị hỏng hay chùng không.
2. Nếu dây đai quạt bị chùng, điều chỉnh độ căng.
3. Nếu dây đai quạt không có bất thường gì, liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

Dây đai quạt → Tham khảo trang 7-53



THẬN TRỌNG

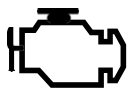
- Không lái xe khi đèn cảnh báo sáng. Có thể hết ắc quy.



LƯU Ý

- Do phải tháo để thay dây đai quạt, hãy yêu cầu Đại lý Isuzu gần nhất thực hiện công việc đó.

Kiểm tra động cơ



Nếu đèn cảnh báo này sáng khi động cơ đang chạy, tức là hệ thống liên quan đến kiểm soát khí thải có vấn đề. Nếu cần phải kiểm tra và sửa chữa hệ thống điều khiển, vui lòng liên hệ ngay với Đại lý Isuzu gần nhất.

SVS ☐



Nếu đèn chỉ báo sáng hoặc nhấp nháy trong quá trình vận hành, vui lòng liên hệ ngay với Đại lý Isuzu gần nhất để kiểm tra.

HSA ☐



Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA)

→ Tham khảo trang 4-90

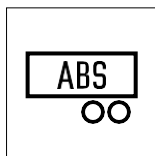
ABS ☐



Hệ thống chống bó phanh (ABS) ☐

→ Tham khảo trang 4-101

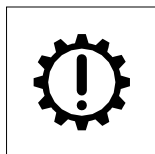
ABS xe rô-môc ☐



Đèn cảnh báo ABS xe rô-môc ☐

→ Tham khảo trang 4-23

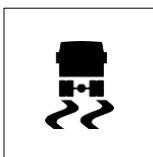
Hệ thống Smoother ☐



Model có hệ thống Smoother ☐

→ Tham khảo trang 4-73



Đèn cảnh báo ESC Đèn cảnh báo ESC 

→ Tham khảo trang 4-26

Áp suất nhớt động cơ



Đèn cảnh báo này sáng khi áp suất nhớt quá thấp.

Lập tức dừng xe ở nơi an toàn, tắt động cơ, kiểm tra và thực hiện hành động khắc phục.

Kiểm tra và hành động khắc phục

1. Kiểm tra mức nhớt động cơ.
2. Kiểm tra xem có rò rỉ không và bổ sung nhớt nếu mức nhớt động cơ quá thấp.
3. Bộ lọc nhớt có thể bị tắc khi mức nhớt bình thường và không có rò rỉ.
Thay bộ lọc nhớt.
4. Khi mức nhớt bình thường, bộ lọc nhớt không tắc nhưng có nhớt rò rỉ, liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

Nhớt động cơ → Tham khảo trang 7-28

Thay nhớt động cơ và bộ lọc nhớt

→ Tham khảo trang 7-34



THẬN TRỌNG

- Không lái xe khi đèn cảnh báo sáng. Điều này có thể làm hỏng động cơ.



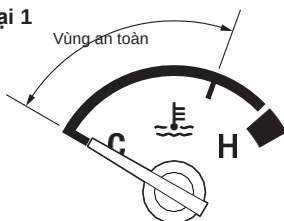
LƯU Ý

- Ở những vùng lạnh, đèn có thể sáng một lúc khi nhiệt độ nhớt thấp và độ nhớt của nhớt cao. Đèn sẽ tắt khi động cơ ấm lên.

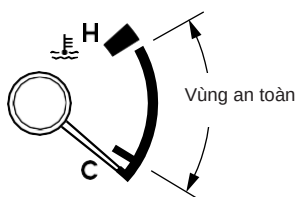
Trường hợp động cơ bị quá nhiệt

Nếu công suất động cơ giảm và kim trên đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ vượt quá giới hạn trên của vùng an toàn và đi vào vùng "H", động cơ đang quá nhiệt. Đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ sẽ sáng, còi báo sẽ kêu lên. Lập tức thực hiện các hành động khắc phục sau.

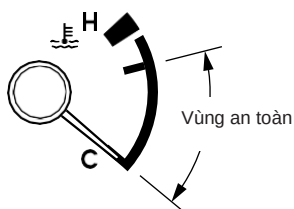
Loại 1



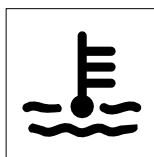
Loại 2



Loại 3



Đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ



1. Vận hành công tắc báo nguy và lập tức tắt xe vào nơi an toàn để không cản trở giao thông (lề đường, ven đường) và đỗ xe.
2. Hạ nhiệt độ của động cơ một lúc khi động cơ chạy không tải.

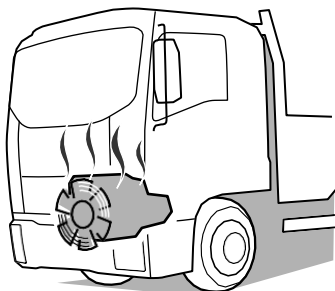


KHUYẾN CÁO

- Không dừng ngay động cơ. Nếu không, động cơ có thể bị kẹt.
3. Dừng động cơ khi kim của đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ quay lại vùng an toàn.

**CẢNH BÁO**

- Không tháo nắp két nước hoặc nắp bình nước phụ khi nước làm mát động cơ còn nóng. Tháo lắp bất cẩn có thể gây bỏng do hơi nóng tỏa ra. Bỏng cũng có thể xảy ra vì nước sôi thoát ra do nhiệt độ cao của nước làm mát. Chỉ tiến hành kiểm tra, nạp lại và thay thế nước làm mát khi nhiệt độ của nước đã nguội.
- Để tháo nắp két nước và nắp bình nước phụ, dùng vải dày phủ lên nắp và xoay từng chút một.
- Nước làm mát động cơ độc nên không được uống. Rửa ngay lập tức nếu nước làm mát động cơ dính vào mắt.
- Nước làm mát động cơ dễ cháy, do đó phải tránh xa ngọn lửa và các nguồn nhiệt khác.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi quạt làm mát cho két nước không quay, lập tức tắt động cơ.
4. Kiểm tra mức nước làm mát động cơ trong bình nước phụ và két nước sau khi động cơ được làm mát đủ. Bổ sung nước làm mát động cơ nếu thiếu. Ngoài ra, kiểm tra để xem dây đai quạt bị hỏng hay chùng không.
 5. Kiểm tra để xem có bụi bẩn, v.v. bám vào bề mặt trước của két nước hoặc bộ làm mát khí nạp không. Ngoài ra, kiểm tra để xem có vật nào chặn lối không. Làm sạch và loại bỏ nếu có.
 6. Sau khi kiểm tra, vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

**KHUYẾN CÁO**

- Đảm bảo kim trên đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ dưới "C" trước khi bổ sung nước làm mát động cơ. Bổ sung nước làm mát động cơ khi động cơ không được làm mát đủ có thể làm động cơ gặp sự cố hoặc làm hỏng động cơ.
- Nếu chỉ sử dụng nước máy để làm nước làm mát động cơ trong trường hợp khẩn cấp, thay nước làm mát động cơ càng sớm càng tốt.
- Động cơ có thể bị hỏng nếu đột ngột nạp đầy nước khi động cơ đang quá nóng. Thay vào đó, nạp từ từ.

Nước làm mát động cơ → Tham khảo trang 7-39

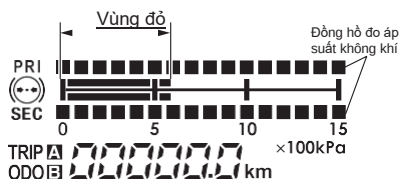
Dây đai quạt → Tham khảo trang 7-53

Làm sạch két nước và két làm mát khí nạp

→ Tham khảo trang 7-52

Trường hợp thiết bị đo có hiển thị giá trị bất thường

Đồng hồ đo áp suất khí nén



Đèn cảnh báo áp suất khí nén

Loại 1



Loại 2



Loại 1

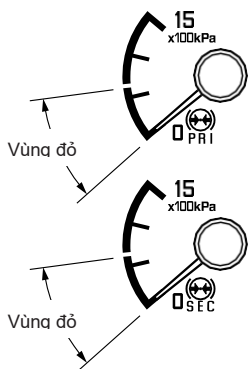
Khi kim trên đồng hồ đo di chuyển vào vùng đỏ, đồng thời, đèn cảnh báo sáng.

Đồng hồ đo áp suất không khí

→ Tham khảo trang 4-15

Đèn cảnh báo áp suất khí nén

→ Tham khảo trang 4-22



Đèn cảnh báo áp suất khí nén

Loại 1



Loại 2



Loại 2

Khi kim trên đồng hồ đo di chuyển vào vùng đỏ, đồng thời, đèn cảnh báo sáng.

Đồng hồ đo áp suất không khí

→ Tham khảo trang 4-15

Đèn cảnh báo áp suất khí nén

→ Tham khảo trang 4-22

Nếu không nhả được phanh tay

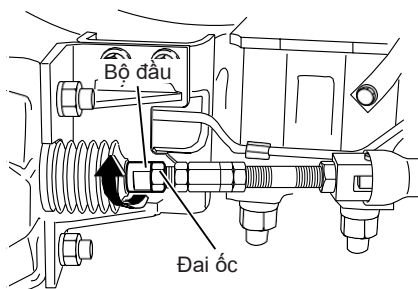
V

Xe có phanh tay bánh xe



THẬN TRỌNG

- Khi nhả phanh kiểu lò xo thủ công để di chuyển xe bằng phanh đỗ bánh xe, phanh sẽ không hoạt động. Không thả phanh kiểu lò xo trên dốc.
- Không nhả phanh bằng tay trừ khi xe đang được kéo bằng xe đầu kéo hoặc xe đang được di chuyển tạm thời.
- Liên hệ ngay với Đại lý Isuzu gần nhất sau khi di chuyển xe.



Model FRR

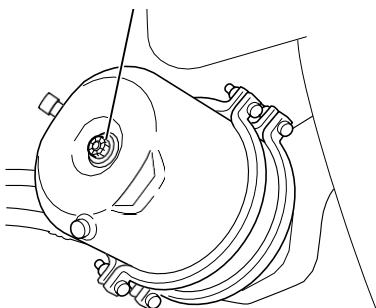
1. Chêm chắc bánh xe.
2. Nới lỏng đai ốc hãm tiếp xúc với bộ đầu nổi phía buồng phanh. Siết chặt bộ đầu nổi theo chiều kim đồng hồ đến khi thanh đẩy nhả phanh tay. Trong trường hợp này, phanh tay sẽ không hoạt động ngay cả khi đã cài.
Sau khi nhả phanh tay để di chuyển xe, liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.



KHUYẾN CÁO

- Ngoài đai ốc hãm ở bước 2, không được nới lỏng các bộ phận khác như các đai ốc hoặc móc chữ U.

Bu lông nhả cơ học

**Model FVM/FVZ/GVR/GVZ**

1. Chêm chắc bánh xe.
2. Xoay bu lông nhả cơ học ngược chiều kim đồng hồ để nhả phanh tay.

Phần nhô ra của bu lông nhả cơ học

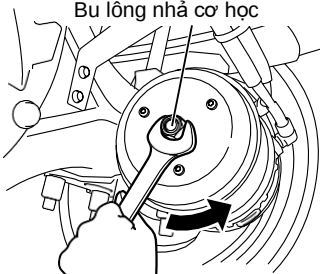
Khoảng 75 mm (3,0 in)

3. Để trở lại trạng thái bình thường từ trạng thái nhả cơ học, thực hiện ngược lại thứ tự các thao tác trên.

Lực siết bu lông nhả cơ học

25 - 45 N·m (2,5 - 4,6 kgf·m/18 - 33 lb·ft)

Bu lông nhả cơ học

**Model FTR/FVR**

1. Chêm chắc bánh xe.
2. Xoay bu lông nhả cơ học ngược chiều kim đồng hồ để nhả phanh tay.

Phần nhô ra của bu lông nhả cơ học

Khoảng 95 mm (3,74 in)

3. Để trở lại trạng thái bình thường từ trạng thái nhả cơ học, thực hiện ngược lại thứ tự các thao tác trên.

Lực siết bu lông nhả cơ học

25 - 45 N·m (2,5 - 4,6 kgf·m/18 - 33 lb·ft)

Khi bóng đèn không sáng

1. Kiểm tra đèn xem có bị cháy không.
2. Thay mới nếu đèn bị cháy. Luôn đặt công tắc khởi động ở vị trí "KHÓA" và đặt tất cả các công tắc khác ở vị trí "TẮT" trước khi thay bu lông đèn.
3. Nếu đèn không bị cháy, lỗi có thể do hệ thống dây điện. Liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

Công suất bóng đèn

Vị trí	Đèn	Công suất bóng đèn
Bánh trước	Đèn đầu xe halogen Đèn pha/đèn cốt	75/70W
	Đèn sương mù trước v	70W
	Đèn xi-nhan (bánh trước)	21W (Hỗ phách)
	Đèn kích thước	5W
	Đèn xi-nhan (bên hông)	21W (Hỗ phách)
Bánh sau	Đèn đuôi và đèn phanh	5/21W
	Đèn xi-nhan	21W
	Đèn lùi	21W
	Đèn biển số xe	10W*
		12W*
	Đèn đọc sách v	70W
Nội thất	Đèn trần	10W
Nóc xe	Đèn hiệu chiều rộng xe phía trước v	5W

*: Công suất bóng đèn có thể khác nhau tùy vào model xe. Khi thay mới, chỉ sử dụng bóng đèn có cùng công suất với đèn được thay.

Liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất khi thay đèn không có trong danh sách dưới đây.

**THẬN TRỌNG**

- Sử dụng bóng đèn có công suất khác so với công suất được quy định có thể làm đèn hoặc hệ thống dây bị nóng. Điều này có thể dẫn đến việc chụp đèn và vỏ máy bị cong vênh, dẫn đến hỏa hoạn.
- Bóng đèn nóng ngay sau khi tắt. Khi thay, hãy làm mát bóng đèn để tránh bị bỏng.
- Không lái xe khi bóng đèn không hoạt động. Điều này có thể dẫn đến tai nạn.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi một bóng đèn trong một cặp đèn, ví dụ đèn đầu xe cháy, bóng đèn còn lại sắp hết thời gian sử dụng. Bạn nên thay cả hai bóng cùng lúc.

**LƯU Ý**

- Đối với đèn chiếu sáng (thiết bị chiếu sáng) như đèn đầu xe, bên trong chụp đèn có thể phủ một chút hơi nước khi lái xe dưới trời mưa hoặc trong khi rửa xe. Ngoài ra, sự chênh lệch nhiệt độ giữa bên trong và bên ngoài của đèn đôi khi có thể gây ra hiện tượng ngưng tụ nước bên trong chụp đèn. Điều này không có gì bất thường vì đây là hiện tượng giống như hiện tượng kính chắn gió hoặc kính cửa bị mờ khi trời mưa. Mọi thứ đều bình thường nếu hơi nước tan sau vài phút kể từ khi đèn tắt.

Thay đèn đầu xe

Khi bóng đèn bị cháy, thay bóng mới có công suất được quy định. Cần thận không siết quá chặt các vít khi lắp.

**KHUYẾN CÁO**

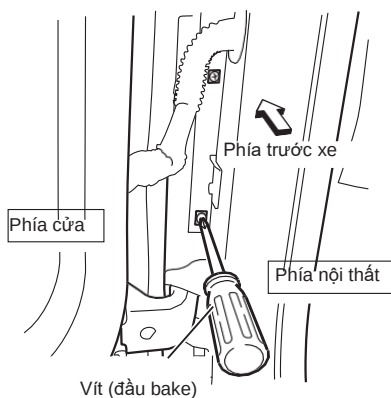
- Không thay bóng đèn có công suất khác với công suất được quy định. Điều này sẽ gây ra hiện tượng nhấp nháy bất thường, đặc biệt là đối với đèn xi-nhan.
- Khi thay bóng đèn đầu xe, điều chỉnh độ nhắm của đèn tại Đại lý Isuzu gần nhất.

Công suất bóng đèn → Tham khảo trang 8-29

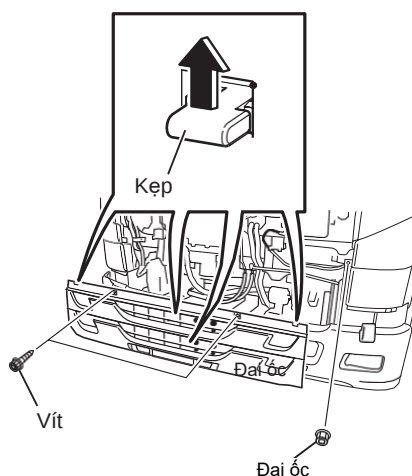
Đèn đầu xe halogen

Model xe có đèn đầu xe gắn trong cabin

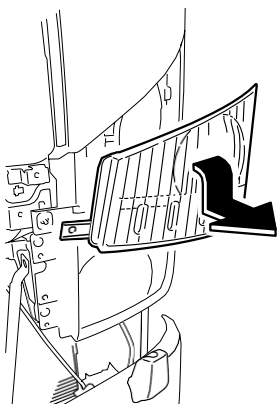
1. Mở cửa trước. Sử dụng vít bake để tháo hai vít giữ cửa và cabin.

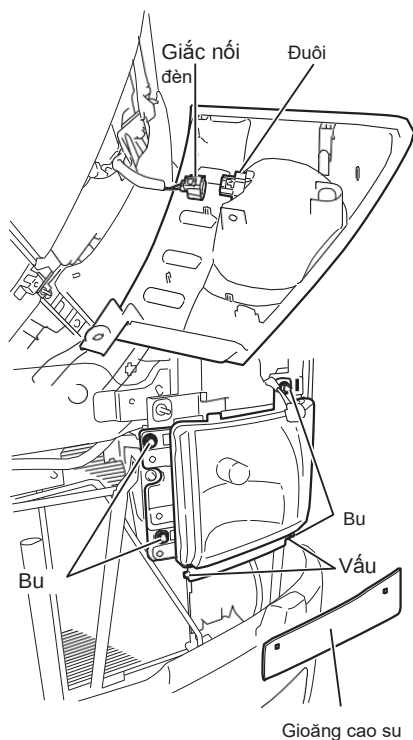


2. Tháo hai vít khỏi phần trên của lưới tản nhiệt. Đẩy vấu của bốn kẹp lên phía trên lưới tản nhiệt và kéo lưới tản nhiệt về phía bạn để tháo. Tháo các đai ốc đèn xi nhan.



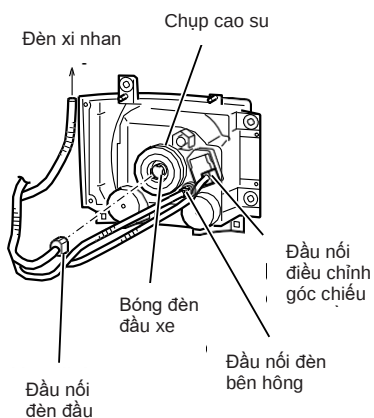
3. Lật đèn xi nhan xuống phía trước xe và tháo ra.



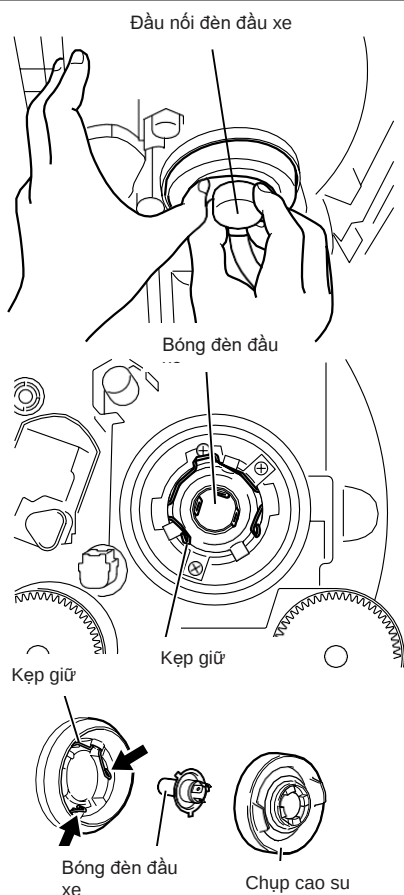


4. Ngắt đầu nối đèn xi nhan và sau đó tháo đèn xi nhan.

5. Tháo gioăng cao su khỏi hai vấu dưới đèn đầu xe. Tháo 4 bu lông. Sau đó, ngắt đầu nối đèn đầu xe, tháo đầu nối đèn bên hông và ngắt đầu nối điều chỉnh góc chiếu đèn đầu xe. Sau đó tháo cụm đèn đầu xe.



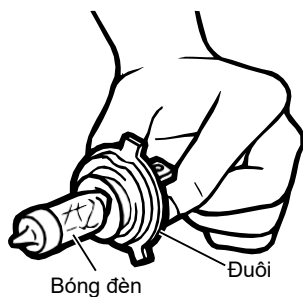
TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP



KHUYẾN CÁO

- Khi tháo đầu nối đèn đầu xe, rút đầu nối ra, đồng thời giữ phần chính giữa của chụp cao su. Nếu kéo đầu nối đèn đầu xe ra mà không giữ phần chính giữa của chụp cao su, bóng đèn sẽ nâng lên và khi tháo đầu nối, bóng đèn có thể va vào chóa đèn do lực phản ứng của kẹp giữ, làm vỡ bóng đèn.

6. Tháo chụp cao su, giữ các cạnh bên trái và phải ở phần dưới của kẹp giữ cố định bóng đèn và mở khóa kẹp bằng cách di chuyển kẹp lên trên.
7. Tháo bóng đèn và thay bằng bóng đèn mới.
8. Sau khi thay bóng đèn, lắp các bộ phận theo thứ tự ngược lại khi tháo.

**KHUYẾN CÁO**

- Không chạm vào phần thủy tinh của bóng đèn bằng tay. Làm bẩn thủy tinh sẽ làm cháy bóng đèn.
- Khi gắn chụp sao su, ấn cả chu vi bên ngoài và bên trong. Đảm bảo chụp cao su, cụm đèn đầu xe và bóng đèn được lắp chắc chắn và chặt chẽ. Nếu chụp cao su không được cố định chắc chắn, nước có thể lọt vào bên trong đèn đầu xe và dẫn đến sự cố.

Model xe có đèn đầu xe gắn trong cabin

1. Nâng cabin và thao tác từ phía trước của xe để thay.

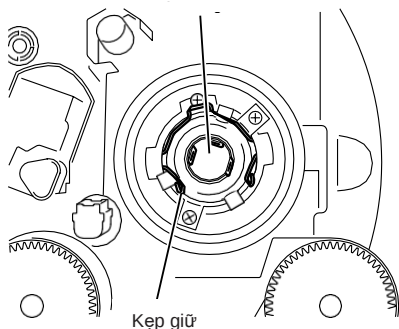
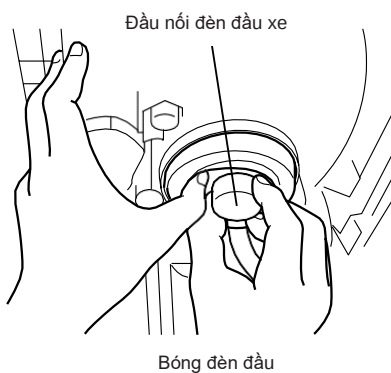
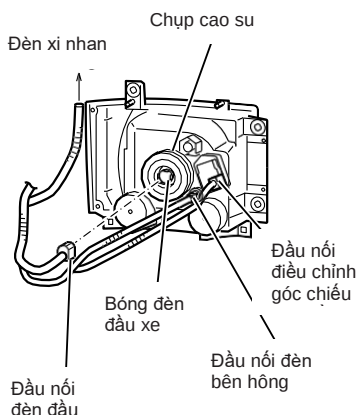
Nâng cabin ☐

→ Tham khảo trang 7-10

Hệ thống nâng cabin điện ☐

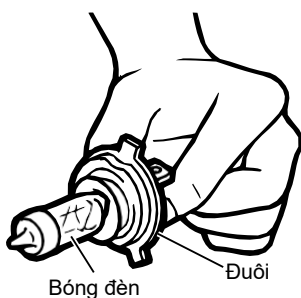
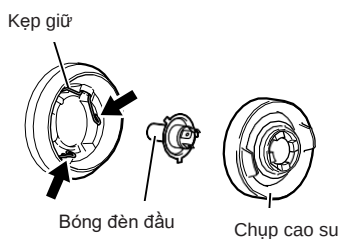
→ Tham khảo trang 7-15

2. Ngắt đầu nối đèn đầu xe.



KHUYẾN

- Khi tháo đầu nối đèn đầu xe, rút đầu nối ra, đồng thời giữ phần chính giữa của chụp cao su. Nếu kéo đầu nối đèn đầu xe ra mà không giữ phần chính giữa của chụp cao su, bóng đèn sẽ nâng lên và khi tháo đầu nối, bóng đèn có thể va vào chóa đèn do lực phản ứng của kẹp giữ, làm vỡ bóng đèn.



3. Tháo chụp cao su, giữ các cạnh bên trái và phải ở phần dưới của kẹp cố định bóng đèn và mở khóa kẹp bằng cách di chuyển kẹp lên trên.
4. Tháo bóng đèn và thay bằng bóng đèn mới.
5. Sau khi thay bóng đèn, lắp các bộ phận theo thứ tự ngược lại để tháo.

**KHUYẾN CÁO**

- Không chạm vào phần thủy tinh của bóng đèn bằng tay. Làm bẩn thủy tinh sẽ làm cháy bóng đèn.
- Khi gắn chụp cao su, ấn cả chu vi bên ngoài và bên trong của chụp cao su. Đảm bảo chụp cao su, cụm đèn đầu xe và bóng đèn được lắp chắc chắn, không có phần bị nhô lên. Nếu chụp cao su không được cố định chắc chắn, nước có thể lọt vào bên trong đèn đầu xe và dẫn đến sự cố.

Thay đèn bên hông

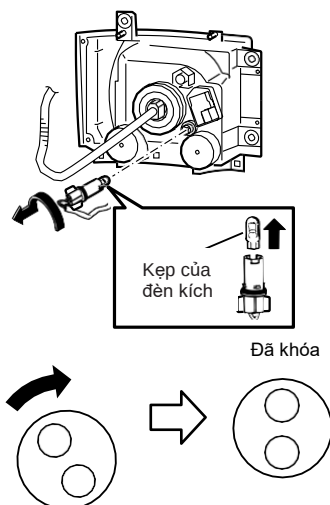
Model xe có đèn đầu xe gắn trong cabin

1. Tham khảo phần "Thay đèn đầu xe" và tháo cụm đèn đầu xe.

Thay đèn đầu xe

→ Tham khảo trang 8-30

2. Tháo bóng đèn khỏi Đầu đèn kích thước và thay bằng bóng đèn mới.



3. Để lắp đèn, thực hiện trình tự thao tác ngược lại, chú ý điểm sau:

- Xoay đầu nối theo chiều kim đồng hồ để khóa chặt.



KHUYẾN CÁO

- Nếu không khóa chắc đầu nối, nước có thể lọt vào bên trong đèn và dẫn đến sự cố.

Model xe có đèn đầu xe gắn trong cabin

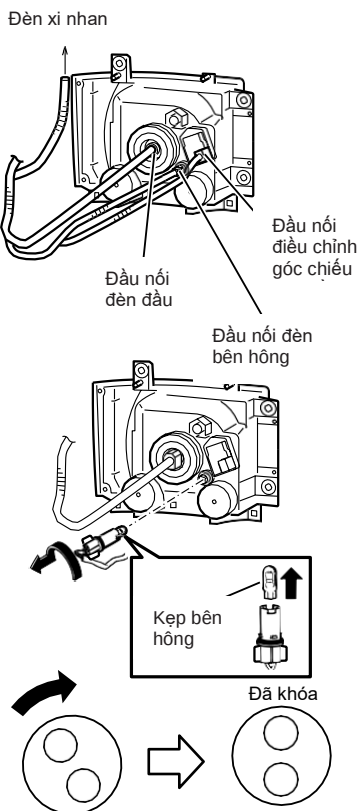
1. Nâng cabin và thao tác từ phía trước của xe để thay.

Nâng cabin ☐

→ Tham khảo trang 7-10

Hệ thống nâng cabin điện ☐

→ Tham khảo trang 7-15



2. Tháo Đầu đèn kích thước khỏi cụm đèn đầu xe.

3. Tháo bóng đèn khỏi Đầu đèn kích thước và thay bằng bóng đèn mới.

4. Lắp đèn, thực hiện trình tự thao tác ngược lại, chú ý điểm sau:

- Xoay đầu nối theo chiều kim đồng hồ để khóa chặt.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu không khóa chắc đầu nối, nước có thể lọt vào bên trong đèn và dẫn đến sự cố.

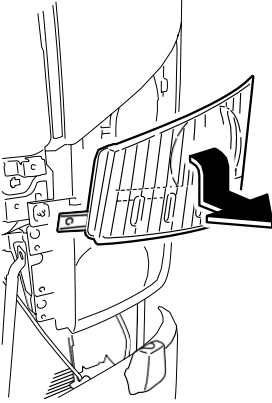
Thay đèn xi nhan

Model xe có đèn đầu xe gắn trong cabin ngoại trừ Indonesia

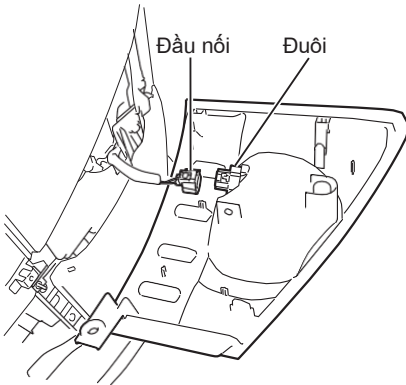
1. Trong khi tham khảo "Thay đèn đầu xe", lật đèn xi nhan xuống phía trước xe và tháo ra.

Thay đèn đầu xe

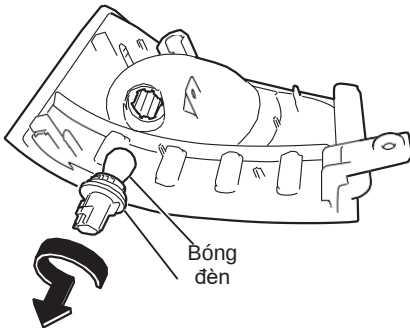
→ Tham khảo trang 8-30



2. Ngắt đầu nối đèn xi nhan và sau đó tháo Đuôi đèn.



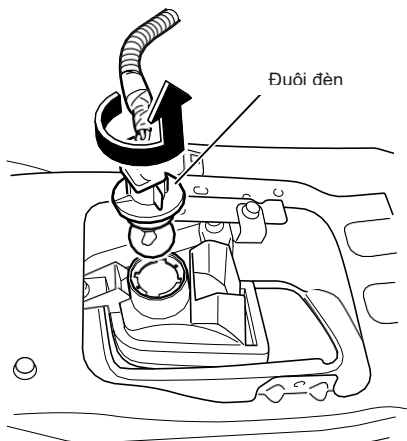
3. Tháo bóng đèn khỏi Đuôi đèn và thay bằng bóng đèn mới.
4. Để lắp đèn, thực hiện trình tự thao tác ngược lại tương tự, chú ý điểm sau:
 - Xoay Đuôi đèn theo chiều kim đồng hồ để khóa chặt.



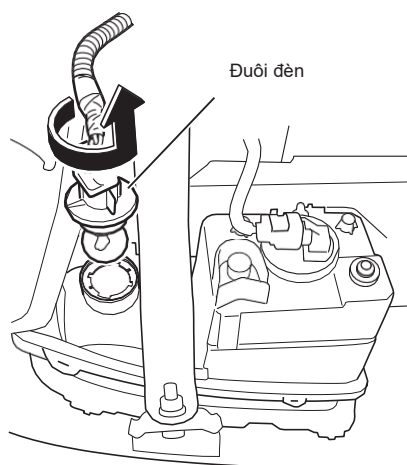
KHUYẾN CÁO

- Nếu không khóa chắc đuôi đèn, nước có thể lọt vào bên trong đèn và dẫn đến sự cố.

Model xe có đèn đầu xe gắn trong cabin dành cho Indonesia



Model xe có đèn đầu xe gắn trong cabin



Model xe có đèn đầu xe gắn trong cabin dành cho Indonesia và

Model xe có đèn đầu xe gắn trong cabin

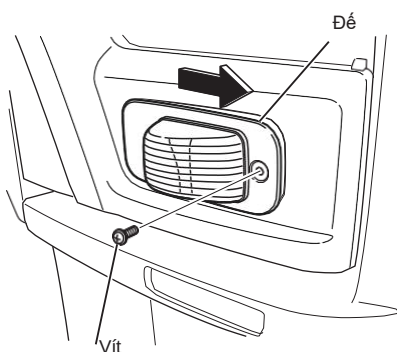
1. Tháo Đuôi đèn khỏi mặt sau của cần bằng cách xoay ngược chiều kim đồng hồ.
2. Tháo bóng đèn khỏi Đuôi đèn và thay bằng bóng đèn mới.
3. Để lắp đèn, thực hiện trình tự thao tác ngược lại, chú ý điểm sau:
 - Xoay Đuôi đèn theo chiều kim đồng hồ để khóa chặt.



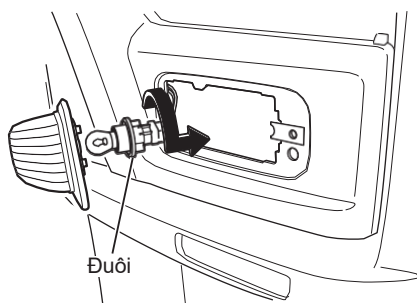
KHUYẾN CÁO

- Nếu không khóa chắc Đuôi đèn, nước có thể lọt vào bên trong đèn và dẫn đến sự cố.

Thay đèn xi nhan bên



1. Nới lỏng một vít và tháo đèn xi nhan bên bằng cách trượt đèn kèm đế về phía trước xe.



2. Xoay Đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ để tháo. Tháo bóng đèn khỏi Đuôi đèn và thay bằng bóng đèn mới. Đẩy bóng đèn vào và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo.
3. Để lắp đèn, thực hiện trình tự thao tác ngược lại, chú ý điểm sau:
 - Xoay Đuôi đèn theo chiều kim đồng hồ để khóa chặt.

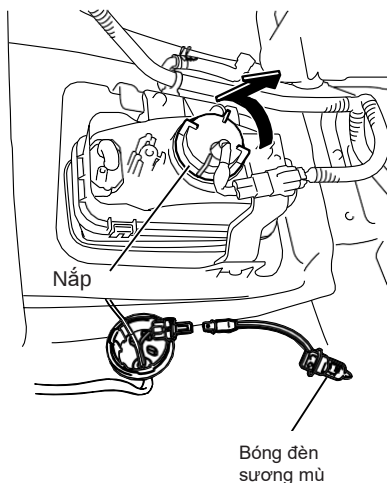


KHUYẾN CÁO

- Nếu không khóa chặt Đuôi đèn, nước có thể lọt vào bên trong đèn và dẫn đến sự cố.

Thay đèn sương mù trước

V



Model xe có đèn đầu xe gắn trong cabin

1. Xoay nắp ngược chiều kim đồng hồ để tháo. Trượt kẹp xuống trong khi đẩy kẹp giữ bóng đèn vào vị trí. Tháo đầu nổi ra khỏi nắp, đồng thời cẩn thận để không làm hỏng kẹp và tháo cực.

2. Tháo bóng đèn và thay bằng bóng đèn mới.



KHUYẾN CÁO

- Không chạm vào phần thủy tinh của bóng đèn bằng tay. Làm bẩn thủy tinh sẽ làm cháy bóng đèn.

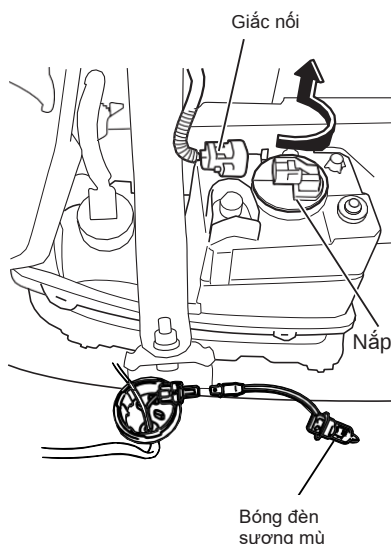
3. Để lắp đèn, thực hiện trình tự thao tác ngược lại tương tự, chú ý điểm sau:

- Vì có các khắc khác nhau ở trên và ở dưới bóng đèn (tròn hoặc vuông), chú ý đến hướng chèn khi lắp đặt.
 - Phải đặt phần khắc tròn hướng lên trên ở cả bên trái và bên phải.
- Xoay nắp theo chiều kim đồng hồ để khóa. Khi khóa nắp, đảm bảo không để bộ dây vướng vào nắp.



KHUYẾN CÁO

- Nếu không khóa chắc Đuôi đèn, nước có thể lọt vào bên trong đèn và dẫn đến sự cố.



Model xe có đèn đầu xe gắn trong cabin

1. Ngắt đầu nối và xoay nắp ngược chiều kim đồng hồ để tháo. Trượt kẹp xuống trong khi đẩy kẹp giữ bóng đèn vào vị trí.

2. Tháo cực ra khỏi vỏ và thay bằng bóng đèn mới.



KHUYẾN CÁO

- Không chạm vào phần thủy tinh của bóng đèn bằng tay. Làm bẩn thủy tinh sẽ làm cháy bóng đèn.

3. Để lắp đèn, thực hiện trình tự thao tác ngược lại tương tự, chú ý điểm sau:

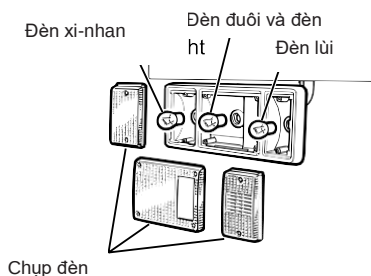
- Vì có các khắc khác nhau ở trên và ở dưới bóng đèn (tròn hoặc vuông), chú ý đến hướng tra đèn khi lắp đặt.
 - Phải đặt phần khắc vuông hướng lên trên ở cả bên trái và bên phải.
- Xoay nắp theo chiều kim đồng hồ để khóa. Khi khóa nắp, đảm bảo không để bộ dây vướng vào nắp.



KHUYẾN CÁO

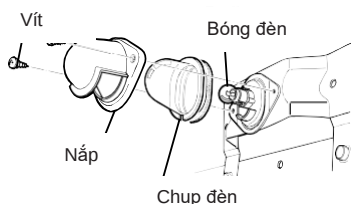
- Nếu không khóa chắc Đuôi đèn, nước có thể lọt vào bên trong đèn và dẫn đến sự cố.

Thay đèn xi nhan sau, đèn đuôi, đèn phanh và đèn lùi



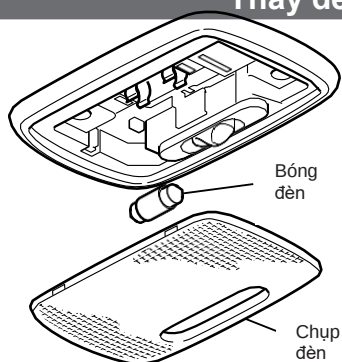
1. Nới lỏng vít và tháo chụp đèn.
2. Nới lỏng bóng đèn bằng cách xoay ngược chiều kim đồng hồ trong khi đẩy bóng đèn.
3. Để lắp đèn, thực hiện ngược lại quy trình tháo.

Thay đèn biển số xe



1. Nới lỏng vít và tháo nắp.
2. Tháo chụp đèn.
3. Nới lỏng bóng đèn bằng cách xoay ngược chiều kim đồng hồ trong khi đẩy bóng đèn.
4. Để lắp đèn, thực hiện ngược lại quy trình tháo.

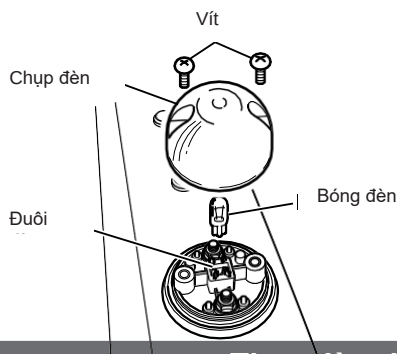
Thay đèn trần



1. Tháo chụp đèn và lấy bóng ra.
2. Để lắp bóng, thực hiện ngược lại quy trình tháo.

Thay đèn hiệu chiều rộng xe phía trước

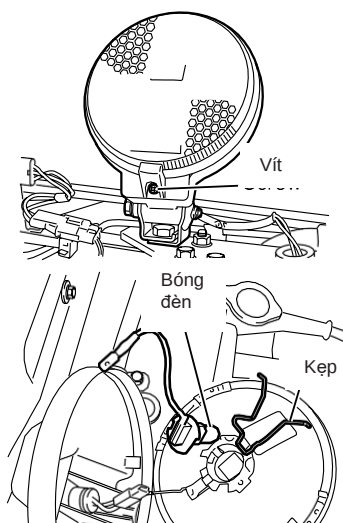
V



1. Nới lỏng vít và tháo chụp đèn.
2. Tháo bóng đèn và thay bằng bóng đèn mới.
3. Để lắp đèn, thực hiện ngược lại quy trình tháo.

Thay đèn đọc sách

V

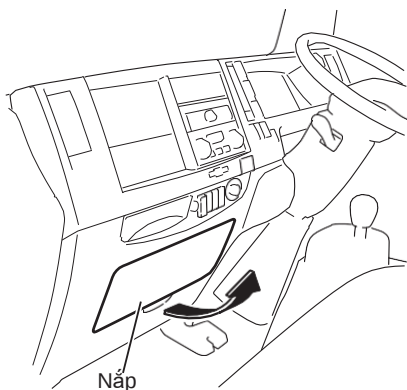


1. Nới lỏng vít ở phía dưới đèn đọc sách và tháo chụp đèn.
2. Ấn kẹp giữ bóng đèn xuống và trượt ra. Ngắt đầu nối phía nắp và lấy cực ra.
3. Lấy bóng đèn ra và thay lắp bóng đèn mới.
4. Lắp lại thành phần đèn đọc sách bằng cách thực hiện ngược lại trình tự tháo, đồng thời làm theo hướng dẫn bên dưới.
 - a. Các khắc ở phần trên và phần dưới của bóng đèn có hình dạng khác nhau (tức là hình tròn và hình vuông). Định hướng bóng đèn cách chính xác trong quá trình lắp.
 - b. Đảm bảo căn chỉnh khắc đúng khi lắp chụp đèn và nắp với nhau.

Thay cầu chì và rơ le

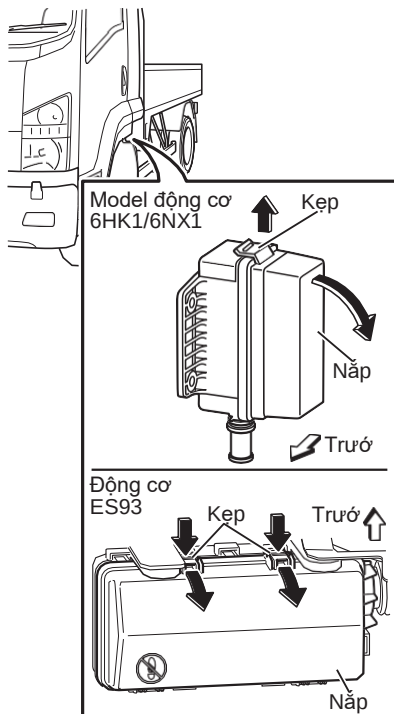
Khi đèn không sáng hoặc nhấp nháy hoặc các thiết bị trong hệ thống điện không hoạt động, kiểm tra xem cầu chì có bị cháy không.

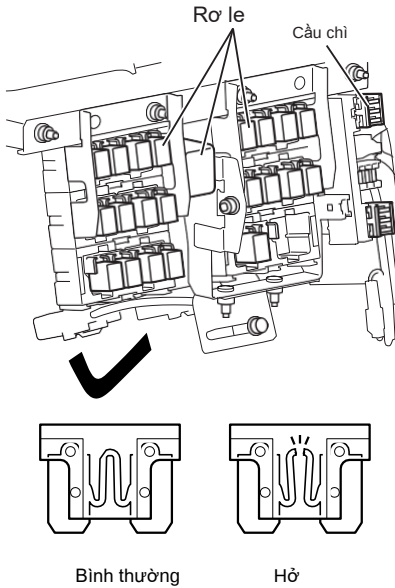
Vị trí cầu chì và rơ le



Cầu chì và rơ le được đặt ở phần dưới của bảng tập lô ở giữa và ở phía sau bên trái của cabin. Phải mở nắp để thực hiện kiểm tra và thay thế. Ngoài ra, lúc này phải mở nắp hộp rơ le ở phía sau bên trái của cabin.

Mở nắp hộp rơ le ở phía sau bên trái cabin bằng cách kéo hộp về phía bạn trong khi kéo các kẹp lên trên (model động cơ 6HK1/6NX1) hoặc kéo lên trong khi nhấn các kẹp của nắp (model động cơ 4HK1).





Thay cầu chì

1. Trước khi thay cầu chì, đảm bảo đặt công tắc khởi động ở vị trí "KHÓA" và kéo cần phanh tay về sau.
2. Đặt dụng cụ tháo cầu chì vào cầu chì và kéo ra. (Dụng cụ tháo cầu chì được để trong hộp cầu chì trong cabin.)
3. Nếu thấy cầu chì như trong hình bên phải của sơ đồ bên trái, cầu chì đã bị cháy. Thay bằng cầu chì dự phòng. (Cầu chì dự phòng được để trong hộp cầu chì trong cabin.)



CẢNH BÁO

- Luôn sử dụng cầu chì do Isuzu quy định. Sử dụng cầu chì có điện áp khác so với quy định hoặc sử dụng dây hoặc lá thiếc, v.v., có thể dẫn đến hỏa hoạn hoặc hư hại.
- Nếu cầu chì mới cháy ngay mà không rõ nguyên nhân, liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.
- Không kiểm tra hoặc thay cầu chì khi Công tắc khởi động ở vị trí "BẬT" hoặc khi HSA đang hoạt động trong khi đỗ hoặc dừng. Làm như vậy có thể dẫn đến tai nạn.
- Khi kiểm tra cầu chì, đảm bảo đỗ xe ở khu đất bằng phẳng và chêm các bánh xe.

Thay rơ le

Khi thay rơ le, liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

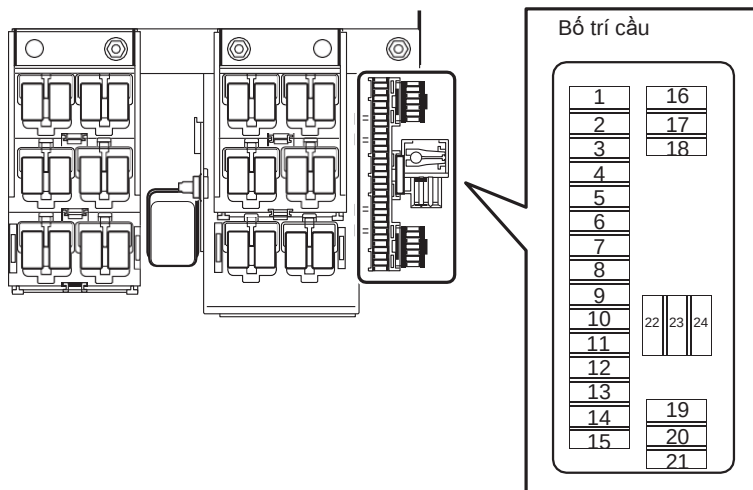
**KHUYẾN CÁO**

- Không cần thiết phải mở hoặc đóng nắp trừ khi phát hiện sự cố.
- Kết cấu hộp rơ le làm cho nước khó lọt vào. Tuy nhiên, nếu bạn làm đổ nước hoặc đồ uống lên nắp, lau sạch trước khi mở nắp.
- Khu vực xung quanh nắp sẽ nóng lên khi xe đang chạy, nhưng điều này đều hết sức bình thường.

Vị trí cầu chì và rơ le (Nội thất cabin)

Vị trí cầu chì: Model động cơ 6HK1

Model xe có vô lăng bên phải (model xe dành cho Indonesia)

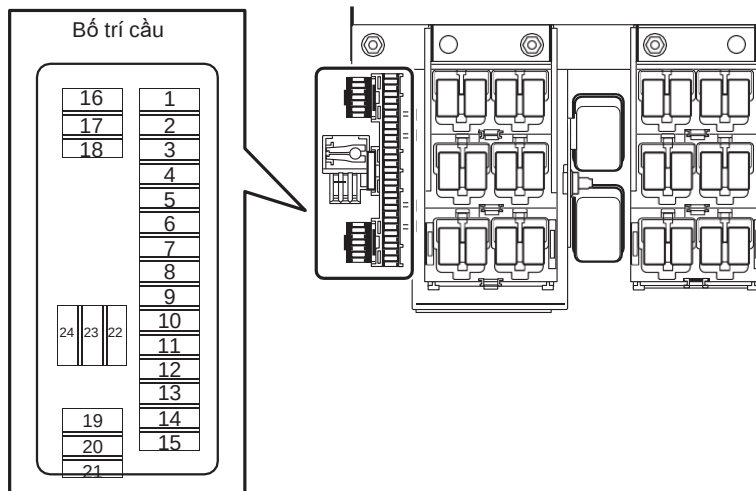


STT	Mô tả	Điện áp
1	ABS	10A
2	KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN	20A
3	ĐÈN PHA CAO (BÊN PHẢI)	10A
4	ĐÈN PHA CAO (BÊN TRÁI)	10A
5	ĐÈN PHA THẤP (BÊN PHẢI)	10A
6	ĐÈN PHA THẤP (BÊN TRÁI)	10A
7	ĐÈN XI NHAN, ĐÈN PHANH	15A
8	ĐÈN ĐUÔI, CÒI, ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC	15A
9	NÚM MÔI THUỐC	10A
10	CẦN GẠT MƯA VÀ HỆ THỐNG RỬA KÍNH	20A
11	PTO, ĐÈN LỬ	10A
12	BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ	15A

STT	Mô tả	Điện áp
13	ĐỒNG HỒ ĐO	15A
14	KHÓA CỬA	15A
15	MƠ TƠ QUẠT GIÓ, MÁY	15A
16	RADIO, ĐÈN TRẦN	15A
17	QUẠT GIẢM NÓNG (ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)	20A
18	ABS	20A
19	ĐÈN PHANH, RƠ-MOỐC	15A
20	ĐỂ TRỐNG	—
21	ĐỂ TRỐNG	—
22	PHỤ TÙNG	10A
23	PHỤ TÙNG	15A
24	PHỤ TÙNG	20A

V trí cầu chì: Model động cơ 6HK1/6NX1

Model xe có vô lăng bên trái (model xe dành cho Việt Nam)

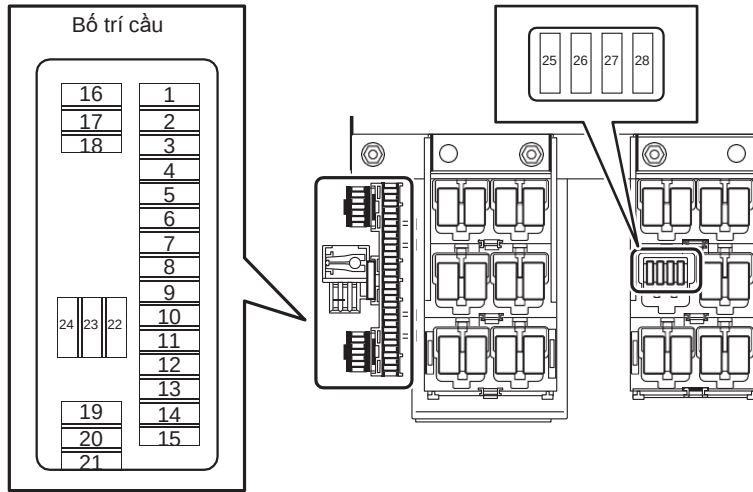


ST	Mô tả	Điện
1	CẦN GẠT MƯA VÀ HỆ THỐNG RỬA KÍNH	20A
2	PTO, ĐÈN LÙI	10A
3	SCR	10A
4	ĐÈN PHA CAO	10A
5	ĐÈN PHA THẤP	10A
6	ĐỒNG HỒ ĐO	15A
7	ĐÈN XI NHAN, ĐÈN PHANH	15A
8	ĐÈN ĐUÔI, CÒI, ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC	15A
9	SRS	10A
10	NÚM MÔI THUỐC, USB	10A
11	MOTOR QUẠT GIÓ, MÁY KHỞI ĐỘNG	15A
12	BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ	15A

ST	Mô tả	Điện
13	KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN	20A
14	RADIO, ĐÈN TRẦN	15A
15	KHÓA CỬA	15A
16	EBS	15A
17	QUẠT GIÀN NÓNG (ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)	20A
18	ABS, EBS	20A
19	ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU	10A
20	ĐỂ TRÔNG	—
21	ĐÈN PHANH, XE RƠ-MOOC	15A
22	PHỤ TÙNG	10A
23	PHỤ TÙNG	15A
24	PHỤ TÙNG	20A

Vị trí cầu chì: Model động cơ 6HK1

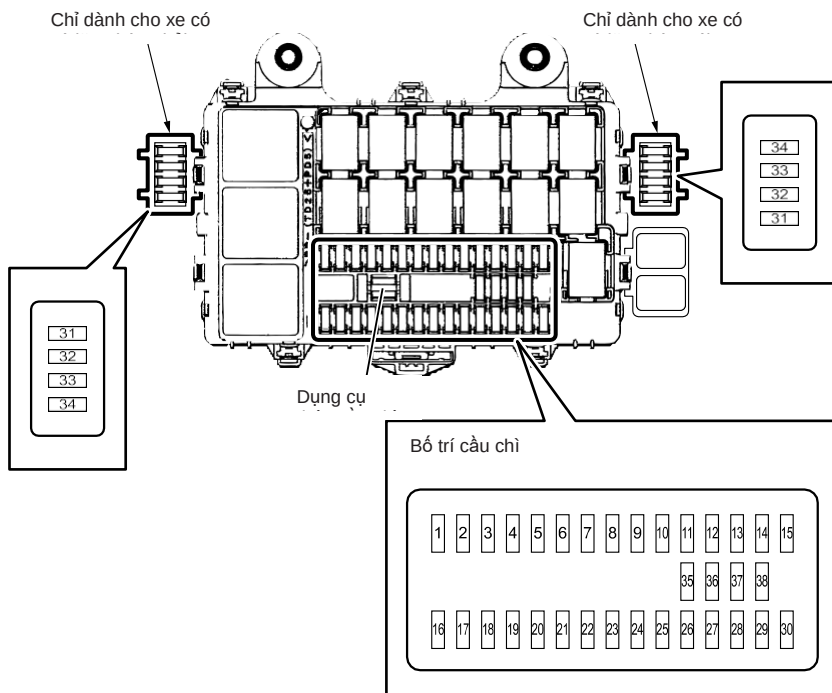
Model xe có vô lăng bên trái (model xe dành cho Philippines)



STT	Mô tả	Điện áp
1	MOTOR QUẠT GIÓ, MÁY KHÔI ĐỘNG	15A
2	KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN	20A
3	ĐÈN PHA ĐẦU XE BÊN PHỤ	10A
4	ĐÈN PHA ĐẦU XE BÊN LÁI	10A
5	ĐÈN CỐT ĐẦU XE BÊN PHỤ	10A
6	ĐÈN CỐT ĐẦU XE BÊN LÁI XE	10A
7	ĐÈN XI NHAN, ĐÈN PHANH	15A
8	CÒI	15A
9	ĐÈN ĐUÔI	10A
10	CẦN GẠT MƯA, HỆ THỐNG RỬA KÍNH	20A
11	PTO, ĐÈN LỬ	10A
12	ABS	10A
13	BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ 1	15A
14	NÚM MÔI THUỐC	10A
15	KHÓA CỬA	15A
16	RADIO, ĐÈN TRẦN	10A

STT	Mô tả	Điện áp
17	QUẠT GIÀN NÓNG (ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)	20A
18	EBS 1	15A
	ABS	25A
19	ĐÈN SƯƠNG MÙ	15A
20	ĐỒNG HỒ ĐO 1	15A
21	EBS 2	15A
22	PHỤ TÙNG	10A
23	PHỤ TÙNG	15A
24	PHỤ TÙNG	20A
25	NGUỒN ĐÁNH LỬA (RƠ LE)	10A
26	ĐỒNG HỒ ĐO 2	10A
27	BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ 2	10A
28	ĐÈN ĐẦU XE (RƠ LE)	10A

Vị trí cầu chì: Model động cơ 4HK1



Model xe có vô lăng bên phải

STT	Mô tả	Điện áp
1	BỘ RỬA ĐÈN ĐẦU XE	20A
2	HỆ THỐNG TREO KHÍ NÉN	15A
3	ĐÈN TRẦN	15A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC	10A
6	KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN	20A
7	ABS	10A
8	CẦN GẠT MƯA VÀ HỆ THỐNG RỬA KÍNH	20A
9	ĐÈN CỘT ĐẦU XE BÊN TRÁI	10A
10	HỆ THỐNG CHỐNG TRỘM	10A
11	ĐÈN CỘT ĐẦU XE BÊN PHẢI	10A
12	ĐÈN PHANH	10A
13	MÁY KHỞI ĐỘNG	10A
14	ĐÈN PHA ĐẦU XE BÊN TRÁI	10A
15	ĐÈN PHA ĐẦU XE BÊN PHẢI	10A
16	HỆ THỐNG SỬI ẤM GƯƠNG	15A
17	BỘ SẤY KHÔNG KHÍ	15A
18	PTO, ĐÈN LÙI	15A
19	SRS	10A
20	BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ	10A

STT	Mô tả	Điện áp
21	ĐỒNG HỒ ĐO	10A
22	ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU BÊN PHẢI	10A
23	GƯƠNG ĐIỀU KHIỂN TỪ XA	15A
24	NÚM MỒI THUỐC	15A
25	CÒI	15A
26	ĐÈN XI NHAN, ĐÈN BÁO	15A
27	ĐÈN ĐUÔI	10A
28	ĐÈN CHIẾU SÁNG	10A
29	ĐÈN GÓC/ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU BÊN PHẢI	10A
30	MOTOR QUẠT GIÓ	20A
31	QUẠT GIẢN NÓNG (ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)	15A
32	ĐỂ TRỐNG	—
33	KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN (SAU)	20A
34	ABS	25A
35	PHỤ TÙNG	—
36	PHỤ TÙNG	—
37	PHỤ TÙNG	—
38	PHỤ TÙNG	—

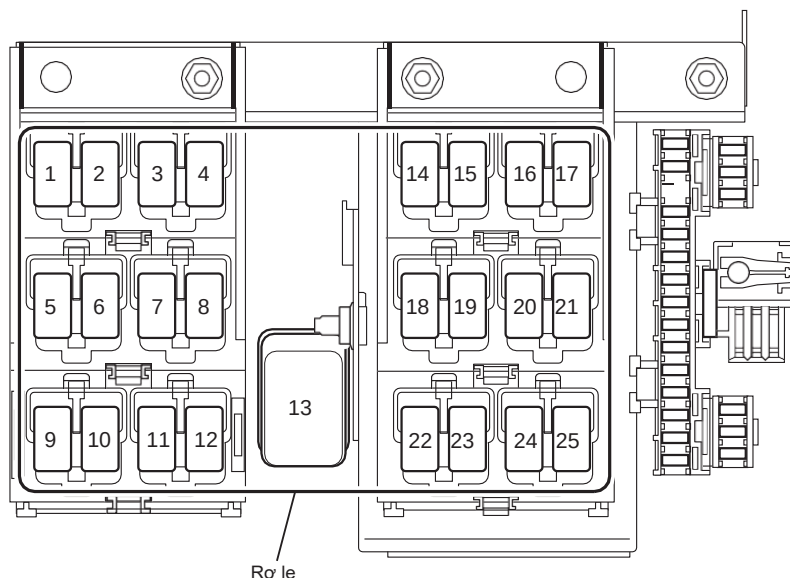
Model xe có vô lăng bên trái

STT	Mô tả	Điện áp
1	BỘ RỬA ĐÈN ĐẦU XE	20A
2	HỆ THỐNG TREO KHÍ NÉN	15A
3	ĐÈN TRẦN	15A
4	KHÓA CỬA	15A
5	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC	10A
6	KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN	20A
7	ABS	10A
8	CẦN GẠT MƯA VÀ HỆ THỐNG RỬA KÍNH	20A
9	ĐÈN ĐẦU XE BÊN TRÁI	10A
10	HỆ THỐNG CHỐNG TRỘM	10A
11	ĐÈN ĐẦU XE BÊN PHẢI	10A
12	ĐÈN PHANH	10A
13	MÁY KHỞI ĐỘNG	10A
14	ĐÈN ĐẦU XE BÊN TRÁI	10A
15	ĐÈN ĐẦU XE BÊN PHẢI	10A
16	HỆ THỐNG SỬỞI ẤM GƯƠNG	15A
17	BỘ SẤY KHÔNG KHÍ	15A
18	PTO. ĐÈN LÙI	15A
19	SRS	10A
20	BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ	10A

STT	Mô tả	Điện áp
21	ĐỒNG HỒ ĐO	10A
22	ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU BÊN PHẢI	10A
23	GƯƠNG ĐIỀU KHIỂN TỰ XA	15A
24	NÚM MÔI THUỐC	15A
25	CÒI	15A
26	ĐÈN XI NHAN, ĐÈN BÁO NGUY	15A
27	ĐÈN ĐUỐI	10A
28	ĐÈN CHIẾU SÁNG	10A
29	ĐÈN GÓC/ĐÈN SƯƠNG MÙ SAU BÊN PHẢI	10A
30	MOTOR QUẠT GIÓ	20A
31	QUẠT GIÀN NÓNG (ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)	15A
32	ĐỂ TRỐNG	—
33	ĐỂ TRỐNG	—
34	ABS	25A
35	PHỤ TÙNG	—
36	PHỤ TÙNG	—
37	PHỤ TÙNG	—
38	PHỤ TÙNG	—

Vị trí rơ le: Model động cơ 6HK1

Model xe có vô lăng bên phải (model xe dành cho Indonesia)

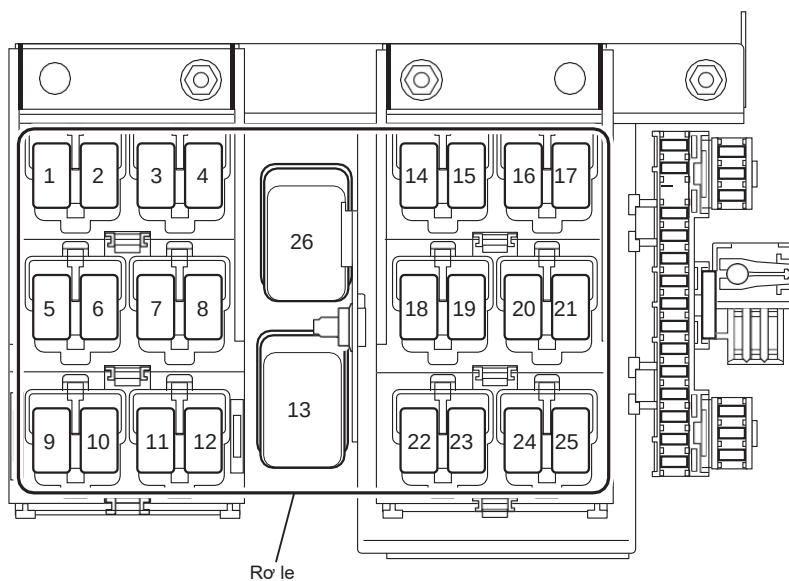


STT	Mô tả
1	PTO BÊN HÔNG
2	PTO BÊN HÔNG
3	QUẠT ĐIỀU HÒA HVAC
4	CÒI
5	CỤC CHỚP XE RƠ-MOỐC
6	ĐÈN PHANH XE RƠ-MOỐC
7	THÔNG TIN XE RƠ-MOỐC 2
8	THÔNG TIN XE RƠ-MOỐC 1
9	CẦN GẠT MƯA
10	CẦN GẠT MƯA
11	ĐỂ TRỐNG
12	ABS KHÍ
13	BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ

STT	Mô tả
14	MÁY NÉN LÀM MÁT VÀ QUẠT ĐIỀU HÒA HVAC
15	QUẠT GIÓ HVAC
16	CÔNG TẮT BẬT CẤP ĐIỆN
17	NGẮT MÁY KHỞI ĐỘNG
18	ĐÈN PHA ĐÈN ĐẦU XE
19	ĐÈN CỘT ĐÈN ĐẦU XE
20	ĐÈN PHANH
21	ĐÈN ĐUÔI
22	ĐỂ TRỐNG
23	ĐỂ TRỐNG
24	ĐỂ TRỐNG
25	ĐỂ TRỐNG

Vị trí rơ le: Model động cơ 6HK1 (loại 1)

Model xe có vô lăng bên phải (model xe dành cho Pakistan và Kenya)

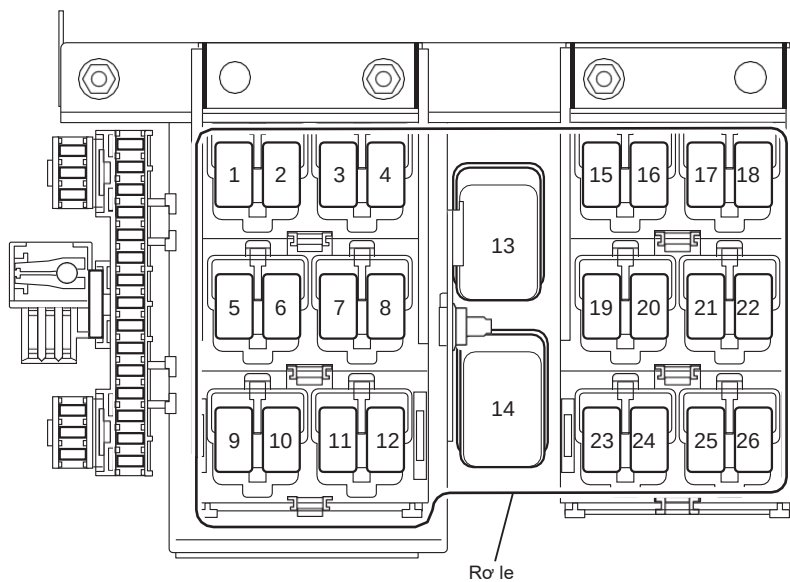


STT	Mô tả
1	CẦN GẠT MƯA
2	CẦN GẠT MƯA
3	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC (MODEL XE CÓ ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC)
4	CÒI
5	PTO BÊN HÔNG (MODEL XE CÓ
6	PTO BÊN HÔNG (MODEL XE CÓ
7	KÍNH CỬA SỐ ĐIỆN (MODEL XE CÓ KÍNH CỬA SỐ ĐIỆN)
8	QUẠT ĐIỀU HÒA HVAC (MODEL XE CÓ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)
9	ĐỂ TRỐNG
10	ĐỂ TRỐNG
11	ĐỂ TRỐNG
12	ĐỂ TRỐNG
13	BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ

STT	Mô tả
14	MÁY NÉN LÀM MÁT VÀ QUẠT ĐIỀU HÒA HVAC (MODEL XE CÓ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)
15	QUẠT GIÓ HVAC (MODEL XE CÓ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)
16	CÔNG TẮT BẬT CẤP ĐIỆN
17	NGẮT MÁY KHỞI ĐỘNG
18	ĐÈN PHA ĐÈN ĐẦU XE
19	ĐÈN CỐT ĐÈN ĐẦU XE
20	ĐÈN PHANH
21	ĐÈN ĐUÔI
22	ĐỂ TRỐNG
23	ĐỂ TRỐNG
24	ĐỂ TRỐNG
25	ĐỂ TRỐNG
26	XÔNG MÁY

Vị trí rơ le: Model động cơ 6HK1/6NX1

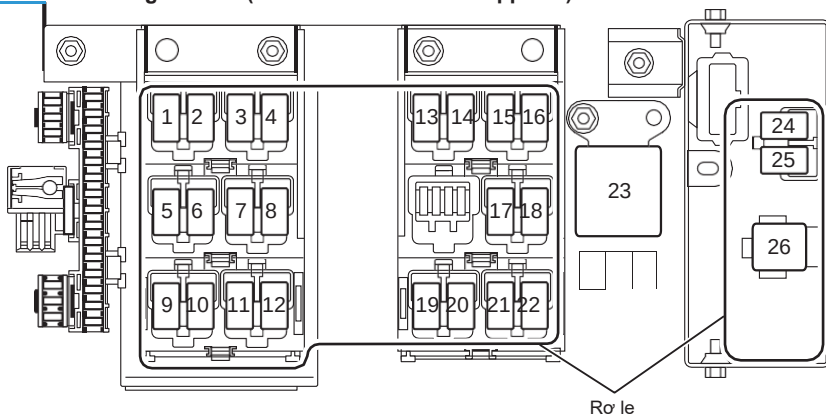
Model xe có vô lăng bên trái (model xe dành cho Việt Nam)



STT	Mô tả	STT	Mô tả
1	MÁY NÉN LẠM MÁT VÀ QUẠT ĐIỀU HÒA HVAC (MODEL XE CÓ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)	16	CẦN GẠT MƯA
2	QUẠT GIÓ HVAC (MODEL XE CÓ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)	17	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC (MODEL XE CÓ ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC)
3	CÔNG TẮT BẬT CẤP ĐIỆN	18	CÒI
4	MÁY KHỞI ĐỘNG	19	PTO BÊN HÔNG (MODEL XE CÓ PTO)
5	ĐÈN PHA ĐÈN ĐẦU XE	20	PTO BÊN HÔNG (MODEL XE CÓ
6	ĐÈN CỐT ĐÈN ĐẦU XE	21	KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN (MODEL XE CÓ KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN)
7	ĐÈN PHANH	22	QUẠT ĐIỀU HÒA HVAC (MODEL XE CÓ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)
8	ĐÈN ĐUÔI	23	HỆ THỐNG NÂNG CABIN ĐIỆN (MODEL XE CÓ HỆ THỐNG NÂNG CABIN ĐIỆN)
9	ĐỂ TRỐNG	24	HỆ THỐNG NÂNG CABIN ĐIỆN (MODEL XE CÓ HỆ THỐNG NÂNG CABIN ĐIỆN)
10	ĐỂ TRỐNG	25	ĐỂ TRỐNG
11	ĐỂ TRỐNG	26	ĐỂ TRỐNG
12	ĐỂ TRỐNG		
13	BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ		
14	XÔNG MÁY		
15	CẦN GẠT MƯA		

Vị trí rơ le: Model động cơ 6HK1

Model xe có vô lăng bên trái (Model xe dành cho Philippines)

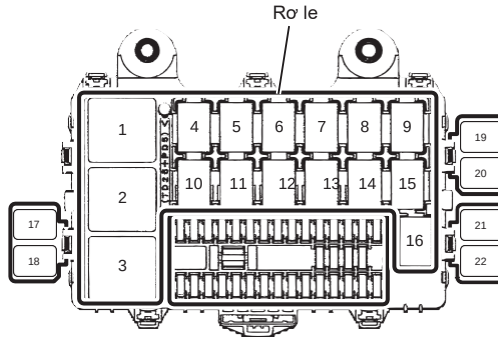


STT	Mô tả
1	KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN
2	ĐÈ TRỐNG
3	ĐÈN PHANH
4	ĐÈN ĐUÔI
5	MÁY NÉN LÀM MÁY VÀ QUẠT ĐIỀU
6	QUẠT GIÓ HVAC
7	NGẮT MÁY KHỞI ĐỘNG
8	QUẠT ĐIỀU HÒA HVAC
9	ĐÈ TRỐNG
10	ĐÈ TRỐNG
11	CÔNG TẮT BẬT CẤP ĐIỆN
12	ĐÈ TRỐNG
13	CẦN GẠT MƯA

STT	Mô tả
14	CẦN GẠT MƯA
15	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC
16	CÒI
17	ĐÈN PHA ĐÈN ĐẦU XE
18	ĐÈN CỘT ĐÈN ĐẦU XE
19	PTO BÊN HÔNG
20	PTO BÊN HÔNG
21	ABS KHÍ
22	ĐÈ TRỐNG
23	ĐÈ TRỐNG
24	ĐÈ TRỐNG
25	ĐÈ TRỐNG
26	BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ

Vị trí rơ le: Model động cơ 4HK1

Model xe có vô lăng bên phải (**Model xe** dành cho Indonesia)

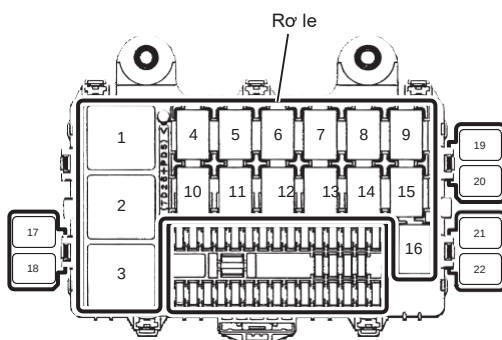


STT	Mô tả
1	ĐÈN PHANH
2	MOTOR QUẠT GIÓ
3	NÚT BẬT NGUỒN
4	ĐÈ TRỐNG
5	ĐÈ TRỐNG
6	MẠCH CHÍNH GẠT MƯA
7	CÒI
8	GẠT MƯA (CAO/THẤP)
9	ĐÈ TRỐNG
10	ĐÈ TRỐNG
11	ĐÈ TRỐNG
12	ĐÈ TRỐNG

STT	Mô tả
13	ĐÈN ĐẦU XE (THẤP)
14	ĐÈ TRỐNG
15	ĐÈN ĐẦU XE (CAO)
16	ĐÈN ĐUÔI
17	ĐÈ TRỐNG
18	QUẠT GIẢM NÓNG (MODEL XE CÓ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)
19	ĐÁNH LỬA
20	PHỤ KIỆN
21	NGẮT PTO (MODEL XE CÓ PTO)
22	PTO MẠCH CHÍNH (MODEL XE CÓ PTO)

Vị trí rơ le: Model động cơ 4HK1

Model xe có vô lăng bên phải (Model xe dành cho Pakistan và Kenya)

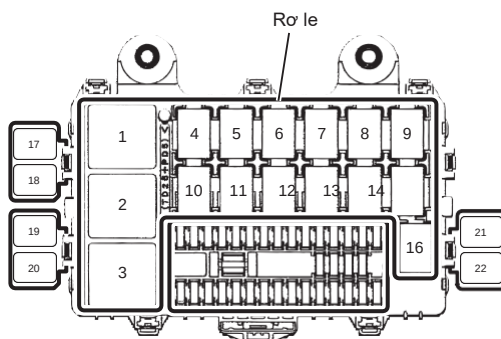


STT	Mô tả
1	ĐÈN PHANH
2	MOTOR QUẠT GIÓ
3	NÚT BẬT NGUỒN
4	ĐÈ TRỐNG
5	ĐÈ TRỐNG
6	MẠCH CHÍNH GẠT MƯA
7	CÒI
8	GẠT MƯA (CAO/THẤP)
9	ĐÈN SƯƠNG MÙ (MODEL XE CÓ ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC)
10	ĐÈ TRỐNG
11	ĐÈ TRỐNG

STT	Mô tả
12	KÍNH CỬA SỐ ĐIỆN (MODEL XE CÓ KÍNH CỬA SỐ ĐIỆN)
13	ĐÈN ĐẦU XE (THẤP)
14	ĐÈ TRỐNG
15	ĐÈN ĐẦU XE (CAO)
16	ĐÈN ĐUÔI
17	PTO MẠCH CHÍNH (MODEL XE CÓ
18	QUẠT GIÀN NÓNG (MODEL XE CÓ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)
19	ĐÁNH LỬA
20	PHỤ KIỆN
21	ĐÈ TRỐNG
22	NGẮT PTO (MODEL XE CÓ PTO)

Vị trí rơ le: Model động cơ 4HK1

Model xe có vô lăng bên trái (Model xe dành cho Việt Nam)

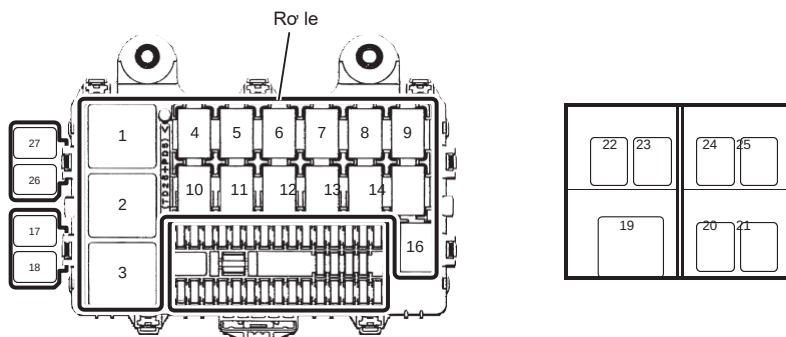


STT	Mô tả
1	ĐÈN PHANH
2	MOTOR QUẠT GIÓ
3	NÚT BẬT NGUỒN
4	ĐỂ TRỐNG
5	ĐỂ TRỐNG
6	MẠCH CHÍNH GẠT MƯA
7	CÒI
8	GẠT MƯA (CAO/THẤP)
9	ĐÈN SƯƠNG MÙ (MODEL XE CÓ ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC)
10	ĐỂ TRỐNG
11	ĐỂ TRỐNG

STT	Mô tả
12	KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN (MODEL XE CÓ KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN)
13	ĐÈN ĐẦU XE (THẤP)
14	ĐỂ TRỐNG
15	ĐÈN ĐẦU XE (CAO)
16	ĐÈN ĐUÔI
17	PHỤ KIỆN
18	ĐÁNH LỬA
19	NGẮT PTO (MODEL XE CÓ PTO)
20	ĐỂ TRỐNG
21	QUẠT GIẢI NÓNG (MODEL XE CÓ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)
22	PTO MẠCH CHÍNH (MODEL XE CÓ PTO)

Vị trí rơ le: Model động cơ 4HK1

Model xe có vô lăng bên trái (Model xe dành cho Philippines)

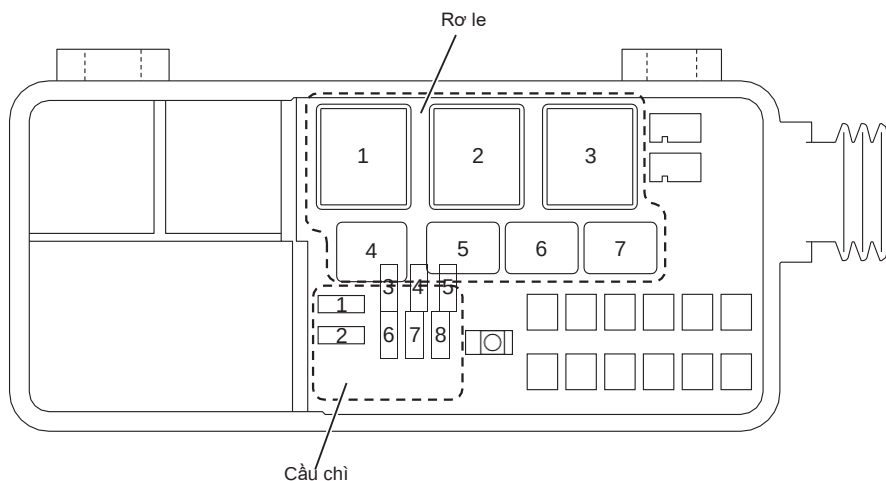


STT	Mô tả
1	ĐÈN PHANH
2	MOTOR QUẠT GIÓ
3	NÚT ON
4	KHÓA CỬA (KHÓA)
5	ĐÈ TRỐNG
6	MẠCH CHÍNH GẠT MƯA
7	CÒI
8	GẠT MƯA (CAO/THẤP)
9	ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC (MODEL XE CÓ ĐÈN SƯƠNG MÙ TRƯỚC)
10	ĐÈ TRỐNG
11	KHÓA CỬA (KHÔNG KHÓA)
12	KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN (MODEL XE CÓ KÍNH CỬA SỔ ĐIỆN)
13	ĐÈN ĐẦU XE (THẤP)
14	ĐÈ TRỐNG
15	ĐÈN ĐẦU XE (CAO)

STT	Mô tả
16	ĐÈN ĐUÔI
17	ĐÈ TRỐNG
18	ĐÈ TRỐNG
19	ĐÈ TRỐNG
20	ĐÈ TRỐNG
21	HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN PHANH KHÍ XẢ (MODEL XE CÓ ABS KHÍ)
22	PTO MẠCH CHÍNH (MODEL XE CÓ
23	QUẠT GIÀN NÓNG (MODEL XE CÓ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ)
24	NGẮT PTO (MODEL HỘP SỐ SÀN CÓ PTO, KHÔNG CÓ SMOOTHER)
25	ĐÈ TRỐNG
26	ĐÁNH LỬA
27	PHỤ KIỆN

Vị trí cầu chì và rơ le (Ngoại thất cabin)

Model động cơ 4HK1



STT	Tên rơ le
1	MÁY KHỞI ĐỘNG
2	ECM MẠCH CHÍNH
3	XÔNG MÁY
4	LY HỢP TỰ
5	ĐỂ TRỐNG
6	NGẮT MÁY KHỞI ĐỘNG
7	ĐỂ TRỐNG

STT	Tên cầu chì	Điện áp
1	NGUỒN ĐIỆN	15A
2	ĐỂ TRỐNG	—
3	ECM MẠCH CHÍNH	15A
4	ĐỂ TRỐNG	—
5	ĐỂ TRỐNG	—
6	ĐỂ TRỐNG	—
7	A/C	10A
8	ĐỂ TRỐNG	—

Tùy thuộc vào thiết bị được lắp đặt hoặc điểm đến hoặc model xe, cầu chì hoặc rơ le có thể không được lắp ở vị trí có tên cầu chì hoặc rơ le được hiển thị trong bảng.



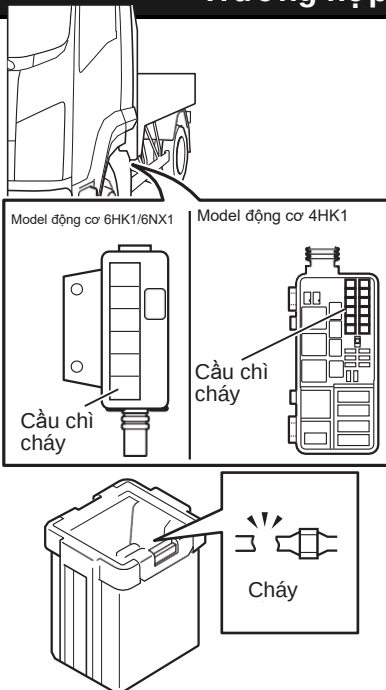
LƯU Ý

- Model động cơ 6HK1/6NX1 chỉ được lắp cầu chì cháy chậm.

Khi cầu chì cháy chậm cháy

→ Tham khảo trang 8-66

Trường hợp cầu chì cháy chậm cháy



Cầu chì cháy chậm bảo vệ các mạch điện và được lắp để có thể thay nhanh nếu gặp sự cố.

Nếu có hiện tượng ác quy trong mạch quá tải, cầu chì cháy chậm sẽ cháy trước khi bộ dây bị hỏng để bảo vệ mạch điện.

Kiểm tra

Khi đèn đầu xe và các thiết bị khác trong hệ thống điện không hoạt động, nhưng cầu chì không có vấn đề gì, kiểm tra cầu chì cháy chậm.

Cầu chì cháy chậm bị nổ nếu có tình trạng giống như hình minh họa bên trái.

Liên hệ ngay với Đại lý Isuzu gần nhất.

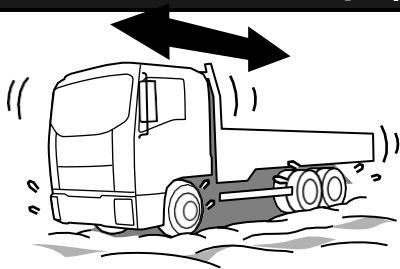


CẢNH BÁO

- Luôn sử dụng cầu chì do Isuzu quy định khi thay cầu chì cháy chậm. Sử dụng cầu chì có điện áp khác với quy định hoặc sử dụng dây hoặc lá thiếc, v.v., có thể dẫn đến hỏa hoạn hoặc hư hại.
- Nếu cầu chì mới cháy ngay mà không rõ nguyên nhân, liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.
- Không kiểm tra hoặc thay cầu chì khi Công tắc khởi động ở vị trí "BẬT" hoặc khi HSA đang hoạt động trong khi đỗ hoặc dừng. Làm như vậy có thể dẫn đến tai nạn.
- Khi kiểm tra cầu chì, đảm bảo đỗ xe ở khu đất bằng phẳng và chêm các bánh xe.

**KHUYẾN CÁO**

- Không cần thiết phải mở hoặc đóng nắp trừ khi phát hiện sự cố.
- Kết cấu hộp rơ le làm cho nước khó lọt vào. Tuy nhiên, nếu bạn làm đổ nước hoặc đồ uống lên nắp, lau sạch trước khi mở nắp.
- Khu vực xung quanh nắp sẽ nóng lên khi xe đang chạy, nhưng điều này đều hết sức bình thường.

Trường hợp lái trên đường xấu

Nhấn bàn đạp ga sẽ khiến xe lún sâu trong bùn hơn và khó thoát ra hơn.

Chèn đá, cành cây hoặc chặn dưới lốp xe để tăng độ bám đường hoặc liên tục tiến và lùi để tận dụng đà của xe nhằm thoát ra.

Khi kéo xe

Để di chuyển một chiếc xe bị hỏng, tốt nhất bạn nên tìm đến một chuyên gia trong lĩnh vực kinh doanh xe tải hoặc xe kéo. Nếu không, làm theo quy trình sau.

Khi kéo xe, dùng thiết bị thích hợp và tuân thủ các yêu cầu pháp lý của địa phương. Không cố khởi động động cơ bằng cách kéo hoặc đẩy xe.

**CẢNH BÁO**

- Đảm bảo chêm các bánh xe khi ngắt trục các-đăng. Xe có thể bắt đầu di chuyển và gây tai nạn nghiêm trọng.

**THẬN TRỌNG**

- Đối với các kiểu hộp số sàn MZZ và MZW, đặt cần sang số ở vị trí "N" và kéo trong khoảng cách tối đa 10 km (6,2 dặm) với tốc độ dưới 40 km/h (25 MPH). Ngoài ra, ngắt trục các đăng khi kéo để tránh làm hỏng hộp số.
- Đối với xe có hệ thống Smoother, đặt cần sang số ở vị trí "N" và đảm bảo đèn chỉ báo chuyển số hiển thị "N". Kéo xe trong khoảng cách tối đa 10 km (6,2 dặm) với tốc độ dưới 40 km/h (25 MPH).
Khi đèn chỉ báo chuyển số không hiển thị "N" hoặc ngoài các trường hợp trên, ngắt trục các đăng khi kéo để tránh làm hỏng hộp số.
- Kéo xe đã khởi động động cơ khi có thể. Nếu chưa khởi động động cơ:
 - Phan sẽ không hiệu quả;
 - Khó xoay vô lăng;
 - Không thể di chuyển vô lăng có thể do bị khóa. Điều này cực kỳ nguy hiểm.
(Khi tháo công tắc máy.)

Kéo xe có hộp số model ES11109



Tham khảo trang 8-72

Kéo xe có hộp số model ES9306A



Tham khảo trang 8-73

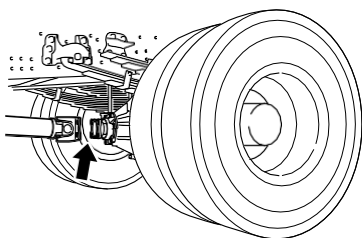
Kéo về phía trước (Tất cả bánh xe chạm đất hoặc bánh trước không chạm đất)

Khi có thể vận hành vô lăng, có thể kéo xe với tất cả các bánh trên mặt đất.

Nếu không khởi động được động cơ, hệ thống trợ lực lái không hoạt động, gây khó khăn cho việc đánh lái. Ngoài ra, khi áp suất khí thấp, phanh sẽ không hoạt động. Lắp thanh kéo giữa xe kéo và xe không hoạt động hoặc dùng xe đầu kéo để di chuyển xe không hoạt động.

Nhà phanh lò xo bằng tay đối với các xe có phanh tay bánh xe.

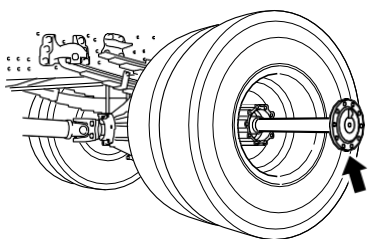
Ngắt trực các-đăng khi cầu sau và gắn trực các-đăng vào khung.



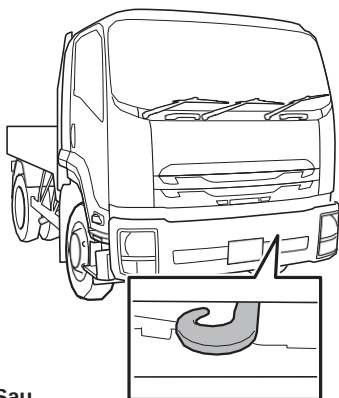
CẢNH BÁO

- Đảm bảo chêm các bánh xe bằng gỗ chêm trước khi ngắt trực các-đăng. Nếu không, có thể dẫn đến tai nạn nghiêm trọng. Xe sẽ bắt đầu di chuyển khi ngắt trực các-đăng.

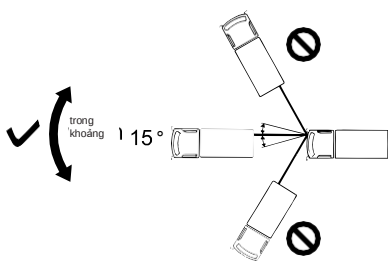
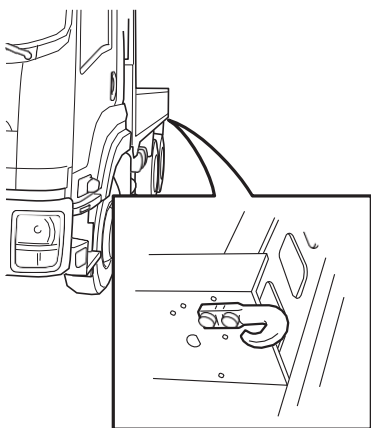
Nếu cầu sau hỏng hoặc nghi ngờ bị hỏng, tháo trực cầu xe và bịt miệng moay-ơ để ngăn nhớt hộp số vi sai bị rò rỉ hay để ngăn bụi bẩn hoặc tạp chất lọt vào trục.



Trước



Sau



1. Nếu xe đang kéo hoặc được kéo, buộc chắc dây vào phía trước hoặc phía sau móc kéo ở cùng một phía.
2. Trong khi kéo, cẩn thận xem đèn phanh của xe kéo để tránh dây bị trùng. Đảm bảo xe không chịu va chạm mạnh hoặc lực tác động theo phương ngang. Tải trọng kéo quá mức có thể làm hỏng móc kéo.

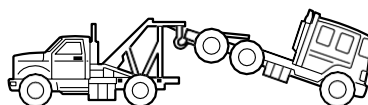
**THẬN TRỌNG**

- Không kéo xe với góc lớn hơn 15°. Điều này có thể gây áp lực quá lớn lên xe và làm hỏng xe.
- Chỉ buộc dây vào móc kéo. Buộc dây vào bất kỳ bộ phận nào khác có thể làm hỏng bộ phận đó.
- Đảm bảo không có người nào ở gần dây kéo và móc trước khi kéo xe. Vì người đó có thể bị thương nếu dây bị đứt.
- Sử dụng móc kéo để kéo xe có tải trọng tương đương với xe kéo trên đường có điều kiện tốt.
- Khi đến kênh hoặc khu vực có bùn, dỡ tải khỏi xe. Không sử dụng móc kéo để kéo, kéo bằng dây được buộc vào cầu xe.
- Đối với các xe có hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA), hủy HSA bằng cách nhấn công tắc tắt HSA

Nếu không nhà
được phanh tay ☒

→ Tham khảo trang 8-27

Công tắt TẮT HSA → Tham khảo trang 4-92

**Khi kéo từ bánh sau (Bánh sau không chạm đất)**

Cố định vô lăng ở vị trí thẳng về phía trước.

**KHUYẾN CÁO**

[Liên hệ chuyên gia về xe đầu kéo trong các trường hợp này]

- Khi xe đi xuống những con dốc dài (Hệ thống phanh có thể quá nhiệt và hoạt động không hiệu quả)
- Khi bộ truyền động hoặc bộ vi sai bị lỗi
- Khi xe bị hỏng trên đường cao tốc



Kéo xe có hộp số model ES11109

V

Kéo xe

Ngắt lực truyền động từ cầu sau đến hộp số. Nếu xe được kéo mà không ngắt lực truyền động, sẽ xảy ra hiện tượng bôi trơn không đủ trong hộp số, dẫn đến hư tổn như kẹt máy do ma sát.

Lái xe xuống dốc (Lái xe khi cần sang số ở vị trí trung gian)

Sẽ xảy ra hiện tượng bôi trơn không đủ trong hộp số, dẫn đến hư tổn như kẹt máy do ma sát.

Cách phòng tránh

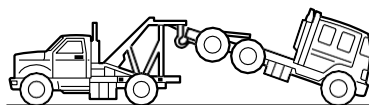
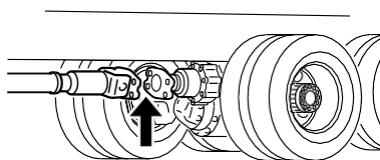
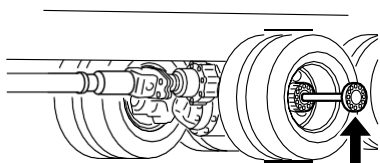
1. Trong mọi trường hợp, không lái xe xuống dốc khi hộp số ở vị trí trung gian.
2. Không lái xe xuống dốc khi nhả ly hợp.
3. Kéo xe sau khi tháo trục cầu xe, ngắt trục các-đăng hoặc các bánh dẫn động không chạm đất.

**CẢNH BÁO**

- Đảm bảo chêm các bánh xe bằng gỗ chêm trước khi ngắt trục các-đăng. Nếu không, có thể dẫn đến tai nạn nghiêm trọng vì xe sẽ bắt đầu di chuyển khi ngắt trục các-đăng.

**THẬN TRỌNG**

- Nếu phải kéo xe, sử dụng xe đầu kéo để giữ bánh sau của xe bạn không chạm đất hoặc tháo trục các-đăng khỏi xe của bạn. Không thực hiện điều này sẽ làm hỏng hộp số.



Kéo xe có hộp số model ES9306A

V

Hộp số Eaton đòi hỏi trục trung gian quay để cung cấp đủ nhớt bôi trơn.

Trục trung gian không quay khi xe đang được kéo với bánh sau trên mặt đất và nối với hệ thống truyền động.

Tuy nhiên, bánh sau truyền động cho trục chính với tốc độ cao.

Xuống dốc khi hộp số ở vị trí trung gian sẽ gây ra ma sát giữa trục chính và vòng bi đĩa kim do thiếu dầu bôi trơn và tốc độ quay quá chênh lệch, làm hỏng bộ truyền động nghiêm trọng.

Cách phòng tránh

1. Trong mọi trường hợp, không lái xe xuống dốc khi hộp số ở vị trí trung gian.
2. Không lái xe xuống dốc khi nhả ly hợp.
3. Kéo xe sau khi tháo trục cầu xe, ngắt trục các đăng hoặc các bánh dẫn động không chạm đất.



• Dữ liệu chính và thông số kỹ thuật	9-2
• Khác	9-22

Dữ liệu chính và thông số kỹ thuật

Động cơ

Model 6HK1

Thông số kỹ thuật		
Động cơ làm mát bằng nước, trục cam, phun trực tiếp có turbo tăng áp bộ làm mát khí nạp		
Tỷ số nén	(đến 1)	16,5
Dung tích	cc (inch khối)	7.790 (475,3)
Thứ tự đánh lửa		1-5-3-6-2-4
Thời gian phun nhiên liệu	độ (tính điện)	0°
Khe hở xupap	mm (in)	Cả van nạp và van xả: 0,4 (0,016) trong động cơ lạnh
Tốc độ không tải	vòng/phút	500 - 550
Độ căng dây đai quạt	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 4,5 - 5,3 (0,18 - 0,21)/191 - 209 Khi tái sử dụng: 6,4 - 7,0 (0,25 - 0,28)/162 - 172
Độ căng dây đai máy nén điều hòa không khí	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 10 - 13 (0,39 - 0,51)/115 - 141 Khi tái sử dụng: 13,1 - 15,1 (0,52 - 0,59)/101 - 115
Bộ lọc nhớt		Loại phin lọc
Dung tích nhớt động cơ [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		19,5 (5,15/4,29) bao gồm 3,0 (0,79/0,66) trong bộ lọc và 16,5 (4,36/3,63) trong các-te nhớt.
Dung tích nước làm mát động cơ [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		30,2 (7,98/6,64)
Hệ thống xông trước		V Buggy xông máy

Model 6NX1

Thông số kỹ thuật		
Động cơ làm mát bằng nước, trực cam, phun trực tiếp có turbo tăng áp bộ làm mát khí nạp		
Tỷ số nén	(đến 1)	16,5
Dung tích	cc (inch khối)	7.790 (475,3)
Thứ tự đánh lửa		1-5-3-6-2-4
Thời gian phun nhiên liệu	độ (tính điện)	0°
Khe hở xupap	mm (in)	Van nạp: 0,3 (0,012) và van xả: 0,4 (0,016) trong động cơ lạnh
Tốc độ không tải	vòng/phút	525
Độ căng dây đai quạt	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 4,6 - 5,4 (0,18 - 0,21) / 186 - 204 Khí tái sử dụng: 6,4 - 7,1 (0,25 - 0,28) / 158 - 168
Độ căng dây đai máy nén điều hòa không khí	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 10,0 - 13,0 (0,39 - 0,51) / 115 - 141 Khí tái sử dụng: 13,1 - 15,1 (0,52 - 0,59) / 101 - 115
Bộ lọc nhớt		Loại giấy lọc
Dung tích nhớt động cơ [Giá trị tham chiếu lít (ga-lông Mỹ)/ga-lông Anh]		19,5 (5,15/4,29) bao gồm 3,0 (0,79/0,66) trong bộ lọc và 16,5 (4,36/3,63) trong các-te nhớt.
Dung tích nước làm mát động cơ [Giá trị tham chiếu lít (ga-lông Mỹ)/ga-lông Anh]		29,1 (7,69/6,4)

Model 4HK1

Thông số kỹ thuật		
Động cơ làm mát bằng nước, trực cam, phun trực tiếp có turbo tăng áp bộ làm mát khí nạp		
Tỷ số nén	(đến 1)	17,5
Dung tích	cc (inch khối)	5.193 (316,9)
Thứ tự đánh lửa		1-3-4-2
Thời gian phun nhiên liệu	độ (tính điện)	0°
Khe hở xupap	mm (in)	Cả van nạp và van xả: 0,4 (0,016) trong động cơ lạnh
Tốc độ không tải	vòng/phút	550 - 600
Độ căng dây đai quạt	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 4,9 - 5,9 (0,19 - 0,23) / 208 - 232 Khí tái sử dụng: 6,9 - 7,7 (0,27 - 0,30) / 178 - 190
Độ căng dây đai máy nén điều hòa không khí	mm (in)/Hz	Dây đai mới: 18,6 - 23,6 (0,73 - 0,93) / 59 - 73 Khí tái sử dụng: 24,1 - 27,5 (0,95 - 1,08) / 51 - 59
Bộ lọc nhớt		Loại hộp lọc
Dung tích nhớt động cơ [Giá trị tham chiếu lít (ga-lông Mỹ)/ga-lông Anh]		10,5 (2,77/2,31) bao gồm 1,0 (0,26/0,22) trong bộ lọc và 9,5 (2,51/2,09)
Dung tích nước làm mát động cơ [Giá trị tham chiếu lít (ga-lông Mỹ)/ga-lông Anh]		19,0 (5,02/4,18)
Hệ thống xông trước		V Bụi xông máy

Hộp số

Model MZZ6W

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 6 cấp (số tốc độ cao cho số 6), đồng tốc cho số 2 đến 6		
Tỷ số truyền (đến 1)	Số 1	6,369
	Số 2	3,767
	Số 3	2,385
	Số 4	1,442
	Số 5	1,000
	Số 6	0,720
	Vòng quay	6,369
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		Model không có PTO: 4,4 (1,16/ 0,97)
		Model có PTO: 5,3 (1,40/ 1,17)

Model MZZ6N (Smoother)

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 6 cấp (số tốc độ cao cho số 6), đồng tốc cho số 2 đến 6		
Tỷ số truyền (đến 1)	Số 1	6,369
	Số 2	3,767
	Số 3	2,234
	Số 4	1,442
	Số 5	1,000
	Số 6	0,720
	Vòng quay	6,369
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		Model không có PTO: 4,4 (1,16/ 0,97)
		Model có PTO: 5,3 (1,40/ 1,17)
Dung tích dầu ly hợp Smoother [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		2,0 (0,53/ 0,44)
Tổng dung tích nhớt		Model động cơ 4HK1: 8,25 (2,18/ 1,82)

Model MZW6P (M/T)

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 6 cấp (số tốc độ cao cho số 6), đồng tốc cho số 2 đến 6		
Tỷ số truyền (đến 1)	Số 1	6,615
	Số 2	4,095
	Số 3	2,358
	Số 4	1,531
	Số 5	1,000
	Số 6	0,722
	Vòng quay	6,615
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	Model không có PTO: 5,3 (1,40/ 1,17)	
	Model có PTO: 6,0 (1,59/ 1,32)	

Model MZW6P (Smoother)

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 6 cấp (số tốc độ cao cho số 6), đồng tốc cho số 2 đến 6		
Tỷ số truyền (đến 1)	Số 1	6,615
	Số 2	4,095
	Số 3	2,358
	Số 4	1,531
	Số 5	1,000
	Số 6	0,722
	Vòng quay	6,615
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	Model không có PTO: 5,3 (1,40/ 1,17)	
	Model có PTO: 6,0 (1,59/ 1,32)	
Dung tích dầu ly hợp Smoother [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	2,0 (0,53/ 0,44)	
	Tổng dung tích nhớt	Model động cơ 6HK1: 8,40 (2,22/ 1,85)

Model ES11109

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 9 cấp (số tốc độ cao cho số 8), đồng tốc cho số 1 đến 8		
Tỷ số truyền (đến 1)	Cực thấp	12,637
	Số 1	8,806
	Số 2	6,550
	Số 3	4,768
	Số 4	3,548
	Số 5	2,481
	Số 6	1,845
	Số 7	1,343
	Số 8	1,000
	Vòng quay	13,210
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	Model không có PTO: 8,5 (2,25/1,87)	
	Model có PTO: 9,4 (2,48/2,07)	

Model ES9306A

Thông số kỹ thuật		
Hộp số 6 cấp (số tốc độ cao cho số 6), đồng tốc cho số 1 đến 6		
Tỷ số truyền (đến 1)	Số 1	9,008
	Số 2	5,270
	Số 3	3,217
	Số 4	2,032
	Số 5	1,361
	Số 6	1,000
	Vòng quay	8,625
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	Model không có PTO: 9,2 (2,43/2,02)	
	Model có PTO: 11,2 (2,96/2,46)	



Thông số kỹ thuật bảo trì

Model FRR

Động	
Model	☐ 4HK1-TCC ☐ 4HK1-TCS
Dung tích nhớt động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-3
Dung tích nước làm mát động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-3

Hộp số	
Model	☐ MZZ6W, ☐ MZZ6N (Smoother) ☐ MZW6P
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu]	☐ Tham khảo trang 9-4, 9-5

Ly hợp			
Độ rơ của bàn đạp ly hợp	mm (in)	Xe số sàn MZZ	60 - 80 (2,36 - 3,15)
		Ngoài trừ xe số sàn MZZ	40 - 60 (1,57 - 2,36)
Khoảng cách từ vị trí nhấn hết cỡ đến vị trí ngay trước khi cài ly hợp	mm (in)	60 (2,36) hoặc hơn	

Cầu trước		
Loại	F036	
Cân chỉnh góc đặt bánh xe: Độ chum dương mm (in)	-1 đến 1 (-0,04 đến 0,04)	
: Góc camber độ	0°30'	
: Góc caster độ	2°	
: Trục quay độ	8°	
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh trước [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	0,64 × 2 (1,41 × 2)	

Cầu sau	
Loại	R077
Dung tích nhớt hộp số vi sai [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	13,5 inch: 5,5 (1,45/ 1,21) 14,5 inch: 6,5 (1,72/ 1,43)
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh sau [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 6 bu lông: 0,45 × 2 (0,99 × 2)

Thiết bị lái		
Độ rơ của vô lăng	mm (in)	10 - 60 (0,39 - 2,36)
Dung tích dầu trợ lực lái [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		3,0 (0,79/0,66)

Phanh chân		
Loại		Mạch kép, khí nén - thủy lực
Độ rơ của phanh ly hợp	mm (in)	10 - 18 (0,39 - 0,71)

Phanh tay		
Loại		Cơ cấu bên trong mở rộng ở phía sau hộp số
Hành trình cần phanh tay (Model có phanh tay trung tâm)	khắc	Chịu lực kéo khoảng 294N (30,0 kgf/ 66lb): 3 - 8

Nhiên liệu		
Dung tích bình nhiên liệu [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		100 (26,4/22,0) 200 (52,8/44,0)

Hệ thống điện		
Loại ắc quy	☐ 65D23L ☐ 65D26R, ☐ 80D26L, ☐ 115E41L	
Máy phát	vôn/amp	☐ 24/50, ☐ 24/60

Model FTR

Động cơ	
Model	4HK1-TCS
Dung tích nhớt động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-3
Dung tích nước làm mát động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-3

Hộp số	
Model	MZW6P
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-5

Ly hợp	
Độ rơ của bàn đạp ly hợp mm (in)	40 - 60 (1,57 - 2,36)
Khoảng cách từ vị trí nhấn hết cỡ đến vị trí ngay trước khi cài ly hợp mm (in)	60 (2,36) hoặc hơn

Cầu trước	
Loại	F063
Cân chỉnh góc đặt bánh xe: Độ chum dương mm	-1 đến 1 (-0,04 đến 0,04)
: Góc camber độ	0°30'
: Góc caster độ	2°
: Trục quay độ	7°30'
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh trước [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 8 bu lông: 0,505 × 2 (1,11 × 2) Bánh xe JIS có 10 bu lông: 0,345 × 2 (0,76 × 2)

Cầu sau	
Loại	R092
Dung tích nhớt ly vi sai bánh răng [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	9,0 (2,38/1,98)
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh sau [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 8 bu lông: 1,015 × 2 (2,238 × 2) Bánh xe JIS có 10 bu lông: 1,820 × 2 (4,013 × 2)

Thiết bị lái		
Độ rơ của vô lăng	mm (in)	10 - 60 (0,39 - 2,36)
Dung tích dầu trợ lực lái [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		3,0 (0,79/0,66)

Phanh chân		
Loại		Mạch kép, khí nén - thủy lực
Độ rơ của phanh ly hợp	mm (in)	10 - 18 (0,39 - 0,71)

Phanh tay		
Loại		Cơ cấu bên trong mở rộng ở phía sau hộp số
Hành trình cần phanh tay (Model có phanh tay trung tâm)	khắc	Chịu lực kéo khoảng 294N (30,0 kgf/ 66lb): 3 - 8

Nhiên liệu		
Dung tích bình nhiên liệu [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		200 (52,8/44,0)

Hệ thống điện		
Loại ắc quy		☐ 65D23L ☐ 65D26R, ☐ 80D26L, ☐ 115E41L
Máy phát	vôn/amp	☐ 24 / 50, ☐ 24 / 60

Model FVR

Động	
Model	☒ 6HK1-TCS ☒ 6HK1-TCN
Dung tích nhớt động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-2
Dung tích nước làm mát động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-2

Hộp số	
Model	MZW6P ES9306A
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-5, 9-6

Ly hợp	
Độ rơ của bàn đạp ly hợp mm (in)	40 - 60 (1,57 - 2,36)
Khoảng cách từ vị trí nhấn hết cỡ đến vị trí ngay trước khi cài ly hợp mm (in)	60 (2,36) hoặc hơn

Cầu trước	
Loại	F075
Cân chỉnh góc đặt bánh xe: Độ chum dương mm (in)	-1 đến 1 (-0,04 đến 0,04)
: Góc camber độ	0°30'
: Góc caster độ	2°
: Trục quay độ	7°30'
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh trước [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 10 bu lông: 0,805 × 2 (1,77 × 2)

Cầu sau	
Loại	☒ R105 ☒ R130
Dung tích nhớt ly vị sai bánh răng [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	16,5 inch/17,5 inch: 14,0 (3,70/3,08) 18,5 inch: 18,0 (4,76/3,96)
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh sau [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 10 bu lông: 1,820 × 2 (4,013 × 2)

Thiết bị lái		
Độ rơ của vô lăng	mm (in)	10 - 60 (0,39 - 2,36)
Dung tích dầu trợ lực lái [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		3,0 (0,79/0,66)

Phanh chân		
Loại		Mạch kép, khí nén - thủy lực Mạch kép khí nén toàn phần
Độ rơ của phanh ly hợp	mm (in)	10 - 18 (0,39 - 0,71)

Phanh tay		
Loại		Cơ cấu chấp hành truyền động lò xo ở bánh sau
Hành trình cần phanh tay (Model có phanh tay trung tâm)	khắc	Chịu lực kéo khoảng 294N (30,0 kgf/ 66lb): 3 - 8

Nhiên liệu		
Dung tích bình nhớt [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		200 (52,8/44,0)

Hệ thống điện		
Loại ắc quy		☐ 65D23L, ☐ 65D26R, ☐ 80D26L, ☐ 115E41L
Máy phát	vôn/amp	☐ 24 / 60, ☐ 24 / 90

Model GVR

Động	
Model	☐ 6HK1-TCS ☐ 6HK1-TCN
Dung tích nhớt động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-2
Dung tích nước làm mát động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-2

Hộp số	
Model	☐ ES11109 ☐ ES9306A
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-6

Ly hợp	
Độ rơ của bàn đạp ly hợp mm (in)	40 - 60 (1,57 - 2,36)
Khoảng cách từ vị trí nhấn hết cỡ đến vị trí ngay trước khi cài ly hợp mm (in)	60 (2,36) hoặc hơn

Cầu trước	
Loại	F075
Cân chỉnh góc đặt bánh xe: Độ chum dương mm (in)	-1 đến 1 (-0,04 đến 0,04)
: Góc camber độ	0°30'
: Góc caster độ	2°
: Trục quay độ	7°30'
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh trước [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 10 bu lông: 0,805 × 2 (1,77 × 2)

Cầu sau	
Loại	R130
Dung tích nhớt ly vị sai bánh răng [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	17,5 inch: 14,0 (3,70/ 3,08) 18,5 inch: 18,0 (4,76/ 3,96)
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh sau [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 10 bu lông: 1,820 × 2 (4,013 × 2)

Thiết bị lái		
Độ rơ của vô lăng	mm (in)	10 - 60 (0,39 - 2,36)
Dung tích dầu trợ lực lái [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		3,0 (0,79/0,66)

Phanh chân		
Loại		Mạch kép khí nén toàn phần
Độ rơ của phanh ly hợp	mm (in)	10 - 18 (0,39 - 0,71)

Phanh tay	
Loại	Cơ cấu chấp hành truyền động lò xo ở bánh sau

Nhiên liệu	
Dung tích bình nhớt [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	370 (97,8/81,4)

Hệ thống điện		
Loại ắc quy		65D26R
Máy phát điện	vôn/ampe	24 / 60

Model FVM

Động cơ	
Model	V 6HK1-TCN V 6HK1-TCS V 6NX1-TCR
Dung tích nhớt động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-2, 9-3
Dung tích nước làm mát động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-2, 9-3

Hộp số	
Model	☐ ES11109 ☐ ES9306A
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-6

Ly hợp	
Độ rơ của bàn đạp ly hợp mm (in)	40 - 60 (1,57 - 2,36)
Khoảng cách từ vị trí nhấn hết cỡ đến vị trí ngay trước khi cài ly hợp mm (in)	60 (2,36) hoặc hơn

Cầu trước	
Loại	F075
Cân chỉnh góc đặt bánh xe: Độ chum dương mm (in)	-1 đến 1 (-0,04 đến 0,04)
: Góc camber độ	0°30'
: Góc caster độ	2°
: Trục quay độ	7°30'
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh trước [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 10 bu lông: 0,805 × 2 (1,77 × 2)

Cầu sau	
Loại	R130 + D108
Dung tích nhớt ly vi sai bánh răng [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	17,5 inch: 14,0 (3,70/3,08) 18,5 inch: 18,0 (4,76/3,96)
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh sau [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 10 bu lông: 1,820 × 2 (4,013 × 2)

Thiết bị lái		
Độ rơ của vô lăng	mm (in)	10 - 60 (0,39 - 2,36)
Dung tích dầu trợ lực lái [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		3,0 (0,79/0,66)

Phanh chân		
Loại		Mạch kép khí nén toàn phần
Độ rơ của phanh ly hợp	mm (in)	10 - 18 (0,39 - 0,71)

Phanh tay	
Loại	Cơ cấu chấp hành truyền động lò xo ở bánh

Nhiên liệu	
Dung tích bình nhớt [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	200 (52,8/44,0)

Hệ thống điện	
Loại ắc quy	☐ 65D23L, ☐ 65D26R, ☐ 80D26L, ☐ 115E41L
Máy phát	vôn/amp ☐ 24 / 60, ☐ 24 / 90

Model FVZ

Động	
Model	☒ 6HK1-TCS ☒ 6NX1-TCR
Dung tích nhớt động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-2, 9-3
Dung tích nước làm mát động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-2, 9-3

Hộp số	
Model	ES11109
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-6

Ly hợp	
Độ rơ của bàn đạp ly hợp mm (in)	40 - 60 (1,57 - 2,36)
Khoảng cách từ vị trí nhấn hết cỡ đến vị trí ngay trước khi cài ly hợp mm (in)	60 (2,36) hoặc hơn

Cầu trước	
Loại	F075
Cân chỉnh góc đặt bánh xe: Độ chum dương mm (in)	-1 đến 1 (-0,04 đến 0,04)
: Góc camber độ	0°30'
: Góc caster độ	2°
: Trục quay độ	7°30'
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh trước [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 10 bu lông: 0,805 × 2 (1,77 × 2)

Cầu sau	
Loại	☒ RT210 ☒ RT250
Dung tích nhớt ly vị sai bánh răng [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	Cầu sau phía trước: 18,0 (4,76/3,96) Cầu sau phía sau: 12,0 (3,17/2,64)
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh sau [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 10 bu lông: 1,820 × 2 (4,013 × 2)

Thiết bị lái		
Độ rơ của vô lăng	mm (in)	10 - 60 (0,39 - 2,36)
Dung tích dầu trợ lực lái [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		3,0 (0,79/0,66)

Phanh chân		
Loại		Mạch kép khí nén toàn phần
Độ rơ của phanh ly hợp	mm (in)	10 - 18 (0,39 - 0,71)

Phanh tay	
Loại	Cơ cấu chấp hành truyền động lò xo ở bánh

Nhiên liệu	
Dung tích bình nhớt [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	200 (52,8/44,0)

Hệ thống điện			
Loại ắc quy	V 65D23L,	V 65D26R,	V 80D26L
Máy phát điện	vôn/ampe	24 / 60	

Model GVZ

Động cơ	
Model	6HK1-TCS
Dung tích nhớt động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-2
Dung tích nước làm mát động cơ [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-2

Hộp số	
Model	ES11109
Dung tích nhớt hộp số [Giá trị tham chiếu]	Tham khảo trang 9-6

Ly hợp	
Độ rơ của bàn đạp ly hợp mm (in)	40 - 60 (1,57 - 2,36)
Khoảng cách từ vị trí nhấn hết cỡ đến vị trí trí ngay trước khi cài ly hợp mm (in)	60 (2,36) hoặc hơn

Cầu trước	
Loại	F075
Cân chỉnh góc đặt bánh xe: Độ chum dương mm (in)	-1 đến 1 (-0,04 đến 0,04)
: Góc camber độ	0°30'
: Góc caster độ	2°
: Trục quay độ	7°30'
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh trước [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 10 bu lông: 0,805 × 2 (1,77 × 2)

Cầu sau	
Loại	☒ RT210 ☒ RT250
Dung tích nhớt ly vi sai bánh răng [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	Cầu sau phía trước: 18,0 (4,76/3,96) Cầu sau phía sau: 12,0 (3,17/2,64)
Dung tích mỡ bạc lót moay-ơ bánh sau [Giá trị tham chiếu] kg (lb)	Bánh xe JIS có 10 bu lông: 1,820 × 2 (4,013 × 2)

Thiết bị lái		
Độ rơ của vô lăng	mm (in)	10 - 60 (0,39 - 2,36)
Dung tích dầu trợ lực lái [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)		3,0 (0,79/0,66)

Phanh chân		
Loại		Mạch kép khí nén toàn phần
Độ rơ của phanh ly hợp	mm (in)	10 - 18 (0,39 - 0,71)

Phanh tay	
Loại	Cơ cấu chấp hành truyền động lò xo ở bánh

Nhiên liệu	
Dung tích bình nhớt [Giá trị tham chiếu] lít (ga-lông Mỹ/ga-lông Anh)	200 (52,8/44,0)

Hệ thống điện		
Loại ắc quy		65D26R
Máy phát điện	vôn/ampe	24 / 60

Khác

Hướng dẫn khi lắp thiết bị phát tần số vô tuyến không chính hãng**Mục đích**

Hướng dẫn lắp đặt này đưa ra yêu cầu và khuyến nghị cho việc lắp đặt trên các xe

- thiết bị phát tần số vô tuyến (RF).
- thiết bị phụ trợ đi kèm xe.

**LƯU Ý**

- Các hướng dẫn này nhằm bổ sung thông tin, không thay thế cho các hướng dẫn chi tiết cho việc lắp đặt thuộc trách nhiệm duy nhất của nhà sản xuất điện thoại vô tuyến liên quan hoặc vô tuyến di động mặt đất.

Thông tin chung

1. Chỉ thiết bị phát sóng RF và thiết bị phụ trợ (micro, bộ chuyển đổi, bộ kích sóng, v.v.) có dấu 'CE' hoặc 'e' mới được lắp trên xe.
2. Việc lắp đặt thiết bị phát sóng RF phải được thực hiện bởi cá nhân có thẩm quyền do quốc gia cho phép. Phải tuân theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất phương tiện và thiết bị phát sóng RF và ghi chú lắp đặt.

**LƯU Ý**

- Hướng dẫn của nhà sản xuất xe được ưu tiên trong trường hợp có xung đột.
- Việc lắp đặt thiết bị phát sóng RF cho bất kỳ bộ phận nào của xe, không phải là kết nối hoặc vị trí lắp đặt được phép, có thể làm mất hiệu lực bảo hành của xe.
- Nếu phát hiện vấn đề và không thể khắc phục và nghi ngờ thiết bị phát sóng RF không đúng thông số kỹ thuật, tham vấn nhà sản xuất, đại lý hoặc nhà cung cấp thích hợp.
- Nhà sản xuất xe không chịu trách nhiệm chi phí phát sinh từ bất kỳ ảnh hưởng xấu nào của việc lắp đặt như vậy.

3. Việc lắp đặt phải tuân theo các yêu cầu pháp lý quốc gia về lắp đặt và sử dụng thiết bị phát sóng RF trên xe.
4. Phải xem xét kỹ vị trí của thiết bị phát sóng RF sao cho giảm thiểu nhiễu điện từ (EMI) và nhiễu tần số vô tuyến (RFI) giữa thiết bị phát sóng RF đang được lắp đặt và hệ thống điện và điện tử của xe.
5. Phải cẩn thận khi lập kế hoạch lắp đặt để bất kỳ thiết bị bổ sung nào được sử dụng không tạo thành mối nguy hiểm về an toàn và không trái với các quy định về an toàn.
6. Phải cẩn thận để đảm bảo bất kỳ dây dẫn micrô/thiết bị cầm tay nào không ảnh hưởng đến việc điều khiển phương tiện hoặc người lái.
7. Khi thiết bị di động hoặc vận chuyển bằng tay được lắp đặt trên các phương tiện giao thông đường bộ, phải sử dụng đúng bộ chuyển đổi trên ô tô được quy định cho sản phẩm.

Lắp đặt

Phải cẩn thận khi

- chọn ăng ten,
- ngồi trong vị trí được khuyến nghị,
- lắp chính xác,
- đảm bảo tất cả kết nối trong cáp tải ăng ten được bịt kín để ngăn bụi bẩn và nước lọt vào cáp tải và ảnh hưởng đến hiệu năng của cáp tải,
- đảm bảo kiểm tra điện tất cả kết nối trước khi lắp đặt và
- thu được số chỉ VSWR đạt yêu cầu.

Ăng ten

1. Đối với thiết bị phát sóng RF có mức nguồn đầu ra trên 100mW (đỉnh), đặc biệt khuyến nghị sử dụng ăng ten bên ngoài.
2. Ăng ten bên ngoài và cáp tải ăng ten phải có trở kháng phù hợp với $VSWR < 2,0$.
3. Ăng ten phải là loại gắn cố định trên nóc xe hoặc nắp cốp sau. Nếu sử dụng ăng ten gắn nam châm, phải chú ý lắp ăng ten ở cùng vị trí với loại gắn cố định.



LƯU Ý

- Mỗi [model xe](#) và kiểu dáng thân phản ứng với năng lượng tần số vô tuyến theo cách khác nhau. Đối với một chiếc xe lạ, bạn nên sử dụng ăng ten gắn từ tính để kiểm tra vị trí ăng ten được đề xuất xem có ảnh hưởng không mong muốn với xe không. Vị trí đặt ăng ten là một yếu tố chính trong các ảnh hưởng này.
- Vị trí tốt nhất cho ăng ten là trên mái kim loại, tốt nhất là về phía trung tâm, nhưng nếu có thể với khoảng cách $> \lambda/4$ (λ = bước sóng) từ bất kỳ khe hở nào, ví dụ cửa sổ trời hoặc cửa sổ.

4. Phải cẩn thận khi đặt ăng ten cạnh ăng ten hiện có hoặc khi lắp ăng ten có để từ tính vì điều này có thể ảnh hưởng đến độ chính xác hoặc hoạt động của la bàn trên các xe được trang bị ăng ten.

[Biểu đồ phát sóng vô tuyến và mặt phẳng]

1. Để tạo ra biểu đồ phát sóng vô tuyến đối xứng, không định hướng, cần lắp một ăng ten thẳng đứng trên mặt phẳng nằm ngang với bán kính lý tưởng là $> \lambda/4$ ở dải tần thấp nhất được sử dụng (xem Bảng 1).
2. Không được đặt ăng ten gần bất cứ cấu trúc cộng hưởng điện nào.
3. Phải cẩn thận khi đặt ăng ten gần ăng ten khác, ăng ten hiện có. Cần tách ăng ten ra bằng $> \lambda/4$ đối với tần số phát $f < 600$ MHz và $> \lambda$ đối với tần số phát $f > 600$ MHz (xem Bảng 1).

Bảng 1. Chuyển đổi tần số sang bước sóng gần đúng

Tần số f MHz	Bước sóng λ cm	$\lambda/4$ cm
50	600	150
80	375	94
150	200	50
450	66	17
600	49,5	12
900	33	8
1800	16,5	4

[Cung cấp mặt phẳng tiếp đất]

Khi thực hiện lắp ăng ten trên bề mặt phi kim loại

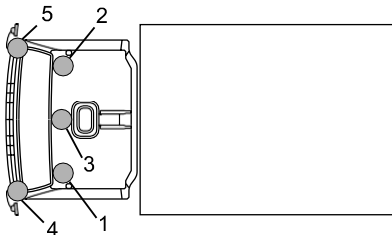
- có thể lắp ăng ten không phụ thuộc mặt phẳng tiếp đất trực tiếp vào bất kỳ bề mặt nào (sợi thủy tinh, v.v.) hoặc lên giá đỡ có thể được nhà sản xuất cung cấp,
- có thể sử dụng ăng ten tiêu chuẩn với mặt phẳng tiếp đất được lắp vào mặt dưới của bảng điều khiển, ví dụ một tấm kim loại tuân theo các kích thước trong Bảng 1.

[Vị trí ăng ten trên xe]

Lắp đặt và sử dụng thiết bị phát sóng RF có ăng ten bên ngoài xe được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Lắp đặt và sử dụng thiết bị phát sóng RF có ăng ten bên ngoài xe

Dải tần số (MHz)	Nguồn ra tối đa (W)	Vị trí ăng ten trên xe	Các điều kiện đặc biệt để lắp và/hoặc sử dụng
1. 1,8-30	50	1.2.3.4.5.	Phát thanh nghiệp dư
2. 50-54	50	1.2.3.	Phát thanh nghiệp dư
3. 142-176	50	1.2.3.	Phát thanh nghiệp dư/Phát thanh dịch vụ tổng quát
4. 380-470	50	1.2.3.	Phát thanh nghiệp dư/Phát thanh dịch vụ tổng quát
5. 870-915	5	1.2.3.	Phát thanh dịch vụ tổng quát/Điện thoại di động
6. 1200-1300	10	1.2.3.	Phát thanh nghiệp dư
7. 1710-1785	2	1.2.3.	Điện thoại di động
8. 1885-2025	1	1.2.3.	Điện thoại di động



Hình 1. Bản vẽ thể hiện các điểm lắp ăng ten trên xe

Vị trí ăng ten;

0: tất cả vị trí (ngoại thất xe)

- 1: phía trước bên trái của mũi xe
- 2: phía trước bên phải của mũi xe
- 3: trung tâm mũi xe
- 4: bên trái tấm cản
- 5: bên phải tấm cản

[Hộp ăng ten "Trên kính"]

Phải lắp ăng ten gần trên kính càng cao càng tốt ở trung tâm của cửa sổ sau hoặc kính chắn gió.



LƯU Ý

- Phải cẩn thận để đảm bảo kính trong khoảng nhiệt độ quy định khi cố định giá đỡ ăng ten để có được liên kết chắc chắn.

Cáp ăng ten

1. Sử dụng cáp đồng trục một mảnh, chất lượng cao (ít nhất 95% phạm vi che chắn) có trở kháng phù hợp với thiết bị phát sóng RF (VSWR <2,0).
2. Không cuộn dây cáp đồng trục thừa vì điều này có thể ảnh hưởng đến việc điều chỉnh ăng ten cũng như gây ra nhiễu điện.
3. Nếu có thể, phải cắt cáp ăng ten theo đúng độ dài.
4. Phải định tuyến cáp để tránh những đoạn gấp đột ngột.
5. Thiết bị điện tử nhạy cảm về an toàn (ví dụ: túi khí và hệ thống ABS), sẽ không sử dụng mạch và bộ dây để đấu dây song song.
6. Nếu cần phải bắt chéo dây khác, hãy bắt chéo theo góc vuông.
7. Nếu yêu cầu cáp tải mở rộng, phải sử dụng cáp đồng trục phù hợp và nối chính xác với các đầu nối chất lượng tốt, ít tiêu hao.

**LƯU Ý**

- Lắp đúng các đầu nối ăng ten ở mỗi đầu của cáp tải để khớp với thiết bị sử dụng đầu nối uốn hoặc hàn nếu thích hợp.

8. Nếu cáp ăng ten được cung cấp quá ngắn, bất cứ khi nào có thể, phải thay cáp bằng cáp tải phù hợp có chiều dài thích hợp.

**LƯU Ý**

- Việc kéo dài cáp tải sẽ làm tăng thêm mức suy hao, đặc biệt là ở tần số > 800 MHz.

9. Đảm bảo cáp tải không bị căng hoặc bị bóp méo, ví dụ thắt chặt dây cáp quá mức.
10. Khi thay phần trang trí xe, đảm bảo các tấm này không mắc vào cáp tải.
11. Cần chú ý thêm khi lắp giá đỡ kính vào màn hình phía sau của xe kiểu cửa sập để cho phép mở và tránh làm hỏng cáp tải.

Thiết bị phát sóng RF

[Gắn thiết bị phát sóng RF]

1. Phải chọn vị trí của thiết bị phát sóng RF cung cấp một điểm lắp đặt chắc chắn, không gây cản trở cho việc điều khiển của người lái và cung cấp hệ thống thông gió đầy đủ.
2. Không được làm tổn hại hoặc hạn chế khả năng thông gió của thiết bị phát sóng RF. Cần đặc biệt chú ý để đảm bảo thiết bị phát sóng RF không bị hư hại do nước lọt vào.
3. Dễ dàng tiếp cận thiết bị của xe trong khu vực chứa hàng, ví dụ: bằng kích bánh xe, bình cứu hỏa hoặc bánh xe dự phòng.
4. Phải dễ dàng tiếp cận các kết nối với thiết bị phát sóng RF để có thể tháo thiết bị để vận hành ở chế độ có thể vận chuyển hoặc để sửa chữa và bảo dưỡng.
5. Kết nối không cản trở hoạt động của túi khí hoặc các thiết bị an toàn khác.

**LƯU Ý**

- Cần hết sức lưu ý không gắn bất kỳ thiết bị phát sóng RF, micrô hoặc bất kỳ vật dụng nào khác trong lối sử dụng của Biện pháp hạn chế bơm hơi bổ sung hoặc "Túi khí".

[Định tuyến cáp của thiết bị phát sóng RF]

1. Nếu có thể, tất cả các dây cáp phải đi qua bên trong hoặc bên dưới phần trang trí và qua các đường gờ sao cho khả năng bảo vệ là tối đa. Nếu cần, sử dụng ống lót, bộ bảo vệ độc quyền và/hoặc dây cáp khi cần thiết.
2. Chọn một đường dẫn cho cáp, lý tưởng là ở phía đối diện của xe với đường ống nhiên liệu, không có ống phanh, dây cáp, bộ điều khiển, hệ thống dây điện trên xe và bất kỳ bộ phận nóng nào. Trong mọi trường hợp, không được gắn bất kỳ loại cáp nào vào những bộ phận đã nói ở trên.
3. Cáp phải được định tuyến để tránh
 - các cạnh sắc,
 - uốn cong liên tục,
 - bị căng hoặc căng,
 - mài mòn,
 - nhiệt độ khắc nghiệt và
 - trở thành mối nguy hiểm cho người ngồi trên xe.

Cấp nguồn cho thiết bị phát sóng RF

[Thông tin chung]

1. Phải sử dụng cáp cung cấp chuyên dụng để lắp thiết bị phát sóng RF, cáp này phải càng ngắn càng tốt để nối với các cực âm và dương của ắc quy. Không nối trực tiếp với các trụ ắc quy, sử dụng các cực ắc quy được cung cấp.

**LƯU Ý**

- Trong mọi trường hợp, không tạo các kết nối với bất kỳ nguồn cấp nào của thiết bị điều khiển điện tử. Ví dụ, tránh sử dụng nút mỗi thuốc làm nguồn điện cho thiết bị phát sóng RF.

2. Chúng tôi cũng khuyến nghị rằng trừ khi sử dụng cáp cung cấp đôi đực, xoắn hai đường dây cung cấp lại với nhau dọc theo chiều dài của chúng để giảm nhiễu xạ hoặc gây ra tiếng ồn.

**LƯU Ý**

- Cáp cung cấp từ thiết bị phát sóng RF phải tiếp cận ắc quy theo cách mà khi nối hai dây không thể vô tình đảo ngược, ví dụ: một dây ngắn hơn dây còn lại.

3. Nếu muốn điều khiển công tắt máy, dây dẫn dương của thiết bị cầm tay hoặc bộ điều khiển có thể được kết nối thông qua cầu chì trong dòng thích hợp với mạch phụ kiện có sẵn hoặc mạch đánh lửa không được cấp điện trong quá trình quay.

[Cáp cung cấp và định tuyến]

1. Phải sử dụng cáp công suất cao có điện trở thấp trên đường cáp dài để giảm thiểu điện áp rơi.
2. Cáp phải có công suất dòng cao hơn cầu chì bảo vệ và phải lắp đúng cầu chì.
3. Cáp càng ngắn càng tốt.
4. Phải đảm bảo cáp không tiếp xúc với các bộ phận chuyển động, (giảm xóc, tay lái, trục truyền động, bàn đạp điều khiển, v.v.).
5. Phải đảm bảo cáp không tiếp xúc với động cơ, hệ thống xả hoặc các bộ phận nóng khác.
6. Nếu có thể, cáp cung cấp phải chạy phải tách biệt với cáp điều khiển thiết bị giải trí trên ô tô dù các cáp có thể đi qua lỗ giống nhau trên khung và thân để dễ lắp; phải lắp các vòng cách điện phù hợp nếu khoan các lỗ bổ sung.
7. Phải đỡ cáp, tránh uốn cong mạnh và không bị căng.
8. Phải đặt cáp cách xa bobin đánh lửa, các mạch điện áp cao của hệ thống đánh lửa và bộ điều khiển điện tử và nếu có thể, hệ thống dây điện khác của xe.

[Hệ thống cung cấp điện cho xe có điện áp 24 V]

1. Không được lấy vòi 12 V từ ắc quy xe 24 V.



LƯU Ý

- Hầu hết các thiết bị phát sóng RF di động hoạt động từ nguồn 12 V. ISUZU FVR34/FVM34/FVZ34/GVR34/GVZ34/FVM60/FVZ60/FRR90/FTR90/FVR90 có 24 V vì vậy phải sử dụng bộ điều chỉnh hoặc bộ chuyển đổi phù hợp để cung cấp điện áp cung cấp danh định và dòng điện cho thiết bị phát sóng RF được thiết kế.

2. Cáp cung cấp cho bộ điều chỉnh hoặc bộ chuyển đổi phải khả thi và phải lắp các cầu chì phù hợp càng gần nguồn cấp càng tốt.



LƯU Ý

- Phải thực hiện lắp thiết bị phát sóng RF sao cho tính toàn vẹn của nguồn điện riêng biệt trên xe không bị giảm.

3. Phải lắp thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Phải lắp ở vị trí khô ráo và thông thoáng trừ mục đích bảo vệ môi trường.

A

Ổ cắm phụ kiện (24V) ☐	5-19
Bộ lọc gió	7-57
Dây đai máy nén điều hòa không khí ☐	7-179
Bộ lọc điều hòa không khí ☐	7-176
Bộ sấy ☐	7-118
Cửa gió	5-2
Đồng hồ áp suất khí nén	4-15
Bình khí	7-117
Radio AM/FM ☐	5-32
Đồng hồ tốc độ analog ☐	4-13
Ăng ten	5-31
Hệ thống chống bó phanh (ABS) ☐	4-101
Hệ thống kiểm soát lực kéo (ASR) ☐	4-105
Gạt trần ☐	5-21

B

Trước khi lái xe	2-2
Phanh	7-72

C

Khe giữ thẻ	5-22
Mang theo trẻ em	2-16
Lưu ý khi lái trong vùng và mùa lạnh	6-20
Lưu ý khi lái trong vùng và mùa nóng	6-19
Lưu ý khi đỗ xe	6-18
Đầu đĩa CD (có radio AM/FM) ☐	5-41
Hộc đựng đồ ☐	5-24
Thay lốp (Bánh xe ISO có 10 bu lông) ☐	7-104
Thay lốp (Bánh xe JIS có 6 hoặc 8 bu lông) ☐	7-95
Kiểm tra bộ phận có dấu hiệu bất thường ở lần lái xe trước	7-24
Kiểm tra bu lông trục cầu xe	7-116
Núm mỗi thuốc ☐	5-17

Ly hợp ☐	7-121
Dầu ly hợp ☐	7-118
Móc treo áo	5-26
Khay đựng tiền ☐	5-25
Công tắc điều khiển cụm đèn	4-50
Khớp nối ☐	4-117
Giá giữ ly ☐	5-26

D

Kiểm tra hàng ngày (trước khi vận hành)	7-22
Bộ lọc khí thải động cơ diesel (DPD) ☐	2-54, 4-128, 7-69
Các bộ phận bị loại bỏ, nhớt và các chất khác	7-6
Lái xe	2-18
Lái xe an toàn và tự tin	6-2
Lái xe có rơ-moóc	6-15
Phanh tang trống	7-83

E

Hệ thống phanh điện tử (EBS) ☐	4-113
Hệ thống cân bằng điện tử (ESC) ☐	4-107
Tình trạng động cơ	7-26
Nước làm mát động cơ	7-39
Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ	4-16
Nhớt động cơ	7-28
Model hộp số sàn ES11109 ☐	2-32
Công tắc phanh khí xả	4-54
Vòi phun của ống xả ☐	7-70
Ngoại thất	0-11
Đèn ngoại thất	7-168
Bảo dưỡng ngoại thất	7-184

F

Dây đai quạt	7-53
Công tắc đèn sương mù ☐	4-53
Nắp capo	7-8
Bộ lọc nhiên liệu	7-61
Đồng hồ báo mức	4-17
Bình nhiên liệu	3-10, 7-149
Tay lái điều chỉnh được hoàn toàn	3-20

G

Cần sang số	4-66
Lên và xuống xe	3-7
Ngăn đựng găng tay có nắp ☐	5-23
Ngăn đựng găng tay không có nắp ☐	5-24
Tra mở các thành phần khung	7-150

H

Xử lý ắc quy	7-170
Xử lý kích nâng xe	7-160
Xử lý kết nước và bộ làm mát khí nạp	7-52
Công tắc báo nguy	4-54
Núm điều chỉnh góc chiếu đèn đầu xe ☐	4-52
Hệ thống sưởi/điều hòa không khí/bộ làm mát thủ công ☐	5-7
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA)	4-90
Móc	5-27
Nút nhấn gọi	4-50
Cách đọc đồng hồ đo (Cách bố trí đồng hồ đo)	4-10

I

Núm điều khiển nổ cầm chừng	4-48
Kiểm tra và bảo dưỡng	7-195
Bộ điều chỉnh độ sáng của đồng hồ tap-lô ☐	4-59
Công tắc khóa vi sai trung tâm ☐	4-56
Nội thất	0-6
Đèn nội thất	5-16
Bảo dưỡng nội thất	7-188
Nhớt và dầu mỡ chính hãng của Isuzu	7-6

K

Chìa khóa	3-2
Chìa khóa có chip bộ phát đáp cố định ☐	3-3

M

Dữ liệu chính và thông số kỹ	9-2
Nhớt hộp số sàn	7-127
Cửa sổ vận hành thủ công ☐	3-9
Gương	3-21
Model có hộp số sàn ES11109 ☐	4-70
Model có Smoother ☐	4-73

O

Trên đường	6-2
Mở và đóng cửa	3-4
Mẹo vận hành Radio và đầu đĩa CD	5-28
Khác	9-22
Ngăn để đồ bên trên	5-25

P

Phanh tay	7-79
Cần phanh tay	4-63
Bộ xúc tác oxy hóa khí xả ☐ V	2-52, 4-126
Bàn đạp	4-62
Hệ thống nâng cabin điện ☐ V	7-15
Dầu trợ lực lái	7-143
Bộ lọc dầu trợ lực lái	7-147
Bộ truyền lực (PTO) V	4-121
Kính cửa sổ điện ☐ V	3-8
Các biện pháp an toàn để kiểm tra và điều chỉnh	7-4
Chuẩn bị thay lốp	7-94
Ngăn ngừa hư hỏng	2-47

R

Nhớt hộp số vì sai cầu sau	7-140
Môi chất lạnh ☐ V	7-178
Thay cầu chì và rơ-le	8-46

S

Dây an toàn	3-24
Gạt tàn tại ghế ☐ V	5-22
Túi đựng đồ sau ghế (phía người lái)	5-21
Ghế	3-12
Hộc đựng đồ cỡ nhỏ	5-22
Dầu ly hợp Smoother ☐ V	7-137
Model Smoother ☐ V	2-32
Lốp dự phòng ☐ V	7-110
Đồng hồ tốc độ	4-12
Công tắc đèn đọc sách ☐ V	4-60
Công tắc khởi động	4-46
Khởi động động cơ	4-4
Cam kết tuân thủ ECE R13 (ECE R13)	2-57
Giữ an toàn	2-42
Vô lăng	7-148
Dừng và đỗ xe	2-36
Dừng động cơ	4-7
Tấm che nắng	5-17

T

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay	4-14
Nâng cabin ☐	7-10
Đảo lốp	7-92
Hộp dụng cụ ☐ C	3-12, 7-182
Dụng cụ	7-7
Xử lý sự cố	8-2
Turbo tăng áp	2-57

U

Ổ cắm USB	5-20
Sử dụng xích lốp	6-25

V

Thu thập dữ liệu xe	2-57
Số nhận dạng xe (VIN) và số động cơ	1-2

Quạt thông gió	☐ V	5-4
----------------	----------------------------	-----

W

Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo	4-21
Cách bố trí đèn cảnh báo và đèn chỉ báo	4-18
Còi cảnh báo	4-42
Nhãn cảnh báo/chú ý trên xe	0-17
Chỉ mục đèn cảnh báo/chỉ báo	0-14
Nắp đai ốc bánh xe (ISO có 10 bu lông)	☐ V 7-115
Nắp đai ốc bánh xe (Bánh xe JIS có 8 bu lông)	☐ V 7-113
Bánh xe và lốp xe	7-87
Trường hợp lái trên đường xấu	8-67
Trường hợp cầu chì cháy chậm cháy	8-66
Trường hợp ắc quy hết điện	8-11
Trường hợp phanh không hoạt động	8-10
Trường hợp bóng đèn không sáng	8-29
Trường hợp động cơ quá nhiệt	8-23
Trường hợp động cơ ngừng hoạt động và không thể khởi động lại	8-9
Trường hợp động cơ dừng trong lúc lái	8-8
Trường hợp hết nhiên liệu	8-14
Trường hợp đồng hồ đo có giá trị bất thường	8-26
Trường hợp không nhả được phanh tay	☐ V 8-27
Trường hợp bị thủng lốp	8-7
Trường hợp xe bị hỏng trong lúc đang lái	8-6
Trường hợp đèn cảnh báo sáng	8-18
Trường hợp cần mang xe đến Đại lý	2-49
Khi kéo xe	8-68
Nước rửa kính chắn gió	7-164
Công tắt cần gạt mưa và rửa kính chắn gió	4-57
Lưỡi gạt mưa trên kính chắn gió	7-165

MEMO

MEMO

MEMO

MEMO

MEMO

MEMO